Ngày soạn: 30/08/2023

Ngày dạy: Lớp:

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP TỔNG HỢP KIẾN THỨC LỚP 7

Thời lượng: 12 tiết

Tiết 1,2,3,4: BÀI 1: Kỹ năng viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Tình cảm trong bài văn phải chân thực, trong sáng.
- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.
- Kết hợp với miêu tả và tự sự nhằm hỗ trợ cho việc biểu lộ cảm xúc.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự chủ và tự học...

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- KHBD, STK,…

2. Chuẩn bị của HS: STK, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.ÔN KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: nhắc lại các yêu cầu của dạng bài

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	**I/Nhắc lại các yêu cầu chung về kiểu bài**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: + Các em hãy phát biểu những yêu cầu cơ bản và dàn ý của bài văn biểu cảm về một con người hoặc một sự việc - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, hỗ trợ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày cá nhân - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**1. Yêu cầu về dạng bài** - Tình cảm trong bài văn phải chân thực, trong sáng. - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc. - Kết hợp với miêu tả và tự sự nhằm hỗ trợ cho việc biểu lộ cảm xúc. - Bố cục bài viết cần đảm bảo: +MB: Giới thiệu đối tượng biểu cảm. +TB: biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ cụ thể một cách sâu sắc về đối tượng: ++ Đối với bài văn biểu cảm về con người, người viết cần biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ về đặc điểm, tính cách, kỉ niệm gắn với người đó. ++ Đối với bài văn biểu cảm về sự việc, người viết có thể biểu lộ cảm xúc theo trình tự diễn tiến của sự việc. +KB: Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc về đối tượng; rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân. **2. Dàn ý chung của một bài văn biểu cảm về con người, sự việc**

	Mở bài: - Nêu được sự việc, con người và biểu lộ cảm xúc của người viết về sự việc, con người *Thân bài*: -Luận điểm 1: +Miêu tả/kể lại kỉ niệm đáng nhớ, ấn tượng về con người, sự việc:……. +Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ nhất:…… +Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó, ……. -Luận điểm 2: +Miêu tả/kể lại kỉ niệm đáng nhớ, ấn tượng về con người, sự việc:……. +Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ hai:…… +Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó, ……. -Luận điểm 3:…….. *Kết bài*: - Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc dành cho sự việc, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân.

2.LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d.Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *+ Thực hành các bước cho đề văn: Viết một bài văn trình*	**II/ LUYỆN TẬP** **Đề bài:** ***Viết một bài văn trình bày cảm xúc đối với một sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc hoặc với một người mà em yêu quý.*** **Bước 1: Chuẩn bị**

bày cảm xúc đối với một sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc hoặc với một người mà em yêu quý. *+ Từ dàn ý đó viết thành bài văn hoàn chỉnh.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS trao đổi hoàn thiện bài tập - GV quan sát, hỗ trợ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày sản phẩm cá nhân - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Xác định đề tài: + Đọc và xác định yêu cầu của bài tập về kiểu bài, nội dung và dung lượng bài viết: *bài văn trình bày cảm xúc đối với một sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc* + Xác định sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc phù hợp với yêu cầu đề bài: .)có thể là ngày khai giảng .)có thể là lễ đón giao thừa quê em .)có thể là một lầm lỗi của bản thân .)có thể là một kỉ niệm đáng nhớ với người thân yêu .) lần bản thân đạt được thành tích đáng nhớ .) Người mà em yêu quý có thể là người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em,...), bạn bè, thầy cô,...của em. - Thu thập tài liệu: + Đối với sự việc: Cần tìm những thông tin từ tài liệu hoặc thực tế: quan sát thực tế của em về sự việc, nghe người khác kể về sự việc. Em có thể đọc thêm tư liệu về sự việc trong các sách báo, trang mạng uy tín. Khi đọc tư liệu, ghi lại những thông tin gợi cho em ấn tượng, sâu sắc về sự việc. + Đối với người mà em yêu quý: Quan sát thực tế của em về nhân vật (chi tiết miêu tả), kỉ niệm em từng trải qua với nhân vật hoặc nghe người khác kể chuyện về nhân vật (chi tiết tự sự) **2.Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý** - Tìm ý: HS điền vào phiếu ý tưởng:

Ý tưởng của tôi về bài viết trình bày cảm xúc đối với sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc
- Ghi những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tình cảm của mình về con người sự việc em muốn viết? lí do em có những tình cảm, cảm xúc đó? - Những kỉ niệm nào trong sự việc khiến em ấn tượng sâu sắc? Khung cảnh diễn ra sự việc? Chú ý các yếu tố gợi ra các giác quan?

Ý tưởng của tôi về bài viết trình bày cảm xúc đối với người mà em yêu quý - Ghi những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tình cảm của mình về người mà em muốn viết? lí do em có những tình cảm, cảm xúc đó? - Xác định một số yếu tố miêu tả, tự sự để làm rõ các tình cảm, cảm xúc của em bằng cách đặt câu hỏi: nhân vật có điểm gì đặc biệt (về hình dáng, hành động, cuộc đời,...) đã khơi gợi cảm xúc trong em? Nhân vật và em đã có kỉ niệm gì sâu sắc?	- *Lập dàn ý bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của một bài văn (Theo dàn ý chung* **3. Bước 3: Viết** Dựa vào dàn ý, viết một bài văn hoàn chỉnh. - Lần lượt viết mở bài, thân bài, kết bài. Đối với thân bài, em cần đảm bảo kết hợp yếu tố miêu tả và tự sự để việc bộc lộ cảm xúc được tự nhiên, giúp người đọc hiểu vì sao em có cảm xúc đó. - Để cảm xúc được bộc lộ một cách chân thật, sâu sắc em có thể sử dụng các từ ngữ miêu tả các trạng thái hạnh phúc như *hạnh phúc, bâng khuâng, gắn bó, hạnh phúc, biết ơn,...;* các từ ngữ bộc lộ cảm xúc trực tiếp như *ôi chao, trời ơi, xiết bao*,…; sử dụng những hình ảnh so sánh, ẩn dụ, liên tưởng để giúp bài văn thêm gợi cảm, dễ dàng truyền tải được cảm xúc. - Để đảm bảo các yếu tố miêu tả, tự sự gắn với mục đích bày tỏ tình cảm, cảm xúc, không bị lạc sang văn miêu tả hay kể chuyện, khi viết, em hãy tự trả lời câu hỏi: *Yếu tố miêu tả, tự sự này nhằm thể hiện cảm xúc nào? Cảm xúc muốn bày tỏ đã được thể hiện trọn vẹn qua các yếu tố miêu tả, tự sự hay chưa?* **Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm** ***Xem lại và chỉnh sửa** - Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa đoạn văn dựa vào bảng kiểm. - Tiếp tục chỉnh sửa nếu bài văn chưa thể hiện đầy đủ các

	yêu cầu đối với bài văn trình bày cảm xúc đối với một sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc. - Chỉnh sửa lỗi chính tả, ngữ pháp.

GV yêu cầu HS đọc bài của mình và đối chiếu với bảng kiểm để đánh giá bài làm của mình

BẢNG KIỂM VỀ HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG CỦA BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI, SỰ VIỆC

Phương diện	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu được sự việc, nhân vật mà mình muốn biểu lộ cảm xúc (tên nhân vật, mối quan hệ giữa người viết với nhân vật,...)		
	Giới thiệu được cảm xúc sâu sắc của mình dành cho nhân vật, sự việc		
Thân đoạn	Biểu lộ được tình cảm, cảm xúc sâu sắc, chân thành của mình dành cho nhân vật, sự việc.		
	Sử dụng kết hợp các chi tiết miêu tả khi bộc lộ cảm xúc.		
	Sử dụng kết hợp các chi tiết tự sự khi bộc lộ cảm xúc.		
Kết đoạn	Khẳng định được tình cảm, cảm xúc dành cho nhân vật.		
	Rút ra được điều đáng nhớ với bản thân		

III. Bài viết tham khảo

Bài tham khảo 1: Cảm nghĩ về ngày đi nhận giải thưởng cuộc thi viết "Em yêu môi trường".

Mở bài:

-Nêu được sự việc: cảm nhận về ngày đi nhận giải thưởng của cuộc thi viết "Em yêu môi trường".

-Bộc lộ cảm xúc chung: đây là kỉ niệm đáng nhớ, sâu sắc đối với bản thân.

Thân bài:

- Luận điểm 1: Khi nhận được thông tin đạt giải

+ Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ nhất: ngạc nhiên, xúc động.

+ Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó: Đây là cuộc thi lớn, tất cả các ngành nghề, lứa tuổi đều tham gia thi nên khả năng đạt giải không cao => Vượt qua hàng nghìn bài viết tham gia, bài viết của tôi đạt giải, đặc biệt còn là giải nhì.

- Luận điểm 2: Tối hôm trước và trên đường đi nhận giải.

+ Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ hai: Hồi hộp, lo lắng xen lẫn háo hức.

+ Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó: Lần đầu tiên về thủ đô Hà Nội; lần đầu tiên nhận giải thưởng lớn; gặp thầy, cô, bạn bè, các cô, chú nhiều tỉnh thành khác nhau, được gặp nhiều thầy, cô trong Bộ Giáo dục,…

- Luận điểm 3: Khi đến nơi tham dự lễ trao giải

+ Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ ba: vẫn tiếp tục là cảm xúc ngỡ ngàng, choáng ngợp, vinh dự, tự hào.

+ Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó: Ngỡ ngàng vì khi bước vào là khung cảnh hoành tráng với khán đài, hàng ghế trang trọng, quy mô lớn; nhiều nhà báo, phóng viên tham dự; sân khấu với ánh đèn, phông chữ lung linh, trải thảm đỏ, nhiều tiết mục văn nghệ, người dẫn chương trình chuyên nghiệp, được Thứ trưởng bộ giáo dục và đào tạo trao giải thưởng

-Luận điểm 4: Đại diện lên phát biểu tại lễ trao giải

+ Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ tư: xúc động, nghẹn ngào, hãnh diện.

+ Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó: Đại diện số đông các thí sinh đến nhận giải phát biểu cảm tưởng, có cơ hội nói lên lời cảm ơn đối với thầy, cô, người thân và bạn bè; phát biểu cảm tưởng về cuộc thi và lời hứa hẹn về một sự cố gắng trong tương lai.

Kết bài:

- Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc dành cho sự việc, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân

Bài tham khảo 2: Trình bày cảm xúc về một lỗi lầm của bản thân

Mở bài:

-Nêu được lỗi lầm: Chơi ném bóng trong nhà, vô tình làm vỡ bình hoa của mẹ.

-Bộc lộ cảm xúc chung: đây là kỉ niệm đáng nhớ, sâu sắc đối với bản thân.

Thân bài:

- Luận điểm 1: Khi mẹ đang dọn dẹp ngoài vườn, em chơi ném bóng trong nhà và vô tình làm vỡ lọ hoa của mẹ

+ Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ nhất: Bối rối, lo lắng, sợ hãi

+ Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó: Mẹ rất yêu quý chiếc bình hoa đó; hàng ngày mẹ lau dọn, chăm chút cho bình hoa và chọn những bông hoa thật đẹp để cắm vào đó; đồng

thời mẹ là người rất nghiêm khắc, mẹ đã nhiều lần dặn em không được chơi ném bóng trong nhà nhưng em đã không nghe lời. Em lo lắng không biết phải làm sao khi mẹ phát hiện ra.

- Luận điểm 2: Khi mẹ vào nhà và phát hiện ra chiếc bình bị vỡ.

+ Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ hai: buồn, xúc động, ân hận, day dứt

+ Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó:

++ Mẹ không mắng mà còn hỏi em có bị mảnh vỡ đâm vào tay, chân không rồi mẹ lặng lẽ đi dọn mảnh vỡ, trong lúc dọn thỉnh thoảng mẹ dơ mảnh vỡ lên ngắm nhìn, khuôn mặt thoáng chút buồn => Xúc động vì lòng vị tha, bao dung của mẹ.

++ Dọn xong mẹ gọi tôi ngồi ra ghế, kể cho tôi nghe về chiếc bình hoa, hóa ra chiếc bình hoa đó là do một người bạn của mẹ - một người thợ gốm nổi tiếng làm ra và tặng mẹ, tiếc là giờ người bạn đó không còn nữa. Vì vậy, chiếc bình hoa đó không chỉ là chiếc bình hoa đơn thuần mà còn là kỉ vật cho tình bạn đáng quý ấy => tôi cảm thấy day dứt, ân hận.

++ Sau đó, mẹ dặn dò tôi lần sau cần cẩn thận hơn khi chơi trong nhà và nghe lời mẹ dặn.

Kết bài:

- Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc dành cho sự việc, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân: Tôi hứa với mẹ và tự hứa với lòng mình sẽ nghe lời mẹ và không làm mẹ buồn nữa, đồng thời biết trân quý về tình bạn.

Bài tham khảo 3: Trình bày cảm xúc về người thân mà em yêu quý

Mở bài:

- Giới thiệu nhân vật muốn biểu lộ cảm xúc: mẹ em.

- Cảm xúc sâu sắc dành cho nhân vật: yêu quý, kính trọng, biết ơn, tự hào về mẹ.

Thân bài:

-Luận điểm 1: Hình dáng của mẹ

+ Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ nhất: yêu quý, thân thương, ấn tượng

+ Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó: Mẹ em năm nay đã bước sang tuổi bốn mươi, ở độ tuổi trung niên mẹ có một vẻ đẹp đằm thắm, dịu dàng với bao nét đáng yêu. Em yêu dáng hình mảnh mai của mẹ, yêu mái tóc dài được uốn kiểu, khuôn mặt trái xoan, với làn da trắng hồng dù đã đước sang tuổi trung niên. Ấn tượng sâu đậm nhất không chỉ em- một người con khi nghĩ về mẹ mà còn là ấn tượng chung của mọi người khi đã gặp đó là ấn tượng về đôi mắt đen lóng lánh nổi bật trên khuôn mặt trái xoan ấy, là khuôn miệng với đôi môi luôn nở nụ cười.

Nhớ đến mẹ, em nhớ mãi nụ cười: với em nụ cười của mẹ thật đẹp ẩn chứa trong đó bao tình cảm yêu thương ấm áp. Đó là nụ cười vui, thương yêu, hạnh phúc, tự hào khi con ngoan ngoãn, vâng lời, chăm ngoan học giỏi. Có khi đó là nụ cười khích lệ, động viên chan chứa tin yêu khi mỗi khi em tiến bộ, làm được việc tốt… Và đó còn là nụ cười an ủi, động

viên khi em buồn, chưa đạt được kết quả như mong muốn… Nếu thiếu đi nụ cười ấy của mẹ đó là mẹ đang buồn vì chúng em....

- Luận điểm 2: Nghề nghiệp của mẹ

+ Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ hai: sung sướng, tự hào

+ Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó: mẹ là một cô giáo mẹ đã dành hết những yêu thương cho gia đình, cho học trò. Đằng sau cái vẻ bề ngoài nghiêm khắc là cả một tấm lòng bao dung, chan chứa yêu thương. Chị em em cũng như học trò của mẹ đều được mẹ yêu thương, bao dung. Khi mắc lỗi chúng em đều bị mẹ phê bình, nhắc nhở rồi mẹ lại nhẹ nhàng khuyên bảo chỉ cho cái đúng, cái sai. Tôi nhớ năm tôi học lớp 6, tôi đã nghe lời một người bạn trốn học ra quán điện tử chơi. Sau đó, mẹ phát hiện ra nhưng mẹ không hề đánh mắng tôi mà mẹ chỉ giành những lời nói nhẹ nhàng để tôi nhận ra cái sai của mình và hứa sẽ không bao giờ vi phạm nữa. Điều đó khiến tôi càng cảm phục mẹ hơn.

-Luận điểm 3: Vai trò của mẹ trong gia đình

+ Tình cảm, cảm xúc thứ ba: Biết ơn, trân trọng, cảm phục mẹ.

+ Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó: Trong cuộc sống thường nhật hàng ngày mẹ thật đảm đang, chu đáo. Bố thường xuyên công tác xa nhà, mình mẹ đã lo toan việc nhà chu đáo, chăm sóc ông bà tuổi đã cao, đối xử với bà con hàng xóm, anh em họ mạc mẹ đều chu tất. Tối đến mẹ lại ngồi cạnh chúng em nhắc chúng em học bài sau mẹ mới bắt đầu công việc của mình cho đến khuya. Đằng sau cái vóc dáng mảnh mai của mẹ là một ý chí nghị lực phi thường. Dù bận bịu việc nhà, việc trường nhưng mẹ luôn hoàn thành thật tốt, trở thành tấm gương được mọi người yêu mến ngợi ca.

Kết bài:

- Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc dành cho nhân vật, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân.

Bài tham khảo 4: Trình bày cảm xúc về thầy (cô) giáo mà em yêu quý

Mở bài:

- Giới thiệu nhân vật muốn biểu lộ cảm xúc: thầy giáo dạy môn Ngữ văn, chủ nhiệm lớp 7 của em (giới thiệu cụ thể tên, tuổi, công việc của thầy)

- Cảm xúc sâu sắc dành cho nhân vật: yêu quý, kính trọng, biết ơn.

Thân bài:

-Luận điểm 1: Ngoại hình của thầy

+ Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ nhất: yêu quý, thân thương, đáng nhớ

+ Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó: Dáng người gầy guộc, nước da ngăm ngăm nhưng nụ cười rất có duyên in đậm trong kí ức. Thầy lúc nào cũng có vẻ bề ngoài chỉn chu, nghiêm

túc với áo sơ mi trắng, quần âu, sơ vin quen thuộc. Đặc biệt giọng nói của thầy để lại ấn tượng sâu đậm trong tâm trí mỗi đứa học trò: giọng nói chắc nịch mà trầm ấm khi giảng những bài văn hay, giọng hài hước, dí dỏm khi vui đùa cùng học trò giờ giải lao, giọng nghiêm khắc khi chúng tôi mắc lỗi,...

Luận điểm 2: Tính cách, tâm hồn của thầy

+ Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ hai: yêu mến, cảm phục, vinh dự, tự hào

+ Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó:

++ Mỗi bài giảng của thầy thật đặc biệt: Thầy vừa truyền đạt kiến thức trong sách vở vừa có cách tích hợp độc đáo để chúng em nắm được thật nhiều bài học hữu ích trong cuộc sống => Chúng em luôn nói với nhau thầy là cuốn từ điển không có điểm dừng vì chúng em hỏi gì thầy cũng sẵn sàng trả lời và trả lời hay nữa => em thật sự khâm phục thầy.

++ Thầy luôn nghiêm nghị khi giảng bài hoặc làm các công việc chuyên môn khác nhưng cũng rất vui tính trong các giờ ra chơi; thầy nghiêm khắc khi chúng em mắc lỗi nhưng cũng rất bao dung, vị tha khi chúng em biết lỗi và sửa lỗi của mình, thầy thấu hiểu hoàn cảnh của các bạn trong lớp, luôn chia sẻ với các bạn có hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn => Một người thầy rất tâm lý.

++ Thầy hát rất hay, tham gia nhiều cuộc thi trong các phong trào của nhà trường, huyện, tỉnh và được nhận nhiều giấy khen => Em rất tự hào

- Luận điểm 3: Kể lại kỉ niệm gắn bó với thầy

+ Tình cảm, cảm xúc thứ ba: xấu hổ, lo lắng, biết ơn, trân trọng thầy hơn

+ Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó: Em đi học muộn và nói dối thầy là bị hỏng xe. Thầy không những không mắng mà còn hỏi xe em đâu để thầy xem, thầy sửa cho để khi tan học em có xe về nhà. Đầu tiên vì lo thầy mắng nên em đã nói dối, sau lời nói của thầy em cảm thấy xấu hổ, em nhận lỗi với thầy và hứa sẽ không vi phạm nữa

=>Thầy đúng là người thầy đáng kính.

Kết bài:

- Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc dành cho nhân vật, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân.

==========

TIẾT 5,6,7,8: BÀI 2: Kỹ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống

I.MỤC TIÊU

a. Kiến thức

- Làm tốt bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống

b. Năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

c. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.ÔN KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: nhắc lại các yêu cầu của dạng bài

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: + Các em hãy phát biểu những yêu cầu cơ bản và dàn ý của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, hỗ trợ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày cá nhân	**I/Nhắc lại các yêu cầu chung về kiểu bài** **1. Khái niệm** - Nghị luận về một vấn đề trong đời sống: Là trình bày ý kiến của mình (tán thành hay phản đối) về vấn đề nào đó trong đời sống bằng cách đưa ra lí lẽ rõ ràng, kết hợp với bằng chứng đa dạng để thuyết phục người đọc, người nghe. **2.Việc làm cần chuẩn bị để viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống** - Xác định vấn đề cần bàn luận - Thu thập tư liệu liên quan (tư liệu thực

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	tế, chuyện đã nghe, đã đọc, chuyện đã chứng kiến hay trải nghiệm của bản thân...) - Giải thích vấn đề và làm sáng tỏ ý kiến bằng việc nêu ra lí lẽ và bằng chứng. **3. Dàn ý chung** **a. Mở bài:** Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần bàn luận. **b. Thân bài** - Giải thích vấn đề cần bàn luận. Nêu các biểu hiện của vấn đề. - Làm sáng tỏ vấn đề bằng cách đưa ra các lí lẽ và bằng chứng: + Ý 1: Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng) + Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng) + Ý 3: Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng) … **c. Kết bài** Khẳng định tính đúng đắn của vấn đề cần bàn luận.

2.LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d.Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ:	**II/ LUYỆN TẬP** Đề bài 1: **Có ý kiến cho rằng: *"Sống trải nghiệm là lối sống rất cần thiết cho giới trẻ hôm nay".***

+ Thực hành các bước cho đề văn: Có ý kiến cho rằng: *"Sống trải nghiệm là lối sống rất cần thiết cho giới trẻ hôm nay"*. Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên. *+ Từ dàn ý viết thành bài văn hoàn chỉnh.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS trao đổi hoàn thiện bài tập - GV quan sát, hỗ trợ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày sản phẩm cá nhân - GV gọi hs nhận xét, bổ sung bài làm của bạn. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên.** **Dàn ý** **1. Mở bài:** - Nêu vấn đề cần bàn luận: Giới trẻ với lối sống trải nghiệm. - Ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó: Tầm quan trọng, sự cần thiết của lối sống trải nghiệm đối với giới trẻ. **2. Thân bài:** **** Giải thích:*** Trải nghiệm là tự mình trải qua để có được hiểu biết, kinh nghiệm, tích lũy được nhiều kiến thức và vốn sống. ****Bàn luận:*** - Khẳng định vai trò, tác dụng của sự trải nghiệm trong cuộc sống, nhất là với giới trẻ như: + Giúp mở rộng, nâng cao sự hiểu biết, kinh nghiệm, có cách nghĩ, cách sống tích cực, biết yêu thương, quan tâm chia sẻ.... + Trải nghiệm giúp bản thân khám phá ra chính mình để có quyết định đúng đắn, sáng suốt...; + Giúp con người sáng tạo, biết cách vượt qua khó khăn, có bản lĩnh, nghị lực.... - Đưa ra một số dẫn chứng thực tế, những câu chuyện nhỏ trong cuộc sống hay văn học để làm sáng tỏ. - Mở rộng, phản đề: Chỉ ra những tác hại của lối sống thụ động, ỷ lại, nhàm chán, vô ích, đắm chìm trong thế giới ảo (game), các tệ nạn...Đó là những trải nghiệm xấu, tiêu cực vô ích,… **** Rút ra bài học cho bản thân:*** + Không ngại dấn thân để có được cơ hội trải nghiệm. + Hãy tự mình làm chủ cuộc sống của mình, không phụ thuộc vào người khác để trưởng thành

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *+ Thực hành các bước cho đề văn:* Viết bài văn nghị luận bàn luận về ý kiến: *Thói quen trì hoãn, nên hay không nên?* *+ Từ dàn ý viết thành bài văn hoàn chỉnh.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS trao đổi hoàn thiện bài tập - GV quan sát, hỗ trợ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày sản phẩm cá nhân - GV gọi hs nhận xét, bổ sung bài làm của bạn. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	hơn mỗi ngày. **3. Kết bài:** Khẳng định ý kiến mình tán thành và sự cần thiết của vấn đề mình tán thành: Trải nghiệm có vai trò to lớn, cần thiết mang đến cho mỗi người lối sống tích cực, có trải nghiệm thì bản thân mới trưởng thành, sống đẹp... **Đề bài 2: Viết bài văn nghị luận bàn luận về ý kiến: *Thói quen trì hoãn, nên hay không nên?*** **Dàn ý** **1. Mở bài** Dẫn dắt và nêu vấn đề cần bàn luận (tác hại của thói quen trì hoãn). Ví dụ: Cuộc sống là một chuỗi những hành trình, để thực hiện những mục tiêu, dự định con người cần lên kế hoạch và thực hiện tốt những công việc. Thời gian để hiện thực hóa mục tiêu của mỗi người lại không giống nhau, có người thực hiện một cách nhanh chóng trong một khoảng thời gian xác định, cũng có người phải mất khoảng thời gian rất dài mới có thể thực hiện được. Có sự khác nhau này không chỉ do định hướng, cách thức thực hiện của con người mà còn bị chi phối bởi thói quen trì hoãn công việc. **2. Thân bài** **** Giải thích:*** - Trì hoãn trong công việc: là chần chừ, lề mề, rề rà, chưa muốn bắt tay vào làm ngay một công việc nào đó hoặc có tâm lí chờ và để một thời gian mới làm và giải quyết. - Thói quen trì hoãn công việc lại là thói quen được lặp đi lặp lại nhiều lần ở con người. ***Thực trạng:** Đây là thói quen xấu mà rất nhiều

	người mắc phải, tuỳ theo mức độ nặng nhẹ. ***Bàn luận: Tác hại của thói quen trì hoãn trong công việc** - Với cá nhân: + Thói quen trì hoãn và viện cớ sẽ khiến chúng ta giậm chân tại chỗ, không nỗ lực bắt tay vào hành động, do đó không đạt được những gì mình mong ước. Trì hoãn công việc ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và kết quả của công việc, trì hoãn khiến ta không hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn + Trì hoãn khiến cho con người bỏ lỡ những cơ hội, những điều kiện tốt để phát triển và khẳng định giá trị của bản thân. + Thói quen trì hoãn công việc còn làm nảy sinh tính bê trễ, thiếu kỉ luật, trách nhiệm với bản thân cũng như với công việc được giao, từ đó hình thành tâm lí ỷ lại, lười biếng. - Với tập thể, xã hội: + Thói quen trì hoãn công việc sẽ khiến cho công việc của tập thể chậm tiến độ, khó hoàn thành mục tiêu đã đặt ra đúng hạn. + Thói quen xấu này là lực cản, làm tụt lùi sự phát triển của xã hội. **** Bài học nhận thức và hành động:*** + Tuổi trẻ cần học tập, tu dưỡng, rèn luyện kĩ năng, tiếp thu lĩnh hội kiến thức mới mẻ để không trì hoãn công việc mỗi khi thấy khó. + Nỗ lực học hỏi, sáng tạo, giải quyết nhanh công việc, không để tồn đọng công việc sẽ gây ảnh hưởng đến người khác. **3. Kết bài** - Khái quát, khẳng định lại tác hại tiêu cực của thói quen trì hoãn công việc. - Rút ra bài học cho bản thân cần sống có trách nhiệm, tự giác hoàn thành công việc đúng thời hạn,

	sống có kỉ luật.

TIẾT 9,19,11,12:

BÀI 3: Kỹ năng viết bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS có kĩ năng viết bài thành thạo

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự chủ và tự học...

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- KHBD, các đề luyện tập

2. Chuẩn bị của HS: tinh thần sẵn sàng làm bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.ÔN KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: nhắc lại các yêu cầu của dạng bài

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ:	**I/Nhắc lại các yêu cầu chung về kiểu bài** **1. Khái niệm.** Phân tích đặc điểm nhân vật là giới thiệu,

+ Các em hãy phát biểu những yêu cầu cơ bản và dàn ý của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, hỗ trợ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày cá nhân - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	miêu tả và nêu lên nhận xét về những nét tiêu biểu của một nhân vật như: lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, suy nghĩ, hành động, việc làm... của nhân vật. **2. Yêu cầu phân tích đặc điểm nhân vật.** - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học. - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm. - Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn. - Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật. **3.Tìm ý và lập dàn ý** **a. Tìm ý:** Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi Đặc điểm nhân vật được khắc họa ở phương diện nào? Qua các phương diện thấy nhân vật là người như thế nào? Nhân vật để lại trong em ấn tượng, tình cảm, suy nghĩ gì? **b. Lập dàn ý** *** Mở bài:** Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật. *** Thân bài:** Phân tích đặc điểm của nhân vật. Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài: - Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm. - Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn - Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân

	vật. *** Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật... **4. Viết bài:** Dựa trên dàn ý đã lập **5. Kiểm tra và chỉnh sửa** Kiểm tra bài văn đoạn văn đã viết Phát hiện lỗi về nội dung (thiếu ý, trùng lặp ý), lỗi về hình thức (chính tả, ngữ pháp, liên kết câu. Xác định những chỗ mắc lỗi và nêu cách sửa.

2.LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d.Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: + *Thực hành các bước cho đề văn:* Phân tích nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích "Dế Mèn bênh vực kẻ yếu" (Trích " Dế Mèn phiêu lưu kí") của Tô Hoài? + *Từ dàn ý đó viết thành bài văn hoàn chỉnh.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS trao đổi hoàn thiện bài tập	**II/ LUYỆN TẬP** **Đề bài 1: Phân tích nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích "Dế Mèn bênh vực kẻ yếu" (Trích " Dế Mèn phiêu lưu kí") của Tô Hoài?** *Một hôm, qua một vùng cỏ nước xanh dài, chợt nghe tiếng khóc tỉ tê. Tôi lắng tai, đoán ra tiếng khóc quanh quẩn đâu đây. Vài bước nữa, tôi gặp chị Nhà Trò ngồi gục đầu bên tảng đá cuội.Chị Nhà Trò bé nhỏ lại gầy gùa, yếu đuối quá, người bự những phấn, như mới lột. Chị mặc áo thâm dài, đôi chỗ chấm điểm vàng, hai cánh cô nàng mỏng như cánh bướm non, lại ngắn chùn chùn. Hình như cánh yếu quá, chưa quen mở, mà cho dù có khoẻ cũng chẳng bay được xa. Các chị Nhà Trò vốn họ bướm, cả đời chỉ biết vởn vơ quanh quẩn trong bờ bụi mà thôi. Nhà Trò đương khóc.* *Nghe như có điều gì oan trái chi đây, tôi bèn hỏi:* *- Làm sao mà khóc đường khóc chợ thế kia em?* *Chị ngẩng đầu lên, nước mắt đầm đìa rồi cúi chào, lễ*

- GV quan sát, hỗ trợ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày sản phẩm cá nhân - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	*phép - các cô Nhà Trò bao giờ cũng lịch sự và mềm mại.* *- Em chào anh, mời anh ngồi chơi* *Tôi nói ngay:* *- Có gì mà ngồi! Làm sao khóc nào?* *Thế là chị ta bù lu bù loa:* *- Anh ơi! Anh ơi! Hu...hu...Anh cứu em... Hu...hu* *- Đứa nào? Đứa nào bắt nạt em?* *- Thưa anh, bọn Nhện. Anh cứu... Hu...hu...* *Tôi sốt ruột:* *- Nhện nào? Sao lại cứ khóc thế? Kể rõ đầu đuôi mới biết làm sao mà cứu được chứ!* *Nhà Trò kể:* *- Năm trước, phải khi trời làm đói kém, mẹ em phải vay lương ăn của Nhện. Sau đấy, không may mẹ em mất đi, còn lại thui thủi có mình em. Mà em ốm yếu, kiếm bữa cũng chẳng đủ, làm ăn chả ra thế nào, bao năm nghèo túng vẫn hoàn nghèo túng, món nợ cũ chưa trả được. Nhện cứ nhất định bắt trả nợ. Mấy bận Nhện đã đánh em. Hôm nay bọn Nhện chăng tơ ngang đường đe bắt em, vặt chân, vặn cánh ăn thịt em.* *Tôi xoè hai càng ra, bảo Nhà Trò:* *- Em đừng sợ. Hãy trở về cùng với tôi đây. Đứa độc ác không thể cậy khoẻ ăn hiếp kẻ yếu. Đời này không phải như thế.* *Tôi dắt Nhà Trò đi. Một quãng, tới chỗ mai phục của bọn Nhện.* *Bọn nhện đã công phu chăng bên đường nọ sang bên kia, chằng chịt biết bao nhiêu tơ nhện, trùng trùng điệp điệp, một chú Muỗi Mắt nhỏ nhất loài muỗi cũng không chui lọt. Lại thêm, sừng sững giữa lối đi, một anh Nhện canh gác. ý hễ thấy bóng Nhà Trò là làm hiệu cho lũ Nhện nấp hai bên đường kéo ra. Khi tôi gần tới mạng lưới, nhìn vào các khe đá xung quanh đã thấy lủng củng những nhện là nhện: Nhện mẹ, Nhện con, Nhện già, Nhện trẻ, Nhện nước, Nhện tường, Nhện võng, Nhện cây, Nhện đá, Nhện ma...đủ họ nhà Nhện. Chúng đứng im như đá, mà coi vẻ hung dữ.* *Tôi cất tiếng hỏi lớn:* *- Ai đứng chóp bu bọn mày? Ra đây cho tao nói chuyện.* *Từ trong hốc đá, một mụ nhện cái to nhất, cong chân nhảy ra, hai bên có hai Nhện vách nhảy kèm. Dáng đây là vị chúa trùm nhà Nhện. Nom cũng đanh đá, nặc nô lắm. Vậy thì đầu tiên, tôi hãy ra cái oai của tôi. Tôi quay phắt lưng, phóng càng đạp mạnh vào đầu mụ Nhện cái một đạp. Mụ nọ hoảng hốt, co dúm lại hãi ngay. Rồi thế là mụ cứ rập*

đầu xuống đất như cái chày giã gạo, tỏ ý hối hận và sợ hãi một điều gì đó - điều gì đó có lẽ mụ ta cũng chưa biết.

Tôi thét:

- Cớ sao dám kéo bè kéo cánh ra bắt nạt em Nhà Trò yếu ớt thế kia? Chúng mày có của ăn của để, đứa nào cũng béo múp mông đít cả lượt như thế kia mà tính đòi nó một tí tẹo nợ đã mấy đời rồi là không được. Ta cấm từ giờ không được đòi nợ Nhà Trò nữa. Nó bé bỏng, làm chưa đủ nuôi thân, phải thương nó, xuý xoá công nợ cho nó. ở đời, thù hằn, độc ác làm gì. Thử trông đấy, bay bắt nạt nó, nhưng còn có ta khoẻ hơn, ta mới thử gió mấy cái đá hậu, mà xem ra chúng mày đã thấy đáng nghĩ lắm rồi phải không?

Bọn Nhện núp phía trong cũng dạ vang và lao xao nói "nghe rồi ạ" rồi rít khe đá. Tôi ra lệnh:

- Phá các vòng vây đi. Đốt hết văn tự đi.

Lũ Nhện nghe ngay lời tôi, cả họ nhanh nhẹn chạy ngang chạy dọc, phá các dây tơ chăng lưới. Con đường về tổ Nhà Trò trên cành lá mua có một chiếc hoa tím phút chốc đã qung hẳn. Rồi vô số Nhện nhấp nhô, tung tăng đến, chân nắm chân ả Nhà Trò mà nhảy múa, hát ầm ĩ rất vui.

Họ nhà Nhện còn định mở tiệc thết tôi. Được cái họ nhà Nhện thì lúc nào cũng khéo trữ lắm thức ăn ngon. Nhưng tôi từ chối, nói rằng phải vội đi. Hẹn dịp khác sẽ qua chơi.

Tôi từ giã bọn Nhện và Nhà Trò. Chị Nhà Trò ôm vai tôi cảm động, không nỡ ly biệt, cứ theo tiễn một quãng đường dài. Còn tôi, trong lòng hoan hỉ vì đã làm được việc đầu tiên có ích cho đời.

*(*Trích *Dế Mèn phiêu lưu ký* - Tô Hoài*)*

Dàn ý

a) Mở bài

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và đặc điểm của Dế Mèn trong đoạn trích: "Dế Mèn phiêu lưu ký" là truyện thiếu nhi đặc sắc nhất của nhà văn Tô Hoài. Đây là câu chuyện đầy thú vị, hấp dẫn về hành trình phiêu lưu của chú Dế Mèn qua nhiều vùng đất và thế giới của các loài vật khác, nhằm thể hiện khát vọng tươi đẹp của tuổi trẻ.

- Khái quát ấn tượng về nhân vật Dế Mèn: Đoạn trích "Dế Mèn bênh vực kẻ yếu" là đoạn trích khắc họa vẻ đẹp của nhân vật Dế Mèn với hành động nghĩa hiệp đã giúp đỡ chị Nhà Trò thoát khỏi sự ức hiếp của mụ Nhện xấu xa.

	b) Thân bài: **** Giới thiệu tác giả , tác phẩm:*** Tô Hoài là nhà văn có vốn sống phong phú, năng lực quan sát và miêu tả tinh tế, lối văn giàu hình ảnh, nhịp điệu, ngôn ngữ chân thực, gần gũi với đời sống. Ông có sở trường viết truyện về loài vật. Tô Hoài có những tìm tòi, khám phá trong sáng tạo nghệ thuật đó là một trong những yếu tố làm nên sức hấp dẫn, sức sống và ý nghĩa lâu bền ở tác phẩm của ông. "Dế Mèn phiêu lưu kí" là tác phẩm đặc sắc và nổi tiếng nhất của nhà văn Tô Hoài viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi (truyện đồng thoại). Trong truyện, Dế Mèn là nhân vật chính đã trải qua những cuộc phiêu lưu lí thú, đầy mạo hiểm. Sự trải nghiệm cuộc đời của Dế Mèn, những bài học mà Dế Mèn rút ra qua bao nhiêu hiểm nguy sóng gió chính là hành trang để Mèn bước vào đời và trở thành một chàng Dế cao thượng, trượng nghĩa. Chính vì thế, có thể nói rằng cuộc đời của Dế Mèn là một bài học lớn - đi một ngày đàng, học một sàng khôn **** Đặc điểm nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích* "Dế Mèn bênh vực kẻ yếu" *:*** - Khái quát về nhân vật Dế Mèn: là một chàng dế khỏe mạnh, cường tráng sớm thích tự lập nên đã một mình tự đi ngao du khắp nơi, chơi đùa với cây cỏ, thưởng ngoạn phong cảnh đẹp trên khắp đất nước, tìm những người bạn mới. Điều đặc biệt là tích lũy được những kinh nghiệm để cho mình trưởng thành hơn. Là một chú dế khỏe mạnh, có chút kiêu ngạo, dế Mèn luôn tự tin vào sức mạnh của bản thân mình, chú cũng là một chàng dế hành hiệp chính nghĩa, trên đường đi thường xuyên giúp đỡ những người gặp khó khăn. Thấy những việc chướng tai gai mắt thì không hề khoanh tay đứng xem mà luôn can thiệp, trừng trị kẻ ác, đòi công bằng lại cho người bị hại. - Đặc điểm của nhân vật Dế Mèn ở đoạn trích: Đoạn trích "Dế Mèn bênh vực kẻ yếu" đã thể hiện sinh động một chàng dế giàu tình yêu thương và luôn quan tâm người khác. Chú Dế Mèn được nói đến thật đáng khâm phục. + Bối cảnh của đoạn trích: Hôm nay đến một vùng đất hoàn toàn mới, Dế Mèn nhìn trước ngó sau đầy vẻ thích thú, bởi cảnh vật ở đây vô cùng đẹp, đẹp hơn bất kì nơi nào mà Dế Mèn ta từng đến, từng đi qua, gặp những con vật dễ thương, thân thiện,

	+ Thái độ của Dế Mèn vui vẻ, thân thiện: đến đâu Dế Mèn cũng chủ động bắt chuyện, làm thân nên mới vừa đi một đoạn thì Dế Mèn đã biết hết tên mọi người. Đang huýt sáo bước đi đầy vui vẻ thì bỗng nghe thấy tiếng khóc đầy thê lương, nhìn qua mới thấy chị Nhà Trò đang ngồi khóc nức nở bên tảng đá. + Lời hỏi han, động viên của Dế Mèn với chị Nhà Trò: + + bảo chị Nhà Trò: "Em đừng sợ!". + + Vốn đầy tính chính nghĩa, Dế Mèn lại gần hỏi chuyện mới biết vì năm ngoái chị Nhà Trò và mẹ đến vay lương thực của bà Nhện, mà mẹ của chị ta vừa mới mất. Không có tiền để trả cho mụ Nhện nên chị Nhà Trò bị chúng bắt, đánh đập tàn nhẫn, hơn nữa còn bày trận phục kích trên đường về nhà của chị Nhà Trò khiến chị có nhà mà không thể về. + Hành động nghĩa hiệp: Dế Mèn "xòe hai cẳng ra" biểu thị một sức mạnh sẵn sàng bênh vực kẻ yếu. Chú đã đưa chị Nhà Trò đến thẳng sào huyệt lũ nhện. Tiếng nói của chú cất lên nghe thật oai vệ, ngang tàng: "Ai đứng chóp bu bọn này? Ra đây ta nói chuyện". Dế Mèn đã "quay phắt lưng phóng càng đạp phanh phách" làm cho mụ nhện cái và bè lũ bạt vía kinh hồn "co dúm lại rồi cúi rập đầu xuống đất như cái chày giã gạo". Dế Mèn đã bênh vực kẻ yếu, bắt lũ nhện "xóa hết công nợ", "đốt hết văn tự nợ đi!", và phải "phá các vòng vây". Bọn nhện "sợ hãi cùng dạ ran". Dưới ngòi bút Tô Hoài, Dế Mèn được miêu tả qua một số cử chỉ, hành động và ngôn ngữ đầy ấn tượng, xứng đáng là một hiệp sĩ ra tay "phò nguy cứu đời". + Dế Mèn vô cùng tức giận khi nghe câu chuyện của chị Nhà Trò, khuyên chị Nhà Trò bình tĩnh, sau đó cùng chị Nhà Trò đến nơi mụ Nhện phục kích để dạy cho mụ ta một bài học. Đến nơi, Dế Mèn đã bay lại, dùng đôi càng chắc khỏe của mình tấn công mụ nhện khiến mụ ta sợ hãi mà ngã lăn ra đất. Dế Mèn đã lên tiếng giáo huấn sự đê hèn của mụ Nhện, chị Nhà Trò đã vô cùng đáng thương mà vẫn cố tình ăn hiếp, chà đạp. Hành động ấy của Mèn được chị Nhà Trò cảm kích và biết ơn vô cùng. + Dế Mèn lên tiếng bệnh vực những kẻ yếu thế như chị Nhà Trò khiến Mụ nhện sợ hãi hứa với Dế Mèn sẽ không làm hại Nhà Trò nữa, nhà Trò trở về nhà an toàn, không còn sợ hãi sự tấn công của mụ Nhện nữa. Hài lòng với

	thành quả mình đạt được, Dế Mèn nhanh chóng tiếp tục cuộc ngao du của mình với tâm trạng đầy phấn chấn, vui vẻ vì vừa mới làm được thêm một việc tốt. *** Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn:** - Hình ảnh Dế Mèn được nhà văn Tô Hoài xây dựng thành công qua những hình thức nghệ thuật đặc sắc. Nghệ thuật nhân hóa tài tình, với óc tưởng tượng phong phú, những hình ảnh so sánh độc đáo, giàu chất tạo hình. - Ngôn từ đa dạng với hệ thống động từ, tính từ phong phú, sinh động cùng - Lời kể dung dị, tự nhiên, như lời ăn tiếng nói hàng ngày. - Miêu tả loài vật rất đặc sắc của nhà văn Tô Hoài.Thế giới loài vật được nói đến là chị Nhà Trò, chú Dế Mèn và lũ nhện. Mỗi nhân vật được nói đến đều có nét riêng về ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, tính cách và lối ứng xử riêng, có mối quan hệ sống còn trong một xã hội thu nhỏ lại. Nghệ thuật tả loài vật của Tô Hoài thật đặc sắc, độc đáo và mẫu mực. *** Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.** Tô Hoài không chỉ cho ta thấy chân dung của một cậu chàng dế thanh niên khỏe mạnh cường tráng, tự tin mà còn để lại ấn tượng cho người đọc về một chàng dế trượng nghĩa "Giữa đường dẫu thấy bất bình mà tha" và những bài học sâu sắc trong cuộc sống: "Đứa độc ác không thể cậy khỏe ăn hiếp kẻ yếu", sống ở đời phải biết khiêm nhường, luôn quan tâm giúp đỡ những người xung quanh, biết trân trọng tình bạn, giúp đỡ bạn bè bằng tấm lòng chân thành, yêu thương mọi người thật lòng. Luôn có tấm lòng hào hiệp, sẵn sàng làm việc nghĩa: bênh vực kẻ yếu đuối, đạp đổ những áp bức, bất công trong cuộc sống. **c) Kết bài:** Dế Mèn trong "Dế Mèn bênh vực kẻ yếu" (Trích "Dế Mèn phiêu lưu kí "của Tô Hoài đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc. Dưới ngòi bút tài hoa của Tô Hoài, chân dung Dế Mèn hiện lên vô cùng đẹp đẽ, sống động, rất đáng yêu, đáng mến. "Dế Mèn bênh vực kẻ yếu" là một

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *+ Thực hành các bước cho đề văn:* Phân tích đặc điểm nhân vật Lucky trong đoạn trích " Tập bay" (Trích "Con mèo dạy hải âu bay") của nhà văn Lu –I Xe-pun – ve – da? *+ Từ dàn ý đó viết thành bài văn hoàn chỉnh.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS trao đổi hoàn thiện bài tập - GV quan sát, hỗ trợ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày sản phẩm cá nhân - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	trang văn chan chứa tình nhân đạo. Chuyện loài vật mà cũng là chuyện người. Câu chuyên kể giàu kịch tính. Hình ảnh Dế Mèn mãi đẹp trong tuổi thơ của mỗi chúng ta! **Đề bài 2:** **Phân tích đặc điểm nhân vật Lucky trong đoạn trích " Tập bay" (Trích "Con mèo dạy hải âu bay") của nhà văn Lu –I Xe-pun – ve – da?** *"Lucky, kẻ luôn ngỏng cổ theo dõi những câu chuyện của con mèo viễn dương với sự tập trung cao độ, đã nghe chuyện đó với đôi mắt mở to:* *"Bác nói là hải âu có thể bay trong bão tố ạ?" nó hỏi.* *"Sao lại không, hải âu là loài chim cứng cỏi nhất trong vũ trụ,"* *Bốn Biển cam đoan với nó.* *"Không một loài chim nào rành rẽ chuyện bay bằng hải âu."* *Câu chuyện của con mèo viễn dương đã tác động mãnh liệt tới trái tim Lucky. Hai chân nó dộng trên nền nhà còn cái mỏ thì đập vào nhau lách cách đầy căng thẳng.* *"Vậy thì, thưa quý cô Lucky, cô có nghĩ rằng mình muốn bay hay không?" Zorba hỏi. Lucky nhìn bọn mèo, từng con một, rồi nó đáp: "Vâng vui lòng dạy con bay"* *Bọn mèo ngoao lên sung sướng và ngay lập tức bắt chân vào nhiệm vụ. Chúng mong đợi giây phút này đã lâu rồi. Với bản tính kiên nhẫn của loài mèo, chúng chờ cho con hải âu tự nói lên mong ước được bay lượn, bởi có một châm ngôn truyền đời đã dạy chúng rằng bay lượn là một quyết định hoàn toàn cá nhân. Sung sướng nhất là Einstein, kẻ lúc này đã thuộc nằm lòng tất cả những vấn đề cơ bản của bay lượn trong tập mười hai, vần L của bộ từ điển bách khoa, và vì thế đã gánh vác trách nhiệm chỉ đạo quá trình tập bay.* *"Sẵn sàng cất cánh!" Einstein thông báo."Sẵn sàng cất cánh!"* *Lucky nhắc lại."Bắt đầu chạy vào đường băng bằng cách đẩy hai trụ đỡ A và B về phía sau."* *Lucky bắt đầu di chuyển về phía trước, nhưng thật chậm,*

	như nó đang lăn trên những bánh xe hoen rỉ. "Tăng tốc," Einstein thúc giục. Con hải âu lạch bạch sải chân nhanh hơn một chút."Rồi, mở hai vị trí C và D." Lucky dang rộng cánh vào lao về phía trước."Rồi! Nâng điểm E!" Einstein ra lệnh. Lucky dựng lông đuôi lên. *"Còn bây giờ, nâng lên hạ xuống hai vị trí C và D để đẩy không khí ra phía sau, đồng thời nhấc điểm A và B khỏi mặt đất!"* *Lucky đập đập đôi cánh, co chân, nhấc thân hình lên khỏi mặt đất vài phân, rồi ngay lập tức rơi uỵch xuống như một cục chì. Mấy con mèo nhảy vọt khỏi giá sách và chạy vù tới chỗ nó. Chúng thấy nó nước mắt lưng tròng.* *"Con thật là đồ kém cỏi! Con thật là đồ kém cỏi!" nó khóc lóc nức nở, không sao dỗ dành được. "Không kẻ nào có thể bay được ngay trong lần đầu tiên tập cả, con sẽ học dần. Ta hứa đấy," Zorba meo khe khẽ, liếm đầu nó. Einstein tiếp tục nghiên cứu để tìm ra điểm sai sót, nó đọc đi đọc lại phần nói về máy bay của ngài Leonardo Da Vinci."* **Dàn ý:** **a) Mở bài** - Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và khái quát được đặc điểm của lucky trong đoạn trích. **b) Thân bài:** ** Lucky là chú chim luôn biết nuôi dưỡng ước mơ, quết tâm thực hiện ước mơ, khao khát của mình.* - Lucky bày tỏ khao khát được bay: + Xuyên suốt câu chuyện "Con mèo dạy hải âu bay" đầy lôi cuốn là tình yêu thương, chăm sóc, sự tận tâm của con mèo mun mập ú dành cho con hải âu non từ khi nó vẫn còn trong quả trứng trắng lốm đốm xanh. Tình yêu ấy bắt nguồn từ lời hứa cho qua chuyện và rồi lớn dần, lớn dần, đến mức phá vỡ rào cản về giống loài. Cảm ơn tình yêu bao la đó của mèo mẹ mà Lúc ky đã không phụ lòng mong mỏi của mèo mẹ Zorba, đã tự nói lên mong ước được bay lượn, nó đã tự mình bày tỏ mong muốn được bay "Vâng, vui lòng dạy con tập bay". Tự bên trong sâu thẳm Lucky là một chon hải âu, dù muốn hay không nó vẫn là chim – Chim thì phải bay.

	+ Nếu bạn muốn ai đó làm điều gì bằng tất cả sức lực, tinh thần, hãy kiên nhẫn và để họ tự nói lên điều đó. Lũ mèo rõ ràng là rất muốn con hải âu biết bay, không chỉ bởi mỗi ngày có biết bao nguy hiểm rình rập hay vì tình yêu dành cho con hải âu, cũng không vì mong muốn thực hiện lời hứa. Lý do đơn giản nhưng là lẽ tự nhiên của tạo hóa: chim hải âu thì phải bay! Nhờ mèo mẹ và các bạn của khơi gợi, gợi hình ảnh bầy hải âu tự do trên bầu trời, khơi gợi về niềm tự hào về nòi giống chim trong sâu thẳm trái tim Lucky – hải âu là "loài chim cứng cỏi nhất trong vũ trụ" – Dòng máu chim hải âu luôn chảy trong huyết quản của Lucky, nên như một lẽ tự nhiên, Lucky đã chấp thuận học bay. Mẹ mèo Zorba dịu dàng: "Vậy thì, thưa quý cô Lucky, cô có nghĩ rằng mình muốn bay hay không?" câu hỏi đầy yêu thương và quyết đoán ấy đã đánh động vào trái tim và khao khát được tung cánh trên bầu trời của Lucky. + Lucky thấu hiểu được tấm chân tình, tình yêu thương vô bờ bến của mèo mẹ Zorba nên nó không muốn làm mẹ mèo buồn. Dẫu lúc đầu nó có phân vân và không muốn học bay song với những lời lẽ dịu dàng, ấm áp đầy tình yêu thương của mèo mẹ, Lucky đã mở lòng mình, đã tự tin và quyết tâm học bay. + Bằng tình yêu thương, sự kiên trì. nhẫn nại, mèo mẹ Zorba đã tạo cho Lucky động lực để vươn tới. Và rồi "từ chỗ không biết gì, con bé đã thấu hiểu được điều quan trọng nhất. Đó là chỉ những kẻ thực sự dám thì mới có thể bay". - Lucky thực hiện sứ mệnh của mình trong sự cổ vũ của mèo mẹ và các bác mèo. + Lúc đầu Lucky không tự tin, thất bại ngay từ lần đầu tiên thực hiện nên nó nước mắt lưng tròng."Con thật là đồ kém cỏi! Con thật là đồ kém cỏi!" ... + Nhưng nhờ sự động viên khéo léo của mèo mẹ."Không kẻ nào có thể bay được ngay trong lần đầu tiên tập cả, con sẽ học dần. Ta hứa đấy," và cử chỉ dịu dàng "Zorba meo khe khẽ, liếm đầu nó" đã khiến nó tự tin hơn, có động lực để vươn tới. + Bên cạnh **tình yêu thương, sự tin tưởng,** đó còn là sự **kiên trì theo đuổi ước mơ.** Trong đoạn trích truyện, nhà văn đã cho chúng ta thấy rằng: Chỉ những kẻ thực sự có

	ước mơ, và dám nỗ lực hành động mới có được thứ mình mong muốn. Cũng như Lucky cô yêu mẹ "cô biết một ngày cô sẽ phải rời xa mẹ cô và Zorba cũng biết vậy, nó biết rằng nó sẽ rơi nước mắt nhưng nó vẫn khuyên Lucky học bay bởi hải âu bé nhỏ thực sự muốn bay. Lucky thực sự hạnh phúc vì có mẹ tin tưởng, và Lucky đã mạnh dạn ước mơ và nỗ lực hết mình để thực hiện ước mơ được bay của mình! Hơn ai hết, Lucky hiểu rất rõ rằng "Ước mơ sẽ chỉ thành hiện thực khi bản thân có lòng tin vào chính mình, nỗ lực hành động vượt qua mọi khó khăn, trở ngại khi đó thành quả nhận được sẽ vô cùng ngọt ngào". Lucky đã làm được điều đó bằng lòng quả cảm của mình. *** Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Lucky được xây dựng bằng những hình thức nghệ thuật đặc sắc:** - Với giọng văn hóm hỉnh và trong sáng, những lời thoại rất đáng yêu, tập trung miêu tả hành động để làm nổi bật tính cách nhân vật, Luis Sepúlved đã khéo léo dẫn dắt người đọc vào thế giới của các loài vật trên bến cảng - Thế giới vui tươi trong trẻo của trẻ thơ. Lối viết giản dị, gần gũi, không cầu kì đẽo gọt trong từng câu chữ nhưng người đọc vẫn bị cuốn theo diễn biến lúc nhẹ nhàng, lúc gấp gáp, lúc đầy kịch tính theo các bước tập bay của hải âu con. - Mạch truyện giản đơn, dễ hiểu và đáng yêu. Rất phù hợp với mọi độ tuổi, những tình huống gây cười cho trẻ em hay những bài học thấm thía cho người lớn.Thế giới trong trẻo đầy ắp những khao khát hiện ra, không chỉ trước mắt trẻ nhỏ mà còn của cả người lớn. Bởi thế "Con mèo dạy hải âu bay" luôn hấp dẫn bạn đọc trên toàn thế giới. *** Đánh giá hái quát:** Câu chuyện "Con mèo dạy hải âu bay" nói chung và đoạn trích "Học bay" nói riêng đã gửi đến bạn đọc thông điệp sâu sắc: + Đó là lòng quả cảm: Dù thế giới ngoài kia có biết bao nguy hiểm rình rập đe doạ hay những nỗi sợ thất bại, thì chúng ta hãy can đảm bay lên vì trong cuộc đời "sẽ có rất nhiều lý do để hạnh phúc". Can đảm khám phá cuộc sống

	đầy rẫy thử thách bên ngoài để cuối cùng nghiệm ra một điều quý giá "Chỉ những kẻ thực sự dám thì mới có thể bay"… **c) Kết bài:** Khẳng định một lần nữa về Lucky giá trị của đoạn trích và câu chuyện: Đọc "Chuyện con mèo dạy hải âu bay" và đoạn trích " học bay" người đọc càng thêm mến yêu Lucky – một con hải âu đáng yêu, cứng cỏi và rất dũng cảm, và sẽ có cảm giác muốn bay lên không trung, bay lên vùng trời tự do để đón ánh mặt trời ấm áp vì không có điều gì là không thể nếu ta có yêu thương, lòng nhiệt thành và trái tim quả cảm

==========

Tuần

BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN

Tiết 125,126: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG

TÁC PHẨM KHÔNG BAO GIỜ CŨ DÀNH CHO THIẾU NHI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức Biết cách đọc hiểu một văn bản thông tin

– Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách ; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản; phân tích được thông tin cơ bản và vai trò của các chỉ tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản.

- Mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản thông tin
- Vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, ham học
- Trách nhiệm: Có ý thức chia sẻ giá trị của các sản phẩm tinh thần trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 125

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:



*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Chia sẻ những hiểu biết đã có của các em về cuốn sách.

*** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe
- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

*** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân
- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Dự kiến sản phẩm:

+ Kể về người anh hùng Trần Quốc Toản

+ Lấy bối cảnh cuộc chiến chống quân Mông- Nguyên lần thứ hai

*** Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:** Tác phẩm **"LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG"** là một thiên truyện giáo dục nhân cách nâng cao hiểu biết của các bạn về lịch sử nước nhà góp phần bồi đắp tình yêu nước cho các em. Vậy lí do nào khiến cho thiên truyện có sức ảnh hưởng đến như vậy. Thông qua bài học này chúng ta sẽ nhận được câu trả lời

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung về tri thức ngữ văn b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chứchoạt động:	**I. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm *** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** - GV yêu cầu HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn SGK tr….. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 : TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN** PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 VĂN BẢN THÔNG TIN GIỚI THIỆU CUỐN SÁCH HOẶC MỘT BỘ PHIM Mục đích | Cách thức trình bày | Vai trò của các phương tiện phi ngôn ngữ ..... *** Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh đọc Tri thức ngữ văn SGK . - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. *** Báo cáo kết quả:** - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). *** Đánh giá nhận xét:** - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. **Dự kiến sản phẩm:**	**1. Mục đích** Trình bày cho người đọc biết <u>các thông tin cơ bản, nổi bật về nội dung, hình thức, giá trị…</u>của cuốn sách hoặc bộ phim. **2. Cách thức trình bày** - Từ thông tin <u>khái quát</u> về tác giả, tác phẩm đến thông tin <u>cụ thể</u> về nội dung, hình thức của cuốn sách, bộ phim; -Từ thông tin <u>khách quan</u> về cuốn sách, bộ phim đến ý kiến <u>chủ quan</u> của người giới thiệu về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của cuốn sách, bộ phim đó **3. Vai trò của các phương tiện phi ngôn ngữ** <u>Để tăng hiệu quả của việc cung cấp thông tin</u>, người viết có thể sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, sơ đồ… trong bài giới thiệu

Nội dung 2: TÌM HIỂU VĂN BẢN

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chứchoạt động:	**II. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**
- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo	1. Xuất xứ: Theo

<table>
<tr>
<td>
- Kĩ thuật/ Phương pháp: Dự án
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:
Đọc theo trình tự: đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> diễn cảm .
Chú ý các thẻ chỉ dẫn: theo dõi, chú ý, suy luận bám sát đặc trưng của văn bản
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: TÌM HIỂU CHUNG
<table>
<tr><td colspan="2">Văn bản:</td></tr>
<tr><td>Xuất xứ</td><td></td></tr>
<tr><td>Kiểu văn bản</td><td></td></tr>
<tr><td>Bố cục</td><td></td></tr>
</table>
* Thực hiện nhiệm vụ:
- Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.
- HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.
- GV quan sát, hỗ trợ HS.
* Báo cáo kết quả:
- HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).
* Đánh giá nhận xét:
- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.
- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.
Tìm hiểu chú thích
</td>
<td>
sachhaynendoc.net, 23-05-2019.

2. Kiểu văn bản: Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.

3. Bố cục:

Phần 1: Thông tin cơ bản về tác phẩm

Phần 2: Giới thiệu nội dung tác phẩm

Phần 3: Giới thiệu giá trị, nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm
</td>
</tr>
<tr><td colspan="2">II. TÌM HIỂU VĂN BẢN</td></tr>
<tr>
<td>
a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu mục đích viết văn bản
b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi
c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
d) Tổ chứchoạt động:
</td>
<td>1. Mục đích viết văn bản</td>
</tr>
<tr>
<td>
.- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:
- GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Mục đích viết văn bản
Văn bản “Lá cờ thêu sáu chữ vàng" - tác phẩm| không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi được viết nhằm mục đích gì?

* Thực hiện nhiệm vụ:
- Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.
</td>
<td>
- Mục đích: Trình bày cho người đọc hiểu biết một số thông tin cơ bản, nội dung nổi bật và ý nghĩa của văn bản Lá cờ thêu sáu chữ vàng.
</td>
</tr>
</table>

- HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. *** Báo cáo kết quả:** - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). *** Đánh giá nhận xét:** - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. GV: Dựa vào tên trang web là nguồn văn bản (sachhaynendoc.net), còn có thể xác định mục đích của văn bản là thông qua việc giới thiệu đó, khích lệ mọi người, đặc biệt là trẻ em, hãy tìm đọc cuốn sách.	
Ngày soạn: Ngày giảng: **Tiết 126** a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu thông tin cơ bản về tác phẩm b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chứchoạt động:	**2. Thông tin cơ bản về tác phẩm**
.- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo *** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin. P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Thông tin cơ bản về tác phẩm** **Hãy chỉ ra các thông tin cơ bản trong tác phẩm?** *** Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. *** Báo cáo kết quả:** - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). *** Đánh giá nhận xét:** - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết	- Giới thiệu khái quát về tác phẩm - Giới thiệu nội dung tác phẩm - Giới thiệu giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm

quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.	
a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu cách trình bày thông tin cơ bản về tác phẩm b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chứchoạt động:	**3. Cách trình bày thông tin**
.- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo *** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin. P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Cách trình bày thông tin cơ bản về tác phẩm** **Câu 1.** Hãy vẽ sơ đồ tư duy để thể hiện ý chính và thông tin cụ thể làm rõ cho ý chính đó của mỗi phần trong văn bản. **Câu 2.** Những nội dung nào trong sơ đồ tư duy em vừa thực hiện là thông tin khách quan về tác phẩm "Lá cờ thêu sáu chữ vàng", những nội dung nào là ý kiến chủ quan của người giới thiệu hoặc người đọc về tác phẩm? **Câu 3.** Theo em, có thể đảo trật tự trình bày nội dung của các phần trong văn bản được không? Vì sao? *** Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. *** Báo cáo kết quả:** - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). *** Đánh giá nhận xét:** - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.	- Khái quát thông tin tác giả, tác phẩm - Về nội dung, nghệ thuật
a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chứchoạt động:	**4. Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ**

.- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo *** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin. Hình ảnh bìa sách trong bài viết thể hiện chi tiết nào trong văn bản? Theo em, vì sao người giới thiệu lại chọn hình ảnh này? *** Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. *** Báo cáo kết quả:** - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). *** Đánh giá nhận xét:** - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.	- Hình ảnh bìa sách giới thiệu nội dung Trần Quốc Toản được đánh giặc ngoại xâm. => Đây là chi tiết tiêu biểu, đặc sắc trong văn bản; hình ảnh này được lựa chọn làm trang bìa sách, khơi gợi nhu cầu tìm đọc của độc giả,...
HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy nêu khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản?	**III. Tổng kết** **1. Nghệ thuật:** - Bài viết cung cấp những thông tin cơ bản về tác phẩm Lá cờ thêu sáu chữ vàng. - Bài viết giúp người đọc có cái nhìn tổng quan về tác phẩm và gợi nên sự tò mò, thích thú trong họ. **2. Nội dung:** - Cách trình bày thông tin giúp người đọc cÓ được những kiến thức mang tính hệ thống. - Phương tiện phi ngôn ngữ giúp bạn đọc có cái nhìn trực quan, sinh động. **3. Cách đọc văn bản thông tin (giới thiệu một cuốn**

	sách) Bước 1: Đọc kĩ văn bản Bước 2: Xác định - Mục đích viết - Thông tin cơ bản - Cách trình bày thông tin - Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint
- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
***Chuyển giao nhiệm vụ:** ? Phân biệt văn bản giới thiệu một cuốn sách với văn bản nghị luận về một cuốn sách? **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** **- Hs thực hiện nhiệm vụ:** *** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** - Gv quan sát, lắng nghe. - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời. *** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** - Hs trình bày sản phẩm cá nhân ***Gợi ý :** + Văn bản giới thiệu tập trung vào việc cung cấp thông tin khách quan hoặc chủ quan về cuốn sách. Trong đó, thông tin khách quan về cuốn sách là chủ yếu. Thông tin chủ quan là ý kiến của người giới thiệu hoặc người đọc uy tín khác mà người giới thiệu lựa chọn trích dẫn. + Văn bản nghị luận tập trung vào việc thể hiện ý kiến, quan điểm của người viết về cuốn sách (thông tin chủ quan) và lập luận để bảo vệ ý kiến, thuyết phục người đọc, người nghe về quan điểm của người	? Phân biệt văn bản giới thiệu một cuốn sách với văn bản nghị luận về một cuốn sách?

viết.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint
- Kĩ thuật/ Phương pháp:

*** Giao nhiệm vụ học tập:**

- Tìm đọc tham khảo các bài viết giới thiệu tác phẩm **"LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG"** " của các tác giả khác. Em rút ra nhận xét gì?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

*** Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Chuẩn bị bài sau: Bộ phim Người cha và con gái

Tuần

Tiết 127,128: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:BỘ PHIM NGƯỜI CHA VÀ CON GÁI

(Theo vtc.cn, 30-09-2017)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Biết cách đọc hiểu một văn bản thông tin

– Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một một bộ phim; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản; phân tích được thông tin cơ bản và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản.

- Mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản thông tin
- Vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin giới thiệu một bộ phim.

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, ham học
- Trách nhiệm: Có ý thức chia sẻ giá trị của các sản phẩm tinh thần trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 127

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hãy kể tên một số bộ phim về tình cảm gia đình mà em đã xem và chia sẻ ấn tượng của em về một trong những bộ phim đó.

*** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe
- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

*** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân
- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Dự kiến :

- Ngôi nhà nhỏ trên thảo nguyên
- Về nhà đi con
- Little Women (Những người phụ nữ nhỏ bé)

Chia sẻ: Tên bộ phim

Ai là người đạo diễn?

Em có ấn tượng điều gì nhất về bộ phim? (nội dung, thông điệp, diễn xuất của diễn viên..)

*** Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:** Chủ đề gia đình xưa nay luôn là chủ đề quen thuộc trong các sáng tác, các tác phẩm nghệ thuật. Ngày hôm nay cô trò chúng ta cùng đi tìm hiểu một bộ phim vói về chủ đề này BỘ PHIM NGƯỜI CHA VÀ CON GÁI- là một trong những bộ phim hoạt hình đặc sắc với thời lượng chỉ 8 phút nhưng vô cùng ý nghĩa nằm trong chủ đề tình phụ tử của đạo diễn Hà Lan Mai- cơn Đu- đốc- đơ Guýt, bộ phim Người cha và con gái không nói về yêu thương trong niềm vui, hạnh phúc, nhưng vẫn là một bộ phim ngắn đẹp đẽ, cảm động và day dứt, khiến người xem nhớ mãi.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản	**I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**

<table>
<tr><td>b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi
c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
d) Tổ chứchoạt động:</td><td></td></tr>
<tr><td>- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo
- Kĩ thuật/ Phương pháp: Động não
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:
Đọc theo trình tự: đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> diễn cảm .
Chú ý các thẻ chỉ dẫn: theo dõi, chú ý, suy luận bám sát đặc trưng của văn bản
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: TÌM HIỂU CHUNG
<table>
<tr><td colspan="2">Văn bản:</td></tr>
<tr><td>Xuất xứ</td><td></td></tr>
<tr><td>Kiểu văn bản</td><td></td></tr>
<tr><td>Bố cục</td><td></td></tr>
</table>
* Thực hiện nhiệm vụ:
- Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.
- HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.
- GV quan sát, hỗ trợ HS.
* Báo cáo kết quả:
- HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).
* Đánh giá nhận xét:
- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.
- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.</td><td>1. Xuất xứ: - Theo vtc.vn, 30/09/2017
2. Kiểu văn bản: Văn bản thông tin giới thiệu một bộ phim
3. Bố cục:
Phần 1: Người cha và con gái...về tình cha con: Thông tin cơ bản về bộ phim
Phần 2: Phim bắt đầu.. ... yêu thương, xúc động: Nội dung của bộ phim
Phần 3: Bộ phim hoạt hình... trong tưởng tượng: Những đặc sắc của bộ phim
Phần 4: Chỉ trong hơn hạnh phúc vô giá: Giá trị nội dung, thông điệp của bộ phim</td></tr>
<tr><td colspan="2">II. TÌM HIỂU VĂN BẢN</td></tr>
<tr><td>a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu mục đích viết văn bản
b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi
c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
d) Tổ chứchoạt động:</td><td>1. Mục đích viết văn bản</td></tr>
<tr><td>.- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:
- GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Mục đích viết văn bản
Văn bản “BỘ PHIM NGƯỜI CHA VÀ CON GÁI được viết nhằm mục đích gì?</td><td>Mục đích: Trình bày cho người đọc hiểu biết một số thông tin cơ bản, nội dung nổi bật , Những đặc sắc của bộ phim và giá trị nội dung, thông điệp của bộ phim</td></tr>
</table>

*** Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. *** Báo cáo kết quả:** - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). *** Đánh giá nhận xét:** - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. GV: Dựa vào tên trang web là nguồn văn bản (sachhaynendoc.net), còn có thể xác định mục đích của văn bản là thông qua việc giới thiệu đó, khích lệ mọi người, đặc biệt là trẻ em, hãy tìm đọc cuốn sách.	
a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu thông tin cơ bản về tác phẩm b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chứchoạt động:	**2. Thông tin cơ bản về tác phẩm**
.- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo *** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin. **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Thông tin cơ bản về tác phẩm** **Hãy chỉ ra các thông tin cơ bản trong tác phẩm?** *** Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. *** Báo cáo kết quả:** - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). *** Đánh giá nhận xét:** - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.	- Giới thiệu chung về bộ phim Người cha và con gái. - Giới thiệu nội dung bộ phim Người cha và con gái - Giới thiệu về nghệ thuật của bộ phim Người cha và con gái. - Nêu thông điệp, ý nghĩa của bộ phim

Ngày soạn: Ngày giảng: **Tiết 128** a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu cách trình bày thông tin cơ bản về tác phẩm b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chứchoạt động:	**3. Cách trình bày thông tin**
.- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo *** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin. P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Cách trình bày thông tin cơ bản về tác phẩm** **Câu 1:** Hãy vẽ sơ đồ tư duy để thể hiện ý chính của mỗi phần trong văn bản bộ phim Người cha và con gái và thông tin cụ thể làm rõ cho mỗi ý chính đó.?. Câu 2: Mỗi trích dẫn sau thể hiện thông tin khách quan về bộ phim hay nhận xét, ý kiến chủ quan của người giới thiệu về bộ phim? a. Người cha và con gái (Father and Daughter) là một bộ phim hoạt hình ngắn không lời của đạo diễn người Hà Lan Mai-cơn Đu-đốc đơ Guýt thực hiện năm 2000. b. Âm nhạc cùng với hình ảnh đã thay lời thoại, biểu đạt thành công tâm trạng của nhân vật: cảm xúc lưu luyến khi chia tay của hai cha con, tâm trạng phơi phới của cô con gái ngày ngày ngược gió đạp xe đi đón cha, bà lão đạp xe trong mệt mỏi với những hi vọng, đợi chờ không tắt, khoảng lặng chùng xuống khi người con nhìn thấy chiếc thuyền xưa… c. Phim bắt đầu bằng hình ảnh hai cha con cùng đạp xe trên con đường đồi d. Hai cha con dang rộng vòng tay, ôm chặt lấy nhau trong ấm áp, yêu thương, xúc động…	

e. Hãy trân trọng người cha, người mẹ đang bên bạn, bởi vì có họ ở bên là một niềm hạnh phúc vô giá! *** Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. *** Báo cáo kết quả:** - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). *** Đánh giá nhận xét:** - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.	
a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chứchoạt động:	**4. Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ**
.- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo *** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin. Trong văn bản tác giả đã đưa vào 2 hình ảnh minh họa? Những hình ảnh này lấy từ đâu? Ý nghĩa của 2 hình ảnh ấy? *** Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. *** Báo cáo kết quả:** - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). *** Đánh giá nhận xét:** - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.	Các hình ảnh trong văn bản được lấy từ bộ phim Người cha và con gái. – Tác dụng: minh hoạ một chi tiết trong bộ phim; bổ sung thông tin về bộ phim bên cạnh thông tin được trình bày bằng kênh ngôn ngữ; khơi gợi cảm xúc, hứng thú,... cho người đọc văn bản;...
	III. Tổng kết

HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy nêu khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản?	**1. Nghệ thuật:** - Cách trình bày thông tin rõ ràng, rành mạch. - Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ sinh động. - Lời văn chân thành trong việc bày tỏ cảm xúc chủ quan của người viết. **2. Nội dung:** Văn bản đã cung cấp cho bạn đọc những thông tin thú vị về bộ phim hoạt hình Người cha và con gái. Bài viết còn khiến bạn đọc tò mò, thích thú, tìm xem bộ phim. **3. Cách đọc văn bản thông tin (giới thiệu một bộ phim)** Bước 1: Đọc kĩ văn bản Bước 2: Xác định - Mục đích viết - Thông tin cơ bản - Cách trình bày thông tin - Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint
- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
***Chuyển giao nhiệm vụ:** ? Phân biệt văn bản giới thiệu một cuốn sách với văn bản nghị luận về một cuốn sách? **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** **- Hs thực hiện nhiệm vụ:** *** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** - Gv quan sát, lắng nghe. - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.	? Ngoài các thông tin được giới thiệu trong bài viết, em còn muốn biết thêm thông tin nào về bộ phim Người cha và con gái? Hãy tìm hiểu và chia sẻ các thông tin đó.

*** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** - Hs trình bày sản phẩm cá nhân ***Gợi ý :** Em muốn biết hiểu hơn về nhân vật người phụ nữ trong bộ phim. Các thông tin em tìm hiểu được: "Chính nhân vật người phụ nữ, trong suốt chặng hành trình dài đằng đẵng của cuộc đời, cũng hoàn toàn thấu hiểu sự vô vọng trong niềm hy vọng của mình, nhưng lý trí và cảm xúc là điều có thể tồn tại mâu thuẫn trong cùng một con người. Vì vậy, cô con gái vẫn chờ đợi và hy vọng." Những hình ảnh trong văn bản được lấy từ bộ phim "Người cha và con gái", việc này có tác dụng giúp người đọc dễ dàng hình dung được nội dung, hình thức... của bộ phim.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint
- Kĩ thuật/ Phương pháp:

*** Giao nhiệm vụ học tập:**

Sau khi đọc bài giới thiệu, em có muốn xem bộ phim Người cha và con gái không? Vì sao?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

*** Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Chuẩn bị bài sau: Thực hành tiếng Việt: Câu hỏi, cầu khiến, câu cảm, câu kể....

Tuần

Tiết 129,130: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: CÂU KỂ, CÂU HỎI, CÂU KHIẾN, CÂU CẢM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Biết cách:

- Nhận biết đặc điểm và chức năng của câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; và chỉ ra đặc điểm của chúng

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, ham học
- Trách nhiệm: Thường xuyên thực hành tiếng Việt. Luôn có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 129

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs quan sát ảnh

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy nêu mộ số kiểu câu được dùng trong tiếng việt?

(câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; câu khẳng đinh và câu phủ định)

*** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe
- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

*** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân
- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Dự kiến sp:

*** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học**

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>a) Mục tiêu: học sinh củng cố tri thức tiếng việt
b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh nhận biết câu hỏi tu từ
c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.
d) Tổ chức thực hiện:</td><td>I. CỦNG CỐ TRI THỨC TIẾNG VIỆT</td></tr>
<tr><td>- Sử dụng phần mềm PowerPoint
- Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Hãy thực hiện phiếu học tập sau:

<table><tr><th></th><th>Câu cảm</th><th>Câu hỏi</th><th>Cầu khiến</th><th>Câu kể</th></tr><tr><td>Mục đích</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Dấu hiệu</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>
- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.
Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:
- Gv quan sát lắng nghe
- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:
- Hs trình bày sản phẩm cá nhân
- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.</td><td><table><tr><th></th><th>Câu cảm</th><th>Câu hỏi</th><th>Cầu khiến</th><th>Câu kể</th></tr><tr><td>Mục đích</td><td>Bộc lộ cảm xúc</td><td>Hỏi thông tin chưa biết</td><td>Yêu cầu, đề nghị, khuyên, mệnh lệnh...</td><td>Trình bày, thông báo, kể, tả, nhận xét...</td></tr><tr><td>Dấu hiệu</td><td>- Dấu câu: !
- Từ ngữ: ôi, chao ôi, trời ơi, a, thay sao, biết bao...</td><td>Dấu câu: ?
- Từ ngữ: ai, cái gì, sao, tại sao, bao giờ, à, ư, hả , chăng...</td><td>Dấu câu: !
- Từ ngữ: hãy, đừng, chớ, đi, với, nào, thôi...</td><td>Dấu câu: . , {...}
- Từ ngữ: không có từ ngữ đặc trưng của 3 kiểu câu khác</td></tr></table>
* Lưu ý: hiện tượng
+ Hình thức: kiểu câu này
+ Mục đích: kiểu câu khác
- Ví dụ: Câu có tránh ra không thì bảo?
+ Hình thức: câu hỏi
+ Mục đích: cầu khiến
- Ví dụ: Sao lại thế hả trời?</td></tr>
</table>

	+ **Hình thức:** câu hỏi + **Mục đích:** câu cảm - Ví dụ: Bác cứ dùng bữa tự nhiên. + **Hình thức:** câu kể + **Mục đích:** cầu khiến

Ngày soạn:
Ngày dạy:

Tiết 130

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.
b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi
c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời
d) Tổ chức thực hiện:
- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo
- Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài tập 1 (SGK/111) và thực hiện nhiệm vụ cặp đôi theo bàn, hoàn thành PHT số 2: Xác định câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể trong những câu dưới đây (trích truyện Lão Hạc của Nam Cao). Chỉ ra đặc điểm giúp nhận biết mỗi kiểu câu đó. a. Ông giáo hút trước đi. b. Lão hút xong, đặt xe điếu xuống, quay ra ngoài, thở khói. c. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi d. Hỡi ơi lão Hạc! e. Thế nó cho bắt à? g. Chao ôi! h. Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão.	**Bài tập 1**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu	Kiểu câu	Đặc điểm
a		

Câu	Kiểu câu	Đặc điểm
a	Câu khiến	Dấu chấm, trợ từ "đi"
b	Câu kể	Dấu chấm và không có dấu hiệu hiệu đặc trưng của câu hỏi, cầu khiến, câu cảm
c	Câu kể	Dấu chấm
d	Câu cảm	Dấu chấm than; thán

b		
c		
d		
e		
g		
h		

		từ " hỡi ơi"
e	Câu hỏi	Dấu chấm hỏi, từ nghi vấn "à"
g	Câu cảm	Dấu chấm than; thán từ " chao ôi"
h	Câu khiến	Dấu chấm, phó từ "đừng"

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.

*** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe
- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

*** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân
- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

*** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo
- Phương pháp/ kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Trong những câu dưới đây (trích truyện Lão Hạc của Nam Cao), câu nào được dùng để hỏi, câu nào được dùng để biểu thị ý phủ định? Vì sao?

a. Việc gì còn phải chờ khi khác?

b. Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại?

c. Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu?

d. Có đồng nào, cụ nhặt nhạnh đưa cho tôi cả thì cụ lấy gì mà ăn?

Bài tập 2

– Câu d). Câu hỏi đích thực (được dùng để hỏi): Câu này có cả đặc điểm nội dung lẫn hình thức của câu hỏi. Về nội dung, được dùng với mục đích nghi vấn thực sự (hỏi để được trả lời).

Về hình thức, có chứa từ nghi vấn (gì) và dấu chấm hỏi.

- Các câu a), b), c) Câu có đặc điểm hình thức của câu hỏi nhưng được dùng để biểu thị ý phủ định: Những câu này tuy có hình thức của câu hỏi (vừa có dấu chấm hỏi, vừa có các từ nghi vấn) nhưng về nội dung, chúng không được dùng với mục đích nghi vấn mà dùng để phủ định. Ngoài ra, những câu này đều có thể

	chuyển thành câu có ý nghĩa tương đương (nghĩa phủ định) trong hình thức của câu phủ định. **Ví dụ:** Câu a) có thể chuyển thành: "Không việc gì phải chờ khi khác." Câu b) có thể chuyển thành: "Chẳng tội gì bây giờ nhịn đói mà để tiền lại." Câu c) có thể chuyển thành: "Ta chẳng có quyền giữ cho ta một tí gì đâu.".
- Hs tiếp nhận nhiệm vụ. *** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** - Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. *** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. *** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	
- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, chia sẻ cặp đôi *** Chuyển giao nhiệm vụ:** Ghép các thành phần tình thái (in đậm) với nghĩa phù hợp: 	**Bài tập 3** **a-5, b-4, c-2, d-3, e-1**
- Hs tiếp nhận nhiệm vụ. *** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**	

Thành phần tình thái	Nghĩa
a) ***Chả nhẽ*** *cái bọn ở làng lại đốn đến thế được.* (Kim Lân)	1) biểu thị ý phỏng đoán, dè dặt về điều nêu sau đó
b) *Cuộc đời* ***quả thật*** *cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...* (Nam Cao)	2) biểu thị ý: điều sắp nêu ra mới là sự thật và có phần trái với điều nói trước đó
c) ***Thật ra*** *thì trong lòng tôi rất đỗi dung.* (Nam Cao)	3) biểu thị ý không khẳng định chắc chắn điều nêu sau đó
d) ***Có lẽ*** *tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ!* (Nam Cao)	4) biểu thị ý xác nhận: sự việc quả đúng như vậy
e) *Chị Dậu* ***dường như*** *tủi thân, cúi xuống gạt thầm nước mắt.* (Ngô Tất Tố)	5) biểu thị ý băn khoăn, nghi ngờ về tính chân thực của điều nêu sau đó

- Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. *** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. *** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	
Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo - Phương pháp/ kĩ thuật: động não, chia sẻ cặp đôi *** Chuyển giao nhiệm vụ:** Tìm thành phần phụ chú trong các câu dưới đây. Chỉ ra dấu hiệu hình thức để nhận biết và tác dụng của thành phần đó trong mỗi câu. a. Trên cơ sở một không gian nghệ thuật đầy thi vị – làng Mỹ Lý – ông vẽ những bức tranh thủy mặc về những đêm trăng và mùa gặt; cái nhà ga nhỏ và con đường sắt quạnh hiu thỉnh thoảng vọng lên tiếng còi tàu đêm cô đơn, mơ hồ ngoài quãng đồng xa vắng … (Trần Hữu Tá) b. Bộ phim có những hình ảnh mang ý nghĩa ẩn dụ: con đường, bến sông, bánh xe đạp đều đặn quay tròn,… (Bộ phim "Người cha và con gái") c. Cảnh vẽ trong phim đơn giản, gợi khung cảnh thời thơ ấu ở một vùng quê ở Hà Lan, quê hương của đạo diễn Mai-cơn Đu-đốc đơ Guýt (Bộ phim "Người cha và con gái") d. "Người cha và con gái" (Father and Daughter) là một bộ phim hoạt hình ngắn không lời của đạo diễn người Hà Lan Mai-cơn Đu-đốc đơ Guýt thực hiện năm 2000. (Bộ phim "Người cha và con gái")	**Bài tập** 4:
- Hs tiếp nhận nhiệm vụ. *** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** - Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.	

*** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. *** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

Câu	Thành phần phụ chú	Tác dụng
a	"làng Mỹ Lý", dấu hiệu đặt gữa hai dấu gạch ngang	giải thích, làm rõ nghĩa cho cụm danh từ "một không gian nghệ thuật đầy thi vị" đứng trước
b	con đường, bến sông, bánh xe đạp đều đặn quay tròn,… được nhận biết nhờ dấu hai chấm đặt trước	giải thích, làm rõ nghĩa cho cụm danh từ "những hình ảnh mang ý nghĩa ẩn dụ" (ở trước đó)
c	" quê hương của đạo diễn Mai-cơn Đu-đốc đơ Guýt" được nhận biết nhờ đặt sau dấu phẩy	giải thích, làm rõ nghĩa cho cụm danh từ "một vùng quê ở Hà Lan" đứng trước
d	Father and Daughter, được nhận biết nhờ đặt trong dấu ngoặc đơn	Dùng để chú thích tên tiếng Anh của bộ phim được giới thiệu.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS trả lời

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint
- Kĩ thuật/ Phương pháp: Động não

*** Giao nhiệm vụ học tập:** Viết **một đoạn văn ngắn (khoảng 7 đến 10 dòng) với chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng ít nhất 01 câu có hình thức là một câu hỏi nhưng không dùng để hỏi.**

- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập theo bảng tiêu chí sau:

Yêu cầu
1. Hình thức: đảm bảo đoạn văn **(khoảng 7 đến 10 dòng)**
2. Nội dung: **chủ đề tự chọn**
3. Sử **dụng ít nhất 01 câu có hình thức là một câu hỏi nhưng không dùng để hỏi.**
4. Đảm bảo các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp và diễn đạt.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

*** Báo cáo kết quả:** - HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Chuẩn bị bài sau: Thực hành đọc hiểu "Cuốn sách chìa khóa vũ trụ của Giooc giơ"

Tuần

Tiết 131,132: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU: CUỐN SÁCH CHÌA KHÓA VŨ TRỤ CỦA GIOÓC - GIƠ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Biết cách đọc hiểu một văn bản thông tin

– Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một một bộ phim; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản; phân tích được thông tin cơ bản và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản.

- Mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản thông tin
- Vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin giới thiệu một bộ phim.

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, ham học
- Trách nhiệm: Có ý thức chia sẻ giá trị của các sản phẩm tinh thần trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 131

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Hs chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Em đã được học tác phẩm nào viết về chủ đề du hành vũ trụ ở Ngữ văn 7? Nêu cảm nhận và suy nghĩ của em sau khi được học xong tác phẩm đó?

*** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe
- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

*** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân
- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Dự kiến: Nhật trình Sol 6

*** Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:** Cùng viết về chủ đề khám phá và du hành vũ trụ và tác phẩm đã trở thành một cuốn sách vô cùng hấp dẫn đối với bao độc giả ở nhiều quốc gia. Vậy tác giả cuốn sách là ai, cụ thể nội dung và nghệ thuật của cuốn sách có gì hấp dẫn, cô và các em sẽ cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung của văn bản
b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi
c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
d) Tổ chứchoạt động:</td><td>I. Đọc – Tìm hiểu chung
1. Đọc:

2. Tìm hiểu chung:</td></tr>
<tr><td>- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo
- Kĩ thuật/ Phương pháp: Động não
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:
Đọc theo trình tự: đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> diễn cảm .
Chú ý các thẻ chỉ dẫn: theo dõi, chú ý, suy luận bám sát đặc trưng của văn bản
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG
<table>
<tr><td colspan="2">Văn bản:</td></tr>
<tr><td>Xuất xứ</td><td></td></tr>
<tr><td>Kiểu văn bản</td><td></td></tr>
<tr><td>Mục đích</td><td></td></tr>
<tr><td>Bố cục</td><td></td></tr>
</table>
* Thực hiện nhiệm vụ:
- Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.
- HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.
- GV quan sát, hỗ trợ HS.
* Báo cáo kết quả:</td><td>a. Xuất xứ: theo Phúc Yên, vnexpress.net, 24/3 / 2008
- Kiểu văn bản: Văn bản thông tin
b. Mục đích: giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách Chìa khóa vũ trụ của Giooc - giơ
c. Bố cục:
+ Phần 1: Giới thiệu chung về cuốn sách
+ Phần 2: Giới thiệu nội dung cuốn sách
+ Phần 3: Giới thiệu hình thức thể hiện và thông điệp của cuốn sách.</td></tr>
</table>

- HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). *** Đánh giá nhận xét:** - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.	
II. TÌM HIỂU VĂN BẢN	
a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu mục đích viết văn bản b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chứchoạt động:	**1. Mục đích và nội dung chính của văn bản**
.- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo *** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin. **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Mục đích của văn bản** Văn bản "Chìa khóa vũ trụ của Gioóc-giơ" có mục đích gì? *** Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. *** Báo cáo kết quả:** - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). *** Đánh giá nhận xét:** - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.	- Mục đích của văn bản: giới thiệu cho người đọc các thông tin về nội dung và hình thức của cuốn sách Chìa khoá vũ trụ của Gioóc-giơ, khích lệ người đọc tìm đọc để mở mang hiểu biết, khám phá các thông tin khoa học trong cuốn sách;...
a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu thông tin cơ bản về tác phẩm b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chứchoạt động:	**2. Thông tin cơ bản về tác phẩm**
.- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo *** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin. **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Thông tin cơ bản về tác**	+ Thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm +Thông tin cụ thể về nội dung, hình thức của cuốn sách. + Thông điệp của cuốn sách

phẩm **Hãy chỉ ra các thông tin cơ bản trong cuốn sách?** *** Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. *** Báo cáo kết quả:** - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). *** Đánh giá nhận xét:** - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.	=> Thông tin đầy đủ, cụ thể rõ ràng, xác thực.
a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu cách trình bày thông tin cơ bản về tác phẩm b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chứchoạt động:	**3. Cách trình bày thông tin**
.- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo *** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin. **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Cách trình bày thông tin cơ bản về tác phẩm** **Câu 1:** Hãy vẽ sơ đồ tư duy để thể hiện ý chính của mỗi phần trong văn bản "Chìa khóa vũ trụ của Gioóc-giơ" và thông tin cụ thể làm rõ cho mỗi ý chính đó.?. Câu 2: Trong văn bản, phần nào chủ yếu nêu ý kiến chủ quan của người giới thiệu về cuốn sách? *** Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. *** Báo cáo kết quả:** - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). *** Đánh giá nhận xét:** - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết	- Về cơ bản, trật tự trình bày trong bài giới thiệu đảm bảo lô gích, phù hợp với việc tiếp nhận của người đọc. Một số thông tin bộ phận trong từng phần có thể hoán đổi vị trí, ví dụ có thể đặt phần giới thiệu hình thức của cuốn sách trước phần giới thiệu nội dung.

quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.	
Ngày soạn: Ngày dạy: **Tiết 132** a) Mục tiêu: Hs tìm hiểu vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chứchoạt động:	**4. Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ**
.- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo *** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin. Trong văn bản tác giả đã đưa hình ảnh minh họa trang bìa cuốn sách? Ý nghĩa của hình ảnh ấy? *** Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. *** Báo cáo kết quả:** - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). *** Đánh giá nhận xét:** - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.	Hình ảnh minh họa trang bìa cuốn sách – Tác dụng: giúp người đọc dễ theo dõi, làm tăng tính khách quan cho thông tin được giới thiệu.
HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: * GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy nêu khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản?	**III. Tổng kết** **1. Nghệ thuật:** - Cách trình bày thông tin rõ ràng, rành mạch. - Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ sinh động. - Lời văn chân thành trong việc bày tỏ cảm xúc chủ quan của người viết. **2. Nội dung:**

	Văn bản đã cung cấp cho bạn đọc những thông tin thú vị về "Cuốn sách Chìa khóa vũ trụ của Giooc-giơ" . Bài viết còn khiến bạn đọc tò mò, thích thú, tìm đọc cuốn sách. **3. Cách đọc văn bản thông tin (giới thiệu một bộ phim)** Bước 1: Đọc kĩ văn bản Bước 2: Xác định - Mục đích viết - Thông tin cơ bản - Cách trình bày thông tin - Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint
- Kĩ thuật/ Phương pháp: viết tích cực

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
***Chuyển giao nhiệm vụ:** ? Phân biệt văn bản giới thiệu một cuốn sách với văn bản nghị luận về một cuốn sách? **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** **- Hs thực hiện nhiệm vụ:** *** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** - Gv quan sát, lắng nghe. - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời. *** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** - Hs trình bày sản phẩm cá nhân ***Gợi ý :** Ngoài các thông tin mà văn bản đã cung cấp, em còn tìm hiểu thêm về họa sĩ vẽ minh họa cho cuốn sách. Chìa khóa vũ trụ của Giooc-giơ: là một cuốn tiểu thuyết gay cấn dành cho thiếu nhi mang chủ đề khám phá vũ trụ được viết bởi Lucy Hawking và bố cô Stephen W. Hawking (nhà vật lý lý thuyết người Anh). Tác phẩm được vẽ minh hoạ bởi Garry Parkson,	Ngoài các thông tin mà văn bản đã cung cấp, em còn tìm hiểu thêm được điều gì về cuốn sách Chìa khóa vũ trụ của Giooc-giơ? Hãy chia sẻ những thông tin đó và cách mà em đã thực hiện để biết được các thông tin này.

trong khi Christophe Galfard là người cộng tác với Stephen Hawking ở phần cốt truyện, tình tiết, hình ảnh khoa học trong cuốn sách này. Chìa khóa Vũ trụ của George sẽ dẫn độc giả vào một cuộc phiêu lưu kỳ diệu bằng những khám phá khoa học mới nhất của Stephen Hawking. Ngoài ra, đây cũng là cuốn sách đầu tiên mà Stephen Hawking viết cùng con gái.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint
- Kĩ thuật/ Phương pháp:

*** Giao nhiệm vụ học tập:**

1. Có bạn cho rằng sách khoa học thường khô khan và khó đọc. Theo em, nếu được đọc bài giới thiệu sách này, bạn đó có thay đổi suy nghĩ ban đầu không? Vì sao?

2. Em hãy tìm hiểu và giới thiệu tên một số cuốn sách khoa học phù hợp cho các bạn trong lớp tìm đọc. Nêu ngắn gọn lí do vì sao nên đọc các cuốn sách đó.

Gợi ý:

1. Nếu bạn của em đọc bài giới thiệu Cuốn sách Chìa khóa vũ trụ của Gioóc-giơ, có thể bạn sẽ thay đổi suy nghĩ ban đầu của mình về sách khoa học. Bởi vì Cuốn sách Chìa khóa vũ trụ được viết dưới dạng hành trình phiêu lưu khoa học, kết hợp giữa các khái niệm vật lý, thiên văn học, và triết học với những câu chuyện thú vị và hình ảnh sinh động.

2. A Briefer History of Time: Stephen Hawking là một trong những nhà vật lí nổi tiếng nhất thế giới. Ông nổi tiếng bởi công chúng về công trình rộng lớn của ông về vật lý lý thuyết, vũ trụ học và không may là cuộc chiến suy nhược của ông với bệnh nơ-ron vận động. Lịch sử Briefer của Thời gian là một phiên bản cập nhật và dễ đọc hơn của cuốn sách bán chạy nhất năm 1988 của ông, Một Lịch Sử Tóm Lược Thời Gian. Cuốn sách – giống như cuốn sách tiền nhiệm của nó – giống như một tiểu sử của vũ trụ và là một bài giới thiệu tuyệt vời cho thế giới vật lý. Tờ Sunday Times kết luận rằng: "Cuốn sách này kết hợp sự tự hỏi của một đứa trẻ với trí tuệ của thiên tài. Chúng tôi hành trình vào vũ trụ của Hawking trong khi kinh ngạc trước suy nghĩ của mình. "

Death by Black Hole

Full Title: Cái chết của Black Hole: Và các vấn đề vũ trụ khác Quandaries. Tyson là một người rất lôi cuốn, nhiệt tình và thú vị và điều đó rất nổi bật trong các tác phẩm của ông và các phương tiện truyền thông. Cuốn sách Death by Black Hole của ông không phải là ngoại lệ. Trong đó, ông khám phá mọi thứ từ bản chất phá hoại của các hố đen đến những phỉ báng trong các bộ phim khoa học giả tưởng. Tính hài hước và

sự nhiệt tình của ông làm cho quyển sách này trở nên thú vị. Sau khi đọc xong điều này, thật dễ dàng để thấy được ông đã bình chọn một trong những người có ảnh hưởng nhất trên thế giới và có lẽ ngay cả nhà thiên văn học thiên thể quyến rũ nhất còn sống, một vài giải thưởng trong số những người mà ông đã tích lũy qua nhiều năm.

=> Những cuốn sách trên sẽ có thể giúp bạn mở rộng hiểu biết về thế giới và các vấn đề khoa học quan trọng.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

*** Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Chuẩn bị bài sau: Viết bài giới thiệu một cuốn sách

Tuần:

Tiết 133,134: VIẾT: VIẾT BÀI GIỚI THIỆU MỘT CUỐN SÁCH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Phát triển kỹ năng viết

- HS viết được bài giới thiệu một cuốn sách với các thông tin cơ bản về cuốn sách đó như: nhan đề, thể loại, tác giả. hoàn cảnh ra đời, nội dung, hình thức, nghệ thuật và giá trị, ý nghĩa.... của cuốn sách.

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Xây dựng lòng tự trọng, sự tự tin, tư duy tích cực để có cuộc sống lành mạnh, hạnh phúc.

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Phần chuẩn bị của giáo viên: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập. Máy tính, máy chiếu.

2. Phần chuẩn bị của học sinh : Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 133

1**. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: hs chia sẻ trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức hoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Phương pháp/Kĩ thuật:

*** Chuyển giao nhiệm vụ :** *Cuốn sách để lại ấn tượng trong em là cuốn sách nào? hãy giới thiệu?*

*** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe
- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

*** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

*** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học**

2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu bài văn	**I. Định hướng**

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	
- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo - Phương pháp/Kĩ thuật: trình bày một phút *** Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV giao nhiệm vụ Thế nào là viết bài giới thiệu một cuốn sách? *** Thực hiện nhiệm vụ:** - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập… *** Báo cáo kết quả:** - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả. *** Kết luận, đánh giá:** - HS, GV đánh giá, nhận xét.	1. Viết bài giới thiệu một cuốn sách là trình bày cho người đọc biết các thông tin cơ bản về cuốn sách đó như: nhan đề, thể loại, tác giả. hoàn cảnh ra đời. nội dung, hình thức, nghệ thuật và giá trị, ý nghĩa.... của cuốn sách. **2. Ví dụ:** Hai văn bản " Lá cờ thêu sáu chữ vàng" – tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi, Cuốn sách "Chìa khóa vũ trụ của Giooc-giơ" là những văn bản giới thiệu một cuốn sách và có một số đặc điểm chung sau đây: - Nhan đề cuốn sách được giới thiệu ở tiêu đề và phần đầu của văn bản. - Các thông tin chung về cuốn sách như: tác giả, hoàn cảnh ra đời, thông tin xuất bản,... trong phần đầu của văn bản. - Các thông tin về nội dung và hình thức, nghệ thuật thể hiện của cuốn sách ở phần tiếp sau của văn bản. - Ý kiến của người giới thiệu (hoặc người đọc) về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của cuốn sách. - Sử dụng hình ảnh minh hoạ để bổ sung, làm rõ thông tin, tăng sức hấp dẫn cho bài giới thiệu. 3. Lưu ý: - Lựa chọn cuốn sách phù hợp - Đọc kĩ cuốn sách, xác định các thông tin về nội dung và hình thức, nghệ thuật, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách. - Tim hiểu thêm các thông tin có liên: tác giả, hoàn cảnh ra đời, đánh giá của

	bạn đọc về cuốn sách,... - Lựa chọn trật tự sắp xếp, trình bày - Lựa chọn sử dụng hình ảnh, sơ đồ.... kết hợp với chữ viết để giới thiệu thông tin; có thể viết tay hoặc trình bày trên máy vi tính.
a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước làm bài văn b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	**II. Thực hành**
*** Chuyển giao nhiệm vụ:** -- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi: - GV chuyển giao nhiệm vụ *+ GV lưu ý HS theo dõi các bước trong SGK* *+ GV yêu cầu HS đọc kĩ phần chuẩn bị để xác định nội dung bài viết của mình.* *** Thực hiện nhiệm vụ:** - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập… *** Báo cáo kết quả:** - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả. *** Kết luận, đánh giá:** - HS, GV đánh giá, nhận xét.	**2. Thực hành** ***1.1 Thực hành viết theo các bước*** **Đề bài**: *Nhà trường tổ chức cuộc thi giới thiệu "Bầu trời trong trang sách". Em hãy viết một bài giới thiệu cuốn sách mà em yêu thích.* a. Chuẩn bị - Xác định các yêu cầu cần thực hiện: mục đích viết, người đọc.... - Lựa chọn cuốn sách em yêu thích để giới thiệu. - Đọc kĩ lại cuốn sách để xác định thông tin về nội dung, hình thức, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách. - Tìm hiểu, lựa chọn, thu thập thông tin, hình ảnh liên quan đến cuốn sách từ các nguồn khác nhau như sách, báo. Internet,... b. Tìm ý và lập dàn ý *Tên cuốn sách?Các thông tin chung về cuốn sách?* *- Nội dung của cuốn sách?* *- Hình thức của cuốn sách?* *- Giá trị, ý nghĩa của cuốn sách?* *- Các hình ảnh minh hoạ cần sử dụng?* - Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý

	đã tìm được ở trên, lựa chọn và sắp xếp lại theo bố cục ba phần của bài viết. c. Viết - Dựa vào dàn ý đã lập để viết bài. - Một ý có thể được thể hiện bằng một đoạn văn hoặc nhiều đoạn văn. - Có thể lựa chọn sử dụng một số trích dẫn từ cuốn sách trong phần giới thiệu nội dung và hình thức, hoặc trích dẫn nhận định của bạn đọc tin cậy trong phần giới thiệu giá trị ý nghĩa của cuốn sách. d. Kiểm tra và chỉnh sửa + Đọc lại đoạn văn hoàn chỉnh. + Đối chiếu với các yêu cầu đã xác định tại các bước trước đó. + Soát lại và đối chiếu với dàn ý. + Chỉnh sửa lỗi chính tả, liên kết câu. + Đánh giá kỹ năng viết của bản thân
Ngày soạn: Ngày giảng: **<u>Tiết 134</u>** *** Chuyển giao nhiệm vụ:** ? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết việc ***Rèn luyện kĩ năng tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết*** *** Thực hiện nhiệm vụ:** - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập… *** Báo cáo kết quả:** - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả. *** Kết luận, đánh giá:** - HS, GV đánh giá, nhận xét.	***2.2. Rèn luyện kĩ năng tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết*** - Tóm tắt nội dung cuốn sách: + Để giới thiệu cuốn sách, người viết cần tóm tắt được nội dung cuốn sách đó. Tóm tắt nội dung cuốn sách là nêu ngắn gọn, chính xác nội dung chính của cuốn sách. - Cách xưng hô trong bài viết: + Để thể hiện mối quan hệ với người đọc, người viết có thể lựa chọn sử dụng hoặc không sử dụng các từ ngữ để xưng hô. + Từ ngữ xưng hô là những từ ngữ người viết sử dụng để tự xưng mình (ví dụ: *tôi, ta, chúng tôi,...)* và gọi

	người đọc mà mình định hướng đến là ai (ví dụ: *bạn. các bạn. mọi người....).* Ngoài ra. còn phải sử dụng các từ ngữ khác nhau để gọi tên tác giả. Ví dụ, với tác giả Hồ Xuân Hương, có thể dùng các từ ngữ: *nhà thơ. nữ thi sĩ, "Bà chúa thơ Nôm ", tác gia bài "Mời trầu "*,..., tránh việc chỉ dùng lặp lại một từ để chỉ tác giả.
Bài tập: Luyện viết tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết cho một trong hai đề văn sau: *(1) Hãy viết bài giới thiệu một cuốn sách văn học hoặc khoa học mà em thấy có ý nghĩa với bản thân.* *(2) Trang web trường em có chuyên mục "Mỗi tháng một cuốn sách hay". Giả sử là người viết bài cho chuyên mục này, em hãy lựa chọn và giới thiệu một cuốn sách hay đến thầy cô và bạn bè trong trường.*	**b. Bài tập**

Mở bài: Nhắc đến văn hào nổi tiếng Hector Malot, chắc chắn chúng ta ai cũng nghĩ ngay đến tác phẩm không gia đình - Cuốn sách đã gây được ấn tượng mạnh mẽ về tình cảm gia đình cho người đọc. Hôm nay, chúng ta hãy cùng với AnyBooks đi sâu vào tác phẩm để hiểu hơn về thông điệp của cuốn sách không gia đình mà tác giả muốn gửi gắm nhé!

Thân bài:

- Đôi nét về tác giả sách không gia đình

Tác giả của cuốn sách không gia đình chính là Hector Malot - một nhà văn nổi tiếng của nước Pháp, ông là tác giả của rất nhiều cuốn tiểu thuyết và thời kỳ đó và được các độc giả khắp nơi trên thế giới yêu mến. Sự nghiệp văn chương của ông bao gồm hơn 70 tác phẩm trong đó cuốn sách không gia đình ra mắt năm 1878 chính là tác phẩm tô điểm thêm sự thành công của ông.

Tác phẩm không gia đình ban đầu được ông hướng đến đối tượng nhí những chính người lớn lại phát cuồng về tác phẩm này của ông. Ngoài ra, ông còn rất nhiều tác phẩm để lại dấu ấn như cuốn sách Những người tình - tác phẩm đầu tay tạo nên cơn sốt hay tác phẩm Romain Kalbris (1869), Trong gia đình (En Famille, 1893).

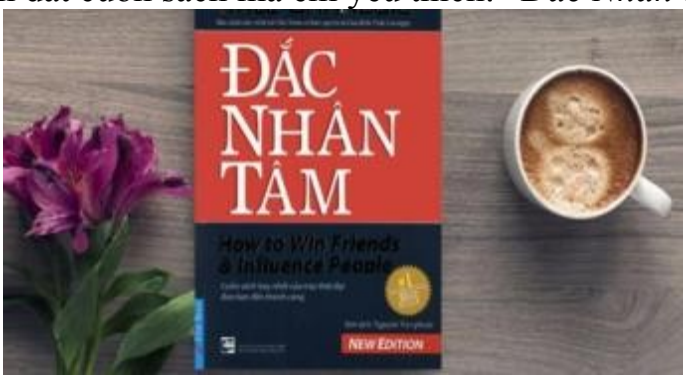
Ông được người đời ca ngợi về tài năng trong việc viết sách, nghệ thuật của ông chính là để lại những triết lý khiến cho người lớn phải suy ngẫm trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ của nước pháp và giúp họ tìm ra con đường mới để thoát khỏi sự giam cầm trong chính bản thâm mình.

- Nội dung của cuốn sách

Nội dung của tác phẩm không gia đình kể về số phận đặc biệt của một bé đứa mồ côi cha mẹ tên là Remi, từ nhỏ cậu đã được nuôi dưỡng trong gia đình có tên là Barberin. Tuy nhiên, chưa bao lâu vì hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên gia đình này đã bán cậu cho một người đàn ông có tên là Vitalis - ông chủ của một đoàn xiếc rong.
Kể từ đó, tuổi thơ của Remi gắn liền với đoàn xiếc này, tại đây cậu làm bạn với những con vật được nuôi dưỡng trong gánh xiếc để biểu diễn như khỉ, chó và cùng ông chủ đoàn xiếc Vitalis rong ruổi khắp nước Pháp để kiếm sống mưu sinh. Nhờ vào sự dạy dỗ của ông chủ, Remi đã học hỏi được rất nhiều và dần trở thành một cậu bé bản lĩnh dám đương đầu với mọi khó khăn trong cuộc sống.
Trong hành trình mưu sinh và phiêu bạt khắp nơi cùng đoàn xiếc, cậu bé tiếp xúc với hết thảy các hạng người tốt xấu trong xã hội lúc bấy giờ và gặp không ít nguy hiểm. Thế nhưng nhờ vào những đức tính cao đẹp mà ông chủ Vitalis đã dạy dỗ cho cậu đã giúp cậu tỉnh táo vượt quá những thử thách đó và tiếp tục lao động chăm chỉ cùng với rạp xiếc.
So với lứa tuổi của mình, Remi đã phải đối mặt với rất nhiều tình cảnh éo le, có những chi tiết kể rằng cậu sắp bị chết đói và chết rét hay thậm chí là bị bắt bỏ tù một cách oan uổng. Thế nhưng sau tất cả Remi vẫn xây dựng cho mình được một đức tính, giữ đúng được phẩm chất làm người và không bao giờ chịu đầu hàng số phận mặc dù cho xã hội lúc bấy giờ rất loạn lạc.
Ngay cả khi ông chủ rạp xiếc Vitalis qua đời và gánh xiếc chỉ lại đúng chó chó để bầu bạn với cậu, thế nhưng cậu không bỏ cuộc và tiếp tục lao động và cống hiến mình., Khiến cho người đọc cảm thấy nể phục với tinh thần và phẩm chất của cậu bé có tuổi đời còn quá nhỏ này.
Ở cuối tác phẩm, sau khi bị bỏ tù ở nước Anh, Remi cuối cùng cũng tìm thấy được niềm hạnh phúc cho riêng mình đó là tìm lại được người mẹ đã thất lạc của mình sau bao nhiêu năm xa cách. Đây cũng chính là phần thưởng dành cho cậu bé đã phải chịu quá nhiều cực khổ, đọc đến đây cũng đã có rất nhiều khán giả vui mừng và xúc động với nhân vật này.
- Thông điệp ý nghĩa mà cuốn sách muốn gửi gắm
Có thể nói rằng, tác phẩm không gia đình đã đưa người đọc cùng trải nghiệm hành trình mưu sinh của cậu bé Remi với nhiều tình huống trớ trêu mà một cậu bé còn quá nhỏ phải chịu đựng và vượt qua. Đã có lúc tưởng chừng cái kết đã cận kề nhưng cậu bé vẫn lạc quan vượt qua, tiếp thu thêm nhiều kinh nghiệm quý giá mà những đứa trẻ cùng độ tuổi khác không có được.
Từ đó, cùng với ông chủ và gánh xiếc, remi đã vượt qua những năm tháng lao động vất vả nhưng lại đầy quyết tâm vươn lên. Kể cả khi người thân duy nhất là ông chủ gánh xiếc đã qua đời, những đức tính mà ông dạy cho Remi vẫn không hề bị suy giảm hay mất đi thậm chí nó ngày càng mãnh liệt hơn.
Có thể nói, gánh xiếc chính là ngôi nhà của Remi, nơi cậu có được tình thương và sự bao bọc của ông Vitalis cùng với những con thú, tất cả đã tạo nên một gia đình thật sự. Cũng nhờ đó, đã giúp Remi có thêm động lực để sống tốt và vượt qua những thử thách dù tuổi đời vẫn còn quá nhỏ.

Tác giả Hector Malot đã vô cùng thành công trong việc tạo nên những chi tiết có tính xúc động mạnh đánh trung tâm lý của người đọc cũng như tạo nên những phân cảnh tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm.
Tuy được viết dành cho trẻ em tác phẩm lại có rất nhiều chi tiết để người lớn phải suy ngẫm, có nhiều người sau khi đọc cuốn sách này còn cảm thấy hổ thẹn vì bản thân mình không bằng một đứa trẻ. Cũng chính tác phẩm này đã làm rất nhiều người thức tỉnh, giúp họ tạo thêm động lực để vượt qua những khó khăn mà cuộc sống đem lại.
Kết bài: Trên đây là phần giới thiệu về quyển sách nổi tiếng không gia đình của tác giả Hector Malot mà chúng tôi muốn gửi đến các độc giả. Hy vọng với những thông tin bạn đã hiểu hơn về nội dung của cuốn sách và có thêm động lực để vững bước trên con đường của mình. Nếu bạn muốn tìm hiểu sâu hơn thì hãy mua ngay một quyển về để có thể trải nghiệm nhé!

* MB: Giới thiệu dẫn dắt cuốn sách mà em yêu thích: "*Đắc Nhân Tâm*"



* TB
- Giới thiệu chung:
+ Tác giả: DALE CARNEGIE
DALE CARNEGIE - tác giả cuốn sách, vốn chỉ là một con người bình thường trong vô vàn con người nhưng bằng sự nỗ lực vượt bậc, ông đã được hàng triệu người biết đến nhờ tài năng xuất chúng trong nghệ thuật hùng biện và khả năng thuyết phục. Đây là công trình tâm huyết cả đời của và xuất phát từ chính nhu cầu của Dale khi cảm thấy cuộc đời mình sẽ không phạm phải quá nhiều sai lầm đã qua nếu như được học tử tế về cách cư xử trong cuộc sống. Ông đã viết bằng chính trải nghiệm phong phú cả đời mình.
+ *Nhan đề cuốn sách: Đắc nhân tâm"*
Tên cuốn sách đã trở thành một danh từ chỉ lối sống mà ở đó con người ta cư xử linh hoạt và thấu tình đạt lý. Lý thuyết muôn thuở vẫn là những quy tắc CHẾT nhưng nhân tâm là SỐNG, là BIẾN ĐỔI. Bạn hãy thử đọc "Đắc Nhân tâm" và tự mình chiêm nghiệm những cái đang diễn ra trong đời thực hiện hữu, chắc chắn bạn sẽ có những bài học cho riêng mình.
- Nội dung của cuốn sách:
+ Phần 1 nói về nghệ thuật ứng xử căn bản của mỗi con người, bao gồm những bí quyết, kinh nghiệm và cả các bài học về việc đối nhân xử thế trong các mối quan hệ xã hội mà bạn nên lưu tâm đến.

+ Phần 2 của cuốn sách sẽ hướng dẫn cho bạn những bí quyết hữu ích trong việc tạo ra sự thiện cảm đối với người đối diện, nhờ đó giúp cho những người xung quanh luôn yêu quý và trân trọng tình cảm của bạn hơn.
+ Phần 3 được xem là một phần rất quan trọng và sẽ đem lại cho bạn rất nhiều bài học bổ ích nhất liên quan đến lĩnh vực tâm lý học, đó là chỉ cho bạn các phương pháp và bí quyết giúp bạn và những người khác có chung về suy nghĩ và quan điểm trong cuộc sống.
+ Phần 4, phần cuối cùng của cuốn sách Đắc nhân tâm, tác giả sẽ bày cho bạn những cách để chuyển hóa cảm xúc và suy nghĩ của một người khác từ tiêu cực chuyển thành tích cực mà không để xảy ra sự hận thù hay oán trách, dù cho đây không phải là một việc làm đơn giản chút nào.
* KB: Tổng kết lại giá trị của cuốn sách

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

b) Nội dung: Viết đoạn văn.

c) Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d) Tổ chức thực hiện

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** *Viết phần mở bài cho đề bài viết bài giới thiệu một cuốn sách hay đến mọi người.*

Đoạn văn tham khảo:

"*Một cuốn sách hay cho ta một điều tốt, một người bạn tốt cho ta một điều hay*". Sách là người bạn chân thành và sáng suốt. Nó chỉ cho bạn con đường đúng đắn, nó giữ cho bạn khỏi bị lầm lạc. Có sách bên mình thì cả trong thời thơ ấu, cả giữa lúc thanh xuân và cả những khi về già, bạn không bị cô độc, bạn thấy mình mạnh mẽ.

Cách đối nhân xử thế luôn được coi là chuẩn mực đánh giá sự khéo léo, thông minh của một con người. Bạn có dám khẳng định rằng cách hành xử của mình luôn khiến mọi người xung quanh cảm thấy hài lòng? Bản thân tôi thì không! Đôi khi muốn hành động, cư xử một cách hoàn hảo lại là chuyện vô cùng khó. Theo thời gian tính cách của con người sẽ thay đổi, sự trưởng thành sẽ giúp họ nhận ra đối nhân xử thế là môn học mà bạn phải luôn học hỏi hàng ngày, học hỏi cả đời. Tôi thường băn khoăn làm sao để mỗi ngày trôi qua sẽ là một nấc thang đưa tôi đến thành công và có được cái nhìn thiện cảm của người khác đối với mình. Cho đến khi tôi chạm tay đến cuốn sách đã thay đổi cuộc sống của biết bao người, cuốn sách có tầm ảnh hưởng nhất mọi thời đại "**ĐẮC NHÂN TÂM**".

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

*** Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

*** Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

Hồ sơ dạy học:

Rubic đánh giá phiếu học tập số 3

Tuần

Tiết 135,136: ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hệ thống hóa các kiến thức về loại,thể loại văn bản đọc; tiếng Việt; kiểu bài viết; kiểu bài nói và nghe đã học trong học kì 2

- Vận dụng được các kiến thức đã học, kĩ năng đã rèn luyện để giải quyết các bài tập tổng hợp.

2. Năng lực:

- Năng lực ngôn ngữ: Đọc - viết – nói và nghe:

***- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*:** Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

- Trách nhiệm: Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của ông cha ta, có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước. Biết yêu quý trân trọng những giá trị văn hóa, văn học truyền thống. Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 135

1. **Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập kiến thức học kì I.
2. **Tổ chức thực hiện : Hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi SKG (128-)**

Câu 1 (trang 123 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):
Thống kê tên các thể loại hoặc kiểu văn bản và tên văn bản cụ thể đã học trong sách *Ngữ văn 8*, tập hai, dẫn ra một số ví dụ.
Trả lời:

Truyện	Thơ Đường luật	Truyện lịch sử và tiểu thuyết	Nghị luận văn học	Văn bản thông tin
- Lão Hạc - Trong mắt trẻ - Người thầy đầu tiên	- Mời trầu - Vịnh khoa thi Hương - Xa ngắm thác núi Lư - Cảnh khuya	- Quang Trung đại phá quân Thanh. - Đánh nhau với cối xay gió - Bên bờ Thiên Mạc	- Vẻ đẹp của bài thơ Cảnh khuya - Chiều sâu của truyện Lão Hạc - Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh	- Lá cờ thêu sáu chữ vàng - tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi - Bộ phim Người cha và con gái - Cuốn sách Chìa khóa vũ trụ của Giooc-giơ

Câu 2 (trang 123 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):
Nêu nội dung chính của các văn bản truyện đã học trong Bài 6; từ đó, nhận xét và phân tích ý nghĩa nhân văn được thể hiện trong các văn bản này.
Trả lời:

Tên văn bản	Nội dung chính	Ý nghĩa nhân văn
Lão Hạc	Tác phẩm phản ánh hiện thực số phận của người nông dân trước CM tháng Tám qua tình cảnh của lão Hạc và thể hiện tấm lòng của nhà văn trước số phận đáng thương của một con người.	Văn bản thể hiện phẩm giá của người nông dân không bị hoen ố cho dù phải sống trong hoàn cảnh khốn cùng.

Trong mắt trẻ	Câu chuyện "Trong mắt trẻ" bao gồm chương một, hai và hai mươi bảy của tác phẩm nổi bật với thông điệp về sự khác biệt giữa cách nhìn của trẻ em và người lớn. Tác giả cũng đề cập đến tầm quan trọng của các mối quan hệ và đưa ra cái nhìn sâu sắc của tác giả về tuổi tác và cách suy nghĩ. Câu chuyện được kết thúc đầy bí ẩn, kết truyện tập trung vào tình bạn đặc biệt giữa Hoàng tử bé và nhân vật chính.	Tác giả muốn gửi tới thông điệp khi con người đối mặt với nỗi buồn khi mất đi người mình yêu thương.
Người thầy đầu tiên	Kể về thầy giáo Đuy-sen hết lòng vì học trò và cô học trò An-tư-nai thông minh lanh lợi. Qua đó người đọc thấy được tình cảm thầy trò cao quý và thiêng liêng.	'Người thầy đầu tiên' gieo niềm tin về nhân cách

Câu 3 (trang 123 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):
Những đặc điểm cần chú ý của thể loại thơ Đường luật là gì? Chỉ ra và nhận xét một số thủ pháp nghệ thuật trào phúng được sử dụng trong các bài thơ Đường luật ở Bài 7.
Trả lời:
* Những đặc điểm cần chú ý của thể thơ Đường luật:
- Thơ Đường luật thường được viết bằng hai thể thất ngôn (mỗi câu bảy chữ) và ngũ ngôn (mỗi câu năm chữ).
- Có hai dạng thơ phổ biến: bát cú (mỗi bài tám câu) và tứ tuyệt (mỗi bài bốn câu).
+ Bố cục của một bài bát cú gồm bốn phần: đề, thực, luận, kết, mỗi phần có hai câu (gọi là liên). Hai câu đề có nhiệm vụ mở bài, giới thiệu vấn đề mà bài thơ đề cập. Hai câu thực nêu hiện tượng, sự vật, làm rõ hơn ý của đề bài được đưa ra ở hai câu đề. Hai câu luận phát triển rộng thêm ý của bài, có chức năng luận bàn về vấn đề được nói đến ở các câu trên. Hai câu kết có vai trò kết thúc ý toàn bài, thể hiện cảm xúc của nhà thơ; có khi hai câu kết còn gợi ra ý mới để suy nghĩ tiếp.
+ Tứ tuyệt được xem như ngắt ra từ một bài bát cú, có bố cục bốn phần (mỗi phần một câu): khởi, thừa, chuyển, hợp. Câu khởi có chức năng mở bài, gợi mở ý thơ. Câu thừa nối tiếp câu khởi để làm trọn vẹn ý thơ. Câu chuyển có nhiệm vụ chuyển ý thơ từ việc phản ánh các sự vật, hiện tượng ở hai câu đầu sang phần gợi mở về bản chất, nguyên nhân của sự vật, hiện tượng được phản ánh. Câu hợp kết hợp với câu chuyển làm cô đúc ý thơ, thể hiện nỗi niềm của tác giả.
- Niêm có nghĩa đen là dính, vì làm cho hai câu thơ thuộc hai liên kết dính với nhau theo nguyên tắc: Ở bài bát cú thì âm tiết (chữ) thứ hai của các câu 1 và 8, 2 và 3, 4 và 5, 6 và 7 phải cùng thanh (niêm) với nhau; ở bài tứ tuyệt là các câu 1 và 4, 2 và 3.

– Luật: Thơ Đường luật buộc phải tuân thủ luật bằng trắc. Nếu chữ thứ hai của câu thứ nhất mang thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng, nếu mang thanh trắc thì là luật trắc.
+ Vần: Thơ Đường luật ít dùng vần trắc. Bài thất ngôn bát cú thường chỉ gieo vần bằng ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8; còn bài thất ngôn tứ tuyệt ở cuối các câu 1, 2, 4.
+ Nhịp: Thơ Đường luật thường ngắt nhịp chẵn trước, lẻ sau, nhịp 4/3 (với thơ thất ngôn) hoặc 2/3 (với thơ ngũ ngôn).
+ Đối: Trong thơ Đường luật, ở phần thực và luận, các chữ ở các câu thơ phải đối nhau về âm, về từ loại và về nghĩa; ví dụ: chữ vần bằng đối với chữ vần trắc, danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ,...
- Một số thủ pháp nghệ thuật trào phúng được sử dụng trong các bài thơ Đường luật ở Bài 7
+ Mời trầu:
Cái tôi của Xuân Hương là cái tôi khao khát sống mãnh liệt đó cũng là lí do bà thể hiện sự trào phúng của mình trong bài thơ Mời trầu. Với bà, thơ trào phúng, trước hết là sự giải tỏa nỗi lòng, sau đó còn là một thứ vũ khí để đấu tranh với các thói hư tật xấu, là tấm khiên để bảo vệ những người phụ nữ khác trong xã hội. Bà chạnh lòng với những cảnh ngộ trớ trêu, không như ý, thậm chí đắng cay, chua chát, bà khát khao hạnh phúc.
+ Vịnh khoa thi Hương:
Bài thơ có 8 câu thì 6 câu đầu đều thể hiện sự trào phúng của tác giả. Việc thi cử ngày xưa vốn là việc hệ trọng của triều đình nhằm kén chọn kẻ sĩ tài giỏi, chọn nhân tài ra làm quan phò vua, giúp nước. Nhưng trong bài thơ, việc này đã thuộc về "nhà nước", tức thực dân Pháp xâm lược. Việc thi cử vẫn còn thi chữ Hán và theo lệ cũ "ba năm mở một khoa song đã cuối mùa. Và, kẻ chủ xướng là "nhà nước" - là chính phủ bảo hộ. Hai từ "nhà nước" đứng ở ngay đầu bài thơ như một lời mỉa mai về sự thoái vị của triều đình phong kiến trong việc tổ chức thi cử. Đồng thời cũng là lời thông báo về tính chất trào phúng của bài thơ. Câu thơ thứ hai nêu lên tính chất hỗn tạp, nhốn nháo của kỳ thi "Trường Nam thi lẫn với trường Hà". Không có gì hứa hẹn sự trang nghiêm cần có của những kì thi như thế này. Hai câu đề thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm kín đáo và cũng bộc lộ một nỗi buồn sâu lắng trong tâm hồn tác giả.

Câu 4 (trang 123 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):
Nhận xét về nội dung và hình thức nghệ thuật của các văn bản đọc hiểu ở Bài 8:
a. Nội dung chính của các văn bản đọc hiểu là gì? Đề tài và chủ đề của các văn bản truyện lịch sử có gì giống nhau?
b. Nhận xét đặc điểm nổi bật về hình thức thể loại của các văn bản truyện lịch sử và nêu các lưu ý về cách đọc hiểu các truyện này.
Trả lời:
a. Nội dung chính của các văn bản đọc hiểu:
- *Quang Trung đại phá quân Thanh*: Kể về Quang Trung, một người thông minh, trí tuệ sáng suốt, khả năng phán đoán tốt, nhạy bén trước thời cuộc. Đồng thời qua đoạn

trích, người đọc cảm nhận về vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong chiến công đại phá quân Thanh, sự thảm bại của bọn xâm lược và số phận bi thảm của lũ vua quan phản nước hại dân.
- *Đánh nhau với cối xay gió:* Kể câu chuyện về sự thất bại của Đôn Ki - hô - tê đánh nhau với cối xay gió, nhà văn chế giễu lí tưởng hiệp sĩ phiêu lưu, hão huyền, phê phán thói thực dụng thiển cận của con người trong đời sống xã hội.
- *Bên bờ Thiên Mạc:* Đoạn trích Bên bờ thiên mạc kể về tình tiết khi Trần Quốc Tuấn giao nhiệm vụ quan trọng và hết sức bí mật cho Hoàng Đỗ, con ông già Màn Trò, một nô tì ở vùng đất Thiên Mạc.
=> Đề tài và chủ đề của các văn bản truyện lịch sử đều có nội dung liên quan đến các nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. Truyện cũng được nhà văn văn viết hư cấu, tưởng tượng, bổ sung, sáng tạo nhằm tăng tính sinh động cho câu chuyện.
b.
- Đặc điểm nổi bật về hình thức thể loại của các văn bản truyện lịch sử là:
+ Truyện lịch sử có bối cảnh là hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử nói chung được thể hiện qua các sự kiện, nhân vật lịch sử, phong tục, tập quán.
+ Nhân vật chính của truyện lịch sử thường là người thật, việc thật, những anh hùng dân tộc; ngoài ra, tác giả còn có thể hư cấu thêm nhiều nhân vật khác.
+ Ngôn ngữ của truyện lịch sử phải phù hợp với bối cảnh của giai đoạn lịch sử mà truyện tái hiện.
+ Truyện lịch sử có hai dạng cốt truyện là cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.
- Khi đọc truyện lịch sử cần chú ý:
+ Truyện viết về sự kiện gì? Cốt truyện, bối cảnh, nhân vật chính trong truyện liên quan như thế nào với lịch sử của dân tộc?
+ Chủ đề, tư tưởng, thông điệp nội dung mà văn bản truyện muốn thể hiện.
+ Một số đặc điểm hình thức nổi bật của truyện (sự kiện, nhân vật, ngôn ngữ mang không khí và dấu ấn lịch sử,...).
+ Những tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản truyện.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 136

Câu 5 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):
Các văn bản trong Bài 9 có điểm gì chung? Cần chú ý những gì về cách đọc các văn bản này?
Trả lời:

Các văn bản trong Bài 9 đều là văn bản nghị luận văn học, có luận đề, luận điểm, lí lẽ chặt chẽ, xác đáng. Bằng chứng cụ thể, rõ ràng, thuyết phục.
Khi đọc các văn bản này cần chú ý:
+ Vấn đề chính mà văn bản đưa ra để bàn bạc, trao đổi là gì (xác định luận đề)?
+ Có những luận điểm nào được sử dụng trong văn bản?
+ Các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng góp phần làm sáng rõ luận đề như thế nào?
+ Quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản như thế nào?

Câu 6 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):
Đề tài và kiểu bài của các văn bản thông tin ở Bài 10 có gì đặc sắc? Nêu các lưu ý về cách đọc các văn bản thông tin trong Bài 10.

Trả lời:
Đề tài và kiểu bài của các văn bản thông tin ở Bài 10 là giới thiệu về một bộ tác phẩm văn học hoặc một bộ phim. Đây là một loại văn bản thông tin có mục đích trình bày cho người đọc biết các thông tin cơ bản, nổi bật về nội dung, hình thức, giá trị,.. của cuốn sách hoặc bộ phim đó.
Các lưu ý về cách đọc các văn bản thông tin trong Bài 10:
- Đọc lướt tên bài, các đề mục lớn nhỏ,... để xác định:
+ Văn bản giới thiệu cuốn sách hoặc bộ phim nào?
+ Em đã biết gì về cuốn sách hoặc bộ phim đó?
+ Người viết có sử dụng thêm các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, sơ đồ,... để chuyển tải thông tin không?
- Đọc kĩ văn bản để xác định:
+ Bố cục của văn bản gồm mấy phần? Thông tin chính trong mỗi phần là gì? Thông tin trong văn bản được giới thiệu theo trình tự nào?
+ Cách trình bày của văn bản (nhan đề, sa pô, các tiểu mục, sự kết hợp kênh chữ và kênh hình,...) có tác dụng gì?
+ Văn bản giúp em biết thêm điều gì? Thông tin từ văn bản có ý nghĩa như thế nào với em?

Câu 7 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):
Nêu những điểm giống nhau và khác nhau về phần Đọc hiểu trong sách Ngữ văn 8, tập hai so với Ngữ văn 8, tập một.

Trả lời:
* Giống nhau:
- Các văn bản đều giúp cho chúng ta hiểu và cảm nhận được tình cảm gia đình, quê hương ấm áp qua những câu chuyện đời thường gần gũi thân quen.
+ Bài 1 là vườn cau của mẹ kể lại những kỉ niệm của nhân vật tôi về người bà.
+ Bài 2 là các bài thơ như Đường về quê mẹ với kí ức của người còn về người mẹ và những lần cùng mẹ về quê nhận họ.
+ …
- Các văn bản cung cấp cho chúng ta kho tàng kiến thức về các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề xã hội thông qua các bài thuyết minh và nghị luận.
+ Văn bản Sao băng cung cấp cho học sinh những thông tin về hiện tượng Sao băng.

+ Văn bản Hịch tướng sĩ nghị luận về vấn đề đề xã hội thời trung đại.
+ …
- Trong hai quyển sách đều rèn luyện cho chúng ta khả đọc hiểu, phân tích và cảm nhận về một tác phẩm văn học.
* Khác nhau:
- Ngữ Văn 8 tập 1: Các văn bản đều có nội dung gần gũi, sâu sắc và thiết thực đối với đời sống hiện nay.
- Ngữ Văn 8 tập 2: Các văn bản trong sách giúp chúng ta học tập, tìm hiểu các tác phẩm văn học nổi tiếng như Lão Hạc, Hoàng tử bé...; các tác phẩm thơ Đường luật như Mời trầu, Vịnh khoa thi Hương…

Câu 8 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):

Các dạng văn bản cụ thể được luyện viết trong sách Ngữ văn 8, tập hai thuộc những kiểu văn bản nào? Chỉ ra mối quan hệ giữa phần Viết và phần Đọc hiểu của mỗi bài học.

Trả lời:

- Các dạng văn bản cụ thể được luyện viết trong sách Ngữ văn 8, tập hai thuộc những kiểu văn bản: *Tự sự, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh.*
- Giữa phần viết và phần đọc hiểu của mỗi bài học có quan hệ mật thiết với nhau. Mỗi bài viết đều có cùng chủ đề hoặc cùng kiểu văn bản với các văn bản đọc hiểu.

Câu 9 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):

Thống kê các kĩ năng viết được rèn luyện trong sách Ngữ văn 8, tập hai (ví dụ, Bài 10: Tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết). Phân tích ý nghĩa và tác dụng của các kĩ năng nói trên.

Trả lời:

* Các kĩ năng viết được rèn luyện:
+ Phân tích tác dụng của yếu tố hình thức truyện.
+ Phân tích tác dụng của hình thức thơ.
+ Quan hệ giữa vấn đề, ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.
+ Câu chuyển đoạn trong bài nghị luận
+ Nêu lí lẽ và bằng chứng trong phân tích tác phẩm văn học.
+ Tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết.
* Phân tích tác dụng của hình thức thơ:
+ Việc rèn luyện các kí năng này giúp chúng ta học được cách phân tích, cảm nhận và đưa ra nhận định về các tác phẩm thơ.
- Quan hệ giữa vấn đề, ý kiến, lí lẽ và bằng chứng: Giúp chúng ta biết cách viết văn một cách logic, có sức thuyết phục hơn.
- Câu chuyển đoạn trong bài nghị luận: Giúp chúng ta rèn kĩ năng viết văn có sự liên kết giữa các câu, các đoạn sao cho bài văn có sự mạch lạc,
- Nêu lí lẽ và bằng chứng trong phân tích tác phẩm văn học: Giúp chúng ta biết cách xác định các luận đề, luận điểm, dẫn chứng, lí lẽ trong một bài văn nghị luận. Từ đó giúp bài văn của mình tăng sức thuyết phục với người đọc, người nghe.

- Tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết: Việc rèn luyện các kĩ năng này giúp chúng ta biết cách nắm bắt nội dung trọng tâm của một tác phẩm.

Câu 10 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):

Nêu một số điểm khác biệt (mục đích, nội dung, hình thức, lời văn,...) giữa kiểu bài phân tích một tác phẩm thơ và kiểu bài thuyết minh giới thiệu một tác phẩm thơ.

Trả lời:

Tiêu chí	Phân tích một tác phẩm thơ	Thuyết minh giới thiệu một tác phẩm thơ
Mục đích	Làm rõ những điểm nổi bật trong nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Trình bày cho người đọc biết các thông tin cơ bản về bài thơ như: nhan đề, thể loại, tác giả, hoàn cảnh ra đời, nội dung, hình thức, giá trị, ý nghĩa...
Nội dung	Phân tích, cảm nhận và chỉ ra được những giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề tác phẩm, nhất là các sáng tạo độc đáo của người viết.	Thuyết minh, giới thiệu về những vấn đề xoay quanh tác phẩm thơ như: tác giả, hoàn cảnh ra đời,... giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ.
Hình thức	Sử dụng hệ thống luận điểm, luận cứ và các phép lập luận.	Bài thường được trình bày theo trình tự: từ khái quát thông tin về tác giả, tác phẩm đến thông tin cụ thể về nội dung, hình thức của bài thơ; từ thông tin khác quan đến ý kiến chủ quan của người đọc, người xem hoặc người giới thiệu.
Lời văn	Rõ ràng, cụ thể với hệ thống lý lẽ, dẫn chứng logic, thể hiện quan điểm, cảm xúc của người viết.	Lời văn trung tính, khách quan, đưa ra thông tin rõ ràng, chuẩn xác.

Câu 11 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):

Các kiểu văn bản được học ở phần Viết trong sách Ngữ văn 8, tập hai có gì khác so với Ngữ văn 8, tập một?

Trả lời:

- Sách Ngữ văn 8 tập 1 rèn luyện cho các em viết các kiểu văn bản:

Kiểu văn bản	Nội dung cụ thể
Tự sự	Kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội, có dùng yếu tố miêu tả, biểu cảm.
Biểu cảm	Bước đầu biết làm một bài thơ sáu chữ, bảy chữ. Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ sáu chữ, bảy chữ.
Nghị luận	Viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống (nghị luận xã hội) và bài phân tích một tác phẩm văn học (nghị luận văn học).

Thuyết minh	Giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách.
Nhật dụng	Kiến nghị về một vấn đề đời sống.

- Sách Ngữ văn 8 tập 2 rèn luyện cho các em viết các kiểu văn bản:

Kiểu văn bản	Nội dung cụ thể
Nghị luận	Phân tích một tác phẩm truyện; Phân tích một tác phẩm thơ; Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí; nghị luận phân tích một tác phẩm kịch
Thuyết minh	Viết bài giới thiệu về một cuốn sách

=> Các kiểu văn bản được học ở phần Viết trong sách Ngữ văn 8, tập hai tập chung chủ yếu vào kiểu văn nghị luận và văn thuyết minh.

Câu 12 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):

Nêu những nội dung chính được rèn luyện về các kĩ năng nói và nghe ở sách Ngữ văn 8, tập hai. Xác định trọng tâm phần Nói và nghe của mỗi bài học.

Trả lời:

- Bài 6: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội ý

Rèn luyện cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

+ Một số vấn đề xã hội trong cuộc sống

- Ngưỡng mộ và mê muội thần tượng.

- Học sinh cấp Trung học cơ sở sử dụng xe gắn máy phân khối lớn đến trường.

- Cần biết lựa chọn sách để đọc.

+ Một số vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học:

- Giá trị của tình cha con được gợi ra sau khi học truyện Lão Hạc (Nam Cao).

- Thái độ cần có của người lớn đối với ước mơ của trẻ em được rút ra sau khi đọc văn bản Trong mắt trẻ (Ê-xu-pe-ri).

- Suy nghĩ về quê hương, mái trường và người thầy sau khi đọc đoạn trích Người thầy đầu tiên (Ai-ma-tốp).

- Bài 7: Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một tác phẩm thơ

Yêu cầu cụ thể ở bài này là nghe và tóm tắt nội dung của bài thuyết trình về một bài thơ.

- Bài 8: Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học

+ Rèn luyện kĩ năng nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học.

- Bài 9: Thuyết trình bài giới thiệu về một vấn đề của tác phẩm văn học

+ Rèn luyện kĩ năng thuyết trình bài giới thiệu về một vấn đề nội dung hay nghệ thuật của tác phẩm văn học.

- Bài 10: Giới thiệu một cuốn sách

+ Học về cách thức giới thiệu một cuốn sách ở phần Viết

Câu 13 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):

Nêu những yêu cầu cần bảo đảm khi thực hành hoạt động nói và nghe ở sách Ngữ văn 8, tập hai.

Trả lời:

Những yêu cầu cần bảo đảm khi thực hành hoạt động nói và nghe ở sách Ngữ văn 8, tập hai:

- Khi thực hiện:

* Người nói:

- Nội dung trình bày:

+ Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể.

+ Nội dung phong phú, có trọng tâm, được trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề.

- Hình thức trình bày:

+ Bài trình bày có bố cục rõ ràng.

+ Các nội dung minh hoạ có chất lượng.

+ Sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp.

+ Có sự sáng tạo, tạo được điểm nhấn cho nội dung trình bày.

- Tác phong, thái độ trình bày:

+ Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp.

+ Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng hoặc không có những từ ngữ chêm xen quá nhiều.

+ Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng.

+ Nội dung giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thoả đáng.

+ Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày.

* Người nghe:

- Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày, những nội dung cần hỏi lại.

- Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói. - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày.

- Khi nhận xét:

* Người nói:

- Lắng nghe nhận xét của các bạn và thầy, cô về bài trình bày.

- Rút kinh nghiệm về nội dung, cách thức và thái độ trình bày...

- Tự đánh giá:

+ Điều em hài lòng về bài trình bày của mình là gì?

+ Điều gì em muốn thay đổi trong bài trình bày đó?

* Người nghe:

- Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin đã chính xác chưa.

- Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày.

- Đánh giá:

+ Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao?

+ Điều em rút ra được từ bài trình bày của bạn là gì?

Câu 14 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):
Nêu nội dung chính của phần tiếng Việt được học trong sách Ngữ văn 8, tập hai. Các nội dung này có mối quan hệ như thế nào với phần Đọc hiểu, Viết, Nói và nghe?
Trả lời:
- Bốn nội dung lớn về tiếng Việt trong sách Ngữ văn 8 là: Từ ngữ, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, sự phát triển của ngôn ngữ.
Trong đó có các nội dung chính cụ thể của tiếng Việt tập 2 là:

+ Bài 6: Từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.
+ Bài 7: Đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình và từ tượng thanh.
+Bài 8: Câu khẳng định và câu phủ định.
+ Bài 9: Thành phần biệt lập trong câu.
+ Bài 10: Câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể.
- Các nội dung này là những vấn đề được sử dụng nhiều trong các văn bản của phần đọc hiểu và được áp dụng trong quá trình viết bài, quá trình rèn luyện kỹ năng nói và nghe.

Câu 15 (trang 124 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):
Nêu một số biện pháp tu từ có trong các bài thơ đã học ở Bài 7 và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ mà em thấy nổi bật.

Trả lời:
- Một số biện pháp tu từ có trong các bài thơ đã học ở Bài 7 là: ẩn dụ, đảo ngữ, câu hỏi tu từ.
- Ví dụ về phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ mà em thấy nổi bật là:
+ Hình ảnh: "Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi": khác với miếng trầu têm cánh phượng khéo léo trang trọng, câu thơ cho thấy sự giản dị, bình thường nhất. Vẫn là quả cau, miếng trầu nhưng lại không được toàn vẹn, ý nói sự nghèo khó, thiếu thốn, không hoàn hảo. Người phụ nữ chỉ có sự khéo léo, tấm lòng nhưng lại nghèo khó...

TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ

I. Đọc hiểu

Yêu cầu (trang 125 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2): Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

(1) Truyện *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* có rất nhiều nhân vật, tất cả đều được xây dựng để đặt vào mối quan hệ với nhân vật chính là người anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toản. Mới chỉ 15 tuổi nhưng Trần Quốc Toản đã không chịu được sự hống hách, ép bức cùng cực của vua tôi nhà Nguyên, đã một mực xin mẹ được chiêu mộ binh lính đánh giặc.

(2) Tuy tuổi đời còn trẻ nhưng tính cách quyết đoán, gan dạ và khí phách anh hùng dòng dõi nhà Trần của Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản đã được bộc lộ rõ qua từng suy nghĩ, hành động, cử chỉ. Lá cờ với dòng chữ "Phá cường địch báo hoàng ân" chính là minh chứng rõ nhất về cốt cách, tài năng hơn người của Trần Quốc Toản.

(3) Nguyễn Huy Tưởng là tác giả của những truyện và tiểu thuyết lịch sử hào hùng, oanh liệt. Ông được coi là cây bút hàng đầu về đề tài lịch sử với nhiều thể loại tiêu biểu. Và nổi bật nhất trong đó là vở kịch *Vũ Như Tô* và tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*. Không phải ngẫu nhiên mà ông được đánh giá vào hàng những cây bút xuất sắc trong mảng lịch sử. Yêu cầu quan trọng nhất khi viết về đề tài này là người viết phải cung cấp thông tin liên quan đến sự vật, sự việc một cách chính xác, có độ tin cậy cao, không chỉ là xoay quanh những cảm xúc, suy nghĩ, hành động của nhân vật chính mà là cả những chi tiết, diễn biến nhỏ như nhân vật phụ, thời gian, địa điểm,... Và Nguyễn Huy Tưởng đã làm được việc ấy một cách rất xuất sắc. Ông khéo léo dựa trên nền tảng vững chắc là lịch sử hào hùng của nước nhà, chắp thêm cánh cho nó để biến thành một truyện lịch sử vừa hấp dẫn vừa cung cấp cho người đọc hiểu biết về những sự kiện đã xảy ra.

(4) Như trong chính tác phẩm này, cái tài tình của Nguyễn Huy Tưởng nằm ở chỗ ông hình dung và xác lập ra những mốc thời gian, địa điểm của từng tình tiết nhỏ một cách chi tiết, khoa học và lô gích. Hay việc ông đặt mình vào nội tâm từng nhân vật để từ đó nêu bật được những suy nghĩ, cảm xúc của họ, kể cả tuyến nhân vật phụ như: mẹ của Trần Quốc Toản, Thế Lộc, Toa Đô,... rất hợp lí, hợp tình. Để từ đó, người đọc thâu tóm, bao quát được bức tranh sự kiện và có cái nhìn rõ hơn về từng nhân vật lịch sử.

(Theo HOÀNG THẢO, hoahoctro.tienphong.vn, 2-5-2020)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5)

Câu 1 (trang 126 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):

Đoạn trích trên giới thiệu về vấn đề gì?

A. Về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Huy Tưởng

B. Về tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* và Nguyễn Huy Tưởng

C. Về tài năng nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng

D. Về một số nhân vật trong tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*

Trả lời:

Đáp án đúng là B.

Câu 2 (trang 126, SGK Ngữ văn 8, tập 2 - Cánh diều):

Có thể xem đoạn trích trên thuộc kiểu bài viết nào?

A. Giới thiệu về một nhà văn

B. Phân tích tác phẩm văn học

C. Giới thiệu về một cuốn sách

D. Kể lại một truyện lịch sử

Trả lời:

Đáp án đúng là C.

Câu 3 (trang 127 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):

Đoạn văn nào tóm tắt nội dung chính của tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*?

A. (1) và (2)

B. (1) và (3)

C. (2) và (4)

D. (2) và (3)

Trả lời:

Đáp án đúng là A.

Câu 4 (trang 127 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):

Đoạn văn nào đánh giá tài năng viết tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Huy Tưởng?

A. (2) và (3)

B. (1) và (2)

C. (3) và (4)

D. (1) và (3)

Trả lời:

Đáp án đúng là C.

Câu 5 (trang 127 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):

Ghép tiếng “hào” trong các từ ở cột A với nghĩa phù hợp ở cột B:

A	B
a) Hào hùng	1) rãnh rộng và sâu để làm công sự hoặc đi lại, vận chuyển an toàn
b) Hô hào	2) phi thường; người có tài trí xuất chúng
c) Chiến hào	3) kêu gọi
d) Hào kiệt	4) có khí thế mạnh mẽ và sôi nổi

Trả lời:

a - 4; b - 3; c - 1; d - 2

Câu 6 (trang 127 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):

Trong văn bản có nêu: "Yêu cầu quan trọng nhất khi viết về đề tài này là người viết phải cung cấp thông tin liên quan đến sự vật, sự việc một cách chính xác, có độ tin cậy cao…". Em hiểu "đề tài này" là đề tài nào? Vì sao đề tài ấy phải đáp ứng được yêu cầu đã nêu?

Trả lời:

- Đề tài truyện lịch sử.

- Vì truyện lịch sử khi được viết ra bắt buộc phải dựa vào sự thật, không được sai lệch.

Câu 7 (trang 127 sgk Ngữ Văn lớp 8 Tập 2):

"Ông khéo léo dựa trên nền tảng vững chắc lịch sử hào hùng của nước nhà, chắp thêm cánh cho nó để biến thành một tiểu thuyết lịch sử vừa hấp dẫn vừa cung cấp cho người đọc hiểu về những sự kiện đã xảy ra". Em hiểu cụm từ "chắp thêm cánh" ở đây là chỉ việc gì?

Trả lời:

- Cụm từ "chắp thêm cánh ở đây là chỉ việc nhà văn đã thổi hồn vào nhân vật và câu chuyện, tạo ra các hình tượng nghệ thuật giúp người đọc dễ dàng hình dung, tưởng tượng.

Tuần

Ngày soạn:

Ngày giảng:

Tiết 137,138: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở kì 2.

2. Năng lực:

Học sinh làm được các bài kiểm tra thông qua các nội dung đã học.

3.Phẩm chất:

- Nghiêm túc khi làm bài, bày tỏ được tình cảm của mình trong khi làm bài.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1- GV: Tài liệu tham khảo, đề bài, đáp án, photo đề.

2- **HS**: Soạn bài ở nhà và chuẩn bị tốt cho tiết kiểm tra.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần

Tiết 139 : NÓI VÀ NGHE : GiỚI THIỆU MỘT CUỐN SÁCH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Phát triển kĩ năng nói và nghe

- HS trình bày được bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (theo sự lựa chọn cá nhân), cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ như ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, ... và các phương tiện minh hoạ, hỗ trợ để hoạt động trình bày thêm rõ ràng, thú vị, hấp dẫn.
- Lựa chọn cách nói phù hợp với đối tượng người nghe.
- Nghe và tổng hợp được các thông tin chính của bài nói, biết nhận xét về chất lượng bài nói (nội dung và cách trình bày), trao đổi để rút kinh nghiệm cách thực hiện bài nói theo yêu cầu của bài.

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. *Năng lực đặc thù:*

3. Phẩm chất:

- Tự giác điều chỉnh sản phẩm khi thực hành nói.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Trong số những tác phẩm đã học, em ấn tượng nhất với tác phẩm nào? Chỉ ra vấn đề cụ thể của tác phẩm ấy mà em thấy quan tâm nhất?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

*** Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

*** Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**

2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Học sinh biết cách xác định yêu cầu của một bài trình bày bài nói và nghe b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	**1. Định hướng**
*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Yêu cầu bài nói? *** Thực hiện nhiệm vụ:** - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập… *** Báo cáo kết quả:** - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả. *** Kết luận, đánh giá:** - HS, GV đánh giá, nhận xét.	– Chọn cách nói phù hợp với đối tượng người nghe. – Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như ánh mắt, nét mặt, cử chỉ... và các phương tiện minh hoạ, hỗ trợ để hoạt động thuyết trình thêm rõ ràng, thú vị, hấp dẫn.
a) Mục tiêu: học sinh nắm được các bước thực hành của một bài nói và nghe b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu	**2. Thực hành**

học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	
*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy nhắc lại các bước khi thực hành bài nói? *** Thực hiện nhiệm vụ:** - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập… *** Báo cáo kết quả:** - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả. *** Kết luận, đánh giá:** - HS, GV đánh giá, nhận xét.	Đề bài: Hãy giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích với thầy (cô) và các bạn trong lớp. **1. Chuẩn bị** - Xác định các yêu cầu cần thực hiện: mục đích viết, người đọc.... - Lựa chọn cuốn sách em yêu thích để giới thiệu. - Đọc kĩ lại cuốn sách để xác định thông tin về nội dung, hình thức, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách. - Tìm hiểu, lựa chọn, thu thập thông tin, hình ảnh liên quan đến cuốn sách từ các nguồn khác nhau như sách, báo. Internet,... - Xác định thời lượng thuyết trình, đối tượng nghe bài thuyết trình. **2. Tìm ý và lập dàn ý** **a) Tìm ý** *Tên cuốn sách?Các thông tin chung về cuốn sách?* *- Nội dung của cuốn sách?* *- Hình thức của cuốn sách?* *- Giá trị, ý nghĩa của cuốn sách?* *- Các hình ảnh minh hoạ cần sử dụng?* - Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được ở trên, lựa chọn và sắp xếp lại theo bố cục ba phần của bài viết. **b) Lập dàn ý:** + Mở đầu: Chào hỏi, giới thiệu cuốn sách mà em yêu thích. + Nội dung chính: Lần lượt trình bày thông tin chung về cuốn sách; nội dung, hình thức, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách. Sử dụng các hình ảnh, nội

	dung minh hoạ tương ứng. + Kết thúc: Cảm ơn và bày tỏ mong muốn nhận được phản hồi từ người nghe.
Người nói: Nội dung trình bày: + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể. + Ý kiến phong phú, có trọng tâm, trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề. - Hình thức trình bày: + Bài trình bày có bố cục rõ ràng. + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp. + Có sự sáng tạo trong trình bày. - Tác phong, thái độ trình bày: + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp. + Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, hoặc không có những từ ngữ chêm xen (à, ờ, thì, mà, là,…). + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng. + Giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thỏa đáng. + Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày. **Người nghe:** - Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày; những nội dung cần hỏi lại. - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói. - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày.	**3. Trình bày bài nói – nghe** Hoạt động nói và nghe cần đảm bảo được các yêu cầu sau:
?Yêu cầu đối với người nói? + Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp.... + Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc, sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời	**4. Kiểm tra và chỉnh sửa** **Người nói:** Lắng nghe nhận xét của thầy cô, bạn bè,… về bài trình bày. - Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị,

gian dự kiến. + Chú ý chỉnh giọng điệu, cách trình bày, quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe. + Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày xong hoặc kết hợp trả lời trong khi trình bày. **?Yêu cầu đối với người nghe?** + Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từng người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại. + Sử dụng cử chỉ, nét mặt để kích lệ người nữa. + Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết để trao đổi lại các chi tiết, nội dung mà em thấy chưa thuyết phục. **Tham khảo:**	nội dung, cách thức và thái độ trình bày,… - Tự đánh giá: + Trong bài trình bày của mình, em hài lòng về những điểm nào (nội dung, hình thức, thái độ)? + Điều em muốn thay đổi trong bài trình bày đó là gì? **Người nghe:** - Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin (Đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì?,…) - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày. - Đánh giá: + Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao? + Điều em rút ra từ bài trình bày của bạn là gì?
	Dựa vào bảng kiểm

BẢNG KIỂM

PHIẾU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ
Nhóm:…..

Mức độ **Tiêu chí**	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Nội dung tóm tắt căn cứ vào ý kiến người phát biểu.	Nội dung rời rạc, không đúng với ý kiến người nói.	Nội dung tương đối phù hợp với ý kiến người nói.	Nội dung phù hợp với ý kiến người nói, bám sát sự trình bình của người nói.
2. Tóm lược được các ý chính.	Không tóm lược được ý chính	Có vài ý chính, không lan man.	Đầy đủ ý chính.
3. Trình bày rõ ràng, sạch , đẹp.	Cẩu thả trong trình bày.	Tương đối cẩn thận với việc trình bày.	Trình bày sạch đẹp.
4. Có sự quan sát người trình bày.	Không chú ý.	Về cơ bản có sự quan sát.	Quan sát tốt người trình bày.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
*** Chuyển giao nhiệm vụ:** tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy? *** Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần *** Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả *** Đánh giá nhận xét:** - Học sinh nhận xét câu trả lời.	**Bài tập: Tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy**

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

b) Nội dung: Làm thế nào để có một hình ảnh so sánh hay?

c) Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Đề bài: Hãy giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích với thầy (cô) và các bạn trong lớp. *** Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần *** Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả *** Đánh giá nhận xét:**	Đề bài: Hãy giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích với thầy (cô) và các bạn trong lớp.

- Học sinh nhận xét câu trả lời.	

1, Mở đầu:

- Kính thưa....

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề:

Xin chào thầy cô và các bạn!

Nhắc đến văn hào nổi tiếng Hector Malot, chắc chắn chúng ta ai cũng nghĩ ngay đến tác phẩm không gia đình - Cuốn sách đã gây được ấn tượng mạnh mẽ về tình cảm gia đình cho người đọc. Hôm nay, chúng ta hãy cùng với AnyBooks đi sâu vào tác phẩm để hiểu hơn về thông điệp

2. Nội dung chính

- Đôi nét về tác giả sách không gia đình

Tác giả của cuốn sách không gia đình chính là Hector Malot - một nhà văn nổi tiếng của nước Pháp, ông là tác giả của rất nhiều cuốn tiểu thuyết và thời kỳ đó và được các độc giả khắp nơi trên thế giới yêu mến. Sự nghiệp văn chương của ông bao gồm hơn 70 tác phẩm trong đó cuốn sách không gia đình ra mắt năm 1878 chính là tác phẩm tô điểm thêm sự thành công của ông.

Tác phẩm không gia đình ban đầu được ông hướng đến đối tượng nhí những chính người lớn lại phát cuồng về tác phẩm này của ông. Ngoài ra, ông còn rất nhiều tác phẩm để lại dấu ấn như cuốn sách Những người tình - tác phẩm đầu tay tạo nên cơn sốt hay tác phẩm Romain Kalbris (1869), Trong gia đình (En Famille, 1893).

Ông được người đời ca ngợi về tài năng trong việc viết sách, nghệ thuật của ông chính là để lại những triết lý khiến cho người lớn phải suy ngẫm trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ của nước pháp và giúp họ tìm ra con đường mới để thoát khỏi sự giam cầm trong chính bản thâm mình.

- Nội dung của cuốn sách

Nội dung của tác phẩm không gia đình kể về số phận đặc biệt của một bé đứa mồ côi cha mẹ tên là Remi, từ nhỏ cậu đã được nuôi dưỡng trong gia đình có tên là Barberin. Tuy nhiên, chưa bao lâu vì hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên gia đình này đã bán cậu cho một người đàn ông có tên là Vitalis - ông chủ của một đoàn xiếc rong.

Kể từ đó, tuổi thơ của Remi gắn liền với đoàn xiếc này, tại đây cậu làm bạn với những con vật được nuôi dưỡng trong gánh xiếc để biểu diễn như khỉ, chó và cùng ông chủ đoàn xiếc Vitalis rong ruổi khắp nước Pháp để kiếm sống mưu sinh. Nhờ vào sự dạy dỗ của ông chủ, Remi đã học hỏi được rất nhiều và dần trở thành một cậu bé bản lĩnh dám đương đầu với mọi khó khăn trong cuộc sống.

Trong hành trình mưu sinh và phiêu bạt khắp nơi cùng đoàn xiếc, cậu bé tiếp xúc với hết thảy các hạng người tốt xấu trong xã hội lúc bấy giờ và gặp không ít nguy hiểm. Thể nhưng nhờ vào những đức tính cao đẹp mà ông chủ Vitalis đã dạy dỗ cho cậu đã giúp cậu tỉnh táo vượt quá những thử thách đó và tiếp tục lao động chăm chỉ cùng với rạp xiếc.

So với lứa tuổi của mình, Remi đã phải đối mặt với rất nhiều tình cảnh éo le, có những chi tiết kể rằng cậu sắp bị chết đói và chết rét hay thậm chí là bị bắt bỏ tù một

cách oan uổng. Thế nhưng sau tất cả Remi vẫn xây dựng cho mình được một đức tính, giữ đúng được phẩm chất làm người và không bao giờ chịu đầu hàng số phận mặc dù cho xã hội lúc bấy giờ rất loạn lạc.
Ngay cả khi ông chủ rạp xiếc Vitalis qua đời và gánh xiếc chỉ lại đúng chó chó để bầu bạn với cậu, thế nhưng cậu không bỏ cuộc và tiếp tục lao động và cống hiến mình., Khiến cho người đọc cảm thấy nể phục với tinh thần và phẩm chất của cậu bé có tuổi đời còn quá nhỏ này.
Ở cuối tác phẩm, sau khi bị bỏ tù ở nước Anh, Remi cuối cùng cũng tìm thấy được niềm hạnh phúc cho riêng mình đó là tìm lại được người mẹ đã thất lạc của mình sau bao nhiêu năm xa cách. Đây cũng chính là phần thưởng dành cho cậu bé đã phải chịu quá nhiều cực khổ, đọc đến đây cũng đã có rất nhiều khán giả vui mừng và xúc động với nhân vật này.
- Thông điệp ý nghĩa mà cuốn sách muốn gửi gắm
Có thể nói rằng, tác phẩm không gia đình đã đưa người đọc cùng trải nghiệm hành trình mưu sinh của cậu bé Remi với nhiều tình huống trớ trêu mà một cậu bé còn quá nhỏ phải chịu đựng và vượt qua. Đã có lúc tưởng chừng cái kết đã cận kề nhưng cậu bé vẫn lạc quan vượt qua, tiếp thu thêm nhiều kinh nghiệm quý giá mà những đứa trẻ cùng độ tuổi khác không có được.
Từ đó, cùng với ông chủ và gánh xiếc, remi đã vượt qua những năm tháng lao động vất vả nhưng lại đầy quyết tâm vươn lên. Kể cả khi người thân duy nhất là ông chủ gánh xiếc đã qua đời, những đức tính mà ông dạy cho Remi vẫn không hề bị suy giảm hay mất đi thậm chí nó ngày càng mãnh liệt hơn.
Có thể nói, gánh xiếc chính là ngôi nhà của Remi, nơi cậu có được tình thương và sự bao bọc của ông Vitalis cùng với những con thú, tất cả đã tạo nên một gia đình thật sự. Cũng nhờ đó, đã giúp Remi có thêm động lực để sống tốt và vượt qua những thử thách dù tuổi đời vẫn còn quá nhỏ.
Tác giả Hector Malot đã vô cùng thành công trong việc tạo nên những chi tiết có tính xúc động mạnh đánh trung tâm lý của người đọc cũng như tạo nên những phân cảnh tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm.
Tuy được viết dành cho trẻ em tác phẩm lại có rất nhiều chi tiết để người lớn phải suy ngẫm, có nhiều người sau khi đọc cuốn sách này còn cảm thấy hổ thẹn vì bản thân mình không bằng một đứa trẻ. Cũng chính tác phẩm này đã làm rất nhiều người thức tỉnh, giúp họ tạo thêm động lực để vượt qua những khó khăn mà cuộc sống đem lại.
3. Kết thúc: Khẳng định lại vấn đề
Trên đây là phần giới thiệu về quyển sách nổi tiếng không gia đình của tác giả Hector Malot mà chúng tôi muốn gửi đến các độc giả. Hy vọng với những thông tin bạn đã hiểu hơn về nội dung của cuốn sách và có thêm động lực để vững bước trên con đường của mình. Nếu bạn muốn tìm hiểu sâu hơn thì hãy mua ngay một quyển về để có thể trải nghiệm nhé!

Hồ sơ dạy học:

Rubic đánh giá phiếu học tập số 3

Nội dung yêu cầu	Mức đánh giá		
	(1)	(2)	(3)
Phiếu học tập số 1	Học sinh thực hiện được 1/3 yêu cầu phiếu đưa ra	Học sinh thực hiện được 2/3 yêu cầu phiếu đưa ra	Học sinh thực hiện được 3/3 yêu cầu phiếu đưa ra
Phiếu học tập số 2	Học sinh thực hiện được 2/3 yêu cầu phiếu đưa ra	Học sinh thực hiện được 4/6 yêu cầu phiếu đưa ra	Học sinh thực hiện được từ 5/3 yêu cầu phiếu đưa ra

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản Tập truyện Quê mẹ của nhà văn Thanh Tịnh, SGK trang 120 và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Câu 1. Nội dung văn bản được trình bày theo trật tự nào?

A. Giới thiệu khái quát về tập *Quê mẹ*; giới thiệu nội dung tập truyện; nhận xét, đánh giác về tập truyện

B. Nhận xét, đánh giá về tập truyện; giới thiệu khái quát về tập *Quê mẹ*; giới thiệu nội dung tập truyện

C. Giới thiệu nội dung tập truyện; giới thiệu khái quát về tập *Quê mẹ*; nhận xét, đánh giá về tập truyện

D. Giới thiệu nội dung tập truyện; nhận xét, đánh giá về tập truyện; giới thiệu khái quát về tập *Quê mẹ*

Trả lời:

Đáp án đúng là A.

Câu 2. Trong các ý kiến sau, **những** ý kiến nào đúng?

A. Tập *Quê mẹ* xuất bản lần đầu năm 1941, có lời *Tựa* của Thế Lữ

B. Trong lần tái bản năm 1983, tập truyện gồm 18 truyện ngắn

C. Không gian nghệ thuật trong tập truyện là làng Mỹ Lý, xứ Huế, quê hương của Thanh Tịnh

D. Tập truyện viết về đời sống tình cảm của những người nông dân nghèo xứ Huế

Trả lời:

Đáp án đúng là B.

Câu 3 . Điểm chung của các nhân vật trong tập truyện *Quê mẹ* là gì?

A. Luôn gặp bất hạnh, trắc trở trong cuộc sống

B. Luôn lạc quan, yêu đời, chất phác, hồn hậu

C. Luôn ánh lên vẻ đẹp của tâm hồn và ai cũng có nỗi đau khổ riêng

D. Luôn mong muốn khẳng định bản thân, sống một cuộc đời thực sự có ý nghĩa

Trả lời:

Đáp án đúng là C.

Câu 4.

Truyện nào được người viết đánh giá là tiêu biểu hơn cả trong tập *Quê mẹ*?

A. Ngậm ngải tìm trầm

B. Am cu li xe

C. Tôi đi học

D. Quê mẹ

Trả lời:

Đáp án đúng là B.

Câu 5. Phương án nào nêu trực tiếp ý kiến nhận xét của người viết về tập *Quê mẹ*?

A. *Quê mẹ* là tập truyện ngắn của nhà văn Việt Nam Thanh Tịnh, xuất bản lần đầu năm 1941, gồm 13 truyện, có lời *Tựa* của Thạch Lam

B. Trong lần tái bản năm 1983, tác phẩm được bổ sung thêm năm truyện: *Am cu li xe, Con so về nhà mẹ, Ngậm ngải tìm trầm, Một đêm xuân, Làng.*

C. … Ông thích những cái nhẹ nhàng, dịu ngọt, bâng khuâng, man mác. Mỗi truyện ngắn như một bài thơ vịnh gọn và có dư vị trữ tình lắng sâu.

D. "Thanh Tịnh đã muốn làm người mục đồng ngồi dưới bóng tre để ca hát những đám mây và những làn gió lướt bay trên cánh đồng, ca hát những vẻ đẹp của đời thôn quê…"

Trả lời:

Đáp án đúng là C.

Câu 6 . Chỉ ra thông tin chính được giới thiệu trong phần (2) của văn bản và các chi tiết làm rõ thông tin chính đó.

Trả lời:

- Thông tin: Tác giả tập trung viết về nông thôn xứ Huế quê Ông.

- Các chi tiết làm rõ thông tin:

+ Miêu tả khung cảnh làng quê "Trên cơ sở một không gian... tha thiết, gợi nhớ."

+ Giới thiệu các nhân vật trong các câu chuyện "Trên bối cảnh thơ mộng và phảng phất buồn ấy...côi cút"

+ …

Câu 7. Em đã được đọc truyện ngắn nào trong tập *Quê mẹ*? Từ hiểu biết về truyện ngắn đó, em thấy ý kiến sau có chính xác không: "Nhìn chung, Thanh Tịnh thuộc một phong cách nghệ thuật gần với Thạch Lam, Hồ Dzếnh, Xuân Diệu (*Phấn thông vàng*) nhưng có sắc thái riêng: ông thích những cái nhẹ nhàng, dịu ngọt, bâng khuâng, man mác."? Hãy giải thích rõ ý kiến của em.

Trả lời:

- Em đã được đọc truyện ngắn Tôi đi học trong tập Quê mẹ.

- Theo em, nhận xét của nhà văn Thạch Lam là đúng. Bởi vì ngay từ đoạn mở đầu truyện ngắn Tôi đi học của Thanh Tịnh đã thể hiện sự trong sáng, gợi cảm và giàu chất thơ trong văn của Thanh Tịnh. Trong truyện "tôi đi học" của tác giả Thanh Tịnh, ông đã rất thành công trong việc sử dụng các nghệ thuật tinh tế, nhẹ nhàng, mà vô cùng sâu sắc kết hợp với các ngôn ngữ giàu hình ảnh giàu gợi hình, gợi cảm với giọng điệu nhẹ nhàng êm dịu góp phần tạo nên chất thơ, chất trữ tình trong truyện

Câu 8 . Em biết thêm thông tin nào khác về tập *Quê mẹ*? Hãy trình bày ngắn gọn các thông tin đó.

Trả lời:

- Truyện Quê mẹ đã nổi tiếng một thời gian dài vì được trích dẫn trong các sách giáo khoa, làm bài học thuộc lòng cho nhiều thế hệ học trò.

- Truyện được trích dẫn và truyền tụng, vì giá trị giáo dục: đoạn văn ca ngợi buổi đi học đầu tiên, ngày tựu trường, và đề cao việc học, văn hóa, trong giai đoạn người đi học chưa nhiều.

Câu 9

Hãy chuyển văn bản trên thành một bản đồ họa (infographic) để giới thiệu về tập truyện *Quê mẹ* của nhà văn Thanh Tịnh.



Tuần

Tiết 140: TRẢ BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II

CHỦ ĐỀ 2: TRUYỆN NGẮN

Ngày soạn: 1/9/2023
Ngày dạy:

Tiết 13+14+15+16+17

LUYỆN ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU MỚI – TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a, Năng lực đặc thù

- Làm được các đề ôn luyện với các ngữ liệu có cùng thể loại.

b, Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa để tìm hiểu đề và làm đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề làm các đề cô giáo ra.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

2, Phẩm chất

- *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

- *Trách nhiệm:* Có ý thức làm đề và luyện đề.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU: ÔN TẬP PHẦN KIẾN THỨC NGỮ VĂN

THẢO LUẬN CẶP ĐÔI

B1. GV chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu hs nhắc lại một số nội dung kiến thức về truyện ngắn đã được học

B2.Tổ chức cho HS thảo luận. Quan sát, khích lệ HS.

B3.Tổ chức cho HS báo cáo kết quả, rút kinh nghiệm.

+ HS đại diện nhóm xung phong trả lời.

+ Các nhóm khác trao đổi, phản biện.

B4. GV tổng hợp ý kiến, kết luận:

- Truyện ngắn là thể loại cỡ nhỏ của tác phẩm văn xuôi hư cấu, thường phản ánh một "khoảng khắp", một tình huống độc đáo, một sự kiện gây ấn tượng mạnh, có ý nghĩa nhất trong cuộc đời nhân vật.
- Kết cấu truyện ngắn không chia thành nhiều tuyến
- Bút pháp trần thuật thường chấm phá.
- Yếu tố quan trọng nhất của truyện ngắn là những chi tiết cô đúc, lối hành văn mang nhiều hàm ý.
- Có truyện ngắn khai thác cốt truyện kì lạ, lại có truyện ngắn viết về câu chuyện giản dị, đời thường; có truyện giàu tính triết lí, trào phúng, châm biến, hài hước; lại có truyện ngắn rất giàu chất thơ.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

ĐỀ ĐỌC HIỂU 1

I. Phần đọc hiểu

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

CỦ KHOAI NƯỚNG

Sau trận mưa rào vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lành lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi cơm bốc khói nghi ngút.

Nhưng từ giờ đến tối còn lâu và cậu cần phải tìm được một việc gì đó trong khi con trâu đang mải miết gặm cỏ. Cậu bèn ngồi đếm từng con sáo mỏ vàng đang nhảy kiếm ăn trên cánh đồng màu đã thu hoạch. Thỉnh thoảng chúng lại nghiêng ngó nhìn cậu, ý chừng muốn dò la xem "anh bạn khổng lồ" kia có thể chơi được không. Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mạp, tua tủa hướng lên trời. Kinh nghiệm đủ cho cậu biết bên dưới những chiếc mầm là củ khoai lang sót. Với bất cứ đứa trẻ trâu nào thì điều đó cũng tương đương với một kho báu. Nó bị

sót lại từ trước Tết và bây giờ nó sẽ rất ngọt. Để xem, anh bạn to cỡ nào? Không ít trường hợp bên dưới chỉ là một mẩu khoai. Nước miếng đã kịp tứa khắp chân răng khi cậu tưởng tượng đến món khoai nướng. Ruột nó trong như thạch. Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này. Thật may là mình đem theo lửa - cậu lẩm bẩm. Sợ niềm hy vọng đi veo mất nên cậu rón rén bới lớp đất mềm lên. Khi cậu hoàn toàn tin nó là một củ khoai thì cậu thọc sâu tay vào đất, sâu nữa cho đến khi những ngón tay cậu ôm gọn củ khoai khá bự, cậu mới từ từ lôi nó lên. Chà, thật tuyệt vời. Nó không chỉ đơn thuần là củ khoai sót. Nó y như quà tặng, một thứ kho báu trời đất ban riêng cho cậu. Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đống cành khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, cùi trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt. Cậu nhớ lại có lần bà kể, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát chết đói và sau đó làm nên sự nghiệp. Chuyện như cổ tích nhưng lại có thật. Nào, để xem sau đây cậu sẽ làm nên công trạng gì.

Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa. Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.

- Mùi gì mà thơm thế - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút điếu thuốc đã cháu.

Ông lão lần túi lấy gói thuốc lào. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc điếu nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lấn dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Dường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:

- Tôi chỉ xin lửa thôi...

Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mắt lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.

- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!

Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gằm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chí ít cũng là hai củ. Đằng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng

gợn sóng nằm phơi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.

Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mường tượng giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?

(Theo *Truyện ngắn Tạ Duy Anh)*

Câu 1. Câu chuyện xảy ra vào thời điểm nào trong năm?

A. Cuối đông B. Chớm hè

C. Cuối xuân D. Đầu thu

Câu 2. Ai là người kể chuyện?

A. Cậu bé Mạnh. B. Ông lão ăn mày.

C. Người kể chuyện giấu mặt. D. Cậu bé ăn mày.

Câu 3. Trong câu văn: *Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy*., từ "*có thể*" là thành phần gì?

A. Thành phần cảm thán B. Thành phần tình thái

C. Thành phần gọi đáp D. Thành phần phụ chú.

Câu 4. Chủ đề của truyện là gì?

A. Lòng dũng cảm B. Tinh thần lạc quan

C. Tinh thần đoàn kết D. Lòng yêu thương con người

Câu 5. Vì sao cậu bé Mạnh lại có *"cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá"?*

A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày.

B. Vì nhận được lời cảm ơn của ông lão.

C. Vì được thưởng thức món ăn ngon.

D. Vì không bị lão ăn mày làm phiền.

Câu 6. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu *"Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo ra một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này."?*

A. So sánh B. Nhân hóa

C. Nói qúa D. Nói giảm nói tránh

Câu 7. Cốt truyện của truyện ngắn "Củ khoai nướng" thuộc loại nào sau đây?

A. Cốt truyện đơn tuyến B. Cốt truyện đa tuyến

C. Không có cốt truyện D. Không thể xác định.

Câu 8. Cậu bé Mạnh có thái độ như thế nào đối với hai ông cháu lão ăn mày?

A. Tôn trọng B. Coi thường

C. Biết ơn D. Thương hại

Câu 9. Nếu em là nhân vật cậu bé Mạnh trong câu chuyện, em có cư xử với hai ông cháu lão ăn mày như nhân vật trong truyện đã làm hay không, vì sao?
Câu 10. Từ câu chuyện của cậu bé Mạnh, em hãy viết đoạn văn (3– 5 câu) trình bày suy nghĩ về lòng yêu thương?

Hướng dẫn chấm

Câu	Yêu cầu cần đạt
PHẦN ĐỌC HIỂU	
1	B. Chớm hè
2	C. Người kể chuyện giấu mặt.
3	B. Thành phần tình thái
4	D. Lòng yêu thương con người
5	A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày.
6	C. Nói qúa
7	A. Cốt truyện đơn tuyến.
8	A. Tôn trọng
9	- Nêu được cách cư xử của Mạnh: Cảm thông, chia sẻ và tôn trọng với những người bất hạnh, kém may mắn. - Nếu là Mạnh thì em cũng sẽ làm như bạn ấy bởi chỉ có tình yêu thương mới làm rung động trái tim con người, từ trái tim mới chạm đến trái tim vì vậy hành động của Mạnh đã khiến cậu như lớn hơn, chững chạc hơn, tấm lòng bao dung, yêu thương con người của cậu vì thế mà rộng ra mãi. ** HS nêu được cách ứng xử của nhân vật Mạnh cách ứng xử của bản thân phù hợp đạo đức, pháp luật, đảm bảo theo gợi ý: 1,0 điểm; Chỉ nêu được một ý, một phần đáp án: 0,5 điểm; không nêu hoặc nêu sai hoàn toàn: 0 điểm.*
10	Trình bày được một số ý sau: - Tình yêu thương là sự đồng cảm, thấu hiểu, chia sẻ, gắn bó, quan tâm, giúp đỡ, yêu mến, trân trọng hòa hợp…giữa con người với nhau. - Yêu thương được xem là một phẩm chất đẹp, cao quý và là giá trị sống cốt lõi của con người giúp con người gần nhau hơn. - Người đón nhận tình yêu thương có thêm niềm tin vào cuộc sống, có động lực vượt qua khó khăn của cuộc sống. - Tình yêu thương trao đi có thể là vật chất hoặc tinh thần. - Thay đổi cái nhìn của mọi người trong xã hội: - Cần phê phán những người vô cảm, không có thói quen chia sẻ và giúp đỡ người khác. ** HS nêu được ít nhất 3 ý thể hiện suy nghĩ về lòng yêu thương, đảm bảo theo gợi ý: 1,0 điểm; Chỉ nêu được 1 – 2 ý, một phần đáp án: 0,5 điểm; không nêu hoặc nêu sai hoàn toàn: 0 điểm.*

ĐỀ ĐỌC HIỂU 2

Phần I: Đọc hiểu

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu câu bên dưới:

CHUỖI HẠT CƯỜM MÀU XÁM

Mắt nó rõ ràng là màu đen, nhưng tôi lại cứ thích bảo rằng mắt nó màu xám, như đôi mắt của một cô bé tóc nâu trong câu chuyện nào đó.

- Màu đen chứ! – Nó phụng phịu.

- Màu xám! Màu xám mà lị!

- Màu đen!

- Màu xám!

- Màu đen cơ!

Nó khóc thét lên, mặt đỏ phừng phừng. Tôi khoái chí cầm cành sung huơ lên trước mặt nó. Nó hay khóc nhè, hơi một tí là khóc. Một ngày có khi nó khóc mấy lần vì tôi. Vậy mà cứ bám riết lấy, thân như một cái đuôi. Mà tôi thì thế, nhưng không hề ghét nó. Cái Na ấy, bé tí như con chim chích, mặt tròn, có một nốt ruồi dưới mắt trái. Hai ông cháu cái Na nghèo lắm, có khi nghèo nhất làng. Tôi không biết gì về bố mẹ Na, chỉ thấy có hai ông cháu tối ngày lùa vịt ra đầm rồi lùa về. Mỗi sáng, sương mai vừa tan là nó đội chiếc nón mê lủi thủi ra đầm trông vịt. Con đầm nằm bên kia cánh rừng, rộng mênh mông, đầy lau lách. Tôi đi học buổi sáng, chiều về thả trâu rồi ra đầm chơi với nó, hai đứa rúc vào bụi mua rậm rì hái quả, mồm mép đen nhẻm như ngậm mực. Na không đi học, tôi biết nó thèm khát lắm khi thấy mỗi sáng chúng tôi í ới gọi nhau đến lớp. Đôi lúc hứng chí tôi mang giấy bút theo, bắt nó bò ra cỏ nhìn quả trứng vịt mà vẽ, bảo đấy là chữ O.

Rằm tháng Bảy là cái tết thứ hai trong năm của chúng tôi. Ngày đó, trẻ con được mặc áo mới, nhà nhà gói bánh rôm rả lắm. Năm nào ông cháu cái Na cũng mang gạo sang góp chung với nhà tôi gói bánh gù, bao giờ nó cũng nhớ gói vài chiếc nhỏ xíu để hai đứa ăn trước. Mẹ tôi rất thương cái Na, phần vì nhà tôi không có con gái, phần vì hoàn cảnh của nó. Mẹ thường chải mái tóc rối bù, khét lẹt của nó, buộc thành hai túm vểnh lên như đuôi ngựa, dạy nó làm đủ thứ bánh,...

- Anh Di ơi!

- Cái gì?

- Hải cho em chùm phong lan kia với.

Tôi nhìn theo tay nó chỉ. Chà! Chùm phong lan đang độ nở đầy, vàng rực sáng cả vòm lá cao chót vót. Tôi giao hẹn: "Được thôi. Nhưng không được mách mẹ là tao bắn què con gà đấy nhé!". Tôi sợ nhất cái Na mách lẻo những tội tày đình của mình với mẹ. Vừa hôm qua thôi, tôi giương súng cao su định bắn con lợn đang dũi đất ngoài vườn rau lại trúng phải con gà mái mẹ, què cẳng nó. Na vừa cười vừa gật lia lia.

Gì chứ trèo cây là thú vui của tôi, nhất là trên cây có tổ sáo hay khướu thì khỏi nói. Tôi trèo thoăn thoắt, ở dưới cái Na cứ ngửa mặt lên xuýt xoa, luôn miệng nhắc cẩn thận. Lúc thả chùm phong lan xuống cho nó, tôi từ từ tụt xuống rồi giả vờ ngã

phịch, nằm thẳng đừ. Cái Na cuống quýt vứt chùm hoa đi mếu máo sờ nắn khắp người tôi. Nào là "anh đừng chết đấy nhá", nào là "đừng có doạ em", nào là "em đã bảo rồi mà không chịu cẩn thận",... Tôi buồn cười quá, không nín được, cười phá lên sằng sặc. Na túm lấy tôi đấm thùm thụp, nước mắt lại chảy ra đầm đìa.
Năm học cuối cấp hai tôi không còn nhiều thời gian chơi với Na nữa. Thi thoảng lại thấy nó rón rén vào cổng rồi rúc vào bếp với mẹ tôi, để yên cho tôi học bài. Một hôm thấy nó thập thò mãi ở cửa, tôi gọi:
- Có gì ăn được hay sao thế?
- Không phải... không ăn được, nhưng... cho anh này. Em hái ở tít Bãi Bằng về đấy!
Nó xoè tay ra. Một chuỗi hạt cườm còn tươi, xâu bằng chỉ đỏ.
- Tao mà lại đi đeo cái thứ dở hơi này à?
- Nó không đẹp à? (Nghe giọng lại rưng rưng rồi).
Tôi trấn an:
- Không phải thế, đẹp chứ. Tao đùa một tí thôi. Xin nhé!
- Anh sắp đi học xa rồi, khi nào anh nhìn thấy nó thì...
- Ừ, tao biết rồi. Mày cũng lắm chuyện ra phết đấy!
Na cười toe toét. Đúng là đồ con gái!
Thi xong tôi quyết định xả hơi vài ngày. Mùa này măng đang mọc, hoẵng về nhiều lắm đây. Tôi định dắt con Vện đi đặt bẫy, chợt nhìn thấy chuỗi hạt cườm trên mặt bàn bèn mang ra đeo vào cổ con chó. Trông cũng hay hay.
Ở làng không có trường cấp ba, tôi được ông bác nhận đón về thị xã học tiếp đúng như dự định. Ngày mai tôi đi thì tối nay cả xóm đến chơi, cái Na cũng đến, lúi húi nhét đủ thứ vào bị cho tôi. Bất chợt con Vện từ đâu về lao hồng hộc vào nhà, chuỗi hạt cườm xâu bằng chỉ đỏ vẫn lằng nhằng trên cổ. Na túm chặt lấy hai tai con Vện, nhìn tôi, nhìn chuỗi hạt, lắp bắp không ra tiếng. Tôi chợt hiểu, rối rít thanh minh:
- Anh xin lỗi. Không phải anh chê nó không đẹp. Không phải anh không thích, mà tại vì... tại vì... con Vện cũng giống anh thôi mà...
Na không nói gì, chạy vụt đi. Thế là thêm một lần nữa tôi lại làm nó khóc rồi.
Tôi luống cuống gỡ chuỗi hạt trên cổ con Vện, gỡ mãi, gỡ mãi, nó đứt ra, rơi vãi tung toé, gom mãi cũng chỉ còn già nửa số hạt.
Rồi tôi đi, đi lâu, hàng chục năm trời. Những lần quay trở về đều không gặp Na, nó tránh mặt tôi. Khi tôi về hẳn thì ông cháu cái Na đã không còn ở đó nữa. Ông mất, được đưa ra rừng. Na theo một người bà con xa đi nơi khác. Những hạt cườm vẫn còn, bóng lên theo thời gian, như đôi mắt của Na nhìn tôi trách móc.
Hằng ngày, tôi lên lớp, cố tìm trong đám trò nhỏ của mình hình bóng Na, nhưng làm gì có gương mặt rám nắng, mái tóc vàng hoe như râu ngô và đôi mắt xám buồn mênh mang. Không biết Na ở nơi nào, Na ơi!
Vị Xuyên – 1994
(ĐỖ BÍCH THUÝ, Tuyển tập truyện viết về thiếu nhi dân tộc và miền núi, NXB Giáo dục, 2004)
Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):
Nội dung chính của truyện Chuỗi hạt cườm màu xám là gì?

A. Miêu tả vẻ đẹp của chuỗi hạt cườm màu xám.
B. Ca ngợi tài năng của Na, người làm ra chuỗi hạt cườm.
C. Kể lại câu chuyện về hai ông cháu nhân vật Na.
D. Kể lại câu chuyện về chuỗi hạt cườm màu xám.
2. Cốt truyện Chuỗi hạt cườm màu xám thuộc dạng nào?
A. Cốt truyện kì lạ, khác thường.
B. Cốt truyện giản dị, đời thường.
C. Cốt truyện trào phúng, hài hước.
D. Cốt truyện giàu tính triết lí.

3. Tình huống gay cấn trong truyện Chuỗi hạt cườm màu xám là tình huống nào?
A. Cuộc cãi nhau giữa Di và Na về đôi mắt Na màu đen hay màu xám.
B. Cảnh Di giả vờ ngã khi trèo lên cây hái hoa phong lan cho Na.
C. Na trông thấy chuỗi hạt cườm mình tặng Di trên cổ con Vện.
D. Na tặng cho Di một chuỗi hạt cườm xấu bằng chỉ đỏ.
4. Vì sao Di lại đeo chuỗi hạt cườm Na tặng lên cổ con Vện?
A. Vì không thích chuỗi hạt cườm Na tặng.
B. Vì đeo cho con Vện trông cũng hay hay.
C. Vì Di muốn trêu đùa cô bé Na.
D. Vì Di nghĩ con Vện cũng như mình.
5. Câu văn nào sau đây chứa thán từ?
A. Không phải anh chê nó không đẹp.
B. Không biết Na ở nơi nào, Na ơi!
C. Nó không đẹp à?
D. Không phải thế, đẹp chứ.
6. Theo em, nhân vật Na là người như thế nào?
7. Chi tiết "Na túm chặt lấy hai tai con Vện, nhìn tôi, nhìn chuỗi hạt, lắp bắp không ra tiếng." thể hiện điều gì đang xảy ra trong tâm hồn nhân vật Na?
8. Em suy nghĩ như thế nào về đoạn kết thúc truyện: "Hằng ngày, tôi lên lớp, cổ tìm trong đám trò nhỏ của mình hình bóng Na, nhưng làm gì có gương mặt rám nắng, mái tóc vàng hoe như râu ngô và đôi mắt xám buồn mênh mang. Không biết Na ở nơi nào, Na ơi!"?
9. Có người cho rằng: "Câu chuyện như một bài thơ buồn phả vào hồn ta những rung động cao quý, thiêng liêng.". Em nghĩ như thế nào về ý kiến trên?
10. Đã có lần nào do vô tình em làm cho người thân hoặc bạn bè phải buồn phiền chưa? Nhớ lại và nêu ngắn gọn trong khoảng 6 - 8 dòng.

HƯỚNG DẪN:1C, 2B, 3C, 4D, 5B
6. HS chú ý tìm các chi tiết trong văn bản khắc họa nhân vật Na.
Nhân vật Na được khắc họa thông qua các chi tiết về ngoại hình (màu mắt, tóc) hoàn cảnh, hành động.

Khi trả lời câu hỏi, HS cần đưa ra các chi tiết phía trên sau đó mới nhận xét về nhân vật Na.
=> Nhân vật Na có hoàn cảnh đặc biệt, sống cùng ông trong điều kiện khó khăn và không được đi học. Tuy vậy, cô bé khá ham học hỏi từ Di, sống tình cảm bằng cách tặng quà cho Di, bên cạnh mẹ Di, yêu thiên nhiên, có chính kiến.
7. HS đọc kĩ đoạn văn khi Na nhìn thấy trên tai con Vện là chuỗi hạt cườm Na đã chăm chút để tặng cho Di. Sau khi nhìn thấy chuỗi cườm đó trên cổ con chó Vện, Na đã rất bất ngờ "lắp bắp không ra tiếng" sau đó chạy đi. Kể từ đó, Na cũng tránh mặt Di. => Na cảm thấy món quà mình đặt nhiều tình cảm nhưng không đượ Di nâng niu, trân trọng.
8. HS có thể đưa ra nhiều ý kiến, tuy nhiên cần giải thích hợp lí về ý kiến của mình. Di đã lớn và hành động tuổi nhỏ đã mãi trở thành vết thương trong tâm hồn nhân vật. Rất lâu, rất lâu sau nhân vật muốn tìm Na nhưng đều không gặp được, không biết Na ở nơi nào. => Kết thúc mở mang đến nhiều ý nghĩa trong cuộc sống, cần trân trọng những tình cảm, con người… khi ở bên cạnh mình.
9. HS có thể đưa ra nhiều ý kiến, tuy nhiên cần giải thích hợp lí về ý kiến của mình. Để ý kiến của mình thuyết phục cần giải thích cho người đọc THEO CÁCH HIỂU CỦA MÌNH, ý kiến đã cho được hiểu như thế nào? (chất thơ là gì? Phả vào hồn ta những rung động cao quý, thiêng liêng là gì? Cả câu nói có nghĩa là gì?)
=> Đồng ý hay không đồng ý với ý kiến trên? Đồng ý vì sao? Cần phải chứng minh với những chi tiết trong văn bản. Khi không đồng ý cũng cần chứng minh với những chi tiết trong văn bản. Chú ý trình bày ý kiến của mình, rõ ràng mạch lạc bằng hệ thống ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng, tránh suy diễn. Trường hợp có từ 2 quan điểm trở lên cần trình bày tương ứng với các đoạn văn.
10. HS xác định yêu cầu của đề bài:
- Dung lượng: 6 – 8 dòng
- Hình thức: Đoạn văn
- Phạm vi: văn bản và trải nghiệm thực tế
- Nội dung: một lần làm cho người thân và bạn bè buồn phiền.
- HS cần chú ý trình bày cấu trúc đoạn văn: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn và xây dựng nội dung phù hợp, tránh lan man, kể lể.

ĐỀ ĐỌC HIỂU 3

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới.
SÂN NHÀ
(NGUYỄN NGỌC TƯ)
1. Má buồn thiệt buồn khi nhắc lại hồi con gái má chừng mười, mười hai tuổi, "nhà mình nghèo quá, má không lo cho bây được đủ đầy...".
Tôi cười giòn, trời đất, thiệt thòi gì đâu, má quên rồi sao? Những củ khoai lang còn ấm má mang về khi tan chợ, những bộ quần áo mới má thắt thẻo chắt mót từng lọn

rau, bó cải để sắm cho con, chiếc xe đạp nhỏ - món quà từ tháng lương của ba để con tới trường... Và con có cả một vạt sân vàng nắng...
2. Tôi nhớ, sân nhà mình chỉ nhỏ bằng hai tàng cây trứng cá. Nó lọt thỏm giữa ngôi nhà xam xám thấp tè và những giồng rau xanh biếc ngoài kia. Phía bìa sân, ba đặt cái bàn thờ Thông Thiên nho nhỏ, bát cắm nhang để giữa hai hũ gạo, muối (hết thảy mấy thứ đó cũng nhỏ xíu), buổi chạng vạng, gió phiêu phiêu mang hương nhang bay lãng đãng trước nhà. Ranh giới giữa sân với vườn rau là những cái mương nhỏ tạo thành do má tôi lấy đất lên giồng. Sát hàng ba có một luống hẹ kiểng, trổ bông tím rập rờn suốt hai mùa nắng, mưa.
Nhà tôi nghèo nên trồng loại bông coi cũng bình thường quá đỗi, lúc Tết, cũng chỉ thêm bông vạn thọ, mồng gà. Nhưng tôi chẳng có gì tiếc nuối khi nhà mình chẳng có mai, đào... Vạn thọ cũng có cái vui của vạn thọ (câu này tôi học trong Gala cười 2003: "Bánh giò cũng có cái giá của bánh giò"), bởi những cây hoa bình dị ấy chính tay tôi gieo trồng giáp biên sân. Bữa hai chín Tết, má phơi lá chuẩn bị gói bánh, tôi ngẩn ngơ nhìn "bức tranh" sân của mình, trời đất, sao mà đẹp dữ ôn vậy không biết, viền quanh những tàu chuối xanh rờn là hàng trăm đóa hoa vàng rực rỡ. Tôi đứng ở đó, tự hào nhìn sự sống nở hoa từ bàn tay nhỏ nhoi, xương xẩu của mình (bàn tay xưa rày chỉ biết cầm đũa ăn cơm và... chơi chuyền).
Rồi hoa tàn, rồi mùa nắng hết. Mưa bắt đầu xập xoài, bão mùa đang đi tới. Tôi lóp ngóp xách rổ chận bắt mấy con cá rô ốm nhách, dài nhằng, mình đầy nhớt xăng xái lóc lên sân. Mặt sân đã ngấm mưa, đất vỡ ra, tràn xuống những chỗ nẻ. Nước lên săm sắp, ba phải kê đá tảng để có lối đi vào nhà. Không còn chỗ chơi rượt bắt, nhảy dây..., tôi bắc cái ghế ngồi học bài ngoài hàng ba, lâu lâu lại ngóng phía chân trời, coi xuyên qua đám mưa mịt mùng kia, có tia nắng nào hửng lên không? Chà chà, chỉ cần đủ ba nắng, sân - thiên - đường của mình lại ráo hoảnh, sạch bong cho mà coi.

3. Bây giờ nhớ lại, thấy lạ, lạ quá chừng... Sân nhà mình hồi ấy có rộng mấy đâu, chỉ có khoảng trời là lồng lộng phía trên đầu, nhưng đã đi hết cả tuổi thần tiên rồi, sao tôi vẫn còn nhớ tiếc.

Chứ không à? Những đứa bạn dễ thương, những trò chơi tuổi nhỏ, cái xích đu tự tạo mắc lên cành cây bằng mấy cọng dây chuối, con dế gáy te te hoài dưới tấm đá chẻ bên góc nhà, tôi nhớ cả tiếng má rầy khi tôi trốn ngủ trưa lén ra sân ạch đụi nhảy dây. Suốt một mùa hạn, đám vú sữa đất mọc trên mặt sân chẳng thể nào ra lá mới, coi xo cò, tội nghiệp...(thì có sáng nào, chiều nào mà đám trẻ không chạy nhảy ở đó đâu). Coi lại, hồi nhỏ, tôi lang thang ngoài sân, vườn nhiều hơn trong nhà, trên mình đầy sẹo lớn nhỏ (mà, hỏi "lý lịch" của chúng, lắm khi tôi còn không nhớ hết); da vừa đen vừa mốc cời mốc thếch vì lấm lem bụi đất. Lúc tan bạn rồi, còn một mình, tôi vẫn thường thẩn thơ ở đó, mơ màng nghe bầy chim sâu, chim sẻ ríu rít cãi nhau, ngó con bướm nhỏ vỗ cánh thấp tha thấp thỏm... Có bữa thấy tôi bưng tô cơm

vắt vẻo ngồi ăn trên chạc ba của cây trứng cá, má bực quá, má rầy, "con nhỏ này chỉ thiếu nước ôm mùng chiếu ra ngoài sân ngủ"...

4. Má cũng thường ra sân, nhưng không phải để thảnh thơi chơi đùa, không phải để ngắm mặt trời lặn, đón trăng lên... Buổi sớm, má ra quét lá, tiếng chổi xao xác trong tiếng gà. Buổi chiều, má hay ngồi chỗ góc sân, nghe tôi nhảy từ trên cây xuống cái phịch như ai quăng bịch muối, má than (mà cười): "Con nhỏ này chắc Mụ bà nắn lộn"... mà tay vẫn thoăn thoắt bó rau chuẩn bị cho buổi chợ sớm mai. Độ gần cuối tháng 10, lúa về sân, ba má ngồi quây lúa giữa trưa, bóng hai cây trứng cá đã bị tỉa thưa cành không đủ sức ngăn bớt cái nóng bừng bừng, mồ hôi chảy dài, bê bết tóc. Mỗi lần giở đệm lúa lên, hơi nước ướt đầm mặt đất, không hiểu sao, tôi cứ tưởng đấy là mồ hôi của má ba mình. Dường như không lần nào đứng trên mảnh sân - thiên - đường của tôi, má ba không tất tả, bận bịu, lo toan...

Nên cái hồi con mười, mười hai tuổi, nhà mình nghèo, má (và cả ba) thiệt thòi nhiều nhất. Còn con lúc ấy giàu có, đầy đủ lắm, má à. Má không tin con sao?

I. Trắc nghiệm

1. Truyện được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

2. Nội dung chính được thể hiện trong truyện là gì?

A. Kể lại những kỉ niệm đẹp đẽ của tôi về sân nhà

B. Miêu tả lại mảnh sân vào ngày 29 Tết

C. Kể lại nỗi buồn của mẹ trong hoàn cảnh nghèo khó

D. Miêu tả vẻ đẹp của sân nhà trong kí ức của tôi.

3. Cốt truyện của văn bản thuộc dạng nào?

A. Cốt truyện kì lạ khác thường B. Cốt truyện giản dị, đời thường

C. Cốt truyện trào phúng, hài hước D. Cốt truyện giàu chất triết lí

4. Hoàn cảnh nào khiến tôi nhớ về kỉ niệm sân nhà?

A. Khi tôi nhìn một vạt sân đầy nắng.

B. Khi má nhắc về kỉ niệm ngày 29 Tết.

C. Khi má buồn nhắc về ngày xưa không lo được cho con gái đủ đầy.

D. Khi đã xa quê, nhớ nhà.

5. Đầu phần 3, vì sao bây giờ khi nhớ lại tôi lại thấy lạ?

A. Vì đấy là một kí ức chẳng có gì vui.

B. Vì khoảng sân bé nhưng đi hết tuổi thần tiên, tôi còn thấy tiếc.

C. Vì đấy là những điều đặc biệt, mới lạ.

D. Vì tôi buồn khi phải chia xa tuổi thơ.

6. Câu văn nào sau đây có trợ từ?

A. Và con có cả một vạt sân vàng nắng...

B. Còn con lúc ấy giàu có, đầy đủ lắm, má à.

C. Nó lọt thỏm giữa ngôi nhà xam xám thấp tè và những giồng rau xanh biếc ngoài kia.
D. Mặt sân đã ngấm mưa, đất vỡ ra, tràn xuống những chỗ nẻ.
7. Câu văn "Tôi đứng ở đó, tự hào nhìn sự sống nở hoa từ bàn tay nhỏ nhoi, xương xẩu của mình (bàn tay xưa rày chỉ biết cầm đũa ăn cơm và... chơi chuyền). " sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. So sánh B. Hoán dụ C. Nhân hóa D. Ẩn dụ

8. Nhân vật tôi hiện lên qua những yếu tố nào?
A. Suy nghĩ
B. Suy nghĩ, lời nói, ngoại hình
C. Suy nghĩ, hành động, lời nói
D. Ngoại hình, tâm trạng
II. Tự luận
9. Em có nhận xét gì về nhân vật tôi?
10. Em hiểu gì về câu nói của tôi "Còn con lúc ấy giàu có, đầy đủ lắm, má à"?
11. Chọn một trong hai yêu cầu sau:
Yêu cầu 1: Viết thư cho một người bạn để kể về những kí ức đẹp đẽ của tuổi thơ mình.
Yêu cầu 2: Viết bài văn nêu quan điểm của em về cuộc sống giàu có, đủ đầy.
HƯỚNG DẪN:
1A, 2A, 3B, 4C, 5B, 6A, 7D, 8A
9. Lập hồ sơ nhân vật (chủ yếu dòng tâm trạng, suy nghĩ).
Lưu ý trình bày rõ ràng các ý kiến và những dẫn chứng trong bày để chứng minh ý kiến của mình.
Ví dụ:
- Ý kiến 1: Nhân vật "tôi" là người…. (chứng minh ý kiến 1, sử dụng bằng chứng trong văn bản)
- Ý kiến 2: Nhân vật "tôi" là người…. (chứng minh ý kiến 1, sử dụng bằng chứng trong văn bản)
- Ý kiến 3: Nhân vật "tôi" là người…. (chứng minh ý kiến 1, sử dụng bằng chứng trong văn bản)
Gợi ý nhận xét về nhân vật "tôi"
- Tâm hồn nhạy cảm, trong trẻo, hồn nhiên, yêu thiên nhiên.
- Nâng niu và cất giữ những kí ức tuổi thơ, coi đó là món quà.
- Yêu thương và có tấm lòng hiếu thảo, biết ơn mẹ cha.
10. Giàu có, đủ đầy được hiểu theo nghĩa đặc biệt:
+ Không phải là có thật nhiều tiền
+ Mà là có thật nhiều yêu thương, hạnh phúc, kí ức tuổi thơ trong trẻo, hồn nhiên.
11. **Yêu cầu 1**
Hình thức: thời gian, địa điểm, lí do, nội dung, lời chúc cuối thư
Nội dung: chia sẻ những kí ức tuổi thơ của mình (với bè bạn, thầy cô, cha mẹ, ông bà…)

Thông điệp: nâng niu, nhặt nhạnh những niềm vui nhỏ bé, biết đủ sẽ hạnh phúc.

Yêu cầu 2

Có nhiều quan điểm về sự giàu có không?

Em đồng tình với quan điểm nào? Vì sao?....

Hoặc cũng có thể đưa ra ý kiến khác của em, song cần trình bày rõ ràng các ý kiến và chứng minh các ý kiến đó.

ĐỀ ĐỌC HIỂU 4

Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:

NGƯỜI CHẠY CUỐI CÙNG

Cuộc đua ma ra tông hàng năm ở thành phố tôi thường diễn ra vào mùa hè. Nhiệm vụ của tôi là ngồi trong xe cứu thương, theo sau các vận động viên, phòng khi có ai đó cần được chăm sóc y tế. Anh tài xế và tôi ngồi trong xe, phía sau hàng trăm con người, chờ tiếng súng lệnh vang lên.

Khi đoàn người tăng tốc, nhóm chạy đầu tiên vượt lên trước. Chính lúc đó hình ảnh một người phụ nữ đập vào mắt tôi. Tôi biết mình vừa nhận diện được "người chạy cuối cùng". Bàn chân chị ấy cứ chụm vào mà đầu gối cứ đưa ra. Đôi chân tật nguyền của chị tưởng chừng như không thể nào bước đi được, chứ đừng nói là chạy.

Nhìn chị chật vật đặt bàn chân này lên trước bàn chân kia mà lòng tôi tự dưng thở giùm cho chị, rồi reo hò cổ động cho chị tiến lên. Tôi nửa muốn cho chị dừng lại nửa cầu mong chị tiếp tục. Người phụ nữ vẫn kiên trì tiến tới, quả quyết vượt qua những mét đường cuối cùng.

Vạch đích hiện ra, tiếng người la ó ầm ĩ hai bên đường. Chị chầm chậm tiến tới, băng qua, giật đứt hai đầu sợi dây cho nó bay phấp phới sau lưng tựa như đôi cánh.

Kể từ hôm đó, mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tôi lại nghĩ đến "người chạy cuối cùng". Liền sau đó mọi việc trở nên nhẹ nhàng đối với tôi.

(Theo John Ruskin)

1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

A. Miêu tả

B. Tự sự

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

Câu 2. Cuộc thi chạy hàng năm ở thành phố tác giả thường tổ chức vào mùa nào?

A. Mùa xuân

B. Mùa hè

C. Mùa thu

D. Mùa đông

Câu 3: Nhiệm vụ của nhân vật "tôi" trong bài là:

A. Đi thi chạy.

B. Đi diễu hành.
C. Đi cổ vũ.
D. Chăm sóc y tế cho vận động viên.
Câu 4: "Người chạy cuối cùng" trong cuộc đua có đặc điểm gì?
A. Là một em bé.
B. Là một cụ già.
C. Là một người phụ nữ có đôi chân tật nguyền.
D. Là một người đàn ông mập mạp.
Câu 5: Dấu ngoặc kép trong câu văn sau có công dụng gì: *Kể từ hôm đó, mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tôi lại nghĩ đến "người chạy cuối cùng".*
A. Đánh dấu từ ngữ,câu, đoạn dẫn trực tiếp.
B. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt
C. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa hàm ý mỉa mai.
D. Đánh dấu tên các tác phẩm, tờ báo, tập san… dẫn trong câu văn.
Câu 6: Khoanh vào chữ cái trước từ đồng nghĩa với từ "kiên trì"?
A. nhẫn nại
B. chán nản
C. dũng cảm
D. hậu đậu
Câu 7: Đoạn văn sau có mấy câu ghép:
Vạch đích hiện ra, tiếng người la ó ầm ĩ hai bên đường. Chị chầm chậm tiến tới, băng qua, giật đứt hai đầu sợi dây cho nó bay phấp phới sau lưng tựa như đôi cánh.
A. 1 câu
B. 2 câu
C. 3 câu
D. 4 câu
Câu 8: Nội dung chính của văn bản là:
A.Ca ngợi người phụ nữ đã vượt qua được khó khăn, vất vả giành chiến thắng trong cuộc thi.
B.Ca ngợi người phụ nữ có đôi chân tật nguyền có nghị lực và ý chí đã giành chiến thắng trong cuộc thi chạy.
C. Ca ngợi tinh thần chịu thương, chịu khó của người phụ nữ.
D.Ca ngợi sự khéo léo của người phụ nữ.
2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:
Câu 9: Mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tác giả lại nghĩ đến ai?
Câu 10: Em rút ra bài học gì khi đọc xong bài văn trên
Đáp án

Phần	Câu	Nội dung
I. Đọc	1	C

hiểu	**2**	B
	3	A
	4	C
	5	A
	6	B
	7	A
	8	B
	9	- Tác giả nghĩ đến người phụ nữ có đôi chân tật nguyền đã chiến thắng cuộc thi . (Trả lời khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa)
	10	- Bài học rút ra là cần phải quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để chiến thắng bản thân, có như vậy mọi công việc sẽ đạt kết quả tốt đẹp. (Trả lời khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa)

ĐỀ ĐỌC HIỂU 5

Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:

ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN

Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại ra khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi một bộ quần áo vừa bẩn, vừa cũ, lại rộng nữa.

Cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: "Tại sao mình lại không được hát? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao?". Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.

"Cháu hát hay quá!" – Một giọng nói vang lên: "Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều vui vẻ". Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền đứng dậy và chậm rãi bước đi. Hôm sau, khi cô bé đến công viên đã thấy cụ già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước, khuôn mặt hiền từ, mỉm cười chào cô bé. Cô bé lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Cụ vỗ tay nói lớn: "Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá!". Nói xong cụ già lại chậm rãi một mình bước đi.

Cứ như vậy nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không.

"Cụ già ấy đã qua đời rồi. Cụ ấy điếc đã hơn hai mươi năm nay" – một người trong công viên nói với cô. Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm

nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: Đôi tai của tâm hồn.

(Theo Hoàng Phương – Sống đẹp)

1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:

Câu 1: Văn bản trên được viết theo thể loại gì?

A. Truyện
B. Kí
C. Tuỳ bút
D. Tản văn

Câu 2. Vì sao cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên?

A. Vì cô bé không có bạn chơi cùng.
B. Vì cô bé bị loại ra khỏi dàn đồng ca.
C. Vì cô không có quần áo đẹp.
D. Vì cô bé luôn mặc bộ quần áo rộng cũ và bẩn.

Câu 3. Chỉ ra biện pháp tu từ đặc sắc trong câu văn: *Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: đôi tai của tâm hồn.*

A. Nhân hoá
B. So sánh
C. Hoán dụ
D. Ẩn dụ

Câu 4. Cụ già đã làm gì cho cô bé?

A. Cụ nói: "Cháu hát hay quá! Cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ".
B. Cụ khuyên cô bé cố gắng tập luyện để hát tốt hơn.
C. Cụ trở thành người người thân của cô bé, dạy cô bé hát.
D. Cụ khuyên cô bé rồi một ngày nào con sẽ trở thành ca sĩ.

Câu 5. Tình tiết bất ngờ gây xúc động nhất trong câu chuyện là gì?

A. Cô bé không hề biết cụ già vẫn lắng nghe và động viên cô bé hát.
B. Cụ già tốt bụng.
C. Cô bé đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng.
D. Một người nói với cô "Cụ già đó qua đời rồi. Cụ ấy điếc đã hơn 20 năm nay".

Câu 6. Cuối cùng, trong công viên, cô bé đã làm gì?

A. Suy nghĩ và khóc một mình.
B. Gặp gỡ và trò chuyện với một cụ già.
C. Cất giọng hát khe khẽ hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả.
D. Một mình ngồi khóc xong rồi tiếp tục chơi.

Câu 7. Nhận xét nào đúng nhất để nói về cụ già trong câu chuyện?

a. Là một người kiên nhẫn.
b. Là một con người hiền hậu.
c. Là một con người nhân hậu, luôn biết quan tâm, chia sẻ, động viên người khác.
d. Là một người biết lắng nghe.

Câu 8. Nguyên nhân nào trong các nguyên nhân sau khiến cô bé trở thành một ca sĩ?

a. Vì cô bé bị loại ra khỏi dàn đồng ca.

b. Vì có lời khen, động viên của ông cụ tóc bạc trắng.

c. Vì cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.

d. Vì cô bé rất thích hát.

2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 9. Nêu ý nghĩa của tình huống bất ngờ trong văn bản trên?

Câu 10: Bài học mà em tâm đắc nhất khi đọc xong văn bản? (Viết câu trả lời bằng 3 đến 5 dòng)

Đáp án

Phần	Câu	Nội dung
I. Đọc hiểu	1	A
	2	B
	3	D
	4	A
	5	D
	6	C
	7	C
	8	B
	9	- Tình huống bất ngờ trong câu chuyện trên là: Cô gái sững người khi nhận ra người bấy lâu nay luôn khích lệ, động viên cho giọng hát của cô lại là một ông cụ bị điếc. -Ý nghĩa của tình huống: Ông cụ đã nghe giọng hát của cô gái không phải bằng đôi tai thông thường mà bằng tâm hồn và trái tim của mình – tâm hồn và trái tim giàu tình yêu thương
	10	- HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học. - Lí giải được lí do nêu bài học ấy. + Trước khó khăn, thử thách con người cần có niềm tin, nghị lực vượt lên hoàn cảnh để chiến thắng hoàn cảnh. + Tình yêu thương sẽ làm nên những điều kì diệu đối với con người. + Phải luôn nỗ lực, rèn luyện chăm chỉ, tin vào bản thân thì mới có thể đạt được thành công ..... - ……

****

Ngày soạn: 1/9/2023

Ngày dạy:

TIẾT 18+19+20
LUYỆN TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TRỢ TỪ VÀ THÁN TỪ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a, Năng lực đặc thù: Củng cố kỹ năng sử dụng tiếng Việt

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trợ từ thán từ.
- Thực hành làm các dạng bài tập nhận biết trợ từ, thán từ; phân tích chức năng của trợ từ, thán từ và tạo lập được đoạn văn có sử dụng trợ từ, thán từ.

b, Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

2, Phẩm chất

- Trách nhiệm: Thông qua yêu tiếng Việt và trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.
- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi
c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
d) Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi

*** Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

*** Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Bài học hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng nhau đi ôn tập văn bản " ……."

2. Hoạt động 2+ 3+ 4: Luyện tập+ Vận dụng

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: Củng cố những vấn đề cơ bản của văn bản b) Nội dung hoạt động: hs hoạt động nhóm c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia	**I. CỦNG CỐ LÍ THUYẾT**

sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chứchoạt động:	
*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Nhắc lại trợ từ và thán trừ? *** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi *** Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân). *** Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.**	Trợ từ - **Khái niệm:** Là những từ được thêm vào câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ, tình cảm, sự đánh giá hay mục đích phát ngôn của người nói. **- Phân loại:** Đi kèm các từ ngữ trong câu: chính, đích, ngay, cả. Ở cuối câu: à, ư, nhỉ, nhé, cơ, cơ mà, thôi. **- Ví dụ:** Tôi còn **tận** năm ngày để ôn thi. Mai mình đi chơi **nhé!**
	Thán từ - **Khái niệm:** Là những từ biểu lộ tình cảm, cảm xúc của người nói, người viết hoặc dùng để gọi đáp. **- Phân loại:** + Bộc lộ tình cảm, cảm xúc: **ái, ô hay, a ha, trời ơi...** + Gọi đáp: **này, ơi, dạ, vâng,...** **- Ví dụ:** + **Này**, cậu đi đâu đấy? + **Giời ơi**! tớ phải đi làm bài thi đây này?
a) Mục tiêu: Hs thực hiện các phiếu học tập tìm hiểu từng đoạn văn bản của truyện nhằm hiểu sâu hơn về văn bản. b) Nội dung hoạt động: HS thực hiện phiếu học tập c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ d) Tổ chứchoạt động: *** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin. *** Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS.	**II. LUYỆN TẬP**

*** Báo cáo kết quả:** - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). *** Đánh giá nhận xét:**	

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

1. Trợ từ là gì?

A. Là những từ dùng làm dấu hiệu biểu lộ cảm xúc, tình cảm, thái độ của người nói hoặc dùng để gọi đáp.

B. Là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu, dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.

C. Là những từ đọc giống nhau nhưng có ý nghĩa khác nhau, thường đi cùng danh từ để làm rõ số lượng hay số thứ tự của sự vật.

D. Là những từ đi sau động từ hoặc tính từ để bổ nghĩa cho động từ hoặc tính từ.

2. Trong những từ in đậm ở các câu sau, từ nào KHÔNG phải là trợ từ?

A. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học. (Thanh Tịnh, Tôi đi học)

B. Sơn lât vạt áo thâm, chìa áo vệ sinh và áo dạ cho cả bọn xem. (Thạch Lam, Gió lạnh đầu mùa)

C. Chính lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp. (Thanh Tịnh, Tôi đi học)

D. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. (Nam Cao, Lão Hạc)

3. Các từ in đậm trong những câu sau, từ nào KHÔNG phải là trợ từ?

A. Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi ... (Thanh Tịnh, Tôi đi học)

B. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? (Nam Cao, Lão Hạc)

C. Tôi quên cả mẹ tôi đứng sau tôi. (Thanh Tịnh, Tôi đi học)

D. Vì chung quanh là những cậu bé vụng về lúng túng như tôi cả. (Thanh Tịnh, Tôi đi học)

4. Thán từ là gì?

A. Là những từ dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến trong câu.

B. Là những từ làm dấu hiệu biểu lộ cảm xúc, tình cảm, thái độ của người nói hoặc dùng để gọi đáp.

C. Là những từ đọc giống nhau nhưng có ý nghĩa khác nhau.

D. Là những từ dùng để nối các vế câu trong một câu ghép.

5. Trong những từ ngữ in đậm ở các câu sau, từ nào là thán từ?

A. Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?

B. Không, ông giáo ạ! (Nam Cao, Lão Hạc)

C. Ừ, tao biết rồi. (Đỗ Bích Thúy, Chuỗi hạt cườm màu xám)

D. Không phải thế, đẹp chứ. (Đỗ Bích Thúy, Chuỗi hạt cườm màu xám)

6. Xác định các thán từ gọi đáp trong các đáp án sau
A. a, ái, ơ, ô hay, than ôi.
B. này, ơi, vâng, dạ, ừ.
C. đích, chính, những, có.
D. a, ái, ơ, đích, chính.
7. Đọc câu văn sau và trả lời câu 7 đến câu 9
"Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: "A! Lão già tệ lắm!... "
(Nam Cao, Lão Hạc)
Từ "này" trong câu "Này! Ông giáo ạ!" thuộc từ loại nào dưới đây?
A. Thán từ. B. Phó từ. C. Tình thái từ. D. Trợ từ.
8. Ngoài từ "này", xác định thán từ trong câu văn trên:
A. ạ! B. A! C. ư ử D. lắm
9. Tác dụng của thán từ "A" trong câu văn "A! Lão già tệ lắm!... " trên là
A. thể hiện cảm xúc bất ngờ, đau xót khi phải từ biệt người thân. B. thể hiện cảm xúc bất ngờ, đau xót khi bán chó của lão Hạc. C. thể hiện sự reo vui, phấn khởi khi có thể buông một cục nợ. D. thái độ hài lòng khi không còn trách nhiệm với ai.
10. Đọc đoạn văn sau và cho biết
"Ôi thôi, đến cái thú thưởng thức miếng ngon đất Bắc vào những ngày tàn thu, nghe gió bấc thổi vi vu bên cạnh người thương bé nhỏ thì biết kể đến bao giờ cho hết. Tháng chín thì quít mới đỏ tròn, ăn chưa xứng ý, nhưng cam thì có cả rừng bạt ngàn san đã ở trên những vùng mường mán, ai muốn ăn bao nhiêu tuỳ thích, mà muốn trả mấy hào cũng cứ được đi.. "
(Vũ Bằng)
Từ "Ôi thôi" bộc lộ cảm xúc gì của nhà văn?
A. Sự tận hưởng của nhà văn với món ăn ngon Bắc Việt.
B. Than thở của nhà văn vì không kể hết các món ăn ngon Bắc Việt.
C. Kêu ca vì thời tiết những ngày tàn thu.
D. Cả A, B, C đều sai.
11. Tìm những trợ từ có trong đoạn văn dưới đây:
"Ôm dậy tôi về quê, hành lí vẻn vẹn chỉ có một cái vali đựng toàn những sách. Ôi những quyển sách rất nâng niu! Tôi đã nguyện giữ chúng suốt đời, để lưu lại những kỉ niệm một thời chăm chỉ, hăng hái và tin tưởng, đầy những say mê và khát vọng. "
A. chỉ có.
B. chỉ có, những.
C. chỉ có, những, đầy.
D. cả A, B, C đều sai.
12. Trong những từ ngữ in đậm ở các câu sau, từ nào là thán từ?
A. Mai! Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi không? (Nguyên Hồng)
B. Không, bạn ạ!

C. Vâng, con cũng có ý nghĩ như vậy.
D. Cảm ơn bạn, tớ thích món quà đó lắm.
13. Thán từ có thể tách ra thành một câu đặc biệt, đúng hay sai?
A. Đúng B. Sai
14. Tìm thán từ trong đoạn thơ:
"Chao ôi, trời lẻ cánh diều
Gió đâu thổi quắt một chiều xa quê
Nhớ mong ríu bước ngày về
Mặt người còn nhọ khói xe bụi tàu
Chao ôi, mỗi bước cơ cầu
Không hay lấm nửa mái đầu gió sương!"
(Trương Nam Hương, Tha hương)
A. Chao ôi B. quắt C. một D. mỗi
15. Có mấy trợ từ trong câu sau:
"Tiếng khóc của con
Hòa tình yêu của mẹ hóa lời ru.
Mẹ lấy câu lý làm khăn lau nước mắt.
Sữa mẹ còn ngọt hơn câu lý.
Chú Tễu cười chân chấm phẩy giữa trần ai.
Bước cao thấp gập ghềnh cò lả. "
(Thu Bồn, Ngưỡng cửa lời ru)
A. 1 B. 2 C. 3 D. 4
16. Xác định thán từ trong đoạn thơ
"Đã dậy rồi hả trầu?
Ta hái vài lá nhé
Cho bà và cho mẹ
Đừng lụi đi trầu ơi!"
(Trần Đăng Khoa, Đánh thức trầu)
A. nhé B. ơi C. hả D. Cả A, B, C đều đúng.
17. Xác định thán từ trong đoạn thơ sau:
"Ôi! Đôi mắt sáng ngời, sâu thẳm
Anh nhìn gì về phía biển xanh
Nơi ấy có chân trời sóng vỗ
Chiếc thuyền con ghé lại trước nhà anh. "
(Thu Bồn, Bài ca chim chơ – rao)
A. gì B. Ôi! C. nơi ấy D. trước
18. Trong các câu dưới đây, câu nào chứa trợ từ?
A. Chị Lan từ trong buồng đi ra, khệ nệ ôm cái thúng quần áo đã đặt lên đầu phản (Thạch Lam)
B. Duyên là đứa em gái bé của Sơn, chết từ năm lên bốn tuổi.
C. Cái áo này mặc thì nóng lắm. Chắc mua phải đến một đồng bạc chứ không ít, chúng mày nhỉ. (Thạch Lam)

<table>
<tr><td colspan="2">D. Khi biết Sinh sẽ mách mẹ, hai chị em đi tìm Hiên đòi áo liệu có đòi được không? (Thạch Lam)
HƯỚNG DẪN: 1B, 2B, 3D, 4B, 5C, 6B, 7A, 8A, 9B, 10A, 11B, 12C, 13A, 14A, 15A, 16D, 17B, 18C</td></tr>
<tr><td>Ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc khổ thơ sau bằng một đoạn văn có sử dụng thán từ.

“Tiếng khóc của con
Hòa tình yêu của mẹ hóa lời ru.
Mẹ lấy câu lý làm khăn lau nước mắt.
Sữa mẹ còn ngọt hơn câu lý.
Chú Tễu cười chân chấm phẩy giữa trần ai.
Bước cao thấp gập ghềnh cò lả.”
(Thu Bồn, Ngưỡng cửa lời ru)</td><td>Chú ý các thao tác đã được hướng dẫn trong các nội dung ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ.
Tìm ý cho đoạn văn bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:
- Nội dung khái quát của khổ thơ đã cho
- Khổ thơ có điểm gì đặc sắc về nội dung và nghệ thuật?
- Em thích nhất hình ảnh nào? Hình ảnh ấy hoặc yếu tố nghệ thuật ấy gợi cho em những suy nghĩ và liên tưởng gì?
- Sau khi viết đoạn văn, chỉ rõ thán từ được sử dụng trong đoạn.</td></tr>
<tr><td>Từ đoạn thơ được nêu ra ở câu trên, viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về vai trò của tình cảm gia đình đối với cuộc đời mỗi con người?</td><td>HS thực hiện các bước như đã được hướng dẫn trong các nội dung trình bày ý kiến về một vấn đề.
Xác định yêu cầu của đề bài: Trình bày ý kiến về vai trò của tình cảm gia đình
Kiểu bài: Nghị luận trình bày ý kiến
HS lựa chọn hình thức của đoạn văn: Diễn dịch; quy nạp; tổng – phân - hợp để trình bày quan điểm của mình, dù với hình thức nào, cũng cần đưa ra ý kiến và các lí lẽ + dẫn chứng để thuyết phục người đọc
- Mở đoạn: Khái quát ý kiến, quan điểm của mình về vai trò của tình yêu thương gia đình trong cuộc đời con người
- Thân đoạn:
+ Lí lẽ 1 + dẫn chứng (vai trò 1)
+ Lí lẽ 2 + dẫn chứng (vai trò 2)
- Kết đoạn (áp dụng với hình thức tổng – phân – hợp): khái quát lại vấn đề về vai trò của tình cảm gia đình.
Cần chỉ rõ trợ từ được sử dụng.</td></tr>
<tr><td>Viết đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) kể về một kỉ niệm của em, trong đó có sử</td><td>Hình thức
- Đoạn văn</td></tr>
</table>

dụng ít nhất một trợ từ hoặc một thán từ. Chỉ ra trợ từ (hoặc thán từ) trong đoạn văn đó.	- Dung lượng 6 – 8 dòng - Có trợ từ hoặc thán từ và chú thích rõ **Nội dung** ể về một kỉ niệm của em: + Không gian + Thời gian +Người tham gia + Sự việc chính + Cảm xúc, suy nghĩ....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Bài 1: Tìm trợ từ trong các câu sau:
a. Những là rày ước mai ao.
b. Cái bạn này hay thật.
c. Mà bạn cứ nói mãi điều mà tôi không thích làm gì vậy.
d. Đích thị là Lan được điểm 10.
e. Có thế tôi mới tin mọi người.
Bài 2: Tìm và xác định ý nghĩa của trợ từ trong các câu sau:
a. Nó hát những mấy bài liền.
b. Chính các bạn ấy đã giúp Lan học tập tốt.
c. Nó ăn mỗi bữa chỉ lưng bát cơm.
d. Ngay cả bạn thân, nó cũng ít tâm sự.
e. Anh tôi toàn những lo là lo.
Bài 3: Viết đoạn văn có sử dụng trợ từ, thán từ, tình thái từ.

Gợi ý:
Bài 1: Các từ đứng đầu trong mỗi câu đều là trợ từ. Tài liệu Thu Nguyễn
Bài 2:
- Câu a, e trợ từ những dùng để nhấn mạnh sự quá ngưỡng về mức độ.
- Câu b trợ từ chính dùng để nhấn mạnh độ chính xác, đáng tin cậy.
- Câu c trợ từ chỉ dùng để nhấn mạnh độ chính xác, đáng tin cậy.
- Câu d trợ từ ngay cả dùng để nhấn mạnh độ chính xác, đáng tin cậy.
Bài 3:
*Nó ngồi cả buổi chiều mà chỉ làm được **mỗi** 1 bài tập, mẹ nó hỏi làm bài xong chưa, nó nhẹ nhàng lắc đầu. Mẹ nó ngạc nhiên: '**Ô hay**! Có mấy bài tập mà làm không xong vậy?" Nó sợ quá bẽn lẽn trả lời: Tại bài tập này khó lắm mẹ **ạ!***

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Bài 1: Hãy phân biệt ý nghĩa của các trợ từ trong các trường hợp sau :
a. Nó đưa cho tôi có ba đồng bạc.
b. Nó đưa cho tôi những ba đồng bạc.
Bài 2: Hãy tìm trợ từ hoặc thán từ trong các câu sau:

a, Ồ! Thật là tuyệt vời!
b, Hay quá! Lại ghi thêm bàn thắng rồi.
c, Lạy chúa tôi! Chuyện gì đã xảy ra thế này?
d, Hả? Mày vừa nói cái gì cơ?
Bài 3: Hãy tìm trợ từ hoặc thán từ trong các câu sau:
a, Nam ăn những hai cây kem.
b, Nó ôn bài rất kĩ.
c, Nó đang đi chơi.
d, Bây giờ bạn phải chạy thật nhanh mới thoát được.

Gợi ý:
Bài 1:
a. Từ "có" thường biểu thị cách đánh giá số lượng do từ biểu thị đi kèm là ít.
b. Từ "những" thường biểu thị cách đánh giá số lượng do từ biểu thị đi kèm là nhiều.
Bài 2:
a, Ồ! (Ngạc nhiên)
b, Hay quá! (Phấn khích)
c, Lạy chúa tôi! (Không hiểu nổi chuyện gì đang xảy ra)
d, Hả? (Ngạc nhiên, khó tin)
Bài 3:
a, những (Chỉ số lượng)
b, rất (Chỉ mức độ)
c, đang (Sự tiếp diễn)
d, thật (Nhấn mạnh)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Bài 1: Trong các từ gạch chân dưới đây, từ nào là trợ từ?
a. *Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi rít **cả** chân lại.*
(Nguyên Hồng)
b. *Các em đừng khóc. Trưa nay các em được về nhà cơ mà. Và ngày mai lại đ-ược nghỉ **cả** ngày nữa.*
(Thanh Tịnh)
c. ***Ngay** chúng tôi cũng không biết phải nói những gì.*
d. *Tôi có **ngay** cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ này: chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước.*
(Thanh Tịnh)
e. *Nó đưa cho tôi **mỗi** 5000 đồng.*
g. ***Mỗi** người nhận 5000 đồng.*
Bài 2:
Chọn từ *những* hay *mỗi* để điền vào chỗ trống trong các câu sau:

a. *Tôi còn /..../ 5 tiếng để làm bài tập. Gì mà chẳng kịp.*
b. *Tôi còn /..../ 5 tiếng để làm bài tập. Làm sao mà kịp được.*
Chỉ ra sự khác nhau giữa *những* và *mỗi*?
Bài 3: Cho các trợ từ: *thực ra, chỉ là, chính, đến là*. Hãy điền các trợ từ đó vào chỗ trống cho thích hợp.
_ *Đó /.../ chuyện vặt.*
_ */.../ tôi không có ý từ chối.*
_ *Lũ trẻ con xóm này /.../ nghịch.*
_ */.../ tôi cũng không biết nó đi đâu.*
Bài 4: Xác định từ loại của từ "nào" trong trường hợp sau ?
a. Nào, chúng ta đi học.
b. Chúng ta đi học nào !
c. Cậu thích cái áo nào ?
d. Ăn cây nào rào cây ấy.

Gợi ý:
Bài 1: Các câu (a), (c), (e) có trợ từ
Bài 2:
a. *Tôi còn **<u>những</u>** 5 tiếng để làm bài tập. Gì mà chẳng kịp.*
b. *Tôi còn **<u>mỗi</u>** 5 tiếng để làm bài tập. Làm sao mà kịp được.*
=> *Những* biểu thị sự đánh giá nhiều về số lượng.
Mỗi biểu thị sự đánh giá ít về số lượng.
Bài 3: Điền như sau:
_ *Đó **<u>chỉ là</u>** chuyện vặt.*
_ ***<u>Thực ra</u>** tôi không có ý từ chối.*
_ *Lũ trẻ con xóm này **<u>đến là</u>** nghịch.*
_ ***<u>Chính</u>** tôi cũng không biết nó đi đâu.*
Bài 4:
a) Thán từ gọi đáp
b) Tình thái từ
c) Đại từ nghi vấn
d) Đại từ phiếm chỉ

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Bài 1: Phân biệt ý nghĩa của trợ từ *mà* trong hai trường hợp sau:
a. *Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ.*
(Nguyên Hồng)
b. *Con nín đi! Mợ đã về với các con rồi mà.*
(Nguyên Hồng)
Bài 2: Đặt 3 câu có dùng trợ từ *chính, đích, ngay* và nêu tác dụng của việc dùng 3 trợ từ đó.

Bài 3: Tìm thán từ trong những câu sau và cho biết chúng được dùng để làm gì?

a. *Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn.*

(Ngô Tất Tố)

b. *Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại!*

(Ngô Tất Tố)

c. *Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng, hống hách láo chỉ tổ đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi.*

(Tô Hoài)

d. *Ha ha! Một lưỡi gươm!*

(Sự tích Hồ Gơm)

Bài 4: Đặt 3 câu dùng 3 thán từ: *ôi, ừ, ơ.*

Gợi ý:

Bài 1: Cả hai trường hợp, trợ từ *mà* đều có ý nghĩa nhấn mạnh sắc thái không bình thờng của hành động trong câu.

a. Trong ". *Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ*", từ *mà* thể hiện ý giục giã, cần thiết.

b. Trong "*Mợ đã về với các con rồi mà*", từ *mà* có ý dỗ dành, an ủi.

Bài 2: Đặt câu:

_ *Nói dối là tự làm hại **chính** mình.*

_ *Tôi đã gọi **đích** danh nó ra.*

_ *Bạn không tin **ngay** cả tôi nữa à?*

=> Tác dụng:

Nhấn mạnh đối tượng được nói đến là: *mình, nó, tôi.*

Bài 3:

a. *Này*: dùng để gọi.

b. *Khốn nạn*: dùng để bộc lộ cảm xúc.

c. *Chao ôi*: dùng để bộc lộ cảm xúc.

d. *Ha ha*: dùng để bộc lộ cảm xúc.

Bài 4: Đặt câu:

_ *Ôi! Buổi chiều thật tuyệt.*

_ *ừ! Cái cặp ấy được đấy.*

_ *Ơ! Em cứ tưởng ai hoá ra là anh.*

****

Ngày soạn:2/9/2023
Ngày dạy:

TIẾT 21+22+23+24+25

LUYỆN TẬP: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CHUYẾN ĐI HOẶC MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a, Năng lực đặc thù: Củng cố kỹ năng viết
- Biết cách viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.
- Trình bày được cảm xúc, suy nghĩ và rút ra được những bài học quý giá về những chuyến đi hoặc hoạt động xã hội mà em tham gia.

b, Năng lực chung
- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

2, Phẩm chất
- Trách nhiệm: Biết nuôi dưỡng những tình cảm tốt đẹp với những con người, sự việc đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc trong những chuyến đi.
- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC
- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu
a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi
c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
d) Tổ chức hoạt động:
*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Em đã có chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội. Hãy kể cho bạn bè ?
*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi
*** Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

*** Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Bài học hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng nhau đi ôn tập " ……."

2. Hoạt động 2+ 3+ 4: Luyện tập+ Vận dụng

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: học sinh nhắc lại khái niệm, đặc điểm viết bài văn .... b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	**I. CỦNG CỐ LÍ THUYẾT**
*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội là gì? **- Kể:** Thuật lại các sự việc theo trình tự thời gian, không gian, tâm trạng. Đan xen yếu tố miêu tả, bộc lộ cảm xúc.... **Ví dụ:** Tôi hiểu rằng nếu ta cho đi... ta nhận lại sự hạnh phúc và nụ cười của những người khác khi ta giúp đỡ họ. - Một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội : Một sự kiện đã diễn ra để lại trong em nhiều cảm xúc, suy nghĩ. **Ví dụ:** Chuyến đi du lịch cùng gia đình, hoạt động đoàn đội, các việc làm công ích, tình nguyện, giúp đỡ người già neo đơn. - Kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội : Kể lại sự kiện đã diễn ra, có kết hợp với yếu tố biểu cảm, miêu tả giúp người đọc hiểu và cảm nhận được nội dung, ý nghĩa của sự kiện đó. **Ví dụ:** Về một chuyến đi cùng cả lớp, gia đình; một chuyến đi du lịch hay một chuyến đi thiện nguyện.	**1. Định hướng** **Yêu cầu của bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội** - Chọn viết về một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội để lại cho em nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc. - Trước khi viết, cần tìm hiểu kỹ đề, tìm ý và lập dàn ý. - Viết bài văn tự sự, kể theo ngôi thứ nhất xưng "tôi" hoặc "chúng tôi", " chúng em". - Cần kết hợp kể lại sự việc và miêu tả không gian, cảnh vật, thiên nhiên, con người; phát biểu những nhận xét, cảm nghĩ của bản thân.

Yêu cầu của bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội ? *** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi *** Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân). *** Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.**	
a)Mục tiêu: Củng cố kiến thức thông qua các bài tập. b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh luyện đề c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	**II.LUYỆN TẬP**
- Sử dụng phần mềm PowerPoint - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Đề bài:** Viết bài văn kể lại một chuyến đi tham quan giàu ý nghĩa của em và gia đình. **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** - Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Dự kiến sản phẩm:** **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	**Đề bài:** Viết bài văn **kể lại** một chuyến đi tham quan giàu ý nghĩa của em và gia đình. **1. Chuẩn bị:** Viết bài văn kể lại một chuyến đi tham quan giàu ý nghĩa của em và gia đình. Xác định yêu cầu đề bài Kiểu bài: Tự sự Dạng bài: Kể lại một chuyến đi => Ngôi kể: Ngôi thứ nhất (Đảm bảo tính chân thực của cảm xúc) Thu thập tư liệu: Phạm vi kiến thức cần huy động: Kiến thức và trải nghiệm thực tế, kiến thức lịch sử địa lí và quan sát cá nhân. Tìm đọc những bài viết liên quan nhằm trau dồi vốn từ liên quan danh thắng. Ghi chép những nội dung liên quan và chuẩn bị tư liệu liên quan. **2. Tìm ý và lập dàn ý** Tìm ý - Sử dụng cách đặt câu hỏi – suy luận từ khái quát đến cụ thể.

Cách đặt câu hỏi (đã được hướng dẫn từ lớp 6 lớp 7)	Suy luận từ khái quát đến cụ thể
Tại sao lại có chuyến tham quan? Thời gian – địa điểm của chuyến đi? Những ai tham gia? Quá trình di chuyển như thế nào? Chuyến đi có điều gì thú vị, để lại ấn tượng sâu sắc trong em? Kết quả của chuyến đi như thế nào? Ý nghĩa của chuyến tham quan	Xác định vấn đề: chuyến tham quan có ý nghĩa với em. Xác định vấn đề thành các ý lớn: Mục đích của chuyến tham quan; Thời gian – địa điểm; Quá trình di chuyển các địa điểm tham quan; Kết quả; Ý nghĩa của chuyến tham quan. (HS có thể đa dạng hình thức trình bày theo sơ đồ)

Sau khi đã tìm ý, HS sắp xếp các ý vào dàn ý theo cấu trúc: Mở bài – thân bài – kết bài.

3. Viết bài

Thực hành viết bài theo dàn ý đã lập.

Lưu ý:

- Trong quá trình viết cần sáng tạo, bên cạnh yếu tố kể là chính cần thêm vào các yếu tố miêu tả, biểu cảm, trích dẫn, so sánh, liên tưởng.
- Mỗi đoạn văn là một ý lớn (thân bài gồm 3 - 4 đoạn)
- Có thể mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp – khuyến khích gián tiếp

Ví dụ:

Cách mở bài: Chuyến đi Tràng An – Ninh Bình

"Vua nào thuở bé chăn trâu

	Trường Yên một ngọn cờ lau tập tành Sứ quân dẹp loạn phân tranh Dựng nền thống nhất sử xanh còn truyền?" Câu đố dân gian từ những bài học lịch sử vỡ lòng đầu tiên nhưng phải đến bây giờ tôi mới có dịp ghé thăm. Trong quá trình viết, sử dụng liên tưởng, tưởng tượng: Quần thể danh thắng Tràng An đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thiên nhiên thế giới, nơi đây không chỉ thấm đẫm những trang lịch sử kiêu hùng của dân tộc mà còn là có những hang động đá vôi tuyệt mỹ. Chúng tôi được đi thuyền trên dòng sông Ngô Đồng thơ mộng, ngát hương đồng nội, chầm chậm tiến vào Hang Cả, Tương truyền Hang Cả là nơi ngồi câu cá của một vị tiên ông tóc bạc, có lẽ vì vậy mà từ xa nhìn lại nơi đây vẫn còn dáng dấp của con người ngồi câu cá, cứ thư thái, im lặng như tờ…. **4. Kiểm tra và chỉnh sửa** - Dựa vào bảng kiểm tra chỉnh sửa trong bài học, HS kiểm tra lại bài viết của mình - Rà soát lại các yếu tố về chính tả, diễn đạt, ...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: KIỂM TRA VÀ CHỈNH SỬA

Đối tượng đánh giá	Đạt	Chưa đạt
Thân bài kể chi tiết hoạt động xã hội theo trình tự thống nhất.		
Nội dung hoạt động được kể sinh động, giàu sức thuyết phục.		
Có sự kết hợp của yếu tố miêu tả, biểu cảm.		
Nêu được suy nghĩ, cảm xúc và suy nghĩ, bài học của hoạt động xã hội đó.		
Bài đủ ba phần, thân bài có tách đoạn		
Diễn đạt rõ ràng, ít gạch xóa		

Khác với đề bài về một chuyến tham quan, với đề bài kể lại một hoạt động	Đề bài: Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa mà em đã tham

xã hội giàu ý nghĩa cần lựa chọn hoạt động kĩ càng hơn sao cho hoạt động thực sự ý nghĩa và có sức ảnh hưởng; thực hiện các bước chuẩn bị và tìm ý như đề bài 1.	gia.

A. Dàn ý
1. Mở bài: Giới thiệu khái quát: Nêu tên hoạt động giàu ý nghĩa, mục đích và lí do em tham gia hoạt động đó.
HS có 4 cách để viết mở bài.
Bắt đầu bằng một câu hỏi: Hạnh phúc là gì? Tôi không nhìn, cầm, nắm được, tôi chỉ thấy trong lòng mình một hạt giống tốt đã nảy nở tách vỏ, cựa quậy mầm xanh. Cảm xúc ấy khiến tôi nhớ mãi về chuyến đi từ thiện tới điểm trường tại một bản nhỏ của Yên Bái năm ngoái.
=> Câu hỏi về cảm xúc được gợi ra trong chuyến đi, hoặc cũng có thể đặt câu hỏi: liệu rằng có phải tất cả những bạn giống mình đều được đến trường?...
- Bắt đầu bằng một câu danh ngôn. Có ai đã từng nói rằng "Cuộc sống trở nên khó khăn hơn khi chúng ta sống vì người khác, nhưng nó cũng trở nên đẹp đẽ và hạnh phúc hơn." Quả đúng vậy, chuyến đi từ thiện tới điểm trường tại một bản nhỏ của Yên Bái năm ngoái đã khiến tôi nhớ mãi không quên.
=> Sưu tầm, ghi chép nhiều câu danh ngôn, câu tục ngữ vận dụng trong quá trình hành văn.
- Nêu trực tiếp vấn đề.
2. Thân bài
- Kể về hình thức tổ chức hoạt động (đối tượng, thành phần tham gia, thời gian, địa điểm,…)
- Kể về quá trình tiến hành hoạt động (bắt đầu, hoạt động chính, kết thúc.)
- Nêu kết quả của hoạt động về vật chất và tinh thần)
3. Kết bài
- Khẳng đình ý nghĩa của hoạt động và rút ra bài học, thông điệp khi tham gia hoạt động xã hội…
=> Kết bài cần hô hứng với mở bài, nếu mở bài bằng câu danh ngôn, có thể lựa chọn một câu thơ hoặc đúc kết ý nghĩa của của câu danh ngôn đã nói ở mở bài; Nếu mở bài nêu về trải nghiệm nhỏ cần đúc kết lại ý nghĩa của trải nghiệm đó trong quan hệ với trải nghiệm được kể trong bài.
Ví dụ:
Chúng tôi đã có một chuyến hành trình đầy ý nghĩa như thế. Trên đường đời dài rộng, sẽ có vô vàn những chuyến đi như thế, nhưng có lẽ đây sẽ là chuyến đi mà tôi nhớ nhất. Đây là trải nghiệm đầu tiên mà tôi được tham gia từ đầu đến cuối, nó đã dạy tôi biết yêu thương và nhân ái hơn, trân trọng những điều nhỏ bé xung quanh mà mình đang được hưởng. Quả đúng là: "Có gì đẹp trên đời hơn thế/ người với người sống để yêu nhau".

B. Viết - Dựa vào dàn ý để viết bài văn kể lại một hoạt động dã hội. - Một số lưu ý trong khi viết: + Đủ cấu trúc 3 phần: Mở bài, thân bài và kết bài + Có thể mở bài bằng trực tiếp hoặc gián tiếp song khuyến khích gián tiếp để phát huy sự sáng tạo + Thân bài gồm các đoạn văn, mỗi là một ý lớn + Trong quá trình kể, người viết sử dụng ngôi kể thứ nhất: tôi, chúng tôi, em, chúng em,… + Kết bài cần tổng hợp các ý ở phần thân bài. C. Kiểm tra và chỉnh sửa Sau khi viết cần để thời gian để đọc lại và soát lại bài theo bảng kiểm đã nêu trong bài học và đối chiếu dàn ý.

Ngày soạn:2/9/2023
Ngày dạy:

TIẾT 26+27:

LUYỆN NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a, Năng lực đặc thù: Củng cố kỹ năng kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề

+ Xác định các tiêu chí cần biết để trình bày ý kiến về một vấn đề.
+ Nắm vững quy trình thực hành nói và nghe kể lại trình bày ý kiến về một vấn đề.
+ Thực hiện được một bài nói hoàn chỉnh.

b, Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

2, Phẩm chất

- Trách nhiệm: Tự giác điều chỉnh sản phẩm khi thực hành nói.
- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi
c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
d) Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Thế nào là trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội?
*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời câu hỏi
*** Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).
*** Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Bài học hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng nhau đi ôn tập " ……."

2. Hoạt động 2+ 3+ 4: Luyện tập+ Vận dụng

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
a) Mục tiêu: học sinh nhắc lại khái niệm, đặc điểm viết bài văn .... b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	**I. CỦNG CỐ LÍ THUYẾT**

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**
+ Thế nào là trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội?
? Vấn đề xã hội là gì?
+ Để trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, các em cần dự kiến một số nội dung nào?
*** Thực hiện nhiệm vụ:**
- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…
*** Báo cáo kết quả:**
- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.
*** Kết luận, đánh giá:**
- HS, GV đánh giá, nhận xét.
Ví dụ:

Vấn đề xã hội trong cuộc sống	Vấn đề xã hội rút từ tác phẩm văn học
- Giúp người cao tuổi - một việc làm đẹp - Những hành vi đẹp và không đẹp trong khi tham gia giao thông đường bộ. - Hãy đổ lỗi cho người khác một thái hư tật xấu cần tránh.	- Em hiểu thế nào là lòng nhân ái trong cuộc sống s khi học truyện "C lạnh đầu mùa" củ Thạch Lam. - Truyền thống "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc được gợi ra sau khi đọc truyện ngắn " Người mẹ vườn cau" của Nguyễn Ngọc Tư?

a. Định nghĩa
- Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội là nêu rõ ý kiến (quan điểm) của người nói, sử dụng các luận điểm xác đáng và bằng chứng tin cậy, cụ thể nhằm thuyết phục người nghe về một vấn đề xã hội. -
- Vấn đề xã hội có thể là một câu hỏi cần trả lời, một điều cần giải quyết, một hiện tượng tích cực hoặc tiêu cực hay vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực trong cuộc sống.
b. Để trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, các em cần dự kiến một số nội dung theo bảng sau:

Những điểm cần lưu ý	Yêu cầu cụ thể
Bối cảnh trình bày	Không gian, thời gian
Xác định vấn đề trình bày	Đề tài
Đối tượng người nghe	Thầy cô, bạn bè, người thân trong gia đình
Mục đích	Nêu ý kiến, thuyết phục người nghe
Phương tiện hỗ trợ	Máy móc thiết bị, tranh, ảnh, video clip, sơ đồ, bảng biểu
Nội dung	Mở đầu: Nêu vấn đề và lí do chọn vấn đề Nội dung chính: – Trình tự các luận điểm – Lí lẽ tương ứng với từng luận điểm – Bằng chứng tương ứng với từng luận điểm Kết thúc: – Khái quát ý nghĩa vấn đề đã trình bày – Một số đề xuất, kiến nghị (nếu có)
Cách thức và thái độ khi nói	Hướng về người nghe; kết hợp lời nói và cử chỉ, động tác,...; giọng điệu và âm lượng phù hợp

? Khi xác định vấn đề cần trả lời các câu hỏi như thế nào?

Xác định vấn đề
1, Nói cho ai nghe?
Đối tượng lắng nghe: thầy cô bạn bè một người lạ người thân khác.
2, Nói để làm gì?
Mục đích: trình bày ý kiến của bản thân

	về một hiện tượng đời sống hoặc một vấn đề văn học mà em quan tâm và thuyết phục người nghe về vấn đề đó. **3, Nói cái gì?** Nội dung: một vấn đề là một hiện tượng trong đời sống hoặc một vấn đề văn học mà em quan tâm. **4, Nói như thế nào?** Hình thức: diễn đạt bằng lời nói, thực hành kể lại trước lớp, hoặc trước một người khác.
a)Mục tiêu: Củng cố kiến thức thông qua các bài tập. b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh luyện đề c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	**II.LUYỆN TẬP**
	Đề: Suy nghĩ của em về lòng nhân ái trong cuộc sống sau khi học truyện "Gió lạnh đầu mùa" (Thạch Lam).
*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy nhắc lại các bước khi thực hành bài nói? *** Thực hiện nhiệm vụ:** - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập… *** Báo cáo kết quả:** - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả. *** Kết luận, đánh giá:** - HS, GV đánh giá, nhận xét.	**Bước 1:** Chuẩn bị (ví dụ với vấn đề 2) Xem lại nội dung đọc hiểu văn bản Gió lạnh đầu mùa của Thạch Lam. - Xác định đối tượng người nghe, bối cảnh trình bày để chuẩn bị nội dung phù hợp. - Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,…và máy chiếu, màn hình (nếu có). **Bước 2:** Tìm ý và lập dàn ý Tìm ý cho bài trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi: + Văn bản Gió lạnh đầu mùa của Thạch Lam kể về chuyện gì? → Văn bản Gió lạnh đầu mùa kể về kể về hai chị em sinh ra trong một gia đình khá giả tên là Sơn và Lan, luôn hòa đồng và gần gũi với những đứa trẻ trong phố huyện. Trong ngày trời chuyển lạnh, hai

	chị em ra chợ chơi thì thấy Hiên - cô bé hàng xóm đang co ro bên cột quán với manh áo mong manh, rách tả tơi. Sơn bàn với chị Lan đem chiếc áo bông cũ. Về đến nhà, người vú già nói với chị em Sơn mẹ đã biết chuyện. Sợ bị mắng, Sơn và Lan đến nhà Hiên đòi áo nhưng không thấy ai. Đến khi về nhà đã thấy mẹ con Hiên đem áo sang trả. Mẹ Sơn đã cho mẹ Hiên vay tiền để may áo cho con. + Nội dung của truyện đặt ra vấn đề về lòng nhân ái như thế nào? → Hai chị em đã tặng cho Hiên chiếc áo bông cũ để sưởi ấm qua mùa đông giá rét. Chi tiết này đã thắp sáng tình yêu thương, che chở và giúp đỡ lẫn nhau giữa người với người. Đồng thời, truyện đã để nhiều cảm xúc trong lòng độc giả, thấm thía từng nỗi khổ đau, bất hạnh với hoàn cảnh éo le của người nghèo khổ. Qua đó thể hiện tình yêu thương bao la, sâu sắc, nồng ấm và thiêng liêng, giúp con người thêm trân quý cuộc sống này hơn. + Em hiểu như thế nào là lòng nhân ái? → Lòng nhân ái là sự yêu thương, là phẩm chất yêu thương giữa người với người, là sự chia sẻ, cảm thông cho nhau những lúc hoạn nạn, khó khăn. + Tại sao trong cuộc sống cần có lòng nhân ái? → Để gắn kết bản thân với xã hội, con người sống rất cần phải có tấm lòng nhân ái. Nhân ái giúp ta nâng cao giá trị của bản thân mình, làm cho mối quan hệ giữa con người với con người càng trở nên tốt đẹp. Cuộc sống trở nên khó khăn hơn khi chúng ta sống vì người khác, nhưng nó cũng trở nên đẹp đẽ và hạnh phúc hơn. + Em sẽ làm gì để thể hiện lòng nhân ái? → Luôn sẵn sàng đồng cảm, chia sẻ, thấu hiểu và giúp đỡ người khác khi người ta gặp khó khăn; Luôn yêu thương

	mọi người, sẵn sàng cho đi mà không mong nhận lại, không ích kỉ nhỏ nhen, tính toán thiệt hơn với người khác; Sống chan hòa với mọi người xung quanh, luôn mang những điều tích cực đến cho mọi người và lan tỏa được những thông điệp, hành động tốt đẹp ra xã hội. Ngoài các câu hỏi nêu trên, các em có thể nêu thêm các câu hỏi khác. - Lập dàn ý, tổ chức hệ thống các ý theo ba phần: + Mở đầu: Nêu vấn đề cần trình bày. + Nội dung chính: Lần lượt trình bày các nội dung chính đã chuẩn bị trong phần tìm ý. + Kết thúc: Khái quát, khẳng định tầm quan trọng của lòng nhân ái trong cuộc sống.
Người nói: Nội dung trình bày: + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể. + Ý kiến phong phú, có trọng tâm, trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề. - Hình thức trình bày: + Bài trình bày có bố cục rõ ràng. + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp. + Có sự sáng tạo trong trình bày. - Tác phong, thái độ trình bày: + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp. + Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, hoặc không có những từ ngữ chêm xen (à, ờ, thì, mà, là,…). + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng. + Giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thỏa đáng.	**Bước 3:** Thực hành nói và nghe Hoạt động nói và nghe cần đảm bảo được các yêu cầu sau:

<table>
<tr>
<td>+ Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày.
Người nghe:
- Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày; những nội dung cần hỏi lại.
- Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.
- Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày.</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>?Yêu cầu đối với người nói?
+ Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp....
+ Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc, sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến.
+ Chú ý chỉnh giọng điệu, cách trình bày, quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.
+ Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày xong hoặc kết hợp trả lời trong khi trình bày.
?Yêu cầu đối với người nghe?
+ Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từng người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.
+ Sử dụng cử chỉ, nét mặt để kích lệ người nữa. + Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết để trao đổi lại các chi tiết, nội dung mà em thấy chưa thuyết phục.</td>
<td>Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa
Người nói:
Lắng nghe nhận xét của thầy cô, bạn bè, … về bài trình bày.
- Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày,…
- Tự đánh giá:
+ Trong bài trình bày của mình, em hài lòng về những điểm nào (nội dung, hình thức, thái độ)?
+ Điều em muốn thay đổi trong bài trình bày đó là gì?
Người nghe:
- Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin (Đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì?,…)
- Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày.
- Đánh giá:
+ Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao?
+ Điều em rút ra từ bài trình bày của bạn là gì?</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>Dựa vào bảng kiểm</td>
</tr>
<tr>
<td>BẢNG KIỂM NÓI VÀ NGHE TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ
<table>
<tr><th>Các</th><th>Nội dung</th><th>Đạt/</th></tr>
</table>
</td>
<td></td>
</tr>
</table>

phần của bài viết	kiểm tra	chưa đạt
Mở đầu	Có dẫn dắt và nêu vấn đề và ý kiến chung của em về vấn đề thảo luận	
Nội dung chính	Có nêu và làm rõ ý kiến của em về vấn đề	
Kết thúc	Khái quát, khẳng định tầm quan trọng của lòng nhân ái trong cuộc sống.	

Đề: Nhiều người quan niệm rằng, nhuộm tóc là hư hỏng, không đúng với thuần phong mĩ tục.

1. Phần Mở đầu

- Lời chào, lời giới thiệu bản thân.
- Giới thiệu vấn đề chính trong bài nói: Nhiều người quan niệm rằng, nhuộm tóc là hư hỏng, không đúng với thuần phong mĩ tục.

2. Phần Nội dung

Lí lẽ 1: Quan niệm ông bà ta ngày xưa: "Cái răng, cái tóc là góc con người".

Lí lẽ 2: Việc nhuộm tóc chỉ cần phù hợp với điều kiện kinh tế, phù hợp với bản thân và không gây hấn với xã hội là được.

Lí lẽ 3: Nhuộm tóc chưa chắc đã là hư hỏng và không nhuộm tóc chưa chắc đã là không hư hỏng.

3. Phần Kết

- Kết luận lại vấn đề.

	- Gửi lời chào và lời cảm ơn.

Tham khảo bài nói:

Chào thầy/ cô và các bạn. Các bạn nghĩ sao về vấn đề người nhuộm tóc, đặc biệt là những màu tóc quá nổi bật là những người hư hỏng, đang phá vỡ nét đẹp truyền thống của con người Việt Nam. Với tôi, đây là một quan niệm sai lầm cần được loại bỏ. Bài thuyết trình hôm nay, tôi sẽ nói rõ hơn về vấn đề này.

Ngày nay, đi trên đường phố, ta bắt gặp rất nhiều người nhuộm tóc. Tôi cho rằng đó là một chuyện làm đẹp hết sức chính đáng và bình thường của con người. Tuy nhiên, vẫn có những quan điểm cho rằng, việc nhuộm tóc là hư hỏng. Đây là một quan niệm chưa có sự cởi mở nếu không muốn gọi là sai lầm. Để lí giải cụ thể, em xin được trình bày trong bài viết dưới đây.

Các cụ ta vẫn có câu: "Cái răng, cái tóc là góc con người". Thật vậy, nhìn vào hàm răng, mái tóc của một người có thể biết đó là người chăm chỉ, gọn gàng hay không. Nhìn vào hàm răng, mái tóc của một người, ta cũng có thể biết người đó có để ý đến vẻ bề ngoài của bản thân hay không. Vậy là, từ xa xưa, chuyện tóc tai, làm đẹp cũng đã được các cụ để ý. Quan niệm cho rằng nhuộm tóc là hư hỏng một phần đến từ quan niệm về thẩm mỹ. Màu tóc của người Việt Nam vốn là màu đen. Đến khi cao tuổi, tóc từ màu đen sẽ đổi sang màu trắng. Quan niệm về cái tự nhiên, về cái quen mắt là đẹp vốn đã có hàng nghìn năm. Thời ấy, chưa có công nghệ hiện đại và sự phát triển như bây giờ. Thế nên, chắc chắn con người ta chỉ có thể để màu của tóc theo tự nhiên và dần hình thành quan niệm về cái đẹp của mái tóc. Ngày nay, con người ta vẫn giống như ngày trước, vẫn có nhu cầu làm đẹp, vẫn biết để ý đến hình thức của bản thân. Chỉ có điều, quan niệm về thẩm mỹ đã có sự đổi khác, mái tóc không nhất thiết phải là màu đen. Nói đến quan niệm thẩm mỹ, tôi lại nhớ, trước kia, ở ta có tục nhuộm răng đen. Nhưng thời đại ngày nay, chẳng còn mấy người nhuộm răng như vậy nữa.

Em cho rằng, việc nhuộm tóc chỉ cần phù hợp với điều kiện kinh tế, phù hợp với bản thân và không gây hấn với xã hội là được. Chúng ta sẽ khó thể nào mà chấp nhận một người khỏa thân đi ở ngoài đường. Điều đó vẫn nằm ngoài sức tưởng tượng và mức độ chịu đựng của em. Nhưng với mái tóc, em thấy không có vấn đề gì cả. Con người có quyền lựa chọn màu tóc là một cách để thể hiện cá tính, để làm đẹp và để tự tin hơn.

Nhuộm tóc chưa chắc đã là hư hỏng và không nhuộm tóc chưa chắc đã là không hư hỏng. Em được biết đến một tội phạm giết người ở Việt Nam vào khoảng năm 2011. Anh ta là một người có mái tóc màu đen. Em cũng được biết đến hoa hậu Nguyễn Thúc Thùy Tiên, một cô gái biết sử dụng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Thái, tràn đầy tự tin và cống hiến, có mái tóc nhuộm màu nâu. Và chính bản thân em, một học sinh có thể coi là ưu tú, con ngoan trò giỏi trong lớp, cũng đã từng nhuộm tóc. Thật may là bố mẹ tôi cũng không hề phản đối chuyện này.

Em chỉ mong rằng chúng ta sẽ nhìn nhận một cách đúng đắn, bao dung, bớt

khắt khe hơn về việc nhuộm tóc. Vì chỉ khi cố gắng tìm hiểu một điều gì đó, ta mới có cơ hội để hiểu được tận gốc của vấn đề.

Ngày soạn	30/9/2023
Ngày dạy	
Lớp dạy	8C3

CHỦ ĐỀ 3: THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ

Thời lượng: 14 tiết

Tiết 28,29,30,31,32:

LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU MỚI– THƠ SÁU CHỮ, THƠ BẢY CHỮ

A. Mục tiêu:

1. Năng lực:

- Hiểu và phân tích được một số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng; vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh; bố cục, mạch cảm xúc;...) và tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

- Vận dụng kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ sáu chữ, bảy chữ kiến thức về được sắc thái nghĩa của từ ngữ và hiệu quả lựa chọn từ ngữ để thực hành đọc hiểu các văn bản thơ sáu chữ, bảy chữ ngoài SGK.

- Góp phần phát triển các năng lực: tự học, giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất:

Tình yêu quê hương, đất nước, yêu gia đình và những người thân trong gia đình và mọi người xung quanh.

B. Phương tiện và học liệu:

- Máy tính, máy chiếu.

- Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, các văn bản truyện ngoài SGK.

C. Tiến trình dạy học:

Tổ chức hoạt động	Dự kiến sản phẩm
*** HĐ1: Củng cố, nâng cao kiến thức về thể loại** **- GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức đã học:** **1. Nhắc lại khái niệm thể loại thơ.** **2. Nêu rõ một số yếu tố hình thức**	I. Kiến thức Ngữ văn *1. Thơ:* ** Đặc điểm của thơ* - Thơ là tiếng nói, là tình cảm, là sự giãi bày thổ lộ tâm tư của con người trước cuộc đời. - Thơ biểu hiện tình cảm cảm xúc bằng ngôn ngữ cô đọng, súc tích, giàu hình ảnh và nhạc điệu. ** Một số yếu tố hình thức của thơ*

của thơ: Dòng thơ, vần, nhịp, bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo. **3. Nêu những đặc điểm của thể thơ sáu chữ, bảy chữ.** **4. Trình bày chiến lược đọc hiểu văn bản thơ sáu chữ, bảy chữ.** **5. Thế nào là sắc thái nghĩa của từ? Có mấy sắc thái nghĩa chủ yếu của từ?** **- HS độc lập suy nghĩ trả lời câu hỏi** **- GV gọi 5 HS trả lời; HS khác nhận xét, bổ sung.** **- GV tổng hợp kiến thức, nhấn mạnh và khắc sâu kiến thức trọng tâm về thể loại và những lưu ý về sắc thái nghĩa của từ trong đọc hiểu, viết, nói và nghe.**	- *Dòng thơ:* gồm các tiếng được sắp xếp thành hàng; có thể giống hoặc khác nhau về độ dài, ngắn. - *Vần thơ:* là phương tiện tạo tính nhạc cơ bản của thơ dựa trên sự lặp lại phần vần và âm tiết. - *Nhịp thơ:* là những điểm ngắt hơi khi đọc một dòng thơ. - *Bố cục:* là sự tổ chức, sắp xếp các dòng thơ, khổ thơ tương ứng với một nội dung nhất định để tạo thành bài thơ. - *Mạch cảm xúc:* là diễn biến dòng cảm xúc, tâm trạng của tác giả trong bài thơ. - *Cảm hứng chủ đạo:* là trạng thái cảm xúc, tình cảm mãnh liệt được thể hiện xuyên suốt tác phẩm nhằm bộc lộ tư tưởng của tác giả. *2. Thơ sáu chữ, bảy chữ:* - *Thơ sáu chữ*: là một thể thơ mỗi dòng sáu chữ. Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 2/2/2; 3/3; 4/2; 4/2. - *Thơ bảy chữ*: là một thể thơ mỗi dòng bảy chữ. Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 4/3 hoặc 3/4. - Bài thơ sáu chữ, bảy chữ thường có nhiều vần. Vần thường là vần chân (chân liền hoặc chân cách). *3. Kĩ năng đọc thơ sáu chữ, bảy chữ* - Đọc kỹ văn bản, xác định khổ thơ, vần thơ, nhịp thơ trong văn bản đó. - Xác định nhân vật trữ tình. Bài thơ viết về ai và viết về điều gì? - Xác định bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ. - Nhận biết, nêu tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu trong bài thơ. - Vận dụng trải nghiệm trong cuộc sống để đọc hiểu được nội dung, tư tưởng, thông điệp của bài

	thơ. - Kết nối ý nghĩa của văn bản để liên hệ với bản thân và cuộc sống. *4. Sắc thái nghĩa của từ:* **- Sắc thái nghĩa là nét nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản của từ ngữ. Các sắc thái nghĩa chủ yếu của từ ngữ gồm:** **+ Sắc thái miêu tả, ví dụ: các từ ghép như trắng tinh, trắng xóa đều chỉ màu trắng nhưng được phân biệt với nhau nhờ các yếu tố phụ (trắng tinh: rất trắng, thuần một màu, gây cảm giác rất sạch; trắng xóa: trắng đều khắp trên diện rộng).** **+ Sắc thái biểu cảm, ví dụ: các từ thuần Việt như cha, mẹ, vợ,… thường có sắc thái thân mật; còn các từ Hán Việt đồng nghĩa như thân phụ, thân mẫu, phu nhân,… thường có sắc thái trang trọng.** **- Trong nói (viết) cần lựa chọn các từ ngữ có sắc thái nghĩa phù hợp để nâng cao hiệu quả giao tiếp.**
** HĐ2: Vận dụng kiến thức đọc hiểu các văn bản thơ sáu chữ, bảy chữ ngoài SGK.* **- GV hướng dẫn HS hoạt động cá nhân làm các bài tập đọc hiểu mở rộng.** **- HS độc lập thực hiện theo hướng dẫn.** **- GV tổ chức cho HS chấm chữa chéo phần trắc nghiệm; gọi HS chiếu hoặc viết bảng các câu hỏi phần tự luận, HS khác theo dõi đối chiếu với bài làm để nhận xét, bổ sung cho bạn.** **- GV nhận xét, chốt đáp án và**	II. Vận dụng đọc hiểu văn bản mở rộng

lưu ý kĩ năng trả lời câu hỏi đọc hiểu.	

1. Bài tập 1: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

BÀI HỌC ĐẦU CHO CON – Đỗ Trung Quân

Quê hương là gì hở mẹ
Mà cô giáo dạy phải yêu
Quê hương là gì hở mẹ
Ai đi xa cũng nhớ nhiều.
Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay.

Quê hương là con diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông.

Quê hương là cầu tre nhỏ
Mẹ về nón lá nghiêng che
Là hương hoa đồng cỏ nội
Bay trong giấc ngủ đêm hè.

Quê hương là vòng tay ấm
Con nằm ngủ giữa mưa đêm
Quê hương là đêm trăng tỏ
Hoa cau rụng trắng ngoài thềm.

Quê hương là vàng hoa bí
Là hồng tím giậu mồng tơi
Là đỏ đôi bờ dâm bụt
Màu hoa sen trắng tinh khôi.

Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương có ai không nhớ…

(Tuyển tập thơ *Quê hương*, NXB Văn học, 2000)

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ lục bát B. Thơ sáu chữ

C. Thơ bảy chữ D. Thơ tự do

Câu 2. Nhan đề của bài thơ được đặt theo cách nào?

A. Một hình ảnh gây ấn tượng với tác giả

B. Một âm thanh đặc biệt trong cảm nhận của tác giả

C. Một hiện tượng khơi nguồn cảm hứng cho tác giả

D. Một cảm xúc, tâm sự, gửi gắm của tác giả

Câu 3. Tác giả đã sử dụng bao nhiêu hình ảnh để định nghĩa về quê hương?

A. 10 B. 11

C. 12 D. 13

Câu 4. Biện pháp tu từ nào được sử dụng nhiều nhất trong bài thơ?

A. So sánh, điệp ngữ, liệt kê B. Ẩn dụ, nhân hoá, so sánh

C. Điệp ngữ, so sánh, hoán dụ D. Nói giảm nói tránh, liệt kê

Câu 5. Dòng nào sau đây không nhận xét đúng về các hình ảnh được tác giả sử dụng trong bài thơ?

A. Hình ảnh thân thuộc, giản dị, gắn bó với cuộc sống của con người.

B. Hình ảnh đầy màu sắc gợi lên sự tươi vui, bình yên của quê hương.

C. Hình ảnh chọn lọc tinh tế, tỉ mỉ, cầu kì để khắc họa vẻ đẹp của quê hương.

D. Hình ảnh vừa gần gũi với trẻ thơ lại giàu tính biểu tượng, cảm xúc.

Câu 6. Từ ngữ chỉ màu sắc trong câu thơ "*Màu hoa sen trắng tinh khôi*" có sắc thái biểu cảm như thế nào?

A. Miêu tả màu trắng tinh khiết của những bông hoa sen.

B. Nhấn mạnh cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp của quê hương.

C. Gợi hình ảnh quê hương quen thuộc, gần gũi, trong sáng, thuần khiết.

D. Thể hiện sự quan sát tinh tế và tình yêu thiên nhiên của nhà thơ.

Câu 7. Hình ảnh mẹ và quê hương xuất hiện trong những câu thơ nào dưới đây?

A. Quê hương là gì hở mẹ/Mẹ về nón lá nghiêng che

B. Mẹ về nón lá nghiêng che/Quê hương là vòng tay ấm

C. Quê hương là gì hở mẹ/ Như là chỉ một mẹ thôi

D. Quê hương mỗi người có một/Như là chỉ một mẹ thôi

Câu 8. Phương án nào dưới đây nêu đúng cảm hứng chủ đạo của bài thơ?

A. Tình yêu thiên nhiên tha thiết, mãnh liệt của nhà thơ khi nhớ đến quê hương.

B. Niềm tự hào của nhà thơ trước vẻ đẹp giản dị, bình yên của quê hương.

C. Tình yêu thương và sự gắn bó sâu sắc của nhà thơ với quê hương.

D. Nỗi nhớ thương sâu sắc của nhà thơ về mẹ và quê hương.

Câu 9. Em có đồng ý với quan niệm của tác giả trong hai câu thơ "Quê hương mỗi người chỉ một/Như là chỉ một mẹ thôi" không? Vì sao?

Câu 10. Nếu được chọn một hình ảnh để định nghĩa về quê hương mình thì em sẽ chọn hình ảnh nào? Hãy giới thiệu về hình ảnh đó và cho biết lí do khiến em muốn lựa chọn hình ảnh đó (trả lời trong khoảng 10 ~ 12 dòng).

*** Dự kiến sản phẩm:**

A. Trắc nghiệm

Câu	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**
Đáp án	**A**	**D**	**C**	**A**	**C**	**C**	**B**	**C**

B. Tự luận

Câu 9.

- HS có thể đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến của tác giả trong hai câu thơ.

- Đưa ra được những lí giải phù hợp và thuyết phục. Ví dụ:

+ Đồng ý với quan niệm của tác giả là "mỗi người chỉ có một" quê hương bởi quê hương là nơi ta sinh ra và lớn lên, nơi ta được sống trong tình yêu thương của những người thân trong gia đình, gắn bó với những kỉ niệm thời thơ ấu. Dẫu cho cuộc đời ta sẽ đi qua nhiều nơi khác, có thể sinh sống và gắn bó với mảnh đất khác, sẽ có thêm những quê hương khác nữa. Nhưng, "quê hương" – cội nguồn của ta thì chỉ có một.

+ Không đồng ý với quan niệm của tác giả là "mỗi người chỉ có một" quê hương, bởi trong cuộc đời mỗi con người, ta có thể sinh ra ở một nơi, lớn lên ở một nơi, sinh sống, lập nghiệp và lập gia đình ở một nơi khác nhau. Nơi nào ta cũng có những yêu thương, những gắn bó và kí ức đẹp đẽ. Và đó, đều có thể trở thành "quê hương" của ta, như nhà thơ Chế Lan Viên đã từng viết: "Khi ta ở chỉ là nơi đất ở/Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn", "Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương".

Câu 10.

- HS chọn và giới thiệu được một hình ảnh định nghĩa về quê hương phù hợp.

- Trình bày lí do khiến em lựa chọn hình ảnh đó để định nghĩa về quê hương:

Ví dụ:

+ Hình ảnh đó là biểu tượng của thiên nhiên, con người ở quê hương em.

+ Hình ảnh đó gắn bó với đời sống tinh thần, hoặc lao động sản xuất ở quê hương em.

+ Hình ảnh đó gắn với những kí ức tuổi thơ đẹp đẽ của em bên gia đình, bạn bè, làng xóm,…

2. Bài tập 2: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

NHỚ HUẾ QUÊ TÔI – Thanh Tịnh

Sông núi vươn dài tiếp núi sông
Cò bay thẳng cánh nối đồng không
Có người bảo Huế xa, xa lắm
Nhưng Huế quê tôi ở giữa lòng
Mười một năm trời mang Huế theo
Đèo cao nắng tắt bóng cheo leo
Giọng hò mái đẩy vờn mây núi
Man mát sông Hương lướt đỉnh đèo

Tôi gặp bao người xứ Huế xa
Đèn khuya thức mãi chí xông pha
Mở đường giải phóng về quê mẹ
Dựng khắp non sông bóng xóm nhà

Có bao người Huế không về nữa
Gửi đá ven rừng chép chiến công
Có mồ liệt sĩ nâng lòng đất
Buồm phá Tam Giang gió thổi lồng

Nặng trĩu trăm năm bóng cổ thành
Bao lần máu đỏ nhuộm đồng xanh
Cờ sao ngày ấy buồn cung cấm
Sông nước xôn xao núi chuyển mình

Bao độ thu về, thu lại qua
Huế tôi thăm thẳm nhớ con xa
Mỗi lần phượng nở rung màu đỏ
Càng giục canh sương rộn tiếng gà.

Hà Nội, thu, năm 1936

Nguồn: Thanh Tịnh, Thơ ca, NXB Quân đội nhân dân, 1980

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ lục bát
B. Thơ sáu chữ
C. Thơ bảy chữ
D. Thơ tự do

Câu 2. Các dòng thơ được ngắt nhịp nào là chủ yếu?

A. 3/4 B. 4/3
C. 2/2/3 D. 1/3/3

Câu 3. Nhận xét nào đúng về bố cục của bài thơ?

A. Bài thơ chia làm hai phần: hai khổ thơ đầu là khơi nguồn nỗi nhớ quê hương xứ Huế; bốn khổ thơ tiếp là cảm xúc của tác giả trước những hi sinh, mất mát của con người xứ Huế.

B. Bài thơ chia làm ba phần: khổ thơ đầu là khơi nguồn nỗi nhớ quê hương xứ Huế; bốn khổ tiếp theo là hình ảnh quê hương trong những năm tháng chiến tranh; khổ cuối là tình cảm gắn bó của quê hương và con người xứ Huế.

C. Bài thơ chia làm ba phần: hai khổ thơ đầu là khơi nguồn nỗi nhớ quê hương xứ Huế; ba khổ thơ tiếp là cảm xúc của tác giả trước những hi sinh, mất mát của con người xứ Huế; khổ cuối là tình cảm gắn bó của quê hương và con người xứ Huế.

D. Bài thơ chia làm ba phần: hai khổ thơ đầu là khơi nguồn nỗi nhớ quê hương xứ Huế; hai khổ tiếp theo là hình ảnh con người xứ Huế trong những năm tháng chiến tranh; hai khổ cuối là tình cảm gắn bó của quê hương và con người xứ Huế.

Câu 4. Phương án nào nêu đúng các hình ảnh của quê hương trong nỗi nhớ của tác giả ở khổ thơ thứ 2?

A. Đèo cao, giọng hò mái đẩy, sông Hương

B. Nắng tắt, đèo cao, mây núi

C. Mây núi, sông Hương, giọng hò mái đẩy

D. Bóng cheo leo, sông Hương, đỉnh đèo

Câu 5. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong các dòng thơ "*Cờ sao ngày ấy buồn cung cấm/ Sông nước xôn xao núi chuyển mình*"?

A. So sánh B. Nhân hoá
C. Điệp ngữ D. Nói giảm nói tránh

Câu 6. Các từ Hán Việt "cổ thành", "cung cấm" trong khổ thơ thứ 5 có sắc thái biểu cảm nào?

A. Day dứt, trăn trở B. Thân mật, suồng sã
C. Đau đớn, xót xa D. Cổ kính, trang trọng

Câu 7. Nhận xét nào đúng về nội dung của các dòng thơ "*Có bao người Huế không về nữa/ Gửi đá ven rừng chép chiến công*"?

A. Những người lính Huế đã khắc lại chiến công của mình trên mỗi tảng đá ven rừng đi qua trên chặng đường hành quân.

B. Rất nhiều người con xứ Huế đã ghi lại tình yêu và nỗi nhớ quê hương của mình trên những phiến đá ven rừng.

C. Rất nhiều người lính đến từ Huế đã hi sinh nơi chiến trường và những phiến đá

ven rừng là người chứng kiến, ghi lại những chiến công của họ.

D. Những người Huế rời quê hương đi nơi khác, để lại thông tin trên những phiến đá ven rừng.

Câu 8. Đáp án nào nêu đúng nhất cảm xúc của tác giả trong bài thơ về quê hương xứ Huế?

A. Nhớ thương và xót xa B. Tự hào và yêu quý

C. Yêu thương và tự hào D. Trân trọng và yêu quý

Câu 9. Tác giả đã sử dụng những hình ảnh, chi tiết nào để thể hiện nỗi nhớ với quê hương xứ Huế? Em có cảm nhận gì về những chi tiết, hình ảnh này?

Câu 10. Viết đoạn văn khoảng (7 – 10 dòng) nêu nhân xét của em về tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

*** Dự kiến sản phẩm:**

A. Trắc nghiệm:

Câu	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**
Đáp án	**C**	**B**	**A**	**B**	**B**	**D**	**C**	**A**

B. Tự luận:

Câu 9.

- Học sinh nêu được những hình ảnh, chi tiết tác giả đã sử dụng để thể hiện nỗi nhớ với quê hương xứ Huế: đèo cao, giọng hò mái đẩy, sông Hương, phá Tam Giang, kinh thành Huế và những người lính xuất thân từ Huế.

- Học sinh nêu cảm nhận riêng của bản thân về những hình ảnh, chi tiết tác giả sử dụng để thể hiện nỗi nhớ với xứ Huế. Ví dụ:

+ Quê hương với những hình ảnh thân thuộc nhất.

+ Quê hương luôn ở trong tâm trí, ngay trong "lòng" người con xứ Huế dù có xa cách về thời gian và không gian.

+ Hình ảnh xứ Huế mơ mộng, lãng mạn, cố kính nhưng cũng đầy đau thương trong những năm tháng chiến tranh.

➔ Qua đó thấy được tình yêu quê hương tha thiết, sâu nặng và nỗi xót xa của nhà thơ trước những đau thương, mất mát của quê hương mình.

Câu 10.

- Học sinh viết đoạn văn đảm bảo về hình thức và dung lượng.

- Nêu được nhận xét về tâm trạng của tác giả:

+ Nỗi nhớ thương luôn thường trực với quê hương.

+ Xót xa khi chứng kiến những người con của xứ Huế phải hi sinh nơi chiến đầy máu đỏ.

+ Mong được trở về quê hương, đồng cảm với nỗi nhớ thương của quê hương

dành cho chính những người con của mình.

3. Bài tập 3:

a. Trường hợp nào sau đây thể hiện sự lạm dụng từ Hán Việt?

1. Ngoài sân, trẻ em đang vui đùa.

2. Kì thi này con đạt loại giỏi. Con đề nghị mẹ thưởng cho con một phần thưởng xứng đáng!

3. Nhà máy dệt kim Vinh mang tên Hoàng Thị Loan – thân mẫu chủ tịch Hồ Chí Minh.

4. Tham dự buổi chiêu đãi có ngài đại sứ và phu nhân.

b. Xác định và cho biết tác dụng của các từ láy trong đoạn thơ sau trong việc thể hiện tâm trạng của tác giả:

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh
(Lượm – Tố Hữu)

*** Dự kiến sản phẩm:**

a. Câu 2 thể hiện sự lạm dụng từ Hán Việt: Con đề nghi mẹ thưởng cho con một phần thưởng xứng đáng!

b.

- Các từ láy: loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt, nghênh nghênh.

- Tác dụng: Các từ láy giúp tác giả khắc họa được những ấn tượng đặc biệt, cảm xúc yêu mến của tác giả dành cho bé Lượm – một chú bé liên lạc nhỏ bé, ngộ nghĩnh, đáng yêu, nhanh nhẹn, hồn nhiên, yêu đời, vui vẻ, lạc quan,…

*HDTH: Tìm đọc các văn bản thơ sáu chữ, bảy chữ và ghi chép nội dung đọc hiểu vào sổ tay văn học.

Ngày soạn	30/9/2023
Ngày dạy	
Lớp dạy	8C3

TIẾT 33,34:

LUYỆN TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT – SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Củng cố kiến thức đã học về sắc thái nghĩa của từ và việc lựa chọn từ ngữ
- Giải các bài tập liên quan đến sắc thái nghĩa của từ và việc lựa chọn từ ngữ

2. Năng lực

- Năng lực đặc thù: Nhận diện và phân loại được sắc thái nghĩa của từ.
- Năng lực chung: Hình thành và phát triển năng lực: Giải quyết vấn đề, giao tiếp tiếng Việt, sáng tạo, hợp tác, cảm thụ thẩm mĩ.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm
- Có ý thức vận dụng kiến thức để nâng cao hiệu quả giao tiếp

Tổ chức hoạt động	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **- Nhiệm vụ 1:** **HS làm việc theo cặp đôi, thời gian 03 phút** *So sánh sắc thái nghĩa của các từ được in đậm trong các cặp câu dưới đây.* **Nhóm 1:** a) Những khuôn mặt **trắng bệch**, những	**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN** **1. Khái niệm:** Sắc thái nghĩa của từ ngữ là nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản của từ ngữ. **2. Phân loại:** + Sắc thái miêu tả, ví dụ: các từ ghép như *trắng tinh, trắng xóa* đều chỉ màu trắng nhưng được phân biệt với nhau nhờ các

bước chân nặng như đeo đá. b) Bông hoa huệ **trắng muốt.** c) Đàn cò **trắng phau**. d) Hoa ban nở **trắng xóa** núi rừng. **Nhóm 2:** a. ngắn và cụt lủn b. cao và lêu nghêu c. lên tiếng và cao giọng d. chậm rãi và chậm chạp **- Nhiệm vụ 2:** *Từ các ví dụ trên, em hiểu thế nào là sắc thái nghĩa của từ? Cách phân loại sắc thái nghĩa của từ.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân **Bước 3: Báo cáo kết quả** - HS báo cáo kết quả trong buổi học **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận, chốt kiến thức **Nhiệm vụ 1:** **Nhóm 1:** trắng bệch: trắng một cách nhợt nhạt trắng muốt: trắng và mịn màng, trông đẹp trắng phau: trắng hoàn toàn, không có lấy một vết nào của màu khác trắng xóa: Trắng trên một diện tích rộng, làm lóa mắt. **Nhóm 2:** a. ngắn chỉ tính chất trung tính nhưng cụt lủn có sắc thái châm biếm. b. cao chỉ mang sắc thái trung tính còn lêu nghêu mang sắc thái nghĩa chê bai. c. lên tiếng chỉ mang sắc thái trung tính còn cao giọng mang sắc thái mỉa mai. d. chậm rãi chỉ mang sắc thái tích cực còn	yếu tố phụ (trắng tinh: rất trắng, thuần một màu, gây cảm giác rất sạch; trắng xóa: trắng đều khắp trên một diện rộng). + Sắc thái biểu cảm, ví dụ: các từ thuần Việt như cha, mẹ, vợ,… thường có sắc thái thân mật; còn các từ Hán Việt đồng nghĩa như thân phụ, thân mẫu, phu nhân,… thường có sắc thái trang trọng.

chậm chạp mang sắc thái tiêu cực. **Nhiệm vụ 2:** **Kết luận:** **a. Khái niệm:** Sắc thái nghĩa của từ ngữ là nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản của từ ngữ. **b. Phân loại:** + Sắc thái miêu tả, ví dụ: các từ ghép như *trắng tinh, trắng xóa* đều chỉ màu trắng nhưng được phân biệt với nhau nhờ các yếu tố phụ (trắng tinh: rất trắng, thuần một màu, gây cảm giác rất sạch; trắng xóa: trắng đều khắp trên một diện rộng). + Sắc thái biểu cảm, ví dụ: các từ thuần Việt như cha, mẹ, vợ,… thường có sắc thái thân mật; còn các từ Hán Việt đồng nghĩa như thân phụ, thân mẫu, phu nhân, …thường có sắc thái trang trọng.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa ra yêu cầu / nhiệm vụ: **Bài 1:** Hãy trình bày những hiểu biết của em về sắc thái nghĩa của từ ngữ (khái niệm, phân loại, cách dùng, ví dụ,…) **Bài 2:** Quan sát các từ ngữ trong những cặp sau: ăn – xơi, trắng tinh – trắng hếu, vàng – vàng vọt, người lính – tên lính. Em thấy giữa các từ ngữ trong mỗi cặp có sự tương đồng hay khác biệt về sắc thái nghĩa? Hãy chỉ rõ điều đó. **Bài 3:** Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ ngữ sau và cho ví dụ để làm rõ sự khác nhau về cách dùng giữa các từ ngữ đó: a. ngắn – cụt lủn b. cao – lêu nghêu **Bài 4:** Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ ngữ sau và cho ví dụ để làm rõ sự khác	**II. THỰC HÀNH** **Bài 1:** - Sắc thái nghĩa của từ ngữ là phần nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản, thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của người dùng đối với đối tượng được nói đến. - Có những sắc thái nghĩa cơ bản như: trang trọng – thân mật – suồng sã, tích cực – tiêu cực, tốt nghĩa – xấu nghĩa,... - Trong giao tiếp, cần chú ý sử dụng từ ngữ có sắc thái nghĩa phù hợp để phát huy được hiệu quả biểu đạt. - Ví dụ: "lâm chung" có sắc thái trang trọng, còn "sắp chết" có sắc thái bình thường, đôi khi là khinh mạt nếu dùng với người **Bài 2:** Giữa các từ ngữ trong mỗi cặp có sự khác

nhau về cách dùng giữa các từ ngữ đó: a. lên tiếng – cao giọng b. chậm rãi – chậm chạp **Bài 5:** Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ ngữ và cho ví dụ để làm rõ sự khác nhau về cách dùng nghĩa các từ ngữ đó: **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả** - HS báo cáo kết quả **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận	biệt về sắc thái nghĩa: - "Ăn" có tính chất trung tính nhưng "xơi" có sắc thái trang trọng - "Trắng tinh" có sắc thái nghĩa tích cực (tốt nghĩa) nhưng trắng hếu có sắc thái nghĩa tiêu cực (xấu nghĩa) - "Vàng" có sắc thái trung tính nhưng "vàng vọt" có sắc thái nghĩa tiêu cực - "Người lính" có sắc thái tôn trọng nhưng "tên lính" có sắc thái coi thường, khinh rẻ **Bài 3:** a) "Ngắn" có sắc thái nghĩa trung tính còn "cụt lủn" có sắc thái nghĩa suồng sã, khẩu ngữ, chê bai. Ví dụ: - Đó là một câu trả lời ngắn nhưng đủ ý. - Đó là một câu trả lời cụt lủn không thể chấp nhận. b) "Cao" có sắc thái nghĩa trung tính còn "lêu nghêu" có sắc thái nghĩa chê bai (cao nhưng không đẹp) Ví dụ: - Anh ta là một người cao. - Anh ta cao lêu nghêu, điều đó khiến cho anh ta mất điểm trong mắt mọi người. **Bài 4:** **a**) "Lên tiếng" mang sắc thái nghĩa trang trọng còn "cao giọng" mang sắc thái nghĩa tiêu cực, chê bai Ví dụ: - Ngay sau khi biết được sự việc, nhiều nghệ sĩ đã lên tiếng bảo vệ anh. - Thấy cô gái không làm được theo yêu cầu của mình, anh ta cao giọng quát tháo. b) "Chậm rãi" mang sắc thái nghĩa tích cực (chậm là tốt) còn "chậm chạp" mang sắc

	thái nghĩa tiêu cực (chậm là không được). - Hãy cứ làm chậm rãi, không phải vội vàng vì cái này cần phải làm cẩn thận. - Sao làm chậm chạp thế, làm thế này thì bao giờ mới xong?

Bài tập 5: Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ ngữ và cho ví dụ để làm rõ sự khác nhau về cách dùng nghĩa các từ ngữ đó:

Từ ngữ	Sắc thái nghĩa	Đặt câu làm ví dụ minh họa
a1. Ngắn		
a2. Cụt lủn		
b1. cao		
b2. lêu nghêu		
c1. lên tiếng		
c1. cao giọng		
d1. chậm rãi		
d2. chậm chạp		

Trả lời:

Từ ngữ	Sắc thái nghĩa	Đặt câu làm ví dụ minh họa
a1. Ngắn	Trung tính	Cái cây này ngắn quá.
a2. Cụt lủn	Tiêu cực	Cái cây này sao cụt ngủn thế.
b1. cao	Trung tính	Cậu ấy cao nhất lớp.
b2. lêu nghêu	Tiêu cực	Cậu ấy trông lêu nghêu.
c1. lên tiếng	Trung tính	Cậu ấy lên tiếng phản đối những thói hư tật xấu trong xã hội.
c1. cao giọng	Tiêu cực	Cậu ấy cao giọng với mọi người trong lớp.
d1. chậm rãi	Trung tính	Cậu ấy làm mọi thứ chậm rãi, rất chắc chắn.
d2. chậm chạp	Tiêu cực	Cậu ấy làm gì cũng chậm chạp.

Ngày soạn	30/9/2023
Ngày dạy	
Lớp dạy	8C3

TIẾT 35,36,37,38,39:
LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN
GHI LẠI CẢM NGHĨ SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ

A. Mục tiêu

1. Năng lực

- Phân tích quy trình thực hiện viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ.

- Vận dụng thực hành làm các đề văn cụ thể.

- Góp phần phát triển các năng lực: tự học, giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tự giác, nỗ lực hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Nhân ái: yêu thương, trân trọng gia đình và chính bản thân mình.

B. Phương tiện và học liệu

- Máy chiếu

- Các đoạn văn minh họa

C. Tiến trình dạy học

Tổ chức hoạt động	Dự kiến sản phẩm
*** HĐ 1: Củng cố kiến thức cơ bản về viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.** **- GV đặt câu hỏi:** **1. Thế nào là một đoạn văn?** **2. Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ**	I. Kiến thức cơ bản **1. Thế nào là một đoạn văn?** **Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn. Về hình thức, đoạn văn thường ra nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt**

về một bài thơ sáu chữ, bảy chữ là làm gì? **- HS độc lập suy nghĩ trả lời câu hỏi** **- GV gọi 1,2 HS trả lời; HS khác nhận xét, bổ sung.** **- GV tổng hợp kiến thức, chốt KT.** *** HĐ 2: Phân tích quy trình làm bài** **- GV đặt câu hỏi: Quy trình làm bài gồm mấy bước? Phân tích rõ nội dung yêu cầu của từng bước?** **- HS độc lập suy nghĩ** **- GV gọi 3,4 HS trả lời; HS khác bổ sung, nhận xét** **- GV tổng hợp ý kiến, sau đó lưu ý một số điểm cơ bản trong từng bước của quy trình làm bài:** 1. Sử dụng cách mở bài: - trực tiếp: Giới thiệu trực tiếp tên bài thơ, tác giả bằng một câu văn ngắn gọn. - gián tiếp: C1: Dẫn dắt từ đề tài/chủ đề của bài thơ. C2: dẫn dắt từ phong cách sáng tác của nhà thơ. 2. Thân đoạn: - Ví dụ 1: Về nội dung trữ tình của bài thơ viết về đề tài ... - Ví dụ 2: cách gieo vần/ngắt nhịp độc đáo, từ ngữ mượt mà, hình ảnh gợi cảm, biện pháp	**đoạn.** **2. Thế nào là đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong một bài thơ sáu chữ, bảy chữ?** **Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ là ghi lại những cảm xúc sâu sắc, ấn tượng nhất của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ đó hay 1 phần, 1 khía cạnh (câu thơ, khổ thơ, đoạn thơ, thậm chí một từ ngữ, hình ảnh hay biện pháp tu từ…) có giá trị trong bài thơ.** *3. Quy trình làm bài* **Bước 1: Chuẩn bị* - Lựa chọn một bài thơ đã học hoặc đã đọc mà em ấn tượng để bày tỏ cảm nghĩ của mình/ hoặc bài thơ đề bài yêu cầu. - Đọc lại bài thơ để: + Xác định nội dung trữ tình của bài thơ là gì? Bày tỏ cảm xúc nào của người viết? Bức thông điệp được gửi gắm qua bài thơ là gì? + Những tín hiệu nghệ thuật đặc sắc của bài thơ như vần, thanh điệu, ngôn ngữ, nhịp thơ, hình ảnh thơ, biện pháp tu từ thể hiện trong bài thơ... - Viết theo yêu cầu của đề bài: viết về vấn đề gì? kiểu bài gì? độ dài của đoạn văn là bao nhiêu? ** Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý* * Tìm ý bằng cách đặt và trả lời một số câu hỏi để xác định nội dung viết bài: *- Em có cảm xúc gì về bài thơ? nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào trong bài thơ làm cho em yêu thích? vì sao?* *- Qua đó em cảm nhận được điều gì về tài năng, tình*

nghệ thuật đặc sắc...đã thể hiện giá trị nội dung, tư tưởng, tình cảm.../ bố cục/ mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo... **3.** Lưu ý: Trong quá trình nêu cảm nghĩ có thể lồng cảm nghĩ về cả nội dung và nghệ thuật bằng cách trích dẫn chứng bằng một số từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ gợi cảm trong bài thơ mà em ấn tượng nhất. Chọn cảm nhận, chỉ ra cái hay của cách sử dụng thể thơ, nhịp thơ, biện pháp tu từ, bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo... mà em ấn tượng nhất. Với thể thơ tự do, cần chú ý cảm nhận cái hay nét đặc sắc của thể thơ đưa lại:	*cảm của tác giả thể hiện qua bài thơ.* - *Bài thơ gợi lên trong em suy nghĩ/bài học gì?* * Lập dàn ý: Lựa chọn, sắp xếp ý theo bố cục ba phần. - Mở đoạn: + Giới thiệu nhan đề bài thơ và tác giả; Cảm xúc chung về **chủ đề, cảm xúc chủ đạo của tác phẩm.** +Thể hiện được cảm xúc, ấn tượng chung về dòng/khổ/đoạn hay cả bài thơ... - Thân đoạn: + Xác định dòng/khổ/đoạn hay cả bài thơ... để bộc lộ cảm xúc của mình. + Yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ, liên tưởng, tưởng tượng gì để từ đó nêu bật cái hay, đẹp của dòng/ khổ/đoạn hay cả bài thơ đã chọn và lí giải. + Đánh giá tình cảm, tài năng của tác giả trong bài thơ. - Kết đoạn: Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ về dòng/khổ/đoạn hay cả bài thơ. Có thể liên hệ, mở rộng. **Bước 3: Viết bài* Từ dàn ý đã chuẩn bị, bám sát dàn ý viết thành đoạn văn theo yêu cầu của đề. Khi viết bài em cần lưu ý: - Hình thức: các câu trong đoạn cần phải có sự liên kết chặt chẽ, dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc về bài thơ. - Nội dung: nêu bật cảm xúc của em về nội dung trữ tình và ấn tượng về những nét đặc sắc nghệ thuật của dòng thơ/ khổ thơ/ đoạn thơ/ bài thơ đã lựa chọn để trình bày cảm xúc. - Chú ý: Kết hợp các cách biểu cảm trực tiếp qua việc lựa chọn từ ngữ, câu văn; biểu cảm gián tiếp bằng cách tưởng tượng, hình dung. * Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết. Đối chiếu với dàn ý và xây dựng những tiêu chí cụ

*** HĐ 3: Vận dụng làm từng các đề cụ thể**

- GV hướng dẫn HS hoạt động cá nhân hoàn thành các đề 1,2 trong phần II, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm cặp và chia sẻ trước lớp.

- HS xác định yêu cầu từng đề, độc lập làm bài và thống nhất theo nhóm cặp.

- GV tổ chức cho HS trình bày và nhận xét, bổ sung từng bài tập theo bảng kiểm.

- GV nhận xét, đánh giá tinh thần làm bài và sản phẩm của HS → yêu cầu HS dựa trên đánh giá để sửa chữa và hoàn thiện đoạn văn → nộp lại bài cho GV.

thể.

** Lưu ý cách trích dẫn*:

Trích dẫn những chi tiết, hình ảnh, dòng thơ, khổ thơ em ấn tượng.

Sau khi viết xong bài cần xem lại và chỉnh sửa bài viết theo bảng kiểm sau

BẢNG KIỂM

Đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ sáu chữ, bảy chữ

Yêu cầu	Tốt	Đạt	Chưa đạt	Dự kiến chỉnh sửa
1. Đảm bảo hình thức đoạn văn (cấu trúc, dung lượng)				
2. Giới thiệu được nhan đề, tác giả và nêu được cảm nhận chung về dòng/khổ/đoạn hay cả bài thơ				
3. Chỉ ra được cảm nghĩ về dòng/ khổ/ đoạn hay cả bài thơ: - Nội dung... - Yếu tố nghệ thuật (cách gieo vần/ngắt nhịp/ từ ngữ/ hình ảnh/ biện pháp nghệ thuật/ bố cục/ mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo...)				
4. Khái quát những suy nghĩ, cảm xúc về bài thơ? Liên hệ, mở				

	rộng.				
	5. Sử dụng hiệu quả các cách thức biểu cảm.				
	6. Cách diễn đạt ấn tượng, sâu sắc, tạo đồng cảm với người nghe				
	7. Đảm bảo các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp, diễn đạt.				
	II. Vận dụng				

* Dự kiến sản phẩm

1. Đề 1

1. Đề 1: Ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc xong bài thơ sau:

CON YÊU MẸ (Xuân Quỳnh)

- Con yêu mẹ bằng ông trời
Rộng lắm không bao giờ hết

- Thế thì làm sao con biết
Là trời ở những đâu đâu
Trời rất rộng lại rất cao
Mẹ mong, bao giờ con tới!

- Con yêu mẹ bằng Hà Nội
Để nhớ mẹ con tìm đi
Từ phố này đến phố kia
Con sẽ gặp ngay được mẹ

- Hà Nội còn là rộng quá
Các đường như nhện giăng tơ
Nào những phố này phố kia
Gặp mẹ làm sao gặp hết!

- Con yêu mẹ bằng trường học
Suốt ngày con ở đấy thôi

Lúc con học, lúc con chơi
Là con cũng đều có mẹ

- Nhưng tối con về nhà ngủ
Thế là con lại xa trường
Còn mẹ ở lại một mình
Thì mẹ nhớ con lắm đấy

Tính mẹ cứ là hay nhớ
Lúc nào cũng muốn bên con
Nếu có cái gì gần hơn
Con yêu mẹ bằng cái đó

- À mẹ ơi có con dế
Luôn trong bao diêm con đây
Mở ra là con thấy ngay
Con yêu mẹ bằng con dế.

(Nguồn: Xuân Quỳnh, *Lời ru trên mặt đất*, NXB Tác phẩm mới, 1978)

1/ Hoàn thiện phiếu học tập 01

Mở đoạn - Giới thiệu tác giả, bài thơ, thể thơ, ấn tượng chung về bài thơ:..... - Nêu ấn tượng chung về bài thơ (nội dung, nghệ thuật). Dẫn ra câu thơ, đoạn thơ, khổ thơ, bài thơ khiến em yêu thích.:.....
Thân đoạn - Nội dung trữ tình của bài thơ mà em yêu thích? Bài thơ bày tỏ cảm xúc nào? Bức thông điệp được gửi gắm qua bài thơ là gì? Lý do mà em yêu thích là:..... - Nét đặc sắc về yếu tố hình thức của bài thơ mà em yêu thích (thể thơ, số tiếng trong mỗi dòng thơ, vần, nhịp, hình ảnh, biện pháp tu từ, bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo.... Lý do mà em yêu thích là:..... - Đánh giá tài năng, tình cảm của nhà thơ .....
Kết đoạn - Khẳng định lại cảm xúc của bản thân về bài thơ và liên hệ từ nội dung bài thơ gợi ra.....

2/ Học sinh thực hành viết bài theo dàn ý đã xây dựng.

3/ Chấm, chữa theo bảng kiểm

4/ Đoạn văn tham khảo

Nữ sĩ Xuân Quỳnh, một nhà thơ nổi tiếng mệnh danh là "Nữ hoàng của thơ tình yêu". Gia tài thơ của bà có rất nhiều bài thơ hay được nhiều người yêu thích. Nhắc đến thơ chị, độc giả sẽ nhớ ngay đến một hồn thơ dịu dàng, nữ tính, luôn khát khao tình yêu và hạnh phúc gia đình trong đó phải kể đến bài thơ "Con yêu mẹ". Bài thơ gây cho em nhiều ấn tượng bởi nội dung trữ tình và các yếu tố hình thức nghệ thuật tác giả thể hiện trong bài. Trước hết, em rất xúc động khi đọc xong bài thơ vì tác giả đã tái hiện tình yêu cho trẻ thơ mà trước hết là cho những đứa con của mình. Bà thấu cảm đến tận đáy lòng những tâm tư suy cảm của con trẻ, nhìn thế giới bằng con mắt trong veo của trẻ thơ của một trái tim nhân hậu, đằm thắm và bao dung. Đồng thời, em cảm nhận được lời thỏ thẻ của con và lời thủ thỉ của mẹ đang trò chuyện cùng nhau. Người đọc có thể hình dung ra cảnh người mẹ đang ôm đứa con vào lòng và hỏi: "Con có yêu mẹ không?". Và sau khi đứa con trả lời xong, hẳn người mẹ nào cũng hỏi tiếp: "Con yêu mẹ như thế nào?". Và như thế câu chuyện của hai mẹ con cứ được tiếp tục bằng những câu hỏi đáp mà nhiều khi chỉ có trái tim người mẹ và sự hồn nhiên vô tư của con mới có thể cảm nhận được. Và cuối cùng tình yêu của con với mẹ được diễn tả bằng một hình ảnh vô cùng "trẻ thơ": "À mẹ ơi có con dế/ Luôn trong bao diêm con đây/ Mở ra là con thấy ngay/ Con yêu mẹ bằng con dế". Hình ảnh "con dế" xem ra ngộ nghĩnh đáng yêu và gây hiệu quả về mặt tình cảm với người mẹ. "Con yêu mẹ bằng con dế" mới chính là tình cảm thực của con trong cách hình dung của trẻ nhỏ. Con dế là kết quả bài học tình cảm mà đứa con nhận được thông qua quá trình vận động tư duy theo lời dẫn dắt khéo léo tự nhiên của người mẹ. "Giá có cái gì gần hơn/ Con yêu mẹ bằng cái đó". Và liên tưởng của đứa con khiến cho người mẹ và người đọc bật cười thú vị bởi tư duy vừa quen vừa lạ. Bài thơ còn đem lại cho em nhiều ấn tượng về yếu tố hình thức. Tác giả sử dụng thể thơ sáu chữ, chủ yếu nhịp 2/2/2; 3/3 xen kẽ với các hình ảnh gần gũi, giản dị với thế giới trẻ thơ. Đặc biệt tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh đặc sắc. Bài thơ *Con yêu mẹ* của Xuân Quỳnh được mọi người vô cùng yêu mến còn ở việc tác giả xây dựng cảm hứng chủ đạo về kỷ niệm tuổi thơ, tình yêu gia đình. Đọc xong bài thơ, em nhận thấy rằng trên tất cả các vùng quê của Tổ quốc đều có những người mẹ có tấm lòng đôn hậu và bao la như thế. Tất cả đều đem lại giá trị biểu cảm của bài thơ. *(Nhóm biên soạn)*

2. Đề 2: Ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc xong bài thơ sau

TỪ ẤY (Tố Hữu)

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lý chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim…
Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Để tình trang trải với trăm nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời
Tôi đã là con của vạn nhà
Là em của vạn kiếp phôi pha
Là anh của vạn đầu em nhỏ
Không áo cơm, cù bất cù bơ…

(Tháng 7-1938)

(Nguồn: *Tinh tuyển văn học Việt Nam* (tập 7: *Văn học giai đoạn 1900 - 1945*), Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, NXB Khoa học xã hội, 2004

1/ Hoàn thiện phiếu học tập 02

Mở đoạn - Giới thiệu tác giả, bài thơ, thể thơ, ấn tượng chung về bài thơ:..... - Nêu ấn tượng chung về bài thơ (nội dung, nghệ thuật). Dẫn ra câu thơ, đoạn thơ, khổ thơ, bài thơ khiến em yêu thích.:.....
Thân đoạn - Nội dung trữ tình của bài thơ mà em yêu thích? Bài thơ bày tỏ cảm xúc nào? Bức thông điệp được gửi gắm qua bài thơ là gì? Lý do mà em yêu thích là:..... - Nét đặc sắc về yếu tố hình thức của bài thơ mà em yêu thích (thể thơ, số tiếng trong mỗi dòng thơ, vần, nhịp, hình ảnh, biện pháp tu từ, bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo.... Lý do mà em yêu thích là:..... - Đánh giá tài năng, tình cảm của nhà thơ .....
Kết đoạn - Khẳng định lại cảm xúc của bản thân về bài thơ và liên hệ từ nội dung bài thơ gợi ra.....

2/ Học sinh thực hành viết bài theo dàn ý đã xây dựng.

3/ Chấm, chữa theo bảng kiểm

4/ Đoạn văn tham khảo

Tố Hữu - một tiếng thơ trữ tình chính trị xuất sắc nhất của dòng văn học cách mạng kháng chiến Việt Nam, trong đó người đọc không thể quên bài thơ "Từ ấy". Em ấn tượng bởi nội dung trữ tình và các yếu tố hình thức nghệ thuật tác giả thể hiện trong bài thơ. Trước hết, bài thơ này Tố Hữu đã bày tỏ cảm xúc mãnh liệt đột ngột, cảm xúc thực của một trái tim đang khao khát được giác ngộ, để đi theo chân lí của cách mạng, để tìm

ra một hướng đi cho tương lai. Mở đầu bài thơ, tác giả đã dùng từ *Từ ấy* rất độc đáo để diễn tả tâm trạng của mình khi bắt gặp lí tưởng cho cuộc đời. Tố Hữu đã rất tinh tế khi dùng dòng thơ đầu để diễn tả tâm trạng của một chàng thanh niên 19 tuổi giác ngộ lí tưởng cách mạng. Ánh sáng lí tưởng đã chiếu rọi vào tâm hồn trẻ làm bùng nổ một thế giới đầy hương sắc, tràn trề sức sống và niềm vui. Sự gặp gỡ lí tưởng cũng đã tạo nên sự gắn bó với muôn người, ở giữa mọi người. Cái tôi ấy đã hòa chung vào với cộng đồng khi đã thấy "*Mặt trời chân lí chói qua tim*". *Mặt trời* hình ảnh qua biện pháp tu từ ẩn dụ, để chiếu ánh sáng lí tưởng cách mạng, mặt trời ấy có đủ sức mạnh và ánh sáng chân lí để soi rọi bao con người, bao chiến sĩ trẻ, bao thanh niên trí thức chưa được giác ngộ. Niềm vui tràn trề của một tâm hồn hòa vào niềm hân hoan của cả một thế hệ thanh niên cách mạng cũng đã tạo nên một cảm xúc ngây ngất say mê: *Hồn tôi là một vườn hoa lá/ Rất đậm hương và rộn tiếng chim*. Tâm hồn của cái tôi trữ tình đón nhận những chân lí tuyệt vời mà Đảng đã đem lại niềm vui mới. Tố Hữu đã dùng biện pháp so sánh ví *hồn tôi* lúc này như là *một vườn hoa lá* có cả hương thơm và rộn rã tiếng chim. Bài thơ là tiếng reo vui của con người đối với cuộc đời, của niềm tin vào một tương lai sáng huy hoàng, vào chân lí của cách mạng. Tác giả dùng thể thơ truyền thống, sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu, lời thơ giàu cảm xúc, đậm chất lãng mạn của thi ca Việt Nam, bài thơ làm nổi bật tâm trạng của nhà thơ. Là lời tâm nguyện của chàng thanh niên yêu nước được giác ngộ lí tưởng cách mạng của Đảng và Bác Hồ. Đồng thời đó cũng là tâm nguyện gắn bó với nhân dân lao khổ. Đọc bài thơ, em nhận thấy trách nhiệm của mình đối với bản thân, gia đình và người thân để cố gắng học tập, rèn luyện mai sau góp sức nhỏ bé của mình dựng xây đất nước.

(*Nhóm biên soạn*)

***HDTH: Tiếp tục hoàn thiện các đoạn văn và lưu lại các đoạn văn ấy vào vở thực hành viết văn của mình.**

Ngày soạn	30/9/2023
Ngày dạy	
Lớp dạy	8C3

TIẾT 40,41:

LUYỆN NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

A. Mục tiêu

1. Năng lực

- Thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống khiến em quan tâm và suy nghĩ.
- Thuyết trình được tự tin, rõ ràng một vấn đề.

- Góp phần phát triển các năng lực: tự học, giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất:

- Tự giác, tích cực trong học tập
- Nhân ái, yêu thương gia đình

B. Phương tiện và học liệu

- Máy chiếu

- Các đoạn văn minh họa

C. Tiến trình dạy học

Các hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS trình bày bài nói **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ	**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN** **1. Yêu cầu kiểu bài** Xem lại bảng kiểm tham khảo **2. Quy trình nói – nghe của kiểu bài**

Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - HS khác nhận xét - GV nhận xét, kết luận nhóm nào liệt kê được đầy đủ nhất yêu cầu với kiểu bài này.	- Bước 1: Chuẩn bị trước khi thảo luận (xác định đề tài/ vấn, không gian, thời gian, mục đích thảo luận, người nghe -> tìm ý, lập dàn ý) - Bước 2: Trình bày bài thảo luận (Luyện tập và trình bày bài thảo luận) - Bước 3: Trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi thảo luận (sử dụng bảng kiểm để tự nhận xét và nhận xét phần thảo luận của bạn)
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa ra câu hỏi / yêu cầu: Nhiệm vụ 1: HS báo cáo sản phẩm viết ngắn ở tiết thực hành tiếng Việt đã giao về nhà làm (thời gian 7 phút) Nhiệm vụ 2: Theo em, tình cảm quê hương quan trọng với mỗi người như thế nào? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ báo cáo sản phẩm và chia sẻ suy nghĩ **Bước 3: Báo cáo kết quả** - 2 HS báo cáo sản phẩm đoạn văn - 2 HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân về câu hỏi lớn của bài học **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - HS khác nhận xét - GV nhận xét, góp ý, bổ sung, kết luận	**II. THỰC HÀNH** **1. Báo cáo sản phẩm viết ngắn** **2. Trao đổi về câu hỏi lớn của bài học / chủ đề**

PHIẾU THỰC HÀNH ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

PHIẾU HỌC TẬP THỰC HÀNH ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI **Yêu cầu: Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu bên dưới.**
(...) Con gặp trong lời mẹ hát *Cánh cò trắng, dải đồng xanh* *Con yêu màu vàng hoa mướp* *"Con gà cục tác lá chanh".*

(...) Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.

Mẹ ơi trong lời mẹ hát
Có cả cuộc đời hiện ra
Lời ru chắp con đôi cánh
Lớn rồi con sẽ bay xa.

(Trích *"Trong lời mẹ hát"- Trương Nam Hương)*

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Bài thơ là lời nhắn nhủ của ai với ai?

Câu 2. Tìm những chi tiết, hình ảnh khắc họa hình ảnh người mẹ. Qua những chi tiết đó, em có cảm nhận gì về người mẹ trong đoạn thơ?

Câu 3. Tìm từ đồng nghĩa với từ "chạy" trong dòng thơ: *"Thời gian chạy qua tóc mẹ"*. Theo em, những từ đồng nghĩa em vừa tìm được có thể thay thế cho từ "chạy" không? Vì sao?

Câu 4. Theo em, tình cảm cảm xúc của người con dành cho mẹ là gì?

Câu 5. Hãy chia sẻ thông điệp ý nghĩa nhất với em qua đoạn thơ trên.

GỢI Ý TRẢ LỜI PHIẾU HỌC TẬP
THỰC HÀNH ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ 6 chữ; là lời của người con dành cho mẹ của mình.

Câu 2.

Người mẹ được tái hiện trong đoạn trích là một người tần tảo nuôi con qua tháng năm, vượt qua những khó khăn của cuộc đời để nuôi con khôn lớn. Người mẹ được tái hiện qua những lời hát ru, qua hình dáng nhỏ nhắn, qua mái tóc bạc ghi dấu thời gian, qua tấm lưng còng chịu nhiều sương gió. Những câu thơ như khắc ghi lại bóng dáng mẹ cao cả, suốt đời hi sinh cho người con của mình những điều tốt đẹp nhất.

Câu 3.

- Từ đồng nghĩa với "chạy": lao, phi,..

Các từ tìm được không thể thay thế cho từ "chạy" trong dòng thơ. Vì từ "chạy" ở đây chỉ sự trôi chảy quá nhanh của thời gian theo chu kì kéo theo sự già đi của mẹ. Còn "lao" và "phi" có thể hiểu là sự di chuyển rất nhanh, rất mạnh về phía trước nên trong trường hợp này không phù hợp.

Câu 4. Qua bài thơ, ta thấy được được sự biết ơn, kính trọng của người con trước sự tần tảo, hi sinh của người mẹ; đồng thời là sự nghẹn ngào, chua xót trước sự già đi của mẹ.

Câu 5. Qua văn bản trên, nhà thơ Trương Nam Hương đã gửi gắm đến mọi người thông điệp: + Hãy luôn yêu thương và trân trọng khi còn có mẹ. + Lời ru con là một văn hóa rất đẹp, hãy giữ gìn và phát huy nó.

Ngày soạn	1/10/2023
Ngày dạy	
Lớp dạy	8C8

CHỦ ĐỀ 4: VĂN BẢN THÔNG TIN

Thời lượng: 14 tiết

Tiết 42,43,44,45,46

LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU MỚI– VĂN BẢN THÔNG TIN

A. Mục tiêu:

1. Năng lực:

- Nhận biết được đặc điểm văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên, cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản, liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.
- Tóm tắt được nội dung bài thuyết trình về một hiện tượng tự nhiên theo yêu cầu.

- Góp phần phát triển các năng lực: tự học, giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất:

Tình yêu quê hương, đất nước, yêu gia đình và những người thân trong gia đình và mọi người xung quanh.

B. Phương tiện và học liệu:

- Máy tính, máy chiếu.

- Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, các văn bản truyện ngoài SGK.

C. Tiến trình dạy học:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1: Hướng dẫn HS ôn tập kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động	I. KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU THỂ LOẠI VĂN BẢN THÔNG TIN 1. Đặc điểm của văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên a. Khái niệm: - Là loại văn bản thông tin tập trung

nhóm. - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV về các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học. 1. *Kể tên các văn bản thông tin đã được học, được đọc. Trình bày đặc điểm của văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên (khái niệm, mục đích, cách trình bày thông tin văn bản…)* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên. Bước 3: Báo cáo sản phẩm - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, nhận xét GV nhận xét, chốt kiến thức. * GV nêu câu hỏi cho HS nhắc lại các kiến thức lí thuyết về đặc trưng thể loại truyện.	nêu lên và trả lời các câu hỏi như sau: + Hiện tượng đó là gì? + Tại sao có hiện tượng đó? + Chúng có lợi hay có hại như thế nào? + Cần làm gì để tận dụng lợi ích và khắc phục ảnh hưởng xấu của chúng?... -> Nội dung giải thích các câu hỏi phải xuất phát từ những kiến thức có cơ sở khoa học. b. Mục đích: cung cấp thông tin về hiện tượng tự nhiên c. Cách trình bày thông tin văn bản - Cách thức triển khai thông tin: + theo trật tự thời gian + theo quan hệ nhân quả + theo mức độ quan trọng của thông tin + theo các khía cạnh khác nhau + theo cấu trúc so sánh và đối chiếu (so sánh điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều sự việc theo các tiêu chí so sánh cụ thể) - Phương tiện triển khai thông tin: có thể kết hợp hai phương tiện sau: + phương tiện ngôn ngữ. + phương tiện phi ngôn ngữ: số liệu, biểu đồ, hình ảnh, … 2. Cách đọc văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên - Nắm bắt được đối tượng, phương thức biểu đạt của văn bản. - Hiểu được cách tác giả triển khai ý tưởng và thông tin của văn bản. - Nắm bắt các thông tin cơ bản qua sa pô và các đề mục và thông tin chi tiết

GV hướng dẫn cách đọc văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp. - HS trả lời nhanh câu hỏi của GV: *Sau khi học các Vb ở bài 3, em hãy cho biết cách đọc văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên?* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên. Bước 3: Báo cáo sản phẩm - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, nhận xét GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV hướng dẫn cụ thể các cách làm bài đọc hiểu Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp. - HS trả lời nhanh câu hỏi của GV: *Em có những kinh nghiệm gì khi làm các bài tập đọc hiểu văn bản thông tin?* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên. Bước 3: Báo cáo sản phẩm - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của	mà văn bản cung cấp. - Hiểu ý nghĩa của các thuật ngữ trong VB; hiểu cấu trúc của từng loại VB; phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản (nếu có). - Đánh giá về nội dung, hình thức, ý nghĩa của VB và phong cách của tác giả. - Rút ra được thông điệp, bài học. - Liên hệ với bản thân và cuộc sống thực tại. 3. Cách làm bài tập đọc hiểu 3.1. Các bước làm bài đọc hiểu a. Đọc ngữ liệu - Đọc lướt để nắm bắt thông tin chính: qua nhan đề, đề mục, sa pô, câu chủ đề nằm đầu đoạn hoặc cuối đoạn văn - Đọc kĩ, gạch chân các từ ngữ, đánh dấu thông tin quan trọng, và phương tiện để làm nổi bật thông tin. b. Đọc câu hỏi - Đọc kĩ từng câu. - Xác định các vế trong câu hỏi. - Gạch chân các từ chìa khóa. - Kết nối thông tin giữa các câu hỏi. 3.2. Các dạng câu hỏi/yêu cầu về thể loại văn bản thông tin. a. Yêu cầu ở mức nhận biết - Nhận biết được một số yếu tố hình thức của văn bản thông tin như phương thức biểu đạt, sa pô, nhan đề, phương tiện phi ngôn ngữ, đề mục, ... - Nhận biết được đối tượng thuyết minh, giải thích, thông tin chính của văn bản, từ ngữ, cách trình bày thông tin.

GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, nhận xét GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	b. Yêu cầu ở mức thông hiểu - Hiểu được mục đích của văn bản. - Nêu được tác dụng của sa pô, phương tiện phi ngôn ngữ, đề mục, cách trình bày, từ ngữ, cấu trúc văn bản ... - Nắm được thông tin chi tiết của văn bản, tác dụng của các thông tin đó. c. Yêu cầu ở mức vận dụng Liên hệ văn bản với các vấn đề của xã hội: cách nghĩ, các giải pháp, ứng xử, thông điệp, … 3.3. Lưu ý cách trả lời - Ngắn gọn, đi trúng vào trọng tâm câu hỏi. - Gắn với thực tiễn của đời sống. - Kết hợp giữa thông tin văn bản với vốn sống của bản thân để trả lời một cách rành mạch, rõ ràng. - Nên kết hợp suy nghĩ của bản thân với xu hướng của cộng đồng, liên hệ với những vấn đề có ý nghĩa trong cộng đồng xã hội.
** HĐ2: Vận dụng kiến thức đọc hiểu các văn bản thơ sáu chữ, bảy chữ ngoài SGK.* **- GV hướng dẫn HS hoạt động cá nhân làm các bài tập đọc hiểu mở rộng.** **- HS độc lập thực hiện theo hướng dẫn.** **- GV tổ chức cho HS chấm chữa chéo phần trắc nghiệm; gọi HS chiếu hoặc viết bảng các câu hỏi phần tự luận, HS khác theo dõi đối chiếu với bài làm để nhận xét, bổ sung cho bạn.**	**II. Vận dụng đọc hiểu văn bản mở rộng**

- GV nhận xét, chốt đáp án và lưu ý kĩ năng trả lời câu hỏi đọc hiểu.	

Bài tập 1-Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

NHỮNG ĐIỀU BÍ ẨN TRONG TẬP TÍNH DI CƯ CỦA CÁC LOÀI CHIM

Hàng trăm tỉ con chim di cư mỗi năm theo chiều bắc nam giữa nơi sinh sản và nơi trú đông cách xa hàng ngàn hoặc thậm chí hàng chục ngàn ki-lô-mét giống như một phép lạ của cuộc sống.

Tại sao đàn chim di cư lại bay theo đội hình chữ V?

Hằng năm cứ vào mùa đông, nhiều loài chim lại kéo nhau bay về phương nam để tránh rét và tìm kiếm thêm thức ăn. Thú vị ở chỗ, nhiều loài chim như nhạn, ngỗng trời,... có tập tính bay đội hình chữ V. Vậy nguyên nhân nào khiến những loài chim lại sử dụng đội hình bay như thế?

Các nhà khoa học Anh đã tìm ra câu trả lời sau khi tiến hành thực nghiệm trên mười bốn con cò đen đầu hói bằng cách đeo thiết bị để xác định vị trí đường bay, tốc độ và nhịp cánh của mỗi chú cò.

Đội hình chữ V được xem là đội hình tối ưu về mặt khí động lực học, con chim bay ở đầu mũi tên hay hình chữ V thường là chim đầu đàn và khoẻ hơn hẳn những con phía sau. Khi bay theo đội hình như vậy, các chú chim thường tận dụng luồng không khí đi qua đôi cánh của chúng bao gồm: luồng khí hướng lên (có lợi) từ phía dưới lên mép sau của đôi cánh giữ cho chúng ở trên không trung mà không phải quạt cánh vất vả và luồng không khí hướng xuống (không có lợi) từ phía trên đến mép sau đôi cánh. Khi bay, con chim dẫn đầu vỗ cánh làm cho không khí hai bên cánh chuyển động, luồng khí này truyền ra phía sau. Những con chim bay phía sau sẽ nhận luồng khí có lợi từ con đầu đàn và giảm thiểu luồng khí hướng xuống bất lợi nhằm hạn chế việc hao tốn sức lực trong suốt thời gian dài. Đó là mục đích chính của đội hình bay chữ V:

"Những con chim bay sau chỉ đơn giản cảm nhận được đâu là vị trí của luồng không khí hướng lên và đâu là vị trí của luồng không khí hướng xuống. Từ đó, chúng sẽ xác định được vị trí thích hợp để không phải mất nhiều sức lực khi bay". Nhờ sự liên kết khí động lực học này mà hiếm có con chim nào phải rời đàn vì kiệt sức, nếu con đầu đàn không còn sức thì lập tức sẽ có một con to khoẻ khác thay thế ngay.

Theo một nghiên cứu năm 2001, những con bồ nông trắng khi bay theo đội hình chữ V có nhịp tim và nhịp vỗ cánh thấp hơn 14% khi chúng bay một mình. Nghiên cứu từ những năm 1970 cho thấy, khi bay thành đàn, chim có thể bay

nhanh hơn khi bay đơn độc đến 71% nên con chim đầu đàn phải có sức khoẻ và ý chí cao hơn những con chim còn lại.

Ngoài ra, việc bay theo đội hình chữ V còn giúp đàn chim giữ liên lạc tốt hơn vì những con chim bay sau dễ dàng nhìn thấy những con chim phía trước. Điều này giúp chúng không bị lạc đàn mỗi khi chim đầu đàn ra tín hiệu dừng lại để nghỉ, tìm thức ăn hoặc đổi hướng bay.

Con người cũng có thể học cách bay theo đội hình chữ V của loài chim vì tiết kiệm được năng lượng khi bay theo đội hình, hình thức này khá phổ biến với cả phi công dân sự và quân sự. Tờ báo chuyên công bố kết quả của những nghiên cứu mới nhất – Nây-chơ (Nature) cho biết: "Bằng cách giữ đầu mũi cánh trong vùng xoáy của máy bay phía trước, mỗi chiếc bay sau có thể tiết kiệm tối đa 18% lượng nhiên liệu."

(Đỗ Hợp tổng hợp)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản:

A. Tự sự B. Thuyết minh

C. Miêu tả D. Biểu cảm

Câu 2: Mục đích chính của văn bản trên là gì?

A. Giải thích hiện tượng đàn chim di cư lại bay theo đội hình chữ V

B. Giới thiệu về hiện tượng đàn chim di cư lại bay theo đội hình chữ V

C. Thuyết minh cách thức đàn chim bay

D. Giới thiệu về kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học Anh

Câu 3: Câu văn nào sau đây nêu lên vấn đề chính được giải thích trong văn bản?

A. Hằng năm cứ vào mùa đông, nhiều loài chim lại kéo nhau bay về phương nam để tránh rét và tìm kiếm thêm thức ăn.

B. Thú vị ở chỗ, nhiều loài chim như nhạn, ngỗng trời,... có tập tính bay đội hình chữ V.

C. Vậy nguyên nhân nào khiến những loài chim lại sử dụng đội hình bay như thế? (hình chữ V)

D. Đội hình chữ V được xem là đội hình tối ưu về mặt khí động lực học, con chim bay ở đầu mũi tên hay hình chữ V thường là chim đầu đàn và khoẻ hơn hẳn những con phía sau.

Câu 4: Ngôn ngữ được sử dụng trong VB chủ yếu thuộc ngành khoa học:

A. Địa lí

B. Thiên văn học
C. Vật lí
D. Sinh học

Câu 5: Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản:
A. Giúp trình bày thông tin một cách hệ thống.
B. Dùng để biểu đạt mối quan hệ giữa các thông tin.
C. Tăng độ tin cậy của thông tin.
D. Minh họa trực quan cho nội dung trình bày và hỗ trợ người đọc thông tin tốt hơn.
Câu 6: Khi bay theo hình chữ V, con chim đầu đàn phải thế nào?
A. Phải có sức khỏe và thân hình to hơn những con chim còn lại.
B. Phải có sức khỏe và thân hình nhỏ hơn những con chim còn lại.
C. Phải có sức khỏe và ý chí cao hơn những con chim còn lại.
D. Phải có sức khỏe và trẻ hơn những con chim còn lại.
Câu 7: Xác định cấu trúc của đoạn văn: *"Đội hình chữ V được xem là đội hình tối ưu ... nếu con đầu đàn không còn sức thì lập tức sẽ có một con to khoẻ khác thay thế ngay.":*
A. là đoạn văn diễn dịch
B. **là đoạn văn** song song
C. **là đoạn văn** phối hợp
D. **là đoạn văn** quy nạp
Câu 8: Những dòng chữ in đậm nghiêng đầu văn bản trên có tác dụng gì?
A. Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên sẽ lí giải
B. Trình bày cấu tạo, đặc điểm, lợi ích….của đối tượng
C. Bày tỏ thái độ đối với đối tượng
D. Miêu tả chi tiết đối tượng
Trả lời các câu hỏi:
Câu 9: Theo tác giả, tại sao đàn chim lại di cư theo đội hình chữ V?
Câu 10: Các loài chim di cư trên thế giới đang đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng. Em hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ lí giải nguyên nhân vì sao có hiện tượng trên và làm thế nào để bảo tồn các loài chim di cư trước nguy cơ tuyệt chủng.

Dự kiến sản phẩm

1	2	3	4	5	6	7	8
B	A	C	D	D	C	A	A

Câu 9- Theo tác giả, đàn chim lại di cư theo đội hình chữ V vì"

- Đội hình chữ V là đội hình tối ưu về mặt khí động lực học => hạn chế việc hao tốn sức lực trong một thời gian dài.

- Khi bay thành đàn, chim có thể bay nhanh hơn khi bay đơn độc đến 71%.

- Giúp đàn chim giữ liên lạc tốt hơn => giúp chúng không bị lạc đàn mỗi khi chim đầu đàn ả tín hiệu dừng lại để nghỉ, tìm thức ăn hoặc đổi hướng bay.

=> Con người có thể học theo cách bay đội hình chữ V của loài chim để tiết kiệm năng lượng.

Câu 10

* Hình thức: Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)

* Nội dung:

- Nguyên nhân dẫn đến nguy cơ tuyệt chủng của các loài chim di cư:

+ Hoạt động đô thị hóa, các công trình xây dựng, nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp, nhà máy hóa dầu được xây dựng làm mất môi trường sống, thức ăn của các loài chim di cư.

+ Nạn săn bắt, bẫy; buôn bán, tiêu thụ chim hoang dã trái phép.

+ Nạn ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

- Biện pháp bảo tồn các loài chim di cư:

+ Hưởng ứng công ước quốc tế về bảo tồn các loài chim di cư.

+ Xây dựng các khu bảo tồn đường bay, điểm đỗ cho các loài chim di cư.

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ các loài chim hoang dã: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân không thực hiện các hành vi săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, kinh doanh, tiêu thụ trái phép các loài chim hoang dã, chim di cư; xử lí nghiêm khi có vi phạm;...

Bài học nhận thức và hành động: Có ý thức bảo vệ các loài động vật hoang dã nói chung và các loài chim di cư nói riêng.

BÀI TẬP 2

Đọc bài thơ dưới đây rồi trả lời các câu hỏi:

BẠN ĐÃ BIẾT GÌ VỀ SÓNG THẦN?

Định nghĩa

Sóng thần, trong tiếng Nhật gọi là tờ-su-na-mi (tsunami), là chuỗi sóng biển chu kì dài (từ vài phút tới hàng giờ), lan truyền với vận tốc lớn. Tùy theo độ sâu của đáy biển, vận tốc lan truyền sóng thần có thể đạt từ 720 km/giờ trở lên.

Khi vào bờ, sóng thần có sức tàn phá rất ghê gớm.

Không như nhiều người tưởng, sóng thần không phải là những ngọn sóng ầm ầm, cuồn cuộn tiến vào đất liền mà người ta có thể mục kích[1] và nghe được âm thanh của nó từ ngoài khơi xa. Ngay cả khi ngồi trên thuyền ngoài khơi, bạn cũng không thể biết khi nào sóng thần bắt đầu xuất hiện. […]. Do đó, bạn khó có thể nhận thấy dấu hiệu báo trước của một đợt sóng thần. Có thể vì thế mà trong phút chốc, cơn sóng thần do trận động đất mạnh ở Ấn Độ Dương gây ra ngày 26/12/2004 đã lấy đi mạng sống của hàng trăm nghìn người ở hơn chục quốc gia.

[…]

Nguyên nhân

Nguyên nhân gây ra sóng thần chủ yếu do động đất, ngoài ra còn do núi lửa phun trào, lở đất và các vụ nổ dưới đáy biển (kể cả các vụ thử hạt nhân dưới nước),… Thảm họa sóng thần chấn động ngày 26/12/2004 là hệ quả của một trận động đất xảy ra do va chạm giữa mảng Ấn Độ và mảng Bơ-ma (Burma), sau khi mảng Bơ-ma bất ngờ trồi lên, cao hơn mảng Ấn Độ. Đó là trận động đất cực mạnh với 9 độ rích-te (richter), lớn nhất trong bốn thập niên kể từ trận động đất Gút Phrai-đây (Good Friday) 9,2 độ tích-te tấn công A-lát-xca vào năm 1964 và là trận lớn thứ tư kể từ năm 1900. Trận động đất lớn mức lan sang tận Xô-ma-li-a (Somalia), cách tâm chấn 4100 km. Tâm chấn động đất ở độ sâu 10 km, cách tây Su-ma-tra (Sumatra) khoảng 160 km, nằm trong khu vực "vòng đai lửa châu Á – Thái Bình Dương".

Dấu hiệu sắp có sóng thần

Những người trên bờ biển khó biết sóng thần sắp tiến về phía mình. Dấu hiệu đầu tiên là nước biển chậm chạp cuộn lên với những con sóng không đổ, chứ không như sóng mạnh của một cơn bão sắp tới. Bỗng nhiên, mặt biển dao động nhiều hơn bình thường, sau đó nhiều bọt biển nổi lên, nước rút xuống nhanh và bất ngờ trong khoảng thời gian không phải thuỷ triều. Hoặc bạn có thể cảm thấy nước trong từng đợt sóng nóng bất thường và nghe thấy những âm thanh lạ,... Do vậy, khi đứng trên bãi biển và nhìn thấy nước biển đột ngột rút nhanh xuống, bạn hãy thông báo cho mọi người xung quanh biết là sắp có sóng thần và di chuyển nhanh khỏi bãi biển, đến vùng cao hơn để trú ẩn trước khi sóng thần đến.

Các thảm họa sóng thần trong lịch sử

Sóng thần đã được nhắc đến từ thời thượng cổ. Năm 365, sóng thần tại A-lếch-xan-đri-a (Alexandria) làm hàng nghìn người thiệt mạng. Sóng thần tai hại

nhất trong lịch sử loài người xảy ra vào ngày 27/8/1883, sau khi núi lửa Kra-ca-tô-a (Krakatoa) tại In-đô-nê-xi-a phun trào khiến 36000 người thiệt mạng trên bờ biển Gia-va (Java) và Su-ma-tra. Ngày 15/6/1896, sóng thần cao 23m làm hơn 26000 người thiệt mạng trong một lễ hội tôn giáo ở Nhật Bản. […]

(Theo *Một số kiến thức về sóng thần,* https://nhandan.vn, ngày 6/3/2022)

** Chú thích:*

(1)Mục kích: Tận mắt thấy

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Xác định thể loại của văn bản "*Bạn đã biết gì về sóng thần*"?

A. Văn bản thông tin thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

B. Văn bản thông tin thuyết minh thuật lại một sự kiện.

C. Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.

D. Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống.

Câu 2: Mục đích chính của văn bản trên là gì?

A. Cung cấp kiến thức khoa học hữu ích liên quan đến hiện tượng sóng thần.

B. Cung cấp kiến thức về nguyên nhân hình thành sóng thần.

C. Cung cấp kiến thức về dấu hiệu cảnh báo sắp có sóng thần xảy ra.

D. Giải thích tác hại của thảm họa sóng thần với nhân loại.

Câu 3: Đoạn văn "*Nguyên nhân gây ra sóng thần chủ yếu do động đất… nằm trong khu vực "vòng đai lửa châu Á – Thái Bình Dương"* đã trình bày thông tin theo cách nào?

A. theo trật tự thời gian

B. theo quan hệ nhân quả

C. theo mức độ quan trọng của thông tin

D. theo trật tự thời gian và quan hệ nhân quả

Câu 4: Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản chủ yếu thuộc chuyên ngành khoa học:

A. Vật lí

B. Địa lí

C. Hóa học

D. thiên văn học

Câu 5: Văn bản "*Bạn đã biết gì về sóng thần*" có sa pô không?

A. có

B. không

Câu 6: Vai trò của các thông tin chi tiết "Năm 365, sóng thần tại A-lếch-xan-đri-a (Alexandria) làm hàng nghìn người thiệt mạng. Sóng thần tai hại nhất trong lịch sử loài người xảy ra vào ngày 27/8/1883, sau khi núi lửa Kra-ca-tô-a (Krakatoa) tại In-đô-nê-xi-a phun trào khiến 36000 người thiệt mạng trên bờ biển Gia-va (Java) và Su-ma-tra. Ngày 15/6/1896, sóng thần cao 23m làm hơn 26000 người thiệt mạng trong một lễ hội tôn giáo ở Nhật Bản." là làm rõ hơn cho thông tin cơ bản nào?

A. Nguyên nhân gây ra sóng thần chủ yếu do động đất.

B. Việc phát hiện ra hiện tượng sóng thần khi đứng trên bờ biển là rất khó.

C. Khi đứng trên bờ biển mà phát hiện ra hiện tượng nước biển rút nhanh thì cần báo cho mọi người di chuyển nhanh khỏi bãi biển, đến vùng cao hơn để trú ẩn.

D. Từ thời thượng cổ, sóng thần đã gây ra những thảm họa khủng khiếp cho con người.

Câu 7: Đoạn văn: *"Sóng thần, trong tiếng Nhật gọi là tờ-su-na-mi (tsunami), ... có sức tàn phá rất ghê gớm."*có cấu trúc của dạng đoạn văn:

A. diễn dịch

B. song song

C. phối hợp

D. quy nạp

Câu 8: Đâu không phải là nguyên nhân gây ra sóng thần?

A. Do động đất xảy ra dưới đáy biển

B. Do núi lửa phun trào dưới đáy biển

C. Do hiện tượng băng tan ở Bắc cực

D. Do đất và các vụ nổ dưới đáy biển

Trả lời các câu hỏi:

Câu 9. Theo tác giả, những dấu hiệu nào báo sắp có sóng thần?

Câu 10: Giả sử, em đang ở vùng có nguy cơ xảy ra hiện tượng sóng thần. Em hãy đề xuất những giải pháp để giúp người dân trong khu vực này phòng tránh tác hại của sóng thần bằng một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ)

Dự kiến sản phẩm:

1	2	3	4	5	6	7	8
C	A	C	B	B	D	B	C

Câu 9- Dấu hiệu sắp có sóng thần

+ Nước biển chậm chạp cuộn lên với những con sóng không đổ.

+ Bỗng nhiên, mặt biển dao động nhiều hơn bình thường, sau đó nhiều bọt biển nổi lên, nước rút xuống nhanh và bất ngờ trong khoảng thời gian không phải

thủy triều.
+ Bạn có thể cảm thấy nước trong từng đợt sóng nóng bất thường và nghe thấy những âm thanh lạ.
Câu 10:
* Hình thức: Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)
* Nội dung:
Đề xuất những giải pháp để giúp người dân trong khu vực này phòng tránh tác hại của sóng thần.
+ Cần phải có hiểu biết về sóng thần (nguyên nhân sinh ra sóng thần, tác hại)
+ Tuyên truyền cho người dân cần nắm được các dấu hiệu khi sắp có sóng thần, phân biệt sóng thần với hiện tượng dông bão,…
+ Những khu vực có nguy cơ sóng thần xảy ra cần có những hệ thống cảnh báo để người dân nắm được; người dân cần trang bị các kĩ năng cơ bản để nhận biết và hành động khi có sóng thần.
+ Khi tàu thuyền đang ở trên biển, nếu nhận được tin cảnh báo cần quay trở lại cảng nhanh chóng, hoặc di chuyển tàu thuyền đến những vùng nước sâu. Không ở lại trên tàu đang neo đậu.
+ Một số biện pháp giảm bớt như xây dựng bức tường chắn sóng cao trước biển, trồng cây dọc bờ biển…
+ Nếu đang ở trên bãi biển, cần quay vào khu vực an toàn một cách nhanh nhất, báo cho mọi người biết để sơ tán kịp thời.
- Bài học nhận thức và hành động: Tìm hiểu các kiến thức về sóng thần và có ý thức tuyên truyền cho mọi người về cách phòng tránh sóng thần và các thảm họa tự nhiên.

*HDTH: Tìm đọc các văn bản thông tin và ghi chép nội dung đọc hiểu vào sổ tay văn học.

Ngày soạn	1/10/2023
Ngày dạy	
Lớp dạy	8C8

Tiết 47,48,49

Luyện tập thực hành tiếng Việt

Các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp

A. MỤC TIÊU

1. Năng lực: Giúp HS:

- Củng cố kiến thức về đặc điểm chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp và tác dụng của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

- Rèn khả năng nhận biết và phân tích được cấu trúc đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp và tác dụng của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong quá trình đọc, viết.

- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng và yêu quý tiếng Việt.

- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, hệ thống các bài tập.

C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

1. **Mục tiêu**:

- HS ôn tập các kiến thức đã học về đặc điểm chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp và tác dụng của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

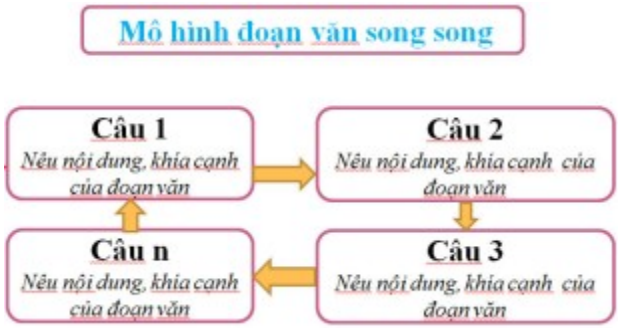
2. Nội dung: HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào vở bài tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Ôn tập lí thuyết	
Hướng dẫn học sinh ôn tập kiến thức lí thuyết đã học Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ (1) Tổ chức cho HS tham gia trò chơi: RUNG CHUÔNG VÀNG (2) - GV yêu cầu HS chia sẻ cặp đôi Sau đó HS khái quát nhấn mạnh đặc điểm chức năng của các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp *- Nêu đặc điểm, chức năng của các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.* *- Vẽ sơ đồ tư duy về cấu trúc đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp* *- Nhắc lại các phương tiện phi ngôn ngữ thường gặp và tác dụng của việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong giao tiếp?* - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Hs thảo luận - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	1. Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp - Đoạn văn diễn dịch: + Là đoạn văn trình bày vấn đề theo trình tự từ các ý khái quát đến cụ thể. + Câu chủ đề đứng đầu đoạn văn, nêu ý khái quát của cả đoạn, các câu còn lại phát triển ý nêu ở câu chủ đề.  - Đoạn văn quy nạp: + Là đoạn văn trình bày vấn đề theo trình tự từ các ý cụ thể đến ý khái quát. + Câu chủ đề là câu đứng cuối đoạn, khái quát ý từ những câu đứng trước  - Đoạn văn song song: + Là đoạn văn không có câu chủ đề. + Các câu trong đoạn có quan hệ bình đẳng với nhau và cùng có tác dụng làm rõ ý khái quát nêu ở phần trước hoặc sau

đó.



- Đoạn văn phối hợp:

+ Là đoạn văn vừa có câu chủ đề ở đầu đoạn, vừa có câu chủ đề ở cuối đoạn,

+ Kết hợp cách trình bày ở đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.



2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ

a. Khái niệm: Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ là:

- Các hình ảnh, số liệu, kí hiệu, biểu đồ, … được dùng phối hợp với phương tiện ngôn ngữ nhằm minh họa, làm rõ những nội dung nhất định được biểu thị bằng cách phương tiện ngôn ngữ.

- Các cử chỉ gật đầu, lắc đầu để biểu thị sự đồng ý hay không đồng ý, …

b. Tác dụng: Trong nói (viết), cần lựa chọn các các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp cùng với phương tiện ngôn ngữ để nâng cao hiệu quả giao tiếp.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về đặc điểm chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp và tác dụng của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

2. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

3. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

II. Thực hành

Hướng dẫn học sinh làm các bài tập

***Cách thức chung:**

- GV yêu cầu HS làm bài tập theo cá nhân hoặc cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập, xác định các yêu cầu của bài.

- HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.

- HS trình bày, nhận xét.
- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Hs thảo luận.

- Gv quan sát, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

1.Bài tập 1: Xác định cấu trúc của các đoạn văn sau và tìm câu chủ đề của mỗi đoạn văn (nếu có):

a. Nhiều người tin rằng, khi nhìn lên bầu trời và thấy sao băng, nếu nhanh chóng ước một điều gì đó thì điều đó chắc chắn sẽ trở thành sự thật. Một số quan niệm cho rằng, sao băng là một hình tượng đẹp và thường gắn liền với nhiều câu chuyện tình yêu.

(Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng)

Trả lời:

-> Kiểu đoạn văn song hành (không có câu chủ đề).

b. Lúc đầu, mọi người nghĩ rằng chim di cư là để tránh cái lạnh của mùa đông, tuy nhiên, nghiên cứu gần đây đã phát hiện ra rằng điều này không hoàn toàn đúng. Những nơi mà loài chim này di cư tới so với nơi chúng sinh ra đều có khí hậu ôn đới khá tương đồng tại cùng một thời điểm. Về mặt lí thuyết, nếu chúng ở lại nơi được sinh ra vào mùa đông thì điều kiện khí hậu ở đó cũng không ảnh hưởng nhiều và chúng vẫn có thể sống sót bình thường. Vậy tại sao chúng vẫn phải thực hiện một hành trình dài để di cư hằng năm? Về vấn đề này, các nhà khoa học vẫn cảm thấy bối rối và chưa thể tìm được câu trả lời.

(Theo Đỗ Hợp tổng hợp, *Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim*)

Trả lời: Kiểu đoạn văn diễn dịch

- Câu chủ đề: *Lúc đầu, mọi người nghĩ rằng chim di cư là để tránh cái lạnh của mùa đông, tuy nhiên, nghiên cứu gần đây đã phát hiện ra rằng điều này không hoàn toàn đúng.*

c. Một trong những hành động góp phần bảo vệ môi trường là sử dụng các sản phẩm tái chế. Chúng ta có thể tái chế giấy, nhựa, báo, thủy tinh và lon nhôm… Bằng cách tái chế một nửa số rác thải sinh hoạt, mỗi người có thể giảm khoảng 1,2 tấn khí CO_2, mỗi năm vì việc đốt cháy rác thải làm tăng mức độ các-bon đi-ô-xít (carbon dioxide) trong khí quyển. Đây là tác nhân chính gây ra hiệu ứng nhà kính và sự nóng lên toàn cầu. Vì vậy, con người nên lựa chọn các sản phẩm tái chế để có thể góp phần bảo vệ môi trường.

(Theo Lan Anh tổng hợp, Mười biện pháp giảm thiểu sự nóng lên của Trái Đất, https: kinhtemoitruong.vn, ngày 9/9/2022)

Trả lời: Kiểu đoạn văn phối hợp

- Câu chủ đề đầu đoạn: *Một trong những hành động góp phần bảo vệ môi trường là sử dụng các sản phẩm tái chế.*
- Câu chủ đề cuối đoạn: *Vì vậy, con người nên lựa chọn các sản phẩm tái chế để có thể góp phần bảo vệ môi trường.*

d. Chúng ta có thể sử dụng bản đồ tư duy khi lập dàn ý cho bài viết. Với tư cách là một công cụ có hệ thống kích thích tư duy sáng tạo, bản đồ tư duy có thể tổ chức và hệ thống hóa những ý nghĩ lộn xộn, thiếu mạch lạc. Chính vì thế, bản đồ tư duy có thể hỗ trợ bạn xác định cần nói những gì và nói như thế nào để được hiệu quả nhất.

(1980 Books, Ứng dụng bản đồ tư duy trong học tập)

Trả lời: Kiểu đoạn văn diễn dịch

- *Câu chủ đề: Bản đồ tư duy có thể đơn giản hóa những thách thức khi bạn viết.*

2.Bài tập 2: Sắp xếp các câu dưới đây để tạo thành đoạn văn mạch lạc. Cho biết đoạn văn vừa sắp xếp thuộc kiểu đoạn văn nào mà em đã học.

(1) Khi những đợt sóng liên tiếp tràn vào các vùng vịnh, chúng bị bật ngược trở lại và gặp những đợt sóng liên tiếp theo gây ra sự cộng hưởng. (2) Hiệu ứng này có thể làm tăng sức mạnh và sự phá hủy của những đợt sóng thần lên gấp nhiều lần, khiến cho thiệt hại ở những khu vực có sự cộng hưởng lớn hơn rất nhiều so với những khu vực khác. (3) Một điểm nữa tạo nên những đợt sóng thần có sức mạnh khủng khiếp nhất đó là hiệu ứng cộng hưởng.

(Theo Sóng thần – cơn "giận dữ" của biển cả, https:// tuyenquang.gov, ngày 16/3/2022)

Trả lời:

- Sắp xếp:

(3) Một điểm nữa tạo nên những đợt sóng thần có sức mạnh khủng khiếp nhất đó là hiệu ứng cộng hưởng. (2) Hiệu ứng này có thể làm tăng sức mạnh và sự phá hủy của những đợt sóng thần lên gấp nhiều lần, khiến cho thiệt hại ở những khu vực có sự cộng hưởng lớn hơn rất nhiều so với những khu vực khác. (1) Khi những đợt sóng liên tiếp tràn vào các vùng vịnh, chúng bị bật ngược trở lại và gặp những đợt sóng liên tiếp theo gây ra sự cộng hưởng.

→ Đoạn văn diễn dịch

3.Bài tập 3: Viết câu chủ đề cho các đoạn văn sau:

a……. Khi tiếp xúc với không khí ô nhiễm trong một thời gian dài, làn da của chúng ta có nguy cơ bị lão hóa. Dấu hiệu nhận biết rõ nhất là sự xuất hiện của các đốm sắc tố và nếp nhăn trên da. Ngoài ra, ô nhiễm không khí còn là nguyên nhân gây khởi phát hoặc làm tăng nặng một số bệnh lí về da như viêm da dị ứng, viêm da cơ địa, mụn trứng cá, mề đay… Không chỉ vậy, ô nhiễm không khí còn làm cho một số bệnh về da kém đáp ứng điều trị, dễ tái phát, kéo dài và khó điều trị hơn.

Câu chủ đề gợi ý: *Ô nhiễm không khí làm gia tăng các bệnh về da.*

b. Trong bối cảnh nguồn nhiên liệu hóa thạch đang dần cạn kiệt vì bị khai thác quá độ như hiện nay thì việc tiết kiệm năng lượng góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Bên cạnh đó, tiết kiệm năng lượng còn giúp giảm bớt chi phí sinh hoạt cho con người. Ngoài ra, khi nhiên liệu hóa thạch được đốt cháy ít hơn thì lượng khí thải CO_2 vào bầu khí quyển của Trái Đất cũng giảm đi, hạn chế sự nóng lên toàn cầu và các hiện tượng biến đổi khí hậu khác ……..

Câu chủ đề gợi ý: *Vì vậy, con người nên tích cực triển khai các hành động cụ thể để thực hiện việc tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và sinh hoạt hàng ngày.*

- Lưu ý cách viết câu chủ đề: + Câu chủ đề cần khái quát nội dung chính của đoạn văn + Viết câu văn không quá dài dòng, tránh thiếu chủ ngữ.

4. Bài tập 4: Viết đoạn văn (khoảng sáu đến tám câu) trình bày vai trò của máy vi tính đối với cuộc sống của chúng ta hiện nay. Xác định cấu trúc của đoạn văn đó.

Đoạn văn tham khảo:

Máy tính đóng vai trò quan trọng từ công việc tới giải trí, giúp con người tăng năng suất công việc và trở thành một phần không thể thiếu với cuộc sống con người. Ngày nay, công việc văn phòng trở nên gọn nhẹ hơn rất nhiều khi sử dụng máy tính để soạn thảo, lưu trữ tập tin rõ ràng trong máy tính, chỉ cần vài click chuột là bạn có thể dễ dàng tìm kiếm, sửa chữa những tài liệu mà mình cần. Với sự trợ giúp của máy tính, các kỹ sư có thể dễ dàng có được những bản vẽ, có mô hình tổng quan nhất về mô hình mà mình đang thực hiện. Các phần mềm hỗ trợ được cài đặt trên máy tính giúp cho các kỹ sư có những kết quả tối ưu nhất cho bản vẽ của mình. Nhờ có máy tính, một công ty có thể quản lý được hàng nghìn bộ hồ sơ của nhân viên, cả các trường học cũng vậy. Máy tính còn đóng một vai trò quan trọng trong giải trí, chúng ta thường mở máy tính xem phim, nghe nhạc hay đọc báo. Với nhiều người máy tính

là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của họ. Tóm lại, không ai có thể phủ nhận được lợi ích của máy tính hiện nay khi nó được phổ biến trong tất cả các ngành nghề.

Đoạn văn viết theo kiểu phối hợp.

5. Bài tập 5: Với câu chủ đề "Lịch sử nước ta đã chứng kiến nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta", hãy viết một đoạn văn theo cách diễn dịch, sau đó biến đổi thành đoạn văn quy nạp

***Đoạn văn tham khảo:**

- Đoạn văn viết theo kiểu diễn dịch:

Lịch sử nước ta đã chứng kiến nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Suốt bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước, cha ông ta đã phải liên tiếp chống lại các thế lực thù địch, âm mưu thôn tính nước ta. Ngàn năm Bắc thuộc ta có Ngô Quyền với chiến thắng Bạch Đằng, Trần Hưng Đạo với cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên, Lê Lợi với khởi nghĩa Lam Sơn chống lại giặc Minh, Quang Trung với chiến thắng oai hùng chống quân Thanh...Rồi cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp và tiếp đến là hơn hai mươi năm chống đế quốc Mĩ xâm lược. Lá cờ đỏ sao vàng tung bay trong ngọn gió hòa bình hôm nay đã thắm máu của lớp lớp những người anh hùng đã ngã xuống vì tổ quốc thiêng liêng.

- Đoạn văn viết theo kiểu quy nạp:

Trong suốt bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước, cha ông ta đã phải liên tiếp chống lại các thế lực thù địch, âm mưu thôn tính nước ta. Bốn ngàn năm Bắc thuộc ta có Ngô Quyền với chiến thắng Bạch Đằng, Trần Hưng Đạo với cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên, Lê Lợi với khởi nghĩa Lam Sơn chống lại giặc Minh, Quang Trung với chiến thắng oai hùng chống quân Thanh...Rồi cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp và tiếp đến là hơn hai mươi năm chống đế quốc Mĩ xâm lược. Lá cờ đỏ sao vàng tung bay trong ngọn gió hòa bình hôm nay đã thắm máu của lớp lớp những người anh hùng đã ngã xuống vì tổ quốc thiêng liêng. Vì vậy, có thể khẳng định lịch sử nước ta đã chứng kiến nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;

Làm bài tập sau ở nhà: Chuẩn bị ôn tập cách viết bài thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên

Ngày soạn	1/10/2023
Ngày dạy	
Lớp dạy	8C8

Tiết 50,51,52,53,54:

Luyện tập viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

A. MỤC TIÊU

1. Năng lực: Giúp HS:

- Giúp HS củng cố kĩ năng viết văn bản thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

- Rèn khả năng tạo lập văn bản thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất

- Yêu thiên nhiên, có trách nhiệm bảo vệ môi trường.

- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: hệ thống các đề, các văn bản thuyết minh về những hiện tượng thiên nhiên gần gũi, giàu ý nghĩa.

C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

2. Nội dung: Gv sử dụng phương pháp gợi mở đàm thoại để học sinh chia sẻ trải nghiệm của bản thân

3. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ *+ Chia sẻ kết quả đã học viết bài văn giải thích về một hiên tượng tự nhiên đã học ở mục Viết ở buổi sáng.* *+ Điều gì em đã làm được. Em đang còn gặp khó khăn ở khâu nào?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ, gợi mở. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Hs chia sẻ hiểu biết các thao tác, kĩ năng làm bài văn thuyết minh về hiện tượng tự nhiên cho các bạn, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét. - Gv quan sát, lắng nghe, gợi mở. **Bước 4: Kết luận, nhận đinh** GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	- HS chia sẻ một bài văn giải thích về một hiên tượng tự nhiên đã học ở mục Viết ở buổi sáng. - HS chia sẻ những thuận lợi và khó khăn khi viết dạng bài.

HOẠT ĐỘNG 2 : ÔN TẬP KIẾN THỨC DẠNG BÀI

1. Mục tiêu: Nhớ lại các kiến thức, yêu cầu cơ bản về dạng viết văn bản giải thích về một hiên tượng tự nhiên đã học ở mục Viết ở buổi sáng.

2. Nội dung: Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

*GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức cách viết bài văn giải thích về một hiên tượng tự nhiên đã học ở mục Viết ở buổi sáng.

(1) Văn bản thuyết minh là gì?

(2) Nêu đặc điểm của kiểu văn bản thuyết minh?

(3) Thế nào là viết **văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên?**
+ Nêu các yêu cầu đối với kiểu bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên?
+ Cấu trúc của bài văn gồm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?
(4) Khi tiến hành viết, em phải thực hiện các bước nào của quy trình viết? Ở mỗi bước, em sẽ làm gì?
*HS suy nghĩ, trả lời.

*GV nhận xét, chốt kiến thức.

I. Lý thuyết

1. Khái niệm

Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thường gặp trong mọi lĩnh vực đời sống, có chức năng cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,... của các hiện tượng, sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng cách trình bày, giới thiệu, giải thích.

2. Đặc điểm của văn bản thuyết minh

- Tri thức trong văn bản thuyết minh đòi hỏi tính khách quan, xác thực, hữu ích cho con người.

- Các phương pháp thuyết minh thường dùng:

+ Phương pháp nêu định nghĩa, giải thích: sử dụng câu trần thuật với từ "là" nhằm giải thích, định nghĩa hay giới thiệu đối tượng-> thường xuất hiện ở phần mở bài khi giới thiệu về đối tượng thuyết minh, câu đầu của đoạn văn giải thích đối tượng.

+ Phương pháp liệt kê: liệt kê các mặt, hoặc các phần, các tính chất hay các phương diện,... của đối tượng theo trình tự nhất định → cung cấp cái nhìn toàn cảnh về đối tượng

khách quan nhất.

+ Phương pháp nêu ví dụ: đưa ra ví dụ thực tiễn và sinh động, một cách chính xác và cụ thể

Tác dụng: tăng tính thuyết phục, tính thực tiễn.

+ Phương pháp dùng số liệu: cung cấp những số liệu nghiên cứu, điều tra về đối tượng

Tác dụng: đối tượng thuyết minh trở nên cụ thể, tăng tính chính xác.

+ Phương pháp so sánh: so sánh đối tượng hay các khía cạnh của đối tượng với những cái gần gũi, cụ thể trong cuộc sống → tiếp cận vấn đề một cách dễ hiểu và nhanh chóng.

+ Phương pháp phân loại, phân tích: phân loại, chia ra từng phần theo những đặc điểm của đối tượng.

3. Yêu cầu của kiểu bài thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên

a. Khái niệm: Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên là loại văn bản thông tin nhằm giới thiệu những hiểu biết khoa học cơ bản về hiện tượng đó.

b. Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Yêu cầu về nội dung: bài viết thường tập trung vào một số thông tin chính như:

+ Thông tin cơ bản về hiện tượng được thể hiện qua nhan đề, sa pô, đề mục, câu chủ đề của các đoạn.

+ Thông tin chi tiết: được thể hiện qua những kiến thức được trình bày trong mỗi ý. Cần đảm bảo tính chính xác, thực tiễn

+ Các thông tin của bài viết cần làm rõ các nội dung cơ bản sau:

. Đó là hiện tượng gì?

. Biểu hiện như thế nào?

. Vì sao có hiện tượng này?

. Những tác dụng hoặc tác hại của hiện tượng thiên nhiên ấy là gì?...

. Tận dụng hoặc phòng chống, khắc phục tác động của hiện tượng đó như thế nào?

. Những điều bạn chưa biết về hiện tượng đó.

- Yêu cầu về hình thức:

+ Cách triển khai thông tin: theo một số kiểu cấu trúc như: trật tự thời gian, mức độ quan trọng của đối tượng, mối quan hệ nhân quả hoặc so sánh, đối chiếu.

+ Trình bày thông tin: Có thể dùng thông tin chi tiết, đề mục và các dấu hiệu hình thức (in đậm, in nghiêng, số thứ tự,...) để làm nổi bật thông tin quan trọng.

+ Phương tiện trình bày: phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh...) để minh họa và làm nổi bật thông tin quan trọng.

+ Cấu trúc thường gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài

4. Hướng dẫn quy trình viết

a. Bước 1: Chuẩn bị

- Mục đích viết: cung cấp tri thức khoa học về hiện tượng.

- Người đọc: có thể là thầy cô giáo bộ môn, bạn bè cùng lớp, phụ huynh,...

- Yêu cầu dạng bài:

+ Trọng tâm cần làm rõ: khái niệm núi lửa, phân loại, nguyên nhân, tác hại và lợi ích của hiện tượng.

+ Kiểu văn bản chính: thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

+ Phạm vi bằng chứng cần huy động: kiến thức địa lí và những hiểu biết xung quanh hiện tượng .

+ + Tìm đọc tư liệu về hiện tượng tự nhiên mà em muốn giải thích trên Internet, tạp chí/sách chuyên ngành, báo, sách giáo khoa, phim tư liệu, chương trình ti vi hoặc tham khảo ý kiến của các nhà nghiên cứu.

+ + Tìm hiểu yêu cầu của các cuộc thi, các tờ báo, trang web mà bài viết cần đáp ứng.

b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

1. Giải thích hiện tượng tự nhiên.

2. Có thể phân loại hiện tượng được không?

3. Nguyên nhân xảy ra hiện tượng

Nguyên nhân khách quan: đến từ những yếu tố tự nhiên

Nguyên nhân chủ quan: do tác động của con người (đến từ thói quen, nếp sinh hoạt, hoạt động sản xuất, …)

4. Tác hại/ lợi ích mà hiện tượng tác động đến cuộc sống con người (nhìn trên các phương diện khác nhau như: vật chất, tinh thần, …

5. Những suy nghĩ đánh giá về hiện tượng: giải pháp phát huy/ khắc phục hiện tượng; những điều lí thú về hiện tượng (nếu có), cách nhìn nhận và quan điểm của người viết.

**** Lập dàn ý:** bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần, gồm:*

Mở bài	- Vị trí: Đoạn (1) - Nội dung: + Nêu được tên hiện tượng + Lí do giới thiệu hiên tượng đến với mọi người (ấn tượng của bản thân hoặc tính cấp thiết của hiện tượng đó, …
Thân bài	- Vị trí: Đoạn (2), (3), (4),… Nội dung: + (2) Giải thích hiện tượng đó là gì? Nhìn thấy như thế nào (Nêu được biểu hiện, cách thức của hiện tượng có thể miêu tả hiện tượng, …) + (3) Nguyên nhân xảy ra hiện tượng là gì + (4) Lợi ích/ tác hại của hiện tượng/...
Kết bài	- Vị trí: Đoạn cuối - Nội dung: Khẳng định lại thông tin cơ bản về hiện tượng, bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng.

c. Bước 3: Viết

- Lần lượt viết mở bài, thân bài, kết bài.

- Khi viết phần thân bài, cần dựa vào số ý giải thích hiện tượng, lí do xuất hiện hiện tượng, lợi ích/ tác hại, giải pháp khắc phục, …(mỗi ý nên tổ chức riêng thành một đoạn, nêu đặt đề mục cho mỗi đoạn bằng một câu ngắn, có chủ ngữ vị ngữ rõ ràng hoặc bằng một câu hỏi nêu vấn đề).

- Giữa các đoạn nên dùng các từ chuyển tiếp phù hợp hoặc câu nối liên kết ý giữa đoạn văn trên và mở ra ý của đoạn văn kế tiếp

d. Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Tự kiểm tra, xem xét và điều chỉnh những chi tiết liên quan đến nội dung và cấu trúc của bài viết.

- Kiểm tra, chỉnh sửa lỗi chính tả, diễn đạt.

II. Thực hành kĩ năng viết

Đề 1: Giới thiệu về hiện tượng cầu vồng, một hiện tượng thiên nhiên kì thú, đặc biệt ý nghĩ với tuổi thơ.

a. Bước 1: Chuẩn bị

- Mục đích viết: cung cấp tri thức khoa học về hiện tượng **cầu vồng**

- Người đọc: có thể là thầy cô giáo bộ môn, bạn bè cùng lớp, phụ huynh,...

- Yêu cầu dạng bài:

+ Trọng tâm cần làm rõ: khái niệm cầu vồng là gì, phân loại, nguyên nhân khiến xảy ra hiện tượng cầu vồng, ý nghĩa của màu sắc của cầu vồng, và những điều ít biết về cầu vồng

+ Kiểu văn bản chính: thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

+ Phạm vi bằng chứng cần huy động: kiến thức địa lí và những hiểu biết xung quanh hiện tượng cầu vồng

(Tìm hiểu tư liệu trên Internet, trong SGK/báo chuyên ngành, phim tư liệu,..)

b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

*** Tìm ý:**

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Tìm ý:

+ **Cầu vồng là gì?**

-> Cầu vồng là hiện tượng quang học thiên nhiên mà hầu như ai trong chúng ta đều từng được chiêm ngưỡng. Cầu vồng bản chất là sự tán sắc ánh sáng Mặt trời khi khúc xạ và phản xạ qua các giọt nước mưa. Cầu vồng thực ra có rất nhiều màu sắc, trong đó có 7 màu nổi bật là đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím.

+ Vì sao có hiện tượng cầu vồng? Tại sao cầu vồng có 7 màu?

+ + Cầu vồng xuất hiện là do hình ảnh phản chiếu của ánh sáng Mặt Trời qua những giọt nước trong không khí, hiện tượng này còn được gọi là sự khúc xạ ánh sáng.

+ + Cầu vồng là một dải màu liên tục, trong đó có 7 màu nổi bật là đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím. Các bức xạ hồng ngoại và tử ngoại nằm ngoài vùng ánh sáng nhìn thấy của mắt người, nên không hiển diện.

+ **Ý nghĩa của màu sắc của cầu vồng gì?**

→ là hiện tượng thiên nhiên kì thú, đem lại cảm giác thích thú, hạnh phúc, vui vẻ cho người nhìn thấy.

→ mang nhiều ý nghĩa khác nhau tùy thuộc vào từng nền văn hóa: đại diện cho thần linh, cảnh giới cao nhất khi giác ngộ, cho niềm tin, ước mơ, điều tốt đẹp.

+ **Những sự thật thú vị về cầu vồng mà có thể bạn chưa biết**:
→Một số hiện tượng cầu vồng thú vị khác như: cầu vồng ban đêm; cầu vồng thác nước, cầu vồng trắng

**** Lập dàn ý:** bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần, gồm:*

- Mở bài: ***Giới thiệu trực tiếp*** hiện tượng, và ấn tượng về hiện tượng cầu vồng:

<u>Ví dụ 1:</u> Giới thiệu vấn đề bằng câu hỏi để khơi gợi trí tưởng tượng kết hợp phương pháp nêu định nghĩa

Bạn đã bao giờ nhìn thấy cầu vồng chưa? Có lẽ, tuổi thơ ai cũng trải qua phút giấy ngắm nhìn cầu vồng sau cơn mưa để biết mơ ước về điều tốt đẹp ở phía trước. Cầu vồng là một trong những hiện tự nhiên đẹp nhất mà chúng ta có thể dễ dàng quan sát sau những cơn mưa lớn vào ban ngày.

<u>Ví dụ 2:</u> Giới thiệu bằng phương pháp so sánh để làm nổi bật hiện tượng

Cầu vồng không xa lạ gì với những đứa trẻ sinh ra ở miền quê. Đợi cầu vồng xuất hiện sau mỗi cơn mưa mùa hạ cũng là niềm hạnh phúc của tuổi thơ. Không giống những hiện tượng tự nhiên cực đoan như sét, dông, lốc,…cầu vồng là một hiện tượng tự nhiên kì thú, xuất hiện trong phút chốc rồi tan biến nhưng vẫn là điều thi vị của cuộc sống.

Thân bài: Gồm nhiều đoạn văn. Chú ý:

- Câu chủ đề viết ngắn gọn, đặt đầu hoặc cuối đoạn

- Trình bày đa dạng các kiểu đoạn văn: quy nạp, diễn dịch, song song, phối hợp. Không nên dùng 1 kiểu duy nhất

- Dùng thêm đề mục để người đọc dễ nắm bắt thông tin.

- Hình ảnh minh họa cho bài viết sinh động.

Kết bài: Khái quát lại nội dung chính về hiện tượng và suy nghĩ của bản thân về hiện tượng cầu vồng

Ví dụ: Tóm lại, cầu vồng là hiện tượng tự nhiên tuyệt đẹp, xuất hiện dù chỉ là ảo ảnh nhưng đem lại cảnh sắc thiên nhiên hấp dẫn, là biểu tượng cho thành công của con người. Khám phá về vẻ đẹp của cầu vồng là cách chúng ta biết trân quý từng phút giây của cuộc sống.

Ví dụ 2: Nếu bạn chưa từng ngắm cầu vồng sau cơn mưa mùa hạ thì quả là đáng tiếc. Khi ấy, bạn hãy tìm cho mình một vị trí thích hợp, trên một con đê, nơi đầu làng, ngước mắt nhìn về phía đối diện với mặt trời, biết đâu đấy, bạn sẽ may mắn nhìn thấy cầu vồng. Màu sắc rực rỡ của cầu vồng và không gian rộng mở của bầu trời sau cơn mưa sẽ đem lại cho bạn cảm giác bình yên vô cùng!

c. Bước 3: Viết

- Viết đoạn văn theo dàn ý đã lập. Khi viết, cần sử dụng các từ ngữ, câu văn thể hiện được chính xác, kiến thức khoa học thể hiện quá trình khám phá của em về hiện tượng.

- Đảm bảo yếu tố về hình thức của một bài văn.

Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm

BẢNG KIỂM VỀ HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG CỦA BÀI VĂN THUYẾT MINH GIẢI THÍCH VỀ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN

Phương diện kiểm tra	Câu hỏi kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Nội dung	***Mở bài:** Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên được thuyết minh ***Thân bài:** Thuyết minh giải thích về hiện tượng bằng các đoạn văn theo ý đã lập - Đã cung cấp được tri thức cơ bản, chính xác, khoa học về hiện tượng tự nhiên: khái niệm,		

	nguyên nhân, tác hại và lợi ích của hiện tượng…; tận dụng hoặc cách phòng chống những tác động của hiện tượng chưa? - Nội dung cụ thể có sinh động, đặc sắc, giàu sức thuyết phục không? - Đã chọn cách triển khai ý tưởng văn bản phù hợp chưa? - Ngoài phương tiện ngôn ngữ, đã biết kết hợp phương tiện phi ngôn ngữ chưa? - Có nêu được những suy nghĩ và cảm xúc sâu sắc về vấn đề không? ***Kết bài:** Khái quát lại nội dung chính về hiện tượng và suy nghĩ của bản thân về hiện tượng tự nhiên ấy		
Hình thức	- Bài viết đã có đủ ba phần chưa? Nội dung (độ dài) các phần có cân đối chưa? - Bài viết đã đủ ý chưa? Các ý có phù hợp với không? Có những ý nào trùng lặp nhau không? - Bài viết có mắc lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả, …không?		
	Kết hợp với các yếu tố tự sự, miêu tả …để giải thích thuyết minh về hiện tượng một cách cụ thể, rõ ràng, hấp dẫn.		

Bài viết tham khảo:

CẦU VỒNG- NGƯỜI BẠN MONG CHỜ CỦA TUỔI THƠ

Bạn đã bao giờ nhìn thấy cầu vồng chưa? Có lẽ, tuổi thơ ai cũng trải qua phút giấy ngắm nhìn cầu vồng sau cơn mưa để biết mơ ước về điều tốt đẹp ở phía trước. Cầu vồng là một trong những hiện tự nhiên đẹp nhất mà chúng ta có thể dễ dàng quan sát sau những cơn mưa lớn vào ban ngày.

Cầu vồng là gì?

Cầu vồng là hiện tượng quang học thiên nhiên mà hầu như ai trong chúng ta đều từng được chiêm ngưỡng. Cầu vồng bản chất là sự tán sắc ánh sáng Mặt trời khi khúc xạ và phản xạ qua các giọt nước mưa. Cầu vồng thực ra có rất nhiều màu sắc, trong đó có 7 màu nổi bật là đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím.

Tùy vào số lần phản xạ mà người ta phân ra làm cầu vồng bậc 1, bậc 2… Trong đó cầu vồng bậc 1 là rõ nhất (chỉ có 1 lần phản xạ nên năng lượng sáng mạnh nhất). Thường cầu vồng nhìn thấy là cầu vồng bậc 1. Tuy nhiên đôi khi ta còn quan sát thêm được cầu vồng bậc 2 mà trật tự màu sắc lại ngược lại với cầu vồng bậc 1 và cường độ sáng yếu hơn.

Do cầu vồng được nhìn bởi cùng 1 góc (gần 42 độ với cầu vồng bậc 1 và 53 độ với cầu vồng bậc 2), là góc mà cường độ sáng của tất cả các tia mặt trời qua các giọt nước là đạt cực đại, nên cầu vồng có dạng một cung tròn.

Nguyên nhân hình thành cầu vồng

Trên thực tế cầu vồng không phải là một vật thể xác định, mà nó là hình ảnh phản chiếu của ánh sáng Mặt Trời qua những giọt nước trong không khí, hiện tượng này còn được gọi là sự khúc xạ ánh sáng.

Ánh sáng Mặt Trời là một hỗn hợp các màu sắc hòa trộn vào nhau mà mắt chúng ta không thể phát hiện ra các màu sắc này. Chỉ khi được chiếu qua một lăng kính thủy tinh, các tia ánh sáng bị bẻ cong hay còn gọi là khúc xạ để tạo thành một dải màu sắc liên tục mà ta gọi là quang phổ. Do các tia màu đỏ bị bẻ cong ít nhất, sau đó đến các tia màu cam, vàng, xanh lá cây, xanh lam và cuối cùng là tia màu tím bị bẻ cong nhiều nhất.

Các giọt nước cũng có thể thay thế vai trò của một lăng kính. Khi ánh sáng Mặt Trời đi qua lăng kính, các tia sáng bị bẻ cong và sau đó bị phản xạ lại và đi ra ngoài giọt nước theo một góc 42 độ. Điều đó giải thích cho việc chúng ta chỉ có thể nhìn thấy cầu vồng khi quay lưng lại với Mặt Trời và nhìn theo một góc 42 độ so với ánh sáng Mặt Trời.

Hiện tượng khúc xạ trên xảy ra đối với hàng triệu giọt nước được chiếu sáng bởi Mặt Trời, do đó cầu vồng không phải là duy nhất. Tuy nhiên chúng ta chỉ có thể nhìn thấy một cầu vồng tại cùng một thời điểm. Đó là do góc 42 độ mà chúng ta đã nói ở trên. Mắt của chúng ta chỉ có thể nhìn thấy những tia khúc xạ được tạo bởi các giọt nước mưa mà có một góc 42 độ so với ánh sáng Mặt Trời.

Và do đó, cầu vồng không phải duy nhất, khi nhìn ở một địa điểm khác chúng ta sẽ thấy một cầu vồng hoàn toàn khác.

Cầu vòng chỉ là ảo ảnh?

Do cầu vồng chỉ là một ảo ảnh nên nó không có điểm kết thúc thực sự. Ánh sáng tạo nên cầu vồng hình thành ở một khoảng cách và góc nhất định với mắt người quan sát. Khoảng cách này luôn tồn tại giữa người xem với hiện tượng. Thay vào đó, vị trí của cầu vồng liên tục dịch chuyển theo góc nhìn của chúng ta.

Tia sáng mặt trời khúc xạ với những hạt mưa nhất định tạo ra hình ảnh cầu vồng trong mắt một người, nhưng đồng thời những tia sáng này cũng khúc xạ với những hạt mưa khác theo góc khác trong tầm mắt của ai đó. Chính bởi vậy màu sắc cầu vồng nhìn thấy của mỗi người khác nhau, dù đứng cùng một vị trí và ngắm cùng một cầu vồng.

Tại sao cầu vồng có 7 màu?

Cầu vồng là một dải màu liên tục, trong đó có 7 màu nổi bật là đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím. Các bức xạ hồng ngoại và tử ngoại nằm ngoài vùng ánh sáng nhìn thấy của mắt người, nên không hiển diện.

Ý nghĩa của cầu vồng

Màu cầu vồng là màu sắc đẹp đẽ, mãn nhãn, thư thái và đầy cảm xúc. Mỗi sắc màu là một cảm xúc, mỗi trải nghiệm và mỗi câu chuyện. Mỗi một màu sắc là một tính cách khác nhau. Vì thế ngoài việc đại diện cho thế giới thứ ba, sự năng động, nhiệt huyết, màu cầu vồng còn đại diện cho tâm lý học. Sự đa sắc ấy giống như sự đa dạng tính cách, đa dạng tâm lý người.

Và ở những nền văn hóa khác nhau cầu vồng còn mang những ý nghĩa hết sức phong phú: đại diện cho thần linh, cảnh giới cao nhất khi giác ngộ, hoặc là hiện thân quỷ dữ. Màu cầu vồng thường được sử dụng trong nhiều vật phẩm như pha lê, đá quý. Nó biểu đạt cho trí tuệ, sự hoàn mỹ, sức khỏe và yếu tố tâm linh. Một kinh nghiệm dự doán thời tiết cũng được tích lũy qua cách nhìn cầu vồng như: "cầu vồng mống cụt chẳng lụt thì bão". Khi nhìn thấy trên trời xuất hiện cầu vồng mống cụt thì có thể chắc rằng sẽ có bão lụt. Mặt khác, từ những ý nghĩa riêng biệt của từng màu sắc cho ta sự cảm nhận tuyệt diệu của bảy sắc cầu vồng. Mỗi màu mỗi vẻ, ở chúng mang mỗi ý nghĩa và sắc thái riêng. Bảy sắc cầu vồng tác động rất nhiều và rất lớn đến cuộc sống chúng ta. Nó làm cuộc sống chúng ta thêm nhiều thú vị và ý nghĩa.

Những sự thật thú vị về cầu vồng mà có thể bạn chưa biết

Đôi khi chúng ta nhìn thấy hiện tượng cầu vồng đôi, đó là một cầu vồng phụ xuất hiện phía trên cầu vồng chính. Với màu sắc bị đảo ngược so với cầu vồng chính và mờ nhạt hơn.

Hiện tượng này rất hiếm khi xảy ra, đó là do sự nhiễu xạ ánh sáng giúp chúng ta nhìn thấy được cả góc 52 độ so với ánh sáng Mặt Trời. Ở góc 52 độ này chúng ta có thể thấy sự khúc xạ ánh sáng ở bên trong của các giọt nước, trước khi ánh sáng phản xạ và đi ra bên ngoài. Chính vì thế mà cầu vồng phụ có các màu đảo ngược và mờ nhạt hơn. Hiện tượng này xảy ra khi chúng ta có thể nhìn thấy đồng thời hai góc 42 độ và 52 độ so với ánh sáng Mặt Trời.

Cầu vồng ban đêm

Hầu hết chúng ta đều thấy cầu vồng xuất hiện vào ban ngày, nhờ có ánh sáng Mặt Trời. Tuy nhiên đôi khi xuất hiện những cầu vồng vào ban đêm mà các nhà thiên văn học gọi là Moonbow, vì nó được tạo bởi ánh sáng của Mặt trăng. Moonbow thường xuất hiện tại các hòn đảo nhiệt đới như vùng Caribbean, nơi có mưa lớn vào ban đêm. Những hình ảnh chụp lại của Moonbow cho thấy cầu vồng này có màu trắng, nguyên nhân có thể do ánh sáng Mặt trăng có cường độ quá thấp so với ánh sáng Mặt Trời.

Cầu vồng thác nước

Nếu bạn có dịp đi đến các thác nước lớn thì khả năng bắt gặp cầu vồng cũng khá cao.

Không chỉ chờ đến trời mưa thì mới xuất hiện cầu vồng, bởi nếu bạn có dịp đi đến các thác nước lớn thì khả năng bắt gặp cầu vồng cũng khá cao. Điều này là do các hơi nước bắn lên từ thác nước gặp sự phản chiếu của mặt trời có thể tạo ra nhiều dạng cầu vồng đẹp mê hồn.

Cầu vồng màu trắng

Trước giờ bạn luôn nghĩ cầu vồng có 7 màu, nhưng thiên nhiên kỳ thú luôn mang đến cho chúng ta nhiều bất ngờ thú vị. “Cầu vồng trắng” hay còn gọi là “cầu vồng ma” là một hiện tượng vô cùng hiếm gặp. Nếu cầu vồng 7 sắc được tạo từ ánh sáng mặt trời với những hạt mưa thì cầu vồng trắng lại được tạo ra từ những hạt sương có đường kính nhỏ hơn 0,05mm. Do đây là những hạt nước quá nhỏ bé nên nó không thể nào khúc xạ ánh sáng ra thành nhiều màu sắc như hạt nước mưa mà chỉ tạo ra 1 cầu vồng màu trắng mà thôi.

Nếu bạn chưa từng ngắm cầu vồng sau cơn mưa mùa hạ thì quả là đáng tiếc. Khi ấy, bạn hãy tìm cho mình một vị trí thích hợp, trên một con đê, nơi đầu làng, ngước mắt nhìn về phía đối diện với mặt trời, biết đâu đấy, bạn sẽ may mắn nhìn thấy cầu vồng. Màu sắc rực rỡ của cầu vồng và không gian rộng mở của bầu trời sau cơn mưa sẽ đem lại cho bạn cảm giác bình yên vô cùng!

Đề 2: Giải thích về hiện tượng hiệu ứng nhà kính

a. Bước 1: Chuẩn bị

- Mục đích viết: cung cấp tri thức khoa học về hiện tượng hiệu ứng nhà kính

- Người đọc: có thể là thầy cô giáo bộ môn, bạn bè cùng lớp, phụ huynh,...

- Yêu cầu dạng bài:

+ Trọng tâm cần làm rõ: khái niệm hiệu ứng nhà kính, nguyên nhân, và hậu quả và biện pháp khắc phục hiện tượng hiệu ứng nhà kính.

+ Kiểu văn bản chính: thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

+ Phạm vi bằng chứng cần huy động: kiến thức địa lí và những hiểu biết xung quanh hiện tượng hiệu ứng nhà kính

(Tìm hiểu tư liệu trên Internet, trong SGK/báo chuyên ngành, phim tư liệu,..)

b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

* Tìm ý:

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Tìm ý:

+ Hiệu ứng nhà kính là gì?

Là một hiệu ứng khiến không khí của trái đất nóng lên do bức xạ sóng ngắn của mặt trời, chúng cũng có thể xuyên qua tầng khí quyển chiếu xuống mặt đất, hiện tượng này khiến CO_2 hấp thu làm cho không khí nóng lên.

+ Nguyên nhân gây hiệu ứng nhà kính là gì?

Khí CO_2 là nguyên nhân chính gây hiệu ứng nhà kính. Ngày nay các hoạt động sinh hoạt, khai thác và phát triển của con người cùng những hành vi chặt phá rừng bừa bãi khiến CO_2 ngày càng tăng. Nhiệt độ không khí trên Trái Đất cũng theo đó mà tăng lên.

+ Tác hại của hiệu ứng nhà kính lên môi trường và Trái Đất
+ + Biến đổi khí hậu: nước biển dâng, nóng lên toàn cầu, băng tan, xuất hiện thời tiết cực đoan

+ + Tác động đến các loài sinh vật: nhiều loài sinh vật sẽ không thể thích nghi và chống chọi, dẫn tới biến mất và dẫn tuyệt chủng, hậu quả để lại chính là môi trường sống ngày càng bị thu hẹp.

+ + Ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người

+ Một số giải pháp giúp khắc phục hiệu ứng nhà kính
+ + Trồng nhiều cây xanh
+ + Sử dụng hiệu quả & tiết kiệm năng lượng
+ + Nâng cao ý thức tiết kiệm điện

+ + Tối ưu hóa phương tiện di chuyển

+ + Tái sử dụng và tái chế

+ + Tích cực tuyên truyền bảo vệ môi trường

** Lập dàn ý:* *bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần, gồm:*

Mở bài	Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên được thuyết minh
Thân bài	Thuyết minh giải thích về hiện tượng bằng các đoạn văn theo ý đã lập
Kết bài	Khái quát lại nội dung chính về hiện tượng và suy nghĩ của bản thân về hiện tượng tự nhiên ấy

c. Bước 3: Viết

- Viết đoạn văn theo dàn ý đã lập. Khi viết, cần sử dụng các từ ngữ, câu văn thể hiện được chính xác tri thức về hiện tượng, diễn đạt rõ ràng

- Đảm bảo yếu tố về hình thức của một bài văn

Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm

- Đọc lại bài văn đã viết, đối chiếu với mục 1. Định hướng và yêu cầu đã nêu ở các bước (chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý) để:

- Kiểm tra về nội dung và hình thức (bố cục, diễn đạt, trình bày).

- Nhận biết các lỗi còn mắc phải và cách chỉnh sửa.

- Tự đánh giá kết quả viết.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập nói nghe vào vở; tự luyện tập theo nhóm ở nhà.

- Chuẩn bị các nội dung viết văn văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống.

Ngày soạn	1/10/2023
Ngày dạy	
Lớp dạy	8C8

Tiết 55,56

Luyện nói và nghe

Tóm tắt nội dung thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

a. Năng lực đặc thù

- HS biết cách tóm tắt nội dung bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên theo yêu cầu.

- Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói thể hiện được khả năng trình diễn một bài tự thuật.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

2. Về phẩm chất

- Kỉ luật, biết lắng nghe

- Chăm chỉ: chăm học, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Một số hình ảnh, phiếu liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

2. Nội dung: Gv sử dụng phương pháp gợi mở đàm thoại để học sinh chia sẻ trải nghiệm của bản thân

3. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi gợi dẫn: + Hãy nêu mục đích của việc tóm tắt nội dung thuyết minh giải thích một hiện tượng. + Theo em, khi tóm tắt nội dung	I. Ôn tập lí thuyết 1. Mục đích của việc tóm tắt nội dung thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên - Nắm bắt nội dung chính của bài nói - Giúp truyền đạt thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả - Rèn luyện kĩ năng tìm ý, lập dàn ý khi thực

thuyết minh giải thích về một hiện tượng, chúng ta phải lưu ý những gì? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS trả lời câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	hành nói hoặc viết 2. Những lưu ý khi tóm tắt nội dung thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên - Tính chính xác: Nội dung bản tóm tắt phải đúng với những thông tin trong bài gốc, tránh làm sai lệch. - Dung lượng: Bản tóm tắt cần đảm bảo dung lượng theo yêu cầu, tránh dài dòng.

2.2. Luyện tập

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu đề bài: Nghe bạn thuyết trình giải thích hiện tượng núi lửa, ghi lại các ý chính của bài thuyết trình đó. - GV hướng dẫn HS tìm hiểu các	II. Thực hành 1. Chuẩn bị - Đọc kĩ và tìm hiểu đề để biết các thông tin chính trước khi nói: + Trọng tâm cần làm rõ: khái niệm núi lửa, phân loại, nguyên nhân, tác hại và lợi ích của núi lửa.

bước thực hành tóm tắt. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS lắng nghe Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV gợi mở, hướng dẫn HS	+ Kiểu văn bản chính: thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên. + Phạm vi bằng chứng cần huy động: kiến thức địa lí và những hiểu biết xung quanh hiện tượng núi lửa. 2. Nói và nghe * Người nói - Nội dung trình bày: + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể. + Nội dung phong phú, có trọng tâm, được trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề. + Nội dung giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thỏa đáng. - Hình thức trình bày: + Bài trình bày có bố cục rõ ràng. + Các nội dung minh họa có chất lượng. + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp. + Có sự sáng tạo, tạo được điểm nhấn cho nội dung trình bày. - Tác phong, thái độ trình bày: + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp. + Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, hoặc không có những từ ngữ chêm xen (à, ờ, thì, mà, là,…). + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng.

	+ Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày. * Người nghe - Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày; những nội dung cần hỏi lại. - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói. - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày. 3. Kiểm tra và chỉnh sửa * Người nói - Lắng nghe nhận xét của các bạn và thầy, cô về bài trình bày. - Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày,… - Tự đánh giá: + Điều em hài lòng về bài trình bày của mình là gì? + Điều gì em muốn thay đổi trong bài trình bày đó? * Người nghe - Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì,… - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình

	bày. - Đánh giá: + Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao? + Điều em học được từ bài trình bày của bạn là gì?

Bài nói tham khảo

- Núi lửa là ngọn núi có miệng ở đỉnh, các chất khoáng được nóng chảy với nhiệt độ và áp suất cao bị phun ra ngoài.

- Một ngọn núi lửa hoàn chỉnh sẽ có cấu tạo gồm 7 bộ phận.

- Phân loại núi lửa:

+ Dựa theo hình dáng: núi lửa hình chóp và núi lửa hình khiên

+ Dựa theo dạng thức hoạt động: núi lửa thức, núi lửa ngủ và núi lửa chết.

- Hoạt động của núi lửa: Đá nóng chảy liên tục được đẩy lên phía trên, những ngọn núi liên tục tăng về độ cao. Khi áp lực của các dòng chảy mắc ma phun trào lên trên qua miệng núi thì gây ra hiện tượng núi lửa phun trào.

- Lợi ích của hiện tượng: mỏ khoáng sản phong phú, năng lượng địa nhiệt, đất đai tơi xốp, màu mỡ.

- Tác hại của hiện tượng: làm biến đổi môi trường sinh thái, suy giảm tài nguyên sinh học của vùng bị ảnh hưởng, tăng tính nhạy cảm của những thiên tai nguy hiểm.

Ngày soạn	1/11/2023
Ngày dạy	
Lớp dạy	8C2

CHỦ ĐỀ 5: HÀI KỊCH VÀ TRUYỆN CƯỜI
Thời lượng: 15 tiết

Tiết 57,58,59,60,61

LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU MỚI– HÀI KỊCH VÀ TRUYỆN CƯỜI

A. Mục tiêu:

1. Năng lực:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng...) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa của văn bản, tư tưởng, tình cảm, thái độ của tác giả...) của hài kịch và truyện cười.

2. Phẩm chất:

- Ghét những thói hư, tật xấu, phê phán cái giả dối, từ đó biết trân trọng những suy nghĩ trong sáng, nhân văn, những hành động trung thực.

B. Phương tiện và học liệu:

- Máy tính, máy chiếu.

- Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, các văn bản truyện ngoài SGK.

C. Tiến trình dạy học:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1: Hướng dẫn HS ôn tập kĩ năng đọc hiểu văn bản hài kịch và truyện cười Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm. - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV về các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học. 1. *Kể tên các văn bản hài kịch, truyện cười đã được học, được đọc. Trình bày đặc điểm của hải kịch, truyện*	I. Kiến thức ngữ văn 1. Hài kịch: *Khái niệm: - Là thể loại kịch dùng tiếng cười để châm biếm, đả kích, phê phán những thói hư tật xấu, cái lố bịch, lỗi thời trong đời sống. - Tiếng cười hài kịch được tạo ra bởi các mâu thuẫn (xung đột), hành động, nhân vật, hành động, lời thoại…và một

cười (khái niệm, đặc trưng của hài kịch, truyện cười…) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên. Bước 3: Báo cáo sản phẩm - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, nhận xét GV nhận xét, chốt kiến thức. * GV nêu câu hỏi cho HS nhắc lại các kiến thức lí thuyết về đặc trưng thể loại truyện.	số thủ pháp trào phúng tiêu biểu. *Đặc trưng của hài kịch - Xung đột + Mâu thuẫn giữa cái xấu – cái tốt Ví dụ: xung đột trong vở kịch "Bệnh sĩ" của Lưu Quang Vũ là mâu thuẫn giữa cái chân thực, thật thà – với bệnh giả dối, ảo tưởng + Mâu thuẫn giữa cái xấu – cái xấu - Nhân vật: Không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động, lời nói và việc làm + Hành động của nhân vật >< phẩm chất → lố bịch, hài hước + Lời thoại nhân vật thường là ngôn ngữ phóng đại, gây cười. - Thủ pháp trào phúng: Chủ yếu sử dụng nghệ thuật phóng đại (nói quá, cường điệu)
GV hướng dẫn cách đọc văn bản hài kịch, truyện cười Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp. - HS trả lời nhanh câu hỏi của GV: *Sau khi học các Vb ở bài 4, em hãy cho*	2.Truyện cười * Khái niệm Là thể loại truyện chứa đựng cái hài. Mục đích giải trí, châm biếm, phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. Gồm truyện cười dân gian và truyện cười hiện đại.

biết cách đọc văn bản hài kịch, truyện cười? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên. Bước 3: Báo cáo sản phẩm - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, nhận xét GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV hướng dẫn cụ thể các cách làm bài đọc hiểu Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp. - HS trả lời nhanh câu hỏi của GV: *Em có những kinh nghiệm gì khi làm các bài tập đọc hiểu văn bản hài kịch, truyện cười?* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên. Bước 3: Báo cáo sản phẩm - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, nhận xét GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	* Đặc trưng của truyện cười - Dung lượng: ngắn gọn - Cốt truyện: đơn giản, thường là các mâu thuẫn thật >< giả, nội dung >< hình thức, bên trong >< bên ngoài, kết thúc truyện bất ngờ - Nhân vật: ít - Thủ pháp trào phúng: phóng đại (nói quá, cường điệu) 3. Kĩ năng đọc văn bản hài kịch, truyện cười: *Hài kịch: -Khi đọc một hài kịch, ngoài nội dung, chủ đề, cần chú ý một số yếu tố đặc trưng của một văn bản kịch như xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng. +Có thể tự trả lời những câu hỏi về nội dung cơ bản và đặc điểm nghệ thuật nổi bật của văn bản kịch: *chủ đề của văn bản hài kịch là gì? Xung đột cơ bản nào được phản ánh qua hài kịch ? Nhân vật chính là ai? Tính cách tiêu biểu của nhân vật chính là gì? Tính cách đó thể hiện như thế nào qua ngoại hình, hành động, ngôn ngữ của nhân vật? Nhận xét gì về lời thoại trong hài kịch ? Thủ pháp trào phúng nào được sử dụng để gây cười?* * Truyện cười: -Đối với truyện cười, ngoài chủ đề, cần chú ý đến cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ. -Một số câu hỏi cần được đặt ra trong

	quá trình đọc: *Chủ đề của truyện cười là gì? Bối cảnh của truyện cười có gì đặc biệt? Nhân vật của truyện gồm những ai, trong đó ai là nhân vật chính? Nhân vật chính có tính cách gì đáng cười? Ngôn ngữ trong truyện cười có gì độc đáo? Điều em thấy thú vị nhất khi đọc truyện cười này là gì?*
** HĐ2: Vận dụng kiến thức đọc hiểu các văn bản hài kịch, truyện cười ngoài SGK.* **- GV hướng dẫn HS hoạt động cá nhân làm các bài tập đọc hiểu mở rộng.** **- HS độc lập thực hiện theo hướng dẫn.** **- GV tổ chức cho HS chấm chữa chéo phần trắc nghiệm; gọi HS chiếu hoặc viết bảng các câu hỏi phần tự luận, HS khác theo dõi đối chiếu với bài làm để nhận xét, bổ sung cho bạn.** **- GV nhận xét, chốt đáp án và lưu ý kĩ năng trả lời câu hỏi đọc hiểu.**	**II. Vận dụng đọc hiểu văn bản mở rộng**

Bài tập 1-Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

HAI KIỂU ÁO

Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi :

- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ ?

Quan lớn ngạc nhiên :

- Nhà ngươi biết để làm gì ?

Người thợ may đáp :

- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.

Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo :

- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.

(Theo Trường Chính - Phong Châu)

Câu 1 (0.5 điểm). Xác định thể loại của truyện *"Hai kiểu áo"*?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại.

C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

Câu 2 (0.5 điểm): Truyện "Hai kiểu áo" có những nhân vật nào?

A. Viên quan lớn, dân đen

B. Người thợ may, viên quan lớn

C.Người thợ may, viên quan lớn, dân đen

D. Người thợ may, dân đen

Câu 3 (0.5 điểm): Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 4 (0.5 điểm). Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

A. Ca ngợi sự giàu sang của quan lại.

B. Ca ngợi sự khéo léo của người thợ may.

C. Phê phán thói hư, tật xấu của quan lại .

D. Phê phán thói hư tật xấu của người thợ may.

Câu 5 (0.5 điểm): Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *"hách dịch"*?

A. Thể hiện thái độ hòa nhã, coi trọng của cấp dưới đối với cấp trên.

B. Thể hiện thái độ ưu ái, quan tâm đến của cấp trên đối với cấp dưới.

C. Thể hiện thái độ ra oai, hạch sách người khác do cậy mình có quyền thế.

D. Thể hiện thái độ nhân nhượng của cấp trên đối với cấp dưới.

Câu 6 (0.5 điểm): Nội dung nghĩa hàm ẩn trong câu *"... Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại."* là gì?

A. Khi gặp quan trên, ngài sẽ luồn cúi, nên vạt trước chùng lại

B. Khi gặp dân, vị quan này là người vênh váo, hách dịch nên vạt trước sẽ hớt lên.

C. Vị quan là người hai mặt, trên thì nịnh hót, dưới thì chèn ép.

D. Người thợ may là người khéo léo, biết may nhiều kiểu áo.

Câu 7 (0.5 điểm): Chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?

A. Có ý nịnh nọt quan để được thưởng.

B. Có ý để quan may thêm một cái áo nữa.

C. Thể hiện thái độ kính trọng đối với quan.

D. Có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên.

Câu 8 (0.5 điểm): Viên quan trong câu chuyện là người như thế nào?

A. Tính cách hèn hạ đối với cấp trên và hách dịch đối với kẻ dưới.

B. Đối xử không công bằng với kẻ dưới.

C. Hay nịnh nọt cấp trên.

D. Khinh ghét người nghèo khổ.

Câu 9 (1 điểm): Sau khi đọc văn bản trên, em rút ra được những bài học gì?

Câu 10 (1 điểm): Qua truyện *"Hai kiểu áo"* em nhận thấy thái độ của tác giả dân gian đối với nhân vật quan lớn trong truyện như thế nào?

Dự kiến sản phẩm

1	2	3	4	5	6	7	8
A	B	C	C	C	D	D	A

Câu 9 (1 điểm): Sau khi đọc văn bản trên, em rút ra được những bài học gì?

- Cần có thái độ hòa nhã với tất cả mọi người
- Không nên phân biệt đối xử giữa kẻ giàu người nghèo
- Sống cần ngay thẳng không nên sống kiểu xu nịnh với những người có chức có quyền,…

Câu 10 (1 điểm): Qua truyện *"Hai kiểu áo"* em nhận thấy thái độ của tác giả dân gian đối với nhân vật quan lớn trong truyện như thế nào?

- Lên án, phê phán, mỉa mai, chế giễu, coi thường cách xu nịnh, luồn cúi với quan trên và thái độ hống hách coi thường dân thường của vị quan.

BÀI TẬP 2

Đọc văn bản dưới đây rồi trả lời các câu hỏi:

LỢN CƯỚI, ÁO MỚI

Có anh tính hay khoe của. Một hôm, may được cái áo mới, liền đem ra mặc, rồi đứng hóng ở cửa, đợi có ai qua người ta khen. Đứng mãi từ sáng đến chiều chả thấy ai hỏi cả, anh ta tức lắm.

Đang tức tối, chợt thấy một anh, tính cũng hay khoe, tất tưởi chạy đến hỏi to:

- Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?

Anh kia liền giơ ngay vạt áo ra, bảo:

- Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!

Theo *Truyện cười dân gian Việt Nam*

Trả lời các câu hỏi từ 1- 8 bằng cách lựa chọn đáp án chính xác nhất:

Câu 1. (0,5 điểm) Đoạn trích trên thuộc thể loại nào?

A.Truyện cười B. Truyện ngụ ngôn C. Truyện cổ tích D. Truyện truyền thuyết

Câu 2. (0,5 điểm) Nội dung chính của truyện "Lợn cưới, áo mới" là gì?

A. Kể về tính khoe khoang của anh có lợn cưới và anh có áo mới.

B. Kể chuyện về con lợn cưới bị sổng chuồng.

C. Kể chuyện về cái áo mới.

D. Kể về con lợn cưới và cái áo mới.

Câu 3. (0,5 điểm) Hai nhân vật chính trong truyện đều có điểm nào chung?

A. Là những người giàu có.

B. Là những người thích khoe khoang.

C. Là những người giàu có nhưng bủn xỉn.

D. Là những người ham làm giàu.

Câu 4. (0,5 điểm) Hàm ý trong câu: "Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?" là gì?

A. Mình bị mất một con lợn cưới.

B. Mình sắp cưới vợ.

C. Mình có một con lợn để làm cỗ cưới.

D. Nhờ mọi người tìm giúp mình con lợn bị mất.

Câu 5. (0,5 điểm) Tác dụng của cách nói hàm ý trong câu: "Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?" là:

A. Làm cho lời văn sinh động, hấp dẫn.

B. Tô đậm tính cách riêng của nhân vật.

C. Làm tăng hiệu quả giao tiếp.

D. Diễn tả nội dung tế nhị.

Câu 6. (0,5 điểm) Mục đích của nhân vật khi trả lời câu hỏi của anh bị mất lợn là gì?

A. Để cho người kia không hỏi nữa.

B. Để cho người kia xấu hổ vì đã khoe con lợn cưới,

C. Để cho người kia không tìm ra con lợn cưới.

D. Để khoe mình có cái áo mới.

Câu 7. *(0,5 điểm)* Chi tiết gây cười trong truyện " Lợn cưới, áo mới" là:

A. Cả hai có lợn cưới và anh có áo mới đều khoe được của.

B. Lời nói, cử chỉ, điệu bộ của anh có lợn cưới và anh có áo mới.

C. Lời nói, cử chỉ, điệu bộ của anh có áo mới.

D. Hai anh có tính khoe của gặp nhau.

Câu 8. *(0,5 điểm)* Ý nghĩa của truyện "Lợn cưới, áo mới" là:
A. Giải trí, mua vui cho mọi người.
B. Châm biếm, phê phán tính xấu của con người.
C. Răn dạy con người về bài học cuộc sống.
D. Thể hiện mong ước về cuộc sống luôn có tiếng cười.
Câu 9. *(1,0 điểm)* Em hãy nhận xét, phân tích về thông tin trong câu hỏi của anh có lợn bị sổng và câu trả lời của anh có áo mới để thấy rõ tính cách của nhân vật và thái độ của tác giả.
Câu 10. *(1,0 điểm)* Qua truyện "*Lợn cưới, áo mới*" em rút ra cho mình những bài học gì ?
Dự kiến sản phẩm:

1	2	3	4	5	6	7	8
A	A	B	C	D	D	B	B

Câu 9.

- Trong câu hỏi của anh có lợn bị sổng và câu trả lời của anh có áo mới đề có thông tin thừa. Câu hỏi của anh tìm lợn bị sổng thừa thông tin (lợn cưới), lẽ ra chỉ cần hỏi (bác có thấy con lợn của tôi chạy qua đây không) đã đủ để anh biết con lợn chạy hướng nào để đi tìm. Câu trả lời của anh có áo mới thừa thông tin (từ lúc tôi mặc cái áo mới này)….
- Thông tin (lợn cưới, từ lúc tôi mặc cái áo mới này) là những thông tin thừa trong câu hỏi và câu trả lời của 2 nhân vật nhưng lại chính là mục đích thông báo chính của các anh -> 2 nhân vật đều là những người thích khoe khoang

Câu 10.

Qua truyện "*Lợn cưới, áo mới*" HS có thể rút ra bài học:
- Nhận thức được tính thích khoe và khoe khoang một cách thái quá sẽ trở lên lố bịch khiến mọi mọi người chê cười
-Không nên khoe khoang thái quá, khoe cũng phải tế nhị, phù hợp.
- Khuyên nhủ mọi người không nên khoe khoang cách thái quá mà hãy tế nhị, khéo léo.

*HDTH: Tìm đọc các văn bản hài kịch, truyện cười và ghi chép nội dung đọc hiểu vào sổ tay văn học.

Ngày soạn	1/11/2023
Ngày dạy	
Lớp dạy	8C2

Tiết 62,63,64
Luyện tập thực hành tiếng Việt
Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

A. MỤC TIÊU

1. Năng lực: Giúp HS:

- Hiểu và vận dụng được hiểu biết về nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn của câu trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng và yêu quý tiếng Việt.

- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, hệ thống các bài tập.

C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

1. **Mục tiêu**:

- HS ôn tập các kiến thức đã học về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

2. Nội dung: HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào vở bài tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Ôn tập lí thuyết	
Hướng dẫn học sinh ôn tập kiến thức lí thuyết đã học	I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đưa ra ví dụ và phân tích *"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây"* - Nghĩa tường minh: Khi ăn quả, người ta phải nhớ đến kẻ trồng cây - Nghĩa hàm ẩn: Khi hưởng thụ thành quả nhất định, ta phải biết ơn người tạo ra thành quả đó. Từ việc phân tích ví dụ, em hãy rút ra khái niệm nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi, GV gọi các bạn trong lớp nhận xét, trả lời bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.	1. Nghĩa tường minh - Là nội dung thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu. - Người nghe, người tham gia hội thoại có thể hiểu trực tiếp nghĩa của câu nói/câu thoại. 2. Nghĩa hàm ẩn - Là nội dung thông báo được suy ra từ nghĩa tường minh và ngữ cảnh. - Nghĩa hàm ẩn thường sử dụng trong đời sống và trong TPVH khi diễn tả những nội dung tế nhị hoặc tăng hiệu quả giao tiếp.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về nghĩa tương minh và nghĩa hàm ẩn

2. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

3. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

II. Thực hành

Hướng dẫn học sinh làm các bài tập

***Cách thức chung:**

- GV yêu cầu HS làm bài tập theo cá nhân hoặc cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập, xác định các yêu cầu của bài.

- HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.

- HS trình bày, nhận xét.
- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Hs thảo luận.

- Gv quan sát, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

1.Bài tập 1: Đọc các đoạn trích sau và cho biết những câu in đậm có phải là câu chứa hàm ý không? Vì sao? Xác định hàm ý của câu (nếu có).
a) Một lúc lâu ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:
– Liệu có thật kltôriệ hở bác? **Hay là chỉ lại…**
– Thì chúng tôi vừa ở dưới ấy lên đây mà lại. Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi cơ ông ạ.
(Kim Lân)
b) Đê khỏi vô lễ, người con trai vẫn ngồi yên cho ông vẽ, nhưng cho là mình không xứng với thử thách ấy, anh vẫn nói:
– **Không, bác đừng mất công vẽ cháu! Cháu giới thiệu với bác ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa!**
(Nguyễn Thành Long)
Gợi ý trả lời:

a) Câu Hay là chỉ lại… không chứa hàm ý. Đó chỉ là một câu nói dở dang.
b) Câu nói của người con trai có hàm ý: cháu không xứng đáng để bác vẽ, ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa mới xứng đáng.

2.Bài tập 2: Cho biết hàm ý của câu in đậm trong đoạn trích dưới đây. Hàm ý đó được tạo nên bằng cách nào? Theo em, người nghe có hiểu hàm ý của người nói không? Chi tiết nào chứng tỏ điều đó?

Trong sóng có người gọi con:
"Bọn tớ ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn. Bọn tớ ngao du nơi này nơi nọ mù không biết từng đến nơi nao".
Con hỏi: "Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?".
Họ nói: "Hãy đến rìa biển cả, nhắm nghiền mắt lại, cậu sẽ được làn sóng nâng đi".
Con bảo: "B**uổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được?**".
Thế là họ mỉm cười, nhảy múa lướt qua.

(R. Ta-go)

Gợi ý trả lời:
Cần xác định người nói và người nghe, tìm hiểu hoàn cảnh giao tiếp để tìm hàm ý của câu in đậm trong đoạn trích.
– Hàm ý của câu nói: mình không thể đến "rìa biển cả" để vui chơi cùng các bạn vì mình không thể xa mẹ được (từ chối lời mời mọc, rủ rê của những người trong sóng).
– Hàm ý đó được tạo nên bằng cách vi phạm phương châm quan hệ (câu trả lời của em bé có vẻ không liên quan đến lời rủ rê của những người trong sóng) và sử dụng hành động ngôn ngữ gián tiếp (câu hỏi nhưng được dùng với mục đích khẳng định).
– Người nghe là những người trong sóng hiểu rõ hàm ý của em bé nên họ mỉm cười và nhảy múa lướt qua.

3.Bài tập 3: Tìm câu chứa hàm ý trong các đoạn trích sau và cho biết nội dung của hàm ý đó.

a) Chuột chù chê khỉ rằng hôi,
Khỉ mới trả lời: "Cả họ mày thơm".

(Ca dao)

b) Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
– Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

(Thế Lữ)

c) Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo:
– Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng?

(Nam Cao)

Gới ý trả lời:
a) – Câu chứa hàm ý: Cả họ mày thơm.

– Hàm ý: mỉa mai, châm biếm chuột chù. Qua đó, bài ca dao ngụ ý phê phán những người không những không nhận thức rõ về khuyết điểm của bản thân mà còn hay chê bai người khác.

b) – Câu chứa hàm ý: Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

– Hàm ý: Sự nuối tiếc quá khứ oanh liệt của con hổ.

c) – Câu chứa hàm ý: Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng?

– Hàm ý: Tôi cũng không sung sướng hơn cụ.

4. Bài tập 4: Xác định nghĩa tường minh và hàm ý trong những câu ca dao sau. Vì sao em hiểu được hàm ý đó?

Bao giờ chạch đẻ ngọn đa,
Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình.

Gợi ý trả lời:

HS cần phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý trong một phát ngôn.

– Phần nghĩa tường minh ở đây là: Bao giờ cá chạch đẻ ở trên ngọn cây đa, chim sáo đẻ trứng à dưới nước thì ta sẽ lấy mình.

– Hàm ý trong câu ca dao: Không bao giờ ta lấy mình.

– Căn cứ vào phần nghĩa tường minh để xác định hàm ý. Phần tường minh nêu điều kiện dẫn đến hôn nhân: bao giờ cá chạch đẻ trên ngọn cây đa, chim sáo đẻ trứng dưới nước thì ta lấy mình. Nhưng vì không bao giờ có chuyện đó nên không bao giờ có chuyện ta lấy mình.

5. Bài tập 5: Viết một đoạn hội thoại trong đó có câu chứa hàm ý. Chỉ ra hàm ý đó.

(Hs tự chọn chủ đề, đưa ra tình huống giao tiếp cụ thể và xây dựng đoạn hội thoại có câu chứa hàm ý rồi chỉ ra hàm ý đó).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;

Làm bài tập sau ở nhà: Chuẩn bị ôn tập cách viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống.

Ngày soạn	1/11/2023
Ngày dạy	
Lớp dạy	8C2

Tiết 65,66,67,68,69:

Luyện tập viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống

A. MỤC TIÊU

1. Năng lực: Giúp HS:

- Giúp HS củng cố kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống
- Rèn khả năng tạo lập văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống
- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.
- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: hệ thống các đề, các văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống

C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

2. Nội dung: Gv sử dụng phương pháp gợi mở đàm thoại để học sinh chia sẻ trải nghiệm của bản thân

3. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Chia sẻ kết quả đã học viết nghị luận về một vấn đề của đời sống *đã học ở mục Viết ở buổi sáng.* *+ Điều gì em đã làm được. Em đang còn gặp khó khăn ở khâu nào?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ, gợi mở. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Hs chia sẻ hiểu biết các thao tác, kĩ năng làm bài văn thuyết minh về hiện tượng tự nhiên cho các bạn, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét. - Gv quan sát, lắng nghe, gợi mở. **Bước 4: Kết luận, nhận đinh** GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	- HS chia sẻ một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống đã học ở mục Viết ở buổi sáng. - HS chia sẻ những thuận lợi và khó khăn khi viết dạng bài.

HOẠT ĐỘNG 2 : ÔN TẬP KIẾN THỨC DẠNG BÀI

1. Mục tiêu: Nhớ lại các kiến thức, yêu cầu cơ bản về dạng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống đã học ở mục Viết ở buổi sáng.

2. Nội dung: Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

*GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống đã học ở mục Viết ở buổi sáng.

(1) Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống là gì?

(2) Nêu đặc điểm của kiểu văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống?

(3) Thế nào là viết **văn bản** *nghị luận về một vấn đề của đời sống***?**

+ Nêu các yêu cầu đối với kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống?

+ Cấu trúc của bài văn gồm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?

(4) Khi tiến hành viết, em phải thực hiện các bước nào của quy trình viết? Ở mỗi bước, em sẽ làm gì?

*HS suy nghĩ, trả lời.

*GV nhận xét, chốt kiến thức.

J. Lý thuyết

1.Khái niệm

Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống (nghị luận xã hội) viết ra nhằm bàn về một sự vật, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, hay một vấn đề thuộc lĩnh vực thuộc tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.

2. Đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống

- Thể hiện rõ ý kiến của người viết về vấn đề bàn luận.

- Trình bày lí lẽ, bằng chứng thuyết phục người đọc, người nghe.

- Sắp xếp ý kiến, lí lẽ theo trình tự hợp lí.

3. Yêu cầu chung của kiểu bài nghị luận về một vấn đề của đời sống

- Cần nêu lên được hiện tượng đáng quan tâm trong đời sống.

- Trình bày rõ vấn đề và nêu ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết về hiện tượng đó.

- Nêu được lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc đồng tình.

4. Những điều cần lưu ý:

- Xác định hiện tượng của đời sống cần bàn luận. Hiện tượng của đời sống rất phong phú, cần lựa chọn vấn đề gần gũi với cuộc sống, có ý nghĩa thiết thực và sâu sắc,…

- Trước khi viết cần tìm ý và lập dàn ý theo một trong các cách: đặt câu hỏi, suy luận hoặc so sánh.

- Cần nêu được ý kiến (quan điểm) riêng của mình: khẳng định hay phủ định, đồng tình hay phản đối,…

- Các lí lẽ và bằng chứng cần nêu cụ thể, phong phú và có sức thuyết phục.

4. Hướng dẫn quy trình viết

a. Chuẩn bị

- Đọc kĩ và tìm hiểu đề để biết các thông tin trước khi viết: nội dung chính, kiểu bài viết và phạm vi bằng chứng cần huy động.

- Tìm hiểu nghĩa của các từ khóa

- Đọc sách, báo và tìm những bằng chứng về hiện tượng theo yêu cầu của đề.

- Ghi chép lại những thông tin liên quan đến các hiện tượng nêu ra trong đề, kể cả tranh, ảnh, bảng biểu, sơ đồ,…(nếu có).

b. Tìm ý và lập dàn ý

***Tìm ý:**

-Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi

+ giải thích về hiện tượng mà đề bài đưa ra

+ Các biểu hiện cụ thể của hiện tượng là gì?

+ Có những ví dụ nào tiêu biểu về hiện tượng?

+ Vì sao cần phê phán hiện tượng?

+ Làm thế nào để khắc phục được hiện tượng đó?

***Lập dàn ý**

- Mở bài

+ Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận

+ Đưa ra ý kiến khái quát về vấn đề nghị luận.

- Thân bài

+ Giải thích ngắn gọn về vấn đề nghị luận.

+ Nêu các biểu hiện cụ thể; ví dụ tiêu biểu về vấn đề đó.

+ Đưa ra quan điểm cá nhân (đồng tình/ phản đối).

+ Lần lượt đưa ra các ý kiến theo trình tự hợp lí, kết hợp với các lí lẽ, dẫn chứng, và phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ, thuyết phục cho các ý kiến.

+ Bàn luận, mở rộng vấn đề.

- Kết bài

+ Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

+ Đề xuất giải pháp, rút ra bài học nhận thức, hành động.

c. Viết

- Dựa vào dàn ý để viết bài văn nghị luận về một hiện tượng của đời sống.

- Cần chú ý vận dụng cách huy động bằng chứng, trình bày và phân tích bằng chứng.

d. Kiểm tra, chỉnh sửa

II. Thực hành kĩ năng viết

Đề 1: Viết bài văn nghị luận về tình trạng hút thuốc lá của học sinh hiện nay.

1. Mở bài

-Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận: tình trạng hút thuốc lá ở học sinh.

2. Thân bài

a. Nêu biểu hiện cụ thể và thực trạng hút thuốc lá ở học sinh

-Hiện nay, tình trạng hút thuốc lá đang diễn ra phổ biến và tràn lan trong thế hệ học sinh.
-Những cô cậu tuy còn đang ở độ tuổi vị thành niên nhưng trên tay và miệng phì phèo điếu thuốc.
-Có những bé trai chưa đến mười tuổi nhưng đã tập tành hút thuốc.
-Khói thuốc thật sự đã xâm nhập và len lỏi vào không gian trường học.

b. Nêu nguyên nhân dẫn đến hiện tượng hút thuốc lá ở học sinh

-Xuất phát do nhận thức của chính các bạn học sinh.
-Cho rằng hút thuốc là cách thức khẳng định sự chín chắn, trưởng thành và thể hiện rõ cá tính của bản thân.
-Tâm lí đua đòi, bắt chước bạn bè.
-Thiếu sự quan tâm của gia đình, bố mẹ.

c. Chỉ ra tác hại mà việc hút thuốc lá gây ra

-Thuốc lá là một trong những phát minh nguy hại nhất và là nguyên nhân gây ra cái chết cho nhiều người.

-Thuốc lá có chứa nhiều chất độc hại dẫn đến rất nhiều căn bệnh nguy hiểm như ung thư vòm họng và ung thư phổi.
-Thuốc lá không chỉ tác động xấu đến sức khỏe của người trực tiếp sử dụng nó mà khí còn gây ảnh hưởng đến sức khỏe của những người xung quanh.

d. Đề xuất những giải pháp trước thực trạng hút thuốc lá ở học sinh

-Nâng cao nhận thức của thế hệ học sinh về tác hại của khói thuốc bằng việc đẩy mạnh các phương pháp tuyên truyền, phổ biến trong trường học.
-Đồng thời, nhà trường cần phối hợp với gia đình trong việc giáo dục và quan tâm đến những thay đổi trong tâm lý của trẻ vị thành niên.

3. Kết bài

-Nêu lên bài học nhận thức và hành động.
-Liên hệ bản thân.

Đề 2: Viết bài văn nghị luận về bệnh vô cảm trong đời sống.

1. Mở bài

Giới thiệu về vấn đề nghị luận: sự vô cảm trong đời sống.
2. Thân bài
*Giải thích:
- Vô cảm là gì? Vô là không, cảm là cảm xúc. Vô cảm chính là không có cảm xúc, không bày tỏ thái độ, tình cảm trước bất cứ vấn đề nào trong cuộc sống.
- Biểu hiện của sự vô cảm:
+ Không quan tâm, giúp đỡ, yêu thương, chia sẻ với người khác.
+ Có thái độ dửng dưng, không quan tâm trước mọi vấn đề.
+ Chỉ sống với cảm xúc, suy nghĩ của bản thân mình.
*Thực trạng của sự vô cảm trong xã hội.
- Ngày một nhiều, đặc biệt ở bộ phận thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên.
- Sống ỷ lại, hưởng thụ, không quan tâm, không có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.
*Nguyên nhân của sự vô cảm
+ Do lối sống ích kỷ, thiếu tình thương.
+ Mất lòng tin từ sự bất công xã hội.
+ Ảnh hưởng của phim, trò chơi bạo lực.
+ Do phụ huynh quá nuông chiều.
*Tác hại của sự vô cảm
+ Làm cho con người suy giảm nhân cách.
+ xã hội không có tình người, thiếu sự đoàn kết, thân ái.
+ Con người thiếu niềm vui và hạnh phúc.
*Liên hệ, vận dụng
- Lên án các hành động vô cảm.
- Biết chia sẻ, yêu thương với mọi người.
+ Tham gia các hoạt động xã hội có tính nhân văn.

3.Kết bài
- Khẳng định lại vấn đề.
- Nêu cảm nghĩ về sự vô cảm trong xã hội.

Bài viết tham khảo:

Nếu như ngày nay HIV/AIDS đã được các nhà khoa học tìm ra xu hướng điều trị mới nhằm hướng tới mục tiêu cuối cùng quét sạch toàn bộ HIV ra khỏi danh sách những căn bệnh không có thuốc chữa thì vô cảm_căn bệnh tinh thần của con người vẫn chưa tìm ra vắc xin. Bệnh vô cảm là một thái độ sống chưa tốt, có nhiều biểu hiện tiêu cực đáng báo động trong xã hội. Điều đó khiến cho mỗi con người cần phải suy ngẫm, trăn trở với mong muốn tìm ra giải pháp trị liệu hiệu quả.

Vậy bệnh vô cảm là căn bệnh như thế nào? Vô là không, cảm là cảm xúc. Vô cảm chính là không có cảm xúc. Nó đã trở thành "bệnh" nhiễm sâu vào trong suy nghĩ và hành động của mỗi người. Bệnh vô cảm là thái độ sống thờ ơ, dửng dưng, không quan tâm đến con người và sự vật, sự việc diễn ra xung quanh trong cuộc sống. Căn bệnh vô cảm khiến cho con người ta sống một "trái tim không có tình người". Mà như Nam Cao đã nói "không có tình thương, con người chỉ là một con vật bị sai khiến bởi lòng ích kỉ" (Đời thừa).

Chắc hẳn ngay từ khi còn thơ bé chúng ta đã được đọc truyện cổ tích. Nếu ai đã từng đọc "Cô bé bán diêm" ắ t hẳn sẽ không thể quên được cái đêm hôm ấy – đêm Giáng sinh "Trời lạnh mọi người quây quần bên chiếc lò sưởi để đón Giáng sinh…. Trên khắp phố phường một số người hối hả trở về nhà dường như không có ai để ý đến cô bé". Mặc dù đôi mắt ngây thơ ấy nửa van xin nửa ngại ngùng, chẳng hiểu sao cô vẫn bán như mọi ngày nhưng hôm nay tuyệt nhiên không một ai hỏi đến phải chăng vì họ vô tâm hay họ quá vội vã? Chính thái độ thờ ơ đó đã để em chết vì cái đói, cái giá lạnh trong đêm Giáng sinh hạnh phúc của bao người. Cái chết ám ảnh của cô bé đã khiến cho người đọc xót xa mà day dứt sao đêm ấy mọi người lại bỏ mặc em đến vậy. Tác giả ắt hẳn rất đau lòng khi đã để em chết trong hiện thực nghiệt ngã, đau lòng khi thấy giá trị đạo đức đang đi xuống nhưng cũng là để nhắn nhủ với bạn đọc hãy biết sống có tình người, yêu thương lẫn nhau.

Bước ra từ trang sách những con người vô cảm trong đêm Giáng sinh vẫn hiện hữu ở khắp mọi nơi trong cuộc sống. Bệnh vô cảm có ở trong mọi lứa tuổi, nghề nghiệp căn bệnh ấy đã "lây nhiễm" trong toàn xã hội. Ngay một số quan chức cấp cao_ những người mà theo Hồ Chí Minh nhận định: "Mỗi người Đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng mình vào Đảng là để làm đầy tớ cho nhân dân… làm đầy tớ cho nhân dân chứ không phải làm quan nhân dân… và phải làm cho tốt". Những con người ấy phải phục vụ cho lợi ích của quần chúng nhưng một số chính quyền địa phương lại có thái độ dửng dưng, không quan tâm.

Vụ án gần đây của Đặng Văn Hiến (Đăk Nông) vụ việc tranh chấp đất đai giữa dân làng và người của công ty Long Sơn. Trong tình thế nguy kịch giữa một bên là đất đai bị cướp, vợ con bị đe dọa và thái độ hung hăng của chúng đã buộc Hiến phải nổ súng. Tiếng súng ấy không phải của một tội phạm khát máu. Tiếng súng thức tỉnh lương tri. Tiếng súng gióng lên hồi chuông cảnh báo về sự vô cảm của chính quyền

địa phương. Nếu có sự can thiệp của cơ quan chức năng thì có lẽ người dân lương thiện không phải dùng đến bạo lực để giải quyết để bây giờ phải lãnh án giết người.
Ngay cả trong môi trường giáo dục_nơi ươm mầm tri thức cho đất nước nhưng căn bệnh vô cảm vẫn có mặt. Bạo lực học đường là vấn đề nổi trội lên hiện nay. Các em học sinh thấy bạn bè đánh nhau không can ngăn mà cổ súy, dửng dưng quay clip cho lên mạng xã hội. Thầy cô giáo thấy hành vi sai trái của học sinh thì lờ đi như không biết. Con người ta thật bình tâm trước cái xấu.
Bệnh vô cảm biểu hiện ngay trong những hành động ta vô tình bắt gặp ngoài đường. Là thấy kẻ gian móc túi mà không dám lên tiếng, là thấy những số phận bất hạnh nghèo khổ ta thờ ơ ngang qua. Là những vụ tai nạn giao thông nạn nhân đang giành giật giữa sự sống và cái chết ngay trước mặt nhưng họ vẫn làm ngơ, họ bàn tán, xì xào mà sao không một ai gọi cấp cứu.
Vô cảm không chỉ đối với mọi người mà còn đối với chính bản thân, người thân yêu nhất của mình. Hội thánh đức chúa trời đang hoạt động mạnh mẽ ở nước ta. Đây là một tà đạo hủy hoại nếp sống văn minh của con người. Những hội viên "ngây thơ" đa phần là sinh viên chính vì thờ ơ, không quan tâm theo dõi tin tức nên để mình bị lôi kéo, dụ dỗ gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng.
Biểu hiện của bệnh vô cảm vô cùng đa dạng, đối tượng phong phú, nó lây nhiễm như một dịch bệnh có ở mọi ngóc ngách trong cuộc sống. Vậy nguyên nhân nào khiến cho căn bệnh ấy ngày càng trầm trọng? Cuộc sống ngày càng phát triển con người càng phải guồng quay hối hả chạy theo vật chất mà quên mất rằng thế giới tinh thần rất quan trọng. Vô cảm xuất phát từ tâm lí đám đông họ sợ gặp rắc rối, sợ "mua dây buộc mình". Vô cảm bởi lối sống ích kỉ chưa được giáo dục đúng đắn…
Chính căn bệnh ấy đã gây ra hậu quả nghiêm trọng, nó làm cho con người từ "nhân chi sơ tính bản thiện" trở thành người vô tâm, vô tình. Vô cảm làm mất đi truyền thống tốt đẹp của dân tộc với tinh thần tương thân, tương ái "lá lành đùm lá rách". Nó làm cho văn hóa "tắt lửa tối đèn có nhau" dần mất đi trong cuộc sống nhộn nhịp nơi phố phường, khiến con người sống chạm mặt mà cách lòng…
Tuy nhiên không phải ai cũng mắc phải căn bệnh ấy, trong xã hội còn rất nhiều người tốt dám hi sinh xả thân cứu người, nhiều hành động đẹp để ta học tập. Để đẩy lùi được căn bệnh ấy cần phải xây dựng được một lối sống văn minh, một xã hội đồng cảm, sẻ chia. Cần khơi dậy lòng nhân ái và dung khí trong mỗi con người. Cần xây dựng nền tảng đạo đức tốt đẹp, gìn giữ truyền thống nhân đạo của dân tộc.
Là một người trẻ em nhận thức được sự nguy hiểm của bệnh vô cảm. Đây là một căn bệnh cần được điều trị kịp thời. Mỗi người chúng ta hãy cùng nhau chung tay đẩy lùi "dịch bệnh" để cuộc sống này biết yêu thương, vui buồn trước nỗi đau của mỗi con người, để xã hội này là xã hội của tình thương yêu. Một nhà văn Nga đã từng nói: "Nơi lạnh nhất không phải là Bắc cực mà là nơi không có tình thương" chính là vậy.

Đề 3: Viết bài văn nghị luận về vấn đề ô nhiễm môi trường.

1. Mở bài

Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: vấn đề ô nhiễm môi trường.

2. Thân bài

a. Giải thích vấn đề

Ô nhiễm môi trường là hiện trạng môi trường xuất hiện những chất độc, chất hại dẫn đến thay đổi nhanh chóng và gây tác hại xấu đến cuộc sống con người.

b. Thực trạng

Hàng ngày có hàng tấn rác thải được đổ ra biển, các chất độc hại ngày càng tích lũy và ảnh hưởng xấu tới môi sinh và các sinh vật biển. Bên cạnh đó, môi trường nước ngọt cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Môi trường không khí bị ô nhiễm nặng nề do khí thải công nghiệp, khí thải xe cộ và mùi rác thải sinh hoạt của con người.

Diện tích rừng bị chặt phá ngày càng tăng.

c. Nguyên nhân

Chủ quan: Do ý thức kém của con người.

Khách quan: Do hiện tượng cực đoan của xã hội; do sự quản lí của nhà nước hoạt động của các doanh nghiệp trong việc xử lí.

d. Hậu quả

Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người.

Mất đi các nguồn lợi từ biển: các hải sản, du lịch biển.

Mất cân bằng đa dạng sinh học của môi trường sống.

e. Giải pháp

Mỗi người cần có ý thức bảo vệ môi trường sống quanh mình, thay đổi từ những thói quen nhỏ nhất để khiến cho môi trường được cải thiện tốt hơn.

Nhà nước cần tăng cường sự quản lí cũng như xử phạt nghiêm minh đối với những trường hợp vi phạm làm ô nhiễm môi trường.

Tiến hành áp dụng công nghệ khoa học để giải quyết hiện trạng ô nhiễm nước thải ...hiện nay.

3. Kết bài

Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: hiện tượng ô nhiễm môi trường; đồng thời rút ra bài học và liên hệ bản thân.

Bài viết tham khảo:

Nghị luận về vấn đề ô nhiễm môi trường

Xã hội ngày càng phát triển, kéo theo đó là hàng loạt các vấn đề cần quan tâm, thậm chí là ở mức báo động như hiện tượng biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường,... Một đất nước muốn tồn tại và phát triển lâu bền thì vấn đề bảo vệ môi trường sống là rất quan trọng, nhưng thực tế môi trường hiện nay ngày một ô nhiễm trầm trọng, gây ảnh hưởng rất lớn đến đời sống sinh hoạt của người dân.

Ô nhiễm môi trường là hiện tượng môi trường sống thiếu trong lành, bị nhiễm các chất độc hại tác động lớn đến đời sống. Thực trạng hiện nay, nhiều khu dân cư rác thải chất thành đống, không có biện pháp xử lý. Nước thải, nước ngầm từ các nhà máy xí nghiệp đổ ra sông, ra biển gây ô nhiễm nguồn nước dẫn đến tình trạng cá chết hàng loạt, nổi lềnh bềnh trên mặt nước. Nước ở các hồ, sông đen ngòm, bẩn thỉu vì chất thải, vì rác, thậm chí các bãi biển, nơi tập trung nhiều khách du lịch đến tham quan cũng xảy ra hiện tượng rác vứt bừa bãi, gây ảnh hưởng lớn đến mỹ quan. Khói bụi, xe cộ tấp nập, nhiều vô kể trong thành phố, đặc biệt từ các nhà máy thải ra khiến bầu không khí bị ô nhiễm nặng nề, kéo theo đó là các hiện tượng nóng lên của trái đất, hiệu ứng nhà kính,.... Đi khắp các đường làng, ngõ xóm hay các ngóc ngách ở những đô thị lớn, nơi đâu ta cũng thấy rác, dù ngày ngày các công nhân đô thị vẫn chăm chỉ làm việc, thu dọn nhưng vẫn không thể giảm đi lượng rác thải dùng trong ngày của người dân. Nhiều khu vệ sinh công cộng nhiễm bẩn kinh khủng, các công viên, khu vui chơi,... đâu đâu cũng thấy rác. Đó thực sự là một thực trạng đáng buồn hiện nay, khi mà xã hội càng hiện đại thì môi trường lại càng bị ô nhiễm.

Điều gì gây nên hiện tượng ô nhiễm nghiêm trọng như vậy? Phải chăng đó là do chính con người. Những hành vi tiêu cực, hành động khai thác rừng bừa bãi, đốt rừng làm nương rẫy chặt phá cây xanh gây hậu quả đến vấn đề điều hoà môi trường sống. Khai thác các nhiên vật liệu quá mức ở các mỏ quặng cũng gây áp lực rất lớn đến môi trường, làm mất cân bằng sinh thái. Công tác quản lý của nhà nước chưa được thắt chặt, ý thức của người dân còn kém, tiện đâu vứt đó như một thói quen khó bỏ. Nhiều khu công nghiệp, nhà máy vì mục đích thu lợi nhuận, tiết kiệm tiền đầu tư mà bỏ qua các khâu xử lý nguồn nước thải, lợi dụng những kẽ hở, các sông suối biển gần nhà máy thải ra môi trường bao nhiêu nguồn nước bẩn, nhiễm chất độc gây nguy hại môi trường. Việc phân loại, xử lý rác thải chưa được thắt chặt, khó kiểm soát. Ngoài ra, việc người dân sử dụng các loại thuốc trừ sâu, thuốc kích thích, trong trồng trọt và chăn nuôi cũng gây áp lực đến môi trường không nhỏ.

Vì những nguyên nhân trên, môi trường ô nhiễm để lại những hậu quả vô cùng lớn. Vấn đề sức khoẻ con người bị đe doạ, số người chết sớm tăng lên, xuất hiện nhiều làng ung thư, vùng ung thư trên cả nước. Môi trường tù đọng là nơi trú ngụ của các loại muỗi gây nguy hiểm cho con người, nhiều người bị lao phổi, viêm xoang, dị ứng,... cũng do tác động không nhỏ của ô nhiễm mà ra. Môi trường sống thiếu an toàn khiến cho đời sống sinh vật cũng gặp khó khăn, nhiều loài sinh vật mất đi môi trường

sống của mình. Hiện tượng biến đổi khí hậu cũng trở nên cấp thiết bởi môi trường đang bị tàn phá quá nặng nề.

Để hạn chế những hậu quả mà ô nhiễm môi trường gây ra. Hơn ai hết, mỗi người dân phải tự ý thức được việc làm của mình. Nhà nước, cơ quan quản lý phải không ngừng tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân. Kiểm tra, xử lý nghiêm minh những nhà máy, xí nghiệp vi phạm quy định về môi trường, thắt chặt công tác cấm xả rác thải bừa bãi ở bất cứ nơi đâu. Cần có các phương pháp, phương tiện xử lý rác thải hiệu quả, tránh đề tình trạng rác ứ đọng, chồng chất từng đống gây ô nhiễm. Sử dụng các phương tiện công cộng hoặc đi xe đạp, xe điện thay thế cho các loại phương tiện gây ô nhiễm đường phố. Phát động trồng nhiều cây xanh tạo sự trong lành, điều hoà môi trường sống. Ngoài ra, các nhà nghiên cứu khoa học hay mỗi người cần nghiên cứu phát minh ra những thiết bị, công cụ xử lý, tái chế hay phân loại rác thải nhằm giảm công sức và chi phí, đồng thời giảm thiểu lượng rác thải mỗi ngày.

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vui không của riêng ai, hãy chung tay hành động vì một thế giới sống xanh - sạch - đẹp và an toàn. Sứ mệnh của chúng ta là xây dựng môi trường sống lành mạnh và an toàn.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập nói nghe vào vở; tự luyện tập theo nhóm ở nhà.

Ngày soạn	1/11/2023
Ngày dạy	
Lớp dạy	8C2

Tiết 70,71

Luyện nói và nghe

Thảo luận ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

a. Năng lực đặc thù

- Biết thảo luận ý kiến về một hiện tượng trong đời sống phù hợp với lứa tuổi

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

2. Về phẩm chất

- Kỉ luật, biết lắng nghe

- Chăm chỉ: chăm học, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Một số hình ảnh, phiếu liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

2. Nội dung: Gv sử dụng phương pháp gợi mở đàm thoại để học sinh chia sẻ trải nghiệm của bản thân

3. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi gợi dẫn: + Thảo luận ý kiến về một hiện tượng của đời sống là gì? + Để thảo luận ý kiến về một hiện tượng trong đời sống, các em phải chú ý điều gì? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS trả lời câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực**	I. Ôn tập lí thuyết 1. Về nội dung – hình thức Nội dung - Bài thảo luận ý kiến về 1 hiện tượng trong đời sống sẽ giống với bài viết nghị luận về 1 hiện tượng. - Bài nói cần có: + Vấn đề, hiện tượng. + Lí lẽ, quan điểm đồng tình hay phản đối. + Dẫn chứng (Văn học – thực tế đời sống) - Hình thức + Trình bày bằng lời nói (Có thể kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ) + Thực hiện bằng hình thức nhóm hoặc cả lớp. 2. Những điểm cần lưu ý - Nêu được hiện tượng cần thảo luận phù hợp

hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	với lứa tuổi - Phân tích và chứng minh ý kiến của mình bằng các lí lẽ và bằng chứng tin cậy, cụ thể, giàu sức thuyết phục. - Nêu rõ ý kiến, quan điểm của người nói (đồng tình/phản đối) với vấn đề đã nêu - Khi trình bày, kết hợp sử dụng CNTT, tranh, ảnh để tăng hiệu quả.

2.2. Luyện tập

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu đề bài: Thảo luận về hiện tượng háo danh và bệnh "thành tích" trong đời sống. - GV hướng dẫn HS tìm hiểu các bước thực hành thảo luận - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	II. Thực hành 1. Chuẩn bị - Xem lại dàn ý đã làm ở phần Viết và nội dung các văn bản đã học như Đổi tên cho xã (Lưu Quang Vũ), Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục (Mô-li-e),…Có thể thêm, bớt các nội dung cần thiết của dàn ý để đáp ứng yêu cầu của việc thảo luận. - Xác định đối tượng nghe, bối cảnh trình bày để chuẩn bị nội dung phù hợp. - Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video, …và máy chiếu, màn hình (nếu có). 2. Nói và nghe

- HS lắng nghe Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV gợi mở, hướng dẫn HS	- Học sinh trình bày ý kiến - Các bạn khác nêu câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến cá nhân (Đồng ý/ phản đối) - Học sinh giải câu hỏi, ý kiến của các bạn * Mở đầu: Lời chào, giới thiệu ngắn gọn vấn đề nghị luận * Nội dung - Giải thích - Biểu hiện - Nguyên nhân - Tác hại - Giải pháp - Quan điểm cá nhân... lí lẽ + dẫn chứng * Kết thúc: Khẳng định lại ý kiến của bản thân+ Lời cảm ơn 3. Kiểm tra và chỉnh sửa * Người nói - Lắng nghe nhận xét của các bạn và thầy, cô về bài trình bày. - Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày,… - Tự đánh giá: + Điều em hài lòng về bài trình bày của mình là gì? + Điều gì em muốn thay đổi trong bài trình bày đó?

	* Người nghe - Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì,… - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày. - Đánh giá: + Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao? + Điều em học được từ bài trình bày của bạn là gì?

Bài tham khảo

Trong thực tế, ai cũng thích, cũng mong muốn được khen ngợi, được ghi nhận, được thành danh. Có người vì thế mà nỗ lực phấn đấu để biến đổi về chất. Song đáng buồn lại có những người muốn rút ngắn con đường bước đến vinh quang mà tin xổi ở thì, không chăm lo cho thực tế chỉ cố tô vẽ bề ngoài để được khen được thưởng. Đáng buồn hơn, chúng ngày càng phổ biến và trở thành một hiện tượng "háo danh" và mắc bệnh thành tích

Thực chất, thành tích là kết quả được đánh giá tốt do nỗ lực mà đạt được. Như vậy, thành tích là nhóm để biểu dương, nêu gương những kết quả thực tế tốt đẹp. Điều đó động viên cố gắng của người được nêu gương, thúc đẩy họ tiếp tục cố gắng. Mặt khác thành tích của người này còn là "cú hích" cho người khác cùng "chạy đua" để tiếp tục đi lên. Rõ ràng, thành tích là điều tốt đẹp và nó cũng mang lại những điều tương tự cho cuộc sống

Tuy nhiên, khi đặt trước từ "thành tích" một chữ "bệnh" – bệnh thành tích thì vấn đề đã khác. Bởi từ "bệnh" không gợi đến điều gì tốt đẹp. "Bệnh thành tích" là thói a dua, là chỉ chăm lo đến vẻ bề ngoài nhằm được tuyên dương khen thưởng nhưng thực chất bên trong vấn đề không đạt mong muốn. Nói khác đi, bệnh thành tích là tên gọi của sự không phù hợp giữa hình thức và bản chất: hình thức rất hào nhoáng, sáng bóng, lẫy lừng nhưng bản chất thì xuống cấp, gỉ sét, cong vênh.

Bệnh thành tích đã tồn tại từ lâu trong đời sống xã hội, đục sâu lan rộng vào nhiều ngành nghề, lĩnh vực. Trong giáo dục, bệnh thành tích còn được gọi là bệnh hình thức. Có những trường vì thành tích mà luôn cố gắng tập trung luyện "gà" – luyện học sinh giỏi, tạo mọi điều kiện để các em có thời gian tập trung học môn mình thi nhằm đạt kết quả cao mang vinh dự cho trường. Hay trong mỗi kỳ thi tốt nghiệp, có những trường huy động giáo viên cùng làm với học sinh rồi ném bài cho các em. Trong các cơ quan, công ty, nhà máy, bệnh thành tích nằm ở những bản báo cáo được mài cho nhẵn viết cho đẹp. Trong thực tế người ta không màng đến chất lượng, chỉ chạy theo số lượng để đạt chỉ tiêu. Họ chỉ sung sướng khi nghe đến những con số 100%, 99%. Trong kỳ thi tốt nghiệp THPT những năm trước, trường nào chỉ đạt 95%, 96% là đã lo lắng căng thẳng rồi. Nhưng một hai năm trở lại đây khi công tác kiểm tra, giám sát được thắt chặt hơn, trung bình cả nước chỉ đỗ khoảng 60% – 70%.

Rõ ràng kết quả xa nhau, nó phản ánh thực tế chất lượng giáo dục trong một thời gian dài bị o bế, làm nhiễu. Rõ ràng, bệnh thành tích sẽ để lại hậu quả vô cùng tai hại. Trước hết, nó khiến mỗi cá nhân tổ chức không hiểu rõ về thực lực của mình, tự mãn về thành tích, không có xu hướng vận động phát triển. Bệnh thành tích do đó tiếp tục "được" duy trì, phát triển. Dần dần nó sẽ ăn sâu, đeo bám vào tư tưởng, lối sống cách thức làm việc của xã hội, làm cho chất lượng thực bị bỏ bê, xuống dốc, chỉ có cái vẻ bề ngoài là hào nhoáng, đẹp đẽ. Nó thực chẳng khác nào một trái bí đỏ bị thối rữa bên trong. Dân gian ta nhắc nhở nhau tốt gỗ hơn tốt nước sơn vì sơn có thể tróc nhưng gỗ không được phép mục, gỗ mục sẽ làm sụp đổ cả một hệ thống quan trọng. Nhưng bệnh thành tích đã làm đảo lộn truyền thống đạo lý ấy và mỗi hệ thống xã hội đang có nguy cơ lung lay, suy sụp vì chất gỗ bên trong đang mối mọt dần.

Bệnh thành tích gây hại cho mọi ngành nghề, lĩnh vực. Và hậu quả dễ thấy nhất, tai hại nhất thể hiện ở ngành giáo dục. Có những trường lớp, vì thành tích mà cho học sinh lên lớp hàng loạt, bất chấp kết quả thực tế. Hậu quả là hàng trăm học sinh ngồi nhầm lớp, nhầm trường. Có em đã học lớp 7 mà chưa đọc thông viết thạo! Cũng vì thành tích mà các thầy cô "cấy điểm" cho học sinh giỏi ở những môn các em không thi học sinh giỏi, giúp các em tập trung ôn luyện cho thi cử. Và hàng trăm học sinh sa vào tình cảnh đạt giải học sinh giỏi quốc gia nhưng trượt tốt nghiệp, trượt đại học. Hậu quả trực tiếp học sinh là người gánh chịu. Nhưng hậu quả lâu dài là tương lai đất nước phải chấp nhận sự thui chột về đạo đức, tài năng của nhiều thế hệ.

Bệnh thành tích có căn nguyên sâu xa từ một thói xấu của con người: thói ghen ăn tức ở, "con gà tức nhau tiếng gáy". Thấy cá nhân, đơn vị khác được nêu gương, cá

nhân đơn vị mình cũng muốn được như vậy. Song, thay vì tập trung nâng cao chất lượng họ lại đốt cháy giai đoạn, đánh bóng hình thức để được tuyên dương. Nhưng công bằng mà đánh giá, bệnh cũng có nguyên nhân từ những sai lầm trong công tác quản lý tổ chức của nhiều cấp, ngành: trọng giấy tờ, hình thức, không gần gũi sâu sát thực tế và chỉ tiêu hoá, kế hoạch hóa cao độ mọi vấn đề thi đua. Bởi vậy, các tổ chức, cá nhân chỉ cốt lo sao cho bản báo cáo, cuốn sổ của mình được sạch sẽ đẹp đẽ. Rồi lo sao để chỉ tiêu kế hoạch trên giao ta "trăm phần trăm" hoàn thành.

Rõ ràng, để xảy ra căn bệnh ấy lỗi thuộc về tất cả chúng ta. Nhận rõ hậu quả của bệnh thành tích, xã hội cần đẩy mạnh công cuộc loại trừ nó. Các nhà lãnh đạo cần kiểm tra, giám sát sát sao hơn hoạt động của các tổ chức cá nhân trực thuộc, đồng thời điều chỉnh hệ thống, cơ chế quản lý tổ chức. Các cơ quan đoàn thể vì tương lai bản thân xóa bỏ bệnh hình thức để đi vào chất lượng thực tế. Chỉ khi nào làm được điều đó, xã hội ta mới thực sự trong sạch và đi lên.

Ngày soạn	25/12/2023
Ngày dạy	
Lớp dạy	8C6, 8C9

CHỦ ĐỀ 6: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI
Thời lượng: 15 tiết

Tiết 72,73,74,75,76

LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU MỚI– NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

A. Mục tiêu:

1/. Năng lực:

- Nhận biết được đặc điểm của văn nghị luận xã hội; Mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ bằng chứng và mối quan hệ của chúng.

+ Nhận biết và xác định được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. Phân biệt được lí lẽ và bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

2/. Phẩm chất:

- **Tình yêu quê hương, đất nước, yêu gia đình.**

B. Phương tiện và học liệu:

- Máy tính, máy chiếu.

- Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, các văn bản truyện ngoài SGK.

C. Tiến trình dạy học:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1: Hướng dẫn HS ôn tập kĩ năng đọc hiểu văn bản NLXH Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm. - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV về các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học.	I. KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU THỂ LOẠI VĂN BẢN NGHỊ LUẬN XH 1. Đặc điểm của văn bản nghị luận xã hội: - NLXH là kiểu VB trong đó tác giả đưa ra ý kiến của mình về một vấn đề XH và dùng các lí lẽ bằng chứng để luận bàn làm sáng tỏ và thuyết phục người đọc về ý kiến đã nêu lên. - Văn bản nghị luận xã hội được viết ra nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một tư tưởng, quan điểm nào

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	đó, hướng tới giải quyết những vấn đề trong cuộc sống. 2/. Các kiểu nghị luận XH: - NLXH Trung đại: - NLXH Hiện đại
** HĐ2: Vận dụng kiến thức đọc hiểu các văn bản thơ sáu chữ, bảy chữ ngoài SGK.* **- GV hướng dẫn HS hoạt động cá nhân làm các bài tập đọc hiểu.** **- HS độc lập thực hiện theo hướng dẫn.** **- GV tổ chức cho HS chấm chữa chéo phần trắc nghiệm; gọi HS chiếu hoặc viết bảng các câu hỏi phần tự luận, HS khác theo dõi đối chiếu với bài làm để nhận xét, bổ sung cho bạn.** **- GV nhận xét, chốt đáp án và lưu ý kĩ năng trả lời câu hỏi đọc hiểu.**	II/. Luyện tập:

BÀI TẬP 1. *Đọc văn bản dưới đây và trả lời câu hỏi:*

(1) Người có tính khiêm tốn thường hay tự cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa. Người có tính khiêm tốn không bao giờ chịu chấp nhận sự thành công của cá nhân mình trong hoàn cảnh hiện tại, lúc nào cũng cho sự thành công của mình là tầm thường, không đáng kể, luôn luôn tìm cách để học hỏi thêm nữa.

(2)Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế? Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la. Sự hiểu biết của mỗi cá nhân không thể đem so sánh với mọi người cùng chung sống với mình. Vì thế, dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi.

(3) Tóm lại, con người khiêm tốn là con người hoàn toàn biết mình, hiểu người, không tự mình đề cao vai trò, ca tụng chiến công của cá nhân mình cũng như không bao giờ chấp nhận một ý thức chịu thua mang nhiều mặc cảm tự ti đối với mọi người.

(4) Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành

công trên đường đời.

(Trích *Tinh hoa xử thế*, Lâm Ngữ Đường, Ngữ văn 7, tập 2, NXB Giáo dục, 2015, tr.70 – 71)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích?

A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm

D. Nghị luận

Câu 2: Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

A. Người có đức tính khiêm tốn. B. Người có đức tính tự lập.

C. Người có đức tính giản dị. D. Cả A - B và C

Câu 3: Mục đích của nghị luận xã hội là……
……..

Câu 4: Ý nghĩa của văn bản nghĩ luận trên là gì?

A. Mọi người cần rèn luyện lối sống khiêm tốn

B. Mọi người cần rèn luyện đức tính giản dị.

C. Mọi người cần rèn luyện đức tính tự lập

D. Cả 3 phương án trên

Câu 5: Câu "*Người có tính khiêm tốn thường hay cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa.*" sử dụng phép liệt kê. Đúng hay sai?

A. Sai B. Đúng

Câu 6: Trong những câu văn sau "Sự hiểu biết của mỗi cá nhân không thể đem so sánh với mọi người cùng chung sống với mình. Vì thế, dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi."sử dụng phép liên kết nào?

A. Phép lặp B. Phép thế C. Phép nối

D. A.B.C đều sai

Câu 7: Em hiểu như thế nào về câu nói sau: "Tài nghệ của mỗi cá nhân tuy

là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước nhỏ giữa đại dương bao la”.?

.....
.....

Câu 8: Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn (1)?

A. Điệp ngữ B. So sánh C. Nhân hoá D. Ẩn dụ

Câu 9: Em đồng tình với ý kiến: "Dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi"?

A. Không đồng tình B. Đồng tình

Câu 10: Vấn đề nghị luận trên đó có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân em?

⇨ GV cung cấp đáp án - HS đối chiếu báo báo kết quả :

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án	D	A		A	B	C		A	B

Câu 3. Thuyết phục mọi người: Đức tính khiêm tốn sẽ đạt thành công...

Câu 7: Tài nghệ của mỗi người quan trọng nhưng hữu hạn, bé nhỏ như “những giọt nước” trong thế giới rộng lớn, mà kiến thức của loài người lại mênh mông như đại dương bao la, vì thế cần khiêm tốn để học hỏi.

Câu 10: HS nêu được:Đoạn trích là bài học sâu sắc giúp ta hiểu rằng:

- Khiêm tốn là phẩm chất tốt đẹp, cao quý của con người.
- Muốn thành công trên con đường đời, mỗi người cần trang bị lòng khiêm tốn.

BÀI 2. Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Mới đây các giáo sư tâm lí học ở Trường Đại học York và Toronto đã tìm ra những bằng chứng để chứng minh rằng: *Đọc sách văn học thực sự giúp con người trở nên thông minh và tốt tính hơn.*

Những nghiên cứu của các giáo sư đã cho thấy những người thường xuyên đọc sách văn học thường có khả năng thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ. Ngược lại những cá nhân có khả năng thấu cảm tốt cũng thường lựa chọn sách văn học để đọc. Sau khi đã tìm thấy mối liên hệ hai chiều ở đối tượng độc giả là người lớn, các nhà nghiên cứu tiếp tục tiến hành với trẻ nhỏ và nhận thấy những điều thú vị, rằng những trẻ được đọc nhiều sách truyện thường có cách ứng xử ôn hòa, thân thiện hơn, thậm chí trở thành những đứa trẻ được yêu mến nhất trong nhóm bạn.

Đọc một nội dung sâu sắc khác với cách đọc "mì ăn liền của chúng ta" khi lướt qua các trang mạng. Hiện tại, việc thực sự đọc, chìm lắng vào một nội dung văn học là việc ngày càng hiếm thấy trong đời sống đương đại.

Theo các nhà tâm lí học, việc chú tâm đọc một nội dung sâu sắc có tầm quan trọng đối với mỗi cá nhân giống như việc người ta cần bảo tồn những công trình lịch sử hay những tác phẩm nghệ thuật quý giá. Việc thiếu đi thói quen đọc nghiêm túc sẽ gây ảnh hưởng tới sự phát triển trí tuệ và cảm xúc của những thế hệ "sống trên mạng".

(Trích *Đọc sách văn học giúp chúng ta thông minh hơn?*

Theo http://www.dantri.com.vn, ngày 12/08/2015)

Câu 1. Vấn đề nghị luận trong văn bản trên là:

. Câu 2. Văn bản trên là nghị luận xã hội. Đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai

Câu 3. Theo em, mục đích chính người viết thể hiện qua đoạn văn trên là gì?

A. Ca ngợi tác dụng của việc đọc sách với con người.

B. Kể lại bí quyết đọc sách của bản thân

C. Nêu lên cảm xúc về những cuốn sách mình yêu thích.

D. Thuyết phục người đọc về tác dụng của đọc sách.

Câu 4. Em có đồng ý với nhận xét "Hiện tại, việc thực sự đọc, chìm lắng vào một nội dung văn học là việc ngày càng hiếm thấy trong đời sống đương đại." không?

A. Đồng ý B. Không đồng ý

Câu 5. "*Theo các nhà tâm lí học, việc chú tâm đọc một nội dung sâu sắc có tầm quan trọng đối với mỗi cá nhân giống như việc người ta cần bảo tồn những công trình lịch sử hay*

những tác phẩm nghệ thuật quý giá." sử dụng phép tu từ gì?

A. Nhân hoá B. So sánh C. Liệt kê D. Nói quá

Câu 6. Dấu ngoặc kép được dùng trong hai trường hợp: *cách đọc "mì ăn liền của chúng ta", những thế hệ "sống trên mạng"* là gì?

A. Dùng để đánh dấu dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc của người nào đó

B. dùng để đánh dấu các từ ngữ có hàm ý mỉa mai.

C. Dùng để đánh dấu đánh dấu những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt

D. đánh dấu tên của các vở kịch, tác phẩm văn học, tờ báo, tập san… dẫn trong câu văn.

Câu 7. Em hiểu: *những thế hệ "sống trên mạng" là gì?*

A. Muốn nói đến những người thường xuyên sử dụng mạng xã hội.

B. Những người coi trọng mạng Internet hơn cuộc sống thực tế.

C. Muốn nói đến những bán hàng trên mạng xã hội.

D. Muốn nói đến những người thích sống ảo..

Câu 8. Văn bản giúp em hiểu được điều gì?

A. Đọc sách rất quan trọng với mỗi người về trí tuệ, nhân cách, tâm hồn.

B. Cần đọc một cách sâu sắc, thấm nhuần nội dung của sách.

C. Chọn sách và đọc có ghi chép là một cách đọc hiệu quả.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu 9. *Việc thiếu đi thói quen đọc nghiêm túc sẽ gây ảnh hưởng tới sự phát triển trí tuệ và cảm xúc của những thế hệ "sống trên mạng".* Em có đồng tình với quan điểm trên không?

A. Đồng tình B. Không đồng tình

Câu 10. Viết khoảng 10 câu trình bày ý kiến của em về ý kiến: Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới?

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án đúng					C			

Câu 10.

HS viết đoạn văn nghị luận ngắn, có lí lẽ và dẫn chứng hợp lí.

- Nội dung: .

- Sách chứa đựng tri thức loài người, được chọn lọc, tích lũy từ ngàn xưa, là công cụ truyền lưu văn hóa nhân loại.
- Sách mở rộng những chân trời mới:
  + Mở rộng hiểu biết về thế giới tự nhiên và vũ trụ.*(bằng chứng)*
  + Mở rộng hiểu biết về loài người, các dân tộc xa lạ: đời sống vật chất, tinh thần, tình cảm, văn hóa của họ *(bằng chứng)*
  + Rèn luyện nhân cách, nuôi dưỡng khát vọng, ước mơ của ta.
-Cần thường xuyên đọc sách:
  + Chọn thời gian và nơi đọc thích hợp.
  + Chọn lọc, tiếp thu những tri thức tốt, bổ sung kiến thức bản thân.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

-Ôn lại để năm vững kiến thức Ngữ văn- Trao đổi về cách đọc hiểu văn bản nghị luận xã hội?

- Ghi lại những nội dung tâm đắc hoặc cần trao đổi.
- Nắm chắc phương pháp đọc hiểu văn bản nghị luận xã hội.

Tiết 77,78,79

Luyện tập thực hành tiếng Việt

Từ Hán Việt, tục ngữ, thành ngữ

A. MỤC TIÊU

1. Năng lực: Giúp HS:

-Củng cố KT về nghĩa và tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, các yếu tố Hán Việt trong văn bản.

- Vận dụng được trong luyện tập viết và nói.
- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng và yêu quý tiếng Việt.
- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, hệ thống các bài tập.

C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

1. Mục tiêu:

- HS ôn tập các kiến thức đã học về đặc điểm chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp và tác dụng của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

2. Nội dung: HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào vở bài tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Ôn tập lí thuyết	
Hướng dẫn học sinh ôn tập kiến thức lí thuyết đã học: - Chuyển giao nhiệm vụ + Thế nào là từ HV, tục ngữ, thành ngữ? - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Hs thảo luận - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	1/. Từ Hán Việt: là từ mượn tiếng Hán 2/. Thành ngữ: + Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh. + Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh... 3/. Tục ngữ: là những câu nói dân gian ngắn gọn, hàm súc, thường có vần điệu, có hình ảnh, nhằm đúc kết kinh nghiệm về thế giới tự nhiên và đời sống con người.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về đặc điểm chức năng từ HV, tục ngữ, thành ngữ.

2. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

3. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

II. Thực hành

Hướng dẫn học sinh làm các bài tập

***Cách thức chung:**

- GV yêu cầu HS làm bài tập theo cá nhân hoặc cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập, xác định các yêu cầu của bài.

- HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.

- HS trình bày, nhận xét.
- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Hs thảo luận.

- Gv quan sát, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

***/. Bài 1:**

a/. Hãy trình bày những hiểu biết của em về tục ngữ (hình thức, nội dung, các nghĩa,…)

b/. Hãy trình bày những hiểu biết của em về từ Hán Việt.

c/. Ghép các thành ngữ, tục ngữ (in đậm) ở cột bên trái với nghĩa phù hợp ở cột bên phải:

Thành ngữ, tục ngữ	Nghĩa
a) Dã tâm của quân giặc đã hai năm rõ mười. (Nguyễn Huy Tưởng)	1) khi đất nước có giặc, bổn phận của mọi người dân là phải đứng lên đánh giặc
b) Chữ đề phải quang minh chính đại như ban ngày. (Nguyễn Huy Tưởng)	2) chịu đựng nắng mưa, sương gió qua nhiều năm tháng
c) Hầu muốn luyện cho mình thành một người có thể dãi gió dầm mưa. (Nguyễn Huy Tưởng)	3) có sức mạnh phi thường, có thể làm được những việc to lớn
d) Họ nhìn lá cờ đỏ thêu sáu chữ vàng, lòng họ bừng bừng, tay họ như có thể xoay trời chuyển đất. (Nguyễn Huy Tưởng)	4) ngay thẳng, đúng đắn, rõ ràng, không chút mờ ám
e) Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh. (Tục ngữ)	5) (sự việc) quá rõ ràng, sáng tỏ, không còn nghi ngờ gì nữa

/. Bài 2.** ***Điền các từ ngữ Hán Việt : thành tích, thành tựu, thành quả, hiệu quả, kết quả, nguyện vọng, hi vọng vào chỗ trống trong các câu sau cho thích hợp :

a) Nhân dân ta đã đạt được nhiều… trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

b) Nhà trường đã khen thưởng các em học sinh có… học tập tốt.

c) Nhân dân Việt Nam cương quyết bảo vệ các… của cách mạng.

d) Chúng tôi đã dùng nhiều biện pháp kĩ thuật đối với khu đất này, nhưng đến nay vẫn chưa có…

đ) Có chăm chỉ học tập thì… học tập mới cao.

e) Bác Hồ suốt đời ôm ấp một… là nước nhà được độc lập, thống nhất, nhân dân được no ấm, tự do.

g) Con ngoan ngoãn, chăm chỉ, mẹ… nhiều ở con.

/. Bài 3. Đọc đoạn văn sau :

Hoài Văn Hầu làm trái phép nước, tội ấy đáng lẽ không dung. Nhưng Hoài Văn còn trẻ, tình cũng đáng thương, lại biết lo cho vua, cho nước, chí ấy đáng trọng.

Vua ***truyền*** cho hai chú cháu đứng dậy và nói tiếp…
(Nguyễn Huy Tưởng)

Hãy giải thích nghĩa của các từ dung, truyền. Hai từ này góp phần tạo sắc thái gì cho đoạn văn ?

/. Bài 4:** ***Đọc bài thơ sau :

Chiều trời bảng lảng bóng ***hoàng hôn***
Tiếng ốc xa đưa vẳng trống đồn
Gác mái ***ngư ông*** *về viễn phố*
Gõ sừng ***mục tử*** *lại cô thôn*
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi
Dặm liễu sương sa khách bước dồn
Kẻ chốn Chương Đài người ***lữ thứ***
Lấy ai mà kể nỗi ***hàn ôn.***

(Bà Huyện Thanh Quan)

Hãy giải thích nghĩa của các từ in đậm. Các từ Hán Việt đó tạo sắc thái gì cho bài thơ?

***/. Bài 5: Phân biệt tục ngữ - thành ngữ.**
a/. Tục ngữ:
- Là một câu nói hoàn chỉnh, diễn đạt trọn vẹn một ý mang nội dung nhận xét quan hệ xã hội, truyền đạt kinh nghiệm sống, cho bài học luân lý hay phê phán sự việc.
- Tục ngữ có thể được coi là một "tác phẩm văn học" hoàn chỉnh vì nó mang trong mình cả ba chức năng cơ bản của văn học là chức năng nhận thức, chức năng thẩm mỹ và chức năng giáo dục.
- Ví dụ như câu tục ngữ Việt Nam "Thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông cũng cạn" diễn đạt một nhận xét về sức mạnh đoàn kết, một kinh nghiệm sống và làm việc có hoà hợp thì mới đem lại kết quả, một luân lý trong quan hệ vợ chồng.
- Chức năng nhận thức trong câu tục ngữ này là giúp cho con người hiểu được cơ sở của quan hệ vợ chồng là bình đẳng, dân chủ và thông cảm với nhau.
- Chức năng giáo dục của nó là góp phần đưa tình cảm giữa người và người theo hướng tốt đẹp trong quan hệ vợ chồng nói riêng và trong quan hệ xã hội nói chung.
- Chức năng thẩm mỹ của nó là để truyền tải nội dung nên người ta đã dùng cách nói cường diệu và có hình ảnh khiến người đọc dễ bị thuyết phục và tiếp thu.

b/. Thành ngữ:
- Là một cụm từ cố định đã quen dùng. Xét về mặt ngữ pháp thì nó chưa thể là một câu hoàn chỉnh, vì thế nó chỉ tương đương với một từ.

- Thành ngữ không nêu lên một nhận xét, một kinh nghiệm sống, một bài học luân lý hay một sự phê phán nào cả nên nó thường mang chức năng thẩm mỹ chứ không có chức năng nhận thức và chức năng giáo dục, mà thiếu hai chức năng này thì nó không thể trở thành một tác phẩm văn học trọn vẹn được. Cho nên, thành ngữ thuộc về ngôn ngữ.
- Ví dụ trong tiếng Việt, thành ngữ "mặt hoa da phấn" chỉ nói lên vẻ đẹp yêu kiều của người phụ nữ, nhưng nó không nêu lên được một nhận xét, một lời khuyên hay một sự phê phán nào cả. Vì thế, dù được diễn đạt một cách bóng bảy, có hình ảnh (chức năng thẩm mỹ), thành ngữ trên không mang lại cho người ta một hiểu biết về cuộc sống và một bài học nào về quan hệ con người trong xã hội (chức năng nhận thức và chức năng giáo dục).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Ôn lại nội dung bài.

Tiết 80,81,82,83,84:

LUYỆN TẬP VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐẶT RA TRONG TÁC PHẨM

A. MỤC TIÊU

1. Năng lực: Giúp HS:

- Luyện viết bài nghị luận về một vấn đề của xã hội. Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích được tại sao vấn đề này đáng được bàn đến.
- Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.
- Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.
- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.
- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: hệ thống các đề, các văn bản thuyết minh về những hiện tượng thiên nhiên gần gũi, giàu ý nghĩa.

C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

2. Nội dung: Gv sử dụng phương pháp gợi mở đàm thoại để học sinh chia sẻ trải nghiệm của bản thân

3. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ *+ Chia sẻ kiến thức về dạng bài.* *+ Điều gì em đã làm được. Em đang còn gặp khó khăn ở khâu nào?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. *Chia sẻ kiến thức về dạng bài* - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ, gợi mở. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Hs chia sẻ hiểu biết về kiểu bài cho các bạn, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét. - Gv quan sát, lắng nghe, gợi mở.	***1/. Để viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học, các em cần chú ý:*** 1/. Vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học mà bài viết nêu lên cần thiết thực và giàu ý nghĩa. 2/. Người viết cần thể hiện rõ ý kiến của mình về vấn đề đã nêu lên. 3/. Vấn đề và ý kiến của người viết phải được làm sáng tỏ bằng các lí lẽ và bằng chứng phong phú, chính xác, có sức thuyết phục,… 4/. Ý kiến, lí lẽ và bằng chứng cần có quan hệ chặt chẽ, tập trung làm rõ vấn đề; giữa các đoạn văn trong thân bài cần có câu chuyển đoạn. **2/.** Kiểu bài nghị luận bàn về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học giống

Bước 4: Kết luận, nhận đinh GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	và khác kiểu bài nghị luận về một vấn đề của đời sống (Bài 4) như thế nào? **Trả lời:** a/. Giống nhau: Cả hai đề bài đều liên quan đến vấn đề xã hội, đời sống; người viết cần có những hiểu biết về xã hội, cuộc sống để nêu lí lẽ và bằng chứng cụ Bằng chứng có thể từ đời sống, có thể từ tác phẩm văn học. b/. Khác nhau: - Kiểu bài nghị luận bàn về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học phải liên quan đến một hay nhiều tác phẩm văn học. Với kiểu bài này, người viết phải hiểu tác phẩm văn học, phải giới thiệu, phân tích và chỉ ra vấn đề xã hội trong tác phẩm trước khi bàn luận sang vấn đề ấy thể hiện trong cuộc sống như Do thế nào. - Kiểu bài nghị luận về một vấn đề của đời sống không liên quan đến các tác phẩm văn học. Tuy vậy, ở kiểu bài này, bên cạnh bằng chứng lấy từ đời sống là chính, có thể lấy cả bằng chứng từ các tác phẩm văn học.

HOẠT ĐỘNG 2 : ÔN TẬP KIẾN THỨC DẠNG BÀI

1. Mục tiêu: Nhớ lại các kiến thức, yêu cầu cơ bản về dạng bài viết.

2. Nội dung: Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

*GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức cách viết bài văn nghị luận về một vấn dề xã hội đặt ra trong tác phẩm.

II. Thực hành luyện tập:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Phần chuẩn bị chúng ta phải làm những gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. *Chia công việc phần chuẩn bị.* - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ, gợi mở. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Hs chia sẻ hiểu biết về phần chuẩn bị cho các bạn, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét. - Gv quan sát, lắng nghe, gợi mở. **Bước 4: Kết luận, nhận đinh** GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	**Đề 1:** ***Từ các tác phẩm đã học, hãy phát biểu suy nghĩ của em về những biểu hiện của tình yêu Tổ quốc.*** ***1/. Chuẩn bị:*** - Đọc kĩ và tìm hiểu đề để biết các thông tin chính trước khi viết: + Trọng tâm cần làm rõ: các biểu hiện khác nhau của tình yêu Tổ quốc. + Kiểu văn bản chính: nghị luận xã hội. + Phạm vi bằng chứng: từ thực tế cuộc sống, từ kiến thức lịch sử và các tác phẩm thơ văn liên quan,… - Nhớ lại những trang lịch sử oai hùng và đầy tự hào của dân tộc (sự kiện, con người, …) - Xem lại các văn bản Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta, Chiếu dời đô, Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?,…trong Bài 5. - Ghi chép những nội dung liên quan và chuẩn bị tranh, ảnh, sơ đồ, bảng biểu về các sự kiện, con người tiêu biểu (nếu có).
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Phần tìm ý chúng ta phải làm những gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Chia công việc	***2/. Tìm ý và lập dàn ý:*** ***/. **Tìm ý:** với đề văn nêu trên, có thể tiến hành tìm ý dựa vào cách suy luận từ khái quát đến cụ thể. Ví dụ: + Xác định vấn đề (ý khái quát): các biểu hiện khác nhau của tình yêu Tổ quốc. + Phát triển ý khái quát thành các ý lớn:

phần tìm ý và lập dàn ý. - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ, gợi mở. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Hs chia sẻ hiểu biết về phần chuẩn bị cho các bạn, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét. - Gv quan sát, lắng nghe, gợi mở. Bước 4: Kết luận, nhận đinh GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	yêu đất nước, con người; quý trọng văn hóa dân tộc; tự hào về lịch sử dân tộc; góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;… + Phát triển ý lớn thành các ý nhỏ. Ví dụ: Yêu đất nước, con người có thể là yêu làng xóm quê hương, yêu thiên nhiên, yêu gia đình và con người,… Từ các ý đã tìm được, các em có thể trình bày bằng một sơ đồ: ý khái quát (tình yêu Tổ quốc); ý phát triển là các nhánh ý lớn và các nhánh ý nhỏ: */. **Lập dàn ý:** trên cơ sở các ý đã tìm được, có thể lập dàn ý theo bố cục ba phần: a/. Mở bài: Nêu ý khái quát: các biểu hiện của tình yêu Tổ quốc. b/. Thân bài: + Yêu đất nước, con người: …. + Quý trọng văn hóa dân tộc: …. + Tự hào về lích ử dân tộc: …. + Góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: …. c/. Kết bài: khẳng định: tình yêu Tổ quốc thật đa dạng, phong phú ***3/. Viết đoạn:***

****/. Bài tham khảo:***

a/. Mở bài:

Đất nước Việt Nam ta có rất nhiều truyền thống tốt đẹp và quý báu, đặc biệt là truyền thống yêu nước. Biểu hiện của tình yêu Tổ quốc cũng thật phong phú và đa dạng.

b/. Thân bài:

Tình yêu Tổ quốc, lòng yêu nước là tình cảm, tình thương sâu sắc của mình đối với quê hương, đất nước, muốn cống hiến hết mình vì muốn đất nước giàu mạnh và vững chắc. Lòng yêu nước được tồn tại trong mỗi con dân Việt Nam chúng ta, từ đời ông cha truyền xuống đời cháu chắt.

Trước hết nói đến tình yêu Tổ quốc là nói đến tình yêu đất nước, con người, yêu gia đình thân thương, yêu xóm làng, yêu quê hương. Biểu hiện thứ hai là sự quý trọng văn hóa dân tộc, bảo tồn tiếng nói của cha ông, gìn giữ những nét phong tục, tập quán, những truyền thống đạo đức. Tự hào về lịch sử dân tộc là biểu hiện thứ ba của tình yêu Tổ quốc. Đó là niềm kiêu hãnh về những giá trị văn hóa nghệ thuật, về truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của cha ông ta. Và đặc biệt, vì yêu Tổ quốc mà mỗi người dân đất Việt sẽ chung tay góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong những biểu hiện cụ thể hơn như học tập, lao động và bảo vệ đất nước. Còn vô vàn những biểu hiện khác nhau nữa của tình yêu Tổ quốc.

Khi đọc những văn bản nghị luận trung đại và hiện đại ta sẽ thấy rõ nét hơn cả những biểu hiện của tình yêu Tổ quốc của nhân dân ta được gửi gắm trong đó. "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn đã nêu lên vấn đề thái độ và hành động của tướng sĩ trước nguy cơ xâm lược của ngoại bang. Bài Hịch phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, thể hiện lòng căm thù giặc và ý chí quyết thắng. "Nước Đại Việt ta" (trích Bình Ngô đại cáo) của Nguyễn Trãi lại khẳng định Việt Nam là nước độc lập, có nền văn hiến và lịch sử rất đáng tự hào. "Chiếu dời đô" của Lý Công Uẩn trình bày lí do và ý nghĩa của việc dời thủ đô về đất Thăng Long. Bài Chiếu phản ánh khát vọng của nhân dân về một dân tộc độc lập thống nhất đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt trên đà lớn mạnh. Đến văn bản nghị luận hiện đại "Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?" (Dương Trung Quốc) nêu lên vấn đề: Làm thế nào để đất nước Việt Nam mãi trường tồn và phát triển ngày càng lớn mạnh? Như vậy có thể thấy tình yêu Tổ quốc thật đa dạng và phong phú biết bao!

Biểu hiện của lòng yêu nước cũng nằm ngay trong ý thức, hành động hàng ngày của mỗi chúng ta. Trong thời chiến, nó sục sôi và cuộn trào cùng các cuộc khởi nghĩa, cùng lớp lớp thanh niên sẵn sàng hi sinh tính mạng khi lên đường nhập ngũ.

Trong thời bình, mỗi người thể hiện tình yêu nước bằng cách chăm chỉ trau dồi tri thức, cần cù lao động và rèn luyện đạo đức với ước mong đem đến cuộc sống tươi đẹp hơn cho bản thân, gia đình và dân tộc mình. Cứ như vậy, lòng yêu nước đã truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, trở thành nguồn sức mạnh vô giá, thành sợi dây nối kết trái tim của những "con Lạc cháu Hồng", giúp ta có thể lập nên những chiến công "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu".

c/. Kết bài:

Chính tình yêu nước của thế hệ đi trước đã tạo dựng niềm tin cho thế hệ mai sau. Dù thế hệ trẻ có lập nghiệp nơi đâu trên địa cầu rộng lớn, những con người Việt Nam ta vẫn luôn giữ trong trái tim mình tình yêu nước nồng nàn, để nhớ, để ngưỡng vọng và cũng để khao khát được làm điều gì đó cho mảnh đất hình chữ S thân thương Việt Nam.

Đề 2. ***Viết bài văn nghị luận về lòng yêu thương con người trong cuộc sống.***

I/. Phân tích dề:

- Kiểu bài: NL về một vấn đề trong đời sống (tư tưởng đạo lý)
- Nội dung: tình yêu thương
  + Giải thích ngắn (thế nào là tình yêu thương)
  + Biểu hiện của tình yêu thương
  + Ý nghĩa của tình yêu thương
  + Bài học
- Phạm vi: trong đời sống

II/. Dàn ý:

1/. Mở bài:

+ Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận.

+ Nêu vấn đề: Tình yêu thương trong cuộc sống.

*/. Gợi ý:

Còn gì đẹp trên đời hơn thế
Người với người sống để yêu nhau
(Tố Hữu)

2/. Thân bài:

a/. Giải thích ngắn VĐNL:

- Trước hết ta cần phải hiểu thế nào là tình yêu thương?

- Ta hiểu tình yêu thương là tình cảm nồng nhiệt, là sự quan tâm, đồng cảm, chia sẻ một cách chân thành… là làm những điều tốt đẹp cho mọi người, nhất là những người đang gặp khó khăn hoạn nạn.

b/. Biểu hiện của tình yêu thương:

+ Biểu hiện của tình yêu thương được thể hiện rất đa dạng phong phú trong nhiều hoàn cảnh với nhiều hành động, việc làm khác nhau.

- Trong gia đình, tình yêu thương được thể hiện ở việc cha mẹ chấp nhận hi sinh, vất vả, cực nhọc để lo cho con cái; ngược lại con cái biết nghe lời cha mẹ, giúp đỡ, chăm sóc cha mẹ, ông bà những lúc ốm đau, già yếu. Trong gia đình, tình yêu thương còn được thể hiện ở sự hòa thuận, quý mến giữa các anh chị em.

- Ở trường lớp, tình cảm yêu thương cũng được thể hiện một cách sâu rộng.

+ *Các thầy cô* đã thể hiện tình yêu thương với học trò qua thái độ ân cần, tận tuỵ kiên trì giảng giải cặn kẽ để các em HS có thể hiểu rõ bài học, thể hiện ở sự đồng cảm, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn vất vả của các em HS…

+ *Tình yêu thương của các bạn HS cũng được thể hiện bằng nhiều việc làm cảm động*: các bạn trong lớp, trong trường đã chủ động chia sẻ với các bạn có hoàn cảnh khó khăn. Đã có biết bao đôi bạn cùng tiến, biết bao tấm gương cõng bạn đến trường, bao hoạt động quyên góp ủng hộ bạn nghèo của HS…

-Ở ngoài xã hội: Tình yêu thương được thể hiện ở việc cưu mang, giúp đỡ những người gặp khó khăn, hoạn nạn, lên án, đấu tranh chống lại cái ác đã đày đọa con người. Tình yêu thương được biểu hiện ở hành động nhường chỗ cho cụ già trên xe bus, chia sẻ phần ăn sáng của mình cho em bé đang đói bụng, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, quan tâm chia sẻ với họ cả vật chất lẫn tinh thần…

c/. Ý nghĩa của tình yêu thương:

- Tình yêu thương có ý nghĩa vô cùng quan trọng, nó mang đến cho con người biết bao điều tốt đẹp.

- Tình yêu thương sưởi ấm tâm hồn cho những người cô đơn, bất hạnh, truyền cho họ sức mạnh, nghị lực để họ vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

- Tạo sức mạnh cảm hóa kì diệu với những người lầm đường, lạc lối, mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin cơ hội để họ có cuộc sống tốt đẹp.

- Người cho đi yêu thương cũng sẽ nhận lại sự bình yên, thanh thản và niềm hạnh phúc trong tâm hồn.

- Tình yêu thương con người còn là cơ sở để hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp khác như lòng biết ơn, dũng cảm, vị tha. Tình yêu thương sẽ khiến cho con người trở nên tốt đẹp hơn, là cơ sở tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh giữa con người với con người. Thúc đẩy tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng, là cơ sở để xây dựng một xã hội văn minh, tốt đẹp, hạnh phúc.

+ Dẫn chứng về tình yêu thương

- Trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm, nhân dân ta đã yêu thương đùm bọc nhau để chống lại kẻ thù xâm lược. Có biết bao nhiêu bà mẹ VN đã nuôi giấu bộ đội như con đẻ của mình, biết bao nhiêu chiến sĩ coi đồng đội của mình như anh em ruột thịt, sẵn sàng đồng cam cộng khổ, thậm chí hi sinh cả tính mạng của mình để cứu đồng đội.
- Ngày nay, nhân dân ta thể hiện tình yêu thương qua những hành động cụ thể như giúp đỡ nhau để xoá đói giảm nghèo, chia sẻ kinh nghiệm làm giàu, giúp nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Hay mỗi khi một vùng nào trong cả nước gặp thiên tai hạn hán, lũ lụt thì nhân nhân cả nước cũng như kiều bào ở nước ngoài cùng chung tay giúp đỡ chia sẻ vật chất, động viên tinh thần để họ có thể ổn định cuộc sống.
- Nhiều phong trào nhân đạo được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng như "*Trái tim cho em*", "*Lục lạc vàng*", "*Vì bạn xứng đáng*", "*Cặp lá yêu thương*", "*Hiến máu nhân đạo*"...

- Phê phán:

- Bên cạnh những người sống có tình yêu thương thì trong XH vẫn còn những người sống thiếu tình thương thờ ơ, vô cảm, dửng dưng trước nỗi đau của những người xung quanh.
- Họ ích kỉ, chỉ nghĩ đến bản thân mình, nhận vào thật nhiều nhưng không muốn cho đi, không quan tâm, giúp đỡ người khác. Hay những người thể hiện tình yêu thương mà thiếu đi sự chân thành… Những người đó thật đáng lên án, phê phán.

- Lời khuyên:

+ Cần nhận thức được tình yêu thương là lẽ sống cao cả của con người, sống có tình thương thì con người sẽ thấy hạnh phúc.

+ Yêu quý, trân trọng và ngưỡng mộ những người sống giàu lòng yêu thương.

+ Rèn luyện cho mình lối sống biết yêu thương với tất cả mọi người. Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác lúc gặp khó khăn. Sống có trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình và những người xung quanh.

- Tham gia các phong trào ủng hộ, các hoạt động từ thiện: chăm sóc người già yếu, bệnh tật, an ủi người đau thương, giúp đỡ trẻ mồ côi, đồng bào bị thiên tai, dịch bệnh...

3/. Kết bài:

- Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa, vai trò của tình yêu thương và rút ra bài học, liên hệ bản thân.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập nói nghe vào vở; tự luyện tập ở nhà.

- Ôn tập các nội dung đã học.

Tiết 85,86

LUYỆN NÓI VÀ NGHE

TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

a. Năng lực đặc thù

- Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác

b. Năng lực chung

- NL giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.
- NL tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2. Về phẩm chất

- Kỉ luật, biết lắng nghe

- Chăm chỉ: chăm học, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Một số hình ảnh, phiếu liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

2. Nội dung: Gv sử dụng phương pháp gợi mở đàm thoại để học sinh chia sẻ trải nghiệm của bản thân

3. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi gợi dẫn: + Hãy nêu mục đích của việc thuyết trình về vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học. + Theo em, khi tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm VH cần lưu ý những gì? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS trả lời câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK).	I. Ôn tập lí thuyết 1. Mục đích của việc tóm tắt thuyết trình về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm VH. - Nắm bắt nội dung chính của bài nói - Giúp truyền đạt thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả - Rèn luyện kĩ năng tìm ý, lập dàn ý khi thực hành nói hoặc viết 2. Những lưu ý khi khi tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề đặt ra

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	trong tác phẩm VH: - Tính chính xác: Nội dung bản tóm tắt phải đúng với những thông tin trong bài gốc, tránh làm sai lệch. - Dung lượng: Bản tóm tắt cần đảm bảo dung lượng theo yêu cầu, tránh dài dòng.

2.2. Luyện tập

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
**/. Giao nhiệm vụ học tập:* - GV tổ chức hướng dẫn cho các nhóm trưởng, đội trưởng phân công chuẩn bị nội dung thảo luận cho các thành viên. Mỗi thành viên cần xem lại nội dung nghị luận về 1 vấn đề của đời sống đã làm trogn phần viết. - Chú ý các hướng dẫn trogn mục 1. Định hướng để nắm được cách tóm tắt nội dung chính khi nghe. - Nhóm trưởng, đội trưởng cùng với các thành viên trong nhóm thống nhất các nội dung về mục tiêu và thời gian thảo luận trong phiếu học tập.	II. Thực hành: **/. Đề bài: tóm tắt nội dung bạn thuyết trình giới thiệu về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm VH.* 1. Chuẩn bị: - Đọc kĩ và tìm hiểu đề để biết các thông tin chính trước khi nói: + Trọng tâm cần làm rõ: + Kiểu văn bản chính: + Phạm vi bằng chứng cần huy động: 2. Nói và nghe: * Người nói

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:* HS thực hiện nhiệm vụ chọn nhóm trưởng HS hoàn thành phiếu học tập trong 2 phút. Các đội nhóm cùng thống nhất nội dung và hoàn thành phiếu học tập về mục tiêu, thời gian thảo luận. **Báo cáo, thảo luận*: **Kết luận, nhận định:* - GV ghi chú thông tin về các nhóm, có thể điều phối thành viên cho cân đối giữa các nhóm; ghi nhận ý kiến và nội dung chuẩn bị của HS trong các đội; ghi nhận mục tiêu và thời gian thảo luận với các nhóm theo nội dung các câu hỏi trong phiếu học tập. - GV gợi mở, hướng dẫn HS	- Nội dung trình bày: + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể. + Nội dung phong phú, có trọng tâm, được trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề. + Nội dung giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thỏa đáng. - Hình thức trình bày: + Bài trình bày có bố cục rõ ràng. + Các nội dung minh họa có chất lượng. + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp. + Có sự sáng tạo, tạo được điểm nhấn cho nội dung trình bày. - Tác phong, thái độ trình bày: + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp. + Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, hoặc không có những từ ngữ chêm xen (à, ờ, thì, mà, là,…). + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng. + Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày. * Người nghe - Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày; những nội dung cần hỏi lại. - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích

	lệ người nói. - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày. 3. Kiểm tra và chỉnh sửa * Người nói - Lắng nghe nhận xét của các bạn và thầy, cô về bài trình bày. - Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày,… - Tự đánh giá: + Điều em hài lòng về bài trình bày của mình là gì? + Điều gì em muốn thay đổi trong bài trình bày đó? * Người nghe - Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì,… - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày. - Đánh giá: + Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao? + Điều em học được từ bài trình bày của bạn là gì?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập nói nghe vào vở; tự luyện tập ở nhà.

- Ôn tập các nội dung đã học.

BÀI 6 *Ngày soạn .....* *Ngày dạy:.....*	**TIẾT: 87, 88, 89, 90, 91:** **LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU MỚI – TRUYỆN**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực:

- HS biết cách đọc hiểu một văn bản truyện.

- Mở rộng kĩ năng đọc hiểu văn bản cùng thể loại ngoài sách giáo khoa.

- HS hiểu và làm được bài tập về nhận biết, và sử dụng được từ ngữ toàn dân, từ địa phương và biệt ngữ xã hội trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

- HS biết cách, làm được bài văn phân tích tác phẩm truyện.

2. Phẩm chất

- Trân trọng những hành động và suy nghĩ nhân hậu, trong sáng; biết thông cảm và chia sẻ trước cảnh ngộ của người khác.
- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, bài tập đọc hiểu tham khảo.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề ôn tập.

2. Nội dung hoạt động: Trò chơi "**Đây là ai?"**

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Trò chơi: Đây là ai?

- GV hướng dẫn HS xem hình ảnh một số nhà văn (Thạch Lam, Nam Cao, Thanh Tịnh, Nguyễn Ngọc Tư, Ê-xu-pe-ri, Ai-ma-tốp,...)

- GV chia lớp thành 3 đội chơi (mỗi đội chọn 3 thành viên đại diện tiếp sức cho nhau) lên bảng viết tên nhà văn và tên những tác phẩm của nhà văn đó.

- Yêu cầu: Đội nào đoán đúng nhiều hơn trong vòng 1 phút sẽ chiến thắng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe, quan sát, suy nghĩ chuẩn bị trả lời câu hỏi theo nhóm.

- GV khích lệ, động viên.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập

- GV gọi đại diện HS các đội chơi lên bảng cùng lúc trả lời câu hỏi,

- HS khác nhận xét phần thể hiện của bạn sau khi bạn thực hiện xong.

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài ôn tập.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 6.

HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Mục tiêu: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của Bài 6- **Truyện**

2. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

4. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1: Hướng dẫn HS ôn tập kĩ năng đọc hiểu truyện **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm. - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV về các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học. 1- Xác định một số đặc điểm của tác phẩm truyện qua các câu hỏi: *- Thế nào là nhân vật chính trong tác phẩm truyện?* *- Chi tiết tiêu biểu trong tác phẩm truyện có đặc điểm gì?* *2- Phân biệt các khái niệm đề tài và chủ đề của tác phẩm truyện? Để xác định đề tài, chủ đề của tác phẩm người ta làm cách nào?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên. **Bước 3: Báo cáo sản phẩm** - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của	**I. KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU THỂ LOẠI TRUYỆN** **1. Một số đặc điểm của văn bản truyện** - *Nhân vật chính* là nhân vật quan trọng nhất của truyện, có những hành động, quyết định tác động đến cốt truyện và diễn tiến các sự kiện trong truyện, thể hiện rõ nhất tư tưởng, chủ đề của truyện - *Chi tiết tiêu biểu* là những chi tiết chọn lọc, có giá trị biểu đạt và thẩm mĩ vượt trội trong truyện, có thể mang lại sự bất ngờ, gây chú ý hoặc sự thích thú đối với người đọc và góp phần quan trọng trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. **2. Cách xác định đề tài, chủ đề trong tác phẩm văn học** **a. Khái niệm về đề tài, chủ đề** - **Đề tài:** là phạm vi cuộc sống được miêu tả trong văn bản. - **Chủ đề:** là vấn đề chính được thể hiện trong văn bản. **b. Cách xác định đề tài, chủ đề tác phẩm** - Để xác định đề tài, người ta thường đặt câu hỏi: *Tác phẩm viết về cái gì (hiện tượng,*

GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, nhận xét** GV nhận xét, chốt kiến thức. * GV nêu câu hỏi cho HS nhắc lại các kiến thức lí thuyết về đặc trưng thể loại truyện. **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp. - HS trả lời nhanh câu hỏi của GV: *Hãy chia sẻ kinh nghiệm của em khi đọc thể loại truyện?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên. **Bước 3: Báo cáo sản phẩm** - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, nhận xét**	*phạm vi cuộc sống)?* - Để xác định chủ đề, người ta thường trả lời câu hỏi: *Vấn đề cơ bản mà tác phẩm nêu lên là gì?* **Ví dụ:** Truyện *Lão Hạc* của Nam Cao: + Đề tài: người nông dân trong xã hội cũ. + Chủ đề: Cuộc sống cùng khổ và nhân phẩm con người **3. Cách đọc thể loại truyện** - Tạo hiểu biết ban đầu: tìm hiểu tác giả, tác phẩm. Chú ý hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. - Đọc kĩ văn bản, tóm tắt kể lại được cốt truyện. - Xác định và phân tích được ngôi kể, lời người kể chuyện, lời nhân vật, tình huống, đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu trong truyện, … - Phân tích, đánh giá được đặc điểm của nhân vật và vai trò của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

2. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

3. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao phiếu học tập cho HS

- HS đọc đề, thực hiện các yêu cầu:

+ Đọc ngữ liệu (đọc lướt, đọc đánh dấu, …)

+ Đọc câu, đánh dấu từ ngữ quan trong trong câu hỏi/ Trả lời.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ.

- HS viết bài dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

- GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.
- HS:
+ Đọc sản phẩm của mình.
+ Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS.

III. THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

ĐỀ SỐ 1

Đọc văn bản sau:

"Bây giờ thì hắn trở thành mõ thật rồi. Một thằng mõ đủ tư cách mõ, chẳng chịu kém một anh mõ chính tông một tí gì: cũng đê tiện, cũng lầy là, cũng tham ăn.

(...)

Không! Lộ sinh ra là con một ông quan viên tử tế, hẳn hoi. Và chỉ mới cách đây độ ba năm, hắn vẫn còn được gọi là anh cu Lộ.

(...)

Những lời tiếng mỉa mai truyền từ người nọ đến người kia. Lộ thấy những bạn bè cứ lảng dần. Những người ít tuổi hơn, nói đến hắn, cũng gọi bằng thằng. Trong những cuộc hội họp, nếu hắn có vui miệng nói chõ vào một vài câu, nhiều người đã ra vẻ khinh khỉnh, không thèm bắt chuyện… Hắn nhận thấy sự thay đổi ấy, và bắt đầu hối hận. Nhưng sự đã trót rồi, biết làm sao được nữa? Hắn tặc lưỡi và nghĩ bụng: "Tháng ba này, thằng nào thằng ấy đến ba ngày không được một bát cơm, dãi nhỏ ra, hết còn làm bộ!…" Một ý phẫn khích đã bắt đầu nảy mầm trong khối óc hiền lành ấy… Một hôm, trong một đám khao, Lộ vừa chực ngồi cỗ thì ba người ngồi trước đứng cả lên. Lộ ngồi trơ lại một mình. Mặt hắn đỏ bừng lên. Hắn do dự một lúc rồi cũng phải đứng lên nốt, mặt bẽn lẽn cúi gầm xuống đất. Chủ nhà hiểu ba anh kia có ý gai ngạnh không chịu ngồi chung với mõ. Ông tìm một người khác, xếp vào cho đủ cỗ, và an ủi Lộ:

- Chú ăn sau cũng được.

Lộ ầm ừ cho xong chuyện, rồi nhân một lúc không ai để ý, lẻn ra về. Hắn tấm tức rất lâu. Trông thấy vợ, hắn cúi mặt, không dám nhìn thị, làm như thị đã rõ cái việc nhục nhã vừa rồi. Hắn thở ngắn thở dài, lắm lúc hắn muốn bỏ phắt việc, trả lại vườn cho họ đỡ tức. Nhưng nghĩ thì cũng tiếc. Hắn lại tặc lưỡi một cái, và nghĩ bụng: "Mặc chúng nó!…" Hắn chỉ định từ giờ chẳng đi ăn cỗ đám nào nữa là ổn chuyện… Nhưng khổ một nỗi, không đi, không được. Đám nào có ăn, tất nhiên chủ nhân không chịu để hắn về. Làm cỗ cho cả họ ăn còn được, có hẹp gì một cỗ cho thằng sãi? Để nó nhịn đói mà về, nó chửi thầm cho. Mà thiên hạ người ta cũng cười vào mặt, là con người bủn xỉn… Ấy, người ta cứ suy hơn, tính thiệt như vậy, mà nhất định giữ thằng sãi lại. Không ai chịu ngồi với hắn, thì hắn sẽ ngồi một mình một cỗ trong bếp, hay một chỗ nào kín đáo cho hắn ngồi…

Mới đầu, Lộ tưởng ngồi như thế, có lẽ là yên ổn đấy. Nhưng người ta tồi lắm. Người ta nhất định bêu xấu hắn. Trong nhà đám, một chỗ dù kín đáo thế nào, mà chả có người chạy qua, chạy lại. Mỗi người đi qua lại hỏi hắn một câu:

- Lộ à, mày?

Cũng có người đế thêm:

- Chà! Cỗ to đấy nhỉ? Đằng ấy hoá ra lại … bở!

A! Thế ra họ nói kháy anh cu Lộ vậy, cáu lắm. Hắn tặc lưỡi một cái và nghĩ bụng: "Muốn nói, ông cho chúng mày nói chán! Ông cần gì!..." Hắn lập tức bê cỗ về sân, đặt lên phản, ung dung ngồi. Nói thật ra, thì hắn cũng không được ung dung lắm. Tai hắn vẫn đỏ như cái hoa mào gà, và mặt hắn thì bẽn lẽn muốn chữa thẹn, hắn nhai nhồm nhoàm và vênh vênh nhìn người ta, ra vẻ bất cần ai. Sau cái bữa đầu, hắn thấy thế cũng chẳng sao, và bữa thứ hai đã quen quen, không ngượng nghịu gì mấy nữa. Bữa thứ ba thì quen hẳn. Muốn báo thù lại những anh đã cười hắn trước, tự hắn đi bưng lấy cỗ, và chọn lấy một cỗ thật to để các anh trông mà thèm. Bây giờ thì đến lượt người chủ không được bằng lòng. Có một mình nó ăn mà đòi một cỗ to hơn bốn người ăn!...

- Mẹ kiếp! Không trách được người ta bảo: "Tham như mõ".

A! Họ bảo hắn là mõ vậy... Tham như mõ vậy!... Đã vậy thì hắn tham cho mà biết!... Từ đấy, không những hắn đòi cỗ to, lúc ăn hắn lại còn đòi xin thêm xôi, thêm thịt, thêm cơm nữa. Không đem lên cho hắn thì tự hắn xông vào chỗ làm cỗ mà xúc lấy. Ăn hết bao nhiêu thì hết, còn lại hắn gói đem về cho vợ con ăn, mà nếu vợ con ăn không hết, thì kho nấu lại để ăn hai ba ngày... Hà hà! Phong lưu thật!... Cho chúng nó cứ cười khoẻ đi!

Cứ vậy, hắn tiến bộ mãi trong nghề nghiệp mõ. Người ta càng khinh hắn, càng làm nhục hắn, hắn càng không biết nhục. Hỡi ôi! Thì ra lòng khinh, trọng của chúng ta có ảnh hưởng đến cái nhân cách của người khác nhiều lắm; nhiều người không biết gì là tự trọng, chỉ vì không được ai trọng cả; làm nhục người là một cách rất diệu để khiến người sinh đê tiện...

Bây giờ thì hắn mõ hơn cả những thằng mõ chính tông. Hắn nghĩ ra đủ cách xoay người ta. Vào một nhà nào, nếu không được vừa lòng, là ra đến ngõ, hắn chửi ngay, không ngượng:

- Mẹ! Xử bẩn cả với thằng mõ..."

(Nam Cao, Trích *Tư cách mõ,* NXB Hội nhà văn 1993)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Xác định ngôi kể của truyện

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ ba

C. Ngôi thứ hai

D. Ngôi thứ nhất đan xen ngôi thứ ba

Câu 2. Trước khi mang tư cách mõ, anh cu Lộ là người như thế nào?

A. Hiền lành

B. Ranh mãnh

C. Ích kỉ

D. Tham lam

Câu 3. Trước khi mang tư cách mõ, anh cu Lộ xuất thân ra sao?

A. Là con một ông quan viên tử tế, hẳn hoi.

B. Là một thư sinh chăm chỉ học tập.

C. Là một tiểu thương khôn ngoan, chí thú.

D. Là một hào lí trong làng.

Câu 4. Quá trình hoàn thiện tư cách mõ của anh cu Lộ diễn ra như thế nào?

A. E ngại – thấy được cái lợi từ nghề mõ – hoàn thiện tư cách mõ.

B. Chấp nhận nghề mõ – hiểu được cái vất vả của nghề mõ - hoàn thiện tư cách mõ.

C. Xấu hổ muốn bỏ việc mõ - tặc lưỡi và mặc kệ - muốn báo thù lại những anh đã cười hắn trước – hoàn thiện tư cách mõ – tiến bộ trong nghề mõ.

D. Muốn bỏ việc mõ – thấy day dứt – cố gắng làm để giúp làng – tiến bộ trong nghề mõ.

Câu 5. Nam Cao thể hiện thái độ gì khi dùng đại từ "hắn"?

A. Thái độ khinh ghét cực độ vì Lộ là kẻ xấu xa, đê tiện.

B. Dù Nam Cao có xót thương cho sự biến đổi nhân cách của Lộ thì ông cũng không thể đồng tình với những người dân xóm đạo.

C. Nam Cao bênh vực anh cu Lộ nhưng không thể bộc lộ thái độ một cách trực tiếp

D. Dù Nam Cao có cảm thông đến mấy với Lộ, ông cũng thể hiện rất rõ ràng quan điểm: Con người này không phải là đại diện cho cái thiện, cái chính diện, cái cao cả, bởi hắn đã từ một con người bình thường trở thành *kẻ tham lam, ti tiện.*

Câu 6. Đoạn văn: "*Hà hà! Phong lưu thật!... Cho chúng nó cứ cười khoẻ đi!"* là lời của ai?

A. Lời anh cu Lộ.

B. Lời tác giả.

C. Lời người kể chuyện hòa vào lời anh cu Lộ.

D. Lời những người dân xóm đạo đồng cảm với anh cu Lộ.

Câu 7. Em hiểu đoạn văn: *"*Cứ vậy*,...làm nhục người là một cách rất diệu để khiến người sinh đê tiện…"* như thế nào?

A. Làm nhục người khác chính là phương pháp kì diệu để giáo dục con người.

B. Sự xúc phạm, lăng mạ của những người xung quanh quyết định sự biến đổi nhân cách con người, từ đó Nam Cao bộc lộ nỗi niềm đau đáu: hãy cứu lấy nhân phẩm con người.

C. Sự xúc phạm, lăng mạ làm nảy sinh sự đê tiện trong mỗi người

D. Làm nhục người khác mới có thể giúp con người thoát được sự đê tiện.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Xác định trình tự kể của truyện.

Câu 9. Phân tích nguyên nhân hình thành tư cách mõ của anh cu Lộ?

Câu 10. Câu nói: "Thì ra lòng khinh, trọng của chúng ta có ảnh hưởng đến cái nhân cách của người khác nhiều lắm" gợi cho em những suy nghĩ gì?

Gợi ý trả lời

Câu	Đáp án
1	B. Ngôi thứ ba
2	A. Hiền lành
3	A. Là con một ông quan viên tử tế, hẳn hoi.
4	C. Xấu hổ muốn bỏ việc mõ - tặc lưỡi và mặc kệ - muốn báo thù lại những anh đã cười hắn trước – hoàn thiện tư cách mõ – tiến bộ trong nghề mõ.
5	D. Dù Nam Cao có cảm thông đến mấy với Lộ, ông cũng thể hiện rất rõ ràng quan điểm: Con người này không phải là đại diện cho cái thiện, cái chính diện, cái cao cả, bởi hắn đã từ một con người bình thường trở thành *kẻ tham lam, ti tiện.*
6	C. Lời người kể chuyện hòa vào lời anh cu Lộ.
7	B. Sự xúc phạm, lăng mạ của những người xung quanh quyết định sự biến đổi nhân cách con người, từ đó Nam Cao bộc lộ nỗi niềm đau đáu: hãy cứu lấy nhân phẩm con người.
8	**Câu 8.** Xác định trình tự kể của truyện: - Tác giả bắt đầu từ những việc làm của anh cu Lộ mang đầy đủ bản chất xấu xa, tham lam của một mõ làng ->\ - Tiếp đó, tác giả kể về nguyên nhân anh ta từ một nông dân hiền lành trở thành một anh mõ làng ->\ -> Phần trọng tâm phía sau của truyện, tác giả phân tích quá trình anh ta thích ứng, hình thành, hoàn thiện và phát triển tư cách mõ
9	Phân tích nguyên nhân hình thành tư cách mõ của anh cu Lộ: - Anh cu Lộ xuất thân tử tế, bản chất lương thiện, lành hiền, làm mõ cũng là do vị nể - Chính cái nhìn định kiến đầy cay nghiệt của mọi người đối với người làm mõ đã biến anh cu Lộ từ lương thiện, lành hiền đến chỗ xấu hổ, e ngại, nhưng mọi người vẫn quyết không buông tha khiến anh nảy sinh tâm lí trả thù và từ đó mất dần liêm sỉ, nhân cách và dần hình thành, phát triển tư cách mõ
10	HS cần nêu rõ những suy nghĩ của cá nhân về nội dung câu nói. Sau đây

	là gợi ý: - Câu nói khẳng định: Thái độ ứng xử của mọi người có tác động đến sự hình thành và phát triển nhân cách của con người - Suy nghĩ của bản thân: + Nhận thức được sự tác động của hoàn cảnh đến sự hình thành, phát triển, hoàn thiện tính cách con người + Có thái độ ứng xử phù hợp, nhân văn và biết sống bản lĩnh, vượt lên hoàn cảnh, sống có ý nghĩa,…

ĐỀ SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Tóm tắt đoạn trước: Truyện kể về gia đình Dần, đó là một gia đình nghèo khổ ở nông thôn Việt Nam vào thời điểm trước Cách mạng tháng Tám 1945. Dần là con gái lớn của một gia đình nông dân nghèo. Dần có nết rất hay làm, đi ở từ năm 12 tuổi, để nhà đỡ một miệng ăn, lại có được cái ăn, biết việc để làm- đấy là mong mỏi của mẹ Dần. Nhưng được ít bữa, Dần vẫn gầy, khóc xin mẹ ở nhà chứ không đi ở nhà bà Chánh. Thương mẹ, Dần đi ở được hai năm. Mẹ chết vì đi tả. Dần ở nhà coi sóc các em, để bố đi làm, nhưng cuộc sống mỗi ngày một khó thêm, tiền mất giá, thiên tai hết lụt lội và hạn hán. Một đêm sau khi tâm sự với con, bố Dần nói với Dần về chuyện sẽ gả Dần đi cho đỡ một miệng ăn, để bố Dần lên rừng kiếm kế sinh nhai. Dần được gả cho một gia đình đã dạm trước đó hơn một năm, vào cái ngày mẹ Dần mất, họ đã đưa cho bố Dần hai chục bạc để lo ma cho mẹ Dần. Nghe lời bố, Dần chấp nhận một đám cưới.

Rồi ông ngồi lử thử. Bởi vì ông buồn lắm. Chỉ lát nữa là người ta rước Dần đi. Đêm hôm nay, chỉ còn mình ông với hai đứa trẻ con. Nhà sẽ vắng ngắt vắng ngơ, chẳng khác gì ngày vợ ông mới chết đi. Rồi chỉ mươi bữa, nửa tháng là ông đã phải bỏ nốt hai đứa con trai để ngược... Chao ôi! Buồn biết mấy?... Ông đờ đẫn cả người. Ông nghĩ bụng rằng: giá Dần không phải về nhà người ta, thì có lẽ chẳng đời nào ông phải lên rừng; ông cứ ở nhà với ba con, bố con đùm bọc lấy nhau, bây giờ bỏ lại hai đứa bé mà đi, ông thương chúng nó quá... À thì ra ông phải đi nơi khác làm ăn, chẳng phải vì cớ gì khác mà chỉ vì Dần phải đi lấy chồng, Dần đi lấy chồng, không ai

trông coi vườn đất, nhà cửa, con cái cho ông nữa... Ông buồn quá. Ông đáp lại những câu rất dài dòng của bà thông gia bằng những câu ngắn ngủn (...)

Đến tối, đám cưới mới ra đi. Vẻn vẹn có sáu người, cả nhà gái nhà trai. Ông bố vợ đã tưởng không đi. Nhưng bà mẹ chồng cố mời. Vả lại nếu ông không đi, thì hai đứa bé cũng không thể đi mà Dần thì đang khóc lóc. Nếu chỉ có mình nó ra đi thì có lẽ nó cũng không chịu nốt. Ông đành kéo mấy cành rào lấp ngõ rồi đi vậy.

Dần không chịu mặc cái áo dài của bà mẹ chồng đưa, thành thử lại chính bà khoác cái áo ấy trên vai. Dần mặc những áo vải ngày thường nghĩa là một cái quần cồng cộc xẫng và đụp những miếng vá thật to, một cái áo cánh nâu bạc phếch và cũng vá nhiều chỗ lắm, một bên tay rách quá, đã xé cụt gần đến nách. Nó sụt sịt khóc, đi bên cạnh mẹ chồng. Chú rể dắt đứa em lớn của Dần. Còn thằng bé thì ông bố cõng. Cả bọn đi lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối như một gia đình xẩm lẳng lặng dắt díu nhau đi tìm chỗ ngủ...

(Trích *Một đám cưới,* Nam Cao, 1944)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Ý nào nói đúng về các phương thức biểu đạt của đoạn trích?

A. Tự sự, biểu cảm, nghị luận
B. Tự sự, nghị luận, miêu tả
C. Tự sự, miêu tả, biểu cảm
D. Tự sự, thuyết minh, nghị luận

Câu 2: Nhân vật chính trong truyện ngắn "*Một đám cưới*" là

A. Dần
B. Mẹ Dần
C. Bố Dần
D. Các em Dần

Câu 3: Xác định ngôi kể của người kể chuyện trong đoạn trích.

A. Ngôi thứ nhất
B. Ngôi thứ hai
C. Ngôi thứ ba
D. Không xác định được

Câu 4: Đề tài của truyện ngắn "*Một đám cưới*" là

A. Làng quê Việt Nam trong mùa sưu thuế trước năm 1945.
B. Người dân nghèo Việt Nam Cách mạng tháng Tám 1945.
C. Người trí thức nghèo Việt Nam Cách mạng tháng Tám 1945.
D. Phong tục cưới xin trong xã hội cũ.

Câu 5: Chủ đề của truyện ngắn "*Một đám cưới*" là:

A. Số phận trong những người dân nghèo Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.

B. Tình yêu thương con người.

C. Vẻ đẹp nhân cách của những người dân nghèo Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.

D. Cuộc đời, số phận khổ đau, bế tắc và vẻ đẹp nhân cách của những người dân nghèo Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.

Câu 6: Đoạn trích trên chủ yếu kể về câu chuyện gì?

A. Ba cha con Dần sống đầm ấm, hạnh phúc bên nhau.

B. Đám cưới của đôi trẻ nhiều niềm vui.

C. Cảnh dẫn dâu nhiều xót xa.

D. Nhà trai mang sính lễ đến nhà Dần.

Câu 7: Ý nào đúng nhất khi nói về giọng điệu của Nam Cao trong đoạn trích trên?

A. Giọng điệu trữ tình, cảm thương.

B. Giọng điệu khách quan, lạnh lùng.

C. Giọng điệu lạnh lùng, mỉa mai.

D. Giọng điệu suy ngẫm, triết lí.

Trả lời các câu hỏi/Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu văn "*Cả bọn đi lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối như một gia đình xẩm lẳng lặng dắt díu nhau đi tìm chỗ ngủ*".

Câu 9. Tiếng sụt sịt khóc của nhân vật Dần ở cuối đoạn trích gợi lên trong em suy nghĩ và cảm xúc gì về số phận người dân nghèo trong xã hội cũ?

Câu 10. Nhận xét về tình cảm mà nhà văn Nam Cao dành cho cô dâu trong đoạn trích trên.

Gợi ý trả lời

Câu	Đáp án
1	C. Tự sự, miêu tả, biểu cảm
2	A. Dần
3	C. Ngôi thứ ba
4	B. Người dân nghèo Việt Nam Cách mạng tháng Tám 1945.

5	D. Cuộc đời, số phận khổ đau, bế tắc và vẻ đẹp nhân cách của những người dân nghèo Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.
6	C. Cảnh dẫn dâu nhiều xót xa.
7	B. Giọng điệu khách quan, lạnh lùng.
8	- Biện pháp tu từ trong câu văn là so sánh: cảnh tượng những người đi trong đám cưới được so sánh với hình ảnh "*gia đình xẩm lẳng lặng dắt díu nhau đi tìm chỗ ngủ*" - Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh: + Tăng sức gợi hình, gợi cảm, sinh động cho cảnh tượng đám cưới trong nạn đói của người dân nghèo trước năm 1945. + Tô đậm đối tượng được miêu tả: quang cảnh đám cưới của Dần vô cùng ảm đạm, hiu hắt, tăm tối, trái ngược với hình ảnh của đám cưới thông thường. Từ đó khắc họa số phận, cuộc đời khốn khổ của người dân nghèo trong nạn đói. Ca ngợi vẻ đẹp của tình cha con, tình người, tình thương, sự thấu hiểu, hi sinh của Dần với tình cảnh gia đình trong hoàn cảnh ngặt nghèo. + Tấm lòng thương cảm, chua xót của nhà văn Nam Cao trước số phận và vẻ đẹp của người dân nghèo trong xã hội9 cũ.
9	HS có thể đưa ra quan điểm cảm nhận, suy nghĩ và cảm xúc riêng, nếu phù hợp, tích cực, nhân văn là được. Gợi ý: - Suy nghĩ về số phận con người trước Cách mạng tháng 8 năm 1945: + Nghèo túng, khổ sở đến xót xa; + Cuộc sống chênh vênh, không một tia hi vọng. - Cảm xúc: xót thương, đồng cảm, trân trọng, ...
10	Nhận xét về tình cảm mà nhà văn Nam Cao dành cho cô dâu Dần trong đoạn trích: - Tình cảm mà nhà văn Nam Cao dành cho cô dâu Dần trong văn bản trên: + Xót xa, thương cảm cho Dần khi phải trải qua ngày trọng đại nhất cuộc đời một người con gái một cách buồn tẻ, thảm thương.

	+ Chia sẻ, đồng cảm với những nỗi niềm và cảm xúc mà Dần trải qua trong ngày cưới của chính mình: ngại ngùng trước mẹ chồng; bịn rịn lưu luyến với cha và hai em; vừa chấp thuận lấy chồng theo sự xếp sắp của cha lại vừa không muốn lấy chồng vì thương bố và hai em vất vả. - Tình cảm đó được thể hiện chân thành, sâu sắc qua cách kể chuyện độc đáo, tình huống thú vị…

ĐỀ SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Thời tiết đã sắp sang đông. Trước những trận mưa tuyết đầu mùa, mỗi khi đi học, chúng tôi phải lội qua một con suối lòng đá chảy róc rách dưới chân đồi. Nhưng về sau không thể nào lội qua được nữa, vì nước băng lạnh buốt cóng cả chân. Khổ nhất là những em nhỏ, thậm chí chúng phát khóc lên. Những lúc ấy, thầy Đuy-sen đã bế các em qua suối. Lưng thì cõng, tay thì bế và cứ như thế thầy lần lượt đưa hết các em sang.

Giờ đây nhớ lại cảnh xưa, tôi thấy khó lòng mà tin được rằng tất cả những điều đó là có thật. Nhưng lúc bấy giờ, không biết vì ngu dốt hay vì nông nổi, người ta đã cười thầy Đuy-sen, nhất là bọn nhà giàu thường trú qua mùa đông ở trên núi và chỉ xuống làng khi cần xay thóc. Đã nhiều lần gặp chúng tôi ở chỗ lội qua suối, bọn họ, đầu đội mũ lông cáo màu đỏ, mình mặc những chiếc áo lông cừu quý, nghễu nghện trên lưng những con ngựa hung dữ no căng, giương mắt nhìn thầy Đuy-sen rồi bỏ đi. Một tên trong bọn họ cười nắc lên và huých tay tên đi bên cạnh nói:

- Đứa thì cõng, đứa thì bế, trông đã hay chưa?

[…] Rồi họ quất ngựa cho chạy làm nước và bùn bắn tung toé lên chúng tôi, cười phá lên rồi đi khuất.

Sao lúc đó tôi muốn đuổi theo những con người ngu xuẩn ấy thế, muốn nắm lấy cương ngựa và quát thẳng vào những bộ mặt láo xược của họ: "Các người không được nói thầy giáo của chúng tôi như thế! Các người ngu lắm, các người tồi lắm."

Nhưng liệu có ai chịu nghe lời một con bé thơ dại như tôi?

Và tôi chỉ còn biết nuốt những giọt lệ căm uất đang trào lên, nóng hổi. Còn thầy Đuy-sen thì dường như không để ý đến những lời lăng mạ đó, coi như không nghe thấy gì hết. Thầy thường nghĩ ra một câu chuyện vui nào đó khiến lũ chúng tôi phá lên cười, quên mất mọi sự.[…]

(Trin-ghi-dơ Ai-ma-tốp, *Gia-mi-li-a* (*Jaymilya*) – *Truyện núi đồi và thảo nguyên*, Phạm Mạnh Hùng – Nguyễn Ngọc Bằng – Cao Xuân Hạo – Bồ Xuân Tiền dịch, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2019, tr. 351 – 442)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên được kể theo ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai C. Ngôi thứ ba D. Cả A và C

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự

C. Thuyết minh D. Biểu cảm

Câu 3. Sự kiện chính của đoạn trích trên là gì?

A. Người hoạ sĩ kể về hoàn cảnh bà viện sĩ An-tư-nai gửi bức thư đặc biệt cho anh.

B. Kể lại những kỉ niệm về người thầy giáo Đuy-sen hết lòng vì học trò.

C. Kể về nhhững băn khoăn, trăn trở về bức tranh dang dở dành tặng người thầy đầu tiên của làng.

D. Kể lại sự kiện đau buồn của An-tư-nai.

Thầy Đuy-sen là người có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu, vị tha,... trong đó, nổi bật nhất là tình cảm yêu thương, hết lòng vì học trò.

Câu 4. Câu văn nào thể hiện suy nghĩ và tình cảm, cảm xúc của nhân vật tôi khi thấy bọn nhà giàu cười chế nhạo thầy Đuy-sen?

A. Đã nhiều lần gặp chúng tôi ở chỗ lội qua suối, bọn họ, đầu đội mũ lông cáo màu đỏ, mình mặc những chiếc áo lông cừu quý, nghễu nghện trên lưng những con ngựa hung dữ no căng, giương mắt nhìn thầy Đuy-sen rồi bỏ đi.

B. Rồi họ quất ngựa cho chạy làm nước và bùn bắn tung toé lên chúng tôi, cười phá lên rồi đi khuất.

C. Và tôi chỉ còn biết nuốt những giọt lệ căm uất đang trào lên, nóng hổi.

D. Còn thầy Đuy-sen thì dường như không để ý đến những lời lăng mạ đó, coi như không nghe thấy gì hết.

Câu 5. Vì sao nhân vật tôi cảm thấy phẫn nộ, bất bình khi bọn nhà giàu cười thầy Đuy-Sen lúc chúng chứng kiến cảnh thầy cõng học trò qua suối?

A. Vì nhận thấy hành động "cười thầy Đuy-sen khi thầy cõng học trò qua suối" của bọn nhà giàu là ngu ngốc và nông nổi.

B. Vì nước băng lạnh buốt cóng cả chân.

C. Vì đó là kỉ niệm xúc động về tình thầy trò.

D. Vì thương các em nhỏ không thể lội qua suối.

Câu 6. Đoạn trích trên không nhằm mục đích nào sau đây?

A. Học trò bất chấp khó khăn, khắc nghiệt (*phải đi xa, lội suối,...*) để tự nguyện đến lớp học nghe thầy giảng bài

B. Ca ngợi những hành động của thầy Đuy-sen vô cùng ấm áp; thầy lo lắng, quan tâm đến học trò như người thân trong gia đình (cõng học trò qua suối, kể những câu chuyện vui để át đi mọi sự...)

C. Nhân vật "tôi" bất bình và căm giận bọn nhà giàu đã chế giễu, lăng mạ thầy của mình, càng thương và yêu quý thầy hơn.

D. Tố cáo vạch trần bộ mặt tàn ác, vô tâm của con người.

Câu 7. Đặc sắc nghệ thuật nào **không** có trong đoạn trích trên?

A. Kết hợp nhiều phương thức biểu đạt (tự sự, miêu tả, biểu cảm) tinh tế.

B. Ngôn ngữ chọn lọc, đậm chất thơ; giọng điệu trữ tình trong sáng, êm dịu, tha thiết.

C. Nghệ thuật xây dựng nhân vật phong phú, đặc sắc (thông qua hành động, cử chỉ, lời nói, việc làm, …)

D. Cốt truyện hài hước, giọng kể châm biếm.

Trả lời các câu hỏi/Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Chỉ ra những chi tiết miêu tả sự quan tâm, chăm sóc các học trò của thầy Đuy-sen trong đoạn trích.

Câu 9. Hãy chỉ ra và phân tích những chi tiết thể hiện tình cảm của nhân vật dành cho thầy giáo Đuy-sen trong đoạn trích?

Câu 10. Đoạn trích đã gửi đến cho em thông điệp nào?

Gợi ý làm bài

Câu	**Đáp án**
1	A. Ngôi thứ nhất
2	B. Tự sự
3	B. Kể lại những kỉ niệm về người thầy giáo Đuy-sen hết lòng vì học trò.
4	C. Và tôi chỉ còn biết nuốt những giọt lệ căm uất đang trào lên, nóng hổi.
5	A. Vì nhận thấy hành động "cười thầy Đuy-sen khi thầy cõng học trò qua suối" của bọn nhà giàu là ngu ngốc và nông nổi.
6	D. Tố cáo vạch trần bộ mặt tàn ác, vô tâm của con người.
7	D. Cốt truyện hài hước, giọng kể châm biếm.
8	Những chi tiết miêu tả sự quan tâm, chăm sóc các học trò của thầy Đuy-sen trong đoạn trích: - Thầy Đuy-sen đã bế các em nhỏ qua con suối vào mùa đông, lưng thì cõng, tay thì bế và cứ như thế thầy lần lượt đưa hết các em sang. - Thầy thường nghĩ ra một câu chuyện vui nào đó khiến học trò phá lên cười, quên mất mọi sự.
9	- Nhân vật "tôi" (An-tư-nai) đặc biệt yêu quý, ngưỡng mộ và biết ơn người thầy đầu tiên của mình thể hiện qua các chi tiết: + Cảm phục trước hành động thầy Đuy-sen bế các em nhỏ qua dòng suối vào mùa đông " + Căm giận và muốn bảo vệ thầy giáo của mình trước những lời chế

	giễu, mỉa mai của bọn nhà giàu; - Nhân vật tôi (An-tư-nai) là cô bé thông minh, nhạy cảm, tinh tế và rất hiểu chuyện. Cô luôn trân trọng những kí ức và biết ơn về người thầy đầu tiên của mình.
10	Gửi thông điệp: - Mỗi người cần biết trân trọng những tình cảm tốt đẹp mà mình được đón nhận. - Mỗi chúng ta cần trân trọng, biết ơn những thầy cô giáo đã yêu thương, dạy bảo chúng ta nên người. - Không nên sống ích kỉ, chế nhạo, mỉa mai người khác, nhất là những người đang hành động hết lòng vì người khác. ....

ĐỀ SỐ 4

Đọc văn bản sau:

[**Lược một đoạn**: Thằng Bào mười hai tuổi là đứa ở chăn trâu cho nhà thằng Quyên mười tuổi – con nhà chủ. Hai năm trước, mẹ Bào mắc nợ nhà này hai thúng thóc, nó đòi ngặt, Bào phải đến ở đợ. Một hôm nọ, có con chim cánh vàng như nghệ, mỏ đỏ như son, ngày nào cũng sà xuống cây trứng cá trước sân nhà. Thằng Quyên đứng dưới gốc dòm lên, nó yêu con chim và đòi mẹ bắt cho được. Bà chủ bèn sai thằng Bào tìm cách bắt con chim vàng cho cậu chủ. Nhưng bắt làm sao được, nó có cánh, vừa leo lên là nó bay vụt mất. Không bắt được chim, Bào bị bà chủ đánh đập, xỉa xói vô cùng tàn nhẫn. Bào đã phản kháng nhưng rồi nó sợ và vẫn cố gắng tìm cách bắt con chim vàng cho cậu chủ…]

Quá căm tức thì chống lại, chống rồi Bào lại sợ. Bào đến thằng Quyên:

– Cậu, bữa nay thế nào tôi cũng bắt được con chim vàng cho cậu!

Thằng Quyên ngẩng đầu lên, mắt nó long lanh, ôm lấy Bào, nó hỏi: "Chừng nào?". Bào đưa nhánh tre có sợi nhợ cho nó coi:

– Đây, bẫy gài đây cậu. Mà cậu cho một trái chuối chín đi!

Thằng Quyên nhảy tưng lên, rồi cắm cổ chạy thẳng vô buồng, bẻ luôn hai quả. Nó đưa hai quả chuối cau chín vàng khoe với Bào. Nó cười híp hai con mắt. Lần đầu tiên nó cúi đầu sát vào Bào, xem Bào buộc quả chuối vào bẫy. Suy nghĩ thế nào, nó quay ra, lắc đầu:

– Chim không ăn chuối đâu!

– Nó ăn chớ cậu! Phải chim hát bội, chim sâu đâu, con chim này nó ăn sâu mà ăn chuối nữa cậu. Tôi coi trâu, tôi thấy nó sà xuống vườn chuối hoài.

Bỗng mẹ thằng Quyên nện guốc bước tới, nó trố mắt nhìn hai quả chuối cau, nó hét lên:

– Mày gạt con tao ăn cắp chuối hả?

Bào lui luôn mấy bước, nép mình vô tường, mặt lấm lét:

– Dạ thưa bà, con xin chuối chín làm mồi bắt chim cho cậu.

– Chuối tao cúng thổ thần, chuối tiền chuối bạc, chuối gì chuối cho chim ăn. Mày trèo lên cây bắt sống nó cho tao.

Mẹ thằng Quyên vừa chửi vừa nhìn quanh quất kiếm cây. Bào liệng cái bẫy, chạy mất…

Không còn cách nào hơn nữa, Bào quấn cây lá đầy mình, trèo sẵn lên cây từ sáng sớm. Nhánh cây trứng cá mềm quằn xuống. Bào thụt vô, dựa lưng vào cành to. Thằng Quyên đứng dưới hét lên:

– Mày ra ngoài nhánh chớ!

Bào run quá, chân cứ thấy nhột, nhìn xuống thấy chóng mặt. Vòm trời cao vút. Một chấm đen bay tới. Rõ là con chim vàng. Nó lượn mấy vòng, vừa sà cánh đáp, bỗng nó hốt hoảng vút lên kêu choe chóe.

Mẹ con nó chạy vô nhà ló đầu ra:

– Mày đừng rung chớ!

Mẹ thằng Quyên nhìn theo con chim mình vàng như nghệ mỏ đỏ như son không chớp mắt:

– Bào! "Con" nín thở cho êm con. Ráng con!

Con chim bay qua nhảy nhót trước mặt. Bào vừa thò tay, nó nhảy ra nhánh. Thằng Quyên há mồm hồi hộp:

– Bắt mau, mau!

– Đó, đó! Nó nhảy vô đó con, chụp, chụp!

Nghe tiếng nó là Bào thấy roi đòn đánh đập, thấy máu đổ như những trận đòn hôm trước. Bào cắn răng cho bớt run, nhè nhẹ thò tay ra, nhổm mình với tới, chụp dính con chim vàng. Chim chóe lên, mẹ con nó mừng quýnh, thằng Quyên nhảy dựng lên.

– Được chim rồi!

Vỗ tay bôm bốp. Bào có cảm giác như khi mình đuổi theo trâu bị sụp những hầm giếng cạn, ruột thót lên. Hai chân Bào sụp vào không khí, tay bơi bơi – Mặt Bào tối đen – Bào rơi xuống như trái thị. Mặt Bào đập vào gốc cây, máu, nước mắt đầm đìa cả mặt: "Trời ơi!" Con chim vàng cũng bị đập xuống đất, đầu bể nát. Trong cơn mê mê tỉnh tỉnh, Bào nghe văng vẳng tiếng guốc, nghe mẹ con thằng Quyên kêu: "Trời ơi!".

Bào chống tay ngồi dậy, máu từ trên đầu chảy trên những chiếc lá quấn vào mình nhỏ giọt. Bào cố đem toàn lực vùng dậy, nhưng tay lại khuỵu xuống, đầu ngã xuống vũng máu. Mắt bào chập chờn thấy bàn tay mẹ thằng Quyên thò xuống. Tay Bào với tới, với mãi, với mãi nhưng cũng chẳng vớ được ai.

Té ra, mẹ thằng Quyên thò tay nâng lấy xác con chim vàng. Bào lại nghe tiếng tắc lưỡi: "Trời! Con chim vàng của con tôi chết rồi!".

Hà Nội 8-1-1956

(Trích *Con chim vàng*, Nguyễn Quang Sáng)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự

C. Thuyết minh D. Biểu cảm

Câu 2. Văn bản trên được kể theo ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Không xác định được

Câu 3. Sự kiện chính của đoạn trích trên là gì?

A. Mẹ thằng Quyên chửi mắng thậm tệ thằng Bào.

B. Cuộc trò chuyện của thằng Quyên và thằng Bào.

C. Mẹ thằng Quyên khen thằng Bào bắt chim giỏi.

D. Thằng Bào giúp thằng Quyên bắt chim rồi té ngã.

Câu 4. Ý nào đúng về thân phận của nhân vật Bào?

A. Bạn của thằng Quyên.

B. Con nuôi của mẹ thằng Quyên.

C. Là đứa đi ở đợ cho nhà thằng Quyên.

D. Người bắt chim thuê cho nhà thằng Quyên.

Câu 5. Trong văn bản, nhân vật Bào là con người có tính cách như thế nào?

A. Một cậu bé hồn nhiên, luôn sẵn sàng hết lòng vì chủ.

B. Một cậu bé tinh quái, luôn biết bày nhiều trò dại dột.

C. Một cậu bé hỗn hào, luôn tìm cách chống đối bà chủ.

D. Một cậu bé tinh ranh, xúi giục cậu chủ ăn cắp chuối.

Câu 6. Trong văn bản, mẹ thằng Quyên đối xử với thằng Bào như thế nào?

A. Yêu thương, chiều chuộng thằng Bào như con đẻ của mình.

B. Nhân từ, bao dung cho những lỗi lầm mà thằng Bào gây ra.

C. Mưu mô, tính toán trong việc trả công cho thằng Bào.

D. Nhẫn tâm, tàn độc trước những sự cố gắng của thằng Bào.

Câu 7. Ý nào nói đúng nhất về nghệ thuật khắc họa nhân vật trong văn bản?

A. Nhân vật được khắc họa qua cử chỉ, hành động và lời thoại.

B. Nhân vật được khắc họa qua quá trình, diễn biến tâm lí.

C. Nhân vật được xây dựng qua việc miêu tả lai lịch, ngoại hình.

D. Nhân vật được xây dựng bằng bút pháp lãng mạn.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Nhận xét về nhân vật cậu bé Bào trong đoạn trích.

Câu 9. Nhận xét về tình cảm, thái độ của nhà văn gửi gắm qua văn bản.

Câu 10. Qua câu chuyện, em hãy viết đoạn văn (khoảng 7 – 8 câu) bày tỏ suy nghĩ của mình về tình yêu thương trong cuộc sống.

GỢI Ý

Câu	Đáp án gợi ý
1	B. Tự sự
2	C. Ngôi thứ ba
3	D. Thằng Bào giúp thằng Quyên bắt chim rồi té ngã.
4	C. Là đứa đi ở đợ cho nhà thằng Quyên
5	A. Một cậu bé hồn nhiên, luôn sẵn sàng hết lòng vì chủ.
6	D. Nhẫn tâm, tàn độc trước những sự cố gắng của thằng Bào.
7	A. Nhân vật được khắc họa qua cử chỉ, hành động và lời thoại.
8	Nhận xét về cậu bé Bào trong đoạn trích: + Thân phận bất hạnh, đáng thương: mười hai tuổi phải trả món nợ của gia đình (hai thúng thóc); không được quan tâm, chăm sóc, luôn bị bà chủ chửi mắng, đánh đập; mạo hiểm hi sinh bản thân để đáp ứng mong muốn bắt con chim vàng của cậu chủ,… + Là một cậu bé hồn nhiên, hết lòng vì chủ: qua giọng điệu bảo cậu chủ đi lấy chuối để gài bẫy bắt chim vàng.
9	- Tình cảm, thái độ của tác giả thể hiện qua văn bản: + Đồng cảm, xót thương cho số phận của những đứa trẻ nghèo, bất

	hạnh mất quyền tự do. + Trân trọng, ngợi ca những đức tính quý giá của nhân vật Bào: dù nghèo khổ nhưng không trộm cắp, hết lòng phục vụ nhà chủ,… + Lên án, phê phán bọn địa chủ trong xã hội phong kiến xưa bóc lột, chà đạp lên những con người nhỏ bé, coi thường mạng sống con người.
10	HS bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của tình yêu thương con người bằng đoạn văn 5 – 7 câu: + Giúp ta thấy vui tươi, niềm vui hạnh phúc, sáng sủa, yêu đời, biết sống có ý nghĩa hơn. + Kết nối mọi người, tạo mối quan hệ gắn bó, thân thiết giữa người với người. + Là động lực, ý chí, sức mạnh vượt qua khó khăn, vất vả, thử thách. + Người có tình yêu thương con người sẽ được mọi người yêu quý, quý trọng, thành công trong công việc, đời sống. + Giúp nuôi dưỡng rèn luyện tâm hồn, nhân phẩm, xã hội văn minh tân tiến. …

ĐỀ SỐ 5

Đọc văn bản sau:

Tôi không thích khi cưỡi xe vào tận thềm nhà lại phải rạp mình dưới giàn bầu ấy. Chị và mẹ tôi lại ngại tóc rối. Cha tôi khó chịu khi phải dắt quan khách len lỏi bên mấy trái bầu để vào căn nhà sang trọng […]. Bữa canh đầu tiên cả nhà háo hức, nuốt tuồn tuột từng miếng bầu trong veo, ngọt lịm […]. Một lần, hai lần rồi ba lần, chúng tôi ngán tận cổ. Mà, chết thật, nội tôi cứ trồng mãi, trồng mãi, giàn bầu ngày càng rộng ra choán hết khoảng sân kiểng của cha xanh rầm rì […]. Chị Lan nhăn nhó:

- Nội ơi, trồng chi nhiều vậy?

Bà nội cười, buồn buồn.

- Nội làm lặt vặt quen rồi. Trồng trọt để đỡ nhớ quê.

[...] Ba tôi nói "làm người đừng suy nghĩ hẹp hòi, đừng tưởng nơi mình sinh ra, nơi có mồ mả ông cha là quê hương, khắp đất nước này chỗ nào cũng là quê cả". Cha tôi nói đúng và ông rước bà nội lên thành phố. [...]. Ở nhà tôi, công việc nhàn đến mức bà thơ thẩn vào rồi lại thơ thẩn ra [...]. Bà làm nhiều thứ bánh lắm, không kể hết được, nào là bánh ngọt, bánh ú....toàn là bánh nhà quê, [...]. Mùa này nhiều trái bầu khô, nội hái vào móc ruột ra, lấy cái vỏ mằn mì gọt. Lâu lâu nội đưa lên nhìn, nheo nheo mắt. Tôi hỏi, nội gọt gì. Nội cười, đưa cho tôi mảnh vỏ dầy hình trái tim nhỏ xíu.

- Mặt dây chuyền cho tụi nhỏ đeo.

Tôi không nén được xuỳ một tiếng.

- Thời này ai đeo mấy thứ này, nội làm chỉ mất công.

Trong đôi mắt đùng đục của bà, tôi thấy có một nỗi buồn sâu kín. Con chị bếp dưới quê lên, bà gói dúi vào tay nó mấy mảnh bầu. Con nhỏ hớn hở, vui thiệt là vui. Cũng niềm vui ấy, con bé bán vé số lỏn lẻn cười "Bà đẽo đẹp ghê ha". Hôm sau tôi thấy nó xúng xính xỏ cọng chỉ vào, đeo tòn ten trước cổ lạ lắm. Hình như tôi ngắm vàng ròng, cẩm thạch quen rồi. Tôi xin, bà móm mém cười "Bà để dành cho bay cái đẹp nhất nè".

Tôi gói trái tim xíu xíu kia bỏ vào ngăn tủ, chị Lan trông thấy giành "cho chị đi". Tôi lắc đầu. Chị giận bảo "chị cóc cần, ở chợ bán hàng khối". Nhưng rồi chị quay về nài nỉ tôi. Lần đầu tiền, tôi thấy món quà của nội dễ thương đến thế.

Giàn bầu vẫn trước ngõ. Cha tôi đã thôi khó chịu, hay bực dọc riết rồi chai đi, chẳng biết bực là gì nữa. Nhưng khách đến nhà, ai cũng khen" anh ba có giàn bầu đẹp thiệt". Họ săm soi, từng mảng lá cuống hoa. Khách nước ngoài còn kề má bên trái bầu xanh lún phún lông tơ mà chụp hình kỉ niệm. Mấy anh chị sinh viên đạp xe ngang dừng lại nhìn đau đáu qua rào rồi kháo nhau "Nhớ nhà quá, tụi mày ơi" [...]. Ông chủ tịch đến chơi nhà [...]. Cha tôi sai chị bếp mang rượu thịt ra ông chủ tịch khoát tay:

- Thôi, chú bảo chị ấy nấu canh bầu ăn.

[...] Hôm ấy cả nhà tôi ăn lại bát canh ngày xưa, nghe ngọt lìm lịm lưỡi. Chị bếp ngó nội, khoái chí cười đầy hàm ý. Hình như nội tôi vui.

[...]

Bà nội lẩn thơ lẩn thẩn rồi, mà hình như bà chỉ nhớ về quá khứ. Nội hay ra ngoài hiên, chăm chăm nhìn giàn bầu đang run rẩy trong gió. Bà ngồi đấy lặng lẽ, thẫn thờ, như chờ một tiếng vạc sành, một tiếng ếch kêu. Tay bà lạnh ngắt, tôi chạy vào phòng lấy lọ dầu thoa, vẫn thấy mảnh bầu trái tim màu vàng trong ngăn kéo, cái màu vàng như của rạ, của lúa, như của mái nhà lá nhỏ lơ phơ dưới nắng chiều. Giàn bầu vẫn trước ngõ, có kẻ đi qua kêu lên, "tôi nhớ nhà". Cha tôi bảo: "có thể bứtt người ta ra khỏi quê hương nhưng không thể tách quê hương ra khỏi trái tim con người." Và cha tôi lại nói đúng.

(Trích *Giàn bầu trước ngõ*, Nguyễn Ngọc Tư)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Nhân vật chính của truyện là ai?

A. Nhân vật tôi
B. Nhân vật bà nội
C. Nhân vật người cha
D. Nhân vật ông chủ tịch

Câu 2. Bà nội đã làm gì khi lên phố?

A. Đi chợ mua bầu về nấu, làm bánh piza, bánh sangwich, ướp trà hoa nhài.
B. Trồng một giàn bầu trước nhà, làm các loại bánh quê, làm mặt dây chuyền cho tụi nhỏ. đeo.
B. Đi chợ mua bầu về nấu, làm các loại bánh quê, ướp trà hoa nhài.
C. Trồng một giàn bầu trước nhà, làm bánh piza, bánh sangwich, xâu vòng

Câu 3. Thái độ của gia đình người con đối với giàn bầu như thế nào?

A. Yêu mến và chăm sóc vun xới mỗi ngày.
B. Ngay từ đầu đã thấy không phù hợp với lối sống phố thị
C. Lúc đầu chăm bầu, ăn canh bầu thì thích, sau dần thấy chán và thấy giàn bầu vướng víu.

D. Dù không thích nhưng vẫn chăm sóc miễn cưỡng.

Câu 4. Mặt dây chuyền bà nội làm cho tụi nhỏ đeo là gì?

A. Là chiếc nhẫn tết bằng cỏ khô.

B. Là hạt cườm bà cụ giấu kĩ trong hòm.

C. Là mặt cười ngộ nghĩnh đẽo từ gỗ.

D. Là hình trái tim nhỏ xíu đẽo từ vỏ bầu khô.

Câu 5. Truyện xuất hiện một số từ ngữ địa phương Nam Bộ, điều đó có tác dụng gì?

A. Làm cho câu chuyện kể thêm sinh động, hấp dẫn.

B. Làm cho câu chuyện thêm phần triết trí.

C. Làm cho câu chuyện mang đậm màu sắc địa phương Nam Bộ, để lại dấu ấn riêng trong sáng tác của nhà văn.

C. Làm cho câu chuyện bất ngờ, thú vị.

Câu 6. Vì sao bà nội trồng bầu?

A. Vì chán cảnh ở phố.

B. Vì tính bà nội thảo lảo muốn cho mọi người.

C. Vì muốn có bóng mát cho sân nhà.

D. Vì luôn mang trong mình nỗi nhớ quê hương.

Câu 7. Cốt truyện của tác phẩm trên thuộc dạng nào?

A. Cốt truyện kì lạ, khác thường.

B. Cốt truyện giản dị, đời thường

C. Cốt truyện giàu tính triết lí.

D. Cốt truyện trào phúng, châm biếm, hài hước.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Giàn bầu được nói đến trong đoạn trích trên có ý nghĩa tượng trưng cho điều gì?

Câu 9. Cảm nhận của em về đoạn văn:

"Bà nội lẩn thơ lẩn thẩn rồi, mà hình như bà chỉ nhớ về quá khứ. Nội hay ra ngoài hiên, chăm chăm nhìn giàn bầu đang run rẩy trong gió. Bà ngồi đấy lặng lẽ, thẫn thờ, như chờ một tiếng vạc sành, một tiếng ếch kêu. Tay bà lạnh ngắt, tôi chạy vào phòng lấy lọ dầu thoa, vẫn thấy mảnh bầu trái tim màu vàng trong ngăn kéo, cái màu vàng như của rạ, của lúa, như của mái nhà lá nhỏ lơ phơ dưới nắng chiều."

Câu 10. Em có cho rằng quê hương luôn trong trái tim mỗi người không? Vì sao?

Gợi ý trả lời

Câu	**Đáp án**
1	B. Nhân vật bà nội
2	B. Trồng một giàn bầu trước nhà, làm các loại bánh quê, làm mặt dây chuyền cho tụi nhỏ đeo
3	C. Lúc đầu chăm bầu, ăn canh bầu thì thích, sau dần thấy chán và thấy giàn bầu vướng víu
4	D. Là hình trái tim nhỏ xíu đẽo từ vỏ bầu khô
5	C. Làm cho câu chuyện mang đậm màu sắc địa phương Nam Bộ, để lại dấu ấn riêng trong sáng tác của nhà văn
6	D. Vì luôn mang trong mình nỗi nhớ quê hương
7	B. Cốt truyện giản dị, đời thường
8	Giàn bầu được nói đến trong đoạn trích trên có ý nghĩa tượng trưng cho: quê hương với những điều giản dị, thân thiết.
9	- Đây là đoạn văn nằm cuối truyện, là lời kể của người cháu về bà, giọng tâm tình, thủ thỉ. Tác giả kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm, cùng biện pháp tu từ liệt kê, so sánh, ... - Đoạn văn cho thấy những thay đổi trong nhận thức và tình cảm nhân vật "tôi"- người cháu về bà nội và ý nghĩa của giàn bầu nội trồng. Cho đến cuối truyện, qua hành động của bà nội và câu nói của bố, người cháu mới hiểu nỗi lòng của bà mình, bà luôn nhớ quê, sống giàu tình thương yêu, bà mang đặc điểm của người quê giản dị, chịu thương chịu khó, nghĩa tình, ...

	- Hình ảnh người bà dưới sự quan sát và cảm nhận của cháu hiện lên chân thực, xúc động. Cháu cảm nhận được sâu thẳm nỗi buồn sâu kín trong lòng bà, đó là nỗi nhớ quê nhà. Giờ đây, người cháu đã cảm nhận được tâm trạng nhớ quê nhà của bà qua cái từng cử chỉ, qua mảnh bầu hình trái tim bà hay gọt đẽo để dành cho trẻ "*hình như bà chỉ nhớ về quá khứ*"; "*Bà ngồi đấy lặng lẽ, thẫn thờ, như chờ một tiếng vạc sành, một tiếng ếch kêu*"... => Đoạn văn thể hiện lòng yêu kính, biết ơn, trân trọng của cháu dành cho bà, ca ngợi tình yêu quê hương và vị trí của quê hương trong tâm hồn con người.
10	HS tự thể hiện quan điểm, suy nghĩ cá nhân, có thể theo hướng: - Ai sinh ra cũng đều có quê hương; - Quê hương là cội nguồn để mỗi người luôn hướng về; - Tình cảm yêu quê hương đất nước là một truyền thống tốt đẹp và đáng quý; - Cho dù có ở nơi xa nhưng mỗi người vẫn luôn nhớ về quê nhà của mình; - Tình yêu quê hương đã thấm vào máu thịt, thiêng liêng trong trái tim mỗi con người như một lẽ tự nhiên,…

ĐỀ SỐ 6

"... Vợ chồng đôi bồng chanh đỏ năm nay đã về làm tổ ở chỗ gốc vối chưa, anh tin là thể nào nó cũng quay lại đầm nước làng mình. Nó bỏ làm sao được cái đầm sen đẹp như vậy, phải không em? Vả lại, chắc nó cũng đã thấy anh em mình đối xử với nó cũng đã đến nỗi nào đâu. Trong cánh rừng bọn anh đóng quân có rất nhiều giống chim lạ, nhưng bồng chanh đỏ thì anh chưa hề gặp.

(...) Tôi có cảm tưởng chỉ ở đầm nước làng tôi mới có bồng chanh đỏ (...)

Con chim ấy thường đậu trên một cọng sen khô ven đầm. Trông nó thật rực rỡ. Cái mỏ nhọn hoắt và oai vệ, dài như một cái quản bút. Lông ức hung hung vàng, còn thì toàn thân đỏ hồng như một đốm lửa. Chao ôi, đã bao nhiêu lần anh em tôi đứng trên

bờ đầm ngắm nhìn không mỏi mắt bộ cánh rất đẹp của nó. Đừng bao giờ bạn tưởng nó đang ngủ gật nhé, cứ lim dim mắt và đậu lì một chỗ như thế đấy, nhưng chỉ cần một hòn sỏi nhỏ rơi xuống nước là lập tức cái đầu tinh khôn của nó nghểnh cao lên ngay. Lúc đó, bạn sẽ thấy nó láu lỉnh một cách lạ lùng.

(...) Chính tôi đã phải thất vọng vì không sao lại gần nó được (...) Hãy thử bước thêm lên một bước. Một bước nữa. Thế là rõ rồi, nó vờ ngủ đấy thôi. Nó chẳng bỏ qua một hành động nhỏ nào của ta hết. Cái đầu ranh mãnh của nó lại đang nghiêng nghiêng ngó ngó kia rồi. Chỉ cần ta tiến lên một bước nữa hoặc vung tay một cái là nó sẽ bay vụt đi ngay.

Tôi không còn nhớ chính xác vào khoảng thời gian nào mình đã gặp bồng chanh lần đầu tiên trong đời (...) Dạo ấy tôi còn là một thằng bé con, thường theo anh ra ngoài đầm nước sau làng để anh dạy bơi (...) chính anh đã chỉ cho tôi nhìn thấy nó.

- Một con chim màu đỏ, mày không nhìn thấy sao. Hãy nhìn thật kỹ, nó rất dễ lẫn với hoa sen.

Rồi biết tôi có nhìn lâu hơn nữa cũng khó mà thấy được, anh Hiền nhặt một hòn đất ném mạnh. Giữa bãi sen xanh rì, một con chim nhỏ, không, một bông hoa đỏ rực, một đốm lửa, bỗng bay bổng lên cao. Nó không bay xa, chỉ một thoáng đã quay lại, đậu xuống chỗ cũ. Từ phút đó tôi biết là mình sẽ không bao giờ quên được con chim kỳ lạ này.

(...) bồng chanh chỉ là một con chim nhỏ bé, rất dễ lẫn với những bông hoa. Nhưng bọn trẻ chúng tôi chẳng đứa nào quên được sự có mặt của nó ở đây và dù nó luôn luôn khiêm tốn, ngủ gà ngủ vịt trong một góc đầm, chúng tôi vẫn nhìn thấy như thường.

Có một lần, dăm đứa vốn hay đi lang thang nhất làng đã ngồi trên bờ đầm tranh cãi với nhau mãi về nó.

- Tao cam đoan đây là một chú chả.

- Bồng chanh bồng quít gì cho nhiêu khê, cứ gọi nó là bói cá, mắt tao đã nhìn thấy nó lao xuống chộp mồi như một chú bói cá. Nó cứ đứng im như treo trên không trung rất lâu rồi vút một cái, cắm thẳng xuống nước.

- Bói cá hay chả thì lông phải xanh chứ sao lại đỏ?

Chẳng hiểu chúng nó còn phải gân cổ lên với nhau như vậy đến bao giờ nếu lúc đó anh tôi không kịp thời xuất hiện để đứng ra phân giải:

- Bồng chanh, bói cá đều thuộc họ chả. Nó làm tổ trong lòng đất. Chỗ gốc vối đằng kia nhất định phải có tổ của nó. Hai vợ chồng bồng chanh thay nhau một con đi kiếm ăn, một con ở nhà. Chúng đẻ trứng vào mùa xuân, sang mùa hạ thì chim non đã lớn và bắt đầu đi kiếm ăn một mình. Chúng sống thành từng đôi một, rất đầm ấm và chuyên cần. Các cậu nhìn, kia là con vợ đang chờ chồng mang mồi về mớm cho con.

Thật là tài tình, vừa hay khi chúng tôi quay ra nhìn theo tay anh Hiền chỉ thì một chú bồng chanh thứ hai, cũng đỏ rực như một ngọn lửa, từ đâu đã bay về. Nó đậu trên cành vối, cái mỏ ngậm mồi quay ngang quay ngửa như đang tỏ ra e ngại trước sự có mặt của chúng tôi. Không một tiếng kêu, bồng chanh vợ vội bay từ dưới đầm lên đậu bên cạnh chồng. Chúng rù rì trao đổi với nhau vài lời gì đó, chắc là con vợ bảo:

- Nhà nó chớ có ngại, bọn kia từ làng ra tắm và tán gẫu đấy thôi.

Nghe lời vợ, anh chàng liền cất cánh bay bổng lên, làm một động tác giả để đánh lừa chúng tôi, xong sà sát mặt nước rồi mất hút sau đám lá sen. Chúng tôi đều biết thừa là nó đã chui tọt vào tổ rồi.

(...)

Bạn nhớ nhé, làng tôi nằm bên một đầm sen rộng, mùa hạ hoa nở bát ngát, làng có cổng làng, còn trong đầm thì có một con bồng chanh mình đỏ như lửa lúc nào cũng lim dim đôi mắt đậu trên một cọng sen khô (...)

Tháng 5 năm 1972

(Trích *Bồng Chanh Đỏ* trong tập truyện ngắn *Chuyện Mùa Hạ* của Đỗ Chu,

nxb. Văn Học, 2010)

Tóm tắt truyện: Truyện kể về kỉ niệm tuổi thơ của chú bé Hoài và anh trai tên Hiền. Cả hai anh em đều là những người rất mê tìm hiểu về thế giới loài chim. Khi phát hiện ở đầm sen đầu làng có một đôi vợ chồng chim bồng chanh đỏ sinh sống, Hiền và Hoài thường xuyên ngắm nhìn vẻ đẹp của loài chim này. Một ngày nọ, anh Hiền rủ

Hoài đi bắt đôi chim bồng chanh này, nhưng khi bắt được một con, anh lại trả nó về với con chim còn lại. Trước khi nhập ngũ, anh quyết định trả lại tự do cho tất cả những con chim mà anh đã nuôi. Truyện kết thúc bằng lá thư Hoài viết gửi anh Hiền đôi bồng chanh đỏ đã quay trở về tổ cũ ở đầm sen.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Qua đoạn trích, trình tự kể của truyện "Bồng chanh đỏ" là

A. Trình tự thời gian từ hiện tại trở về quá khứ.

B. Trình tự thời gian từ quá khứ trở về hiện tại.

C. Theo dòng suy nghĩ của người kể chuyện.

D. Trình tự không gian.

Câu 2. Truyện được kể dưới cái nhìn và cảm nhận của nhân vật nào?

A. Nhân vật "tôi" (nhân vật Hoài).

B. Đôi chim bồng chanh đỏ.

C. Anh Hiền.

D. Nhân vật xưng "*tôi*" (nhân vật Hoài) và nhân vật anh Hiền.

Câu 3. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

A. Miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên qua hình ảnh con chim bồng chanh đỏ.

B. Kể về vẻ đẹp và cuộc sống của loài chim bồng chanh dưới cái nhìn và cảm nhận của anh em nhân vật "tôi."

C. Kể lại chuyện con chim bồng chanh đỏ đã phải dời tổ đi nơi khác.

D. Kể về cuộc sống của con chim bồng chanh và kỉ niệm tuổi thơ của hai anh em Hiền và Hoài (nhân vật tôi gắn với kí ức về chim bồng chanh đỏ).

Câu 4. Xác định ngôi kể của người kể chuyện trong đoạn trích.

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Không xác định được

Câu 5. Không gian nghệ thuật được khắc hoạ trong đoạn trích là

A. Cánh rừng

B. Cánh đồng

C. Đầm sen của làng

D. Gốc vối

Câu 6. Đề tài của tác phẩm có đoạn trích là gì?

A. Tình cảm gia đình

B. Thiên nhiên

C. Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên

D. Mỗi quan hệ giữa con người và con người

Câu 7. Câu: "*Nghe lời vợ, anh chàng liền cất cánh bay bổng lên, làm một động tác giả để đánh lừa chúng tôi, xong sà sát mặt nước rồi mất hút sau đám lá sen.*" sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Nhân hóa, liệt kê

B. Ẩn dụ, nhân hóa

C. Nói quá, so sánh

D. Liệt kê, so sánh

Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Em hình dung như thế nào về vẻ đẹp của chim bồng chanh đỏ qua lời miêu tả của chú bé Hoài?

Câu 9. Cảm nhận của em về chi tiết "Bạn nhớ nhé, làng tôi nằm bên một đầm sen rộng, mùa hạ hoa nở bát ngát, làng có cổng làng, còn trong đầm thì có một con bồng chanh mình đỏ như lửa lúc nào cũng lim dim đôi mắt đậu trên một cọng sen khô (...)

Câu 10. Từ văn bản trên, em rút ra những thông điệp nào?

Gợi ý trả lời

Câu	Đáp án

1	A. Trình tự thời gian từ hiện tại trở về quá khứ
2	A. Nhân vật "tôi" (nhân vật Hoài)
3	B. Kể về vẻ đẹp và cuộc sống của loài chim bồng chanh dưới cái nhìn và cảm nhận của anh em nhân vật "tôi"
4	A. Ngôi thứ nhất
5	C. Đầm sen của làng
6	C. Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên
7	D. Nhân hóa, liệt kê
8	Vẻ đẹp của chim bồng chanh đỏ qua lời miêu tả của chú bé Hoài: Chim bồng chanh đỏ là loài chim có bộ lông đẹp, nhiều màu sắc, tập tính sinh hoạt độc đáo và rất khó để có thể bắt gặp loài chim này vì chúng chỉ sống ở đầm có nhiều thức ăn.
9	- Đây là chi tiết tiêu, nằm cuối truyện, thể hiện tính cách chín chắn, thấu hiểu của nhân vật "tôi"- về vẻ đẹp và những tình cảm tự hào, yêu mến của nhân vật "tôi" về đôi bồng chanh đỏ. - Hình ảnh đôi chim bồng chanh hiện lên với cuộc sống tự do, trong không gian quen thuộc "một đầm sen rộng, mùa hạ hoa nở bát ngát", với màu sắc rực rỡ trở thành tiếng gọi thân thương của kí ức trong trẻo của tuổi thơ. - Ý nghĩa: Chi tiết thể hiện tình yêu, niềm mê say vẻ đẹp của chim bồng chanh, thể hiện mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên (yêu thương, tôn trọng, bảo vệ, mong muốn điều tốt đẹp cho chim bồng chanh).
10	Từ văn bản trên, em rút ra những thông điệp sau: - Hãy biết sống yêu thương và tôn trọng quyền tự do của các loài động vật. - Chúng ta có chính sách bảo vệ động vật hoang dã; cấm săn bắt, nuôi nhốt trái phép hoặc có hành vi bạo lực đối với động vật. - Hãy sống gần gũi, chan hòa với thiên nhiên, thiên nhiên sẽ tặng cho ta những giá trị đích thực của cuộc sống. - ....

ĐỀ BÀI 7

Đọc văn bản:

Hồi còn nhỏ, nhỏ xíu, tôi chưa có bạn gái. Suốt ngày chỉ chơi với…mẹ tôi và bà nội tôi. Mẹ tôi rất thương tôi nhưng vì mẹ sợ ba nên ít khi mẹ che chở được tôi trước những trận đòn của ba tôi. Bà tôi thì lại khác. Bà sinh ra ba nên ba phải sợ bà. Điều đó thật may mắn đối với tôi.

Hồi nhỏ tôi rất nghịch, ăn đòn khá thường xuyên. Điều đó buộc đầu óc non nớt của tôi phải tìm cách đối phó với những trận đòn trừng phạt của ba tôi. Mỗi lần phạm lỗi, hễ thấy ba tôi dợm rút cây roi mây ra khỏi vách là tôi vội vàng chạy sang nhà bà tôi. Bà tôi thường nằm trên cái sập gỗ lim đen bóng, bên dưới là những ngăn kéo đựng thuốc bắc của ông tôi. Bà nằm đó, miệng bỏm bẻm nhai trầu, tay phe phẩy chiếc quạt mo cau với một dáng điệu thong thả.

- Bà ơi, bà!- tôi chạy đến bên chiếc sập, hổn hển kêu.

Bà tôi chỏi tay nhỏm dậy:

- Gì đó cháu?

- Ba đánh! – Tôi nói, miệng méo xệch.

- Cháu đừng lo! Lên đay nằm với bà!

Bà tôi dịu dàng trấn an tôi và đưa tay kéo tôi lên sập, đặt tôi nằm khuất sau lưng bà, phía sát tường. xong, bà tôi xoay người lại, nằm quay mặt ra ngoài.

Lát sau, ba tôi bước qua, tay vung vẩy con roi dài, miệng hỏi:

- Mẹ có thấy thằng Ngạn chạy qua đây không?

- Không thấy.

Bà tôi thản nhiên đáp và tiếp tục nhai trầu. Tôi nằm sau lưng bà, tim thót lại vì lo âu. Tôi chỉ cảm thấy nhẹ nhõm khi nghe tiếng bước chan ba tôi xa dần. {….}.

Bà tôi không bao giờ từ chối yêu cầu của tôi. Bà vừa gãi lưng cho tôi vừa thủ thỉ kể chuyện cho tôi nghe. Những câu chuyện đời xưa của bà tôi nghe đã thuộc lòng…. Tuy vậy, mỗi khi bà kể chuyện, tôi luôn luôn nằm nghe với cảm giác hứng thú hệt như

lần đầu tiên, có lẽ do giọng kể dịu dàng và âu yếm của bà, bao giờ nó cũng toát ra một tình cảm trìu mến đặc biệt dành cho tôi khiến trái tim tôi run lên trong một nỗi xúc động hân hoan khó tả. Và tôi ngủ thiếp đi lúc nào không hay, với trái tim không ngừng thổn thức.

(Nguyễn Nhật Ánh. *Mắt biếc*, Nxb Trẻ, 2021)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên.

A. Cổ tích

B. Truyền thuyết

C. Thần thoại

D. Truyện ngắn

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là

A. Nghị luận

B. Tự sự

C. Miêu tả

D. Biểu cảm

Câu 3. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất
B. Ngôi thứ hai
C. Ngôi thứ ba
D. Không xác định ngôi kể

Câu 4. Trong đoạn trích, cậu bé Ngạn chạy sang bà để làm gì?

A. Trốn những trận đòn của ba.

B. Nghe bà kể chuyện.

C. Được bà cho quà.

D. Được bà ru ngủ.

Câu 5. Đoạn trích trên viết về nội dung nào sao đây?

A. Kỉ niệm tuổi thơ.

B. Tình bà cháu.

C. Tình cảm gia đình.

D. Cuộc đời bất hạnh.

Câu 6. Dòng nào dưới đây **không** đúng với chủ đề của đoạn trích?

A. Thể hiện một thế giới tuổi thơ trong trẻo, hồn nhiên.

B. Phê phán thói bạo lực gia đình.

C. Đưa người đọc về với miền kí ức đẹp đẽ của tuổi thơ.

D. Làm sống dậy những tình cảm đẹp đẽ với những người thân yêu nhất.

Câu 7. Dấu (…) trong câu văn *"Hồi nhỏ, nhỏ xíu, tôi không có bạn gái. Suốt ngày tôi chỉ chơi với…mẹ tôi và bà nội tôi"* thể hiện điều gì?

A. Một chuỗi liệt kê.

B. Sự ngưng đọng của cảm xúc.

C. Tạo sự bất ngờ, thú vị.

D. Diễn tả lời nói đứt quãng.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Cậu bé Ngạn đã cảm nhận được gì từ những câu chuyện của bà?

Câu 9. Em có ấn tượng như thế nào về nhân vật người bà trong câu chuyện?

Câu 10. Anh chị rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

Gợi ý trả lời

Câu	**Đáp án**
1	D. Truyện ngắn

2	B. Tự sự
3	A**.** Ngôi thứ nhất
4	A. Trốn những trận đòn của ba
5	B. Tình bà cháu.
6	B. Phê phán thói bạo lực gia đình.
7	C. Tạo sự bất ngờ, thú vị.
8	Cậu bé Ngạn đã cảm nhận được tình yêu thương, sự bình yên trong lời ru của bà.
9	HS có thể có những cảm nhận riêng, miễn là phù hợp và không trái với các chuẩn mực đạo đức và pháp luật. có thể theo gợi ý: - Đó là người bà có trái tim nhân hậu, yêu thương. - Là người sẵn sàng bao dung, tha thứ. - Là kho tàng văn học dân gian….
10	Thông điệp tích cực thông qua văn bản: HS tự rút ra thông điệp cho mình, miễn là phù hợp, tích cực. Có thể gợi ý các thông điệp sau: - Hãy nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ bằng cổ tích, ca dao. - Tuổi thơ, đó là khung trời đẹp nhất. …

ĐỀ BÀI 8

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu:

(**Lược đoạn mở đầu***:* Lượng cùng tiểu đội lính pháo binh về làng Đằng đóng quân trong những ngày đầu kháng chiến. Họ xin ở nhờ nhà một bà cụ nghèo. Nhà chỉ có hai mẹ con, cô con gái là du kích, tên Thận...)

Chúng tôi đóng quân trong làng, cấu trúc trận địa phòng ngự xong thì giặc tràn tới. Chúng từ các làng mạn trên thị xã tiến xuống. Tiếng súng cối nổ từ sáng sớm. Trên mé đường cái, xe cộ, súng ống, lính Tây, lính ngụy bắt đầu dàn đội hình chuẩn bị tiến vào làng. Trong bữa cơm liên hoan, quân dân ở sân đình, các cụ phụ lão cùng ban chỉ huy bộ đội đã chỉ tay về hướng địch mà thề sống chết có nhau. Đơn vị chúng tôi hôm đó phòng ngự cố thủ. Gần hai trăm đồng bào không chịu tản cư, cương quyết ở lại cùng bộ đội đánh giặc. Đội du kích xã bám sát bên từng hố chiến

đấu của chúng tôi. Gần chiều, các làng xung quanh trông thấy lửa bốc lên từ lũy tre làng Đằng. Địch đã chiếm được nửa làng. Tôi bị thương nặng. Địch xung phong vào lối ngõ nhà Thận, nhà tôi ở. Lúc trông thấy những bóng áo trắng của lính Tây lấp ló sau cái ngõ trống, tôi bảo Thận: "Cô quay lại phía sau xem đồng bào còn ai thì dắt xuống hầm, mau!". Thận không nghe. Cô chỉ có một thanh mã tấu, liền vứt thanh mã tấu xuống, nhặt lấy cây tiểu liên của tôi bắn chết một tên địch rồi cõng tôi lui về phía sau. Đêm ấy, đơn vị chúng tôi phá vòng vây thoát ra ngoài. Trừ một số du kích ở lại bám sát địch, nhân dân lại gồng gánh ra đi theo bộ đội. Một hàng cáng thương binh từ sân đình theo con ngòi sau làng lặng lẽ tiến ra bờ sông Thong. Tôi nằm trên chiếc võng bà mẹ Thận thường hay nằm. Người cáng tôi đêm ấy chẳng phải ai khác lại chính là Thận. Năm năm rồi, lúc nào tôi cũng như trông thấy một mép khăn mỏ quạ bay lất phất trên cái cổ cao rám nắng, và thanh mã tấu in hằn xuống một bên vai áo nâu cứ đánh lách cách bên thanh đòn khiêng.

[...] Đêm ấy trời chưa lạnh lắm. Không có sóng nhưng tôi vẫn nghe tiếng róc rách dưới lưng. Bầu trời đỏ lửa, nhưng vãi đầy sao. Mỗi vì sao như những con mắt nhấp nháy nhìn chúng tôi. Thận đỡ tôi nằm trên tấm ván lát mạn đò. Giữa trời sao khuya, một đôi mắt đen và to khẽ chớp. Tim tôi đập rộn lên trong cái chớp mắt ấy. Thận cẩn thận gài lại mép chăn cho tôi rồi cúi xuống, sát hơn: "Anh chóng lành để trở về giết thật nhiều giặc nhé - Anh đừng quên em!". Tôi thò tay ra ngoài mép chăn nắm chặt lấy bàn tay ram ráp bụi cát và ấm áp. Thận nhẹ nhàng xô đò ra. Tôi nằm dưới đò, nghe tiếng sóng Thong vỗ nhè nhẹ và nhìn theo cái bóng bé nhỏ của cô du kích đi khuất trong những vạt lúa đang trỗ. Tôi phỏng đoán sáng ngày mai địch lại tiếp tục càn lớn.

*(***Lược một đoạn***:* Nhân vật *tôi* kể lại lần về làng Đằng tìm gia đình Thận. Nhà Thận bị giặc đốt, chưa kịp dựng lại. Hai mẹ con đi nơi khác. Nhân vật *tôi* viết lại mấy chữ rồi gài vào gốc cây mai với hi vọng một ngày Thận sẽ về và nhận được tin mình. Cuối cùng nhân vật *tôi* cũng tìm được Thận.*)*

[....] Chúng tôi gặp nhau quá đột ngột. Cổ tôi như bị nghẹn. Dưới ánh sao lờ mờ, tôi khao khát ngắm khuôn mặt Thận và để cho tình yêu giấu kín bấy lâu tự nó trào lên trong lòng mình. Chúng tôi đều mừng và xúc động không nói nên lời ... Thận châm một ngọn đèn nhỏ. Bên ánh đèn, tôi thấy khuôn ngực Thận phập phồng. Tôi biết Thận đang xúc động. Tôi thương Thận quá! Mới mấy năm mà trông Thận gầy và

già đi nhiều. Đôi mắt ngày xưa trong sáng bây giờ đã thâm quầng, hằn lên những nét lo nghĩ. Gương mặt trái xoan hiền hậu cũng trở nên rắn rỏi và cương nghị.

Tôi không biết hỏi chuyện gì trước với Thận. Thời gian chúng tôi xa nhau có bao nhiêu chuyện xảy ra.

- Bây giờ nhà ta ở đâu, em? – Tôi buột miệng hỏi.

- Em ở nhiều nơi, thỉnh thoảng mới tạt về nhà.

- Vậy mẹ ở đâu?

- Mẹ mất rồi!

- Sao?

- Chúng nó giết mẹ rồi, anh ạ!

Tôi ôm khẩu súng vào lòng, đầu óc choáng váng. Tôi hỏi thêm:

- Bây giờ em làm gì?

Thận ngồi sát tôi hơn:

- Em hoạt động cho đoàn thể.

- Em được kết nạp vào Đảng rồi ư?

- Vâng.

Tôi đặt bàn tay lên bên vai gầy gò của Thận - một người đồng chí - và nhìn ra ngoài. Bên ngoài bóng đêm vẫn dày đặc…

(Trích *Nhành mai*, Nguyễn Minh Châu, Tuyển tập truyện ngắn, NXB Văn học, 2006, tr 14).

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Đoạn trích được kể theo ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 2. Nhân vật *tôi* là ai?

A. Một người dân ven đường

B. Một người dân làng Đằng

C. Một người dẫn đường

D. Người chiến sĩ tên Lượng

Câu 3. Sự kiện nào **không** xuất hiện trong đoạn trích?

A. Nhân vật *tôi* được Thận cứu khi bị thương nặng.

B. Nhân vật *tôi* gặp lại Thận sau nhiều năm xa cách.

C. Thận bị thương nặng sau trận càn của địch.

D. Mẹ Thận bị giặc giết.

Câu 4. Khi nhân vật *tôi* bị thương, Thận đã có thái độ thế nào?

A. Thờ ơ, lạnh lùng

B. Quyết đoán, dứt khoát

C. Căm thù, xót xa

D. Năng nổ, nhiệt tình

Câu 5. Dòng nào nêu đúng tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong câu văn "*Tôi nằm dưới đò, nghe tiếng sóng Thong vỗ nhè nhẹ và nhìn theo cái bóng bé nhỏ của cô du kích đi khuất trong những vạt lúa đang trổ.*"?

A. Gợi hình, gợi cảm, nhấn mạnh sự thong thả của nhân vật *tôi.*

B. Gợi hình, gợi cảm, nhấn mạnh sự thong thả của nhân vật Thận.

C. Gợi hình, gợi cảm, nhấn mạnh tình cảm biết ơn của nhân vật *tôi.*

D. Gợi tình cảm chân thành của nhân vật *tôi.*

Câu 6. Câu nào sau đây chứa thán từ?

A. *Anh đừng quên em!".*
B. *Mẹ mất rồi!*
C. *Bây giờ nhà ta ở đâu, em?*
D. *Vâng.*

Câu 7. Nhân vật *tôi* bộc lộ tình cảm gì đối với Thận qua câu văn sau: *"Mới mấy năm mà trông Thận gầy và già đi nhiều"?*

A. Xót xa, thương cảm

B. Yêu thương, hờn trách

C. Nhớ nhung, mong mỏi

D. Nuối tiếc, đau đớn

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Nêu cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật Thận qua đoạn trích.

Câu 9. Nhận xét về vai trò của yếu tố miêu tả và biểu cảm trong đoạn trích.

Câu 10. Từ nội dung đoạn trích, hãy viết đoạn văn 5 -7 câu nêu suy nghĩ về sức mạnh của tình đồng chí trong kháng chiến.

GỢI Ý

Câu	Đáp án gợi ý
1	A. Ngôi thứ nhất
2	D. Người chiến sĩ tên Lượng
3	D. Mẹ Thận bị giặc giết
4	B. Quyết đoán, dứt khoát
5	C. Gợi hình, gợi cảm, nhấn mạnh tình cảm biết ơn của nhân vật *tôi*
6	D. *Vâng.*
7	A. Xót xa, thương cảm
8	Vẻ đẹp của nhân vật Thận qua đoạn trích: - Là người con gái yêu quê hương, gắn bó với quê hương. - Hành động quyết đoán, dũng cảm trước kẻ thù; thủy chung với cách mạng. - Hết lòng vì đồng đội, giàu tình yêu thương.

9	Vai trò của yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện: - Làm cho đoạn trích trở lên sinh động, hấp dẫn. - Yếu tố miêu tả giúp người đọc dễ hình dung khung cảnh đêm trên sông và vẻ đẹp dịu dàng, kín đáo của Thận. - Yếu tố biểu cảm giúp thể hiện rõ diễn biến tâm trạng của nhân vật tôi – người chiến sĩ tên Lượng.
10	*Hình thức: Viết đoạn văn, đảm bảo dung lượng và hình thức đoạn văn. *Nội dung: HS nêu được suy nghĩ về sức mạnh của tình đồng chí trong kháng chiến: - Giúp mỗi người chiến sĩ, du kích dũng cảm chiến đấu với kẻ thù. - Giúp những người lính vượt lên bao khó khăn, thử hách. - ...

ĐỀ SỐ 9

Đọc văn bản:

Cha tôi thế hệ 5X, chớm già. Sinh năm Canh Dần, theo tuổi bà mụ, tính đến nay cha vừa tròn năm mươi chín tuổi. Hơn nửa thế kỷ có mặt trên đời thì bốn mươi năm cha mặc áo nhà binh, cầm súng và xa nhà. Cha tôi lấy vợ muộn và lại muộn đường con cái bởi đi chinh chiến hết miền Nam rồi sang Campuchia đến năm 1989 mới về nước, sau ở lì Tây Nguyên thỉnh thoảng mới về nhà.....

[...]

Cha trở về, cha mang theo nguyên hình vị đại tá tại ngũ. Sáng mới năm giờ, cha đã gọi tôi dậy lên sân thượng tập thể dục. Cha hô một hai, một hai, con cũng hô một hai... một hai... đến mức sáng bảnh bà hàng phố ngó đầu sang bảo: "Nhà mày đang huấn luyện tân binh à?". Mẹ tôi không giận cứ cười ngặt nghẽo.

Cha tôi đọc báo, nghe đài, xem ti vi. Ông càng lo cho tôi, đứa con trai độc nhất. Nó mà dây vào nghiện hút thì không những đời nó tàn mà cả nhà khổ, ông sẽ

mất con. Lúc nào, cha tôi cũng cảm thấy bất ổn. Đi ra đường thì sợ tai nạn giao thông, về nhà thì chỉ sợ con hư hỏng, sợ vợ làm ăn đổ bể... Suốt cả đời, cha tôi quen rèn luyện người khác, quen chăm lo người khác nên nó ngấm vào máu, thành thuộc tính cố hữu rồi.

Tối, cha bắt cả nhà đi ngủ sớm. Riêng điểm này thì tôi khó chịu lắm, cứ mặt nặng mày nhẹ với cha. Bấy lâu nay quen sống tự do, tôi học hành ấm ớ rồi lướt web, chơi game, hoặc chat với mấy đứa "chíp con" cùng lớp đến một, hai giờ sáng. Một tuần, mẹ tôi sáu ngày đến vũ trường nhảy nhót, hoặc đi uống cà phê đến khuya mới về. Chị Mai mải xem phim Hàn Quốc liên miên. Cái thứ phim toàn khóc lóc, thất tình, ung thư, hoặc bệnh máu trắng rồi ân hận, sám hối... có gì đáng đồng tiền bát gạo mà lấy mất thời gian của chị tôi đến thế? Cha về. Cha thiết quân luật. Đừng hòng ai thức khuya quá mười một giờ đêm. Cha bảo: "Cứ như đơn vị bố thì chín giờ rưỡi là kèn báo ngủ đã tèn teng... tèn teng... Anh nào có muốn đọc nốt bài báo cũng không được vì trực ban... tắt điện". Chị Mai tôi than thở: "Cứ thế này thì tao đến phải lấy chồng mất thôi, chạy trốn vào nhà bà mẹ chồng có khi còn tự do hơn".

Tuy có ca thán về cha, nhưng chị Mai thương cha vô cùng. Cái dạo chị mới năm sáu tuổi, cha về phép. Một cái khung xe đạp, một con búp bê tóc vàng, vài mảnh vải cho vợ con; vậy mà cả nhà vẫn đầm ấm, hạnh phúc, vui vẻ. Cha rất quý con gái. Ngày ấy, gia đình tôi chưa chuyển lên Hà Nội ở. Chiều chiều, cha tôi dẫn con gái đi dọc triền đê nhìn đồng quê sông nước. Hình ảnh cha vận sắc phục nhà binh, đeo quân hàm đỏ chói, bàn tay to dầy thô dắt đứa con gái nhỏ bé lích chích đi tha thẩn, nhàn hạ, thanh bình trên triền đê đầy hoa cỏ may cứ đi theo chị tôi suốt tuổi thơ đến bây giờ. Nhưng, ám ảnh, sợ hãi nhất là khi cha khoác ba lô trả phép. Ngày ấy, bên chiến trường Campuchia đánh bọn Pôn Pốt vẫn đang ác liệt. Cha phải đi, bên ấy có nhiều việc đang chờ. Con gái và cha vừa ấm hơi, quen nhau thì cha đã ra đi. Cha không muốn mẹ đưa ra tận ga tàu, cha sợ những giọt nước mắt sụt sùi. Mẹ và chị tôi tiễn chân cha ra đầu làng. Cha âu yếm nhìn vợ, rồi ôm hôn con gái, cha bảo mẹ tôi: "Em và con về đi". Cha thả con gái xuống và quay lưng rảo bước, những bước chân dài đạp trên đá mạt rào rạo, vội vã, thỉnh thoảng quay lại vẫy vẫy tay. Bỗng chị tôi khóc thét lên và cùn cụt chạy theo cha. Cha tôi quay lại ôm choàng lấy con gái. Nước mắt chị tôi nhoen nhoét vào gương mặt dãi dầu từng trải của cha. Mẹ tôi bảo: "Hay

anh ở lại, mai hãy đi". Cha tôi bảo: "Em đừng buồn. Anh mà ở lại thì anh không đi được nữa. Thôi nào con, cho bố đi nào". Cha chuyền tay trao con gái cho vợ rồi quay gót. Lần này, bước chân ông quả quyết, thật nhanh, không ngoái đầu nhìn lại. Mẹ và chị tôi thầm thũi khóc nhìn bóng cha tôi cứ xa dần, mờ dần.

Hầu như tôi không có kỷ niệm ấu thơ với cha. Cha nhẹ nhàng với con gái bao nhiêu thì nghiêm khắc với con trai bấy nhiêu. Hễ lần nào tôi đi học luyện thi về là cha hỏi han từng li từng tí: "Hôm nay con học môn gì? Con có tiếp thu được không?..". Tất nhiên, tôi khó chịu ra mặt, trả lời qua loa đôi chút. Lúc cha chưa về, mẹ chẳng bao giờ xét nét tôi như thế.[...]

(Trích *Cha Tôi* – Sương Nguyệt Minh, theo https://isach.info/story.php)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

A. Biểu cảm B. Miêu tả

C. Tự sự D. Thuyết minh

Câu 2. Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ ba

C. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba D. Không xác định được

Câu 3. Cuộc sống trong gia đình " tôi" bắt đầu xáo trộn khi nào?

A. Chị Mai đi lấy chồng.
B. Tôi đi học.

C. Người cha trở về.

D. Người cha thất nghiệp.

Câu 4. Nhận xét nào **không** đúng về người cha trong văn bản trên?

A. Giàu tình yêu thương, luôn lo lắng cho con.
B. Nghiêm khắc trong cách giáo dục con.
C. Yêu nước, sống có trách nhiệm với tổ quốc.

D. Lạc hậu, cổ hủ và bảo thủ.

Câu 5. Câu văn "*Lần này, bước chân ông quả quyết, thật nhanh, không ngoái đầu nhìn lại"* cho thấy điều gì?

A. Tình yêu mặn nồng son sắt, thủy chung của cha với gia đình, vợ con.
B. Thái độ cương quyết và tinh thần trách nhiệm của cha với tổ quốc.
C. Tâm trạng buồn bã, lưu luyến của người cha khi chia tay vợ con đi đánh giặc.
D. Thái độ hời hợt, không quan tâm đến vợ con của người cha.

Câu 6. Câu văn nào sau đây sử dụng trợ từ?

A. Ông càng lo cho tôi, đứa con trai độc nhất.

B. *Đi ra đường thì sợ tai nạn giao thông, về nhà thì chỉ sợ con hư hỏng, sợ vợ làm ăn đổ bể...*

C. *Tuy có ca thán về cha, nhưng chị Mai thương cha vô cùng.*

D. *Lúc cha chưa về, mẹ chẳng bao giờ xét nét tôi như thế.*

Câu 7. Nhà văn Sương Nguyệt Minh đã thể hiện tình cảm gì với nhân vật người cha trong đoạn trích?

A. Yêu mến, kính trọng
B. Xót xa, thương cảm
C. Căm ghét, oán trách
D. Mỉa mai, châm biếm

Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Chỉ ra và nêu tác dụng của một phép tu từ được sử dụng trong đoạn văn: "*Lúc nào, cha tôi cũng cảm thấy bất ổn. Đi ra đường thì sợ tai nạn giao thông, về nhà thì chỉ sợ con hư hỏng, sợ vợ làm ăn đổ bể... Suốt cả đời, cha tôi quen rèn luyện người khác, quen chăm lo người khác nên nó ngấm vào máu, thành thuộc tính cố hữu rồi?*

Câu 9. Theo em, vì sao **"***hình ảnh cha vận sắc phục nhà binh, đeo quân hàm đỏ chói, bàn tay to dầy thô dắt đứa con gái nhỏ bé lích chích đi tha thẩn, nhàn hạ, thanh bình trên triền đê đầy hoa cỏ may"* lại đi theo nhân vật chị tôi suốt tuổi thơ đến bây giờ?

Câu 10. Viết đoạn văn ngắn (5 – 7 dòng) nêu cảm nhận của em về hình ảnh người cha trong đoạn trích trên.

GỢI Ý

Câu	Đáp án gợi ý
1	C. Tự sự
2	A. Ngôi thứ nhất
3	C. Người cha trở về
4	D. Lạc hậu, cổ hủ và bảo thủ.
5 A.	B. Thái độ cương quyết và tinh thần trách nhiệm của cha với tổ quốc.
6	B. *Đi ra đường thì sợ tai nạn giao thông, về nhà thì chỉ sợ con hư hỏng, sợ vợ làm ăn đổ bể...*
7	A. Yêu mến, kính trọng
8	- Biện pháp tu từ: Liệt kê những nỗi lo sợ của người cha, khiến cho Cha luôn cảm thấy bất ổn như: lo con trai ra đường tai nạn, về nhà hư hỏng. Lo cho vợ làm ăn đổ bể,... - Tác dụng: + Làm tăng tính biểu đạt cho đoạn văn. + Nhấn mạnh những nỗi lo lắng, tấm lòng yêu thương của người Cha dành cho con cái, gia đình.
9	HS bày tỏ suy nghĩ của bản thân: *Hình ảnh cha vận sắc phục nhà binh, đeo quân hàm đỏ chói, bàn tay to dầy thô dắt đứa con gái nhỏ bé lích chích đi tha thẩn, nhàn hạ, thanh bình trên triền đê đầy hoa cỏ may"* lại đi theo chị *tôi* suốt tuổi thơ đến bây giờ vì: - Đây là những phút giây hiếm hoi chị "tôi" được ở bên cha thời thơ ấu khi người cha luôn bận việc nhà binh. - Hình ảnh đẹp đẽ giữa cha và con gái: Cha vẫn trong bộ áo nhà binh, đầy oai dũng, là chỗ dựa vững chắc cho con gái nhỏ, trong khung cảnh

	nên thơ, thanh bình hiếm hoi giữa lúc chiến tranh đang ác liệt. - Hình ảnh cho thấy tình cảm cha con đong đầy yêu thương.
10	* Hình thức: Viết đoạn văn, đảm bảo dung lượng và hình thức đoạn văn. *Nội dung: HS nêu cảm nhận về hình ảnh người cha trong đoạn trích: + Giàu tình thương yêu, luôn lo lắng và mong những điều tốt đẹp nhất đến với con cái, gia đình. + Nghiêm khắc trong cách giáo dục con, kỷ luật với bản thân, gia đình. + Sống có trách nhiệm với quê hương, đất nước. ...

ĐỀ SỐ 10

Đọc đoạn trích sau:

Bắt đầu từ hôm ấy, những tập thơ cổ được giũ lớp bụi ngầu và ra khỏi cái níp sách sơn son. Cụ Nghè Móm bắt đầu nghiền lại tập thơ của người xưa. Đường thi, Tống thi, Minh thi; đọc đến một bài, đọc hết một câu, gặp được một chữ đột ngột, cụ ngừng lại, ghé mắt kém vào mặt chữ nhỏ như con kiến, cụ vắt tay lên trán, nghĩ ngợi và lẩm bẩm. Rồi cụ ngồi nhổm dậy, sao cả bài thơ ấy vào một cuốn sách giấy bản mới mẻ. Nhưng thường cụ chỉ trích lấy một câu ở những bài thơ đọc rất kỹ lưỡng đó. Ngày năm câu, ngày ba câu, một ngày gần đấy, cuốn sách đã đặc những dòng chữ thảo chép những câu thơ rút ở cổ thi. Cô Tú theo lời cha dặn, đã đi mua sẵn rất nhiều tờ giấy tàu bạch ra rọc giấy ra từng mảnh dài bằng chiếc đũa và ngang to bằng hai ngón tay…

- Đừng nghịch, thầy trông thấy, thầy mắng chết. Giấy này để làm gì à?

- Thầy sẽ viết những câu thơ cổ vào đấy để bày ra giữa chiếu những lúc thả thơ.

- Thả thơ? Có làm thơ thì có, chứ thầy và các anh ấy có nói thả thơ bao giờ.

Cô Tú vốn yêu những cậu học trò nhỏ tuổi của cha mình như một người chị lớn đối với em út, cô không khỏi nín cười để giảng:

- Thầy sẽ viết vào mảnh giấy trắng này một câu thơ bảy chữ mà chỉ... có sáu chữ thôi. Còn một chữ thì để trống và thay vào đấy một cái khuyên tròn. Cái khuyên tròn thay chữ đó thường gọi là chữ "vòng". Đây này, chị lấy một câu làm thí dụ thì các em rõ ngay. Các em biết câu: "Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tần" đấy chứ? Ừ, thí dụ bây giờ định thả câu thơ ấy. Và định vòng chữ "hướng" ở đoạn dưới. Thầy sẽ viết vào mảnh giấy nhỏ này: "Quân hướng Tiêu Tương, ngã... Tần". Và khi ngâm câu thất ngôn có sáu chữ ấy lên thì thường phải ngâm: "Quân hướng Tiêu Tương, ngã... "vòng"... Tần"; Chữ "vòng" đây thay vào chỗ để trống. Bây giờ mới nói đến những chữ "thả" ra. Thí dụ thầy thả năm chữ: "cố", "tại", "vọng", "phản" và luôn cả cái chữ "hướng" trong nguyên văn. Thường chỉ thả có năm chữ thôi.

[..]

(Trích *Thả thơ,* Tập *Vang bóng một thời*, Nguyễn Tuân, NXB Văn học, 1980)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự

C. Thuyết minh D. Biểu cảm

Câu 2. Văn bản trên được kể theo ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Không xác định được

Câu 3. Thú văn chương nào được bàn đến trong đoạn trích?

A. Đánh thơ B. Ngâm thơ

C. Thả thơ D. Làm thơ nhanh

Câu 4. Sự kiện chính của đoạn trích trên là gì?

A. Cụ Nghè Móm dạy học trò trong làng.

B. Cô Tú giúp cha giảng bài cho học trò.

C. Cụ Nghè Móm chuẩn bị cho buổi thả thơ.

D. Diễn biến của buổi thơ thơ.

Câu 5. Ý nào **không** đúng khi nói về những hành động của cụ Nghè Móm để chuẩn bị cho thú văn chương?

A. Nghiền lại tập thơ của người xưa.

B. Đọc đến một bài, đọc hết một câu, gặp được một chữ đột ngột, cụ vắt tay lên trán, nghĩ ngợi và lẩm bẩm.

C. Sao cả bài thơ ấy vào một cuốn sách giấy bản mới mẻ.

D. Mua sẵn rất nhiều tờ giấy tàu bạch ra rọc giấy ra từng mảnh dài bằng chiếc đũa và ngang to bằng hai ngón tay.

Câu 6. Ý nào **không** đúng khi nói về thú thả thơ?

A. Là thú vui tao nhã của những người yêu văn chương.

B. Người chơi là những người dựa vào may rủi để đoán đúng thơ.

C. Đòi hỏi sự tỉ mỉ, công phu.

D. Là một nét văn hóa tinh thần thời xưa.

Câu 7. Đặc sắc nghệ thuật trong đoạn trích trên là gì?

A. Xây dựng tình huống truyện đặc sắc.

B. Xây dựng nhân vật qua diễn biến tâm lí tinh tế.

C. Ngôn ngữ trang trọng, cổ kính.

D. Sử dụng đa dạng điểm nhìn.

Trả lời câu hỏi/Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 8. Nhận xét về thái độ của người xưa đối với văn chương qua đoạn trích trên.

Câu 9. Qua đoạn trích trên, nhà văn Nguyễn Tuân muốn gửi gắm điều gì?

Câu 10. Viết đoạn văn (5 – 7 câu) trả lời câu hỏi: *Làm thế nào để bảo tồn văn hóa truyền thống?*

GỢI Ý

Câu	**Đáp án gợi ý**
1	B. Tự sự
2	C. Ngôi thứ ba
3	C. Thả thơ
4	C. Cụ Nghè Móm chuẩn bị cho buổi thả thơ

5	D. Mua sẵn rất nhiều tờ giấy tàu bạch ra rọc giấy ra từng mảnh dài bằng chiếc đũa và ngang to bằng hai ngón tay
6	B. Người chơi là những người dựa vào may rủi để đoán đúng thơ
7	C. Ngôn ngữ trang trọng, cổ kính
8	Thái độ của người xưa đối với văn chương**:** Trân trọng, nâng niu, coi văn chương như một thứ bảo vật quý giá.
9	Qua đoạn trích, nhà văn gửi gắm mong muốn níu giữ những nét văn hóa đẹp đẽ của một thời đã xa, một thời vang bóng.
10	Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: **- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành; **- Nội dung:** Làm thế nào để bảo tồn văn hóa truyền thống? + Ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc của thanh thiếu niên Việt Nam được biểu hiện ở nhiều phương diện: cách sống, lối sống, quan niệm, suy nghĩ, hoạt động, nói năng, ăn mặc, ứng xử…. + Để bảo tồn văn hóa truyền thống, mỗi cá nhân đều cần ý thức được vai trò to lớn của bản sắc văn hóa dân tộc. Từ đó, biết bảo vệ giữ gìn chúng không bị mai một đi theo thời gian. + Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về văn hóa truyền thống để lan tỏa tới mọi người vẻ đẹp độc đáo làm lên bản sắc riêng cho dân tộc. + Sẵn sàng đầu tư, tài năng, công sức và tiền bạc để làm sống lại những nét văn hóa truyền thống đang bị mai một đi trong xã hội công nghệ. …

ĐỀ BÀI 11

Đọc văn bản sau:

Tôi quyết định rồi, tôi sẽ bỏ nhà đi bụi đời […]. Tôi quyết định đến ngã tư chỗ rẽ về nhà ngoại, thể nào lúc ba mẹ cuống cuồng chạy đi tìm cũng qua đây […]

Ở đó, tôi gặp thằng Lụm.

[…] Thằng Lụm rờ cái cặp đầy nhóc quần áo tôi:

- Mầy đi đâu mà ngồi đây?

Tôi nói dõng dạc để chứng tỏ con người mình đầy dũng cảm:

- Đi bụi đời

Nó chê liền:

- Tướng mầy mà đi bụi? Yếu như cọng bún mà nói đi bụi, mắc cười.

Tôi giận lắm, tuy nhiên để chứng tỏ mình là người lớn, tôi nhún vai ra chiều không chấp. Tôi hỏi lại nó ra đây làm cái gì. Nó nói, nó tìm má nó. Tôi hỏi má nó ở đâu, nó lắc đầu hổng biết. Tôi hỏi tới:

- Sao kỳ vậy?

Thằng Lụm "còi" nhún vai, co mình lại tuồng như ngọn gió vừa bay qua lạnh lắm vậy.

- Hồi đó, hồi tao còn nhỏ ơi là nhỏ, má tao bỏ tao lại đây nè.

- Là sao?- tôi chưng hửng.

- Tao cũng đâu có biết. Chắc má tao gặp chuyện gì đó buồn lắm, nuôi không nổi tao nên bỏ tao lại đấy. Bởi vậy tao tên Lụm đó.

- Sạo hoài.

Thằng Lụm lắc đầu ra chiều chán nản:

- Thiệt đó, biết sao tao đen thui vậy hôn?- Nó chìa ra cái mặt như chàm cháy – tao bị bỏ ngoài nắng đó. Hồi đó ở ngã tư nầy vắng hoe hà, tao nằm khóc cả buổi mà đâu có ai hay. Tới chừng đói qúa tao mới khóc, tao khóc rổn rổn luôn, tao mạnh miệng từ hồi nhỏ mà. Rồi cái có bà dì bán bánh mì chạy lại, bồng lên, đâu có sữa, bà dì mới móc ruột bánh mì cho tao trấp trấp đỡ, dè đâu tao ăn hết ổ bánh mì luôn. Bà dì thấy tao dễ nuôi, nuôi luôn, sau này, tao kêu bả bằng ngoại. Tao lớn mà hổng tốn một miếng sữa nào hết, hay chưa?

[…]

- Sao mày đi bụi? - thằng Lụm chợt hỏi/

- Ba tao – tôi chép miệng ra vẻ oan ức. Ba tao đánh tao.[…]

Giọng thằng Lụm vừa hồ hởi vừa có vẻ ganh tị.- Mày sướng thiệt (trời, bị đánh mà sướng nỗi gì). Vậy mà còn bỏ nhà đi. Đồ ngu!

Tự nhiên vậy rồi nó chửi tôi à. Tôi cãi:

- Mầy đâu có má có ba đâu có biết. Người lớn khó dữ lắm.

- Chẳng thà có má, có ba, bị rầy gì tao cũng chịu - thằng Lụm trở nên trầm ngâm, coi nó già quá trời!- Nhưng mầy đừng có lo, tao ngồi đây thể nào cũng gặp má tao thôi. Thế nào má đi qua má cũng nhìn ra tao. Mai mốt bị rầy, bị đòn cho đã. […]

Thằng Lụm "còi" làm tôi hối hận và nhớ ba mẹ quá chừng. Tôi muốn trở về. Tôi ngồi im lặng suy nghĩ trong khi thằng Lụm đứng dậy để nhìn mỗi khi có một lượt xe dừng lại trước đèn đỏ. Tôi chợt sợ quá, có khi nào ba mẹ giận bỏ tôi luôn như thằng Lụm không. Ba mẹ sẽ sanh nhiều thiệt nhiều em khác còn tôi thì biết kiếm đâu ra ba mẹ khác bay giờ. Tôi ngồi lo lắng đến mức, khi ba mẹ tôi ghé xe lại dưới đường tôi còn không hay. Thấy bóng mẹ đứng sịch trước mặt mình, tôi bật khóc:

- Con tính đâu ba mẹ bỏ con luôn rồi.

Mẹ không vồ vập ôm lấy tôi mà điềm đạm cầm bàn tay tôi bóp mạnh, còn ba thì vỗ vỗ vào đầu tôi.

- Con hư quá. Con đừng làm vậy ba mẹ buồn.

Thằng Lụm đứng trân trân nhìn tôi với đôi mắt buồn tủi. Tôi quẹt nước mắt bước lại gần nó, bất giác tôi gọi thằng Lụm bằng anh:

- Em về nghen, anh Lụm.

[…] Thằng Lụm cảm động, lắc đầu, nó nói trổng không:

- Mai mốt ra đây chơi, nghen mậy!

Tôi vừa ngoái vừa gật đầu. Ba tôi hỏi ai, tôi trả lời "Bạn con. Anh Lụm. Anh Lụm tội nghiệp lắm ba à…" không biết thằng Lụm "còi" có biết tôi đang kể về nó không mà

nó nhìn theo xe tôi đến khuất thì thôi. Khi tôi ngoái lại, dưới đèn sáng rực, tôi thấy trong mắt nó lấp loáng những giọt nước.[…]

(Trích *Lụm Còi*, Nguyễn Ngọc Tư)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Xác định thời gian, không gian trong truyện.

A. Một chiều muộn nơi bến sông.

B. Một sớm bình minh tại một khu chợ nghèo.

C. Khoảng thời gian đêm tại một ngã tư đường phố.

D. Một buổi trưa tại gầm cầu.

Câu 2. Hoàn cảnh của cậu bé tên Lụm?

A. Một cậu bé lang thang, đi kiếm ăn trong đêm.

B. Bỏ nhà đi lang thang, kiếm ăn bằng cách đi bán bánh mì.

C. Bị lạc, đang tìm đường về nhà.

D. Bị bỏ rơi, được người ta nhặt về nuôi, ngày đi bán bánh mì, đêm ra ngã tư.

Câu 3. Mục đích thằng Lụm ra ngã tư đường trong đêm là gì ?

A. Để ăn xin.

B. Để tìm người quen.

C. Để đợi mẹ nó.

D. Để kiếm sống.

Câu 4. Truyện xoay quanh tình huống nào?

A. Nhân vật tôi đánh nhau với một cậu bé tên Lụm.

B. Nhân vật tôi bỏ nhà ra đi gặp Lụm tại một ngã tư đường trong đêm.

C. Nhân vật tôi và cậu bé tên Lụm cùng nhau thực hiện một cuộc bỏ trốn.

D. Nhân vật tôi và cậu bé tên Lụm cùng nhau đánh lại bọn du côn tại một ngã tư đường trong đêm.

Câu 5. Vì sao thằng Lụm mong được ba mẹ đánh như tôi?

A. Vì nó muốn được trải nghiệm cảm giác đau.

B. Vì nó tò mò muốn biết sự nghiêm khắc của ba mẹ « tôi».

C. Vì nó đã chán ghét cuộc sống quá êm đềm và bình yên.

D. Vì chỉ khi có mẹ cha mới có được sự quan tâm, dạy dỗ đó.

Câu 6. Điểm trùng khớp giữa mạch truyện và câu chuyện?

A. Theo trình tự thời gian.

B. Theo trình tự không gian.

C. Theo sự phát triển nội tâm nhân vật.

D. Theo quy luật nhận thức của con người.

Câu 7. Chi tiết "*Khi tôi ngoái lại, dưới đèn sáng rực, tôi thấy trong mắt nó lấp loáng những giọt nước"* nói lên điều gì?

A. Một bức tranh đẹp mà buồn sâu thẳm về nỗi khốn khổ của con người.

B. Tác giả muốn mượn ánh sáng để khắc họa rõ nét nội tâm của con người.

C. Nhân vật tôi đã hiểu chuyện và thực sự trưởng thành khi biết chia sẻ, đồng cảm với những đau khổ, với những khao khát của Lụm.

D. Tình cảm gắn bó của nhân vật tôi đối với Lụm đã làm Lụm xúc động khi phải chia xa

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Những lời đối thoại trong truyện cho ta hiểu gì về các nhân vật?

Câu 9. Theo anh (chị), vì sao đến cuối truyện nhân vật tôi gọi Lụm bằng anh?

Câu 10. Có người khuyên: Hãy rời xa gia đình và sống cuộc đời như bạn muốn. Em có đồng tình với lời khuyên này không? Vì sao?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết một bài văn phân tích một tác phẩm truyện mà em yêu thích (hay một đoạn trích)

Gợi ý trả lời

Câu	Đáp án
1	C. Khoảng thời gian đêm tại một ngã tư đường phố.
2	D. Bị bỏ rơi, được người ta nhặt về nuôi, ngày đi bán bánh mì, đêm ra ngã tư.
3	C. Để đợi mẹ nó
4	B. Nhân vật tôi bỏ nhà ra đi gặp Lụm tại một ngã tư đường trong đêm.
5	D. Vì chỉ khi có mẹ cha mới có được sự quan tâm, dạy dỗ đó.
6	A. Theo trình tự thời gian.
7	C. Nhân vật tôi đã hiểu chuyện và thực sự trưởng thành khi biết chia sẻ, đồng cảm với những đau khổ, với những khao khát của Lụm.
8	Những lời đối thoại trong truyện cho em hiểu về các nhân vật như sau: - Đó là những lời đối thoại của hai thiếu niên có hoàn cảnh sống hoàn toàn đối lập nhau : Một cậu bé bị bỏ rơi, cuộc sống nghèo khổ, đáng thương, một cậu bé được cha mẹ yêu chiều, vì giận dỗi cha mẹ mà bỏ nhà ra đi. - Những lời đối thoại giúp ta hiểu tính cách từng nhân vật : Một cậu bé bị bỏ rơi chịu nhiều khổ cực, tự lập từ nhỏ khao khát một cuộc sống gia đình; một cậu bé được mẹ cha chiều chuộng chưa từng chịu khổ, chưa trải nghiệm đời sống.
9	Đến cuối truyện nhân vật tôi gọi Lụm bằng anh vì : Sự trải nghiệm và cuộc sống đầy đau khổ của Lụm đã đem đến cho nhân vật tôi nhiều bài học cuộc đời ý nghĩa, đặc biệt là bài học về tình cảm gia đình, về công cha nghĩa mẹ.
10	HS nêu quan điểm của mình về ý kiến: Hãy rời xa gia đình và sống cuộc đời như bạn muốn. - Quan điểm đồng tình/ hoặc không đồng tình. - Lí giải cho quan điểm của mình.

	+ Đối với quan điểm đồng tình: HS nêu được một số lí do như: + + Gia đình chính là tổ ấm, nơi nuôi dưỡng mỗi con người trưởng thành, nơi mỗi người đều được đón nhận tình yêu thương, sự vỗ về, … + + Cuộc sống ngoài kia là vô vàn thử thách, từ bỏ, dời xa gia đình sẽ khiến chúng ta hải gặp muôn vàn khó khăn, thậm chí sóng gió... + + Khi bản thân luôn trân trọng gia đình thì chắc chắn chúng ta sẽ đón nhận được những tình cảm thiêng liêng ấy, cuộc sống mới ý nghĩa,... ... + Đối với quan điểm đồng tình: HS nêu được một số lí do như: + + Để mỗi người phải tự lập, không dựa dẫm vào người thân. + + Trải nghiệm để trưởng thành, đương đầu với thử thách. ...

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Tìm đọc và tham khảo một số truyện hay.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT 92-93-94:
LUYỆN TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
Từ ngữ toàn dân, từ địa phương và biệt ngữ xã hội

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực: Giúp HS:

- Củng cố kiến thức về từ ngữ toàn dân, từ địa phương và biệt ngữ xã hội;
- Nhận biết được từ ngữ toàn dân, từ địa phương và biệt ngữ xã hội; phân tích được tác dụng của từ ngữ toàn dân, từ địa phương và biệt ngữ xã hội trong đời sống và trong tác phẩm văn học.

- Rèn khả năng nhận biết và vận dụng từ ngữ toàn dân, từ địa phương và biệt ngữ xã hội vào hoạt động nói, viết...cho phù hợp.
- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng và yêu quý tiếng Việt.

- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, hệ thống các bài tập.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG I: ÔN TẬP LÍ THUYẾT

1. Mục tiêu:

- HS ôn tập các kiến thức đã học về trợ từ, thán từ để hiểu rõ đặc điểm, chức năng của chúng.

2. Nội dung: HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào vở bài tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Ôn tập lí thuyết về từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội	
Hướng dẫn học sinh ôn tập kiến thức về thán từ **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm. Nhóm 1: Về từ ngữ toàn dân Nhóm 2: Về từ ngữ địa phương Nhóm 3: Về biệt ngữ xã hội - *Nhắc lại những kiến thức lí thuyết đã*	**1. Từ ngữ toàn dân** *** Khái niệm:** Từ ngữ toàn dân của một ngôn ngữ là: - Từ ngữ được sử dụng rộng rãi ở mọi vùng miền đất nước; - Khối lượng từ ngữ cơ bản, có số lượng lớn nhất của một ngôn ngữ. *** Vai trò của từ ngữ toàn dân:** - Có vai trò rất quan trọng trong giao tiếp ở

học về từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội? *- Lấy ví dụ minh họa cụ thể.* - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Hs thảo luận. - Gv quan sát, hỗ trợ. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. - Là cơ sở cho sự thống nhất ngôn ngữ. - Hiểu được nghĩa và sử dụng đúng từ ngữ toàn dân là điều kiện để giao tiếp hiệu quả. **2. Từ ngữ địa phương** *** Khái niệm:** - Nhóm từ chỉ được sử dụng ở một số vùng miền nhất định. - Số lượng không lớn và có phạm vi sử dụng hạn chế. *** Vai trò:** - Phản ánh được nét riêng của con người, sự vật ở mỗi vùng miền nên có vai trò rất quan trọng nhất là đối với hoạt động giao tiếp hằng ngày và đối với sáng tác văn chương. - Hiểu được nghĩa và sử dụng đúng chỗ, đúng mức từ ngữ địa phương sẽ góp phần nâng cao hiệu quả giáo tiếp. **3. Biệt ngữ xã hội** *** Khái niệm:** Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ được dùng với nghĩa riêng trong một nhóm xã hội nhất định. *** Vai trò** - Trong tác phẩm văn chương, lời ăn tiếng nói của nhân vật cũng có thể phản ánh biệt ngữ của nhóm xã hội mà nhân vật thuộc vào. - Tuy nhiên, việc sử dụng biệt ngữ xã hội trong đời sống cũng như trong văn chương đều cần có chừng mực để đảm bảo hiệu quả giao tiếp và giữ gìn sự trong sáng của tiếng

	Việt.

HOẠT ĐỘNG 2. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

2. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

3. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

Hướng dẫn học sinh làm các bài tập về nhà.

***Cách thức chung:**

- GV yêu cầu HS làm bài tập theo cá nhân hoặc cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập, xác định các yêu cầu của bài.

- HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.

- HS trình bày, nhận xét.

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Hs thảo luận

- Gv quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

1. Bài tập 1: Tìm những từ địa phương trong đoạn thơ sau, cho biết những từ đó được sử dụng ở địa phương nào? Tìm những từ toàn dân tương ứng với những từ đó?

Ghé tai mẹ, hỏi tò mò

Cớ răng ông cũng ưng cho mẹ chèo?

Mẹ cười: Nói cứng, phải xiêu

Ra khơi ông còn dám, tui chẳng liều bằng ông!

Nghe ra ông cũng vui lòng

Tui đi, còn chạy ra sông dặn dò:

"Coi chừng sóng lớn, gió to

Màn xanh đây mụ, đắp cho kín mình

(*Mẹ suốt* - Tố Hữu)

Gợi ý đáp án:

- Những từ địa phương trong đoạn thơ: *cớ răng, ưng, tui, mụ*

- Những từ địa phương trong đoạn thơ được sử dụng ở miền Trung.

Từ địa phương	Từ toàn dân
Cớ răng	Tại sao
Ưng	Thích
Tui	Tôi
Mụ	Vợ

2. Bài tập 2: Hãy giải thích lí do vì sao câu chuyện sau lại gây cười?

"Anh học trò đi vào cổng nhà kia, thấy con chó xồ ra sủa, nhe răng dữ tợn, nên hoảng sợ thụt lùi; chủ nhà thấy vậy bèn chạy ra vừa cười vừa nói:

- Con chó không có răng mô!

- Tôi thấy nó nhe nguyên cả hai hàm răng, mà bà lại bảo nó không có răng!".

Gợi ý đáp án:

- Bà chủ nhà sử dụng từ địa phương để nói với người học trò không hiểu tiếng địa phương: *Con chó không có răng mô!* – từ *"răng"* trong câu trên ý nói con chó hiền lành, nó không cắn đâu.

- Anh học trò lại hiểu "răng" là không có hàm răng nên khi thấy cho nhe nguyên hàm mới nói như thế.

=> Lưu ý: Khi sử dụng từ địa phương phải lưu ý đến đối tượng giao tiếp, nếu họ không cùng địa phương thì nên hạn chế sử dụng, tránh gây hiểu nhầm, làm cho hiệu quả giao tiếp không đạt được như mong muốn.

3. Bài tập 3: Tìm từ địa phương trong các câu thơ sau, cho biết từ địa phương ấy sử dụng trong câu thơ có tác dụng gì?

a. Ru em em thét cho muồi

Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu

Mua vôi chợ quán chợ Cầu

Mua cau Nam Phổ, mua trầu chợ Dinh.

(Ca dao)

b. Bầm ơi, có rét không bầm

Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn.

(Trích *Bầm ơi,* Tố Hữu)

c.Trèo lên trên rẫy khoai lang

Chẻ tre đan sịa cho nàng phơi khoai.

(Trích *Hò ba lí* của Quảng Nam)

Gợi ý đáp án:

a. Théc: ngủ;

muồi: say

b. Bầm: mẹ

c. sịa: đồ đan bằng tre, nứa, lòng nông, mắt thưa, nhỏ hơn cái nia, dùng để phơi, sấy.

Tác dụng: Làm cho câu thơ, câu hát đậm đà màu sắc địa phương, tạo nên những ấn tượng đặc biệt cho người đọc.

4. Bài tập 4: Tìm từ địa phương trong các câu thơ sau, nếu thay bằng từ toàn dân thì sự diễn đạt có gì thay đổi không?

a. Anh tưởng giếng nước sâu anh nối sợi dây dài

Ngờ đâu giếng cạn anh tiếc hoài sợi dây

b. Nỗi niềm chi rứa Huế ơi,
Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên?

Gợi ý đáp án:

a. Hoài – mãi => nếu thay: *Ngờ đâu giếng cạn anh tiếc **mãi** sợi dây* làm cho câu ca dao giảm đi độ ngân của vần *"oai",* cũng là giảm đi độ tiếc nuối của chàng trai trong việc dành tình cảm, tâm huyết cho cô gái. Chưa kể, còn làm giảm sự hòa hợp về mặt âm điệu của câu ca dao.

b. "chi rứa" – gì thế => nếu thay: *Nỗi niềm gì thế Huế ơi*…sẽ làm cho câu thơ không còn sự mộc mạc, giản dị, tâm tình đậm đà ngôn ngữ miền trung; làm giảm đi cảm xúc yêu thương của người con xứ Huế dành cho đất mẹ.

5. Bài tập 5: Xác định biệt ngữ xã hội trong các câu sau, giải thích nghĩa của chúng và cho biết các biệt ngữ xã hội ấy thường sử dụng cho đối tượng nào?

a. An: Cái áo này bao nhiêu chai mà xịn xò thế?

Toàn: Hai chai.

b. Cớm đang đến, bọn mày lặn đi, lớ xớ là đi bóc lịch như chơi.

c. Thà một phút quay bài rồi bị bắt
Còn hơn ngồi cắn bút suốt giờ thi.
Gợi ý đáp án:

a. Chai: ***triệu*** **=>** *đối tượng sử dụng: giới trẻ ngày nay*
b. cớm: ***công an***
lặn: ***đi ngay***

bóc lịch: ***ở tù***

=> *đối tượng sử dụng: những người làm ăn không chân chính*

c. quay bài: ***xem tài liệu ;***
cắn bút: ***không làm được bài***
=> *đối tượng sử dụng: học sinh*

Bài tập 6: Tác giả sử dụng nhiều biệt ngữ xã hội trong đoạn văn sau đây có tác dụng gì?

Việc sử dụng các biệt ngữ xã hội (có dấu ngoặc kép) trong những câu sau (ở tác phẩm *Bỉ vỏ* của Nguyên Hồng) có tác dụng thể hiện đặc điểm của các nhân vật như thế nào?

Hai hôm nay mưa phùn không ngớt, mây trời cứ xám ngắt, nên phố Hạ Lý càng vắng càng buồn. Những chõng và những ghế của sáu, bảy hàng nước ở vỉa hè xếp đống cả lại, nhường chỗ cho tụi trẻ con bán "phá xa", bán bánh ế, cho những phu xe nghiện ngập nhỡ tầm thuê xe và mấy gã chuyên nghề "ma cô" và bảo vệ con em của các nhà chứa tụ họp, giở "bất", "đố mười" ra sát phạt nhau. Tụi khách ở các "siệng" lên và nghỉ việc ở Sáu kho về cũng cờ bạc. Nhưng không bệ rạc quá như bọn trên kia, bọn y tụm năm tụm ba trong những hàng vừa bán cà phê, phở, bánh trái, vừa bán cá mặn, mắm muối, gạo, củi, vừa có cả thợ may, thầy lang, thầy tướng số.

(Trích, *Bỉ vỏ,* Nguyên Hồng)

Tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội trong dấu ngoặc kép trong đoạn văn trên là giúp cho bạn đọc hình dung được bối cảnh xã hội thu nhỏ của một nhóm người trong xã hội, ta dễ dàng hình dung được cuộc sống của họ - cuộc sống mưu sinh, sẵn sàng làm những điều xấu để tồn tại.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;
- Làm bài tập sau ở nhà:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT 95, 96, 97, 98, 99:
LUYỆN TẬP VIẾT BÀI PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực: Giúp HS:

- Giúp HS củng cố kiến thức về dạng bài viết bài văn phân tích tác phẩm truyện.

- Rèn khả năng tạo lập văn bản viết bài văn phân tích tác phẩm truyện.

- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng và thích tìm hiểu các tác phẩm truyện.

- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, hệ thống các bài tập.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

2. Nội dung: Gv sử dụng phương pháp gợi mở đàm thoại để học sinh chia sẻ trải nghiệm của bản thân.

3. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. Kể tóm tắt một tác phẩm truyện mà em yêu thích. Nêu rõ lí do em yêu thích tác phẩm đó? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV lắng nghe, quan sát, hỗ trợ, gợi mở. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS chia sẻ bài viết của mình cho các bạn, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét. - GVquan sát, lắng nghe, gợi mở. **Bước 4: Kết luận, nhận đinh** GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	- HS chia sẻ tác phẩm truyện yêu thích và ấn tượng về tác phẩm.

HOẠT ĐỘNG 2 : ÔN TẬP KIẾN THỨC DẠNG BÀI

a. Mục tiêu: Nhận biết được tìm hiểu chung về bài văn phân tích tác phẩm truyện

b. Nội dung: Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức về tóm tắt VB như:

- **Các bước thực hiện bài viết**: Trước khi viết, cần tìm hiểu đề, tìm ý và lập dàn ý.
*HS suy nghĩ, trả lời.

*GV nhận xét, chốt kiến thức.

I. NHẮC LẠI LÝ THUYẾT

1. Khái niệm

- Phân tích một tác phẩm truyện là kiểu bài nghị luận văn học mà trong đó, người viết dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ một số đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

- Để viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện, người viết cần phải:

+ Nêu được chủ đề

+ Dẫn ra và phân tích được tác dụng của một số đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm

+ Từ đó, nêu được những nhận xét, đánh giá về những nét đặc sắc này.

2. Yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm truyện

- Kiểu bài: nghị luận tác phẩm truyện

- Phạm vi phân tích:

+ Nhận xét, đánh giá về tác phẩm phải bám sát nội dung và hình thức của tác phẩm.

+ **P**hải bám sát cốt truyện, chủ đề, nhân vật, những nét đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm.

- Các bước thực hiện:

+ Trước khi viết, cần tìm ý, lập dàn ý.

+ Căn cứ vào đề bài để xác định cách tìm ý cho phù hợp.

- Các nhận xét, đánh giá phải rõ ràng, đúng đắn, có lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- Để bài viết thuyết phục, cần kết hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm, miêu tả trong quá trình nghị luận.
- Bài văn cần có bố cục mạch lạc, lời văn chuẩn xác, gợi cảm.

3. Hướng dẫn quy trình cách viết

a. Bước 1: Chuẩn bị

- Xác định đúng đề tài.

- Xác định người đọc và mục đích viết.

- Thu thập tư liệu: Nắm vững các thông tin liên quan (thể loại, chủ đề, các nhân vật cần chú ý và các nét đặc sắc nghệ thuật của truyện).

b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

***Tìm ý: bằng cách trả lời các câu hỏi:**

(1) **Cốt truyện** tác phẩm cần phân tích có gì đặc sắc?

(2) **Chủ đề** của truyện là gì? **Ấn tượng chung** của em sau khi đọc văn bản như thế nào?

(3) **Nhân vật** nào **cần chú ý** phân tích?

(4) Nét đặc sắc và tác dụng của một số yếu tố **hình thức** trong truyện là gì?

(5) Có thể rút ra những **bài học** nào từ văn bản truyện? Với em, **điều** gì **sâu sắc** và đáng nhớ nhất sau khi đọc truyện?

- Lập dàn ý: bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của một bài văn, gồm: MB- TB- KB

Các phần	Yêu cầu cụ thể
Mở bài	**-** Giới thiệu, tác giả, tác phẩm - Nhận xét chung về chủ đề và vài nét nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm
Thân bài	Nêu chủ đề và phân tích các biểu hiện làm rõ chủ đề của tác

	phẩm: - Phân tích **đề tài** và những nét **đặc sắc của cốt truyện** trong việc làm sáng tỏ chủ đề. - Phân tích các nhân vật nhằm làm rõ chủ đề của truyện: + Nhân vật thứ nhất (các chi tiết về hoàn cảnh, việc làm, cử chỉ, lời nói…) trong mối quan hệ với các nhân vật khác + Nhân vật thứ hai (nếu đáng chú ý) là người thế nào, những chi tiết nào thể hiện điều đó?... - Phân tích tác dụng của các nét đặc sắc nghệ thuật trong truyện: nghệ thuật xây dựng nhân vật, cốt truyện, tình tiết, lời văn, ngôi kể, ...
Kết bài	Khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện. Nêu tác động của truyện đối với em.

c. Bước 3: Viết bài

- Dựa vào dàn ý đã lập để viết thành bài văn.
- Lần lượt phân tích các yếu tố đặc sắc của truyện theo trình tự hợp lí. Với mỗi yếu tố cần chú ý điểm nổi bật, bằng chứng kèm theo và tác dụng của chúng.
- Trong phân tích chú ý tạo điểm nhấn cho yếu tố hình thức được phân tích bằng những đánh giá, nhận xét xác đáng, tinh tế.

d. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa

- Đọc lại bài viết, kiểm tra các ý đã đầy đủ và đúng trình tự được nêu ở dàn ý chưa.

- Phát hiện sửa lỗi về viết:

+ Lỗi về ý: Thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết), ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí), lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu), ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết)

+ Lỗi về diễn đạt (dùng từ, viết câu), chính tả.

Bảng kiểm đánh giá kĩ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
MB	Giới thiệu tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả).		
	Nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.		
TB	Nêu nội dung chính của tác phẩm.		
	Nêu chủ đề của tác phẩm.		
	Trích dẫn một số bằng chứng để làm sáng tỏ chủ đề tác phẩm.		
	Chỉ ra và phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.		
	Trích dẫn một số bằng chứng để làm sáng tỏ đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.		
KB	Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.		
Kĩ năng, trình bày diễn đạt	Sắp xếp các ý triển khai và dẫn chứng hợp lí.		
	Bố cục chặt chẽ, trình bày mạch lạc.		
	Đảm bảo chính tả, dùng từ và diễn đạt.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn để liên kết các ý.		

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Nội dung lỗi cần sửa		Sửa lỗi
Phát hiện lỗi về ý và trình tự triển khai ý	Thiếu ý	
	Sắp xếp lại ý lộn xộn	
	Sửa lại các ý lạc đề	
	Sửa lại các ý tản mạn	

Phát hiện sửa lỗi diễn đạt	Lỗi dùng từ	
	Lỗi viết câu	
Lỗi chính tả	Lỗi chính tả	

II. THỰC HÀNH

➔GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho mỗi đề:

(GV có thể giao lập dàn ý theo nhóm, mỗi nhóm làm 01 đề và cử đại diện trình bày)

ĐỀ SỐ 01: Phân tích đoạn truyện sau:

(...) Xế chiều hôm ấy, bà mẹ chồng và chồng Dần đến. Cả hai cùng mặc quần áo cánh. Bà mẹ khoác một cái áo nâu dài đã bạc ở trên vai. Chú rể xách một chẽ cau, chừng một chục quả. Vào đến nhà, y lúng túng không biết đặt đâu. Bà mẹ trông thấy bảo Dần:

- Cho bu mượn cái đĩa đi, con!

Mặt Dần đã đỏ bừng. Hai đứa em nó, trông thấy, cười rúc rích. Nó lợi dụng câu sai của mẹ chồng, để chạy tót ra chái đứng. Một lúc lâu nó cũng không vào. Thầy nó phải đỡ lấy chẽ cau ở tay bà mẹ chồng, đặt lên giường thờ mẹ nó. Rồi thầy nó nói thật to:

- Đi nấu nước đi con!

Không thấy con gái thưa, ông phải bảo thằng con trai lớn:

- Chạy ra bảo chị đun ấm nước.

(...) Đáp lại bao nhiêu lời bóng bẩy, xa xôi ấy, ông bố vợ chỉ trả lời gọn thon lỏn một câu:

- Vâng! Mời bà cứ ngồi chơi thư thả xơi nước, xơi trầu đã.

Rồi ông lại cất cao giọng, bảo con:

- Hễ được nước thì bắc lên đây, con nhé!

Rồi ông ngồi lử thử. Bởi vì ông buồn lắm. Chỉ lát nữa là người ta rước Dần đi. Đêm hôm nay, chỉ còn mình ông với hai đứa trẻ con. Nhà sẽ vắng ngắt vắng ngơ, chẳng khác gì ngày vợ ông mới chết đi. Rồi chỉ mươi bữa, nửa tháng là ông phải bỏ nốt hai đứa con trai để ngược... Chao ôi! Buồn biết mấy?... Ông đờ đẫn cả người. Ông nghĩ bụng rằng: giá Dần không phải về nhà người ta, thì có lẽ chẳng đời nào ông phải lên

rừng; ông cứ ở nhà với ba con, bố con đùm bọc lấy nhau, bây giờ bỏ lại hai đứa bé mà đi, ông thương chúng nó quá... À, thì ra ông phải đi nơi khác làm ăn, chẳng phải vì cớ gì khác mà chỉ vì Dần phải đi lấy chồng, Dần đi lấy chồng, không ai trông coi vườn đất, nhà cửa, con cái cho ông nữa... Ông buồn quá. Ông đáp lại những câu rất dài dòng của bà thông gia bằng những câu ngắn ngủn. Bà thông gia, trái lại nhiều lời lắm. Bà vui vẻ. Bà nói luôn. Bởi tài ăn nói của người ta, một đời mới có dịp dùng đến độ vài lần. Bà thì chỉ một lần thôi, bởi vì bà có mỗi một mống con trai. Lấy một con vợ cho con, có dễ đâu? Nhất là mình lại không có nhiều tiền. Công việc phải qua mấy mươi nấc, mấy mươi cầu. Chưa cưới được vợ về cho con, thì còn là đi lại mỏi chân, van ông lạy bà sái hàm răng... Công việc của bà, mười phần xong đến chín phần rồi. Còn một tí chút nữa mà thôi. Tội gì không ngọt ngào với người ta cho yên ổn cả? Người ta gả con gái, đã chẳng được gì thì cũng phải được lời nói mát lòng, mát ruột cho hả dạ...

Đến tối, đám cưới mới ra đi. Vẻn vẹn có sáu người, cả nhà gái nhà trai. Ông bố vợ đã tưởng không đi. Nhưng bà mẹ chồng cố mời. Vả lại nếu ông không đi, thì hai đứa bé cũng không thể đi mà Dần thì đang khóc lóc. Nếu chỉ có mình nó ra đi thì có lẽ nó cũng không chịu nốt. Ông đành kéo mấy cành rào lấp ngõ rồi đi vậy.

Dần không chịu mặc cái áo dài của bà mẹ chồng đưa, thành thử lại chính bà khoác cái áo ấy trên vai. Dần mặc những áo vải ngày thường nghĩa là một cái quần sồng cộc xẫng và đụp những miếng vá thật to, một cái áo cánh nâu bạc phếch và cũng vá nhiều chỗ lắm, một bên tay rách quá, đã xé cụt gần đến nách. Nó sụt sịt khóc, đi bên cạnh mẹ chồng. Chú rể dắt đứa em lớn của Dần. Còn thằng bé thì ông bố cõng. Cả bọn đi lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối như một gia đình xẩm lẳng lặng dắt díu nhau đi tìm chỗ ngủ...

(Trích *Một đám cưới*, Nam Cao, 1944)

<u>*Chú thích:*</u> Tóm tắt đoạn trước: Truyện kể về gia đình Dần, đó là một gia đình nghèo khổ ở nông thôn Việt Nam vào thời điểm trước Cách mạng tháng Tám 1945. Dần là con gái lớn của một gia đình nông dân nghèo. Dần có nết rất hay làm, đi ở từ năm 12 tuổi, để nhà đỡ một miệng ăn, lại có được cái ăn, biết việc để làm- đấy là mong mỏi của mẹ Dần. Nhưng được ít bữa, Dần vẫn gầy, khóc xin mẹ ở nhà chứ không đi ở nhà bà Chánh. Thương mẹ, Dần đi ở được hai năm. Mẹ chết vì đi tả. Dần ở nhà coi sóc các em, để bố đi làm, nhưng cuộc sống mỗi ngày một khó thêm, tiền mất giá, thiên

tai hết lụt lội và hạn hán. Một đêm sau khi tâm sự với con, bố Dần nói với Dần về chuyện sẽ gả Dần đi cho đỡ một miệng ăn, để bố Dần lên rừng kiếm kế sinh nhai. Dần được gả cho một gia đình đã dạm trước đó hơn một năm, vào cái ngày mẹ Dần mất, họ đã đưa cho bố Dần hai chục bạc để lo ma cho mẹ Dần. Nghe lời bố, Dần chấp nhận một đám cưới.

1. Bước 1: Chuẩn bị

- Kiểu bài: nghị luận phân tích tác phẩm truyện

- Phạm vi: phân tích đoạn trích kể về đám cưới của Dần trong truyện ngắn "*Một đám cưới"* của Nam Cao

- Mục đích viết: Làm sáng tỏ những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích kể về đám cưới của Dần trong truyện "*Một đám cưới*" của Nam Cao

- Thu thập tư liệu: Nắm vững các thông tin liên quan đến đoạn trích thể loại, chủ đề, các nhân vật cần chú ý và các nét đặc sắc nghệ thuật của truyện

+ Tác giả: Nam Cao

+ Thể loại: Truyện ngắn

+ Chủ đề: cuộc đời, số phận và vẻ đẹp nhân cách của những người dân thời kì trước Cách mạng tháng Tám 1945.

+ Các nhân vật chú ý: nhân vật Dần, bố Dần, mẹ chồng những người trong đám cưới

2) Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

2.1. Tìm ý: HS cần xác định được các ý cơ bản sau khi phân tích truyện "*Một đám cưới"* của Nam Cao:

- Nội dung- chủ đề: cuộc đời đau khổ, số phận đáng thương, bế tắc và vẻ đẹp nhân cách của những người dân thời kì trước Cách mạng tháng Tám 1945.

- Nghệ thuật:

+ Miêu tả tâm trạng nhân vật, tả thực sâu sắc.

+ Kết hợp nhiều phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả, biểu cảm tinh tế.

+ Giọng điệu chua xót, thương cảm.

+ Nghệ thuật tự sự, tình huống truyện kịch tính éo le.

- Bài học nào từ văn bản truyện: trong hoàn cảnh khốn cùng, tăm tối, tình yêu thương sẽ đem đến những niềm hi vọng mới, ...

- Nội dung: hiện thực bi thảm của nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu (1945) và những phẩm chất tốt đẹp của con người vì hoàn cảnh khốn cùng được khắc họa qua hình ảnh một đám cưới.

2.2. Lập dàn ý

a. Mở bài:

* Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận.

- Nam Cao là nhà văn hiện thực xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại.

- Một đám cưới (Nam Cao) là áng văn chân thực lột tả thân phận rẻ rúng của người nông dân Việt Nam trong xã hội thực dân nửa phong kiến.

- Đoạn trích khắc họa đậm nét cuộc đời, số phận cũng như vẻ đẹp nhân cách của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám.

b. Thân bài:

*** Ý1: Nêu chủ đề và phân tích các biểu hiện làm rõ chủ đề của tác phẩm:**

- Cốt truyện: đơn giản, xoay quanh tình huống: Đoạn trích kể về đám cưới ăm đạm của Dần đã khắc họa tình cảnh khốn cùng, cái đói, cái khổ đeo bám con người ghê gớm, dù trong bế tắc vẫn ánh lên tình người, tình thương yêu cao đẹp.

+ Không gian: Trong căn nhà của Dần, con ngõ và lúc sẩm tối.

- Tình huống truyện: Đám cưới diễn ra vào lúc chiều tối, vẻn vẹn có sáu người.

-> Chủ đề của truyện: Đám cưới trở thành phông nền để nhà văn lột tả hiện thực bi thảm của nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu (1945) và những phẩm chất tốt đẹp của con người trong hoàn cảnh khốn cùng.

*** Ý2: Các nhân vật trong truyện nhằm làm rõ chủ đề:**

- Các nhân vật được xây dựng trong truyện ngắn có một cuộc đời, số phận nghèo đói, tủi cực:

+ Bố con Dần là những người nông dân nghèo, sau khi vợ mất, một mình nuôi ba con thơ. Dù có nhà, ruộng không có nhưng cuộc sống quá đỗi túng đói. Đoạn trích khắc họa được diễn biến tâm trạng của ông bố Dần: lo lắng, nghĩ ngợi, tính toán, xót xa cho gia cảnh của giá đình mình -> để thấy được lòng nhân hậu, bao dung, vị tha của nhân vật.

+ Nhân vật Dần: một cô dâu hiếu thuận và vô cùng đáng thương.

++ Là con nhà nghèo, Dần có tuổi thơ cơ cực,

++ Là đứa con gái ngoan ngoãn, chịu thương chịu khó. Hiểu được hoàn cảnh nghèo đói bế tắc của gia đình mình, sau giây phút hổ thẹn, Dần im lặng đi theo người ta.

- Thái độ, tình cảm của nhà văn Nam Cao: Lòng thương cảm của nhà văn trước tình cảnh đói nghèo, số phận đau thương ccuar người dân Việt Nam trước nạn đói 1945. Tác giả ngợi ca, trân trọng vẻ đẹp của con người như tình thương yêu ấm áp của con người với con người ít nhiều xua đi cái đói khổ, bế tắc.

*** Ý 3: Nét đặc sắc và tác dụng của một số yếu tố hình thức trong truyện:**

- Miêu tả tâm trạng nhân vật sâu sắc với diễn biến tâm trạng của nhân vật bố Dần.

- Kết hợp nhiều phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả, biểu cảm tinh tế.

- Giọng điệu chua sót, thương cảm. Nhà văn kể ở ngôi thứ ba nhưng đôi lúc hóa thân vào nhân vật để kể, đặc biệt trong đoạn trích là nhân vật người bố. Giọng kể chậm, xen lẫn tâm trạng buồn bã, chua chát.

- Nghệ thuật tự sự, tình huống truyện kịch tính éo le.

Ý 4: Bài học nào từ văn bản truyện:

- Bài học nào từ văn bản truyện: trong hoàn cảnh khốn cùng, tăm tối, tình yêu thương sẽ đem đến những niềm hi vọng mới, ...

- Cần bồi đắp tâm hồn nhân cách của mình để nó thực sự trong sáng, và thuần khiết.

* Nhận xét, đánh giá

- Thông qua việc phản ánh cuộc đời, số phận tăm tối, cực nhục và vẻ đẹp nhân cách của những người dân nghèo Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, nhà văn Nam Cao đã mang đến mỗi tác phẩm đồng thời giá trị hiện thực và giá trị nhân bản. Người

đọc cảm nhận được nhãn quan hiện thực sắc bén cũng như tấm lòng nhân đạo sâu sắc trong nghệ sĩ.

- Để khắc họa thành công hình tượng người lao động nghèo trước Cách mạng tháng 8 năm 1945.

- Thông qua đoạn truyện, người đọc hôm nay có thể hình dung rõ nét về cuộc đời, số phận, về nhân cách con người Việt Nam trước đây, từ đó đồng cảm, yêu thương họ và biết nâng niu, trân trọng hơn sự sống ngày hôm nay.

c. Kết bài: Khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện. Nêu tác động của truyện đối với em.

- Đoạn truyện tuy vẽ lên những cảnh tượng thảm đạm, tăm tối nhưng thực sự vẫn ấm áp bởi tình người chan chứa. Ông bố, bà mẹ nào trong nỗi xót xa cũng thương con hết mực. Lòng yêu thương của bố Dần, của bà mẹ chồng Dần dành cho các con của mình đã xua vợi phần nào nỗi tê tái trong lòng mỗi đứa con, nỗi xót xa trong lòng độc giả.

BÀI VIẾT THAM KHẢO:

Gấp lại trang văn của Nam Cao, bức tranh hiện thực của xã hội Việt Nam trước Nam 1945 vẫn ám ảnh lòng người. Là nhà văn hiện thực xuất sắc giai đoạn 1030-1945, Nam Cao hướng ngòi bút của mình về người dân trước bi kịch của đói nghèo vây bủa. Truyện ngắn "*Một đám cưới*" là sáng tác tiêu biểu khắc họa chân thực hình ảnh người nông dân Việt Nam trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Đoạn trích cuối truyện, kể về đám cưới của Dần đã khắc họa đậm nét cuộc đời, số phận cũng như vẻ đẹp nhân cách của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám.

Truyện lấy bối cảnh là nông thôn miền Bắc trước năm 1945, với những phận người bé nhỏ liêu xiêu trôi dạt, phải rời bỏ gia đình, rời bỏ quê hương mà vẫn không thoát khỏi vòng cương tỏa áo cơm. Đoạn trích kể về đám cưới ảm đạm của Dần đã khắc họa tình cảnh khốn cùng, cái đói, cái khổ đeo bám con người ghê gớm. Dù vậy, trong bế tắc vẫn ánh lên tình người, tình thương yêu cao đẹp. **Không gian xuất hiện trong đoạn trích là trong căn nhà của Dần, là con ngõ vào lúc sẩm tối. Tác giả đặt các nhân vật vào tình huống trớ trêu. Một ông bố nghèo (bố Dần) đang loay hoay trước ảnh túng quẫn. Gia đình Dần rơi vào cảnh cùng đường, mẹ Dần mất, một mình bố Dần không nuôi nổi ba đứa con. Dần là chị cả. Bố Dần quyết cho người ta cưới Dần, rồi gửi hai em cho nhà chú để bố Dần lên rừng kiếm cái ăn.**

Đám cưới diễn ra vào lúc chiều tối, vẻn vẹn có sáu người. Đám cưới của Dần trở thành phông nền để nhà văn lột tả hiện thực bi thảm của nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu (1945) và những phẩm chất tốt đẹp của con người vì hoàn cảnh khốn cùng.

Trước hết, đoạn trích giúp ta cảm nhận được hình ảnh của một người cha đáng thương gồng lên để đối diện với mối lo cơm áo. Bố Dần là những người nông dân nghèo, sau khi vợ mất (do đi tả), một mình nuôi ba con thơ. Dù có nhà, có vườn nhưng như bao người nông dân không còn ruộng đất, họ trở nên thất nghiệp, và rơi vào túng quẫn. Không còn cách nào để thoát khỏi tình cảnh đói kém, người cha ấy phải dằn lòng gả con gái lớn cho nhà người ta để bớt đi một miệng ăn. Quyết định như thế nhưng lương tâm ông không khỏi cắn dứt, đớn đau. Nỗi đau ấy thế hiện ở dáng ngồi *"lử thử"*, khiến ông *"đờ đẫn cả người"*. Đoạn trích khắc họa được diễn biến tâm trạng của người cha: lo lắng, nghĩ ngợi, tính toán, xót xa cho gia cảnh của mình. Nhà văn khéo léo hòa nhập vào dòng tâm trạng nhân vật để bộc lộ nỗi niềm bộn bề, lo lắng, xót xa của ông: "*Chỉ lát nữa là người ta rước Dần đi. Đêm hôm nay, chỉ còn mình ông với hai đứa trẻ con. Nhà sẽ vắng ngắt vắng ngơ, chẳng khác gì ngày vợ ông mới chết đi. Rồi chỉ mươi bữa, nửa tháng là ông phải bỏ nốt hai đứa con trai để ngược... Chao ôi! Buồn biết mấy?... " Niềm ước mong nhỏ nhoi "giá Dần không phải về nhà người ta, thì có lẽ chẳng đời nào ông phải lên rừng; ông cứ ở nhà với ba con, bố con đùm bọc lấy nhau, bây giờ bỏ lại hai đứa bé mà đi, ông thương chúng nó quá... "* cũng chẳng thể thực hiện được vì nếu không làm thế thì cả nhà ông chết đói à? Có thể nói, câu văn quặn thắt nỗi đau của người cha thương con, lòng nhân hậu, bao dung, vị tha nhưng cũng đầy bế tắc. Đặt mình vào tâm trạng của nhân vật, tác giả không khỏi xót xa cho tình cảnh khốn cùng của con người trong xã hội ấy. Diễn biến tâm trạng người bố được khắc họa với nhiều cung bậc cảm xúc vừa khiến ta xót thương, vừa khiến ta trân trọng bởi tấm lòng chan chứa yêu thương con.

Bên cạnh nhân vật người bố, nhân vật Dần- cô dâu cũng hiện lên vô cùng đáng thương. Dù là đứa trẻ ngoan ngoãn, chăm chỉ, biết việc, giàu tình thương, nhưng dường như Dần cũng không thoát khỏi những khổ đau mà chính sách áp bức bóc lột của thực dân và phong kiến gây ra cho người dân Việt Nam lúc bấy giờ. Là con nhà nghèo, Dần có tuổi thơ cơ cực, từng đi ở hai năm cho nhà bà Chánh khiến Dần ám ảnh vì "ăn được miếng cơm của nhà giàu đâu có dễ". Cảnh nhà mỗi lúc một đau thương. Mẹ chết, em còn nhỏ, Dần coi sóc các em để bố đi làm, nhưng cuộc sống

mỗi ngày một khó thêm, tiền mất giá, thiên tai hết lụt lội và hạn hán. Một đêm sau khi tâm sự với con, bố Dần nói với Dần về chuyện sẽ gả Dần đi cho đỡ một miệng ăn. Là đứa con gái ngoan ngoãn, chịu thương chịu khó, hiểu được hoàn cảnh nghèo đói bế tắc của gia đình mình, sau giây phút hổ thẹn "Dần đỏ lừ mặt", Dần im lặng đi theo người ta. Hình ảnh cô Dần đáng thương trong đám cưới miễn cưỡng với bộ trang phục ngày thường "*Dần mặc những áo vải ngày thường nghĩa là một cái quần sồng cộc xẫng và đụp những miếng vá thật to, một cái áo cánh nâu bạc phếch và cũng vá nhiều chỗ lắm, một bên tay rách quá, đã xé cụt gần đến nách.*" và tiếng khóc *"sụt sịt"* nhói lòng không khỏi khiến người đọc thương cảm, xót xa...

Đoạn trích là bức tranh xã hội thu nhỏ trong những cảnh đời cơ cực được tô đậm trong tình huống éo le: đám cưới giữa ngày đói. Bởi đói nên đám cưới của Dần chỉ qua loa, sơ sài với chẽ cau cúng tổ tiên, cúng mẹ. Cảnh đưa dâu cũng ám ảnh lòng người: Cả bọn đi lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối như một gia đình xẩm lẳng lặng dắt díu nhau đi tìm chỗ ngủ... Cặp dâu - rể trong ngày trọng đại nhất cuộc đời không có pháo nổ rượu hồng, không cỗ bàn linh đình, không người đưa rước hân hoan. Các mẹ cha thì chỉ ngậm ngùi mênh mang một nỗi thương con khôn xiết...

Đằng sau lời kể chuyện một đám cưới, ngươi đọc nhận ra tình cảm, thái độ của nhà văn Nam Cao. Đó là lòng thương cảm của nhà văn trước tình cảnh đói nghèo, số phận đau thương của người dân Việt Nam trước nạn đói 1945. Đó là sự trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của con người như tình thương yêu ấm áp, ít nhiều xua đi cái đói khổ, bế tắc.

Đoạn trích thể hiện tài năng kể chuyện bậc thầy của Nam Cao. Đặc biệt là nghệ thuật xây dựng tình huống truyện éo le, giàu kịch tính. Đồng thời, tác giả đã miêu tả tâm trạng nhân vật sâu sắc thông qua diễn biến tâm trạng của nhân vật bố Dần trong đoạn trích. Người cha với tình thương con và nỗi lo cơm áo, lo cảnh nhà vắng vẻ, lo phải xa các con... Tác giả khéo léo kết hợp nhiều phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả, biểu cảm tinh tế. Ngòi bút tả thực của Nam Cao vô cùng sâu sắc: từ món lễ nhà trai mang đến, trang phục của cô dâu trong ngày cưới, cùng hình ảnh đám cưới trong buổi sẩm tối... Hình ảnh đó đã lột tả bức tranh làng quê u ám, với cái nghèo xác xơ, ảm đạm đến nhói lòng. Giọng điệu chua sót, thương cảm. Nhà văn kể ở ngôi thứ ba nhưng đôi lúc hóa thân vào nhân vật để kể, đặc biệt trong đoạn trích là nhân vật người bố. Giọng kể chậm, xen lẫn tâm trạng buồn bã, chua chát.

Thông qua đoạn truyện, người đọc hôm nay có thể hình dung rõ nét về cuộc đời, số phận, về nhân cách con người Việt Nam trước cách mạng tháng 8 năm 1945, từ đó đồng cảm, yêu thương họ và biết nâng niu, trân trọng hơn sự sống ngày hôm nay.

Đoạn trích nói riêng và truyện ngắn "Một đám cưới" của nhà văn Nam Cao nói chung đã góp phần đưa Nam Cao lên vị trí xứng đáng là một trong những nhà văn hiện thực xuất sắc nhất của nền văn học Việt Nam.

3) Bước 3: Viết bài

Thực hiện viết bài: dựa trên dàn ý đã lập, viết bài theo yêu cầu của đề

Lưu ý:

- Tách thân bài thành các ý chính đã lập. Mỗi ý thành một đoạn văn (mỗi luận điểm thành một đoạn, chú ý câu, từ liên kết giữa các đoạn)

- Chú ý bộc lộ cảm xúc của người viết trong quá trình lập luận

- Dùng các loại câu khẳng định, phủ định, câu cảm để bộc lộ rõ quan điểm của mình về vấn đề nghị luận.

4) Kiểm tra và chỉnh sửa

- Đọc lại bài viết, kiểm tra các ý đã đầy đủ và đúng trình tự được nêu ở dàn ý chưa.

- Phát hiện sửa lỗi về viết:

+ Lỗi về ý: Thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết), ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí), lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu), ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết)

+ Lỗi về diễn đạt (dùng từ, viết câu), chính tả.

ĐỀ SỐ 02: Phân tích truyện ngắn "*Lão Hạc*" của Nam Cao.

1. **Mở bài:**

- Nam Cao là nhà văn hiện thực xuất sắc, một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn trong nền văn học dân tộc. Trước cách mạng tháng Tám 1945, các sáng tác của nhà văn chủ yếu tập trung vào hai đề tài người nông dân và người trí thức bị đói nghèo vùi dập.
- Truyện ngắn "*Lão Hạc*" là tác phẩm tiêu biểu của nhà văn viết về người nông dân. Nhan đề "*Lão Hạc*" được đặt theo nhân vật chính của tác phẩm. Với ngòi bút khắc họa nhân vật tinh tế, cách kể chuyện đặc sắc, tình tiết hấp dẫn, truyện đã khắc họa cảm động về số phận đau khổ và phẩm chất cao đẹp của người nông dân trong xã hội cũ.

2. Thân bài:

Nêu chủ đề và phân tích các biểu hiện làm rõ chủ đề của tác phẩm:

Ý 1: Phân tích **đề tài** và những nét **đặc sắc của cốt truyện** trong việc làm sáng tỏ chủ đề.

- **Đề tài:** "Lão Hạc" là tác phẩm đặc sức của Nam Cao viết về đề tài người nông dân. Nhà văn đã phản ánh nỗi khổ cực trước chính sách áp bức bất công của thực dân và phong kiến, khám phá ở họ những phẩm chất tốt đẹp của con người.
- Đặc sắc về cốt truyện: Truyện ngắn được ông giáo (nhân vật "tôi") kể về cuộc đời số phận của người nông dân có tên là Lão Hạc. Truyện xoay quanh tình cảnh của lão Hạc với nhiều chi tiết khá xót xa về những ngày tháng cuối của cuộc đời lão. Lão Hạc là một người nông dân nghèo, vợ mất sớm, con trai vì nghèo mà không lấy được vợ nên phẫn chí xin đi mộ phu đồn điền cao su, một mình lão Hạc thui thủi, bầu bạn với cậu Vàng, vốn là con chó mà người con trai từng nuôi. Sau khi bán chó, lão Hạc tính trước tương lai khi gửi gắm ông giáo tiền bạc và trông nom nhà cửa. Cuối cùng lão Hạc tự tử bằng bả chó để lại nhiều xót xa, ngậm ngùi cho ông giáo.

Ý 2: **Phân tích các nhân vật nhằm làm rõ chủ đề của truyện:**

a. Nhân vật Lão Hạc là hình ảnh điển hình cho số phận của người nông dân trong xã hội cũ có cuộc đời đau khổ và phẩm chất vô cùng trong sáng, cao đẹp.

*** Lão Hạc là hiện thân cho số phận bi thảm của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.**

- Nỗi khổ về vật chất: Vì nghèo mà không có tiền cưới vợ cho con để con phẫn chí đi làm đồn điền cao su mấy năm chưa về. Không có việc làm, bão gió mất mùa đói kém, lão ăn hết tiền dành dụm, thậm chí chế được gì ăn đó và sau đó tìm đến cái chết.

- Nỗi khổ về tinh thần: Lão luôn đau khổ, dằn vặt lương tâm. Không chỉ là miếng ăn, hơn thế đó là nỗi đau mất con.

+ Đó là nỗi buồn của một con người phải sống trong cảnh tuổi già, cô độc được biểu hiện qua những lờinói, cách cư xử của lão với một con chó.

+ Cái chết đau đớn, thê thảm, bất ngờ: Lão xin bả chó của Binh Tư để kết thúc cuộc đời trong đau đớn, vật vã.

- > Qua cuộc đời bất hạnh của nhân vật lão Hạc, tác giả phản ánh số phận đầy bi thảm, đau thương của người nông dân trong xã hội cũ. Từ đó, tác giả bộc lộ niềm thương cảm, xót xa cho số phận đau khổ của họ.

*** Lão Hạc lại là người nông dân có bao phẩm chất tốt đẹp như hiền lành, chất phác, vị tha, nhân hậu, thương con vô bờ, có nhân cách sáng trong, lương thiện.**

- Lão Hạc hiện lên là người giàu lòng nhân hậu, nghĩa tình.

+ Cách lão chăm chút, đối xử với cậu Vàng, tâm trạng đau đớn, xót xa, dằn vặt của lão sau khi bán cậu Vàng: cảm thấy tội lỗi, tệ bạc, xót xa, ân hận vì đã lừa một con chó

- Lão Hạc là người cha có tình thương con sâu nặng:

+ Trước tình cảnh và nỗi đau của con, lão thấu hiểu và tìm cách giảng giải, an ủi cho con hiểu "dằn lòng tìm đám khác"

+ Xót xa đau đớn khi lão nhận ra sự thật phũ phàng: sẽ mất con vĩnh viễn "*Thẻ của nó người ta giữ...Nó là con của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi nữa"*

+ Nuôi hi vọng ngày con trở về, rồi tìm đến cái chết để giữa trọn mảnh vườn cho con với tâm niệm "*Mảnh vườn này là của con ta, mẹ nó tậu thì nó hưởng*".

- Lão Hạc là người giàu lòng tự trọng và nhân cách lương thiện, cao cả:

+ Trong lúc đói kém, phải ăn sung, ăn khoai, ăn ốc, lão vẫn từ chối sự giúp đỡ của ông giáo

+ Gửi ông giáo tiền để nhờ cậy dân làng lo ma chay khi lão mất.

+ Tìm đến cái chết để giữ trọn tình thương con và lòng tự trọng vàng đá của mình.

->Tác giả ngợi ca, trân trọng vẻ đẹp của người nông dân khi bị đẩy vào bước đường cùng.

b. Nhân vật ông giáo (Ông giáo là người thế nào, những chi tiết nào thể hiện điều đó?...)

- Ông giáo là trí thức nghèo, sống mòn mỏi, bế tắc:

+ Từng có thời lăn lộn tận Sài Gòn, chăm chỉ mê say học tập làm ăn, với "*cái va-li đựng toàn sách*". Nhưng rồi, gánh nặng cơm áo khiến ông giáo phải từ bỏ ước mơ, quẩn quanh trong cái nghèo.

+ Cái nghèo đeo đẳng mãi, bán hết cả quần áo, rồi đến sách, còn có năm quyển, quyết không bán nhưng cuối cùng vẫn phải dứt ruột bán vì đứa con thơ bị chứng kiết lị gần như kiệt sức.

- Ông giáo là trí thức có trái tim nhân hậu, đáng quí:

+ Là người hàng xóm ít nhiều gắn bó với lão Hạc:

+ Là chỗ dựa tinh thần, niềm an ủi, tin cậy của lão Hạc: nhờ đọc và viết hộ thư cho con, chia sẻ về mảnh vườn, chuyện con trai, nỗi đau khi bán mất cậu Vàng, ...

+ Được lão tin tưởng nhờ cậy hai chuyện quan trọng cuối cùng (gửi tiền lo hậu sự khi chết, và giữ hộ mảnh vườn cho con lão)

- Ông giáo là người trí thức giàu lòng trắc ẩn, luôn trăn trở, thấu hiểu, đồng cảm với nỗi đau khổ của con người:

Với câu chuyện của lão Hạc, thoạt đầu có vẻ dửng dưng, thờ ơ khi nghe chuyện lão Hạc muốn bán chó và tâm sự về con trai; so sánh việc lão quý cậu Vàng "*thấm vào đâu so với việc tôi quý năm quyển sách của tôi*". *Sau đó là c*ảm thông, muốn chia sẻ giúp đỡ lúc thấy lão Hạc đau đớn vì bán chó *"tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc"*. Trăn trở, xót xa khi thấy lão Hạc từ chối sự giúp đỡ. Ông giáo nghi ngờ, thất vọng khi nghe Binh Tư kể chuyện lão Hạc xin bả chó . Và sau đó ông giáo thương cảm, xót xa khi chứng kiến cái chết của lão Hạc và nguyện làm theo những mong muốn của lão Hạc để lão ra đi được nhẹ lòng.

-> Ông giáo chính là bóng dáng của nhà văn Nam Cao. Qua nhân vật ông giáo, tác giả đã bộc lộ tình cảm, thái độ của mình với nhân vật lão Hạc cũng như với người nông dân nghèo:

+ Tác giả xót xa, thương cảm cho số phận bi thảm của họ.

+ Tố cáo xã hội phong kiến nửa thực dân với chính sách áp bức tàn bạo đẩy người nông dân vào bước đường cùng

+ Trân trọng ngợi ca vẻ đẹp tiềm ẩn của người nông dân trong hoàn cảnh khốn cùng: nhân hậu, nghĩa tình, tự trọng, thương con, ... Đồng cảm với ước mơ chính đáng của họ.

- Với vai trò của người kể chuyện, nhân vật ông giáo đã giúp cho câu chuyện sinh động hơn nhờ sự đan xen, kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong quá trình trần thuật.

Ý 3: Phân tích tác dụng của các nét đặc sắc nghệ thuật trong truyện: nghệ thuật khắc họa đặc điểm tính cách nhân vật, bút pháp miêu tả (ngoại hình và nội tâm), lựa chọn chi tiết giàu ý nghĩa, lời văn giản dị, tự nhiên,…

- **Trần thuật bằng ngôi thứ nhất**, nhân vật kể chuyện được chọn là nhân vật ông giáo, người chứng kiến câu chuyện từu đầu đến cuối, và đây cũng là nhân vật thân thiết với lão Hạc, bởi vậy câu chuyện được kể sẽ rất chân thực, tin cậy, vừa kể vừa bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện của Lão Hạc.

- Kết hợp linh hoạt tự sự với một số phương thức biểu đạt khác. Những đoạn văn miêu tả hiếm hoi trong thiên truyện lại rất ngắn, chỉ vài câu nhưng lại đạt đến độ cô đọng và hiệu quả nghệ thuật cao. Điển hình là cái đoạn miêu tả nỗi đau đớn dồn nén của lão hạc khi phải bán chó hay đoạn miêu tả cái chết của lão Hạc.

- Xây dựng nhân vật sinh động, khắc họa tâm lí nhân vật tinh tế. Nhân vật lão Hạc được hiện lên qua nhiều phương diện như ngoại hình, hành động, lời nói, nhưng đặc biệt qua diễn biến tâm lí dằng co, phức tạp.

- Cốt truyện độc đáo: từ những sự việc tưởng như vụn vặt, tác giả tạo nên sức hấp dẫn cho câu chuyện (từ việc làng mất vé sợi, lão Hạc bán chó, đến việc lão Hạc nhờ ông giáo coi sóc mảnh vườn, việc xin bả chó, và cuối cùng là cái chết thê thảm).

- Kết thúc bất ngờ, để lại nhiều suy ngẫm nơi người đọc. Cái chết bi thảm, một cái chết đau đớn vật vã, nó phản ánh phương diện đáng buồn. Cuộc sống, những con người lương thiện lại phải luôn chịu đau khổ, thậm chí là tột cùng, đau khổ

3. Kết bài: Khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện. Nêu tác động của truyện đối với em.

ĐỀ SỐ 03: Phân tích truyện ngắn "Gió lạnh đầu mùa" (Thạch Lam) - Ngữ văn 8

Dàn ý

1. Mở bài

- Giới thiệu khái quát về Thạch Lam: Là nhà văn lãng mạn nhưng các truyện giàu yếu tố hiện thực và thấm đượm tấm lòng nhân ái cùng niềm xót thương cho những con người nhỏ bé, bất hạnh.

- Giới thiệu chung về truyện ngắn "Gió lạnh đầu mùa": tác phẩm tiêu biểu cho phong cách của Thạch Lam.

2. Thân bài

2.1. Phân tích **đề tài** và những nét **đặc sắc của cốt truyện** trong việc làm sáng tỏ chủ đề.

- Đề tài: *"Gió lạnh đầu mùa"* gợi lên cái lạnh giá của thời tiết mùa đông, tình yêu thương ấm áp, đặc biệt là tình yêu thương trong sáng hồn nhiên của những đứa trẻ.

- Đặc sắc về cốt truyện: Truyện kể về hai chị em sinh ra trong một gia đình khá giả tên là Sơn và Lan, luôn hòa đồng và gần gũi với những đứa trẻ trong xóm chợ nghèo. Vào mùa đông năm ấy, khi tiết trời chuyển lạnh, hai chị em được mặc áo ấm ra chợ chơi thì bắt gặp hình ảnh một cô bé hàng xóm tên Hiền đứng co ro với quần áo mỏng manh, rách tả tơi. Thấy hoàn cảnh đáng thương, hai chị em đã hăm hở chạy về nhà lấy chiếc áo bông cũ của người em gái đã mất đem tặng cho Hiên. Chỉ một hành động nhỏ ấy nhưng ta cũng thấy được tấm lòng trắc ẩn của hai chị em Sơn. Khi vú già biết chuyện, hai chị em Sơn và Lan lo bị mẹ đánh đòn nên đi tìm cái Hiên định đòi lại áo mà không gặp. Khi hai chị em về đến nhà thì mẹ cái Hiên đã đem áo đến trả. Mẹ Sơn cho mẹ cái Hiên vay năm hào về may áo cho con. Bà nhẹ nhàng, âu yếm ôm hai con vào lòng mà bảo: "*Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta, không sợ mẹ mắng ư?'*.

2.2. Phân tích các nhân vật nhằm làm rõ chủ đề của truyện:

Truyện đã để lại nhiều ấn tượng trong lòng độc giả bởi tất cả đều thấm thía từng nỗi cơ cực của những đứa trẻ sinh ra trong hoàn cảnh nghèo khó, bất hạnh. Đặc biệt, truyện ngắn ngợi ca tình yêu thương, tấm lòng nhân ái của con người.

*** Nhân vật Sơn, Lan:**

- Bối cảnh xuất hiện nhân vật: Chị em Sơn là con nhà trung lưu và được mẹ săn sóc cẩn thận. Cậu bé mặc áo dạ chỉ đỏ lẫn áo vệ sinh, ngoài lại phủ cái áo dạ cánh thâm. Trang phục ấy với những đứa trẻ nhà nghèo khó thực sự chỉ như một giấc mơ. Đối lập với cuộc sống sung túc, đủ đầy của chị em Lan và Sơn là những đứa trẻ nơi xóm chợ. Khi gió lạnh đầu mùa thổi đến phố chợ, trong khi hai chị em Lan và Sơn xúng xính với chiếc áo ấm thì mấy đứa trẻ con hàng xóm vẫn phải mặc những manh áo mỏng thường ngày. Riêng bé Hiên còn tội nghiệp hơn, em co ro vì rét bởi tấm áo rách nát, tả tơi. Cuộc sống của những em nhỏ nghèo khổ, thiếu thốn thật ngây thơ và tội nghiệp. Chúng tỏ vẻ khao khát, thèm muốn tấm áo như chị em Sơn, suy nghĩ non nớt ấy không khỏi khiến người đọc cảm thấy xót xa.

- Nhưng trên hết, nhà văn đã xua tan đi cái lạnh lẽo của những cơn gió đầu mùa ấy bằng tình người ấm áp. Đó là thứ tình cảm trẻ thơ trong trẻo, hồn nhiên mà chị em Lan và Sơn dành cho những đứa trẻ nhà nghèo cùng xóm.

+ Cuộc sống của chị em Sơn và Lan đối lập hoàn toàn với mấy đứa bạn nhỏ nghèo khổ, tuy vậy Thạch Lam rất nhân hậu khi viết về tình bạn tuổi thơ, các bé ấy vẫn thân mật chơi đùa cùng chúng bạn chứ không kiêu kỳ như những "cậu ấm, cô chiêu" khác.

+ Đặc biệt là tình huống khi nhìn thấy cái Hiên đứng "co ro" bên cột quán, trong gió lạnh chỉ mặc có manh áo "rách tả tơi", "hở cả lưng và tay", Sơn đã "động lòng thương" và chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo, nhớ đến em Duyên ngày trước vẫn cùng chơi với Hiên ở vườn nhà. Hai chị em Sơn bàn nhau về nhà lấy chiếc áo bông cũ đem cho Hiên. Chiếc áo chứa đựng biết bao tình người, thể hiện tình cảm san sẻ của những đứa trẻ có một trái tim giàu tình yêu thương.Tình cảm hồn nhiên, ngây thơ bắt nguồn từ sự đồng cảm ấy như thắp sáng lên tia lửa ấm áp giữa cuộc sống u buồn, đem lại niềm hy vọng và thấm đẫm tình người. Hành động cảm xúc ấy cũng mang đến cho cậu bé "sự ấm áp vui vui", chiếc áo bông cũ đối với Hiên lúc bấy giờ là vô giá, chứa đựng biết bao tình cảm. Hành động tặng bé Hiên chiếc áo bông hoàn toàn

xuất phát từ tình cảm hồn hậu của con trẻ khi Sơn thấy mình được mặc áo ấm và mong muốn bạn bè xung quanh cũng vậy. Tuy gió lạnh đầu mùa nhưng thế giới tuổi thơ lại được sưởi ấm bằng tình người cao quý.

+ Một chi tiết khá chân thực là khi câu chuyện hai chị em tặng áo tới tai người vú già, cả hai sợ bị mẹ mắng nên đã đi tìm cái Hiên để đòi lại nhưng không gặp. Hai chị em Sơn nhận ra lỗi vì đã tự ý cho bạn đồ mà chưa xin phép mẹ. Chi tiết này miêu tả hết sức chân thực, tự nhiên tâm lý non nớt của trẻ thơ, phản ánh đúng sự hồn nhiên, trong sáng của thế giới trẻ thơ.

Như vậy, truyện ngắn của Thạch Lam luôn hướng hướng ngòi bút vào từng mảnh đời nghèo khó để đồng cảm, cùng vui, cùng buồn với họ. Nhà văn đã phát hiện và ngợi ca tấm lòng nhân ái tình yêu thương, sự chia sẻ giữa người với người, không hề phân biệt giai cấp, khoảng cách giàu nghèo. Dù viết về cái nghèo, sự đói khổ nhưng văn chương của Thạch Lam vẫn thật đẹp, luôn có những con người tuyệt vời xóa mờ đi mọi khoảng cách, tạo nên tình thương giữa người với người, thắp lên ngọn lửa ấm áp trong mùa đông lạnh giá.

2.3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm:

- Tác phẩm không có cốt truyện: "Gió lạnh đầu mùa" không có cốt truyện, chủ yếu đi sâu miêu tả tinh tế những cảm xúc trong tâm hồn nhân vật Sơn: đó là cảm nhận về không gian quanh mình vào một sáng đầu đông, cảm xúc về người em gái đã mất, lòng trắc ẩn đối với những đứa trẻ xóm chợ nghèo,...

Không cần đến những xung đột gay cấn hay tình huống éo le, trang văn của Thạch Lam vẫn nhẹ nhàng đi vào lòng bạn đọc bởi chất man mác, êm dịu mà đầy sâu sắc.

- Hình tượng nhân vật trẻ em trong văn Thạch Lam tuy có nhiều hoàn cảnh, cách cư xử khác nhau nhưng lúc nào cũng thật đáng yêu, đáng mến cùng những cảm xúc quá đỗi trong trẻo, non tơ.

- Ngôn ngữ kể chuyện mộc mạc, giản dị; ngôn ngữ đối thoại gần gũi, tự nhiên, chân thực

- Giọng văn nhỏ nhẹ, điềm tĩnh.

- Xây dựng những chi tiết đặc sắc: "*Sơn nhận thấy chúng ăn mặc không khác ngày thường", "Sơn thấy động lòng thương ...", "Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí..."*

=> Truyện ngắn có giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc, cho thấy tài năng viết truyện ngắn và tấm lòng trân trọng, thương yêu con người của Thạch Lam.

3. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề.

"Gió lạnh đầu mùa" là một câu chuyện nhẹ nhàng, nhưng lại chan chứa tình yêu thương. Truyện đã đem đến những bài học vô cùng quý giá cho mỗi người đọc. Hãy thử chọn đọc tác phẩm vào những ngày cuối thu đầu đông, cảm nhận những cơn gió lạnh vờn bên làn da nhưng trái tim mỗi người lại thấy ấm nồng bởi tình yêu thương trong tác phẩm, giúp chúng ta thêm yêu cuộc đời và niềm tin vào những giá trị sống tích cực.

ĐỀ SỐ 4: Phân tích đoạn trích sau:

Thế rồi một con cáo xuất hiện(3):

– Xin chào – con cáo nói.

– Xin chào – hoàng tử bé lịch sự trả lời rồi quay người lại nhưng không nhìn thấy gì.

– Mình ở đây- giọng nói vang lên – dưới cây táo…

– Bạn là ai? – Hoàng tử bé hỏi. – Bạn dễ thương quá…

– Mình là cáo – con cáo trả lời.

– Lại đây chơi với mình đi – hoàng tử bé đề nghị nó. – Mình buồn quá…

– Mình không thể chơi với bạn được – con cáo nói. – Mình chưa được cảm hoá(4).

– À! Xin lỗi! – Hoàng tử bé thốt lên.

Nhưng sực nhớ ra, cậu hỏi lại:

– "Cảm hoá" nghĩa là gì?

– Bạn không phải người ở đây – con cáo nói – bạn đi tìm gì vậy?

– Mình đi tìm con người. – Hoàng tử bé nói. – "Cảm hoá" nghĩa là gì?

– Con người – con cáo nói – họ có súng và họ đi săn. Thật là phiền toái! Họ còn nuôi gà nữa. Đó là chuyện được nhất ở họ. Bạn có tìm gà không?

– Không, mình đi tìm bạn bè. "Cảm hoá" nghĩa là gì?

– Đó là thứ bị lãng quên lâu lắm rồi. Nó có nghĩa là "làm cho gần gũi hơn…"

– Làm cho gần gũi hơn?

– Chứ sao – con cáo lên giọng. – Bạn đối với mình mới chỉ là một cậu bé giống như cả trăm nghìn cậu bé. Và mình không cần đến bạn. Còn bạn cũng chẳng cần gì đến mình. Mình đối với bạn chỉ là một con cáo giống như cả trăm nghìn con cáo. Nhưng, nếu bạn cảm hoá mình, tụi mình sẽ cần đến nhau. Lúc đó bạn đối với mình sẽ là duy nhất trên đời. Mình đối với bạn sẽ là duy nhất trên đời…

– Mình bắt đầu hiểu rồi. Có một bông hoa(5)… Mình nghĩ là nó đã cảm hoá mình…

– Có thể lắm. Trên Trái Đất người ta thấy đủ thứ chuyện…

– Ồ! Không phải trên Trái Đất – hoàng tử bé nói.

Con cáo tỏ ra rất tò mò:

– Trên một hành tinh khác?

– Đúng vậy.

– Có thợ săn trên hành tinh đó không?

– Không.

– Chuyện này, đúng là thú vị! Còn gà?

– Không.

– Chẳng có gì là hoàn hảo – con cáo thở dài.

Nhưng rồi nó quay lại với ý nghĩ lúc nãy:

– Cuộc sống của mình thật đơn điệu. Mình săn gà, con người săn mình. Mọi con gà đều giống nhau, mọi con người đều giống nhau. Cho nên mình hơi chán. Bởi vậy, nếu bạn cảm hoá mình, xem như đời mình đã được chiếu sáng. Mình sẽ biết thêm một tiếng chân khác hẳn mọi bước chân khác. Những bước chân khác chỉ khiến mình

trốn vào lòng đất. Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như là tiếng nhạc. Và nhìn xem! Bạn thấy không, cánh đồng lúa mì đằng kia? Mình không ăn bánh mì. Lúa mì chả có ích gì cho mình. Những đồng lúa mì chẳng gợi nhớ gì cho mình cả. Mà như vậy thì buồn quá! Nhưng bạn có mái tóc vàng óng. Nếu bạn cảm hoá mình thì thật là tuyệt vời! Lúa mì vàng óng ả sẽ làm mình nhớ đến bạn. Và mình sẽ thấy thích tiếng gió trên đồng lúa mì…

Con cáo ngừng lời và nhìn hoàng tử bé chăm chú. Nó nói:

– Bạn làm ơn… cảm hoá mình đi!

– Mình muốn lắm – hoàng tử bé trả lời – nhưng mình không có thời gian. Mình còn phải đi kiếm bạn bè và tìm hiểu nhiều thứ.

– Người ta chỉ hiểu những gì họ đã cảm hoá. […] Nếu muốn có một người bạn, hãy cảm hoá mình đi!

– Cần phải làm sao? – Hoàng tử bé hỏi.

– Cần phải rất kiên nhẫn – con cáo trả lời. – Trước tiên bạn ngồi xa mình một chút, như thế, trên cỏ. Mình sẽ liếc nhìn bạn còn bạn thì không nói gì cả. Lời nói là nguồn gốc của mọi sự hiểu lầm. Nhưng mỗi ngày, bạn có thể ngồi xích lại gần hơn…

[…] Cứ thế, hoàng tử bé cảm hoá con cáo. Khi gần đến lúc phải ra đi, con cáo nói:

– A!… Mình sẽ khóc mất.

– Lỗi do bạn đó – hoàng tử bé nói – mình không muốn làm bạn đau lòng chút nào, nhưng bạn lại muốn mình cảm hoá bạn…

– Tất nhiên rồi – con cáo nói.

– Nhưng bạn sẽ khóc – hoàng tử bé nói.

– Tất nhiên rồi – con cáo nói.

– Vậy thì bạn chẳng được gì cả.

– Mình được chứ – con cáo nói – bởi vì còn có màu lúa mì.

Sau đó nó nói thêm:

– Hãy thăm lại vườn hoa hồng đi! Bạn sẽ hiểu rằng bông hoa của bạn là duy nhất trên đời. Rồi khi bạn quay lại vĩnh biệt mình, mình sẽ tặng bạn một bí mật làm quà.

Hoàng tử bé đi thăm lại vườn hoa hồng:

– Các bạn chẳng giống bông hồng của tôi chút nào, các bạn chưa là gì cả – cậu nói với chúng. – Chẳng ai cảm hoá các bạn và các bạn chẳng cảm hoá ai. Các bạn giống như bạn cáo của tôi ngày trước. Hồi đó bạn ấy chỉ là một con cáo như cả trăm ngàn con khác. Nhưng tôi đã biến bạn ấy thành bạn của tôi, và bây giờ bạn ấy trở thành duy nhất trên đời.

[…] Rồi cậu quay lại chỗ con cáo:

– Vĩnh biệt – cậu nói…

– Vĩnh biệt – con cáo nói. – Đây là bí mật của mình. Rất đơn giản: người ta chỉ thấy rõ với trái tim. Điều cốt lõi(6) vô hình trong mắt trần(7).

– Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần – hoàng tử bé lặp lại, để cho nhớ.

– Chính thời gian mà bạn bỏ ra cho bông hồng của bạn đã khiến bông hồng của bạn trở nên quan trọng đến thế.

– Chính thời gian mà mình bỏ ra cho bông hồng của mình… – Hoàng tử bé lặp lại, để cho nhớ.

– Con người đã quên mất sự thật này – con cáo nói. – Nhưng bạn thì không được quên. Bạn có trách nhiệm mãi mãi với những gì bạn đã cảm hoá. Bạn có trách nhiệm với bông hồng của bạn…

– Mình có trách nhiệm với bông hồng của mình… – Hoàng tử bé lặp lại, để cho nhớ.

(Chương XXI, *Hoàng tử bé*, Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri,

Nguyễn Tấn Đại hiệu đính bản dịch, 2020)

Dàn ý:

1. Mở bài

- Giới thiệu khái quát về Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri: là nói đến nhà văn lớn nước Pháp, ông vốn là một phi công nên hầu hết các tác phẩm của ông đều lấy đề tài, cảm hứng từ những chuyến bay và cuộc sống của người phi công. Ngòi bút của nhà văn đậm chất trữ tình, trong trẻo và giàu cảm hứng lãng mạn.

- Giới thiệu chung về tiểu thuyết *"Hoàng tử bé":* được ông sáng tác năm 1943, gồm 27 chương. Nhân vật chính là hoàng tử bé, từ hành tinh của mình, cậu đã phiêu lưu nhiều hành tinh khác nhau, phát hiện nhiều điều thú vị, và nếm trải cả những thất vọng, đau khổ. Cuối cùng cậu quyết định quay trở lại hành tinh của mình với bông hồng duy nhất.

- Nhận xét về đoạn trích: chương XXI của cuốn tiểu thuyết kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa hoàng tử bé và con cáo trên Trái Đất. Cuộc gặp gỡ đã mang lại cho cả hai món quà quý giá.

2. Thân bài

2.1. Phân tích đề tài và những nét đặc sắc của cốt truyện trong việc làm sáng tỏ chủ đề.

- Vị trí đoạn trích và đề tài: Đoạn trích thuộc chương XXI của tác phẩm "Hoàng tử bé". Đoạn trích kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa hoàng tử bé và con cáo trên Trái Đất. Cuộc gặp gỡ đã mang lại cho cả hai món quà quý giá.
- Đặc điểm cốt truyện: Hoàng từ bé vừa đến Trái Đất thì bắt gặp một vườn hoa hồng rực rỡ màu sắc. Cậu cảm thấy buồn bã khi nghĩ đến bông hồng duy nhất ở hành tinh của mình. So với khu vườn này, cậu chỉ có "một bông hoa tầm thường". Khi hoàng tử bé đang nằm khóc lóc trên bãi cỏ, một con cáo bỗng xuất hiện và chào hỏi. Hoàng tử bé đã đề nghị cáo đến chơi với mình. Nhưng cáo từ chối vì nó chưa được cảm hóa. Nó muốn cậu cảm hóa mình, nhưng hoàng tử bé cần phải đi tìm bạn bè và tìm hiểu nhiều thứ. Cáo nói với cậu nếu muốn có một người bạn thì hãy cảm hóa nó. Và rồi hoàng tử bé đã cảm hóa cáo, họ đã trở thành những người bạn. Cáo khuyên hoàng tử bé quay trở lại khu vườn hoa hồng để nhận ra bông hồng của cậu là khác biệt. Hoàng tử bé quay lại chào tạm biệt cáo và nhận được lời khuyên ý nghĩa của cáo về tình bạn.

2.2: Phân tích các nhân vật nhằm làm rõ chủ đề của đoạn trích:

*** Nhân vật hoàng tử bé**

- Trước khi gặp cáo:

+ Lai lịch: Đến từ một hành tinh khác. Xuống Trái Đất để tìm con người, bạn bè... *"Mình đi tìm con người...Mình đi tìm bạn bè"*

+ Tâm trạng : Khi vừa đặt chân xuống Trái Đất đã phải đối diện với nỗi thất vọng, đau khổ khi nhận ra bông hồng của cậu không phải là duy nhất.

- Khi gặp cáo:

+ Thái độ ban đầu của hoàng tử bé khi gặp cáo: hoàng tử đáp lại lời chào của cáo, "Bạn là ai?", "Bạn dễ thương quá!"

+ Hoàng tử bé cư xử với cáo lịch sự, thân thiện, khác với loài người trên Trái Đất coi cáo là con vật xấu tính, ranh mãnh, gian xảo. Cái nhìn của Hoàng tử bé ngây thơ, hồn nhiên, trong sáng luôn tin cậy và hướng tới cái phần đẹp đẽ, tốt lành, không bị giới hạn bởi định kiến, hoài nghi.

+ Hoàng tử bé đồng ý cảm hóa cáo: vì hoàng tử bé nhận ra ý nghĩa của tình bạn mà cáo giảng giải qua từ cảm hóa: là kết bạn, tạo dựng mối quan hệ gần gũi, gắn kết tình cảm, biết quan tâm gắn bó với nhau. Hoàng tử bé đã trân trọng, lắng nghe, không định kiến, hoài nghi.

+ Khi gặp lại vườn hồng, thái độ của hoàng tử bé đã thay đổi: Từ đau khổ, thất vọng hoàng tử bé tự tin, vui vẻ nhận ra ý nghĩa của bông hoa hồng duy nhất của mình, ý nghĩa của sự vun đắp, tưới tắm...Hay nói cách khác ý nghĩa của tình bạn.

- Khi chia tay con cáo, hoàng tử bé đã động viên cáo, lặp lại lời cáo: " *Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần", " Chính thời gian mà mình bỏ ra cho bông hồng của mình...", "Mình sẽ có trách nhiệm với bông hồng của mình"* .

Hoàng tử bé hiểu được "bí mật" của tình bạn, tình yêu, vượt qua được nỗi hoang mang, đau khổ thất vọng, tìm được hạnh phúc dành thời gian và trái tim cho ai đó. Hiểu biết về bản thân về cuộc sống, trách nhiệm với những gì mình gắn bó, yêu thương

* Nhân vật con cáo

- Trước khi gặp hoàng tử bé: Cuộc sống của cáo cô đơn, buồn bã. Cáo đang bị săn đuổi, sự hãi, trốn con người.

- Khi gặp hoàng tử bé:

+ Lúc đầu: không dám lại gần vì nhận ra mình chưa được cảm hóa.

+ Giải thích cho hoàng tử bé về cảm hóa: (từ cảm hóa xuất hiện 15 lần trong VB, gắn với nhiều chi tiết, sự kiện quan trọng)

* Cảm hóa là chuyển hóa cái hoang dã và xa lạ, pha tạp, bất thiện thành cái gần gũi, tốt đẹp, trong sạch, thiện lành...và có thể chung sống thân thiện làm bạn. Là làm cho gần gũi hơn tức là kết nối tình cảm, dành thời gian hiểu nhau, kiên nhẫn làm thân với nhau. Khi chưa cảm hóa, hoàng tử bé và cáo là xa lạ, chẳng cần gì đến nhau, khi được cáo cảm hóa thì *"tụi mình cần đến nhau"*, và mỗi người sẽ *"trở thành duy nhất trên đời"*

* Qua đó thấy nhân vật cáo khao khát được đón nhận, thấu hiểu; được sống với phần tốt lành , đẹp đẽ, được thay đổi, hoàn thiện bản thân.

- Chi tiết: Cảm nhận khác nhau của cáo về tiếng bước chân và cánh đồng lúa mì ở hai thời điểm trước và sau khi được hoàng tử bé cảm hóa cho thấy nhờ có tình bạn của hoàng tử bé, cáo sẽ không cô đơn, buồn tẻ, sợ hãi.Tiếng bước chân vang lên như tiếng nhạc gọi cáo ra cửa hang, cánh đồng lúa mì hóa thân thương ấm áp như màu vàng óng của mái tóc hoàng tử bé.

- Cáo đã chỉ cho hoàng tử bé cách cảm hóa mình

- Khi chia tay hoàng tử bé, con cáo bộc lộ cảm xúc: "Mình sẽ khóc mất". Cáo khẳng định những thứ mình "được": "Mình được chứ - Con cáo nói - Bởi vì nó còn màu của lúa mì". Có tình bạn thế giới xung quanh cáo trở nên rực rỡ, tỏa sáng, ấm áp, rộng mở, đáng yêu. Cáo hiểu biết, giàu tình cảm, chân thành, khao khát được gần gũi, yêu thương và luôn hoàn thiện bản thân.

2.3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của các nét đặc sắc nghệ thuật trong đoạn trích

- Cách xây dựng nhân vật thông qua nhiều chi tiết miêu tả lời nói, suy nghĩ, cảm xúc. Từ đó làm nổi bật đặc điểm nhân vật.

- Nhân vật con cáo được nhân hóa như con người thể hiện đặc điểm của truyện đồng thoại. Ngôn ngữ đối thoại sinh động, phong phú.

- Truyện giàu chất tưởng tượng (hoàng tử bé đến từ hành tinh khác, con cáo có thể trò chuyện kết bạn với con người).

Qua cuộc gặp gỡ giữa hoàng tử bé và con cáo, tác giả đã vẽ ra một thế giới cảm xúc hồn nhiên, ngây thơ, trong trẻo dành tặng cho trẻ thơ. Mỗi người tự cảm nhận được ý

nghĩa của tình bạn, ý thức trách nhiệm với bạn bè, với những gì mà mình gắn bó, yêu thương.

3. Kết bài: Khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích. Nêu tác động của văn bản đối với em.

- Với ngôn ngữ truyện giàu chất tưởng tượng (hoàng tử bé đến từ hành tinh khác, con cáo có thể trò chuyện kết bạn với con người...), cuộc gặp gỡ giữa hoàng tử bé và con cáo, tác giả đã vẽ ra một thế giới cảm xúc hồn nhiên, ngây thơ, trong trẻo dành tặng cho trẻ thơ.

- Giúp người đọc cảm nhận được ý nghĩa của tình bạn, ý thức trách nhiệm với bạn bè, với những gì mà mình gắn bó, yêu thương. Từ cuộc gặp gỡ của hai nhân vật cáo và hoàng tử bé, mỗi chúng ta nhận ra những triết lí sâu sắc, đó là con người cần phải biết nhìn nhận, đánh giá mọi thứ bằng tình yêu, và sự tin tưởng, thấu hiểu. Khi chỉ nhìn *bằng con tim*, con người mới nhận ra, trân trọng giữ gìn những điều đẹp đẽ quý giá. *Bí mật* của tình yêu là sự kết nối giữa con người với con người, con người với vạn vật. Bài học về cách kết bạn cần thân thiện, kiên nhẫn, giành thời gian để "cảm hóa" nhau. Tình bạn mang đến niềm vui, hạnh phúc; khiến cuộc sống trở nên phong phú, đẹp đẽ hơn, trách nhiệm đối với bạn bè cần biết quan tâm, lắng nghe, thấu hiểu, bảo vệ...

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập nói nghe vào vở; tự luyện tập theo nhóm ở nhà.

- Chuẩn bị các nội dung của bài 6 để làm bài kiểm tra tổng hợp.

Ngày soạn:
Ngày dạy:

TIẾT 100,101:
LUYỆN NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Sau bài học này, học sinh sẽ hiểu được:

Những yêu cầu cần thực hiện kiểu bài *Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.*

2. Năng lực

Sau bài học này, học sinh sẽ có:

Năng lực chung:	*Năng lực đặc thù*
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: 100% HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp. - Năng lực tự chủ và tự học: 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.	80% HS biết cách *Trình bày ý kiến về một vấn đề trong xã hội.* 20% HS *Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội* có sự sáng tạo, linh hoạt.

3. Phẩm chất

100% Biết sống nhân ái thông qua những văn bản trong chủ đề.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên

- Phương tiện: SGK, SGV, bài giảng PPT, phiếu học tập và các tài liệu tham khảo
- Hình thức tổ chức: hình thức làm việc trên lớp theo nhóm, làm việc cá nhân.

2. Học sinh

- Đồ dùng học tập
- Chuẩn bị khác: HS đọc trước bài

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. KHỞI ĐỘNG	
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG	**YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG - Thời gian: 5 phút - Mục tiêu: + Kích hoạt tri thức nền về kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội đã học + Tạo tâm thế hứng thú, định hướng cho học sinh. - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại – phát vấn - Sản phẩm dự kiến: câu trả lời của HS về hiểu biết kiến thức nền liên quan đến kĩ năng trao đổi về một vấn đề	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: BREAKING NEWS GV có thể bắt đầu tiết học bằng yêu cầu: **Thử**	Kích hoạt được hiểu biết kiến thức nền liên quan đến kĩ năng trao đổi về một vấn đề.

thách liệt kê những vấn đề nóng của cuộc sống hiện nay qua video: **https://www.youtube.com/watch?v=fnC_8T8NKIM** + Em đã bao giờ cùng trao đổi, bàn luận với người khác về các vấn đề xung quanh em chưa? Hoặc đã bao giờ em chia sẻ với người khác về ý kiến, quan điểm của em để thuyết phục họ hay chưa? + Vậy theo em, những yếu tố nào sẽ giúp phần trình bày của mình trở nên hấp dẫn và thu hút người nghe? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận theo cặp và thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả** - 2-3 nhóm HS báo cáo kết quả **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - Nhóm HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét:	

HOẠT ĐỘNG 2: PHÂN TÍCH MẪU

NỘI DUNG 1: QUAN SÁT MẪU CÁCH THỨC THỰC HIỆN *TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI*

- Thời gian: 15 phút
- Mục tiêu:

+ Năng lực đặc thù: 100% biết cách thực hiện *Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội*

+ Năng lực chung:

- 100% HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

+ Phẩm chất: 100% HS biết nhận ra bài học, kinh nghiệm thông qua việc trao đổi về một vấn đề

- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại – phát vấn; kĩ thuật phân tích mẫu, think-pair-share

- Sản phẩm dự kiến: câu trả lời của HS

TÌM HIỂU CÁCH THỨC THỰC HIỆN *TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI*	**I. TÌM HIỂU CÁCH THỨC THỰC HIỆN *TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI***
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa ra yêu cầu: Thực hiện PHT 1 - HS thực hiện nhiệm vụ theo kĩ thuật THINK-PAIR-SHARE: + THINK: cá nhân HS suy nghĩ, trả lời + PAIR: HS trao đổi cặp đôi với bạn bên cạnh + SHARE: HS chia sẻ toàn lớp - Thời gian suy nghĩ, thảo luận, chia sẻ: 9 phút Link video https://www.youtube.com/watch?v=ONTY0pltS5s **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó chia sẻ cặp đôi với bạn và chia sẻ trước lớp theo hiệu lệnh của GV **Bước 3: Báo cáo kết quả** - 2-3 HS báo cáo kết quả **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận: + GV nhận xét về kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS thông qua việc quan sát thái độ theo dõi hoạt động làm mẫu và kết quả ghi chép của đại diện 1 số HS, sau đó GV trả lời, giải đáp thắc mắc của HS (nếu có)	**1. Cách thức trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội** ● Bước 1: Chuẩn bị trước khi nói (xác định đề tài, người nghe, mục đích thảo luận, không gian và thời gian nói -> tìm ý, lập dàn ý) ● Bước 2: Trình bày bài thảo luận (Luyện tập và trình bày bài thảo luận) ● Bước 3: Trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi thảo luận (sử dụng bảng kiểm để tự nhận xét và nhận xét sản phẩm của bạn) **2. Bảng kiểm tham khảo**
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP	
CHUẨN BỊ BÀI NÓI - Thời gian: 15 phút - Mục tiêu:	

- Năng lực đặc thù: 100% HS thực hiện được các thao tác chuẩn bị bài nói (xác định đề tài, không gian, thời gian, mục đích nói, người nghe, tìm ý và lập ý)
- Năng lực chung:
- 100% HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

+ Phẩm chất: 100% HS biết sống nhân ái, biết cảm thông, chia sẻ trước cảnh ngộ của người khác.

- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Phương pháp dạy học theo nhóm; kĩ thuật động não, khăn phủ bàn
- Sản phẩm dự kiến: Phiếu học tập số 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV đưa ra yêu cầu:

Nhiệm vụ 1: VÒNG NỘI BỘ (35')

- Lớp chia thành 4 – 6 nhóm (hoặc số lượng nhóm tùy thuộc vào số lượng HS trong lớp, khoảng 6 HS/ nhóm là phù hợp)

- Tham gia thảo luận về chủ đề: *Suy nghĩ của em về thái độ cần có của người lớn đối với ước mơ của trẻ em sau khi đọc văn bản Trong mắt trẻ (trích Hoàng tử bé)?* theo quy trình:

+ Chuẩn bị trước khi thảo luận: 10 phút

- Với vai trò người nói trong cuộc thảo luận: tìm hiểu kĩ về đề tài thảo luận; chuẩn bị nội dung trình bày trong cuộc thảo luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng) **(PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2.1)**
- Với vai trò người nghe trong cuộc thảo luận (tìm hiểu kĩ về đề tài thảo luận; những gì em đã biết, những gì em muốn biết thêm về đề tài này; chuẩn bị bút, giấy để ghi chép) **(PHIẾU HỌC TẬP SỐ**

II. CHUẨN BỊ BÀI NÓI

2.2) + Thực hành thảo luận: 15 phút ● Với vai trò người nói: trình bày ý kiến cá nhân về chủ đề thảo luận; trình bày những nội dung chính đã trao đổi thảo luận và thống nhất, những vấn đề chưa thống nhất cần tìm hiểu thêm ● Với vai trò người nghe: Nghe, nắm bắt nội dung chính Ghi chép ngắn gọn nội dung thảo luận, những ý kiến cá nhân, những vấn đề cần trao đổi thêm + Trình bày lại nội dung đã trao đổi, thảo luận: 10 phút ● 2 thành viên bốc thăm ngẫu nhiên trong nhóm sẽ trình bày lại nội dung đã trao đổi, thảo luận trong nhóm ● Các thành viên khác nhận xét, góp ý về nội dung trình bày của bạn **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm **Bước 3: Báo cáo kết quả** - HS trình bày kết quả nghe và tóm tắt nội dung thảo luận của mình **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - Các thành viên khác nhận xét kĩ năng nghe và trình bày lại nội dung thảo luận của bạn dựa trên bảng kiểm - GV nhận xét, bổ sung, kết luận những ưu điểm	

và những tồn tại cần điều chỉnh trong kĩ năng nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung thảo luận của HS.	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP
TRÌNH BÀY BÀI NÓI & ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM

- Thời gian: 55 phút
- Mục tiêu:
  - Năng lực đặc thù: 50% HS trình bày được bài nói trên lớp đạt yêu cầu
  - Năng lực chung:
  - 100% HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.
  - 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.
  + Phẩm chất: 100% HS biết sống nhân ái, có trách nhiệm với cộng đồng
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: dạy học theo nhóm, đàm thoại – phát vấn
- Sản phẩm dự kiến: bài nói của HS các nhóm và phần nhận xét, đánh giá dựa trên bảng kiểm của các nhóm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa ra yêu cầu: **Nhiệm vụ 2: VÒNG CÔNG BỐ (30')** ● Thành viên đại diện của mỗi nhóm sẽ lên trình bày lại những nội dung chính đã trao đổi, thảo luận trong nhóm của mình ● Ưu tiên thành viên chưa trình bày lại nội dung chính ở vòng nội bộ, để HS khác có cơ hội rèn luyện kĩ năng trình bày ● Các thành viên khác lắng nghe sau đó nhận xét kĩ năng nghe và trình bày lại nội dung thảo luận của bạn dựa trên bảng kiểm ● Thời gian trình bày: tối đa 4 phút / lượt trình bày **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm **Bước 3: Báo cáo kết quả** - HS trình bày bài nói theo nhóm **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**	**III. THỰC HÀNH BÀI NÓI** **IV. ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM** **- Đánh giá dựa trên bảng kiểm** **- Rút kinh nghiệm**

- HS khác nhận xét, bổ sung phần trình bày bài nói của các nhóm dựa trên bảng kiểm - GV nhận xét, bổ sung, kết luận những ưu điểm và những tồn tại cần điều chỉnh trong kĩ năng nói nghe của HS; nhắc lại cách thức thực hiện và đánh giá kĩ năng trình bày bài nói.	
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG - Thời gian: 5 phút - Mục tiêu: + Năng lực đặc thù + Năng lực chung + Phẩm chất - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Phát vấn – đàm thoại - Sản phẩm dự kiến: bài nói của HS luyện ở nhà	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giao bài luyện tập ở nhà: - Mỗi HS thực hiện nhiệm vụ trình bày bài nói về 1 trong 2 đề bài SGK/vấn đề cuộc sống đặt ra – quay video gửi lại cho GV. Đề 1: Suy nghĩ của em về ý kiến: "Cần biết lựa chọn sách để đọc". Đề 2: Suy nghĩ của em về thái độ cần có của người lớn đối với ước mơ của trẻ em sau khi đọc văn bản *Trong mắt trẻ* (trích Hoàng tử bé)? - Yêu cầu: + HS vận dụng kĩ năng nói và nghe để trao đổi về 1 vấn đề + Video quay rõ tối thiểu là chân dung học sinh, quay ngang điện thoại + Âm thanh rõ, không lẫn tạp âm + Độ dài video không quá 10 phút + Hạn nộp: 1 tuần **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân	**V. VẬN DỤNG** HS thực hành ở nhà: Trao đổi về một vấn đề văn bản/cuộc sống đặt ra.

Bước 3: Báo cáo kết quả - HS nộp video cho GV đúng hạn **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - GV tổ chức chia sẻ trực tuyến cho HS trong lớp về sản phẩm của các nhóm, bình chọn online những bài nói ấn tượng; chia sẻ trên lớp trong giờ chuyên đề / tăng cường - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận về kĩ năng nghe nói: trao đổi về một vấn đề.	

E. RÚT KINH NGHIỆM

1. Tự đánh giá, rút kinh nghiệm

2. Hình thức thu thập đánh giá của HS về bài dạy

F. PHỤ LỤC

- Tư liệu sử dụng
- Mẫu phiếu học tập

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI
PHIẾU ĐÁNH GIÁ DÀNH CHO NGƯỜI NÓI

Phương diện	Tiêu chí đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Rất tốt
Mở đầu	Có lời chào và lời tự giới thiệu				
	Giới thiệu được vấn đề xã hội và lí do lựa chọn vấn đề				
	Nêu khái quát được các luận điểm chính của bài nói				
Nội dung chính	Giải thích được vấn đề đang bàn luận				

	Nêu được trình tự các luận điểm, thể hiện được quan điểm riêng của người nói				
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục				
Kết thúc	Khái quát được ý nghĩa của vấn đề đang bàn luận				
	Đưa ra một số đề xuất, kiến nghị (nếu có)				
	Lời kết thúc và cảm ơn				
Kĩ năng trình bày	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc				
	Tương tác tích cực trong suốt quá trình nói				
	Kết hợp hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ				
	Tiếp thu tích cực và đối thoại với các ý kiến phản hồi				

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:

PHÂN TÍCH BÀI NÓI THAM KHẢO

Yêu cầu: Xem video và trả lời các câu hỏi để nhận ra cách thức thực hiện kiểu bài trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội
Quét mã QR để xem video:

Người nói trình bày ý kiến về vấn đề gì?	
Theo em mục đích của người nói trong video này là gì? Vì sao em nhận định như vậy?	
Người nói đã trình bày những ý kiến nào về chủ đề đặt ra?	
Nhận xét cách triển khai ý kiến của người viết.	
Nhận xét về giọng thảo luận trong video.	
Nhận xét về cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nét mặt… của người thảo luận trong video.	
Em có ý kiến nào phản hồi ý kiến của người nói trong video không? Nếu có thì đó là ý kiến nào?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2.1: CHUẨN BỊ NÓI

Yêu cầu: Với vai trò người trình bày ý kiến đóng góp trong buổi thảo luận, hãy chuẩn bị bài trình bày của mình theo gợi ý dưới đây.

Các bước		Yêu cầu	Lưu ý
Chuẩn bị	Xác định	- Chủ đề thảo luận là:	Trả lời

trước khi nói	vấn đề	…………………………………………………………… ………....	những câu hỏi gợi ý để định hướng được nội dung bài nói, tăng hiệu quả giao tiếp
	Xác định không gian, thời gian	Trình bày ở đâu? …………………………………………………………… ……….. Thời gian nói bao lâu? …………………………………………………………… ………..	
	Xác định người nghe	Trình bày cho ai nghe? …………………………………………………………… ………..	
	Xác định mục đích nói	Trình bày bài nói để làm gì? …………………………………………………………… ………..	
	Tìm ý, lập dàn ý	*Ý tưởng:* …………………………………………………………… ……….. …………………………………………………………… ……….. …………………………………………………………… ……….. …………………………………………………………… ……….. …………………………………………………………… ……….. …………………………………………………………… ……….. …………………………………………………………… ……….. *Lập dàn ý:* Mở đầu: …………………………………………………………… ………..	Ý tưởng sử dụng thêm hình ảnh minh họa / sơ đồ… phối hợp để bài trình bày rõ ràng, thuyết phục hơn: …………… …………… …………… …………… …………… …………… …………… …………… ……………

		…… …… …… …… …… …… Nội dung: ……	…… ……

		…… …… …… …… …… …… …… …… Kết thúc: …… …… …… …… …… …… …… …… …… ……	
Luyện tập và trình bày bài nói	Có thể đứng trước gương trình bày hoặc trình bày cho bạn nghe		Chú ý cách kết hợp giọng điệu, cử chỉ, nét mặt, … khi trình bày ý kiến
Trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi nói	Sử dụng bảng kiểm để tự nhận xét và nhận xét cho bạn		Chú ý tính khách quan, khoa học, tránh chủ quan, cực đoan khi nhận xét

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

PHIẾU GHI CHÚ DÀNH CHO NGƯỜI NGHE

Họ và tên: **Ngày:**

Chủ đề đang bàn luận:	Tìm hiểu thông tin trước khi nghe (Thông tin chính về vấn đề hoặc thông tin băn khoăn cần trao đổi):
Ghi chép trong quá trình nghe	
Các ý chính: ● Ý chính 1: Lí lẽ: Bằng chứng: …	
Cách thức thực hiện bài nói:	
Câu hỏi và ý kiến muốn trao đổi khi nghe bài nói:	

Đánh giá chung về bài nói:

CHỦ ĐỀ 8: THƠ ĐƯỜNG LUẬT

Thời lượng: 15 tiết

Tiết 102,103,104,105,106

LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU MỚI - THƠ ĐƯỜNG LUẬT

A. Mục tiêu:

1. Năng lực

* *Năng lực chung*: Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

- Ôn tập cho HS kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ Đường luật:

+ Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.

+ Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.

- Thực hành phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ; từ tượng hình, từ tượng thanh.

- Ôn tập cách viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

2. Phẩm chất

- Biết yêu quý, trân trọng những giá trị văn hoá, văn học truyền thống.
- Bồi đắp tinh thần yêu nước, niềm tự hào về nền văn hiến, văn hóa và lịch sử dân tộc.
- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, giáo án ôn tập.
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, máy tính.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức đã học buổi sáng để trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm hoặc nhiệm vụ mà GV giao.

2. Nội dung hoạt động: Hoạt động cá nhân.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

***Nhiệm vụ 1: Trò chơi "Ai nhanh hơn?"**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS tham gia trả lời nhanh những câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học:

=> Hệ thống câu hỏi:

Câu 1. Ý nào không đúng về thơ Đường luật?

A. Thơ Đường luật có quy định nghiêm ngặt về hoà thanh, về niêm, đối, vần và nhịp.

B. Ngôn ngữ thơ Đường luật rất cô đọng, hàm súc; bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình.

C. Bài thơ Đường luật có thể gieo vần bằng hoặc vần trắc ở chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8.

D. Ý thơ trong thơ Đường luật thường gắn với mối quan hệ giữa cảnh và tình, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn,...

Câu 2. Hai thể chính của thơ Đường luật là:

A. Thất ngôn bát cú Đường luật và thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

B. Thất ngôn bát cú và tứ tuyệt.

C. Thất ngôn bát cú Đường luật và Tứ tuyệt Đường luật.

D. Thất ngôn và Lục ngôn.

Câu 3. Ý nào **không** đúng về thơ trào phúng?

A. Thơ trào phúng dùng tiếng cười để phê phán những cái chưa hay, chưa đẹp, những cái tiêu cực, xấu xa….

B. Nhằm hướng con người tới giá trị thẩm mỹ, nhân văn hoặc lí tưởng sống cao đẹp.

C. Thường sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nói quá, đối lập,...tạo ra tiếng cười.

D. Thơ trào phúng không chỉ hướng đến đối tượng là những bọn hào lí, quan lại,... thối nát, xấu xa mà còn hướng đến đối tượng là những người dân thấp cổ bé họng, bất hạnh để bênh vực.

Câu 4. Chọn đáp án đúng nhất: Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng là gì?

A. Những thói quen xấu của con người.

B. Những cảnh trái ngang.

C. Sự bất toàn của con người, cuộc sống.

D. Những hiện tượng trái tự nhiên.

Câu 5. Ý nào dưới đây nêu chính xác nhất khái niệm về từ tượng thanh?

A. Là những từ mô tả âm thanh của con người, sự vật.

B. Là những từ gợi hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.

C. Là những từ miêu tả tính cách của con người.

D. Là những từ gợi tả bản chất của sự vật.

Câu 6. Ý nào dưới đây nêu chính xác nhất khái niệm về từ tượng hình?

A. Từ gợi hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.

B. Là những từ chỉ âm thanh của người, vật.
C. Là những từ chỉ tính cách của người.
D. Là những từ chỉ tính chất của sự vật.

Câu 7. Nhóm từ nào sau đây gồm toàn các từ tượng thanh?

A. ọp ẹp, lụp xụp, xiêu vẹo
B. lạch cạch, xào xạc, ù ù
C. lắc lư, rón rén, sột soạt
D. ào ào, lom khom, ầm ĩ

Câu 8. Ý nào đúng nhất về biện pháp tu từ đảo ngữ?

A. Là biện pháp tu từ được tạo ra bằng cách thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhằm nhấn mạnh đặc điểm, hoạt động, trạng thái của sự vật hiện tượng
B. Là biện pháp tu từ được tạo ra bằng cách thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhằm làm cho đối tượng miêu tả hiện lên cụ thể, sinh động.
C. Nhằm gợi ấn tượng rõ hơn về sự vật, hiện tượng hoặc bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói)
D. Cả A và C

Câu 9. Tác dụng của phép đảo ngữ trong hai câu thơ sau là:

"Lao xao chợ cá làng ngư phủ
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương"
(Bảo kính cảnh giới, bài 43, Nguyễn Trãi)

A. Nhấn mạnh âm thanh cuộc sống con người và cảnh vật tươi vui ngày hè.
B. Nhấn mạnh không khí nhộn nhịp của làng ngư phủ.
C. Nhấn mạnh âm thanh rộn rã của tiếng ve vang lên nơi lầu gác cao khi mặt trời sắp lặn.
D. Nhấn mạnh tình yêu dân, yêu nước của nhà thơ.

Câu 10. Sắp xếp các ý sau theo quy trình viết bài văn phân tích một bài thơ Đường luật:

1. Bám sát dàn ý để viết bài, chú ý diễn đạt.
2. Lựa chọn một bài thơ em hiểu và yêu thích để phân tích.
3. Đọc lại bài viết, đối chiếu yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa.
4. Tìm những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, sắp xếp thành dàn ý.

A. 1 – 2- 3 – 4
B. 1 – 3 – 4 – 2
C. 2 – 4 – 1 – 3
D. 2 – 4 – 3 - 1

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS tham gia trò chơi.
- GV động viên, khích lệ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

***Nhiệm vụ 2: Cuộc thi Đọc diễn cảm/ ngâm thơ**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu: GV chia lớp thành 04 nhóm. Mỗi nhóm cử 01 đại diện tham gia đọc diễn cảm/ ngâm một bài thơ Đường luật.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm lần lượt cử đại diện tham gia cuộc thi.
- GV và các nhóm đánh giá sản phẩm của từng nhóm theo bảng kiểm:

Mức độ **Tiêu chí**	**Mức 1**	**Mức 2**	**Mức 3**
Đọc diễn cảm/ ngâm thơ **(10 điểm)**	Đúng phát âm, tốc độ đọc chưa hợp lí; ngắt nghỉ chưa đúng nhiều chỗ, ngữ điệu chưa đúng.	Phát âm chuẩn, ngắt nghỉ đúng chỗ; tốc độ đọc phù hợp nhưn ngữ điệu lên xuống giọng còn chưa hợp lí ở một số chỗ.	Phát âm chuẩn, ngắt nghỉ đúng chỗ; tốc độ đọc phù hợp, ngữ điệu lên xuống giọng truyền cảm, phù hợp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Các nhóm nhận xét sản phẩm của nhóm bạn sau khi đại diện nhóm bạn trình bày.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV cho điểm hoặc phát thưởng cho các nhóm.

GV giới thiệu nội dung ôn tập.

HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP BÀI HỌC 7

1. Mục tiêu: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức, rèn luyện các kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ Đường luật; nhận diện và phân tích tác dụng của phép đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng thanh, từ tượng hình; biện pháp tu từ đảo ngữ; viết văn bản nghị luận phân tích một bài thơ (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật).

2. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

4. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,
- GV hướng dẫn HS luyện đề đọc hiểu, thực hành các bài tập tiếng Việt và thực hành viết.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tích cực trả lời.
- GV khích lệ, động viên.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

GV nhận xét, chốt kiến thức

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>

Thao tác 1: Ôn tập kĩ năng đọc hiểu thể loại thơ Đường luật

NV1: Hướng dẫn HS ôn tập một số yếu tố thi luật của thơ Đường luật

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm.
- HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV về các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học.

1. *Nêu đặc điểm của thơ Đường luật (nguồn gốc, văn tự, thể thơ)*

2. Em hãy nêu một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

3. *Nêu khái niệm thơ trào phúng và một số thủ pháp nghệ thuật của thơ trào phúng.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tích cực trả lời.
- GV khích lệ, động viên.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

GV nhận xét, chốt kiến thức.

* GV nêu câu hỏi cho HS nhắc lại các kiến thức lí thuyết về đặc trưng thơ Đường luật.

</td><td>

I. KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU THỂ LOẠI THƠ ĐƯỜNG LUẬT

1. Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

a. Thơ Đường luật

<table>
<tr><th colspan="2">Thơ Đường luật</th></tr>
<tr><td>Nguồn gốc</td><td>thể thơ rất nổi tiếng trong văn học Trung Quốc, có từ thời Đường (618 – 907), sau đó du nhập sang Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản.</td></tr>
<tr><td>Thơ Đường luật ở Việt Nam</td><td>- Thơ ca trung đại: Thơ Đường luật được sáng tác bằng chữ Hán và chữ Nôm.
- Thơ ca hiện đại: thơ Đường được sáng tác bằng chữ quốc ngữ</td></tr>
<tr><td>Các thể thơ Đường luật</td><td>Có hai loại:
- Thơ thất ngôn (mỗi câu có bảy chữ): gồm hai loại thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt.
- Thơ ngũ ngôn (mỗi câu có 5 chữ)</td></tr>
</table>

b. Thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

<table>
<tr><th>So sánh</th><th>Thơ thất ngôn bát cú</th><th>Thơ thất ngôn tứ</th></tr>
</table>

</td></tr>
</table>

	Đường luật	tuyệt Đường luật
1. Số câu, số chữ	8 câu – mỗi câu 7 chữ	4 câu – mỗi câu có 7 chữ
2. Bố cục	4 cặp câu tương ứng 4 phần: đề - thực – luận – kết	4 câu được triển khai: khởi – thừa – chuyển – hợp
3. Niêm	- (dính): chữ thứ 2 của hai cặp câu 1-8, 2-3, 4-5, 6-7 phải ùng thanh với nhau.	Các câu 1-4, 2-3 phải cùng thanh với nhau.
4. Luật	Đường luật buộc phải tuân thủ luật bằng trắc. Nếu chữ thứ hai của câu thứ nhất mang thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng, nếu mang thanh trắc thì là luật trắc.	
5. Vần	Gieo vần bằng ở cuối các câu 1,2,4,6,8	Gieo vần bằng ở cuối các câu 1,2,4.
6. Nhịp	nhịp 4/3	4/3 với thơ thất ngôn (2/3 với thơ ngũ ngôn)
7. Đối	Chủ yếu sử dụng phép đối ở hai câu thực và hai câu luận.	Không bắt buộc phải đối.

NV2: Hướng dẫn HS rút ra cách đọc hiểu thơ Đường luật

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS trả lời nhanh câu hỏi của GV:

Hãy cho biết cách đọc một văn bản thơ Đường luật?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tích cực trả lời.
- GV khích lệ, động viên.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

NV3: GV hướng dẫn cụ thể các mẹo làm bài tập đọc hiểu thơ Đường luật

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp.
- HS trả lời nhanh câu hỏi của GV:

1. Hãy cho biết các bước làm bài tập đọc hiểu thơ Đường luật?

2. Em đã từng biết những dạng câu hỏi đọc hiểu về thơ Đường luật nào? Cho ví dụ minh họa.

3. Cách trả lời các câu hỏi như thế nào để không bị mất điểm?Ví dụ cụ thể cho từng dạng?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tích cực trả lời.
- GV khích lệ, động viên.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

GV nhận xét, cho điểm.

2. Thơ trào phúng và một số thủ pháp nghệ thuật

1. Thơ trào phúng	Là một thể loại đặc biệt của sáng tác văn học, gắn liền với **các cung bậc tiếng cười mang ý nghĩa xã hội**: + **hài hước** là sự phê phán nhẹ nhàng; + **châm biếm** là dùng lời lẽ sắc sảo, thâm thuý để phê phán, vạch trần đối tượng; + **đả kích** là tiếng cười phủ định, thường dùng để chỉ trích, phản đối gay gắt đối tượng trào phúng.
2. Một số thủ pháp nghệ thuật	**Chơi chữ** là vận dụng các hiện tượng đồng âm, trái nghĩa, đa nghĩa, từ láy,... trong câu thơ để tạo nên ý nghĩa bất ngờ làm bật ra tiếng cười.
	Sử dụng khẩu ngữ, ngôn ngữ đời thường một cách hài hước cũng là thủ pháp căn bản tạo nên tiếng cười trong thơ trào phúng.
	Cường điệu là nói quá, phóng đại, nhân lên gấp nhiều lần tính chất, mức độ nhằm làm nổi bật tính hài hước của đối tượng.
	Tương phản là sử dụng các từ ngữ, hình ảnh,.. trái ngược nhau, tạo nên sự đối

	lập nhằm khắc hoạ, tô đậm đặc điểm của đối tượng và châm biếm, phê phán, đả kích đối tượng.

3. Cách đọc hiểu thơ Đường luật

- Tạo hiểu biết ban đầu: tìm hiểu tác giả, tác phẩm. Chú ý hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.
- Cần chú ý đặc điểm thể loại, văn tự, đề tài, chủ đề, không gian, thời gian và sự liên hệ giữa các câu thơ trong bài. Nếu là thơ bằng chữ Hán, trước khi đọc phần Dịch thơ cần đọc kĩ phần Dịch nghĩa để hiểu rõ ý các câu thơ. Chú ý đối sánh giữa phần phiên âm và phần dịch thơ.
- Hiểu được bài thơ là lời của ai; nói về điều gì; nói bằng cách nào; cách nói ấy có gì độc đáo, đáng nhớ (*nghệ thuật đối, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,...)*
- Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình và những tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm của người đọc.

4. Cách làm bài tập đọc hiểu thơ Đường luật

4.1. Các bước làm bài đọc hiểu

a. Đọc ngữ liệu thơ Đường luật

- **Đọc lướt.**
- **Gạch chân** các thông tin quan trọng.

b. Đọc câu hỏi

- Đọc **kĩ** từng câu.
- Xác định **các vế** trong câu hỏi.
- Gạch chân các **từ chìa khóa**.
- **Kết nối** thông tin giữa các câu hỏi.

4.2. Các dạng câu hỏi/yêu cầu về

	thơ Đường luật thường gặp. **a. Câu hỏi nhận biết:** - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. - Nhận biết được nhân vật trữ tình/ chủ thể trữ tình trong bài thơ - Nhận biết được nhịp điệu, giọng điệu trong bài thơ. **b. Câu hỏi thông hiểu:** - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ. - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ. - Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. **c. Câu hỏi vận dụng:** - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân do bài thơ gợi ra. - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung đoạn trích. - Nhận xét về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.

4.3. Kĩ năng trả lời các câu hỏi

a. Câu hỏi nhận biết

Mức độ	Dạng câu hỏi	Căn cứ/ Hướng dẫn trả lời

câu hỏi		
Nhận biết hình thức	1. Xác định thể thơ	- Số câu, số chữ của VB.
	2. Xác định nhân vật trữ tình	- Đặc trưng của NVTT: + NVTT là nhân vật bộc lộ cảm xúc. + NVTT có thể xuất hiện trực tiếp hoặc không.
	3. Các yếu tố thi luật *(bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối*)	Dựa vào đặc điểm thi luật của thể thơ.
	4. Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong ...	- Đặc trưng, dấu hiệu nhận biết của từng biện pháp tu từ. Lưu ý các biện pháp tu từ hay sử dụng trong thơ trào phúng: *so sánh, ẩn dụ, nói quá, đối lập, đối,...*
Nhận biết nội dung	1. Xác định các cụm từ ngữ, hình ảnh chứa thông tin	- Căn cứ yêu cầu đề bài. - Tìm vị trí của cụm từ ngữ, hình ảnh.
	2. Xác định thông tin chính	- Căn cứ yêu cầu đề bài. - Tìm vị trí của câu thơ chứa thông tin.
	3. Xác định đề tài	- Căn cứ nhan đề VB. - Căn cứ nội dung VB.
	4. Đối tượng trào phúng	- Căn cứ nhan đề VB. - Căn cứ nội dung VB. (Thơ trào phúng thường hướng đến phê phán cái chưa hay, chưa đẹp, cái xấu xa, tiêu cực, …)
	5. Giọng điệu trào phúng	Dựa vào dấu hiệu nhận biết của các giọng điệu thường thấy trong thơ trào phúng. Thường có: giọng điệu hài hước, giọng điệu mỉa mai – châm biếm, giọng điệu đả kích.

b. Câu hỏi thông hiểu

Mức độ câu hỏi	Dạng câu hỏi	Căn cứ/ Hướng dẫn trả lời
Thông hiểu về hình thức	1. Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ.	- Gọi tên, chỉ ra từ ngữ, hình ảnh chứa biện pháp tu từ.

		- Nêu hiệu quả: Biện pháp tu từ ... đã đem lại hiệu quả thẩm mĩ cho câu thơ/ đoạn thơ/ bài thơ: + Về nội dung (trả lời các câu hỏi): ++ Nhằm nhấn mạnh/ khắc họa điều gì? (ý khái quát) ++ Điều đó được diễn tả cụ thể như thế nào qua các từ ngữ, hình ảnh chứa biện pháp tu từ? (ý cụ thể) ++ Thể hiện tâm trạng, thái độ, cảm xúc gì của tác giả? + Về hình thức nghệ thuật: Khiến câu thơ giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn/ tạo giọng điệu,…
	2. Nêu tác dụng của việc sử dụng thể thơ	- Chỉ rõ thể thơ được sử dụng trong văn bản. - Nêu hiệu quả: Việc sử dụng thể thơ ... đem lại hiệu quả nghệ thuật đặc sắc cho văn bản. + Về nội dung: ++ Góp phần khắc họa/ thể hiện chủ đề của VB (chỉ rõ chủ đề.) ++ Bộc lộ/ Diễn tả rõ nét tâm trạng, thái độ, tình cảm của tác giả/ nhân vật trữ tình (chỉ rõ tâm trạng, thái độ, tình cảm của tác giả). + Về hình thức nghệ thuật: Tạo nhịp điệu thơ, giọng thơ, tính nhạc cho VB.
Thông hiểu nội dung	1. Anh/chị hiểu như thế nào về câu thơ...	- Xác định từ ngữ, hình ảnh, vế câu, mạch ý - Giải thích từ ngữ, hình ảnh (nếu cần). - Diễn giải nội dung của câu thơ bằng ngôn ngữ cá nhân theo từng vế, từng ý của câu thơ.
	2. Từ nội dung câu thơ..., anh/chị hiểu gì về ...	- Khái quát nội dung câu thơ. - Từ nội dung câu thơ làm rõ vấn đề được nêu trong câu hỏi.

c. Câu hỏi vận dụng

Dạng câu hỏi	Căn cứ/ Hướng dẫn trả lời
1. Từ nội dung văn bản/ câu thơ ..., anh/chị có suy nghĩ gì ...?	- Khái quát nội dung câu thơ/ VB. - Khẳng định câu thơ đã gợi cho mỗi chúng ta

	những suy nghĩ sâu sắc: + Nhận thức: Nhận thức được những điều gì từ nội dung của câu thơ? + Thái độ, tình cảm: Thức tỉnh trong mỗi chúng ta những xúc cảm gì? + Hành động: Từ đó, giúp bản thân ta ý thức được cần phải làm gì?
2. Câu thơ ... có ý nghĩa gì với anh/chị?	- Khái quát nội dung câu thơ. - Khẳng định câu thơ có ý nghĩa sâu sắc với bản thân mỗi chúng ta: + Nhận thức: Giúp mỗi chúng ta nhận thức rõ hơn về ... + Thái độ, tình cảm: Thức tỉnh trong mỗi chúng ta những xúc cảm ... + Hành động: Từ đó, giúp bản thân ta cần phải
3. Nhận xét về giọng điệu văn bản	- Chỉ rõ giọng điệu của văn bản (cảm xúc, thái độ của NVTT/tác giả thể hiện trong văn bản) - Nhận xét. Trả lời các câu hỏi: + Có đa dạng phong phú hay không? Có linh hoạt hay không? + Có góp phần thể hiện rõ nét nội dung, tư tưởng chủ đề của văn bản hay không? + Có đem lại những xúc cảm mới mẻ cho bạn đọc hay không?
4. Nhận xét về nhân vật trữ tình Hoặc Nhận xét về vẻ đẹp tâm hồn của NVTT	- Chỉ rõ nhân vật trữ tình - Nhận xét: + Vẻ đẹp tính cách. + Vẻ đẹp tâm hồn. - Chỉ rõ biểu hiện của vẻ đẹp trong tâm hồn NVTT - Nhận xét: + Tâm hồn có cao đẹp hay không? + Có lan tỏa những giá trị tích cực đến bạn đọc hay không?
5. Anh/chị có đồng tình với quan niệm của tác giả được thể hiện trong câu thơ/ văn bản hay không? Vì sao?	- Chỉ rõ quan điểm của bản thân: đồng tình hoặc không đồng tình hoặc đồng tình một phần.

		- Lí giải: 03 lí lẽ (nhận thức, thái độ, hành động)
	6. Thông điệp/ bài học ý nghĩa nhất mà anh/ chị rút ra từ văn bản là gì? Vì sao?	- Nêu thông điệp/ bài học bằng một câu đơn, bám sát vào nội dung chính của VB. - Lí giải: 03 lí lẽ (nhận thức, thái độ, hành động)

HOẠT ĐỘNG 2. THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ ĐƯỜNG LUẬT THEO ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

2. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

3. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao phiếu học tập cho HS.

HS đọc đề, thực hiện các yêu cầu.

- Đọc ngữ liệu (đọc lướt, đọc đánh dấu, …)
- Đọc câu, đánh dấu từ ngữ quan trong trong câu hỏi/ Trả lời.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ.

HS viết bài dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

- GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.
- HS:

+ Đọc sản phẩm của mình.

+ Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS.

Đề số 01: Đọc văn bản sau:

BÁNH TRÔI NƯỚC

(Hồ Xuân Hương)

Thân em vừa trắng lại vừa tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

(Theo Kiều Thu Hoạch, *Thơ nôm Hồ Xuân Hương*, NXB Văn học, 2008)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ trên được làm theo thể thơ nào ?

A.Tự do
B. Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật
C. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật
D. Thất ngôn bát cú Đường luật

Câu 2. Dòng nào dưới đây **không** dùng để miêu tả chiếc bánh trôi nước?
A. Màu trắng
B. Nhân son đỏ
C. Có nhiều hình dáng khác nhau
D. Có thể rắn hoặc nát

Câu 3. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai, xuất hiện như thế nào?
A. Là kẻ nặn.
B. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ "em".
C. Là tác giả, xuất hiện gián tiếp.
D. Là chủ thể ẩn.

Câu 4. Thành ngữ nào sau đây gần với thành ngữ "bảy nổi ba chìm"?
A. *Cơm niêu nước lọ.*
B. *Lên thác xuống ghềnh.*
C. *Nhà rách vách nát.*
D. *Cơm thừa canh cặn.*

Câu 5. Mượn hình ảnh bánh trôi nước, tác giả Hồ Xuân Hương muốn nói điều gì?
A. Phản ánh phẩm chất, vẻ đẹp và thân phận của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.
B. Phản ánh thái độ của người thưởng thức về hương vị của chiếc bánh trôi nước.
C. Thể hiện niềm thương cảm của tác giả đối với số phận của những chiếc bánh trôi nước.
D. Diễn tả lại các công đoạn làm ra chiếc bánh trôi nước và các nguyên liệu làm nên chiếc bánh.

Câu 6. Câu nào dưới đây nói đúng về ngôn ngữ trong bài thơ *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương?
A. Ngôn ngữ bình dị, gần gũi với lời nói hàng ngày.
B. Ngôn ngữ trang trọng, nhiều từ Hán Việt.
C. Ngôn ngữ trau chuốt, gọt giũa.
D. Ngôn ngữ mang sắc thái cổ điển.

Câu 7. Ở lớp nghĩa hàm ẩn trong bài thơ *Bánh trôi nước*, hình ảnh người phụ nữ được miêu tả như thế nào?
A. Là người phụ nữ có hình dáng bên ngoài xấu xí nhưng tốt bụng và có tấm lòng nhân hậu.
B. Là người phụ nữ đại diện cho phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến nói chung.
C. Là người phụ nữ nghèo, có hình dáng bên ngoài bình thường, dù sống trong cảnh nào thì người phụ nữ ấy vẫn giữ được phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam.

D. Là người phụ nữ có nhan sắc xinh đẹp nhưng số phận lại long đong ba chìm bảy nổi, và dù sống trong cảnh tối tăm nhưng người phụ nữ ấy vẫn giữ được phẩm chất tốt đẹp của mình.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Tác giả mượn đặc điểm của bánh trôi để khẳng định phẩm chất gì của người phụ nữ Việt Nam?

Câu 9. Nêu tình cảm, thái độ của nhà thơ thể hiện qua bài thơ.

Câu 10. Từ hình ảnh bánh trôi nước, viết đoạn văn (7 – 9 dòng) nêu suy nghĩ của anh/ chị về số phận và phẩm chất của người phụ nữ xưa.

GỢI Ý

Câu	Đáp án gợi ý
1	C. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật
2	C. Có nhiều hình dáng khác nhau.
3	B. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ "em".
4	B. *Lên thác xuống ghềnh.*
5	A. Phản ánh phẩm chất, vẻ đẹp và thân phận của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.
6	A. Ngôn ngữ bình dị, gần gũi với lời nói hàng ngày.
7	D. Là người phụ nữ có nhan sắc xinh đẹp nhưng số phận lại long đong ba chìm bảy nổi, và dù sống trong cảnh tối tăm nhưng người phụ nữ ấy vẫn giữ được phẩm chất tốt đẹp của mình.
8	Tác giả mượn đặc điểm của bánh trôi để khẳng định phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam: dù gặp cảnh ngộ nào thì người phụ nữ vẫn giữ được tấm lòng son sắt, thủy chung cùng những vẻ đẹp tâm hồn cao quý khác.
9	Tình cảm, thái độ của tác giả: - Trân trọng ngợi ca vẻ đẹp hình thức, vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ. - Đồng cảm với số phận bất hạnh của người phụ nữ khi họ là nạn nhân của chế độ phong kiến đương thời.
10	**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành; **- Nội dung:** Suy nghĩ về thân phận và vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa: + Những tác phẩm văn học trung đại đem lại cho chúng ta biết bao suy nghĩ cùng sự đồng cảm với số phận bất hạnh, đặc biệt là người phụ nữ. + Sống trong một chế độ phong kiến bất công với bao thành kiến lạc hậu, người phụ nữ luôn phải chịu những bất công, thiệt thòi, nhiều mất mát và hi sinh. + Họ chịu sự ràng buộc, áp đặt của lễ giáo phong kiến hà khắc với đạo tam tòng, tứ đức, với thói trọng nam khinh nữ.

	+ Dù phải chịu nhiều bất công, ngang trái nhưng người phụ nữ vẫn giữ được sự son sắt, thủy chung cùng khát khao hạnh phúc, tình duyên. ...

Đề số 2: **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

PHÒ GIÁ VỀ KINH(*)

(Trần Quang Khải)

Phiên âm:

Đoạt sáo Chương Dương độ
Cầm Hồ Hàm Tử quan
Thái bình tu trí lực
Vạn cổ thử giang san

Dịch nghĩa:

Cướp giáo giặc ở bến Chương Dương,
Bắt quân Hồ ở cửa Hàm Tử.
Thái bình rồi nên dốc hết sức lực,
Muôn đời vẫn có non sông này.

Dịch thơ:

Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bắt quân thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy ngàn thu.

(Trần Trọng Kim dịch, trong *Việt Nam sử lược*, NXB Tân Việt, Hà Nội, 1951)

(*) Trần Quang Khải (1241 – 1294) là một võ tướng kiệt xuất, có công rất lớn trong hai cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên (1284-1285; 1287-1288), đặc biệt là trong hai trận chiến thắng ở Hàm Tử và Chương Dương.

Bài thơ "Phò giá về kinh" được làm khi Trần Quang Khải đi đón Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông về Thăng Long (Hà Nội ngày nay) ngay sau chiến thắng Chương Dương, Hàm Tử và giải phóng kinh đô năm 1285.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ "Phò giá về kinh" được viết theo thể loại nào?

A. Thơ thất ngôn tứ tuyệt
B. Thất ngôn bát cú
C. Ngũ ngôn tứ tuyệt
D. Ngũ ngôn

Câu 2. Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về bài thơ "Phò giá về kinh"?

A. Đây là một bài thơ Đường luật chữ Nôm.
B. Bài thơ ra đời ngay sau chiến thắng quân Mông Nguyên lần hai.
C. Bài thơ là sáng tác của một vị tướng tham gia chống quân Mông Nguyên.

D. Bài thơ nói về hai chiến thắng lớn của quân dân ta trong kháng chiến chống quân Mông Nguyên.

Câu 3. Ý nào **không đúng** khi nói về nội dung của hai câu thơ đầu?

A. Nói về hào khí chiến thắng của dân tộc trong cuộc chiến chống Mông- Nguyên xâm lược.

B. Hai chiến thắng quan trọng để giải phóng kinh đô Thăng Long.

C. Chiến thắng quan trọng có công sức của tác giả: chiến thắng ở Chương Dương và Hàm Tử.

D. Tác giả hồi tưởng lại những chiến thắng oai hùng của dân tộc trong quá khứ.

Câu 4. Nội dung của hai câu thơ sau trong bài *Phò giá về kinh* là gì?

A. Lời hứa của tác giả tu dưỡng bản thân.

B. Khát vọng muôn đời thái bình, độc lập.

C. Lời khuyên bảo của tác giả với tướng sĩ.

D. Sự dự đoán tương lai bền vững của đất nước.

Câu 5. Đặc điểm gieo vần của bài thơ *Phò giá về kinh*?

A. Gieo vần lưng.

B. Vần trắc.

C. Vần được gieo ở tiếng thứ 5 của các câu 2, 4.

D. Gieo cả vần chân và vần lưng rất linh hoạt.

Câu 6. Từ "giang san" trong bản phiên âm có nghĩa là:

A. Đất nước C. Bến sông

B. Núi sông D. Kinh đô

Câu 7. Ý nào **không phải** là đặc điểm nghệ thuật của bài thơ *Phò giá về kinh*?

A. Thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt cô đọng, hàm súc.

B. Giọng điệu sảng khoái, hân hoan, tự hào.

C. Hình thức diễn đạt cô đúc, dồn nén cảm xúc vào bên trong ý tưởng.

D. Hình ảnh ước lệ, giàu ý nghĩa biểu tượng.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép đối được sử dụng trong hai câu thơ đầu.

Câu 9. Nêu tình cảm, thái độ của nhà thơ thể hiện qua bài thơ.

Câu 10. Qua bài thơ, viết đoạn văn (7 – 9 dòng) để trả lời câu hỏi: *Thế hệ trẻ cần làm gì để góp phần xây dựng đất nước bền vững muôn đời?*

GỢI Ý

Câu	Đáp án gợi ý
1	C. Ngũ ngôn tứ tuyệt
2	A. Đây là một bài thơ Đường luật chữ Nôm
3	D. Tác giả hồi tưởng lại những chiến thắng oai hùng của dân tộc trong quá khứ.
4	B. Khát vọng muôn đời thái bình, độc lập.

5	C. Vần được gieo ở tiếng thứ 5 của các câu 2, 4.
6	B. Núi sông
7	D. Hình ảnh ước lệ, giàu ý nghĩa biểu tượng.
8	- Phép đối giữa hai câu thơ đầu: *Đoạt sáo* (cướp giáo giặc) – *Cầm Hồ* (bắt quân giặc nói chung); *Chương Dương độ* (bến Chương Dương) – *Hàm Tử quan* (cửa Hàm Tử) - Tác dụng: + Nhấn mạnh, làm nổi bật hai chiến thắng lớn của quân và dân ta ở Chương Dương và Hàm Tử; + Thể hiện niềm tự hào sâu sắc của nhà thơ; + Tạo sự đối xứng, hài hoà cho hai câu thơ.
9	Tình cảm, thái độ của tác giả: - Niềm tự hào, tự tôn dân tộc sâu sắc. - Niềm mong muốn, khát vọng về một đất nước bền vững, thịnh trị.
10	**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành; **- Nội dung:** Trả lời câu hỏi: *Thế hệ trẻ cần làm gì để góp phần xây dựng đất nước bền vững muôn đời?* (trách nhiệm của thế hệ trẻ) + Nỗ lực học tập, trau dồi bản thân, rèn luyện đạo đức, sống có ước mơ, hoài bão, mục tiêu và cố gắng vươn lên. + Tích cực tham gia vào các hoạt động công ích, các hoạt động tình nguyện, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ người khác. + Sống có tinh thần tập thể, đi theo cái hay, cái đúng, bỏ qua cái tôi vì lợi ích chung của cộng đồng. …

Đề số 3: Đọc bài thơ sau :

BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

(Nguyễn Khuyến)

Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả, khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây, ta với ta.

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 1971)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Tự do

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Lục bát

D. Song thất lục bát

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai, xuất hiện như thế nào?

A. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp, xưng tên riêng

B. Là tác giả, xuất hiện gián tiếp

C. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ "bác"

D. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ "ta"

Câu 3. Phép đối trong bài thơ xuất hiện ở những cặp câu nào?

A. 1 – 2 và 3 – 4

B. 1 – 2 và 7 – 8

C. 3 – 4 và 5 – 6

D. 5 – 6 và 7 – 8

Câu 4. Trong các dòng sau, dòng nào là thành ngữ?

A. *Ao sâu nước cả*

B. *Cải chửa ra cây*

C. *Bầu vừa rụng rốn*

D. *Đầu trò tiếp khách*

Câu 5. Việc sử dụng đại từ nhân xưng "bác" trong câu thơ "*Đã bấy lâu nay bác tới nhà*" có tác dụng thể hiện thái độ gì của tác giả?

A. Thái độ hờ hững.

B. Thái coi thường.

C.Thái độ niềm nở, thân mật, kính trọng.

D. Thái độ bình thường.

Câu 6. Chủ đề của bài thơ trên là gì?

A. Tình bạn

B.Lòng biết ơn

C. Tình yêu

D. Thiên nhiên

Câu 7. Nhận định nào **không đúng** về bài thơ?

A. Bài thơ thể hiện tâm trạng mừng vui khi có bạn đến chơi nhà.

B. Thể hiện cuộc sống nghèo túng, khốn khó và nỗi hổ thẹn với bạn.

C. Sử dụng từ ngữ thuần việt, giản dị, gần gũi cuộc sống thôn quê.

D. Thể hiện tình bạn đằm đà, thắm thiết.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 8. Trong bài thơ "Bạn đến chơi nhà", nhân vật trữ tình đề cao điều gì?

Câu 9. Anh/ Chị nhận xét gì về tình cảm của tác giả dành cho bạn?

Câu 10. Viết đoạn văn ngắn (7 - 10 dòng) trình bày suy nghĩ về vai trò của những giá trị tinh thần trong cuộc sống của mỗi người.

GỢI Ý

Câu	Đáp án gợi ý
1	B. Thất ngôn bát cú Đường luật
2	D. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ "ta"
3	C. 3 – 4 và 5 – 6
4	A. Ao sâu nước cả
5	C. Thái độ niềm nở, thân mật, kính trọng
6	A. Tình bạn
7	B. Thể hiện cuộc sống nghèo túng, khốn khó và nỗi hổ thẹn với bạn.
8	Qua bài thơ "Bạn đến chơi nhà", nhân vật trữ tình đã đề cao tình bạn chân thành, trong sáng, không màng tới vật chất.
9	- Bài thơ thể hiện tình cảm của tác giả dành cho bạn: Nhà thơ vui mừng khi bạn tới nhà. Tuy không có gì tiếp đãi bạn nhưng vẫn tỏ ra cởi mở, chân thành, kính trọng. - Tình cảm mà tác giả dành cho bạn rất chân thành, trong sáng. Đó là tình cảm cao đẹp giữa những người bạn tri âm tri kỉ.
10	*Hình thức: Viết đoạn văn, đảm bảo dung lượng và hình thức đoạn văn. *Nội dung: HS nêu được suy nghĩ gì về vai trò của những giá trị tinh thần trong cuộc sống của mỗi người. Có thể theo hướng sau: - Những giá trị tinh thần đem lại niềm vui cho con người, giúp cuộc sống con người trở nên giá trị, có ý nghĩa hơn. - Những giá trị tinh thần đôi khi còn đáng quý hơn những giá trị vật chất tầm thường, nó mang những tâm hồn đồng điệu đến với nhau. …

Đề số 04: Đọc văn bản sau:

THU VỊNH

(Nguyễn Khuyến)

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào[1].

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 1971)

Chú thích :

[1] *Ông Đào:* ở đây chỉ Đào Uyên Minh, còn gọi là Đào Tiềm (365 - 427), tự Nguyên Lượng, người đất Tầm Dương, Cửu Giang, tỉnh Giang Tây. Từ năm 29 đến năm 41 tuổi, có nhiều lần Đào Uyên Minh ra làm quan và cũng nhiều lần xin từ chức. Đến năm 405, ông chính thức tuyên bố rút về ở hẳn với điền viên. Lúc bấy giờ ông mới 40 tuổi và viết bài thơ "Quy khứ lai từ" (Về đi thôi!).

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ *Thu vịnh* được viết theo thể thơ nào?

A. Thể thơ thất ngôn

B. Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật

C. Thể thơ song thất lục bát

D. Thể thơ tự do

Câu 2. Cảnh mùa thu được Nguyễn Khuyến miêu tả trong bài"Thu vịnh" là ở vùng quê nào?

A. Đồng bằng Trung Bộ

B. Đồng bằng sông Cửu Long

C. Đồng bằng Bắc Bộ

D. Đồng bằng duyên hải miền Trung.

Câu 3. Hình ảnh nào xuất hiện trong cả hai bài thơ *Thu vịnh* và *Thu điếu*?

A. Trời thu

B. Ao thu

C. Trăng thu

D. Lá thu

Câu 4. Ý nào **không** đúng về đặc điểm gieo vần của bài thơ *Thu vịnh*?

A. Gieo vần chân

B. Vần bằng

B. Vần "ao" được gieo ở tiếng thứ 7 của các câu 1, 2, 4, 6, 8

D. Gieo cả vần chân và vần lưng rất linh hoạt

Câu 5. Điểm nhìn để đón nhận cảnh thu của Nguyễn Khuyến trong bài thơ *Thu vịnh* là:

A. Điểm nhìn từ trên cao

B. Điểm nhìn từ dưới thấp

C. Điểm nhìn từ gần đến cao xa, từ cao xa lại trở về gần

D. Điểm nhìn từ cao xa, về gần thấp rồi lại đến cao xa

Câu 6. Bức tranh mùa thu trong *Thu vịnh* là bức tranh như thế nào?

A. Bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, tráng lệ

B. Bức tranh thiên nhiên ảm đạm, hiu hắt

C. Bức tranh thiên nhiên đẹp, thanh sơ, yên bình nhưng tĩnh lặng, gợi buồn

D. Bức tranh thiên nhiên mới mẻ, kì thú, đậm chất phương xa, xứ lạ.

Câu 7. Tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ là gì?

A. Nhớ nhung, sầu muộn

B. U buồn, tủi hổ

C. Cô đơn, u hoài

D. Chán chường, ngán ngẩm

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong hai câu thơ sau:

Nước biếc trông như tầng khói phủ

Song thưa để mặc bóng trăng vào.

Câu 9. Nêu nhận xét của anh/chị về nỗi thẹn của Nguyễn Khuyến trong bài thơ.

Câu 10. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 – 10 dòng) trình bày suy nghĩ về giá trị của những phút nhìn lại mình.

GỢI Ý

Câu	Đáp án gợi ý
1	B. Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật
2	C. Đồng bằng Bắc Bộ
3	A. Trời thu
4	D. Gieo cả vần chân và vần lưng rất linh hoạt.
5	D. Điểm nhìn từ cao xa, về gần thấp rồi lại đến cao xa.
6	C. Bức tranh thiên nhiên đẹp, thanh sơ, yên bình nhưng tĩnh lặng, gợi buồn.
7	B. U buồn, tủi hổ.
8	Hai câu thơ: *Nước biếc trông như tầng khói phủ* *Song thưa để mặc bóng trăng vào.* Phép so sánh: nước biếc như tầng khói phủ. - Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật: + Góp phần tạo ấn tượng về bức tranh thiên nhiên mùa thu đẹp huyền ảo, thơ mộng; + Đồng thời tăng tính gợi hình, gợi cảm cho lời thơ.
9	Nhận xét về nỗi thẹn của thi nhân được gửi gắm trong bài thơ: - Nỗi thẹn của một nhà nho khiêm tốn, kín đáo giãi bày tâm sự yêu nước tha thiết, quyết giữ vững khí tiết, xem người xưa như tấm gương để răn mình. - Nỗi thẹn chứng minh cho nhân cách cao đẹp của con người luôn đau đáu với đất nước, nhân dân…
10	Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: **- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành. **- Nội dung:** Suy nghĩ về giá trị của những phút nhìn lại mình:

	+ Những phút nhìn lại mình thực tế là cách nhìn lại, lắng nghe tâm hồn, giúp ta thấu hiểu bản thân, kiểm điểm chính mình để tự điều chỉnh; biết cân bằng cuộc sống; biết mình đang ở đâu, mình nghĩ gì, mình cần gì, đã làm gì, như thế nào và sẽ làm ra sao…để thực sự sống sâu sắc và có chất lượng. + Những phút nhìn lại mình cũng chính là khi ta tự soi mình vào người khác, đặt trong mối quan hệ với mọi người, với cộng đồng, xã hội để biết cách ứng xử, giao tiếp, biết điều chỉnh hành vi, thái độ, năng lực, phẩm chất… sống đúng đắn, vươn tới chuẩn mực, hoàn thiện bản thân, thích nghi, hòa nhập và góp phần lan tỏa năng lượng sống tích cực, tốt đẹp, ý nghĩa…

Đề số 5: Đọc văn bản sau:

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ

(Bà Huyện Thanh Quan)

Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn.
Gác mái, ngư ông(1) về viễn phố(2),
Gõ sừng, mục tử(3) lại cô thôn(4).
Ngàn mai(5) gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu(6) sương sa khách bước dồn.
Kẻ chốn trang đài(7) người lữ thứ(8),
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn(9)?

(Nguồn: Trần Trung Viên, *Văn đàn bảo giám*, NXB Văn học, 2004)

Chú thích:

(1) *Ngư ông:* ông già câu cá/ đánh cá
(2) *Viễn phố:* nơi bến xa
(3) *Mục tử:* đứa trẻ chăn trâu
(4) *Cô thôn*: xóm lẻ trơ trọi
(5) *Ngàn mai*: rừng mai
(6) *Dặm liễu*: đường đi có trồng liễu ở hai bên
(7) *Trang đài*: chốn trang điểm của người phụ nữ; ở đây dùng để chỉ người ở nhà chờ đợi.
(8) *Người lữ thứ*: người ở quán trọ, dùng để chỉ người đi xa, không ở nhà.
(9) *Hàn ôn*: lạnh và ấm, chỉ việc hai người gặp nhau hỏi trời lạnh và ấm thế nào, thường dùng với nghĩa tâm sự, kể lể, hỏi han.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A.Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Lục bát

D. Tự do

Câu 2. Bài thơ sử dụng các phương thức biểu đạt nào?

A. Biểu cảm kết hợp tự sự

B. Nghị luận kết hợp biểu cảm

C. Miêu tả kết hợp tự sự

D. Biểu cảm kết hợp miêu tả

Câu 3. Từ nào sau đây **không phải** là từ Hán Việt trong bài thơ?

A. *viễn phố*

B. *mục tử*

C. *ngư ông*

D. *ngàn mai*

Câu 4. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai câu thơ sau:

Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,

Dặm liễu sương sa khách bước dồn

A. Nhân hoá

B. Ẩn dụ

C. Đảo ngữ

D. Đối lập

Câu 5. Dòng nào sau đây **chưa đúng** khi nói cảnh vật được miêu tả trong bài thơ?

A. Cảnh vật được miêu tả vào buổi chiều muộn nơi thôn quê.

B. Khung cảnh đẹp nhưng đượm buồn, cô đơn.

C. Sử dụng các hình ảnh ước lệ, nhiều màu sắc

D. Cảnh vật mang hồn người, đậm đà bản sắc dân tộc.

Câu 6. Dòng nào dưới đây nhận xét đúng về bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* (Bà HuyệnThanh Quan)?

A. Đây là bài thơ Đường luật viết bằng chữ Hán

B. Đây là bài thơ thất ngôn xen lục ngôn

C. Đây là bài thơ Đường luật tứ tuyệt viết bằng chữ Nôm.

D. Đây là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật viết bằng chữ Nôm

Câu 7. Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* là:

A. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thể trữ tình.

B. Hình ảnh thơ gợi cảm, giàu màu sắc; nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

C. Lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ.

D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị nhưng giàu sức biểu cảm, táo bạo, in đậm cá tinh sáng tạo của nữ sĩ.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Nêu tác dụng của việc sử dụng các từ Hán Việt trong bài thơ.

Câu 9. Anh/Chị có cảm nhận gì về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong hai câu thơ cuối?

Kẻ chốn trang đài người lữ thứ,
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?

Câu10. Qua bài thơ, anh/chị hãy nêu suy nghĩ về ý nghĩa của việc gắn bó với quê hương. (Trả lời khoảng 7 – 10 dòng)

GỢI Ý

Câu	Đáp án gợi ý
1	B. Thất ngôn bát cú Đường luật
2	D. Biểu cảm kết hợp miêu tả
3	D. *ngàn mai*
4	C. Đảo ngữ
5	C. Sử dụng các hình ảnh ước lệ, nhiều màu sắc.
6	D. Đây là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật viết bằng chữ Nôm.
7	C. Lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ.
8	Các từ Hán Việt tạo sắc thái tạo sắc thái trang trọng, tao nhã, tinh tế, tạo ra sắc thái cổ, phù hợp với xã hội xưa.
9	Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong hai câu cuối: Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của người lữ khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.
10	Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: **- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành; - **Nội dung:** Ý nghĩa của việc gắn bó với quê hương. + Gắn bó với quê hương giúp hình thành sợi dây liên kết bền chặt giữa con người với quê hương. + Gắn bó với quê hương giúp mỗi người có động lực sống và làm việc hết mình để xây dựng quê hương, trở thành niềm tự hào của quê hương. + Tạo nên lối sống nghĩa tình, biết hướng về nguồn cội, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn mỗi người. …

Đề số 6:

Đọc văn bản sau:

Đất Vị Hoàng

Có đất nào như đất ấy không?
Phố phường tiếp giáp với bờ sông.
Nhà kia lỗi phép con khinh bố,
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.
Keo cú người đâu như cứt sắt[1],
Tham lam chuyện thở rặt hơi đồng[2].

Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh,
Có đất nào như đất ấy không?

(Trần Tế Xương, *Tuyển tập thơ trung đại*, NXB Văn học, 2012)

Chú thích:

(1)*cứt sắt:* Chất thải ra từ sắt nung, ý cả câu: không còn đẽo gặm gì được nữa.

(2)*hơi đồng*: Hơi tiền bạc. Ngày xưa tiền đúc bằng đồng.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A.Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Ngũ ngôn

D. Lục bát

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính trong bài thơ là gì?

A. Biểu cảm

B. Miêu tả

C. Tự sự

D. Nghị luận

Câu 3. Bài thơ phê phán những thói hư, tật xấu gì của con người?

A. Tham lam, ăn của đút lót

B. Ngu ngốc, gàn dở, làm những chuyện ngược đời

C. Bất hiếu, lỗi đạo, keo kiệt, tham lam

D. Hèn nhát, nhu nhược để người khác đè đầu cưỡi cổ.

Câu 4. Dòng nào **không** phải là điểm đặc biệt trong cấu trúc bài thơ?

A. Bài thơ chia làm 2 phần: Bốn câu đầu – bốn câu sau

B. Mở đầu - kết thúc đều là câu hỏi tu từ

C. Câu mở đầu lặp lại nguyên vẹn ở câu kết

D. Không phải chỉ có hai câu, bài thơ có đến bốn câu tả thực (3-4, 5-6)

Câu 5. Giọng điệu chủ đạo của bài thơ là gì?

A. Hài hước, bông đùa

B. Đả kích

C. Trữ tình sâu lắng

D. Trữ tình vẫn mang màu sắc tếu táo, đùa vui

Câu 6. Tác dụng chính của những câu hỏi tu từ trong bài thơ là gì?

A. Nhấn mạnh, tạo ấn tượng về một vùng đất lạ lùng, khác biệt.

B. Nhấn mạnh nỗi đau xót, ám ảnh của nhà thơ trước hiện thực.

C. Giúp lời thơ thêm cân xứng, hài hòa.

D. Giúp lời thơ tăng thêm tính gợi hình, biểu cảm.

Câu 7. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong hai câu thơ luận *Keo cú người đâu như cứt sắt - Tham lam chuyện thở rặt hơi đồng*?

A. Phép đối
B. Phép so sánh
C. Phép đối, so sánh
D. Phép cường điệu, phóng đại

Câu 8. Dòng nào **không** liên quan đến nội dung bài thơ?
A. Tú Xương kịch liệt lên án, tố cáo những thói hư tật xấu của con người lúc bấy giờ.
B. Phê phán hiện thực thối nát, cái xấu, cái ác, trắng đen lẫn lộn.
C. Thể hiện nỗi đau đớn trước hiện thực đất nước.
D. Thể hiện niềm nhớ tiếc về đất nước thời thái bình, thịnh trị.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 9. Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 10. Từ nội dung bài thơ, anh/chị hãy viết đoạn văn khoảng 5-7 dòng nêu suy nghĩ về ý nghĩa của việc giữ gìn những giá trị văn hóa, đạo đức của dân tộc.

GỢI Ý

Câu	Đáp án gợi ý
1	B. Thất ngôn bát cú Đường luật
2	A. Biểu cảm
3	C. Bất hiếu, lỗi đạo, keo kiệt, tham lam
4	A. Bài thơ chia làm 2 phần: Bốn câu đầu – bốn câu sau
5	B. Đả kích
6	B. Nhấn mạnh nỗi đau xót, ám ảnh của nhà thơ trước hiện thực
7	C. Phép đối, so sánh
8	D. Thể hiện niềm nhớ tiếc về đất nước thời thái bình, thịnh trị
9	- Tâm trạng của nhân vật trữ tình: + Lên án, phê phán những thói hư tật xấu, sự xuống cấp về đạo đức của một xã hội kim tiền. + Thể hiện nỗi đau quê nhà, xót cho thói đời đen bạc, buồn cho cảnh đất nước bị mất chủ quyền, quê cũ làng xưa đổi thay, bao chuyện đau lòng ngày một thêm nhiều cứ bày ra. - Nhận xét: Tâm trạng của nhân vật trữ tình đã cho ta thấy tấm lòng của một người yêu quê hương, yêu đất nước rất đáng trân trọng.
10	*Hình thức: Viết đoạn văn, đảm bảo dung lượng và hình thức đoạn văn. *Nội dung: HS nêu được suy nghĩ về ý nghĩa của việc giữ gìn những giá trị văn hóa, đạo đức của dân tộc: - Giữ gìn những giá trị văn hóa, đạo đức dân tộc giúp con người biết trân trọng những giá trị truyền thống, tự hào về quê hương, đất nước. - Giúp mỗi người biết sống đúng đạo lí, hoàn thiện nhân cách, hình thành lối sống đẹp ở mỗi cá nhân. - Góp phần tạo nên cộng đồng, xã hội lành mạnh, gắn kết, là sức mạnh tạo nên sự

	phát triển của đất nước. …

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Tìm đọc và tham khảo một số bài thơ Đường luật khác.
- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.
- Làm hoàn chỉnh các đề bài.
- Ôn tập về đặc điểm, chức năng của phép đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng thanh, từ tượng hình.

TIẾT 107,108,109 - ÔN TẬP TIẾNG VIỆT:

- BIỆN PHÁP ĐẢO NGỮ, CÂU HỎI TU TỪ

- TỪ TƯỢNG THANH,TỪ TƯỢNG HÌNH

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực: Giúp HS:

- Củng cố kiến thức về cách nhận biết đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ; từ tượng hình, từ tượng thanh.
- Rèn kĩ năng sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh trong hoạt động luyện tập nói và viết.
- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng và yêu quý tiếng Việt.
- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, hệ thống các bài tập.

C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

PHẦN I. ÔN TẬP LÝ THUYẾT

1. Đảo ngữ

Biện pháp tu từ đảo ngữ	
1. Đặc điểm	Thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu.
2. Phân loại	2 hình thức đảo ngữ: + Đảo các thành tố trong cụm từ. + Đảo các thành tố trong câu.
3. Tác dụng	- Nhấn mạnh đặc điểm, hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gợi ấn tượng rõ hơn. - Bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói).

4. Phạm vi sử dụng	Thường dùng trong cả thơ và văn xuôi.

2. Câu hỏi tu từ

Câu hỏi tu từ	
1. Đặc điểm	có đặc điểm hình thức của câu hỏi.
2. Tác dụng	Không dùng để hỏi mà dùng để gián tiếp biểu thị các mục đích giao tiếp khác như cầu khiến, biểu cảm, khẳng định, phủ định.

3. Từ tượng hình, từ tượng thanh

	Từ tượng thanh	**Từ tượng hình**
1. Đặc điểm	Gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật. Ví dụ*: tẻo teo, lênh khênh, ngoằn ngoèo;...*	Mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người Ví dụ: *ầm ĩ, véo von, inh ỏi,...*
2. Công dụng	Gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao.	
3. Phạm vi sử dụng	Thường dùng trong văn miêu tả và văn tự sự.	

PHẦN II. BÀI TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Thế nào là đảo ngữ?

A. Là việc lặp đi lặp lại một cụm từ.

B. Dùng tên gọi của sự vật, hiện tượng này bằng tên của sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng giữa hai đối tượng về mặt nào đó (như tính chất, trạng thái, màu sắc, ...) nhằm tăng sức gợi hình và gợi cảm cho diễn đạt.

C. Gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gọi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

D. Là sự thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu, nhằm nhấn mạnh và làm nổi bật ý cần diễn đạt.

Câu 2. Tác dụng chính của đảo ngữ là?

A. Nhấn mạnh nội dung biểu đạt

B. Diễn đạt hiệu quả, ngắn gọn và dễ hiểu hơn

C. Giúp chứng minh, giải thích một nhận định nào đó

D. Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt

Câu 3. Câu "*Trắng trời, trắng núi một thế giới ban*" đảo thành phần nào trong câu?

A. Trạng ngữ

B. Chủ ngữ

C. Vị ngữ

D. Bổ ngữ

Câu 4. Câu văn nào dưới đây sử dụng biện pháp đảo ngữ?
A. Những cánh cò trắng muốt tung tăng trên đồng lúa chín.
B. Trên đồng lúa chín, những cánh cò trắng muốt tung tăng.
C. Trắng muốt những cánh cò tung tăng trên đồng lúa chín.
D. Những cánh cò tung tăng trắng muốt trên đồng lúa chín.
Câu 5. Tìm những câu thơ có sử dụng biện pháp đảo ngữ trong đoạn dưới đây:

Đã tan tác những bóng thù hắc ám
Đã sáng lại trời thu tháng Tám
Trên đường ta về lại Thủ đô
Cờ đỏ bay quanh tóc bạc Bác Hồ.
(Tố Hữu, ***Ta đi tới***)

A. Đã tan tác những bóng thù hắc ám.
B. Đã sáng lại trời thu tháng Tám.
C. Trên đường ta về lại Thủ đô.
D. Đáp án A, B đúng.
Câu 6. Ý nào dưới đây nêu chính xác nhất khái niệm về từ tượng thanh?
A. Là những từ mô tả âm thanh của con người, sự vật.
B. Là những từ gợi hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.
C. Là những từ miêu tả tính cách của con người.
D. Là những từ gợi tả bản chất của sự vật.
Câu 7. Ý nào dưới đây nêu chính xác nhất khái niệm về từ tượng hình?
A. Là những từ mô tả âm thanh của con người, sự vật.
B. Là những từ gợi hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.
C. Là những từ miêu tả tính cách của con người.
D. Là những từ gợi tả bản chất của sự vật.
Câu 8. Khi nói: "*Từ tượng hình, tượng thanh có giá trị biểu cảm cao*" có nghĩa là:
A. Việc dùng từ tượng hình, tượng thanh làm cho câu văn hoặc câu nói trở nên giàu cảm xúc hơn.
B. Việc dùng từ tượng hình, tượng thanh làm cho câu văn hoặc câu nói trở nên sinh động, giàu hình ảnh hơn.
C. Việc dùng từ tượng hình, tượng thanh làm cho câu nói hàm súc hơn.
D. Cả A, B
Câu 9. Các từ tượng hình và tượng thanh thường được dùng trong các kiểu bài văn nào?
A. Miêu tả và nghị luận.
B. Tự sự và miêu tả.
C. Nghị luận và biểu cảm.
D. Tự sự và nghị luận.
Câu 10. Chức năng nào **không phải** của câu hỏi tu từ?
A. Nhằm thu hút sự quan tâm của người nghe.

B. Giúp lời nói thêm uyển chuyển, giàu sắc thái biểu cảm.
C. Dùng để hỏi.
D. Tăng sắc thái biểu cảm, tạo hiệu quả thẩm mĩ cho văn bản.

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi 11 – 15:

"Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long song sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên."

(Trích *Lão Hạc*, Nam Cao)

Câu 11. Trong các từ sau, từ nào là từ tượng thanh?
A. *Xôn xao*
B. *Chốc chốc*
C. *Vật vã*
D. *Mải mốt*

Câu 12. Từ nào dưới đây *không phải* là từ tượng hình?
A. *Xồng xộc*
B. *Tru tréo*
C. *Rũ rượi*
D. *Xộc xệch*

Câu 13. Trong các nhóm từ sau, nhóm nào gồm các từ được sắp xếp cùng đặc điểm với nhau?
A. Thong thả, khoan thai, vội vàng, uyển chuyển, róc rách.
B. Vi vu, ngọt ngào, lóng lánh, xa xa, phơi phới.
C. Thất thểu, lò dò, chồm hổm, chập chững, rón rén.
D. Véo von, líu lo, ầm ĩ, vù vù, tí teo, heo hút

Câu 14. Tác dụng của từ tượng thanh "xao xác" trong câu thơ sau là gì?

"Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may"

(*Đất nước*, Nguyễn Đình Thi)

A. Gợi không gian im vắng, tĩnh lặng của một Hà Nội cổ kính, êm đềm.
B. Gợi âm thanh thoảng nhẹ, mơ hồ của tiếng lá và tiếng gió trong không gian.
C. Nhấn mạnh không khí se lạnh của làn gió heo may đầu thu.
D. Làm nổi bật nỗi lòng nhiều tâm tư của nhà thơ khi thu về.

Câu 15: Từ "lẻo khoẻo" trong câu "*Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu*" có nghĩa là gì?
A. Gầy gò, trông ốm yếu, thiếu sức sống.
B. Dáng vẻ xanh xao của người mới ốm dậy.
C. Thể trạng của những người bị mắc nghiện.

D. Gầy và cao

DẠNG 2: BÀI TẬP TỰ LUẬN

2.1. Bài tập về phép đảo ngữ

Bài tập 1 . Trong hai câu văn dưới đây, câu nào có dùng biện pháp đảo ngữ? Hãy chỉ rõ của phép đảo ngữ.

a) *Đằng xa, trong mưa mờ, bóng những nhịp cầu sắt uốn cong, vắt qua dòng sông lạnh đã hiện ra.*

b) Đằng xa, trong mưa mờ, đã hiện ra bóng những nhịp cầu sắt uốn cong, vắt qua dòng sông lạnh.

Gợi ý trả lời

- Câu văn thứ hai (b) có dùng biện pháp đảo ngữ (đảo vị trí của vị ngữ lên trước chủ ngữ).

-Tác dụng của biện pháp đảo ngữ: gợi tả rõ bức tranh cảnh vật (khác với câu a chỉ là kiểu câu tường thuật bình thường); nhấn mạnh sự xuất hiện của sự vật được miêu tả ("bóng những nhịp cầu sắt uốn cong, vắt qua dòng sông lạnh").

Bài tập 2. Hãy chỉ ra biện pháp đảo ngữ được dùng trong đoạn thơ dưới đây. Thử so sánh với cách diễn đạt thông thường (không đảo ngữ) để thấy rõ tác dụng của biện pháp đảo ngữ.

Em ạ, Cu-ba ngọt lịm đường
Mía xanh đồng bãi, biếc đồi nương
Cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại
Ong lạc đường hoa, rộn bốn phương…
(Tố Hữu)

Gợi ý trả lời

Phép đảo ngữ	Cách diễn đạt thông thường	Tác dụng
Đảo các thành tố trong cụm từ	*ngọt lịm đường*	đường ngọt lịm
Đảo các thành phần trong câu	*Mía xanh đồng bãi, biếc đồi nương*	Đồng bãi xanh mía, đồi nương biếc
	Cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại	Nông trại vàng cam ngon, xoài ngọt

=> So sánh: Cách diễn đạt của nhà thơ Tố Hữu gợi tả, gợi cảm hơn.

+ Nhấn mạnh vẻ đẹp trù phú của những đồng bãi, trang trại ở Cu-ba.

+ Bộc lộ cảm xúc say mê, tình yêu của tác giả dành cho mảnh đất Cu-ba tươi đẹp khi nhà thơ ngợi ca vẻ đẹp nơi này.

Bài tập 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong các trường hợp sau:

a) "*Trắng tròn như hạt nếp hạt tẻ đầu mùa, hoa sấu kéo dài con đường hoa nhiều quãng cộm hẳn lên như cót gạo nào của khu phố bung vãi ra*." (Nguyễn Tuân)

b) *Trong xanh ánh mắt*
Trong vắt nhãn lồng
Chim ăn nhãn ngọt
Bồi hồi nhớ ông!
(Trần Kim Dũng)

c)
Mỗi mùa xuân thơm lừng hoa bưởi
Rắc trắng vườn nhà những cánh hoa vương
…
Đẹp lắm anh ơi! Con sông Ngàn Phố!
Sáng cả đôi bờ hoa bưởi trắng phau!
(Tô Hùng)

d) *Đã qua rồi cái thời túp lều nửa sàn nửa đất, xiêu vẹo dựa vào lưng núi. Ngày nay, bốn mươi ngôi nhà, cột gỗ kê đá tảng, nằm giữa các vườn hoa quả.*
(Đặng Quang Tình)

e)
Dừng chân nghỉ lại Nha Trang,
Hiu hiu gió thổi, trời quang tuyệt vời.
Xanh xanh mặt biển da trời,
Cảnh sao quyến rũ lòng người khó quên.
(Sóng Hồng)

Gợi ý trả lời

a) Đảo định ngữ ("*Trắng tròn như hạt nếp hạt tẻ đầu mùa")* lên trước danh từ "hoa sấu".

Tác dụng: diễn tả được vẻ đẹp độc đáo, gợi cảm và giàu ý nghĩa của *hoa sấu* (chuẩn bị cho sự xuất hiện hình ảnh so sánh độc đáo ở cuối câu: *như cót gạo nào của khu phô bung vãi ra).*

b) Đảo bộ phận vị ngữ ("*Trong xanh", "Trong vắt*") lên trước chủ ngữ ("*ánh mắt", "nhãn lồng"*)

Tác dụng: Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây nhãn lồng ông trồng, bộc lộ niềm trân trọng của tác giả đối với cây nhãn gắn với kí ức về ông.

c) Đảo vị ngữ ("*thơm lừng", "Rắc trắng vườn nhà", "Đẹp lắm anh ơi", "sáng cả đôi bờ*") lên trước chủ ngữ ("*hoa bưởi", "những cánh hoa vương", "con sông Ngàn Phố*", *"hoa bưởi trắng phau*");

Tác dụng:

- Phép đảo ngữ ở hai câu đầu: nhấn mạnh hương thơm của hoa bưởi nở vào mùa xuân; giúp ta hình dung hình ảnh hoa bưởi rụng trắng xóa khắp vườn nhà. Từ đó, ta có thể cảm nhận được một không khí tinh khiết, sống động qua nhiều giác quan.
- Phép đảo ngữ ở hai câu sau: nhấn mạnh vẻ đẹp của dòng sông Ngàn Phố khi mùa xuân về với màu trắng tinh khiết của hoa bưởi bung nở đôi bờ.
- Phép đảo ngữ ở các câu thơ còn bộc lộ niềm say mê, tình yêu của nhà thơ dành cho thiên nhiên đẹp đẽ của quê hương.

d) Đảo vị ngữ ("*Đã qua rồi*") lên trước chủ ngữ ("*cái thời túp lều nửa sàn nửa đất*").

Tác dụng:

+ Nhấn mạnh thời gian qua rất nhanh, cuộc sống người dân không phải khổ cực vì những ngôi nhà xiêu vẹo nữa mà giờ đây đã được thay thế bằng những ngôi nhà chắc chắn, có cột gỗ kê đá tảng.

+ Thể hiện cảm xúc hoài niệm về những kỉ niệm ngày xưa của tác giả .

e) Đảo bổ ngữ ngữ *("hiu hiu")* lên trước cụm chủ - vị *("gió thôi");* đảo vị ngữ *("xanh xanh")* lên trước chủ ngữ ("mặt biển da trời").

Tác dụng: Nhấn mạnh vẻ đẹp thiên nhiên đa dạng, đẹp đẽ của Nha Trang; bộc lộ niềm say mê của tác giả với thiên nhiên quyến rũ nơi đây.

Bài tập 4. Đảo ngược vị trí hai bộ phận chính (chủ ngữ, vị ngữ) của từng câu dưới đây để nhấn mạnh ý cần miêu tả.

a) Hoa *ban bung nở trắng trời, trắng núi.*

b) Dãy Trường Sơn hùng vĩ biết bao!

c) Đường lên Tây Bắc khúc khuỷu, gập ghềnh.

d) Những dòng người chen chúc trên đường trong cơn mưa chiều tầm tã.

e) *Nước sông Hương xanh biêng biếc, màu hoa phượng vĩ đỏ rực hai bên bờ.*

b) Giữa trời khuya tĩnh mịch, một vầng trăng vằng vặc trên sông, một giọng hò mái đẩy thiết tha dịu dàng.

Gợi ý trả lời

a) Trắng trời, trắng núi hoa ban bung nở.

b) Hùng vĩ biết bao dãy Trường Sơn!

c) Khúc khuỷu, gập ghềnh đường lên Tây Bắc.

d) Chen chúc trên đường những dòng người trong cơn mưa chiều tầm tã.

e) Xanh biêng biếc nước sông Hương, đỏ rực hai bên bờ màu hoa phượng vĩ.

b) Giữa trời khuya tĩnh mịch, vằng vặc trên sông một vầng trăng, thiết tha dịu dàng một giọng hò mái đẩy .

2.2. Bài tập về câu hỏi tu từ

Bài tập 1: Xác định câu hỏi tu từ trong các trường hợp sau đây. Nêu tác dụng của mỗi câu hỏi tu từ đó.

a.

Đưa người ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong.

(Trích *Tống biệt hành* – Thâm Tâm)

b.

Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

(Trích *Nhớ rừng*- Thế Lữ)

c. *Vì sao hỡi miền Nam yêu dấu*
Người không hề tiếc máu hi sinh?
Vì sao hỡi miền Nam chiến đấu
Người hiên ngang không chịu cúi mình?

(Tố Hữu)

Gợi ý trả lời

Câu	Câu hỏi tu từ	Tác dụng
a	*"Sao có tiếng sóng ở trong lòng?"*	Bộc lộ tâm tư tình cảm của nhân vật trữ tình. Đó là cảm giác tiếc nuối đầy lưu luyến không lỡ chia xa trong cuộc chia ly. Từ đó cho thấy được tình cảm của nhân vật trữ tình và người sắp chia xa vô cùng thắm thiết mặn nồng. Những câu hỏi tu từ còn tăng sức gọi thương gợi nhớ, tăng nhịp điệu cho câu thơ
b	*"Thời oanh liệt nay còn đâu?"*	Để biểu cảm. Câu thơ là lời than của con hổ trong vườn bách thú, thể hiện niềm nuối tiếc quá khứ huy hoàng, oanh liệt khi còn được tung hoành trong rừng sâu.
c	*"Vì sao hỡi miền Nam yêu dấu/ Người không hề tiếc máu hi sinh?"; "Vì sao hỡi miền Nam chiến đấu/ Người hiên ngang không chịu cúi mình?"*	Để biểu cảm. Tác giả bộc lộ niềm khâm phục tinh thần, ý chí chiến đấu của miền Nam đau thương và anh dũng.

Bài tập 2: Câu hỏi trong các trường hợp sau đây có phải là câu hỏi tu từ không? Dựa vào đâu mà em khẳng định như vậy?

a. *Có ai, một buổi sáng mùa thu, ngồi nhìn ra đường số, thấy những cô gái làng Vòng gánh cốm đi bán mà không nghe thấy lòng rộn rã yêu thương?* (Vũ Bằng)

b. *Ai dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử?* (Ngô Văn Phú)

c. *Cả đàn bò giao cho thằng bé người không ra người, ngợm không ra ngợm ấy chăn dắt làm sao?* (Truyện cổ tích Sọ Dừa)

d. Mỗi chiếc lá rụng là một cái biểu hiện cho cảnh biệt li. Vậy thì sự biệt li không chỉ co một nghĩa buồn rầu khổ sở. Sao ta không ngắm sự biệt li theo tâm hồn một chiếc lá nhẹ nhàng rơi? (Khái Hưng)

e. Quan lớn đỏ mặt tía tai, quay ra quát rằng:

- Đê vỡ rồi !...Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày! Có biết không? ... Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chậy xồng xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa?

(Phạm Duy Tốn)

Gợi ý trả lời

Câu	Câu hỏi tu từ	Lí giải
a	*Có ai, một buổi sáng mùa thu, ngồi nhìn ra đường số, thấy những cô gái làng Vòng gánh cốm đi bán mà không nghe thấy lòng rộn rã yêu thương.* (Vũ Bằng)	Hình thức: câu hỏi Chức năng: tác giả khẳng định cảm xúc "*rộn rã, yêu thương*" của mình nhìn thấy gánh cốm làng Vòng.
b	*Ai dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử?*	Hình thức: câu hỏi Chức năng: để khẳng định tình mẫu tử của măng tre (thảo mộc)
c	*Cả đàn bò giao cho thằng bé người không ra người, ngợm không ra ngợm ấy chăn dắt làm sao?*	Hình thức: câu hỏi Chức năng: để phủ định việc Sọ Dừa chăn được cả đàn bò là không thể; biểu cảm (sự chê bai của phú ông với Sọ Dừa)
d	*Sao ta không ngắm sự biệt li theo tâm hồn một chiếc lá nhẹ nhàng rơi?*	Hình thức: câu hỏi Chức năng: để câu khiến (ta hãy ngắm sự biệt li theo tâm hồn một chiếc lá nhẹ nhàng rơi.)
e	*Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chậy xồng xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa?*	Hình thức: câu hỏi Chức năng: để câu khiến (viên quan muốn đe dọa lính)

Bài tập 3. Đặt câu hỏi tu từ dùng để:

a. Yêu cầu một người bạn cho kể lại nội dung một cuốn truyện mà bạn vừa đọc.

b. Bộc lộ cảm xúc trước một buổi sáng đẹp trời.

c. Nhờ bạn trở về nhà.

Gợi ý trả lời

a. Cậu có thể kể cho mình nghe lại nội dung cuốn truyện "Hoàng tử bé" mà bạn mới đọc được không?

b. Ôi, buổi sáng hôm nay, trời thật là đẹp phải không?

c. Bạn có thể cho mình đi nhờ xe bạn về được không?

2.3. Bài tập về từ tượng thanh, từ tượng hình

Bài tập 1. Trong các từ sau, từ nào là từ tượng hình, từ nào là từ tượng thanh?

Réo rắt, dềnh dàng, dìu dặt, thập thò, mấp mô, sầm sập, gập ghềnh, đờ đẫn, ú ớ, rộn ràng, thườn thượt, rủng rỉnh, lụ khụ.

Gợi ý trả lời

Từ tượng hình	Từ tượng thanh
dềnh dàng, dìu dặt, thập thò, mấp mô, gập ghềnh, đỡ đần, rộn ràng, thườn thượt, rủng rỉnh, lụ khụ	*réo rắt, sầm sập, ú ớ.*

Bài tập 2: Tìm từ tượng hình, tượng thanh trong những trường hợp sau:

a)

Ai thổi sáo gọi trâu đây đó
Chiều in nghiêng trên mảng núi xa
Con trâu trắng dẫn đàn lên núi
Vểnh đôi tai nghe sáo trở về
Trâu đực chạy rầm rầm như hổ
Trâu thiến dong từng bước hiền lành
Cổ lừng lững như chum, như vại
Móng hến hằn in mép cỏ xanh
Những chú nghé lông tơ mũm mĩm
Mũi phập phồng dính cánh hoa mua
Cổng trại mở trâu vào chen chúc
Chiều rộn ràng trong tiếng nghé ơ

(Trích *Tháng năm mùa gặt,* Ngô Văn Phú)

b) *Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm*
Heo hút cồn mây súng ngửi trời.
(Trích *Tây Tiến*, Quang Dũng)

c)

Tao đi học về nhà — *Vì không thấy bóng mày*
Là mày chạy xồ ra — *Nằm chờ tao trước cửa*
Đầu tiên mày rối rít — *Không nghe tiếng mày sủa*
Cái đuôi mừng ngoáy tít — *Như những buổi trưa nào*

Rồi mày lắc cái đầu
Khịt khịt mũi, rung râu
Rồi mày nhún chân sau
Chân trước chồm, mày bắt
Bắt tay tao rất chặt
Thế là mày tất bật
Đưa vội tao vào nhà
Dù tao đi đâu xa
Cũng nhớ mày lắm đấy
Hôm nay tao bỗng thấy
Cái cổng rộng thế này!
Không thấy mày đón tao
Cái đuôi vàng ngoáy tít
Cái mũi đen khịt khịt
Mày không bắt tay tao
Tay tao buồn làm sao!

(Trích *Sao không về Vàng ơi,* Trần Đăng Khoa)

d) Cháo đã hơi nguội.
Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp soàn soạt.
Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm:
- Thầy hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.
Rồi chị đón lấy cái Tủu và ngồi xuống đó, như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không.
Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngỏng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kề vào đến miệng. Cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng.

(Trích *Tắt đèn*, Ngô Tất Tố)

Gợi ý trả lời

Ngữ liệu	Từ tượng hình	Từ tượng thanh
Ngữ liệu a	*rầm rầm, lừng lững, mũm mĩm, phập phồng, chen chúc, rộn ràng*	*ơ*
Ngữ liệu b	*khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút*	
Ngữ liệu c	*rối rít, tất bật*	*khịt khịt*
Ngữ liệu d	*rón rén, uể oải, run rẩy, sầm sập*	*soàn soạt*

Bài tập 3. Tìm các từ tượng hình, từ tượng thanh trong các đoạn trích sau đây và cho biết tác dụng của các từ đó.

a)

... Bác Hồ đó, chiếc áo nâu giản dị
Màu quê hương bền bỉ đậm đà
Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút...
Bác Hồ đó, ung dung châm lửa hút
Trán mênh mông, thanh thản một vùng trời

Không gì vui bằng mắt Bác Hồ cười
Quên tuổi giờ, tươi mãi tuổi đôi mươi!
Người rực rỡ một mặt trời cách mạng
Mà đế quốc là loài dơi hốt hoảng
Đêm tàn bay chập choạng dưới chân Người

(Trích *Sáng tháng Năm*,Tố Hữu)

b)

Trong giấc em mơ
Có gặp con cò
Lặn lội bờ sông
Có gặp cánh bướm
Mênh mông, mênh mông
Có gặp bóng mẹ
Lom khom trên đồng
Gặp chú pháo thủ
Canh trời nắng trong

Em ơi cứ ngủ
Tay anh đưa đều
Ba gian nhà nhỏ
Đầy tiếng võng kêu
Kẽo cà kẽo kẹt
Kẽo cà kẽo kẹt
Kẽo cà...
...kẽo kẹt

(Theo Trần Đăng Khoa, *Góc sân và khoảng trời*, NXB Văn hóa dân tộc, 1999)

c) *Anh Hoàng đi ra. Anh vẫn bước khệnh khạng, thong thả bởi vì người khí to béo quá, vừa bước vừa bơi cánh tay kềnh kệnh ra hai bên, những khối bịt ở bên dưới nách kềnh ra và trông tủn ngủn như ngắn quá. Cái dáng điệu nặng nề ấy, hồi còn ở Hà Nội anh mặc quần áo tây cả bộ, trông chỉ thấy là chững chạc và hơi bệ vệ.*

Gợi ý trả lời

a) Các từ tượng hình trong đoạn thơ: *Ung dung*, *mênh mông*, *thanh thản*, *rực rỡ*, chập choạng, hốt hoảng.

=>Tác dụng:

- Từ *ung dung thanh thản*: gợi dáng vẻ thư thái, bình tĩnh.
- Từ *mênh mông, rực rỡ*: gợi vĩ đại, cao cả của Bác trong cảm nhận của nhà thơ.
- Từ *chập choạng, hốt hoảng*: miêu tả nỗi khiếp sợ của các nước đế quốc, thực dân trước sự vĩ đại, phi thường của Bác Hồ.

b) *Các từ tượng hình: *lặn lội, mênh mông, lom khom*

=>*Tác dụng:*

+ Từ *lặn lội* gợi hình ảnh những con cò vất vả đi kiếm ăn nơi bờ sông.

+ Từ *mênh mông* gợi ra không gian rộng lớn, bao la như không có giới hạn - nơi những cánh bướm chao lượn.

+ Từ *lom khom* gợi hình ảnh dáng mẹ đang cúi cong lưng xuống để cấy lúa, gợi sự tảo tần, vất vả, chịu thương chịu khó.

*Từ tượng thanh: *kẽo cà kẽo kẹt* gợi ra âm thanh tiếng võng đưa đều trong không gian im vắng.

c) *Các từ tượng hình: *khệnh khạng*, *thong thả*, *kềnh kệnh*, *tủn ngủn*, *nặng nề*, *chững chạc*, *bệ vệ*.

=>Tác dụng: Sử dụng các từ tượng hình trong đoạn văn trên nhằm lột tả dáng điệu đặc biệt của nhân vật Hoàng do thân hình quá khổ.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;
- Chuẩn bị các nội dung cho phần viết: Viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ.

TIẾT 110,111,112,113,114

LUYỆN TẬP VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT BÀI THƠ

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực: Giúp HS:

- Giúp HS củng cố kĩ năng viết bài nghị luận một bài thơ (gắn với các văn bản đọc hiểu là thơ Đường luật), đảm bảo yêu cầu về hình thức, nội dung: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.
- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất

- Biết yêu quý, trân trọng những giá trị văn hoá, văn học truyền thống.
- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: hệ thống các đề, dàn ý cụ thể cho từng đề bài ôn tập.

C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

I. ÔN TẬP LÝ THUYẾT

1. Khái niệm

Phân tích một tác phẩm thơ là chỉ ra và làm rõ những điểm nổi bật (thành công, có thể cả hạn chế) trong nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

Lưu ý:

+ Tác phẩm thơ có thể là bài thơ hoặc tập thơ.

+ Đề tài của bài viết ở bài học 7 này hướng tới phân tích các tác phẩm thơ Đường luật.

2. Yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm thơ.

- Đọc kĩ tác phẩm, chú ý xác định nội dung và các yếu tố hình thức nổi bật.
- Chỉ ra giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm, nhất là các sáng tạo độc đáo của người viết.
- Xác định các luận điểm trong bài viết, lựa chọn các bằng chứng từ bài thơ cho mỗi luận điểm.
- Liên hệ, so sánh với các bài thơ có cùng đề tài, chủ đề, thể loại để làm sáng tỏ thêm giá trị của bài thơ được phân tích.
- Suy nghĩ, nhận xét về những thành công và hạn chế (nếu có) của bài thơ, về giá trị, sự tác động của tác phẩm đối với người đọc cũng như bản thân em.

3. Hướng dẫn quy trình cách viết:

a) Chuẩn bị viết

- Kiểu bài: nghị luận (về tác phẩm thơ)
- Vấn đề nghị luận: Phân tích bài thơ (theo yêu cầu đề bài)
- Nội dung bài viết: Làm rõ đặc sắc về nội dung (chủ đề) và nghệ thuật của bài thơ. Nêu được cảm nhận của bản thân về bài thơ.

b) Tìm ý và lập dàn ý

***Tìm ý:**

- Tìm hiểu về nhan đề, bố cục bài thơ để nhận biết đề tài và nội dung chính.
- Chia tách bài thơ thành các phần và xác định nội dung chính của từng phần: có thể tách bài thơ theo chiều ngang (dựa vào mạch ý), hoặc theo chiều dọc (dựa vào hình tượng thơ).
- Tìm những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ:

+ Nội dung*: chú ý đặc điểm nổi bật của hình tượng thiên nhiên, hình tượng con người; những cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ; chủ đề của bài thơ;…*

+ Nghệ thuật*: chú ý cách sử dụng các yếu tố thi luật của thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, các biện pháp tu từ,…*

- Tìm hiểu thông tin cơ bản về tác giả, hoàn cảnh sáng tác để hiểu thêm về bài thơ.

*** Lập dàn ý**

Mở bài	- Giới thiệu khái quát ngắn gọn về tác giả và bài thơ. - Nêu ý kiến chung về bài thơ.
Thân bài	* Phân tích đặc điểm nội dung: - Phân tích hình tượng thơ (hình tượng thiên nhiên, hình tượng con người) - Phân tích cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ - Khái quát chủ đề của bài thơ
	* Chỉ ra và phân tích tác dụng một số nét đặc sắc về nghệ thuật: - Cách sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật (theo mô hình

	chuẩn mực hay có sự cách tân) - Nghệ thuật lựa chọn và xây dựng hình ảnh - Nghệ thuật lựa chọn ngôn từ - Hiệu quả của các biện pháp tu từ (phép đối,...); nghệ thuật trào phúng (nếu có)
	* Nêu lên những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.
Kết bài	Khẳng định được ý nghĩa và giá trị nghệ thuật của bài thơ.

c) Viết bài

- Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết.
- Yêu cầu chung khi viết bài:

+ Cần bám sát dàn ý đã lập, sử dụng đa dạng các hình thức trích dẫn; kết hợp phân tích với nhận xét, đánh giá.

+ Sử dụng từ ngữ chính xác, chọn lọc; diễn đạt sáng rõ, thể hiện được cảm xúc của người viết.

+ Chú ý sự khác nhau về yêu cầu, mục đích của kiểu bài ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ và kiểu bài phân tích một bài thơ.

d) Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm

- Đọc lại bài viết, đối chiếu với các yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa. Tập trung vào một số nội dung sau:
- Các thông tin về nhan đề bài thơ, tên tác giả, đề tài, thể thơ và giá trị của bài thơ.
- Các ý chính thể hiện nội dung và một số đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.
- Những nhận xét, đánh giá về vị trí, ý nghĩa của bài thơ.

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn phân tích một bài thơ

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Đã giới thiệu được tác giả, bài thơ; hoàn cảnh ra đời (nếu có).		
Thân bài	Đã phân tích rõ nội dung chính, chủ đề bài thơ.		
	Đã phân tích, làm rõ tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,..)		
	Đã nêu được những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.		
Kết bài	Khẳng định được ý nghĩa và giá trị nghệ thuật của bài thơ.		
Kĩ năng, trình bày diễn đạt	Sắp xếp các ý triển khai và dẫn chứng hợp lí.		
	Bố cục chặt chẽ, trình bày mạch lạc.		
	Đảm bảo chính tả, dùng từ và diễn đạt.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn để liên kết các ý.		

II. LUYỆN TẬP:

Đề số 01: Phân tích bài thơ "*Bánh trôi nước*" (Hồ Xuân Hương).

Thân em vừa trắng lại vừa tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.
(*Thơ Hồ Xuân Hương*, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

Dàn ý

I. Mở bài
- Giới thiệu về tác giả Hồ Xuân Hương.
- Giới thiệu về bài thơ *Bánh trôi nước* (khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật).

II. Thân bài

***Phân tích nội dung cơ bản của bài thơ:**

Luận điểm 1: Trước tiên, bài thơ tả thực cái bánh trôi nước, một món ăn quen thuộc trong ẩm thực dân tộc.
- Hình dáng bên ngoài: *trắng, tròn*
- Cách thức làm bánh:
+ *Bảy nổi ba chìm*
+ Tùy thuộc vào sự khéo léo của người làm bánh: *rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*
- Nhân bánh có màu đỏ: *tấm lòng son*

⇒ Tác giả miêu tả chiếc bánh trôi nước một cách căn kẽ, chi tiết, cụ thể, từ hình dáng bên ngoài, nhân bánh đến cách thức làm bánh. Nghĩa tả thực của bài thơ là hình ảnh chiếc bánh trôi nước trắng, tròn và luộc chưa chín thì chìm, chín rồi thì nổi.

Luận điểm 2: Bài thơ còn mang nghĩa hàm ẩn, mượn hình ảnh bánh trôi nước để nói về thân phận và vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội xưa.
- Vẻ đẹp ngoại hình duyên dáng, nữ tính của người phụ nữ.
- Số phận lênh đênh, chìm nổi, bấp bênh, bị phụ thuộc của người phụ nữ:
+ Thành ngữ "bảy nổi ba chìm" hàm ý về thân phận vất vả của người phụ nữ, chịu nhiều thiệt thòi do lễ giáo phong kiến trọng nam khinh nữ, do đạo 'tam tòng' khắc nghiệt... gây nên.
+ Hai chữ 'rắn nát' muốn nói thân phận của người phụ nữ được sung sướng hạnh phúc, hoặc bất hạnh đều do "tay kẻ nặn" – xã hội phong kiến với nhiều bất công, tư tưởng cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy,…
- Đối lập với số phận bất hạnh, trong bất kì hoàn cảnh nào, người phụ nữ vẫn giữ được vẻ đẹp tâm hồn đáng quý "tấm lòng son" – đó là tấm lòng thủy chung, son sắt, hiếu nghĩa.

Cấu trúc câu thơ: "*Mặc dù... mà vẫn...*" ở hai câu cuối bài thơ, đặc biệt chữ "vẫn" làm cho ý thơ được khẳng định và ngợi ca tâm hồn trong sáng, đẹp đẽ của người phụ nữ Việt Nam.

⇒ Với cách nói ẩn dụ, tác giả ca ngợi vẻ đẹp ngoại hình và tâm hồn của người phụ nữ.

- Nhà thơ bày tỏ tấm lòng cảm thương sâu sắc cho số phận lênh đênh, chìm nổi, phụ thuộc của người phụ nữ; đồng thời ngợi ca phẩm chất tâm hồn của họ.

*** Phân tích một số đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ:**

- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt.
- Xây dựng hình tượng thơ nhiều tầng ý nghĩa.
- Ngôn ngữ bình dị, vận dụng sáng tạo tục ngữ, cách nói của dân gian để tạo nên những vần thơ hàm súc đậm đà mang phong cách Hồ Xuân Hương.

III. Kết bài: **Khẳng định ý nghĩa, giá trị của bài thơ.**

"Bánh trôi nước" là một bài thơ Nôm đa nghĩa, thể hiện tình cảm gắn bó thiết tha của Hồ Xuân Hương đối với nền văn hóa dân tộc. Chiếc bánh bình dị của quê hương đã đi vào trang thơ của nữ sĩ tài hoa và trở thành biểu tượng cho thân phận và vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam. Bài thơ cũng bộc lộ niềm cảm thông với thân phận và sự trân trọng vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Xuân Hương dành cho những những người phụ nữ cùng thời với bà.

Đề số 02: Phân tích bài thơ "Tùng" (Nguyễn Trãi)

Thu đến cây nào chẳng lạ lùng,
Một mình lạt thuở ba đông.
Lâm tuyền ai rặng già làm khách,
Tài đống lương cao ắt cả dùng.
(Nguyễn Trãi toàn tập, NXB khoa học xã hội, 1976)

Chú thích:

(1) *Lạ lùng:* khác lạ. Ý cả câu mùa thu đến thì cây nào chẳng đổi khác.

(2) *Lạt*: lạt lẽo, thản nhiên. *Ba đông*: ba tháng mùa đông

(3) *Lâm tuyền*: rừng suối. *Rặng* (tiếng cổ): nói, bảo. Ý cả câu: ai bảo rằng cây tùng suốt đời làm khách nơi rừng suối?

(4) *Đống lương*: *đống* là đòn nóc nhà, *lương* là rường, xà nhà. *Tài đống lương* là tài gánh vác việc lớn của quốc gia. *Cả dùng*: dùng vào việc lớn

Dàn ý

I. Mở bài

- Nguyễn Trãi là một tác giả lớn của nền văn học Việt Nam. Ông đã có rất nhiều những tác phẩm nổi tiếng và nổi bật lên những tác phẩm đó là bài thơ *Tùng*.
- Mượn cây tùng làm biểu tượng, bằng lối thơ tả cảnh, ngụ tình, tác giả muốn tâm sự về mình, chủ yếu là nói lên lí tưởng sống và tấm lòng thiết tha với dân, với nước.

II. Thân bài

***Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ "Tùng" có thể được Ức Trai viết vào những năm cuối đời, khi sống ở Côn Sơn.

***Phân tích nội dung cơ bản của bài thơ:**

- Hai câu đầu: *Thu đến cây nào chẳng lạ lùng*
Một mình lạt thuở ba đông.

+ Quy luật của thiên nhiên là vào thu, cây cỏ đều biến dạng, trơ cành trụi lá, trở nên lạ lùng. Chỉ có một loại – đúng ra là một số loại – là ngược lại quy luật ấy, cứ tiếp tục xanh tươi, bất chấp giá rét của cả ba tháng mùa đông – đó là cây tùng.

+ Hai câu thơ này bày ra cái thế so sánh, cái bình thường đối lập với cái khác thường đến và tất nhiên cái phi thường càng thêm nổi bật: Cây nào chẳng lạ lùng, là thế bị động, nhất nhất tuân theo, trước hơi thu mới chớm đã rùng mình rởn óc, thắm nhạt vàng phai úa tàn rơi rụng, mất cả bản sắc, hóa ra lạ lùng. Còn riêng cây tùng vẫn một mình thản nhiên xanh tươi suốt ba đông, đó là thế chủ động, tự khẳng định mình trước dâu bể của đất trời, không những không bị thay đổi của ngoại cảnh tác động đến mình mà còn tác động trở lại ngoại cảnh, làm cho ngoại cảnh phải chịu khuất, chịu khinh, chịu lạt.

+ Cây tùng sống vững trãi thể hiện phẩm chất tốt đẹp của người quân tử có một bản lĩnh kiên cường, có tinh thần vượt khó khăn thử thách, đứng vững trước mọi hoàn cảnh ác liệt, quyết không a dua theo thời, không sống một cách tầm thường..

+ Câu thứ hai là câu lục ngôn với cách ngắt nhịp 2/1/3 nhấn mạnh thêm tư thế hiên ngang, dũng mãnh: lạt nổi lên một mình giữa câu như một cái gì gan góc, bướng bỉnh. Cốt cách của tùng là như vậy.

- Hai câu sau: *Lâm tuyền ai rặng già làm khách?*
Tài đống lương cao ắt cả dùng.

+ Cây tùng sinh ra ở chỗ rừng suối (lâm tuyền), cốt cách khinh rẻ tuyết sương, nhưng đâu phải để vĩnh viễn làm khách nơi rừng quạnh khe sâu. Không, cây tùng có thể làm rường cột (đống lương) được, mà là rường cột lớn lao nữa kia, phải được dùng vào việc trọng đại (cả dùng).

+ Hai câu thơ xem như được cấu tạo thành một câu hỏi và một câu đáp:

Ai bảo (cây tùng) làm khách lâm tuyền đến già?

Không đâu, nó có "tài đống lương", nó sẽ được dùng về việc lớn.

Lời thơ cũng là lời tự tình nội tâm của tác giả, nói về cây tùng hay cũng chính là nói về mình, về con người mình, cuộc đời mình. Đó là niềm tin bền vững, tin ở tài sức, ở chí hướng; là lời tự động viên mình không được phép nhụt chí trước những biến cố, thăng trầm. Câu tự tình mà như một thứ tuyên ngôn, thấm lặng thật thâm trầm.

*** Phân tích một số đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ:**

- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt
- Xây dựng hình tượng thơ nhiều tầng ý nghĩa
- Ngôn ngữ bình dị, hàm súc.

III. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa, giá trị của bài thơ.

Đề số 03: Phân tích bài thơ "*Thu điếu" (Mùa thu câu cá)* của Nguyễn Khuyến.

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 1971)

Dàn ý

I. Mở bài

- Giới thiệu tác giả: Nguyễn Khuyến là nhà thơ Nôm xuất sắc của văn học trung đại, là nhà thơ của quê hương, làng cảnh Việt Nam
- Khái quát giá trị bài thơ "Thu điếu"trong chùm thơ mùa thu: Bài thơ "Thu điếu" (*Mùa thu câu cá*) nằm trong chùm thơ thu gồm ba bài của Nguyễn Khuyến, bày tỏ tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng của tác giả trước thời thế.

II. Thân bài

***Phân tích nội dung cơ bản của bài thơ:**

Luận điểm 1: "Thu điếu" đã phác họa đầy sinh động bức tranh mùa thu điển hình cho mùa thu vùng quê Bắc Bộ.

- Điểm nhìn để cảm nhận cảnh thu :

+ Cảnh vật được đón nhận từ gần đến cao rồi từ cao trở lại gần: điểm nhìn cảnh thu là chiếc thuyền câu, nhìn mặt ao, nhìn lên bầu trời, nhìn tới ngõ trúc rồi lại trở về với ao thu, với thuyền câu.

+ Từ điểm nhìn ấy, từ một khung ao hẹp, không gian mùa thu, cảnh sắc mùa thu mở ra nhiều hướng thật sinh động với những hình ảnh vừa cân đối, hài hòa.

- Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu cho nét riêng của mùa thu ở vùng đồng bằng Bắc Bộ:

+ Mùa thu với những nét dịu nhẹ thành sơ qua màu sắc, đường nét, qua sự kết hợp giữa hoà sắc, tạo hình. Màu sắc dịu nhẹ thanh sơ với nước trong veo, sóng biếc, trời xanh ngắt. Dịu nhẹ thanh sơ trong đường nét, chuyển động: sóng hơi gợn tí, lá vàng khẽ đưa vèo, tầng mây lơ lửng. Dịu nhẹ thành sơ trong hoà sắc tạo hình : "*Cái thú vị của bài Thu điếu ở các điệu xanh, xanh áo, xanh bờ, xanh sóng, xanh tre, xanh trời, xanh bèo, có một màu vàng đâm ngang của chiếc lá thu rơi*".

+ Thơ xưa khi viết về mùa thu thường sử dụng những hình ảnh ước lệ như lá ngô đồng rụng "*Ngô đồng nhất diệp lạc – Thiên hạ cộng tri thu*" (Một lá ngô đồng rụng – Biết mùa thu đã về), sen tàn, cúc nở (*Sen tàn cúc lại nở hoa* -Truyện Kiều), rừng phong lá đỏ (*Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san* -Truyện Kiều). Trong công thức ước lệ, với nét bút sáng tạo, Nguyễn Khuyến đã vẽ nên một bức tranh thu "*điển hình hơn cả cho mùa thu của làng*

cảnh Việt Nam" (Xuân Diệu). Từ "*tầng mây lơ lửng*" giữa trời thu xanh ngắt đến "*ao thu lạnh lẽo*" với sóng biếc "*hơi gợn tí*", từ "*chiếc thuyền câu bé tẻo teo*" đến "*ngõ trúc quanh co khách vắng teo*", tất cả đều thật, đều đúng là mùa thu nông thôn đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam. Hơn thế, cảnh còn mang nét đặc trưng của vùng chiêm trũng Bình Lục quê hương nhà thơ: ao thu nhỏ, chiếc thuyền câu theo đó cũng bé tẻo teo và dáng người cũng như thu lại. Xuân Diệu cảm nhận về bài *Mùa thu câu cá*: "*Đọc lên, như thấy trước mắt làng cảnh ao chuôm nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, trong tiết thu ; rất là đất nước mình, có thật, rất sống, chứ không theo ước lệ như ở văn chương sách vở*".

- Cảnh thu đẹp nhưng đượm buồn:

+ Cảnh vắng và lặng – vắng người và lặng tiếng. "*Ngõ trúc quanh co khách vắng teo*" như đi vào yên tĩnh, vắng teo là rất vắng, là không có biểu hiện hoạt động nào của con người. vắng teo không chỉ đơn thuần là vắng mà còn là lặng, là hiu hắt. Vắng đi với lặng. Không gian im ắng đến mức nhà thơ cảm nhận được độ vèo của chiếc lá khẽ rơi, nghe được tiếng cá đớp mồi dưới chân bèo đâu đó.

+ Gam màu xanh làm nên "*các điệu xanh*" trong bức tranh Câu cá mùa thu. Từ "*xanh ao, xanh bờ, xanh sóng*" đến "*xanh tre, xanh trời, xanh bèo*", tất cả đều gợi cảm giác xanh – trong và phần nhiều đều thuộc gam màu lạnh : độ xanh trong của nước, độ xanh biếc của sóng, độ xanh ngắt của trời. Mùa thu vắng, lặng, lạnh được cảm nhận qua tâm hồn một ngư ông – thi nhân đang trầm ngâm suy ngẫm về thời thế.

Luận điểm 2: "Thu điếu" còn bộc lộ vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến mà nhà thơ đã khéo léo ẩn giấu:

- Tình yêu thiên nhiên gắn liền với tình cảm quê hương, đất nước:

+ Thơ viết về thiên nhiên, trước hết bộc lộ tình yêu thiên nhiên của tác giả. Để cảm nhận hết vẻ đẹp của thiên nhiên với những biểu hiện phong phú, đa dạng, tinh tế, nhà thơ đã cảm nhận bằng nhiều giác quan : thị giác, thính giác, xúc giác và thường là sự hoà trộn nhiều cảm giác (thị giác với thính giác : *Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo,* thị giác với xúc giác: *Ao thu lạnh lẽo nước trong veo*).

+ Thơ viết về thiên nhiên còn phản ánh tình cảm quê hương đất nước nếu đó là thiên nhiên của quê hương, Tổ quốc mình. Phải là người gắn bó sâu sắc và tha thiết với quê hương, Nguyễn Khuyến mới cảm nhận được vẻ đẹp riêng của cảnh sắc quê hương, đồng thời thể hiện vẻ đẹp ấy bằng nét bút vừa chân thật, vừa tinh tế. Bức tranh thu trong bài thơ mang được cái hồn dân tộc, vượt khỏi công thức, ước lệ không chỉ bởi tài thơ mà còn bởi tình yêu thiên nhiên đất nước của tác giả.

- Tâm trạng thời thế của một tâm hồn thanh cao:

+ Không gian thu tĩnh lặng như sự tĩnh lặng trong tâm hồn nhà thơ, khiến ta cảm nhận về một nỗi cô đơn, man mác buồn, uẩn khúc trong cõi lòng thi nhân.

+ Bài thơ có nhan đề là *Mùa thu câu cá* nhưng nhà thơ không hề chú ý vào việc câu cá mà thực ra là để đón nhận trời thu, cảnh thu vào cõi lòng. Một ngư ông lại hững hờ với việc câu cá bởi đang nặng lòng trước thế sự. Như vậy, đi câu chỉ là cái cớ để thi nhân bộc lộ mối u

hoài tĩnh lặng ghê gớm trong lòng mình. Đó là nỗi buồn thời thế thời thế kín đáo mà sâu sắc được Nguyễn Khuyến gửi gắm trong cả chùm thơ thu.

=> Vị Tam nguyên Yên Đổ về sống giữa làng quê, giữa cảnh đời thôn dã nhưng vẫn nặng lòng thời thế, vẫn suy nghĩ về hiện tình đất nước và âm thầm "thẹn" cho sự bất lực của chính mình.

*** Phân tích một số đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ:**

- Thể thơ thất ngôn bát cú với cách gieo vần độc đáo;
- Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc trưng của văn học trung đại;
- Nghệ thuật sử dụng từ ngữ đạt mức tinh tế, trong sáng và giàu chất nghệ thuật:
- Cách gieo vần độc đáo: Sử dụng độc vận "eo" là một từ vận rất khó gò vào mạch thơ, ý thơ nhưng tác giả lại sử dụng rất tài tình, độc đáo. Vần "eo" góp phần diễn tả một không gian nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của nhà thơ.

III. Kết bài

Khẳng định ý nghĩa, giá trị của bài thơ.

TIẾT 115,116
LUYỆN TẬP NÓI VÀ NGHE:
NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT TÁC PHẨM THƠ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Sau bài học này, học sinh sẽ hiểu được:

Những yêu cầu cần thực hiện kiểu bài tóm tắt nội dung thuyết trình về một tác phẩm thơ

2. Năng lực

Sau bài học này, học sinh sẽ có:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: 100% HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- Năng lực tự chủ và tự học: 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

3. Phẩm chất

100% Biết sống nhân ái thông qua những văn bản trong chủ đề.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên

- Phương tiện: SGK, SGV, bài giảng PPT, phiếu học tập và các tài liệu tham khảo
- Hình thức tổ chức: hình thức làm việc trên lớp theo nhóm, làm việc cá nhân.

2. Học sinh

- Đồ dùng học tập

- Chuẩn bị khác: HS đọc trước bài

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc SGK và tả lời các câu hỏi sau: *+ Thế nào là nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một tác phẩm thơ?* *+ Ta cần lưu ý những nội dung gì trong quá trình nghe và tóm tắt nộ dung thuyết trình về một tác phẩm thơ?* - GV dành khoảng 5 phút cho HS tự soát lại nội dung bài nói đã chuẩn bị ở nhà (dựa trên hướng dẫn của SHS và những nhiệm vụ được GV giao thực hiện trước đó). Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi lên bảng.	I/. KIẾN THỨC CƠ BẢN: 1/. Thế nào là nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một tác phẩm thơ? 2/. Nghe và tóm tắt nộ dung thuyết trình về một tác phẩm thơ cần lưu ý: - Để nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một bài thơ, tập thơ cần lưu ý các ND sau: + Xác định rõ vấn đề và thời gian người nói sẽ trình bày + Tìm đọc trước bài thơ sẽ trình bày; tìm hiểu thông tin về tác giả và một số ý kiến, bài viết xung quanh tác phẩm + Chuẩn bị các phương tiện để ghi chép và tóm tắt nội dung bài thuyết trình như giấy bút, sổ tay, máy tính cá nhân (nếu có) + Bài thuyết trình theo trình tự 3 phần: mở đầu, phát triển, kết thúc; ghi chép những chỗ cần lưu ý, những ý kiến khác biệt, những vấn đề còn chưa hiểu để đề nghị người nói giải thích, trình bày thêm hoặc tham gia ý kiến khi thảo luận

II/. LUYỆN TẬP:

Nghe và tóm tắt nội dung của bài thuyết trình về bài thơ: "Ngắm trăng" của Hồ Chí Minh

CHUẨN BỊ BÀI NÓI

- Thời gian: 15 phút
- Mục tiêu:
  - Năng lực đặc thù: 100% HS thực hiện được các thao tác chuẩn bị bài nói (xác định đề tài, không gian, thời gian, mục đích nói, người nghe, tìm ý và lập ý)

- Năng lực chung:
- 100% HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

+ Phẩm chất: 100% HS biết sống nhân ái, biết cảm thông, chia sẻ trước cảnh ngộ của người khác.

- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Phương pháp dạy học theo nhóm; kĩ thuật động não, khăn phủ bàn
- Sản phẩm dự kiến: Phiếu học tập số 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa ra yêu cầu: **Nhiệm vụ 1: NÓI – NGHE TRONG TỔ** - Lớp chia thành 4 tổ (hoặc số lượng nhóm tùy thuộc vào số lượng HS trong lớp, khoảng 6 HS/ nhóm là phù hợp) - Tham gia: Nghe và tóm tắt nội dung của bài thuyết trình về bài thơ: "Ngắm trăng" của Hồ Chí Minh + Chuẩn bị trước khi thực hiện: 10 phút ● Với vai trò người nói: chuẩn bị nội dung trình bày. ● Với vai trò người nghe: những gì em đã biết, chuẩn bị bút, giấy để ghi chép) + Thực hành nói- nghe: 15 phút ● Với vai trò người nói: thuyết trình về đặc sắc nội dung và nghệ thuật của bài thơ Ngắm trăng. ● Với vai trò người nghe: Nghe, nắm bắt nội dung chính Ghi chép ngắn gọn nội dung thảo	**1/. CHUẨN BỊ BÀI NÓI**

luận, những ý kiến cá nhân, những vấn đề cần trao đổi thêm + Trình bày lại nội dung đã nghe trong 10 phút ● 2 thành viên bốc thăm ngẫu nhiên trong nhóm sẽ trình bày lại nội dung đã trao đổi, thảo luận trong nhóm ● Các thành viên khác nhận xét, góp ý về nội dung trình bày của bạn **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm **Bước 3: Báo cáo kết quả** - HS trình bày kết quả nghe và tóm tắt nội dung thảo luận của mình **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - Các thành viên khác nhận xét kĩ năng nghe và trình bày lại nội dung thảo luận của bạn dựa trên bảng kiểm - GV nhận xét, bổ sung, kết luận những ưu điểm và những tồn tại cần điều chỉnh trong kĩ năng nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung thảo luận của HS.	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP
TRÌNH BÀY BÀI NÓI & ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM

- Thời gian: 55 phút
- Mục tiêu:
  - Năng lực đặc thù: 50% HS trình bày được bài nói trên lớp đạt yêu cầu
  - Năng lực chung:
  - 100% HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.
  - 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.
  + Phẩm chất: 100% HS biết sống nhân ái, có trách nhiệm với cộng đồng
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: dạy học theo nhóm, đàm thoại – phát vấn
- Sản phẩm dự kiến: bài nói của HS các nhóm và phần nhận xét, đánh giá dựa trên

bảng kiểm của các nhóm	
Nhiệm vụ 2: NÓI – NGHE TRÊN LỚP ● Thành viên đại diện của mỗi nhóm sẽ lên tthực hiện nói- nghe trước lớp. ● Các thành viên khác lắng nghe sau đó nhận xét kĩ năng nghe- nói. ● Thời gian trình bày: tối đa 4 phút / lượt trình bày **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm **Bước 3: Báo cáo kết quả** - HS trình bày bài nói theo nhóm **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - HS khác nhận xét, bổ sung phần trình bày bài nói của các nhóm dựa trên bảng kiểm - GV nhận xét, bổ sung, kết luận những ưu điểm và những tồn tại cần điều chỉnh trong kĩ năng nói nghe của HS; nhắc lại cách thức thực hiện và đánh giá kĩ năng trình bày bài nói.	**2/. THỰC HÀNH BÀI NÓI** ***/. ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM** **- Đánh giá dựa trên bảng kiểm** **- Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 30/02/2024

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 9: TRUYỆN LỊCH SỬ VÀ TIỂU THUYẾT

Thời lượng: 18 tiết

Tiết 117,118,119,120,121:

LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU MỚI – TRUYỆN LỊCH SỬ VÀ TIỂU THUYẾT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực: Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học (Chủ đề bài 8)

- HS biết cách đọc hiểu một văn bản của truyện lịch sử và tiểu thuyết: Nhận biết và phân tích được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện đa tuyến và đơn tuyến, bối cảnh, ngôn ngữ, nhân vật,...) của truyện, nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ của người kể chuyện;...) trong truyện lịch sử và tiểu thuyết.
- Mở rộng kĩ năng đọc hiểu văn bản cùng thể loại ngoài sách giáo khoa.

2. Phẩm chất

- Yêu quê hương đất nước, tự hào về truyền thống dân tộc, cảm phục và noi theo những tấm gương anh hùng dân tộc; sống lạc quan, có hoài bão, ước mơ... nhưng không được thiếu thực tế.

- Trân trọng những hành động và suy nghĩ nhân hậu, trong sáng; biết thông cảm và chia sẻ trước cảnh ngộ của người khác.
- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, bài tập đọc hiểu tham khảo.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề ôn tập.

2. Nội dung hoạt động: Trò chơi "**Vòng quay văn học**"

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Vòng quay văn học thông qua trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

Bước 1: GV phổ biến luật chơi:

- GV mời **2 HS** lên tham gia trò chơi.

- Có 9 ô câu hỏi và 1 vòng quay may mắn.Trong đó 8 ô chứa câu hỏi và 1 ô may mắn (không cần trả lời câu hỏi mà sẽ tham gia luôn quay vòng quay may mắn và nhận điểm)

- HS lần lượt chọn câu hỏi, trả lời đúng sẽ được tham gia quay vòng quay may mắn, quay vào số điểm nào, người chơi sẽ nhận được điểm số đó; nếu trả lời sai, quyền trả lời thuộc về người chơi còn lại. Nếu người chơi còn lại trả lời đúng sẽ được tham gia quay vòng quay may mắn và nhận điểm.

- Cứ như vậy sau khi trả lời hết câu hỏi, người chơi nào nhiều điểm hơn thì sẽ giành chiến thắng.



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV đọc từng câu hỏi; HS đứng vào vị trí GV hướng dẫn để tham gia trò chơi.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS có 5s để suy nghĩ và chọn đáp án.

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

GV công bố kết quả.

Gợi ý nhóm câu hỏi:

=> Hệ thống câu hỏi:

Câu 1. Nối cột A (**Một số đặc điểm của văn bản truyện**) với cột B (dấu hiệu nhận biết):

Cột A		Cột B
1. Truyện lịch sử		a. Là tác phẩm văn xuôi cỡ lớn có nội dung phong phú, cốt truyện phức tạp, phản ánh nhiều sự kiện, cảnh ngộ, miêu tả

		nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chồng chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng.
2. Tiểu thuyết		b. Tác giả tập trung thể hiện quá trình phát triển tính cách của nhân vật chính, có khi chỉ là một giai đoạn trong cuộc đời nhân vật chính. Cốt truyện thường có dung lượng nhỏ, vừa; thường là truyện ngắn, truyện vừa, có cả tiểu thuyết
3. Cốt truyện đơn tuyến		c. Tác giả trình bày lại một chuỗi sự kiện, phản ánh nhiều bình diện của đời sống, tái hiện những diễn biến phức tạp của nhiều nhân vật; có dung lượng lớn. Chuỗi sự kiện trong cốt truyện thường chia thành nhiều dòng, nhiều tuyến, gắn liền với số phận các nhân vật chính tác phẩm có nhiều chủ đề.
4. Cốt truyện đa tuyến		d. là loại truyện có nội dung liên quan đến các nhân vật và sự kiện lịch sử. Tuy nhiên, truyện lịch sử không chỉ đơn thuần liệt kê các sự kiện, kể về những con người có thật mà còn được nhà văn hư cấu, tưởng tượng, bổ sung, sáng tạo thành những hình tượng văn học sinh động.

Đáp án: 1-d; 2-a; 3-b; 4-c

Câu 2. Truyện lịch sử viết ra nhằm mục đích là:

A. Tái hiện lại không khí hào hùng trong công cuộc chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.

B. Tái hiện lại không khí hào hùng trong công cuộc chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Thể hiện lòng yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc sâu sắc.

C. Thể hiện lòng yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc sâu sắc.

Câu 3. Nhân vật chính của truyện lịch sử có đặc điểm gì?

A. Là người thật, việc thật, những anh hùng dân tộc; những con người có vai trò quan trọng đối với đời sống của cộng đồng dân tộc.

B. Vua chúa

C. Anh hùng

D. Những con người có vai trò quan trọng đối với đời sống của cộng đồng dân tộc.

Câu 4. Đặc điểm ngôn ngữ nhân vật trong truyện lịch sử thường là:

A. Ngôn ngữ tùy theo ý nhà văn xây dựng

B. Ngôn ngữ phải phù hợp với bối cảnh của giai đoạn lịch sử mà truyện tái hiện

C. Ngôn ngữ hiện đại, tự do

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 5. Thể loại của tác phẩm "*Hoàng Lê nhất thống chí*" là gì?

A. Truyện cười

B. Truyện

C. Tiểu thuyết lịch sử

D. Hài kịch

Câu 6. Cốt truyện của tác phẩm "*Hoàng Lê nhất thống chí*" thuộc loại gì?

A. Cốt truyện đơn tuyến

B. Cốt truyện đa tuyến

Câu 7. Đoạn trích "*Đánh nhau với cối xay gió"* (Trích *Đôn Ki-hô-tê* của Xéc-van-tét) được kể ở ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất số ít

B. Ngôi thứ ba

C. Ngôi kể không xác định

D. Ngôi thứ nhất số nhiều

Câu 8. Đoạn văn: *"Nói xong, lão nhiệt tình thành tâm niệm cầu mông nàng Đuyn-xi-nê-a của mình cứu giúp cho ngay trong lúc nguy nan này; rồi lấy khiên che kín thân, tay lăm lăm ngọn giáo, lão thúc con Rô-xi-nan-tê phi thẳng tới chiếc cối xay gió gần nhất ở trước mặt, và đâm mũi giáo vào cánh quạt: gió làm cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gãy tan tành, kéo theo cả người và ngựa văng ra xa"* nhân vật "lão" được khắc họa ở phương diện nào?

A. Hành động

B. Trang phục

C. Suy nghĩ

D. Lời nói

HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Mục tiêu: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của Bài 8: Truyện lịch sử và tiểu thuyết

2. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

4. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1: Hướng dẫn HS ôn tập kĩ năng đọc hiểu truyện **HÌNH THỨC: HOẠT ĐỘNG NHÓM** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm. - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV về các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học. Nhóm 1: *Nhắc lại khái niệm của truyện lịch sử và đặc điểm của truyện lịch sử.* Nhóm 2: *Nhắc lại khái niệm tiểu thuyết. Nêu đặc điểm về tính cách nhân vật, bối cảnh trong tiểu thuyết***?** Nhóm 3: *Phân biệt cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến. Lấy ví dụ?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên. **Bước 3: Báo cáo sản phẩm** - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, nhận xét**	**I. KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU THỂ LOẠI TRUYỆN LỊCH SỬ VÀ TIỂU THUYẾT** **1. Truyện lịch sử** **a. Khái niệm:** Truyện lịch sử là loại truyện có nội dung **liên quan đến các nhân vật và sự kiện lịch sử**. Tuy nhiên, truyện lịch sử không chỉ đơn thuần liệt kê các sự kiện, kể về những con người có thật mà còn được nhà văn **hư cấu, tưởng tượng, bổ sung, sáng tạo** thành những **hình tượng văn học** sinh động. **b. Đặc điểm:** - **Cốt truyện**: là một hệ thống sự kiện liên quan đến lịch sử dân tộc được sắp xếp theo ý đồ nhất định của tác giả nhằm thể hiện nội dung, ý nghĩa tác phẩm. – **Bối cảnh**: là **hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử** nói chung được thể hiện qua các sự kiện, nhân vật lịch sử, phong tục, tập quán. - **Nhân vật chính** thường là **người thật, việc thật, những anh hùng dân tộc**; ngoài ra, tác giả còn có thể **hư cấu** thêm

GV nhận xét, chốt kiến thức. * GV nêu câu hỏi cho HS nhắc lại các kiến thức lí thuyết về đặc trưng thể loại truyện.	nhiều nhân vật khác. **- Ngôn ngữ**: phải **phù hợp** với **bối cảnh** của **giai đoạn lịch sử** mà truyện tái hiện. Thông qua các yếu tố từ ngữ, cách nói, lời nhân vật, cách miêu tả, trần thuật ... tác giả tái hiện lại không khí, sự kiện và con người lịch sử một cách sinh động **2. Tiểu thuyết** **a. Khái niệm**: Tiểu thuyết là tác phẩm văn xuôi cỡ lớn, có nội dung phong phú, cốt truyện phức tạp, phản ánh nhiều sự kiện, cảnh ngộ, miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chồng chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng. Ví dụ : *Tắt Đèn* (Ngô Tất Tố) *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi) **b. Tính cách nhân vật, bối cảnh** **+ Tính cách nhân vật:** Thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, suy nghĩ của nhân vật, qua nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác. **- Bối cảnh :** + Bối cảnh lịch sử: Hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử + Bối cảnh riêng: Thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện.

3. Cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến

So sánh	Cốt truyện đơn tuyến	Cốt truyện đa tuyến
1.Sự kiện	Tập trung thể hiện quá trình phát triển tính cách của nhân	Trình bày lại một chuỗi sự kiện, phản ánh nhiều bình diện của đời sống, tái hiện

	vật chính, có khi chỉ là một giai đoạn trong cuộc đời nhân vật chính	những diễn biến phức tạp của nhiều nhân vật.
2. Dung lượng cốt truyện	Dung lượng nhỏ, vừa; thường là truyện ngắn, truyện vừa, có cả tiểu thuyết	Dung lượng lớn, cốt truyện chia thành nhiều dòng, nhiều tuyến, - Tác phẩm có nhiều chủ đề
Ví dụ	Truyện *Lão Hạc* của Nam Cao, chỉ tập trung xoay quanh số phận nhân vật lão Hạc, các sự kiện đều liên quan đến nhân vật chính này.	*Hoàng Lê nhất thống chí* là tác phẩm có hai tuyến nhân vật: - Tuyến nhân vật và sự kiện phản ánh sự suy tàn của chế phong kiến tiêu biểu là nhân vật Lê Chiêu Thống - Tuyến nhân vật và sự kiện phản ánh hào khí dân tộc tiêu biểu là nhân vật Quang Trung và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

4. Kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện lịch sử, tiểu thuyết

- Xác định được các sự kiện lịch sử trong truyện.

- Chỉ ra được cốt truyện, bối cảnh, nhân vật chính trong truyện liên quan như thế nào với lịch sử và ngôn ngữ mang không khí, dấu ấn lịch sử,...

- Tìm hiểu sâu chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản truyện muốn thể hiện.

- Rút ra những tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết được thể hiện qua văn bản.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

2. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

3. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao phiếu học tập cho HS

HS đọc đề, thực hiện các yêu cầu

- Đọc ngữ liệu (đọc lướt, đọc đánh dấu, …)

- Đọc câu, đánh dấu từ ngữ quan trong trong câu hỏi/ Trả lời.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ.

HS viết bài dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

- GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.
- HS:

+ Đọc sản phẩm của mình.

+ Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS.

II. THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

ĐỀ SỐ 1

Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Vua Quang Trung cưỡi voi ra doanh yên uỷ quân lính, truyền cho tất cả đều ngồi mà nghe lệnh, rồi dụ họ rằng:

- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng nữ vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ; các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. Ở các thời ấy, Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy, đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống,

Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc bị phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo ta không nói trước"

Các quân lính đều nói: "Xin vâng lệnh, không dám hai lòng!"

(Trích *Hoàng Lê nhất thống Chí,* Ngô Gia văn Phái)

Câu 1: Văn bản do ai sáng tác

A. Ngô gia văn phái

B. Ngô Thì Nhậm

C. Nguyễn Thiếp

D. Ngô Văn Sở

Câu 2. Tác phẩm thuộc thể loại gì?

A. Truyện ngắn

B. Truyện thơ nôm

C. Tiểu thuyết chương hồi

D. Tùy bút

Câu 3: Lời phủ dụ binh lính của vua Quang Trung được diễn ra ở đâu?

A. Phú Xuân

B. Nghệ An

C. Tam Điệp

D. Thăng Long

Câu 4 . Văn bản Hoàng Lê nhất thống chí viết về sự kiện lịch sử nào?

A. Trần Hưng Đạo phá quân Nguyên

B. Hai Bà Trưng đánh đuổi quân Nam Hán

C. Quang Trung đại phá quân Thanh

D. Lê Lợi đại phá quân Minh

Câu 5: Em hiểu cụm từ "*lương tri, lương năng*" được sử dụng trong ngữ cảnh của đoạn trích trên là gì?

A. Chỉ vật chất giàu có, dư giả

B. Chỉ vũ khí sắc bén

C.Chỉ tâm hồn, tâm hồn của người tốt, biết phân biệt phải trái, xấu tốt

D. Chỉ cách ăn nói khéo léo

Câu 6: Đoạn trích trên giúp em hiểu gì về vua Quang Trung?

A. Hành động mạnh mẽ, quyết đoán

B. Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén

C. Có tài dụng binh như thần

D. Oai phong lẫm liệt trong trận đánh

Câu 7: Em hiểu trình tự lời phủ dụ binh lính của vua Quang Trung như thế nào?

A. Đưa ra kỉ luật nghiêm minh; kêu gọi binh lính đồng tâm hiệp lực; phân tích tình hình ta và giặc; tố cáo tội ác của lũ giặc; nhắc lại truyền thống yêu nước và tình thần chiến đấu quật cường của dân tộc trong lịch sử; khẳng định chủ quyền lãnh thổ;

B. Tố cáo tội ác của lũ giặc; nhắc lại truyền thống yêu nước, và tình thần chiến đấu quật cường của dân tộc trong lịch sử; khẳng định chủ quyền lãnh thổ; đưa ra kỉ luật nghiêm minh; kêu gọi binh lính đồng tâm hiệp lực; phân tích tình hình ta và giặc;

C. Khẳng định chủ quyền lãnh thổ; tố cáo tội ác của lũ giặc, nhắc lại truyền thống yêu nước, và tình thần chiến đấu quật cường của dân tộc trong lịch sử; phân tích tình hình ta và giặc; đưa ra kỉ luật nghiêm minh, kêu gọi binh lính đồng tâm hiệp lực;

D. Khẳng định chủ quyền lãnh thổ; tố cáo tội ác của lũ giặc, nhắc lại truyền thống yêu nước, và tình thần chiến đấu quật cường của dân tộc trong lịch sử; phân tích tình hình ta và giặc; kêu gọi binh lính đồng tâm hiệp lực và đưa ra kỉ luật nghiêm minh.

Câu 8: Vì sao Quang Trung khẳng định rằng: "*Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị*"

A. Vì ông muốn khẳng định đất nước ta là đất nước có chủ quyền lãnh thổ, đó là điều được trời thừa nhận.

B. Vì ông muốn ngợi ca vẻ đẹp của non sông, gấm vóc

C. Vì ông muốn kẻ thù phải tôn trọng

D. Nêu cao những tấm gương của các anh hùng dân tộc

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 9: Em có nhận xét gì về sức hấp dẫn của lời phủ dụ mà vua Quang Trung đưa ra trong đoạn trích?

Câu 10: Từ đoạn trích trên, em hãy viết đoạn văn theo lối diễn dịch khoảng 10 câu trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: Tuổi trẻ Việt Nam hiện nay cần làm gì để thể hiện lòng yêu nước?

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu	Nội dung
	ĐỌC HIỂU
1	A. Ngô gia văn phái

2	C. Tiểu thuyết chương hồi
3	B. Nghệ An
4	C. Quang Trung đại phá quân Thanh
5	C. Chỉ tâm hồn, tâm hồn của người tốt, biết phân biệt phải trái, xấu tốt
6	B. Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén
7	D. Khẳng định chủ quyền lãnh thổ; tố cáo tội ác của lũ giặc, nhắc lại truyền thống yêu nước, và tình thần chiến đấu quật cường của dân tộc trong lịch sử; phân tích tình hình ta và giặc; kêu gọi binh lính đồng tâm hiệp lực và đưa ra kỉ luật nghiêm minh.
8	A. Vì ông muốn khẳng định đất nước ta là đất nước có chủ quyền lãnh thổ, đó là điều được trời thừa nhận.
9	HS đưa ra nhậ xét về sức hấp dẫn của lời phủ dụ mà vua Quang Trung đưa ra trong đoạn trích là: - Về nghệ thuật: Lời phủ dụ tướng sĩ của vua Quang Trung Nguyễn Huệ tại cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An có thể xem như một bài hịch ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, lời lẽ đanh thép, giọng điệu hào hùng mà ý tứ thật phong phú sâu xa. - Về ý nghĩa: Lời phủ dụ có tác dụng kích thích lòng yêu nước và truyền thống quật khởi của dân tộc. Lời phủ dụ khẳng định trí tuệ, tấc lòng của một vị vua vì nghĩa lớn, vì lợi ích của dân tộc, quyết tâm tiêu diệt kẻ thù để bảo vệ dân tộc.
10	- Tuổi trẻ Việt Nam khi thể hiện lòng yêu nước. Tuổi trẻ đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo vận mệnh, tương lai non sông đất nước vì vậy tuổi trẻ cần hiểu được vị trí quan trọng của mình. + Vốn tri thức, đạo đức được rèn luyện từ nhà trường là nền tảng cơ bản để thực hành trong đời sống. + Tuổi trẻ phải nỗ lực không ngừng học hỏi, phát triển về khoa học, kĩ thuật để

	bắt kịp với sự phát triển của thế giới. + Tuổi trẻ cần nuôi dưỡng trong mình tình yêu gia đình, quê hương, đất nước, niềm tự tôn dân tộc. + Cần ý thức việc trau dồi tri thức và đạo đức ngay khi còn trẻ.

ĐỀ SỐ 2

Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:

[…] *Vua Quang Trung bèn sai mở tiệc khao quân, chia quân sĩ ra làm năm đạo, hôm đó là ngày 30 tháng chạp. Rồi nhà vua bảo kín với các tướng rằng:*

- Ta với các ngươi hãy tạm sửa lễ cúng tết trước đã. Đến tối 30 Tết lập tức lên đường, hẹn đến ngày mồng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Các ngươi nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác!

[...] Cả năm đạo quân đều lạy vâng mệnh lệnh, đúng ngày, giống trống lên đường ra Bắc.

Khi quân đến sông Gián, nghĩa binh trấn thủ ở đó tan vỡ chạy trước. Lúc đến sông Thanh quyết, toán quân Thanh đi do thám từ đằng xa trông thấy bóng cũng chạy nốt. Vua Quang Trung liền thúc quân đuổi theo, tới huyện Phú Xuyên thì bắt sống được hết, không để tên nào trốn thoát. Bởi vậy, không hề có ai chạy về báo tin, nên những đạo quân thanh đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi đều không biết gì cả.

Nửa đêm mùng 3 tháng giêng, năm Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung tới làng Hà Hồi, huyện Thượng Phúc, lặng lẽ vây kín làng ấy, rồi bắc loa truyền gọi, tiếng quân lính luân phiên nhau dạ ran để hưởng ứng, nghe như có hơn vài vạn người. Trong đồn lúc ấy mới biết, ai nấy rụng rời sợ hãi, liền xin ra hàng, lương thực khí giới đều bị quân Nam lấy hết.

Vua Quang Trung lại truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm làm một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả là hai mươi bức. Đoạn kén hạng lính khỏe mạnh, cứ mười người khiêng một bức, lưng giắt dao ngắn, hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành trận chữ "nhất", vua Quang Trung cưỡi voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mùng 5 tiến sát đền Ngọc Hồi. Quân Thanh nổ súng bắn ra, chẳng trúng người nào cả. Nhân có gió bắc, quân Thanh bèn dùng ống phun khói lửa ra, khói toả mù trời,

cách gang tấc không thấy gì, hòng làm cho quân Nam rối loạn. Không ngờ trong chốc lát trời bỗng trở gió nam, thành ra quân Thanh lại tự làm hại mình.

Vua Quang Trung liền gấp rút sai đội khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên trước. Khi gươm giáo của hai bên đã chạm nhau thì quăng ván xuống đất, ai nấy cầm dao ngắn chém bừa, những người cầm binh khí theo sau cũng nhất tề xông tới mà đánh.

Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên thái thú Điền Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết. Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.

Trước đó, vua Quang Trung đã sai một toán quân theo bờ đê Yên Duyên kéo lên, mở cờ gióng trống để làm nghi binh ở phía đông. Đến lúc ấy, quân Thanh chạy về trông thấy, càng thêm hoảng sợ, bèn tìm lối tắt theo đường Vịnh Kiều mà trốn. Chợt lại thấy quân voi từ Đại Áng tới, quân Thanh đều hết hồn hết vía, vội trốn xuống đầm Mực, làng Quỳnh Đô, quân tây Sơn lùa voi cho giày đạp, chết đến hàng vạn người.

Giữa trưa hôm ấy, vua Quang Trung tiến binh đến Thăng Long, rồi kéo vào thành.

Nguyên trước đó, Đô đốc Long đốc suất hữu quân đã đem binh đến đóng ở làng Nhân Mục huyện Thanh Trì. Lúc Vua Quang đang đánh với quân Thanh ở Ngọc Hồi, thì sáng hôm ấy Long đã đánh tên Thái Thú Điền Châu ở trại Khương Thượng thuộc huyện Quảng Đức. Quân Thanh tan vỡ bỏ chạy. Long liền tiến trước vào thành.

(Trích *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, Ngô gia văn phái)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Phương thức biểu đạt của đoạn trích trên là gì ?

A. Tự sự, miêu tả

B. Thuyết minh, biểu cảm

C. Nghị luận, biểu cảm

D. Nghị luận, thuyết minh

Câu 2. Xác định ngôi kể của tác phẩm có đoạn trích.

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ ba

C. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

D. Không xác định được

Câu 3: Vua Quang Trung mở tiệc khao quân nhằm mục đích gì?

A. Cổ vũ động viên tinh thần quân sĩ.

B. Để quân sĩ khỏi lo sợ.

C. Để quân lính bớt nhớ nhà.

D. Làm cho quân giặc khiếp sợ

Câu 4: Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

A. Thuyết minh về trận Đống Đa ngày 05 tháng Giêng năm 1789

B. Tả lại sức mạnh như vũ bão của nghĩa quân Tây Sơn

C. Phê phán lũ giặc hèn nhát, bất tài

D. Kể lại chiến thắng lẫy lừng của nghĩa quân Tây Sơn do Quang Trung chỉ huy, tiêu diệt hơn 20 văn quân Thanh năm 1789.

Câu 5: Câu nào là câu phủ định?

A. Bởi vậy, không hề có ai chạy về báo tin, nên những đạo quân thanh đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi đều không biết gì cả.

B. Tên thái thú Điền Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết. [...]

C. Quân Thanh đại bại.

D. Trước đó, vua Quang Trung đã sai một toán quân theo bờ đê Yên Duyên kéo lên, mở cờ gióng trống để làm nghi binh ở phía đông.

Câu 6: Câu: "*Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.*" sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Nhân hóa
B. Ẩn dụ

C. Nói quá

D. So sánh

Câu 7: Nghệ thuật nổi bật của ngữ liệu là gì?

A. Ước lệ tượng trưng.

B. Tả cảnh ngụ tình.

C. Lối văn trần thuật kết hợp với miêu tả chân thực, sinh động.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8: Những chi tiết nào cho thấy sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh?

Câu 9: Các tác giả của đoạn văn trên vốn là những người trung quân rất có cảm tình với nhà Lê nhưng lại xây dựng lên hình tượng người anh hùng áo vải Quang Trung tuyệt đẹp. Vì sao vậy?

Câu 10: Người xưa đã "dựng nên công lớn" để bảo vệ đất nước. Ngày nay, theo em, mỗi người học sinh cần làm gì để kế thừa và phát huy truyền thống ấy. Hãy trình bày suy nghĩ của em bằng một đoạn văn khoảng 6- 8 câu.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu	Nội dung
1	A. Tự sự, miêu tả
2	B. Ngôi thứ ba
3	A. Cổ vũ động viên tinh thần quân sĩ.
4	D. Kể lại chiến thắng lẫy lừng của nghĩa quân Tây Sơn do Quang Trung chỉ huy, tiêu diệt hơn 20 văn quân Thanh năm 1789.
5	A. Bởi vậy, không hề có ai chạy về báo tin, nên những đạo quân thanh đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi đều không biết gì cả.
6	C. Nói quá
7	C. Lối văn trần thuật kết hợp với miêu tả chân thực, sinh động.
8	Những chi tiết cho thấy sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh là: - Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh ở Hà Hồi: "ai nấy rụng rời sợ hãi,

	liền xin ra hàng, lương thực khí giới đều bị quân Nam lấy hết"; - Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh ở Ngọc Hồi: "... bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên thái thú Điền Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết. Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.".
9	Các tác giả của đoạn văn trên vốn là những người trung quân rất có cảm tình với nhà Lê nhưng lại xây dựng lên hình tượng người anh hùng áo vải Quang Trung tuyệt đẹp. Vì: + Xuất phát từ lòng tự hào dân tộc và ý thức dân tộc sâu sắc. + Không thể bỏ qua sự thật lịch sử, đó là hành động "cõng rắn cắn gà nhà" của Lê Chiêu Thống, với niềm cảm mến tài năng và đức độ vị anh hùng dân tộc Quang Trung. Điều đó đã thể hiện lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc của các tác giả.
10	HS bày tỏ suy nghĩ theo yêu cầu bằng đoạn văn khoảng 6- 8 câu. Gợi ý: - Giải thích: + Truyền thống – những giá trị tốt đẹp được truyền từ đời này sang đời khác. + Để bảo vệ đất nước, cha ông ta đã luôn đoàn kết, có ý chí chiến đấu, yêu nước, căm thù giặc. + Ngày nay, các thế hệ trẻ cần tiếp bước cha ông, biết yêu quê hương, có lòng tự hào, tự tôn dân tộc. - Bàn luận: Người xưa đã "dựng nên công lớn" để bảo vệ đất nước. Ngày nay, theo em, mỗi người học sinh cần làm để kế thừa và phát huy truyền thống ấy như: + Trong thời đại hòa bình, hội nhập và cùng phát triển, việc lập công lao cho đất nước không đến từ việc đánh giặc, bảo vệ đất nước mà đến từ việc góp phần phát triển, dựng xây đất nước. + Để kế thừa và phát huy truyền thống của cha ông, học sinh ngày nay cần trau dồi trí tuệ, thể chất, đạo đức, tự hoàn thiện bản thân mình để trở thành

	một thế hệ hùng mạnh trong tương lai. + Dẫn chứng:…. + Để giúp hs ngày nay kế thừa những truyền thống của cha ông, gia đình và nhà trường cần tạo điều kiện, chăm lo, định hướng để trẻ em được phát triển tốt nhất. - Bài học nhận thức và hành động: + Hãy trau dồi bản thân để phát huy những truyền thống tốt đẹp của cha ông, dựng xây đất nước. + Là một học sinh, cần ý thức được vai trò của mình và không ngừng rèn luyện

ĐỀ SỐ 3

Đọc văn bản sau:

[...] Hoài Văn nằn nì thế nào quân Thánh Dực cũng không cho chàng xuống bến. Hầu đứng trên bờ, thẫn thờ nhìn bến Bình Than. Hai cây đa cổ thụ rủ bóng râm mát che kín cả một khúc sông.

Dưới bến, những thuyền lớn của các vương hầu về hội sư, đậu dài san sát, sơn đủ các màu. Trên mũi thuyền, phất phới những lá cờ hiệu của các vương hầu. Hiệu cờ của Chiêu Minh Vương, của Chiêu Quốc Vương, của Chiêu Văn Vương, của Hưng Đạo Vương, của Chiêu Thành Vương, chú ruột mình. Thuyền của các vị đại vương chức trọng quyền cao nhất của triều đình đều ở gần thuyền ngự. Thuyền ngự cao lớn hơn cả, chạm thành hình một con rồng lớn rực rỡ son vàng, hai bên mạn dàn bày cờ quạt, tàn vàng, tán tía và đồ nghi trượng của đấng thiên tử. Hết thuyền của các đại vương là thuyền của các tước vương bậc dưới, rồi đến thuyền của các tước hầu, cuối cùng là thuyền của các tướng sĩ đi hộ vệ. Mắt Hoài Văn đăm đăm nhìn thuyền của Hưng Võ Vương, Hưng Trí Vương, Hưng Hiếu Vương... Thì ra các con trai của Hưng Đạo Vương đều đủ mặt. Những người em họ ấy, chẳng qua chỉ hơn Hoài Văn dăm sáu tuổi! Cha ta mất sớm, nên ta mới phải đứng rìa nhục

nhã thế này! Mắt Hoài Văn giương to đến rách, nhìn những lá cờ bay múa trên những đoàn thuyền đẹp như gấm như hoa.

Qua các cửa sổ có chấn song triện và rủ mành mành hoa của thuyền rồng, Hoài Văn thấy các vương hầu đang ngồi bàn việc nước với quan gia. Hoài Văn chẳng biết các vị đang nói gì. Nhưng bàn gì thì bàn, Hoài Văn dám chắc cũng chẳng ngoài cái việc lớn là cho quân Nguyên mượn đường vào đánh Chiêm Thành hay chống cự lại mà thôi. Dã tâm của quân giặc đã hai năm rõ mười rồi. Nó giả tiếng mượn đường, kì thực là để cướp sống lấy nước Nam. Chỉ có việc đánh, làm gì phải kéo ra tận đây mà bàn đi bàn lại? Chao ôi! Lúc này mà Hoài Văn được xuống thuyền rồng và được bàn việc nước! Chàng sẽ quỳ trước mặt quan gia, và xin quan gia cho đánh! Thuyền rồng im lặng. Tàn tán, cờ quạt và các đồ nghi trượng in màu vàng son trên mặt nước sông trong vắt. Chốc chốc lại thấy những người nội thị quỳ ngoài mui, dâng trầu cau, dâng thuốc. Hoài Văn muốn xô mấy người lính Thánh Dực để chạy xuống bến nhưng lại sợ tội chém đầu.

Chàng muốn thét to: "Xin quan gia cho đánh", nhưng lại e phạm thượng!

Mấy tháng ở kinh, thấy sứ Nguyên hạch sách đủ điều, Hoài Văn chỉ có một ý nghĩ là đánh, đánh để giữ lấy quốc thể. Rồi lại đến cái ngày quan gia mời các bô lão khắp bàn dân thiên hạ về kinh để nhà vua hỏi ý dân xem nên cho giặc mượn đường hay nên đánh lại. Các bô lão là những người quê mùa chất phác, chưa bao giờ được bước chân vào nơi lầu son, gác tía, chưa bao giờ được bàn việc nước, thế mà nghe quan gia hỏi, họ đều nắm tay, gân mặt, khẳng khái tâu lên: "Xin đánh", trăm miệng một lời, rung chuyển cả tòa điện Diên Hồng. Những người áo vải ấy còn biết đường phải trái, huống chi ta là bậc tôn thất há lại không nghĩ được như họ hay sao? Đến họ mà quan gia còn hỏi kế, sao ta là người gần gụi, quan gia chẳng hỏi một lời ?

Suốt ngày hôm qua, Hoài Văn ruổi ngựa đi tìm vua, quên không ăn uống. Hôm nay, đợi mãi từ sớm đến trưa, Hoài Văn thấy đói cồn cào, mắt hoa lên, đầu choáng váng, chân tay buồn bã. Hoài Văn không chịu được nữa. Đứng mãi đây cho đến bao giờ? Thôi thì liều một chết vậy. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội. Hoài Văn xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi, xăm xăm xuống bến. Một viên tướng hốt hoảng chạy tới, níu áo Hoài Văn lại. Quốc Toản tuốt gươm, mắt trừng lên một cách điên dại:

- Không buông ra, ta chém !

Lính ập đến giữ lấy Hoài Văn. Thực ra, vì nể chàng là một vương hầu, nên họ đã để cho chàng đứng đấy từ sáng.

(Trích *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*, Nguyễn Huy Tưởng)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Thể loại của tác phẩm có đoạn trích trên?

A. Kí

B. Truyện lịch sử

C. Tiểu thuyết

D. Truyện ngắn

Câu 2. Quang cảnh, không khí ở bến Bình Than – nơi diễn ra hội nghị quan trọng như thế nào?

A. Đầy những thuyền lớn của các vương hầu về hội sư, các vị vương chức quyền cao nhất của triều đình, thuyền ngự, không khí trang nghiêm, tĩnh mịch.

B. Đầy những thuyền lớn nhỏ, cờ, hoa và biểu ngữ, không khí vui tươi, hân hoan.

C. Tấp nập người qua lại, nhộn nhịp, không khí mới lạ đầy thú vị.

D. Đầy những thuyền lớn của vua quan, không khí vui vẻ.

Câu 3. Nét tính cách nào của Hoài Văn qua ý nghĩ "*Chàng muốn thét to: "Xin quan gia cho đánh"*?

A. Nóng nảy, tự ái, hờn tủi của một thanh niên mới lớn.

B. Dũng cảm, giàu lòng yêu nước, dám hi sinh cả mạng sống vì dân tộc của mình.

C. Ham học hỏi, trọng tình nghĩa.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 4. Những câu văn nào diễn tả suy nghĩ trong lòng Hoài Văn để chàng quyết định xuống bến gặp bằng được vua?

A. Đứng mãi đây cho đến bao giờ? Thôi thì liều một chết vậy. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội.

B. Đứng mãi đây cho đến bao giờ?

C. Thôi thì liều một chết vậy.

D. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội.

Câu 5. Câu văn nào diễn tả hành động quyết tâm gặp vua bằng mọi giá của Hoài Văn?

A. Không buông ra, ta chém!

B. Ta xuống xin bệ kiến quan gia, không kẻ nào được giữ ta lại. Lôi thôi thì hãy nhìn lưỡi gươm này!

C. Cả A và B

D. Xin hãy cho ta được gặp bệ hạ.

Câu 6. Tại sao Hoài Văn lại muốn gặp vua?

A. Vì Hoài Văn và vua có mối quan hệ ruột thịt.

B. Vì Hoài Văn muốn tham gia nghị bàn việc nước.

C. Vì Hoài Văn muốn bày tỏ quan điểm và nói với vua "xin đánh" giặc chứ không cho giặc mượn đường.

D. Không có lí nào cả

Câu 7. Tại sao quân lính lại nể mặt Hoài Văn và cho chàng đứng trên bến Bình Than từ sáng?

A. Vì Hoài Văn là một vương hầu.

B. Vì Hoài Văn rất cứng cỏi.

C. Vì Hoài Văn là một người khó bảo.

D. Vì ai cũng sợ Hoài Văn chém.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Em cảm nhận được điều gì về Hoài Văn qua dòng độc thoại **"***Đứng mãi đây cho đến bao giờ? Thôi thì liều một chết vậy. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội.*"?

Câu 9. Từ hành động của Hoài Văn, em rút ra được bài học nào về trách nhiệm với đất nước khi đất nước lâm nguy?

Câu 10. Từ câu chuyện của Hoài Văn**,** em có cho rằng trong cuộc sống, người không tuân thủ quy định, luật lệ luôn đáng trách không? Vì sao?

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu	Đáp án
1	B. Truyện lịch sử

2 A.	Đầy những thuyền lớn của các vương hầu về hội sư, các vị vương chức quyền cao nhất của triều đình, thuyền ngự, không khí trang nghiêm, tĩnh mịch.
3 B.	Dũng cảm, giàu lòng yêu nước, dám hi sinh cả mạng sống vì dân tộc của mình.
4	A. Đứng mãi đây cho đến bao giờ? Thôi thì liều một chết vậy. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội.
5	C. Cả A và B
6	C. Vì Hoài Văn muốn bày tỏ quan điểm và nói với vua "xin đánh" giặc chứ không cho giặc mượn đường.
7	A. Vì Hoài Văn là một vương hầu.
8	- Hoài Văn nôn nóng, sốt ruột muốn được muốn gặp vua; dám liều mạng dù biết là tội chết vì Hoài Văn biết nếu triều đình cho giặc mượn đường sẽ mất nước, chàng rất lo cho sự an nguy của đất nước, vì thế thà liều chết còn hơn mất nước. - Hoài Văn là người tuổi trẻ nhưng đầy dũng cảm, bản lĩnh, có chí khí, trí tuệ, tầm nhìn và đặc biệt có lòng yêu nước, sẵn sàng xả thân vì đất nước…
9	Từ hành động của Hoài Văn, em rút ra được bài học về trách nhiệm khi đất nước lâm nguy là: + Cần có trách nhiệm với sự an nguy của đất nước, phải có tình yêu nước và sẵn sàng hi sinh vì đất nước. + Khi đất nước hòa bình, cần ra sức học tập để góp phần làm giàu cho quê hương, đất nước.
10	**Chấp nhận bày tỏ quan điểm theo các hướng sau, miễn là có sự lí giải thuyết phục, hợp lý, gắn với những hoàn cảnh cụ thể.** **Dưới đây là một vài gợi ý:** *** Không đáng trách** - Nếu luật lệ vẫn còn điểm cứng nhắc, vô lý. - Nếu sự việc cấp bách, không thể chậm trễ, trì hoãn. Hoài Văn không tuân thủ phép nước. Song, đặt vào hoàn cảnh cụ thể lúc bấy giờ, khi vận nước lâm nguy, việc nước không thể chậm trễ thì sự không tuân thủ của Hoài Văn lúc đó lại là cần thiết. *** Đáng trách** Quy định, luật lệ nếu đúng thì việc tuân thủ là vô cùng cần thiết. Bởi vậy,

	nếu không tuân thủ sẽ là đáng trách vì: + Thể hiện tính vô tổ chức kỷ luật, không tôn trọng người khác, không tôn trọng tập thể. + Gây ảnh hưởng đến tập thể, thậm chí gây ra những hậu quả tai hại khôn lường… *** Vừa đáng trách, vừa không đáng trách** - Kết hợp hai cách lí giải trên.

ĐỀ SỐ 4

Đọc văn bản sau:

[…] *Chàng còn đương hoang mang, thì thấy trong cửa Dương Minh đi ra một người vào trạc hai mươi bảy, hai mươi tám tuổi, chít khăn vàng, mặc áo bào vàng chẽn, đeo kiếm dài, mặt trái xoan, điểm những đường vân tía, trông hao hao nét mặt Khổng Phu Tử, thần khí quang thái, dáng trông uy nghiêm tôn kính, nhưng đạo mạo rất nhân từ. Ấy là vua Thiệu Bảo.*

Thấy Chiêu Thành vương, vua tươi cười, chàng bước lại phủ phục xuống bên đường, hô vạn tuế. Vua tiến lại, nâng dậy cất lời sang sảng phán:

- Xin hoàng thúc bình thân.

Vua ép chàng cùng đi song hàng và nói tiếp:

- Trẫm muốn nhờ hoàng thúc một việc, không ngờ lại gặp hoàng thúc ở đây, may lắm. Hoàng thúc không cần lên Bắc vội.

- Hạ thần xin chờ lệnh thánh.

- Hoàng thúc chắc chưa biết rõ. Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất, Thoát Hoan đánh xuống thế như chẻ tre, quân sĩ lại hung ác giết hại nhân dân rất nhiều. Quốc công kéo đại binh về Vạn kiếp, quân tướng tan vỡ. Trẫm lấy làm lo lắm, nay trẫm muốn về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công, nhưng không muốn bày vẽ nghi thượng, trẫm tính đi chiếc thuyền con nhanh và tiện hơn, muốn mong hoàng thúc cùng đi…

- Hạ thần xin tuân thánh chỉ.

Vương lúc ấy rất thẹn với mình, chàng cảm thấy như mình mang tội lớn với nhà vua, với xã tắc, với cả triều đình. Trong các vương hầu, chàng là người ra trận sau hơn cả, chùng chình mãi đến khi cất quân đi còn ham bề son phấn. Vương coi chính như mình đã mang một trách nhiệm lớn trong sự thất bại của quan quân. Vì thế Vương ngượng nghịu,

tuy vua Thiệu Bảo rất ôn tồn không nói gì và cũng không biết gì về chuyện đêm qua. Vua vui vẻ và thân mật bảo chàng:

- Vậy hai chú cháu ta cùng đi ngay.

- Tâu quan gia, hạ thần xin tuân mệnh, chỉ xin quan gia cho hạ thần báo tin trước cho quân bản bộ kẻo họ nóng ruột vì họ đang sốt sắng ra trận.

- Hoàng thúc thực là chu đáo. Vậy hoàng thúc về ngay đây nhé, trẫm cũng còn phải bẩm mệnh Thượng hoàng.

Vương mượn một con ngựa phóng ra ngoài thành Long Phượng. Xa xa, cánh đồng đã hiện rõ lá cờ "Tinh Cương". Chàng tiến lại, Trần Quỹ và đoàn gia tướng ra đón, hai nghìn tráng sĩ thấy chủ về ai nấy đều hớn hở bảo nhau sửa soạn lên đường. Họ bị "giam cầm" nay mới được gia trận, người nào cũng mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng rợ Mông để tỏ chí bình sinh và báo ơn chủ tướng.

Trần Quỹ trạc năm mươi tuổi, tóc bạc râu thưa, trông tráng kiện và có vẻ hiền lành cẩn thận. Vương cùng Trần Quỹ và các gia tướng đi thăm đội ngũ, thấy quân ngăn nắp tề chỉnh, quay lại khen Trần Quỹ và bảo mọi người:

- Ta phải đi lo một việc khẩn cấp không tiện nói ra đây. Các ngươi mong muốn lên đường, ta biết, nhưng đành vậy, hãy nấn ná chờ ta vài bữa. Ta đi, công việc lớn nhỏ ở nhà giao cả cho Quỹ, các ngươi nên nghe lời Quỹ cũng như nghe lời ta. Đừng có sao nhãng nghề binh, chểnh mảng đội ngũ. Các ngươi chưa ra trận cũng như ra trận rồi, ở nhà mà luyện tập thân thể cho thêm cứng rắn, võ nghệ cho thêm tinh thông, ấy cũng là đánh giặc đấy.

Chàng chào mọi người rồi bước ra. Họ có ý thất vọng và dường như ghen cùng chủ, nhưng sau khi hiểu họ không oán chàng nữa, cho rằng việc chàng phải đi đây chắc còn quan trọng gấp mười việc ra trận. Họ cũng thừa hiểu chính vương cũng sốt ruột lắm, không khi nào chàng lại có ý hoãn việc tiến binh [...].

(Trích ***An Tư*** *–Phần 1,Chương 2*, Nguyễn Huy Tưởng, NXB Thanh niên)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Kẻ thù nào được nhắc đến trong đoạn trích trên?

A. Giặc phương Bắc

B. Giặc Mông

C. Giặc trong nước

D. Giặc Nguyên

Câu 2. Vua Thiệu Bảo muốn Chiêu Thành vương thực hiện nhiệm vụ gì?

A. Đưa quân ra trận đánh giặc

B. Chiêu mộ binh lính, tập luyện để đánh giặc

C. Đánh cờ cùng vua

D. Muốn Chiêu Thành vương đưa vua về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công vì giặc giã tấn công quá mạnh.

Câu 3. Chiêu Thành vương có bao nhiêu tráng sĩ trong tay?

A. Một ngàn tráng sĩ

B. Hai ngàn tráng sĩ

C. Ba ngàn tráng sĩ

D. Bốn ngàn tráng sĩ

Câu 4. Các từ ngữ: *hoàng thúc, thánh chỉ, lệnh thánh, tiến binh, tráng sĩ*…là ngôn ngữ đặc trưng cho thể loại truyện gì?

A.Truyện đồng thoại

B.Truyện ngụ ngôn

C. Truyện lịch sử

D. Truyện khoa học viễn tưởng.

Câu 5. Vì sao vua Thiệu Bảo muốn về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công?

A.Về để báo kết quả đánh giặc thắng lợi.

B. Vì "Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất… Quốc công kéo đại binh về Vạn kiếp, quân tướng tan vỡ".

C. Vì Vạn Kiếp là nơi có nhiều tráng sĩ giỏi.

D. Cả A,B.

Câu 6. Vì sao các tráng sĩ lại "*có ý thất vọng và dường như ghen cùng chủ*" khi biết chưa được ra trận đánh giặc?

A. Vì họ muốn "mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng rợ Mông để tỏ chí bình sinh và báo ơn chủ tướng".

B. Vì họ không được đi cùng chủ tướng.

C. Vì họ không giỏi bằng chủ tướng

D. Cả A,B,C

Câu 7. Lời dặn dò*: Ta đi, công việc lớn nhỏ ở nhà giao cả cho Quỹ, các ngươi nên nghe lời Quỹ cũng như nghe lời ta,* chứng tỏ:

A. Chiêu Thành vương muốn quân lính chấp hành mệnh lệnh.

B. Chiêu Thành vương rất tin tưởng về năng lực lãnh đạo quân sĩ của *Quỹ*.

C. Chiêu Thành vương đã hết cách.

D. Cả A,B,C

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Lời căn dặn của Chiêu Thành vương khi cùng Trần Quỹ và các gia tướng đi thăm đội ngũ: "*Đừng có sao nhãng nghề binh, chểnh mảng đội ngũ. Các ngươi chưa ra trận cũng như ra trận rồi, ở nhà mà luyện tập thân thể cho thêm cứng rắn, võ nghệ cho thêm tinh thông, ấy cũng là đánh giặc đấy"* giúp em cảm nhận được điều gì về nhân vật Vương?

Câu 9. Phân tích hiệu quả của phép tu từ so sánh trong câu văn**: "***Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất, Thoát Hoan đánh xuống thế như chẻ tre, quân sĩ lại hung ác giết hại nhân dân rất nhiều."*

Câu 10. Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 đến 7 câu) trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của tuổi trẻ xưa và nay đối với non sông đất nước.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu	Đáp án
1	B. Giặc Mông
2	D. Muốn Chiêu Thành vương đưa vua về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công

	vì giặc giã tấn công quá mạnh.
3	B. Hai ngàn tráng sĩ
4	C. Truyện lịch sử
5	B. Vì "Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất… Quốc công kéo đại binh về Vạn kiếp, quân tướng tan vỡ".
6	A. Vì họ muốn "mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng rợ Mông để tỏ chí bình sinh và báo ơn chủ tướng".
7	B. Chiêu Thành vương rất tin tưởng về năng lực lãnh đạo quân sĩ của *Quỹ*.
8	**Cảm nhận về Chiêu Thành vương qua lời căn dặn:** - Là một vị chủ tướng rất gần gũi, thấu hiểu tâm lí quân sĩ: nôn nóng, sốt ruột muốn được tham gia đánh trận. - Là vị chủ tướng đày trách nhiệm, biết nhìn xa, trông rộng, biết động viên khích lệ quân sĩ.
9	- So sánh: thế như trẻ tre. **- Tác dụng:** + Về nội dung: Nhấn mạnh thế giặc rất mạnh; tính chất hung ác, tàn bạo khiến quân ta khó bề chống đỡ đồng thời thể hiện nỗi lo lắng, xót xa của người kể chuyện khi chứng kiến sự thất bại của quân ta. + Về nghệ thuật: làm cho câu văn giàu hình ảnh, cách diễn đạt sinh động, hấp dẫn.
10	**Viết đoạn:** ***Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp; hành văn trong sáng, trôi chảy; đánh số cuối mỗi câu. ***Nội dung:** Gợi ý đoạn văn có các nội dung sau: - Khẳng định tuổi trẻ dù ở bất cứ thời nào cũng đều phải có trách nhiệm với non sông, đất nước. - Thời chiến: chăm chỉ luyện tập; sẵn sàng đánh giặc mà không cần đợi tuổi; sẵn sàng tham gia quân đội khi đủ tuổi… - Thời bình: nhận thức rõ trách nhiệm; chăm chỉ học tập và rèn luyện; tích cực tham gia các phong trào yêu nước, góp phần vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước…

ĐỀ SỐ 5

Đọc văn bản sau:

[...] Trong một buổi sáng đã có hai người nói với Trần Bình Trọng nhiều điều có ích. Họ chỉ là người lính, người dân bình thường, nhưng đều đã trải qua nhiều trận chiến đấu gay go. Họ đã làm cho Trần Bình Trọng vui lòng và tin rằng họ sẽ làm tròn những công việc ông giao cho. Kể từ khi đất nước có giặc xâm lược, Trần Bình Trọng đã mắt thấy tai nghe nhiều sự việc chứng tỏ tài năng và lòng yêu nước của những người không phải dòng dõi quý tộc. Ông đã được thấy những người lính bình thường lăm lăm ngọn giáo ngắn trong tay, xông thẳng tới trước những tên tướng Nguyên và dùng ngọn giáo ngắn ấy đánh ngã tướng giặc cưỡi trên lưng những con ngựa cao lớn. Ông đã từng giao nhiều việc quân cho những người lính của mình.

[...]

Ông già làng Xuân Đình chẳng những giảng giải cho Trần Bình Trọng nghe rất kỹ về thế đất vùng Thiên Mạc, mà ông ta còn nhận xét rất đúng phép dùng binh: với thế đất như thế, cách bày trận sẽ phải ra sao. Ông ta nói:

- Dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ. Mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông. Mặt sau lưng nó là bãi lầy Màn Trò ăn mãi vào sâu hàng trăm dặm. Chỗ chúng ta đứng đây là địa thế làng Xuân Đình. Xuân Đình ở đầu bãi lầy Màn Trò, nhưng cũng ở đầu dải cát sa bồi. Từ trước đến nay, ai cũng cho rằng trong bãi lầy không có người ở. Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông. Nếu như trận đánh xảy ra ở đây, giặc sẽ tránh giao chiến trên sông Thiên Mạc với ta. Chúng sẽ rút lên dải cát sa bồi này, lập thế trận dựa lưng vào bãi Màn Trò để quyết chiến với ta trên vùng đất khô ráo quen với vó ngựa của chúng.

Trần Bình Trọng suy nghĩ về lời nói của ông già:

- Có phải ông lão cho rằng tướng giặc sẽ lấy dải cát sa bồi này làm đất quyết chiến không?

- Chính vậy đấy! Nhưng ta có cách buộc chúng không thể quyết chiến ở đây mà phải chịu những đòn ta đánh ở chỗ khác và ở những hướng khác với ý muốn của chúng.

- Ông lão nói nốt đi!- Trần Bình Trọng giục, rõ ràng câu chuyện đã khiến ông thật sự quan tâm.

- Đây nhé! Tướng quân xem, chúng muốn đổ quân lên bộ cũng phải dùng những bến thuyền này. Bởi vì ở đây bờ sông thấp, lại có những vụng nhỏ tránh được sóng gió. Nhưng chúng không bao giờ nghĩ rằng chúng có thể bị đánh từ cửa Hàm Tử trở xuống, vì rằng bên kia cửa Hàm Tử là bến Chương Dương thẳng đường về Thăng Long, giặc sẽ dễ dàng ra cứu.

Trần Bình Trọng khen thầm. Ông khẽ gật đầu và giơ tay chỉ về phía Màn Trò hỏi tiếp:

- Ông lão định phục binh trong đó để đánh vỗ vào lưng quân giặc phải không?

- Ấy là nếu lão cầm quân, chứ lão đã trên bảy mươi tuổi đầu rồi và cũng chẳng ai bái lão làm tướng. Nhưng nếu lão cầm quân, lão sẽ bày trận như vậy đó!

Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên. Ông nói to với ông già Xuân Đình:

- Ông lão nói rất đúng. Ta cũng sẽ phục quân trong Màn Trò. Như thế, nếu giặc phải giao chiến trên sông Thiên Mạc hay trên bãi sa bồi này chúng đều phải đánh trên thế đất chết của chúng. Binh pháp cũng nói như vậy đấy!

(Trích ***Bên bờ Thiên Mạc*** – *Chương 3*, Hà Ân, NXB Kim Đồng)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Bối cảnh lịch sử của đoạn trích trên là:

A. Cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông xâm lược của quân dân nhà Trần

B. Thời vua Lê, chúa Trịnh, xã hội phong kiến suy tàn

C. Cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc

D. Trong thời kì hòa bình hiện nay.

Câu 2. Nhân vật ông già làng Xuân Đình được nói đến trong đoạn trích là ai?

A. Một vị tướng đã giúp nhà Trần đánh giặc

B. Một người dân thường, có kinh nghiệm đánh giặc

C. Một vị thần sông

D. Một người có danh tiếng trong dòng dõi họ Trần

Câu 3. Trong văn bản trên, người kể chuyện là ai?

A. Người kể xưng "tôi" và là nhân vật trong truyện

B. Người kể xưng "chúng tôi" và là nhân vật trong truyện

C. Người kể không tham gia vào câu chuyện

D. Người kể mang tên một nhân vật trong câu chuyện

Câu 4. Văn bản trên, nhân vật chủ yếu khắc họa ở phương diện nào?

A. Hình dáng

B. Tâm trạng

C. Hành động

D. Ngôn ngữ

Câu 5. Tác dụng của phép so sánh trong câu: *"Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông"* là:

A. Khẳng định lợi thế của quân ta là đánh trên sông, để tìm ra kế sách đánh bại giặc

B. Ca ngợi sức mạnh và ý chí quyết tâm của quân ta

C. Khẳng định sức mạnh ghê gớm của quân giặc

D. Thể hiện khao khát đánh thắng giặc

Câu 6. Vì sao Trần Bình Trọng quyết định cho quân mai phục ở bãi Màn Trò?

A. Vì dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ

B. Vì mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông.

C. Vì nơi đây gần làng Xuân Đình

D. Vì đây là đất chết của quân giặc.

Câu 7. Đâu là nhận xét <u>không</u> đúng về nhân vật ông già Xuân Đình trong đoạn trích?

A. Có trí tuệ, giàu kinh nghiệm đánh giặc

B. Hiểu biết về địa lí của vùng đất Thiên Mạc

C. Có lòng yêu nước, muốn đóng góp sức lực vào cuộc kháng chiến của dân tộc

D. Muốn cho Trần Bình Trọng biết mình là người hiểu biết về lũ giặc như thế nào.

Câu 8. Tác giả bộc lộ thái độ, tình cảm như thế nào đối với câu chuyện và nhân vật được kể?

A. Lo lắng, sợ hãi

B. Bình tĩnh, vui vẻ

C. Khâm phục, tự hào, biết ơn

D. Say sưa, ngất ngây

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Chi tiết "*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên. Ông nói to với ông già Xuân Đình:*

- Ông lão nói rất đúng. Ta cũng sẽ phục quân trong Màn Trò. Như thế, nếu giặc phải giao chiến trên sông Thiên Mạc hay trên bãi sa bồi này chúng đều phải đánh trên thế đất chết của chúng. Binh pháp cũng nói như vậy đấy!"

giúp em hiểu gì về tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật Trần Bình Trọng?

Câu 10. Từ văn bản trên, bằng đoạn văn ngắn (5 đến 7 câu) em hãy nêu suy nghĩ của mình về trách nhiệm của tuổi trẻ với đất nước hôm nay.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu	Đáp án
1	A. Cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông xâm lược của quân dân nhà Trần
2	B. Một người dân thường, có kinh nghiệm đánh giặc
3	C. Người kể không tham gia vào câu chuyện
4	D. Ngôn ngữ
5	A. Khẳng định lợi thế của quân ta là đánh trên sông, để tìm ra kế sách đánh bại giặc
6	D. Vì đây là đất chết của quân giặc.
7	D. Muốn cho Trần Bình Trọng biết mình là người hiểu biết về lũ giặc như thế nào.
8	C. Khâm phục, tự hào, biết ơn
9	Chi tiết "*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên.*" giúp em hiểu về tâm

	trạng, và quyết định của nhân vật Trần Bình Trọng sau cuộc trò chuyện với ông lão Xuân Đỉnh là: - Tâm trạng vui mừng phấn khởi của Trần Bình Trọng khi ông nhận ra những kinh nghiệm đánh giặc quý báu từ ông lão Xuân Đỉnh (một người dân thường). Muốn thắng giặc cần đánh vào điểm yếu của chúng, phải dựa vào sự thuận lợi của địa lí. - Trần Bình Trọng đưa ra quyết định dứt khoát về việc chọn bãi Màn Trò để đánh giặc. Đánh vào điểm yếu của lũ giặc là binh pháp hay. - Trần Bình Trọng là vị tướng tài ba, có niềm tin vào nhân dân, có lòng yêu nước, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng giặc Nguyên
10	HS bày tỏ suy nghĩ theo yêu cầu bằng đoạn văn khoảng 5 đến 7 câu văn: *** HS nêu suy nghĩ cá nhân về trách nhiệm của tuổi trẻ với đất nước ở các lĩnh vực xây dựng, bảo vệ tổ quốc có đưa những dẫn chứng cụ thể.** *Sau đây là một số gợi ý:* – Tuổi trẻ hôm nay được sinh ra và trưởng thành trong bối cảnh đất nước hòa bình, được sống và hưởng thụ những thành quả mà biết bao thế hệ cha ông đã đổi lấy bằng cả xương máu và trí tuệ. – Thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc (thực hiện nghiêm túc luật nghĩa vụ quân sự, sẵn sàng lên đường khi tổ quốc gọi, tỉnh táo trước các luận điệu xuyên tạc, những âm mưu và hành động thù địch chống phá Đảng và nhà nước của kẻ thù...) - Cống hiến hết mình cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước (không ngừng học tập, trau dồi tri thức, rèn luyện các thói quen tốt, kĩ năng sống cơ bản, dám nghĩ dám làm những việc có ý nghĩa cho đất nước... dù là người trí thức, nông dân hay người lính...)

ĐỀ SỐ 6

Đọc văn bản sau:

(1) *Bầu trời Hà Nội đục nhờ nhờ.*

(2) Giá buốt. Tuy sáng đã lâu rồi, nhưng phố xá vẫn như mới thức. Trần Văn và Loan đứng ở vườn hoa Cửa Nam, nhìn những con đường Hàng Đẫy, Hàng Bông, Tràng Thi, Cột Cờ đổ lại. Văn nao nao nhớ cái buổi chiều mùa thu năm ngoái, khi anh cùng hàng vạn con người dự cuộc mít-tinh ở vườn hoa Ba Đình về qua đây. Tai anh còn văng vẳng những lời

trong bản Tuyên ngôn Độc lập, do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc trước một bể người cuồn cuộn, một rừng cờ rực đỏ. Ngai vàng của cái nhà Nguyễn ở Huế mà anh rất ghét đổ nhào. Xiềng xích của thực dân Pháp tan vỡ. Một chế độ mới mở ra. Trước đây, anh cứ nghĩ không biết đến bao giờ dân tộc Việt Nam mới ra khỏi vòng trói buộc. Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học nối tiếp nhau thất bại. Anh có ngờ đâu Cách mạng Tháng Tám nổ ra, nước Việt Nam nhỏ bé của anh ngang nhiên thành lập chế độ cộng hoà dân chủ đầu tiên ở châu Á, và chính anh lại được sống những ngày lớn lao ấy. Anh bàng hoàng như mê như say, mặt bừng bừng nóng. Anh nhảy nhót trên đường đầy ánh sáng của một mùa thu tuyệt đẹp. Anh ngẩng đầu ngắm lá cờ đỏ sao vàng trên đỉnh cột cờ, nhìn vòm trời xanh lồng lộng. Cây cối hai bên đường reo vui. Chung quanh toàn là đồng bào của anh. Không còn bóng một thằng Pháp ngạo nghễ, hống hách. Anh yêu tất cả mọi người, và anh nói rất nhiều. Anh đi suốt từ Ba Đình về Nhà Hát Lớn, rồi lại từ Nhà Hát Lớn trở về Ba Đình. Anh ngẩng đầu đến mỏi cổ, chân anh bước đến long gối. Nhưng anh cứ đi và mãi không muốn trở về. Tất cả người Hà Nội đều đổ ra đường. Người không quen nhau cũng gật đầu chào hỏi. Tiệc mở linh đình ở hầu hết các nhà mà cánh cửa mở toang. Người ta như bừng tỉnh một giấc ngủ triền miên. Vui đẹp lạ lùng, là những con đường sạch bóng quân thống trị dưới bầu trời Tổ quốc trong lành.

(3) Những ngày vui sao ngắn ngủi. Anh lại đang sống những ngày ngột ngạt, nặng nề. Con đường không còn thênh thang như cái ngày ấy nữa. Anh nhìn lên phía Cột Cờ, nơi quân Pháp đóng. Không thấy động tĩnh gì, nhưng nơi ấy trông rờn rợn, chứa đầy những bất trắc, gợi lên trong lòng người sự bực bội tự nhiên trước cái vô lí của một ranh giới giả tạo. Các phố khác thì lác đác vẫn có người, nhưng họ đi lẻ tẻ, âm thầm và như bị đè nặng xuống. Cái thành phố già nua của anh, trải qua nhiều tàn phá của gió bão, nhiều đổi thay của xã hội, đã hơn một lần có những buổi sáng như hôm nay, lúc mà những sinh hoạt đầy màu sắc của hè đường đột nhiên im ắng, thì cũng là lúc người dân mới chú ý tới và yêu thương thêm những mái nhà nho nhỏ, ép vào nhau, im lìm trên nền trời, kề bên những hàng cây um tùm, ủ rũ, thì thầm trong những suy nghĩ và đàm luận muôn đời, để chịu đựng, chống chọi và cố vươn lên. Trần Văn nghĩ như vậy, và trong cái buổi sáng khô lạnh này, anh thấy các phố xá cũ kĩ, chen chúc, chẳng có gì đồ sộ, phủ một màu xám nham nhở, lại có cái đẹp riêng, sắt lại trong một vẻ buồn nghiêm nghị. Anh nắm tay Loan, nói:

- Hà Nội đẹp nhất những lúc đau khổ này, Loan có thấy không?

Loan vâng khe khẽ một cách lễ phép. Loan còn dè dặt, do cái thói quen của một người tỉnh nhỏ, và cũng do cái lòng tôn kính tự nhiên đối với thầy. Nhưng Loan vui lắm. Trần Văn sẽ

giới thiệu anh vào tự vệ. Anh sẽ đến một nơi trung tâm của Hà Nội. Có những quãng đường qua lại ta thường chẳng để ý, nhưng khi ta đi để tới một nơi ta vừa mong muốn vừa ngại ngùng, ở đấy cuộc đời ta sẽ có nhiều cái khác trước, thì ta có cảm tưởng như con đường ấy mới mẻ, dài ra, có nhiều thứ như ta chưa trông thấy bao giờ.

(Trích ***Sống mãi với thủ đô***, Nguyễn Huy Tưởng)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Bối cảnh của câu chuyện là gì?

A. Hà Nội thời kì đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (cuối năm 1946)

A. Hà Nội trong ngày 2- 9- 1945

C. Hà Nội trong cuộc kháng chiến chống Mĩ

D. Hà Nội thời kì trước cách mạng tháng Tám.

Câu 2: Đoạn văn (2) người kể chuyện tái hiện lại tâm trạng, cảm xúc của nhân vật Trần Văn vào thời điểm nào của lịch sử?

A. Khi cuộc cách mạng tháng Tám bắt đầu diễn ra

B. Khi cuộc cách mạng tháng Tám thành công rực rỡ

C. Khi Trần Văn tham gia đội tự vệ

D. Không phải các thời điểm trên

Câu 3: Đâu <u>không</u> phải là lí do khiến Trần Văn cảm thấy "*...bàng hoàng như mê như say, mặt bừng bừng nóng. Anh nhảy nhót trên đường đầy ánh sáng của một mùa thu tuyệt đẹp."*?

A. Vì không còn bóng một thằng Pháp ngạo nghễ, hống hách trong thành phố Hà Nội

B. Vì anh được cùng mọi người dự cuộc mít-tinh ở vườn hoa Ba Đình

C. Vì Ngai vàng của cái nhà Nguyễn ở Huế mà anh rất ghét đổ nhào

D. Cái thành phố già nua của anh, trải qua nhiều tàn phá của gió bão

Câu 4. Tại sao nhân vật Trần Văn lại có suy nghĩ "không biết đến bao giờ dân tộc Việt Nam mới ra khỏi vòng trói buộc"?

A. Vì kẻ thù quá mạnh mà đất nước ta quá bé nhỏ.

B. Vì kẻ thù đã dìm nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân ta vào bể máu (Vì Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học nối tiếp nhau thất bại trong cuộc chiến với kẻ thù bấy lâu.)

C. Vì đất nước chưa hội tụ đủ nhân tài

D. Vì ta chưa có sự trợ giúp của bạn bè quốc tế.

Câu 5: Từ nào <u>không</u> dùng để diễn tả cảm xúc của nhân vật Trần Văn ở đoạn văn (3)?

A. ngột ngạt

B. bàng hoàng

C. nặng nề

D. bực bội

Câu 6: Ở đoạn văn (3), tại sao Trần Văn lại thấy những đổi thay của thành phố Hà Nội như sau: "*các phố xá cũ kĩ, chen chúc, chẳng có gì đồ sộ, phủ một màu xám nham nhở, lại có cái đẹp riêng, sắt lại trong một vẻ buồn nghiêm nghị.*"?

A. Vì thành phố đang chịu sự xâm lược của thực dân Pháp, nhân dân Hà Nội phải sống trong cảnh chiến tranh đau thương.

B. Vì anh không còn yêu Hà Nội như trước

C. Vì cách mạng tháng Tám đi qua

D. Vì anh đang cảm thấy Hà Nội không đẹp như trước nữa

Câu 7. Câu *"Cây cối hai bên đường reo vui."* sử dụng phép tu từ gì?

A. Nhân hóa

B. So sánh

C. Ẩn dụ

D. Nói quá

Câu 8. Đoạn trích chủ yếu khắc họa nhân vật ở phương diện nào?

A. Hình dáng

B. Hành động

C. Tâm trạng, cảm xúc

D. Ngôn ngữ

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Em có đồng ý với câu nói của Trần Văn với Loan: "*Hà Nội đẹp nhất những lúc đau khổ này" không*? Vì sao?

Câu 10. Em hãy rút ra bài học có ý nghĩa nhất với bản thân và lí giải vì sao?

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu	Đáp án
1	A. Hà Nội thời kì đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (cuối năm 1946)
2	B. Khi cuộc cách mạng tháng Tám thành công rực rỡ
3	D. Cái thành phố già nua của anh, trải qua nhiều tàn phá của gió bão
4	B. Vì kẻ thù đã dìm nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân ta vào bể máu (Vì Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học nối tiếp nhau thất bại trong cuộc chiến với kẻ thù bấy lâu.)
5	B. bàng hoàng
6	A. Vì thành phố đang chịu sự xâm lược của thực dân Pháp, nhân dân Hà Nội phải sống trong cảnh chiến tranh đau thương.
7	A. Nhân hóa
8	C. Tâm trạng, cảm xúc
9	HS có thể chọn một trong hai cách sau: ***Đồng ý với câu nói của Trần Văn với Loan vì:** - Hà Nội đẹp trong cuộc kháng chiến chống lại thực dân Pháp, đó là thành phố những con người kiên cường, dũng cảm, kiên quyết đứng lên để bảo vệ thành phố của mình tới cùng. - Đó là vẻ đẹp của một thành phố có lịch sử hào hùng, oanh liệt, đáng tự hào. - Việc Loan và Trần Văn tham gia đội tự vệ khẳng định lí tưởng, mục đích sống cao đẹp của người trí thức quyết tâm cùng nhân dân đứng lên bảo vệ thủ đô. ***Không đồng ý với câu nói của Trần Văn với Loan vì:** - Câu nói này chỉ đúng trong hoàn cảnh lúc đó khi nhân dân Hà Nội tham gia kháng chiến chống giặc để bảo vệ thành phố. - Còn hiện nay, hòa bình luôn mang lại sự bình yên, là ước mơ của loài người, là cơ hội để thành phố phát triển, … - Lúc chiến tranh đi qua, mọi người dân được đi lại, họ vui vẻ, hạnh phúc trong thành phố thân yêu.
10	*** Bài học có ý nghĩa nhất với bản thân:** HS chỉ cần đưa ra một bài trong những bài học phù hợp là được. Dưới đây là một vài gợi ý: - Chúng ta hãy yêu quý, trân trọng giá trị của cuộc sống hòa bình mà chúng ta

	đang có. - Chúng ta cần biết ơn những thế hệ đi trước đã cống hiến, hi sinh để chúng ta có cuộc sống tốt đẹp. … *** Lí giải phù hợp** (2-3 lí do)

Tiết 122,123,124

LUYỆN TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
CÂU PHỦ ĐỊNH VÀ CÂU KHẲNG ĐỊNH

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực: Giúp HS:

- Củng cố kiến thức về câu khẳng định, câu phủ định để hiểu rõ đặc điểm, chức năng của chúng.
- Hiểu và phân biệt được các đặc điểm riêng của câu phủ định, câu khẳng định.
- Chỉ ra được câu phủ định và câu khẳng định trong các VB đọc.
- Biết cách dùng câu phủ định, câu khẳng định khi tạo lập VB.

- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng và yêu quý tiếng Việt.

- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, hệ thống các bài tập.

C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

I. NHẮC LẠI LÍ THUYẾT

a. **Mục tiêu**:

- HS ôn tập các kiến thức đã học về câu khẳng định, câu phủ định để hiểu rõ đặc điểm, chức năng của chúng.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào vở bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Ôn tập lí thuyết về câu khẳng định, câu phủ định.	
Hướng dẫn học sinh ôn tập kiến thức - câu khẳng định, câu phủ định; **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm So sánh đặc điểm hình thức và chức năng của câu khẳng định và câu phủ định - *Lấy ví dụ minh họa cụ thể.* - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Hs thảo luận - Gv quan sát, hỗ trợ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**1. Câu khẳng định:** **- Về chức năng:** Câu khẳng định dùng để thông báo, xác nhận sự tồn tại của một sự vật, sự việc nhất định. **- Về hình thức:** câu khẳng định thường không chứa các từ ngữ mang ý nghĩa phủ định. **- Lưu ý:** Câu có hai từ phủ định đi liền nhau theo mô hình sau không phải là câu phủ định mà là câu khẳng định: Ví dụ: *Tôi không phải không biết.* **2. Câu phủ định** **- Về chức năng:** là câu dùng để thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc hoặc bác bỏ một ý kiến, một nhận định nào đó. **- Về hình thức:** câu phủ định thường có các từ ngữ phủ định như: *không, chưa, chẳng, chả, không phải, chẳng phải, đâu (có), có...đâu, làm gì, làm sao, ...* Ví dụ: - *Nhưng không phải vậy đâu Sam à.* *(*Đa-ni-en Gốt-li-ép, *Bản đồ dẫn đường)*

	Câu phủ định, có xuất hiện từ ngữ phủ định *(không phải)* - bác bỏ một ý kiến - *Mảnh đất này đâu phải là những người anh em của họ, mảnh đất này là kẻ thù của họ và khi đã chinh phục được, thì họ sẽ lấn tới.* *(*Xi-át-tơn, *Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-tơn)* Câu phủ định xác nhận không có quan hệ anh em giữa "*mảnh đất này*" và người da trắng; có dùng từ ngữ phủ định (*đâu phải*)

II. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

II. Luyện tập

Hướng dẫn học sinh làm các bài tập về

***Cách thức chung:**

- GV yêu cầu HS làm bài tập theo cá nhân hoặc cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập, xác định các yêu cầu của bài.

- HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.

- HS trình bày, nhận xét.

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Hs thảo luận

- Gv quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

1. Bài tập 1: Trong các câu sau, theo em, câu nào là câu khẳng định, câu nào là câu phủ định? Vì sao em xác định như vậy?

a. *Ngập lụt đã tạo nên ít nhất là ba kết nối quan trọng cho hệ sinh thái Đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm dòng nước, phù sa và dòng sinh vật.*

(Lê Anh Tuấn, *Miền châu thổ sông cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ)*

b. *Thật ra, điều này không mới, ít nhất vài trăm năm trước, các cư dân đầu tiên đến vùng hoang địa châu thổ, họ đã quen với cách sống với mùa nước nổi hàng năm.*

(Lê Anh Tuấn, *Miền châu thổ sông cửu Long cần chuyển dổi từ sống chung sang chào đón lũ)*

c. *Còn chúng tôi, chúng tôi chẳng thể quên được mảnh đất tươi đẹp này.*

(Xi-át-tơn, *Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da dỏ Xi-át-tơn)*

d. *Tôi biết người da trắng không hiểu cách sống của chúng tôi.*

(Xi-át-ton, *Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-tơn)*

e. *Ở thành phố của người da trắng, chẳng có nơi nào yên tĩnh cả, chẳng có nơi nào là nghe được tiếng lá cây lay động vào mùa xuân hay tiếng vỗ cánh của côn trùng.*

(Xi-át-tơn, *Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-tơn)*

Gợi ý trả lời: Bài tập 1:

	Thuộc kiểu câu	**Lí do xác định**	
		Dấu hiệu nội dung	Dấu hiệu hình thức
Câu a	câu khẳng định	xác nhận sự thật về ích lợi của hiện tượng ngập lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long	trong câu không có từ ngữ đặc trưng mang ý nghĩa phủ định.
Câu b	câu phủ định	Câu này thể hiện ý bác bỏ một nhận thức cho rằng "cách sống với mùa nước nổi hàng năm" mới hình thành trong thời gian gần đầy;	trong cssu có từ *không (ở cụm* từ *điều này không mới).*
Câu c	câu phủ định	Câu xác nhận không có tình trạng người nói quên đi mảnh đất tươi đẹp của mình, hơn nữa,	Trong câu còn có sự xuất hiện của cụm từ mang ý nghĩa phủ định là *chẳng thể.*
Câu d	câu khẳng định	Trọng tâm thông báo là "tôi" (thủ lĩnh Xi-át-tơn) biết hay không biết *về* vấn đề chứ không phải là người da trắng hiểu hay không hiểu về cách sống của người da đỏ. Theo	

		đó, một khi câu đã xác nhận sự "biết" của "tôi" thì câu đó phải được xếp vào loại câu khẳng định.	
Câu e	câu phủ định	nội dung của nó ngầm phản bác nhận thức rằng cuộc sống của người da trắng vẫn bình thường, trong khi, theo cách nhìn của người da đỏ, đó là cuộc sống không bình thường (mọi âm thanh đáng yêu của sự sống đều bị cảm nhận là "*tiếng ồn ào lăng mạ*").	câu có từ *chẳng* (xuất hiện 2 lần)

2. Bài tập 2: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Thầy sờ vòi bảo:

- Tưởng con voi như thế nào, hoá ra nó sun sun như con đỉa.

Thầy sờ ngà bảo:

- Không phải, nó chần chẫn như cái đòn càn.

Thầy sờ tai bảo:

- Đâu có! Nó bè bè như cái quạt thóc.

(Trích *Thầy bói xem voi,* Truyện cười dân gian)

- Trong đoạn trích trên, những câu nào có từ ngữ phủ định?

- Mấy ông thầy bói xem voi dùng những câu có từ ngữ phủ định để làm gì?

Gợi ý trả lời:

- Những câu có từ ngữ phủ định là:

(1) *Không phải, nó chần chẫn như cái đòn càn.*

(2) *Đâu có!*

- Ông thầy bói thứ hai dùng câu phủ định (1) để phản bác ý kiến, nhận định của ông thầy bói sờ vòi. Trong khi đó, ông thầy bói thứ ba (ông thầy bói sờ tai) dùng câu phủ định (2) để hướng đến phủ định ý kiến, nhận định của cả hai ông thầy trước.

3. Bài tập 3: Đọc các đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

a) *Câu chuyện có lẽ chỉ là một câu chuyện hoang đường, song không phải là không có ý nghĩa*.

(Hoài Thanh, *Ý nghĩa văn chương*)

b) *Tháng tám, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng, không ai không từng ăn trong Tết Trung thu, ăn nó như ăn cả mùa thu vào lòng vào dạ.*

(Băng Sơn, *Quả thơm*)

c) *Từng qua thời thơ ấu ở Hà Nội, ai chẳng có một lần nghển cổ nhìn lên tán lá cao vút mà ngắm nghía một cách ước ao chùm sấu non xanh hay thích thú chia nhau nhấm nháp món sấu dầm bán trước cổng trường.*

(Tạ Việt Anh, *Cây sấu Hà Nội*)

- Những câu trên là câu phủ định hay câu khẳng định? Vì sao?

- Đặt những câu không có từ ngữ phủ định mà có ý nghĩa tương đương với những câu trên.

Gợi ý trả lời:

- Cả ba câu trên đều là những câu khẳng định vì câu có hai từ phủ định đi liền nhau theo mô hình phủ định của phủ định, mục đích để khẳng định.
- Những câu không có từ ngữ phủ định mà tương đương với những câu trên là:

a) *Câu chuyện có lẽ chỉ là một câu chuyện hoang đường, song lại có ý nghĩa.*

b) *Tháng tám, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng, mọi người đều từng ăn…*

c) *Từng qua thời thơ ấu ở Hà Nội, ai cũng có một lần nghển cổ…*

4. Bài tập 4: Viết đoạn đối thoại ngắn, trong đó có dùng câu phủ định.
Tham khảo đoạn đối thoại sau:

- *Tối hôm qua ti vi không chiếu bộ phim "Đô-rê-mon" .*

- *Nhưng cậu đã xem ở những kênh nào?*

- *Tớ đã kiểm tra tất cả các kênh nhưng chẳng kênh nào có cả.*

Câu 1, câu 3 là câu phủ định.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;
- Làm bài tập sau ở nhà:

Tiết 125,126,127,128,129

LUYỆN TẬP VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ

1. Năng lực: Giúp HS:

- Giúp HS củng cố kiến thức về dạng bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

- Rèn khả năng tạo lập văn bản viết bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

- Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng và thích tìm hiểu các vấn đề có ý nghĩa trong xã hội

- Có ý thức ôn tập củng cố bài học.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

2. Học liệu: Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, hệ thống các bài tập.

C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: Gv sử dụng phương pháp gợi mở đàm thoại để học sinh chia sẻ trải nghiệm của bản thân

c. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Chia sẻ một vấn đề về tư tưởng đạo lý có ý	- HS chia sẻ một vấn đề về tư tưởng đạo lý có ý nghĩa mà HS đang quan tâm.

nghĩa mà em quan tâm nhất - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ, gợi mở **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Hs chia sẻ bài viết của mình cho các bạn, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét - Gv quan sát, lắng nghe, gợi mở **Bước 4: Kết luận, nhận đinh** GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	

HOẠT ĐỘNG 2 : ÔN TẬP KIẾN THỨC DẠNG BÀI

a. Mục tiêu: Nhận biết được tìm hiểu chung về cách làm bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

b. Nội dung: Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức về tóm tắt VB như:

- **Các bước thực hiện bài viết**: Trước khi viết, cần tìm hiểu đề, tìm ý và lập dàn ý.

*HS suy nghĩ, trả lời.

*GV nhận xét, chốt kiến thức.

I. LÝ THUYẾT

1. Cách nêu đề bài

- Nêu trực tiếp vấn đề tư tưởng, đạo lí:

Ví dụ:

+ Thế nào là một người bạn chân chính?

+ Bàn về lòng vị tha trong tình yêu.

- Nêu gián tiếp vấn đề tư tưởng, đạo lí qua câu châm ngôn, danh ngôn, tục ngữ, ca dao:

Ví dụ:

+ Suy nghĩ về câu nói của Đặng Thuỳ Trâm: "*Đời phải trải qua giông tố, nhưng không được cúi đầu trước giông tố*".

+ Liệu có phải: "*Gần mực thì đen/ Gần đèn thì sáng*"?

2. Yêu cầu của kiểu bài

Để viết bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí, cần chú ý:

- Xem xét và nhận biết tư tưởng, đạo lí nêu trong đề như thế nào (trực tiếp hay gián tiếp).

- Tìm hiểu nội dung cụ thể của tư tưởng, đạo lí ấy là gì, những gì chưa rõ cần giải thích và làm sáng tỏ bằng cách nào.

- Xác định tính thời sự và ý nghĩa của vấn đề tư tưởng, đạo lí mà đề văn nêu lên đối với xã hội nói chung, thế hệ trẻ nói riêng.

- Tìm ý và lập dàn ý cho bài viết:

+ Xác định luận đề, các luận điểm, lựa chọn dẫn chứng.

+ Bố cục bài viết theo 3 phần.

+ Các luận điểm, lí lẽ được triển khai phải gắn bó mật thiết và xuất phát từ luận đề đã nêu.

+ Các dẫn chứng có thể lấy từ đời sống, trong lịch sử và trong tác phẩm văn học.

- Thể hiện rõ thái độ, tình cảm khi bàn luận về vấn đề đã nêu. Vận dụng được những kiến thức và trải nghiệm của cá nhân người viết.

3. Thao tác lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận.

4. Phạm vi dẫn chứng:

- Dẫn chứng thực tế (con người, sự việc)

- Dẫn chứng lấy trong văn học có liên quan.

4. Dàn ý chung

- **Mở bài:** Nêu vấn đề bằng một trong các cách: phản đề, so sánh, đặt câu hỏi,…

- **Thân bài:** Giải quyết vấn đề:

+ Giải thích ngắn gọn câu cách ngôn bằng cách đặt câu hỏi: Là gì? Tại sao?

+ Phân tích: Biểu hiện như thế nào?

+ Chứng minh: Bằng chứng cụ thể là gì?

+ Bình luận: Có giá trị và tác động gì?

- **Kết bài:** Tổng hợp vấn đề bằng một trong các cách: tóm lược, phát triển, vận dụng, liên tưởng.

***Một số lưu ý khi viết bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng đạo lí:**

- Lí lẽ phải đi kèm với dẫn chứng để tăng sức thuyết phục.

- Lấy dẫn chứng:

+ Dẫn chứng phải tiêu biểu (nhiều người biết): trong nước, trên thế giới,…như Nick Vujicic, Bác Hồ, Nguyễn Ngọc Kí, Edison,…

+ Có thể đưa các số liệu khách quan hoặc dẫn ra các câu nói nổi tiếng, các câu chầm ngôn trong bài viết để tăng tính thuyết phục.

+ Khi lấy dẫn chứng phải phân tích dẫn chứng để chứng minh cho chủ đề.

- Xưng hô: Trong bài viết tránh xưng *tôi* và đưa cái tôi vào trong bài, nên sử dụng đại từ mang ý nghĩa khái quát là *ta, chúng ta.*

- Viết câu linh hoạt:

+ Nên dùng nhiều kiểu câu trong khi viết; đan xen câu ngắn và câu dài (Câu hỏi tu từ; câu cảm thán; loại câu có 2 mệnh đề hô ứng như Chẳng những.. mà còn…, Càng….càng…, Tuy…nhưng…;)

+ Viết câu văn giàu hình ảnh: Chủ yếu là sử dụng biện pháp so sánh.

GV "nâng vốn" cho HS bằng cách cho HS lập bảng theo mẫu sau:

STT	Chủ đề (Vấn đề tư tưởng đạo lí)	Giải thích	Dẫn chứng (người, sự việc)	Các câu châm ngôn hay cùng

				chủ đề
1	Ý chí/ nghị lực			
2	Ước mơ			
3	Lạc quan			
4	…			

II. THỰC HÀNH

➔GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho mỗi đề:

(GV có thể giao lập dàn ý theo nhóm, mỗi nhóm làm 01 đề và cử đại diện trình bày)

Đề số 01: **Suy nghĩ về câu nói của nữ bác sĩ, liệt sĩ Đặng Thuỳ Trâm: *"Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố"***

1. Chuẩn bị: Đọc kĩ và tìm hiểu đề bài để định hướng cho bài viết:

- Trọng tâm cần làm rõ: ý chí, bản lĩnh sống của con người trước khó khăn thử thách

- Kiểu văn bản chính: nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

- Phạm vi bằng chứng cần huy động: bằng chứng thực tế; kiến thức lịch sử, địa lí và thơ văn liên quan

- Xem lại định hướng viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

- Tìm hiểu nội dung, ý nghĩa câu nói của bác sĩ, liệt sĩ Đặng Thuỳ Trâm

2. Tìm ý

Câu nói của bác sĩ, liệt sĩ Đặng Thuỳ Trâm *"Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu*	**1. Giải thích câu nói** - "Giông tố" là hình ảnh ẩn dụ cho những khó khăn, thử thách dữ dội có thể xảy ra trong cuộc sống của con người - "Cúi đầu" là hành động chấp nhận thất bại. - "Không cúi đầu trước giông tố" là không dậm chân tại chỗ trước bão táp phong ba, phải có niềm tin, lạc quan trong cuộc sống, đừng

trước giông tố" có ý nghĩa gì?	thấy khó khăn mà nản chí, phải cố gắng vươn lên dù cho đầy rẫy những hiểm nguy phía trước. => Câu nói của Đặng Thùy Trâm muốn nhắc nhở mình và mọi người phải sống có ý chí, bản lĩnh, nghị lực, không chùn bước trước khó khăn thử thách. ***Các biểu hiện của người sống có ý chí, bản lĩnh, nghị lực, không chùn bước trước khó khăn thử thách:** + Kiên cường, mạnh mẽ, dũng cảm + Dám đương đầu với khó khăn thử thách + Chấp nhận thử thách, lạc quan, tin tưởng vào điều tốt đẹp phía trước + Kiên trì, bền bỉ, dám nghĩ, dám làm …
Câu nói thể hiện tư tưởng, đạo lí sống nào? Tại sao có thể nói như vậy?	**2. Bàn luận: Khẳng định: câu nói của bác sĩ, liệt sĩ Đặng Thùy Trâm là câu nói đầy ý nghĩa, khẳng định ý chí kiên cường, bản lĩnh thép, dám chấp nhận và đương dầu với gian lao thử thách là điều vô cùng cần thiết.** Mỗi con người cần mạnh mẽ vượt lên những nghịch cảnh, khó khăn trong cuộc sống, không được *cúi đầu* trước *giông tố* Tại sao vậy? - Với cá nhân + Hành trình cuộc sống, con người phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách, vấp vã, mất mát, đau khổ. + Để vượt qua được những thách thức ấy không phải điều dễ dàng, chúng ta phải học cách chấp nhận nó, khi biết chấp nhận và nỗ lực, quyết tâm vượt qua, chúng ta sẽ chinh phục nó bằng chính nghị lực và bản lĩnh của mình. + Những khó khăn, thử thách sẽ là môi trường để tôi luyện bản lĩnh, giúp mỗi người mạnh mẽ, trưởng thành hơn. Những gian nan ngày hôm nay sẽ làm cho thành quả ngày mai của chúng ta thêm ý nghĩa,

	giá trị hơn. + Nếu chúng ta không mạnh mẽ đối mặt và vượt qua giông tố, nản chí khi gặp khó khăn, ta sẽ rơi vào bế tắc và tuyệt vọng, bị khó khăn nhấn chìm, không bao giờ có thể chạm tay tới cánh cửa của thành công. + Người sống có bản lĩnh, có ý chí sẽ đạt được được ước mơ, gặt hái được thành công, được mọi người khâm phục, tin yêu + Đem lại cho con người cảm giác hạnh phúc, bình yên sau những giông tố. - Với tập thể, cộng đồng + Giúp gắn kết mọi người, tạo nên sức mạnh lớn lao, đạp bằng mọi khó khăn thử thách, làm nên những kì tích, những giá trị lớn lao cho cộng đồng, đất nước. + Giúp đất nước phát triển, văn minh, tiến bộ + Tạo động lực cho mọi người cùng phấn đấu, cống hiến cho cộng đồng, dân tộc, ...
Tư tưởng, đạo lí sống đó đã thể hiện như thế nào (trong cuộc sống, văn học, nghệ thuật, lịch sử...)?	**3. Chứng minh:** - Trong lịch sử: Dân tộc ta là dân tộc từng trải qua biết bao nhiêu cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Dân tộc đã ngoan cường vượt qua bao giông tố của lịch sử -Trong thực tế: + Tấm gương về ý chí, nghị lực phi thường của Hồ Chí Minh trong hành trình đi tìm đường cứu nước đầy gian nan ...
Giá trị của tư tưởng, đạo lí sống vừa nêu là gì? Cần phê phán những	- **4. Bình luận- Mở rộng:** + Xã hội, cuộc sống ngày càng hiện đại nên con người cũng phải tiến lên, làm quen với cuộc sống mới để hòa nhập với cộng đồng. Nếu vì sợ mà không dám thử thách, nhìn thấy người khác thất bại mà e dè, chắc chắn là bạn sẽ tụt lại phía sau, bị những nỗi sợ hãi chặn đường

biểu hiện ngược lại với tư tưởng, đạo lí sống trên như thế nào?	không cho cất bước. + Trong cuộc sống, nhiều người không có ý chí, hễ gặp thất bại hay khó khăn là nản lòng, oán trách số phận.
Qua câu nói, em rút ra cho mình bài học, nhận thức và hành động gì?	**5. Bài học:** * Nhận thức: Gian nan là thử thách của cuộc đời, con người được tôi luyện trong thử thách sẽ trưởng thành. * Hành động: dám nghĩ – dám làm, phải năng động, phải rèn luyện tu dưỡng những phẩm chất cần có ở những con người của thời đại mới có khả năng vượt qua mọi thử thách để thành công.

3. Dàn ý

a. Mở bài:

- Dẫn dắt và nêu vấn đề cần bàn luận: Trong cuộc sống, con người cần nhiều hơn một bài học để có thể trưởng thành. Một trong số những bài học đó là mỗi con người cần phải mạnh mẽ, bản lĩnh, ý chí để vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

- Trích dẫn câu nói của Đặng Thuỳ Trâm. Vì vậy, Đặng Thùy Trâm, một bác sĩ, liệt sĩ từng hi sinh anh dũng trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, tác giả của cuốn *"Nhật kí Đặng Thùy Trâm*" nổi tiếng, từng khẳng định: *"Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố"*

b. Thân bài:

*** Giải thích:** Trước hết, chúng ta cần hiểu câu nói của Đặng Thùy Trâm như thế nào?

- "*Giông tố*" là hình ảnh ẩn dụ cho những khó khăn, thử thách dữ dội có thể xảy ra trong cuộc sống của con người

- "*Cúi đầu*" là hành động chấp nhận thất bại.

- "*Không cúi đầu trước giông tố*" là không dậm chân tại chỗ trước bão táp phong ba, phải có niềm tin, lạc quan trong cuộc sống, đừng thấy khó khăn mà nản chí, phải cố gắng vươn lên dù cho đầy rẫy những hiểm nguy phía trước.

=> Câu nói của Đặng Thùy Trâm đã khẳng định: cuộc đời dẫu nhiều khó khăn, nghịch cảnh có thể khiến chúng ta chùn bước nhưng không vì vậy mà chúng ta đầu hàng, chấp nhận thất bại trước chúng. Đặng Thùy Trâm muốn nhắc nhở mình và mọi người phải sống có ý chí, bản lĩnh, nghị lực, không chùn bước trước khó khăn thử thách. Hiểu đơn giản nghị lực, ý chí, bản lĩnh sẽ giúp con người không bao giờ chịu khuất phục hay giục ngã trước khó khăn, thử thách.

***Các biểu hiện của người sống có ý chí, bản lĩnh, nghị lực, không chùn bước trước khó khăn thử thách:**

+ Kiên cường, mạnh mẽ, dũng cảm đối diện với nghịch cảnh của cuộc sống

+ Dám đương đầu với khó khăn thử thách, không ngại khó, ngại khổ

+ Chấp nhận thử thách, lạc quan, tin tưởng vào điều tốt đẹp phía trước

+ Kiên trì, bền bỉ, dám nghĩ, dám làm

***Bàn luận: Khẳng định: Thật vậy, câu nói của liệt sĩ Đặng Thùy Trâm là câu nói đầy ý nghĩa, khẳng định ý chí kiên cường, bản lĩnh thép, dám chấp nhận và đương đầu với gian lao thử thách là điều vô cùng cần thiết.** Mỗi con người cần mạnh mẽ vượt lên những nghịch cảnh, khó khăn trong cuộc sống, không được *cúi đầu* trước *giông tố*

Tại sao vậy?

- Với cá nhân mỗi người:

+ Cuộc sống không phải là hành lang thẳng tắp mà rất nhiều ngã rẽ bất ngờ mà con người không thể lường hết được. Trên hành trình cuộc sống, con người phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách, vấp vã, mất mát, đau khổ.

+ Để vượt qua được những thách thức ấy không phải điều dễ dàng, chúng ta phải học cách chấp nhận nó, khi biết chấp nhận và nỗ lực, quyết tâm vượt qua chúng ta sẽ chinh phục nó bằng chính nghị lực và bản lĩnh của mình.

+ Không ai muốn đối diện với những khó khăn, thách thức thế nhưng nó vẫn xảy ra trong cuộc sống như một quy luật tất yếu. Mỗi người hãy học cách đối diện và vượt qua nghịch cảnh thay vì chạy trốn, đầu hàng, bỏ cuộc trước khó khăn. Những khó khăn, thử thách sẽ là môi trường **để tôi luyện bản lĩnh, giúp mỗi người mạnh mẽ, trưởng thành** hơn. Những gian nan ngày hôm nay sẽ làm cho **thành quả ngày mai của chúng ta thêm ý nghĩa, giá trị hơn**.

+ Nếu chúng ta không mạnh mẽ đối mặt và vượt qua giông tố, nản chí khi gặp khó khăn, ta sẽ rơi vào bế tắc và tuyệt vọng, bị khó khăn nhấn chìm, không bao giờ có thể chạm tay tới cánh cửa của thành công.

+ Người sống có bản lĩnh, có ý chí sẽ đạt được được ước mơ, gặt hái được thành công, được mọi người khâm phục, tin yêu.
+ Giúp mỗi con người phát huy được năng lực của bản thân, khẳng định được giá trị của mình, tỏa sáng những vẻ đẹp tâm hồn, hoàn thiện nhân cách, lối sống.
+ Biết trân trọng giá trị của cuộc sống.
+ Đem lại cho con người cảm giác hạnh phúc, bình yên sau những giông tố.

- Với tập thể, cộng đồng
+ Giúp gắn kết mọi người, tạo nên sức mạnh lớn lao, đạp bằng mọi khó khăn thử thách, làm nên những kì tích, những giá trị lớn lao cho cộng đồng, đất nước.

+ Giúp đất nước phát triển, văn minh, tiến bộ

+ Tạo động lực cho mọi người cùng phấn đấu, cống hiến cho cộng đồng, dân tộc, ...

*** Chứng minh:**

- Trong lịch sử: Dân tộc ta là dân tộc từng trải qua biết bao nhiêu cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Dân tộc đã ngoan cường vượt qua bao giông tố của lịch sử. Mỗi cuộc chiến tranh chống kẻ thù xâm lược dường như đã tôi luyện cho dân tộc ta tinh thần kiên cường, dũng cảm, bất khuất, để quyết tâm không làm nô lệ. Trong kháng chiến chống Pháp đầy cam go, khốc liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn "Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập"
-Trong thực tế: Có nhiều tấm gương sáng về những con người giàu bản lĩnh, nghị lực, mạnh mẽ kiên cường vượt qua "giông tố" để thành công. Đó là tấm gương về ý chí, nghị lực phi thường của Hồ Chí Minh trong hành trình đi tìm đường cứu nước đầy gian nan. Với hai bàn tay trắng, trên con tàu vượt trùng dương đầy gian khổ, Người đã trải qua biết bao gian khổ nơi xứ người để tìm con người đi cho cách mạng Việt Nam. Người đã đưa cách mạng Việt Nam đến bến bờ vinh quang, đem lại hòa bình, thống nhất cho cả dân tộc.

+ Tinh thần và nỗ lực của người dân Việt Nam trong đợt chống dịch bệnh covid 19 là một minh chứng cho những nỗ lực của biết bao con người. Đó là sự tham gia nhiệt huyết, tận tâm của lực lượng y bác sĩ và nhân viên y tế, họ vượt qua bao gian khó, thiếu thốn về thuốc men, để cứu chữa bệnh cho nhân dân. Nhờ tinh thần vượt khó, quyết tâm đẩy lùi dịch bệnh

mà Việt Nam là một trong những quốc gia mở cửa sớm nhất sau đại dịch, và có sự hồi phục kinh tế nhanh chóng nhất, ...

+ Nhiều người cũng gặp muôn vàn khó khăn về sức khỏe, nhiều người phải chiến đấu với căn bệnh ung thư quái ác để dành giật sự sống. Và với niềm tin, ý chí phi thường rất nhiều người đã chiến thắng bệnh tật, để có được cuộc sống tốt đẹp như mọi người khỏe mạnh.

*** Bình luận- Mở rộng:**

+ Xã hội, cuộc sống ngày càng hiện đại nên con người cũng phải tiến lên, làm quen với cuộc sống mới để hòa nhập với cộng đồng. Nếu vì sợ mà không dám thử thách, nhìn thấy người khác thất bại mà e dè, chắc chắn là bạn sẽ tụt lại phía sau, bị những nỗi sợ hãi chặn đường không cho cất bước.

+ Trong cuộc sống, nhiều người không có ý chí, hễ gặp thất bại hay khó khăn là nản lòng, oán trách số phận. Đó là những kẻ ỉ nại, hèn nhát, kém cỏi, thậm chí dựa dẫm rất đáng lên án. Hay cũng không ít người không tự mình vượt qua khó khăn mà trông chờ, phụ thuộc vào người khác… Hãy nhớ "Thất bại là mẹ thành công" và chỉ có tự mình đối mặt và đi xuyên qua khó khăn thì mới chiến thắng được khó khăn đó.

*** Rút ra bài học cho bản thân:**

- Cần nhận thức đúng vai trò, ý nghĩa của khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

- Hãy mạnh mẽ đối mặt với khó khăn, đứng dậy sau vấp ngã.

- Cần sống có ước mơ, khát vọng, biết rèn luyện bản thân, vững vàng, tin tưởng vào mình, ...

- Cần phân biết giữa ý chí, bản lĩnh sống với sự ngang tàn, bất chấp, liều lĩnh....

c. Kết bài:

Khẳng định lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ: Tóm lại, câu nói của liệt sĩ Đặng Thùy Trâm *"Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố"* đã giúp chúng ta ý thức được ý nghĩa của ý chí, bản lĩnh, nghị lực của mỗi con người trong cuộc sống. Những phẩm chất đó giúp chúng ta "*không đầu hàng trước giông tố*" thậm chí còn mang đến những giá trị tốt đẹp cho cuộc đời. Ở ngưỡng của tuổi 15, em nhận thấy mình cần rèn luyện ý chí, niềm tin, sống mạnh mẽ, vượt qua gian khổ, thử thách để góp sức mình vào công cuộc xây dựng đất ước ngày một giàu đẹp, phồn vinh.

Đề số 02: Có ý kiến cho rằng: "*Theo đuổi ước mơ là con đường dẫn chúng ta đi đến thành công*." Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên.

Dàn ý

1. Chuẩn bị: Đọc kĩ và tìm hiểu đề bài để định hướng cho bài viết:

- Trọng tâm cần làm rõ: vai trò của ước mơ, và những nỗ lực, phấn đấu để đạt được ước mơ

- Kiểu văn bản chính: nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

- Phạm vi bằng chứng cần huy động: bằng chứng thực tế; kiến thức lịch sử, địa

lí và thơ văn liên quan

- Xem lại định hướng viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

- Tìm hiểu nội dung, ý nghĩa câu nói "*Theo đuổi ước mơ là con đường dẫn chúng ta đi đến thành công*."

2. Tìm ý

Ý kiến "*Theo đuổi ước mơ là con đường dẫn chúng ta đi đến thành công*." có ý nghĩa gì?	***Giải thích ý kiến:** - *Ước mơ*: là những dự định, khát khao mà mỗi chúng ta mong muốn đạt được trong thời gian ngắn hoặc dài; là động lực để mỗi chúng ta vạch ra phương hướng đường đi để dẫn tới ước mơ. - *Theo đuổi giấc mơ*: là nỗ lực, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, bỏ sức lực, trí tuệ để có thể biến ước mơ thành hiện thực. => Ý kiến trên khẳng định một phương châm sống: Mỗi con người cần sống có ước mơ và điều quan trọng là phải luôn nỗ lực, cố gắng, bỏ công sức trí tuệ, tâm huyết để thành công. ***Các biểu hiện** - Sống có ước mơ, hoài bão, luôn biết đặt ra những mục tiêu cho bản thân mình.

	- Cố gắng thực hiện những mục tiêu mà bản thân đã đề ra bằng tất cả khả năng của mình. …
Câu nói thể hiện tư tưởng, đạo lí sống nào? Tại sao có thể nói như vậy?	**Bàn luận: Khẳng định:** - Khẳng định ý kiến trên hoàn toàn đúng đắn. Ý kiến đã khẳng định ý nghĩa của việc theo đuổi ước mơ trong đời sống mỗi người, nhất là các bạn trẻ: + Ước mơ đem đến một mục đích sống cao đẹp, trở thành động lực giúp ta vượt qua khó khăn trên đường đời. + Người ta phải đối mặt với nhiều khó khăn, vượt qua mọi thử thách. Nhưng khi thành công đến, sẽ là niềm hạnh phúc và tự hào lớn lao. Chính ước mơ đã giúp con người khám phá bản thân, mở rộng tầm nhìn và cống hiến sức lực mình cho xã hội. + Việc theo đuổi ước mơ sẽ giúp ta đạt được mục tiêu đã đặt ra, giúp ta có cơ hội để thể hiện và khẳng định bản thân mình. + Nhờ theo đuổi ước mơ mà con người biết sống có kế hoạch, biết vạch sẵn ra những bước đi để biến ước mơ thành hiện thực. + Nếu không theo đuổi ước mơ thì cuộc sống của chúng ta sẽ trở nên vô vị, tẻ nhạt, nhàm chán; chúng ta sẽ sống hoài sống phí, và trở thành người tụt hậu bị bạn bè, xã hội bỏ lại phía sau. + Giúp ta hoàn thiện nhân cách và tâm hồn mình hơn, biết bao dung hơn, yêu thương con người nhiều hơn.
Tư tưởng, đạo lí sống đó đã thể hiện như thế nào (trong cuộc sống, văn học, nghệ thuật, lịch sử...)?	nhà văn An-đéc-xen, tỉ phú Bill Gate,...)
Giá trị của tư tưởng, đạo lí	- Bình luận- Mở rộng:

sống vừa nêu là gì? Cần phê phán những biểu hiện ngược lại với tư tưởng, đạo lí sống trên như thế nào?	+ Tuy nhiên, vẫn còn những bạn trẻ sống không có ước mơ, không hiểu mình muốn gì và không có ý chí phấn đấu, sống buông bỏ đời mình theo số phận muốn tới đâu thì tới, sống ỷ lại, thụ động, phụ thuộc vào gia đình. + Một số khác thì theo đuổi những ước mơ quá xa vời, thiếu thực tế. Một số lại sống bằng lòng với thực tại, ngại khó, ngại khổ, không dám theo đuổi ước mơ.

3. Dàn bài:

a. Mở bài

Dẫn dắt và nêu vấn đề cần bàn luận (ý nghĩa của việc theo đuổi ước mơ).

Ví dụ: Ước mơ là ngọn đèn soi sáng cho mỗi người trên đường đi đến thành công. Do đó, theo đuổi ước mơ có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với mỗi người, nhờ có ước mơ và nỗ lực cố gắng thì con người mới thành công. Vì vậy, có ý kiến cho rằng: "*Theo đuổi ước mơ là con đường dẫn chúng ta đi đến thành công*."

b. Thân bài:

*** Giải thích:**

Trước hết, chúng ta cần hiểu ý kiến "*Theo đuổi ước mơ là con đường dẫn chúng ta đi đến thành công*." nghĩa là gì?

- *Ước mơ*: là những dự định, khát khao mà mỗi chúng ta mong muốn đạt được trong thời gian ngắn hoặc dài; là động lực để mỗi chúng ta vạch ra phương hướng đường đi để dẫn tới ước mơ.

- *Theo đuổi giấc mơ*: là nỗ lực, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, bỏ sức lực, trí tuệ để có thể biến ước mơ thành hiện thực.

Ý kiến trên khẳng định một phương châm sống: Mỗi con người cần sống có ước mơ và điều quan trọng là phải luôn nỗ lực, cố gắng, bỏ công sức trí tuệ, tâm huyết để thành công.

**Các biểu hiện*

- Sống có ước mơ, hoài bão, luôn biết đặt ra những mục tiêu cho bản thân mình.

- Cố gắng thực hiện những mục tiêu mà bản thân đã đề ra bằng tất cả khả năng của mình.

...

*** Bàn luận- Khẳng định:** Ý kiến "*Theo đuổi ước mơ là con đường dẫn chúng ta đi đến thành công*." Là hoàn toàn đúng đắn.

- Tại sao vậy? Ý kiến khẳng định vai trò, ý nghĩa của việc theo đuổi ước mơ trong đời sống mỗi người, nhất là các bạn trẻ:

+ Ước mơ có vai trò quan trọng với mỗi người, giúp chúng ta sống cuộc đời có ý nghĩa, cống hiến cho xã hội.

+ Việc theo đuổi ước mơ sẽ giúp ta đạt được mục tiêu đã đặt ra, giúp ta có cơ hội để thể hiện và khẳng định bản thân mình.

+ Ước mơ sẽ đưa con người đi tới những thành công, không quản ngại những chông gai, nghiệt ngã, những khó khăn trên con đường đi của mình.

+ Con đường dẫn tới ước mơ cũng vô cùng khó khăn, không phải lúc nào cũng dễ dàng đạt được, nhưng với những người kiên trì, bền chí, thì ước mơ sẽ giúp cho bạn định hướng cho tương lai của mình một cách tốt đẹp nhất.

- Tại sao nên theo đuổi ước mơ? Cuộc sống mà không có ước mơ thì sẽ như thế nào?

+ Nếu không có ước mơ cuộc sống của bạn sẽ trở nên vô định, mất phương hướng.

+ Không có ước mơ bạn sẽ không xác định được mục tiêu sống của mình là gì, dẫn tới sống hoài sống phí, và trở thành người tụt hậu bị bạn bè, xã hội bỏ lại phía sau.

+ Nhờ theo đuổi ước mơ mà con người biết sống có kế hoạch, biết vạch sẵn ra những bước đi để biến ước mơ thành hiện thực.

+ Nếu không theo đuổi ước mơ thì cuộc sống của chúng ta sẽ trở nên vô vị, tẻ nhạt, nhàm chán; chúng ta sẽ sống hoài sống phí, và trở thành người tụt hậu bị bạn bè, xã hội bỏ lại phía sau.

*** Chứng minh:**

HS lấy dẫn chứng về những tấm gương dám theo đuổi ước mơ đến cùng để chứng minh.

(Ví dụ: nhà văn An-đéc-xen, tỉ phú Bill Gate, ...)

+ Nhà văn An-đéc-xen: sinh ra trong một gia đình nghèo ở thành phố Odense, cuộc sống nghèo khổ, không lúc nào có đủ bành mì để ăn. Đi học lại luôn bị bạn bè chê cười vì ngoại hình xấu xí. Vượt qua tất cả với ước mơ trở thành nghệ sĩ, **Andecxen** đã lang thang lên

thành phố Copenhaghen, đóng những vai kịch tầm thường, làm quét dọn. Cuối cùng nghị lực và tình yêu nghệ thuật đã giúp ông thành công. Những câu chuyện của ông mãi mãi tồn tại trong tâm trí độc giả, mang lại cho trẻ thơ niềm hạnh phúc, thắp lên những ước mơ đẹp -> Nghị lực và tình yêu nghệ thuật là những nhân tố để thành công.

+ **Bill Gates** sinh ra trong một gia đình khá giả ở Hoa Kì. Từ nhỏ ông đã say mê toán học, từng đậu vào nghành luật của trường đại học Harvad nhưng với niềm say mê máy tính ông đã nghỉ học và cùng với một người bạn mở công ty Microsoft. Vượt qua nhiều khó khăn ông đã trở thành người giàu nhất hành tinh và hiện nay ông giành 95% tài sản của mình để làm từ thiện -> Thành công nhờ sự tự học và sống có ước mơ, nỗ lực thực hiện ước mơ.

*** Bình luận- mở rộng**

- Tuy nhiên, vẫn còn những bạn trẻ sống không có ước mơ, không hiểu mình muốn gì và không có ý chí phấn đấu, sống buông bỏ đời mình theo số phận muốn tới đâu thì tới, sống ỷ lại, thụ động, phụ thuộc vào gia đình.

- Một số khác thì theo đuổi những ước mơ quá xa vời, thiếu thực tế. Một số lại sống bằng lòng với thực tại, ngại khó, ngại khổ, không dám theo đuổi ước mơ.

*** Bài học nhận thức và hành động:**

+ Mỗi chúng ta cần phải có ước mơ mục đích sống cho riêng mình, nhất là lứa tuổi HS.

+ Để đạt được ước mơ chúng ta cần ra sức rèn luyện học tập, tu dưỡng đạo đức để chuẩn bị những tư trang cần thiết cho con đường đi tới ước mơ của mình.

c. Kết bài

Khái quát lại vai trò của ước mơ và ý nghĩa của việc theo đuổi ước mơ và liên hệ

Vậy nên, mơ ước và được ước mơ là đặc quyền mà tạo hóa ban tặng cho mỗi con người. Thanh xuân ngắn ngủi, mỗi người chỉ có một lần sống, một lần trẻ và một lần được dũng cảm theo đuổi ước mơ của mình bằng tất cả những gì mình có. Đừng cố giam hãm mình trong cái vỏ bọc của sự hèn nhát, sợ sệt, hay những ý nghĩ ngại gian khó khổ sở khi theo đuổi ước mơ, điều ấy chỉ khiến cuộc sống của bạn thêm tồi tệ mà thôi. Hãy nhớ rằng cuộc đời này không đánh thuế ước mơ nên hãy mạnh dạn mơ ước và phấn đấu vì một tương lai tốt đẹp, nhân lúc chúng ta còn trẻ, nhân lúc còn đủ dũng khí.

Đề số 03: Hãy trình bày quan điểm của em về những điều gợi ra từ bức tranh dưới đây?



1. Chuẩn bị: Đọc kĩ và tìm hiểu đề bài để định hướng cho bài viết:

- Trọng tâm cần làm rõ: (Đây là đề bài theo hướng mở, cần tôn trọng những quan điểm, cách nhìn và những kiến giải riêng của học sinh. Học sinh phải ý thức viết bằng sự trải nghiệm, nhận thức của chính mình.)

Gợi ý: Tình yêu thương trong cuộc sống

- Kiểu văn bản chính: nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

- Phạm vi bằng chứng cần huy động: bằng chứng thực tế; kiến thức lịch sử, địa

lí và thơ văn liên quan

- Xem lại định hướng viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

- Tìm hiểu nội dung, ý nghĩa của bức tranh

2. Tìm ý

Bức tranh có ý nghĩa gì?	*** Giải thích, nêu vấn đề nghị luận gợi ra từ bức hình:** - Bức hình là một trái tim lớn hai bên là hai con bồ câu hướng mình về phía trái tim. Bên dưới có rất nhiều người thuộc nhiều lứa tuổi cả người lớn, trẻ nhỏ, người già cả cùng nắm tay nhau hướng mặt về phái trái tim và hai chim bồ câu. - Các chi tiết trên bức hình cho thấy tình cảm mối quan hệ

	của họ khá gần gũi, thân thiết, quan tâm nhau. **=> Bức hình đã đặt ra cho người xem một vấn đề mang tính đạo lý lối sống rất cần thiết giữa người với người: tình thương yêu, lòng nhân ái.** **- Giải thích:** Tình yêu thương trong cuộc sống là gì ? - Tình yêu thương là thứ tình cảm thiêng liêng, là sự tôn trọng, yêu thương, chia sẻ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa con người và con người. **- Những biểu hiện của tình yêu thương trong cuộc sống:** trong gia đình, trong xã hội, ...
Bức tranh thể hiện tư tưởng, đạo lí sống nào? Tại sao có thể nói như vậy?	*** Bàn luận: Khẳng định: Tình yêu thương có ý nghĩa vô cùng to lớn, đem lại cho con người cuộc sống ý nghĩa, là nơi kết gắn con người trong cộng đồng, dân tộc và thế giới.** - Tình yêu thương, lối sống sẻ chia là thước đo để đánh giá phẩm chất, đạo đức một con người. - Làm cho tâm hồn trở nên cao đẹp, thánh thiện - Giúp họ vượt qua nghịch cảnh và sống tốt đẹp hơn - Giúp mọi người xích lại gần nhau hơn, xóa đi hận thù, vị kỉ, lan tỏa lòng sẻ chia, nhân ái, xóa đi khoảng cách giàu nghèo, tôn giáo, sắc tộc - Cuộc sống hạnh phúc, xã hội phát triển, văn minh
Tư tưởng, đạo lí sống đó đã thể hiện như thế nào (trong cuộc sống, văn học, nghệ thuật, lịch sử...)?	*** Chứng minh:** **- Trong văn học:** *"Thương người như thể thương thân", "một con ngựa đau cả tầu bỏ cỏ", "Nhiễu điều phủ lấy giá gương/ Người trong một nước phải thương nhau cùng* **- Trong lịch sử:** cách cư xử với kẻ thù sau khi nhận thất

	bại sau chiến thắng **- Trong thực tế:** các phong trào thiện nguyện "Giọt máu cho đi, cuộc đời ở lại", "Trái tim cho em"...
Giá trị của tư tưởng, đạo lí sống vừa nêu là gì? Cần phê phán những biểu hiện ngược lại với tư tưởng, đạo lí sống trên như thế nào?	*** Bình luận- Mở rộng:** - Phê phán nghiêm khắc những người sống thờ ơ, vô cảm, thiếu tình yêu thương ngay với chính đồng loại mình. Họ là những con robot lạnh lùng, và sẽ sớm mang bệnh án trái tim rạn vỡ đến hết đời.
Qua câu nói, em rút ra cho mình bài học, nhận thức và hành động gì?	*** Bài học:** - Mỗi người hãy biết sống sẻ chia, mở rộng lòng mình ra để cứu giúp những con người nghèo khổ bất hạnh. Luôn biết rèn luyện, trau dồi nhân cách, đạo đức, lối sống tốt đẹp. - Mỗi cá nhân cần thể hiện lòng nhân ái bằng cách giúp đỡ những người xung quanh.

3. Dàn ý

a. Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề nghị luận gợi ra từ bức tranh: Tình yêu thương trong cuộc sống

b. Thân bài:

* Giải thích, nêu vấn đề nghị luận gợi ra từ bức hình:

- Bức hình là một trái tim lớn hai bên là hai con bồ câu hướng mình về phía trái tim. Bên dưới có rất nhiều người thuộc nhiều lứa tuổi cả người lớn, trẻ nhỏ, người già cả cùng nắm tay nhau hướng mặt về phái trái tim và hai chim bồ câu.

- Các chi tiết trên bức hình cho thấy tình cảm mối quan hệ của họ khá gần gũi, thân thiết,

quan tâm nhau.

=> Bức hình đã đặt ra cho người xem một vấn đề mang tính đạo lý lối sống rất cần thiết giữa người với người: tình thương yêu, lòng nhân ái.

- Giải thích: Tình yêu thương trong cuộc sống là gì ?

- Tình yêu thương là thứ tình cảm thiêng liêng, là sự tôn trọng, yêu thương, chia sẻ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa con người và con người.

- Những biểu hiện của tình yêu thương trong cuộc sống:

- Trong gia đình:

+ Sự kính trọng, yêu thương lẫn nhau của các thành viên.

+ Thế hệ đi trước có trách nhiệm chăm sóc và giáo dục thế hệ sau chu toàn.

+ Thế hệ đi sau có bổn phận phụng dưỡng, cung kính, tri ân các thế hệ đi trước bởi họ đã có công dưỡng dục và để lại các thành quả lao động.

- Ngoài xã hội:

+ Tinh thần yêu nước, thương dân khi có giặc ngoại xâm.

+ Những hành động tương trợ giúp đỡ lẫn nhau khi có khó khăn, hoạn nạn.

+ Sẵn sàng cứu giúp người khó khăn trong bão lũ.

+ Tạo công ăn việc làm cho người thất nghiệp.

+ Nuôi dạy trẻ mồ côi cơ nhỡ, chăm sóc người già neo đơn,…

Dẫn chứng: Trong những ngày cả nước thực hiện cách ly xã hội để phòng, chống dịch Covid-19, những người nghèo, người lao động tự do như bán vé số, lượm ve chai… gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống hàng ngày. Nhằm phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" tốt đẹp của dân tộc Việt Nam; cũng như sự nghĩa tình của TPHCM, tại TPHCM, đã có nhiều cá nhân, nhóm thiện nguyện tự bỏ tiền túi, cũng như vận động các cá nhân dành những suất cơm, ký gạo miễn phí trao tặng cho người nghèo trên tinh thần "lá lành đùm lá rách".

*** Bàn luận- Khẳng định: Tình yêu thương có ý nghĩa vô cùng to lớn, đem lại cho con người cuộc sống ý nghĩa, là nơi kết gắn con người trong cộng đồng, dân tộc và thế giới.**

Tại sao vậy?

- Đối với mỗi người:

+ Người cho đi yêu thương:

+ + Tình yêu thương, lối sống sẻ chia là thước đo để đánh giá phẩm chất, đạo đức một con người. Chính lòng yêu thương giúp người với người gần nhau hơn.

+ + Khi thể hiện tình yêu thương, chúng ta cảm thấy vui vẻ, cuộc sống ý nghĩa, tràn đầy niềm vui, có dư âm ngọt ngào và bình yên trong tâm hồn.

+ + Làm cho tâm hồn trở nên cao đẹp, thánh thiện

+ + Được mọi người yêu mến, cảm phục, tin yêu

+ Người đón nhận yêu thương:

+ + Lòng nhân ái có khả năng giúp đỡ con người qua cơn khốn khó, mang đến cho họ suối nguồn của tình thương con người, san sẻ những bất hạnh khổ đau của người khác, giúp họ vượt qua nghịch cảnh và sống tốt đẹp hơn.

+ + Giúp những con người lầm đường lạc lối trở về với cuộc sống hiền lành, lương thiện.

- Đối với xã hội:

+ + Giúp mọi người xích lại gần nhau hơn, xóa đi hận thù, vị kỉ, lan tỏa lòng sẻ chia, nhân ái, xóa đi khoảng cách giàu nghèo, tôn giáo, sắc tộc

+ + Là truyền thống quí báu của dân tộc ta được cha ông ta vun đắp từ ngàn đời

+ + Cuộc sống hạnh phúc, xã hội phát triển, văn minh

+ + Yêu thương thật sự đem lại hạnh phúc cho mọi người không chỉ riêng ta mà là cả nhân loại.

*** Chứng minh:**

Dẫn chứng:

- Trong văn học: Tình yêu thương được cha ông ta đúc kết qua nhiều câu tục ngữ, ca dao mà đến ngày nay, những câu nói đó vẫn con nguyên giá trị. Tiêu biểu như: *"Thương người như thể thương thân", "một con ngựa đau cả tầu bỏ cỏ", "Nhiễu điều phủ lấy giá gương/ Người trong một nước phải thương nhau cùng"...* Tình yêu thương còn trở thành dòng chảy xuyên suốt các tác phẩm văn học, làm nên giá trị nhân đạo cao đẹp trong nhiều tác phẩm văn chương, tiêu biểu phải kể đến kiệt tác "*Truyện Kiều*" của đại thi hào Nguyễn Du

- Trong lịch sử: Tình yêu thương, nhân ái của dân tộc ta được thể hiện trong chiều dài lịch sử dựng nước, giữ nước. Sau đại thắng quân Minh, dân tộc ta dưới sự chỉ đạo của Lê Lợi đã cấp cho giặc 500 chiếc thuyền cùng lương thực để cho đám tàn quân về nước. Điều đó là minh chứng cho tài năng quân sự mềm dẻo, linh hoạt thấm đượm lòng nhân ở nhà cầm quân Lê Lợi.

- Trong thực tế:

+ Trong cuộc sống tình thương thể hiện ở nhiều việc làm nghĩa của của đồng bào ta như các phong trào thiện nguyện "Giọt máu cho đi, cuộc đời ở lại", "Trái tim cho em"...Đó chẳng phải là những hành động xuất phát từ lòng yêu thương hay sao?

+ Có rất nhiều tấm gương sáng về lòng nhân ái như anh Dương Hồng Quý, thiếu tá Lê Hải Ninh hay bé Nguyễn Hải An,… đã cho đi một phần thân thể của mình để nối dài sự sống cho người khác.

*** Bình luận- mở rộng**

- Thật đáng buồn đáng lên án nhiều người còn coi lòng nhân ái như là một cách để tôn mình lên, để làm bản thân nổi tiếng trước công chúng và xã hội.

- Chúng ta không nên đánh đồng lòng nhân ái với sự bố thí ban ơn, mà đó là tình cảm xuất phát từ sâu trong trái tim, là tình cảm giữa nhân loại với nhau.

- Đâu đó vẫn còn những con người có hành động coi thường, khinh rẻ người nghèo khó cần được sự giúp đỡ, yêu thương đặc biệt là người nghèo, trẻ em cơ nhỡ.

- Phê phán nghiêm khắc những người sống thờ ơ, vô cảm, thiếu tình yêu thương ngay với chính đồng loại mình. Họ là những con robot lạnh lùng, và sẽ sớm mang bệnh án trái tim rạn vỡ đến hết đời.

- Những con người sống vụ lợi, ích kỉ, thờ ơ với nỗi khổ đau, mất mát của người khác.

*** Bài học nhận thức và hành động:**

- Như bức hình trên ta thấy, không ai là sống tách biệt ra khỏi xã hội bởi thế mỗi người cần phải có trách nhiệm và thái độ sống tích cực để cùng xây dựng và phát triển xã hội này. Lòng nhân ái gắn kết con người với nhau, giúp đỡ được rất nhiều người, rất nhiều mảnh đời ở ngoài kia. Lòng nhân ái là một truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc, cần được giữ gìn và phát huy. Sống yêu thương, quan tâm giúp đỡ người khác là một lối sống đẹp.

- Mỗi người hãy biết sống sẻ chia, mở rộng lòng mình ra để cứu giúp những con người nghèo khổ bất hạnh. Luôn biết rèn luyện, trau dồi nhân cách, đạo đức, lối sống tốt đẹp. Luôn yêu thương, đồng cảm, sẻ chia đối với những số phận bất hạnh trong cuộc sống. Tuyên dương, ca ngợi những hành động giàu lòng nhân ái. Kêu gọi cộng đồng gắn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau để xây dựng một xã hội tốt đẹp.

- Liên hệ bản thân: Mỗi cá nhân cần thể hiện lòng nhân ái bằng cách giúp đỡ những người xung quanh. Cần mở rộng tấm lòng của mình ra xung quanh cuộc sống để thấy rằng xung quanh ta còn có rất nhiều người cần sự giúp đỡ, yêu thương.

c. Kết bài:

Bức tranh trên đã đem đến cho người xem một thông điệp sâu sắc. Đó là cuộc sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi nó được tưới mát bằng dòng nước của lòng nhân ái. Hãy yêu thương con người và làm cho lối sống cao đẹp ấy lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng. Hãy đề cao tình yêu thương và yêu thương đúng cách. Có như vậy, chúng ta mới tìm thấy được hạnh phúc đích thực ngay trong cuộc sống này.

Đề số 04: Em hãy viết bài văn nghị luận bàn về ý nghĩa của cuộc sống hòa bình.

1. Chuẩn bị: Đọc kĩ và tìm hiểu đề bài để định hướng cho bài viết:

- Trọng tâm cần làm rõ: ý nghĩa của cuộc sống hòa bình.-> lưu ý đây là dạng đề phạm vi chỉ bàn về một khía cạnh, bình diện của vấn đề nên chú ý đi đúng vào trọng tâm, không cần nêu phản đề

- Kiểu văn bản chính: nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

- Phạm vi bằng chứng cần huy động: bằng chứng thực tế; kiến thức lịch sử, địa

lí và thơ văn liên quan

- Xem lại định hướng viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

- Tìm hiểu nội dung, ý nghĩa của bức tranh

2. Tìm ý

Thế nào là hòa bình?	*** Giải thích, nêu vấn đề nghị luận:** - Hòa bình không đơn giản chỉ là không có chiến tranh. Hòa bình là khi chúng ta đang sống hòa thuận và không có sự đấu đá lẫn nhau. **- Những biểu hiện của hòa bình trong cuộc sống:** trong tâm hồn, trong đời sống ... Nếu mỗi người trong thế giới được yên ổn, đó sẽ là một thế giới hòa bình.
Hòa bình có ý nghĩa ra sao? Tại sao có thể nói như vậy?	*** Bàn luận: Khẳng định: Hòa bình là vô cùng quan trọng.** + Thế giới sống trong hòa bình sẽ thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội và nhân văn. + Sống trong hòa bình, con người sẽ có cuộc sống hạnh phúc yên ổn... + Khi mọi người cảm thấy thoải mái về đời sống vật chất và tinh thần thì sẽ nhìn lại mọi người xung quanh nhiều hơn, quan tâm chăm sóc họ nhiều hơn. Từ đó họ sẽ có mối quan hệ tốt đẹp với mọi người xung quanh.
Tư tưởng, đạo lí sống đó đã thể hiện như thế nào (trong cuộc sống, văn học, nghệ thuật, lịch sử...)?	*** Chứng minh:** Trong lịch sử nhân loại, chiến tranh đã gây bao đau thương cho con người Những con người là biểu tượng cho khát vọng hòa bình của dân tộc ta: Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp

Qua đó, em rút ra cho mình bài học, nhận thức và hành động gì để có được hòa bình?	*** Bài học- liên hệ** - Tích cực ủng hộ những hành động bảo vệ cho nền hòa bình trên thế giới. - Tham gia các hoạt động tập thể, giao lưu với các bạn ngoại quốc để tạo nên mối quan hệ tốt đẹp.

3. Dàn ý

a. Mở bài:

Hiện nay, ngay bây giờ, Trái Đất của chúng ta vẫn âm ỉ xảy ra các cuộc tranh chấp vũ trang ở nhiều nơi trên khắp thế giới. Tình hình ở dải Ga-ra vẫn căng thẳng giữa nhà nước Palestine và Israel gây thương vong cho bao con người vô tội. Có thể nói, ai đã từng trải qua những năm tháng bom rơi đạn lạc mới hiểu hết được ý nghĩa của hai tiếng hòa bình. Nhưng chúng ta lại càng phải tìm hiểu về giá trị của hòa bình nhiều hơn để biết trân quý những gì mà chúng ta đang có. Hòa bình là điều vô cùng cần thiết và có ý nghĩa với mọi người, mọi thời đại.

b. Thân bài:

*** Giải thích:** Hòa bình là gì?

- Hòa bình không đơn giản chỉ là không có chiến tranh. Hòa bình là khi chúng ta đang sống hòa thuận và không có sự đấu đá lẫn nhau. Nếu mỗi người trong thế giới được yên ổn, đó sẽ là một thế giới hòa bình.

- Hòa bình còn có nghĩa là đang sống sự thinh lặng nội tâm. Hòa bình là tình trạng bình tĩnh và thư thái của trí óc.

- Hòa bình bắt đầu nơi mỗi người chúng ta. Xuyên qua thinh lặng và sự suy nghĩ đúng đắn về ý nghĩa của nó, chúng ta có thể tìm được nhiều cách mới mẻ và sáng tạo để tạo thuận lợi cho sự hiểu biết về các mối quan hệ và sự hợp tác với tất cả mọi người.

*** Bàn luận- Khẳng định: Hòa bình có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc sống, là mơ ước của mọi người, mọi dân tộc văn minh trên thế giới. Tại sao vậy?**

- Với thế giới:

+ Thế giới sống trong hòa bình sẽ thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội và nhân văn.

+ Khi mà mỗi đất nước đều yên ổn để có thể phát triển mọi mặt thì đất nước ấy sẽ không gây hại, xâm lấn gì đến những đất nước khác, từ đó tạo nên nền hòa bình trên thế giới, các quốc gia đều hợp tác với nhau.

- Với cá nhân:

+ Sống trong hòa bình, con người sẽ có cuộc sống hạnh phúc yên ổn...

+ Khi mọi người cảm thấy thoải mái về đời sống vật chất và tinh thần thì sẽ nhìn lại mọi người xung quanh nhiều hơn, quan tâm chăm sóc họ nhiều hơn. Từ đó họ sẽ có mối quan hệ tốt đẹp với mọi người xung quanh.

- Khi thế giới sống trong hòa bình thì sẽ ra sao?

+ Tinh thần yên ổn, sống thoải mái…

+ Mọi người đều an cư lạc nghiệp, đất nước ngày càng phát triển về mọi mặt.

- Khi thế giới không có hòa bình thì sẽ như thế nào?

+ Tiếng bom đạn sẽ vang lên khắp mọi nơi khiến cho loài người bước đến bên bờ vực của sự chết chóc.

+ Con người sẽ không thể an cư lạc nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội. Từ đó dẫn đến đất nước sẽ không thể phát triển.

+ Những tệ nạn xã hội sẽ diễn ra khắp mọi nơi mà không có ai kiểm soát, cướp bóc hoành hành, một xã hội không có đạo đức và pháp luật sẽ diễn ra.

+ Con người sẽ dần bị tha hóa vì tìm kiếm miếng ăn để nuôi cho cái thân này tồn tại, tha hóa vì tranh chấp quyền lực, sự hơn thua, giết hại chính đồng loại của mình… Con người không có sự bình yên trong tâm hồn.

*** Chứng minh**

Dẫn chứng những người đã tham gia tích cực việc bảo vệ nền hòa bình trên thế giới:

+ Hậu quả của cuộc chiến tranh thế giới thứ 2 diễn ra từ năm 1939 đến năm 1945 là một bằng chứng sống động về giá trị của hòa bình thế giới. Vì cuộc chiến tranh ấy đã gây ra hậu

quả khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử loài người (60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn tật và những thiệt hại vật chất khổng lồ)

+ Dân tộc ta là dân tộc yêu chuộng hòa bình, sẵn sàng làm bạn với mọi quốc gia trên thế giới.

+ Tấm gương về lòng yêu chuộng hòa bình của Chủ tịch Hồ Chí Minh - người vẫn là niềm tự hào của dân tộc. Người đã hết lòng vì sự hòa bình của nước nhà mà bôn ba khắp mọi miền đất để tìm ra chân lí dìu dắt nhân dân ta đứng lên chiến đấu giành lại nền hòa bình của đất nước.

+ Đại tướng Võ Nguyên Giáp chính là một minh chứng điển hình cho những người suốt đời bảo vệ hòa bình.

*** Bài học nhận thức và hành động:**

- Bản thân không làm những việc gây tổn hại đến người khác, bên cạnh đó cần quan tâm nhiều hơn đến mọi người xung quanh.

- Tích cực ủng hộ những hành động bảo vệ cho nền hòa bình trên thế giới.

- Tham gia các hoạt động tập thể, giao lưu với các bạn ngoại quốc để tạo nên mối quan hệ tốt đẹp.

c. Kết bài:

Khẳng định lại hòa bình chính là sợi dây kết nối thế giới, đồng thời khuyến khích mọi người bảo vệ nền hòa bình trên thế giới.

Đề số 05: Suy nghĩ về câu nói của danh tướng Trần Bình Trọng: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc.".

a. Mở bài:

Giới thiệu Trần Bình Trọng và câu nói bất hủ.

b. Thân bài:

*** Giải thích câu nói:**

Câu nói: "*Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc*." có nghĩa là gì?

- "*nước Nam*": đất nước của chúng ta, nước Đại Việt, nay là Việt Nam. "*Ta thà làm ma nước Nam*" tức là sẵn sàng chết vì đất nước mình.

- "*Đất Bắc":* ý chỉ nhà Nguyên –Mông, là nhà nước phong kiến phương Bắc, đất nước của kẻ thù đang xâm chiếm nước ta. .

=>Câu nói là lời thét mắng của Trần Bình Trọng vào mặt lũ giặc Nguyên khi chúng dùng mọi thủ đoạn để moi móc thông tin về lực lượng kháng chiến của ta; câu nói thể hiện rõ quan điểm khẳng định Đại Việt là một nước độc lập và có ý coi thường triều đình phương Bắc khi ông chỉ gọi nhà Nguyên Mông là "đất Bắc". Câu nói thể hiện tinh thần bất khuất, không chịu sống nô lệ, khẳng định tấm lòng yêu nước to lớn của một vị chính nhân quân tử. Câu nói ấy đến ngày nay vẫn còn truyền cảm hứng cho nhiều thế hệ thanh niên Việt Nam, để học biết sống và cống hiến cho Tổ quốc.

***Các biểu hiện của tinh thần bất khuất, không chịu sống nô lệ, lòng yêu nước:**

+ Căm thù giặc tột độ, quyết không đội trời chung với kẻ thù

+ Sẵn sàng hi sinh xả thân vì nước;

+ Yêu nước nồng nàn, có ý chí kiên cường, dũng cảm, bất khuất trước mọi hoàn cảnh, ...

+ Đặt vận mệnh, sự an nguy của Tổ quốc lên trên hết...

*** Bàn luận- Khẳng định:** Câu nói của Trần Bình Trọng hoàn toàn đúng đắn. Tại sao "*thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc"*?

- Câu nói của Trần Bình Trọng là câu nói đầy ý nghĩa, là lời tuyên thệ xả thân vì nước. Đây là lí tưởng sống cao đẹp của mọi thời đại, thể hiện tinh thần yêu nước bất khuất, quyết không làm nô lệ.

- Tại sao vậy?

+ Nhằm bảo vệ lực lượng kháng chiến của nhà Trần, khẳng định trung thành với vua tôi đến hơi thở cuối cùng. Tạo nguồn sức mạnh tinh thần cho lực lượng kháng chiến lúc bấy giờ và góp phần đem lại thắng lợi cho cuộc kháng chiến.

+ Là truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc ta, là cội nguồn sức mạnh dân tộc . Bao thế hệ cha ông ta đã si sinh bao xương máu mới có được nền độc lập cho Tổ quốc.

+ Là nền tảng đạo đức, xuất phát từ lòng yêu nước, tự hào dân tộc, để thực hiện khát vọng ngàn đời của dân tộc giữ vững nền độc lập, chủ quyền dân tộc, giúp đất nước vững mạnh, khi có tinh thần bất khuất ta sẽ biết cống hiến nhiều hơn cho đất nước.

+ Người có tinh thần bất khuất là người có những nhận thức đúng đắn, sẵn sàng cống hiến sức lực của mình vì nước, luôn sống theo chuẩn mực xã hội.

+ Tinh thần bất khuất giúp con người gắn kết lại với nhau nhiều hơn, tinh thần đồng bào từ đó được nâng cao hơn. Tạo thành nguồn cổ vũ động viên to lớn cho quân dân.

*** Chứng minh:**

Bằng chứng: HS phải đưa ra các bằng chứng để chứng minh cho các lí lẽ trên:

- Trong lịch sử:

+ Trong kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược năm 1285, chính sự hi sinh anh dũng cùng lời thề, lời mắng của Trần Bình Trọng đã tạo nguồn sức mạng để quân dân nhà Trần chiến thắng kẻ thù ngay sau đó hai tháng.

+ Các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc, chống thù trong giặc ngoài của dân tộc ta đều bắt nguồn từ sức mạnh của lòng yêu nước, của tinh thần bất khuất, quyết không chịu làm nô lệ. Trong kháng chiến chống Mỹ, hàng triệu người con đất Việt đã nằm xuống chiến trường để mang lại nền hòa bình cho dân tộc.

- Trong văn học

+ Bao áng thơ văn dậy vang sông núi thấm đượm lòng yêu nước và ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù. Tiêu biểu là bài thơ thần "*Nam quốc sơn hà*" vang lên trong một ngôi đền bên sông Như Nguyệt trong kháng chiến chống quân Tống năm 1077, lời kêu gọi tướng sĩ đứng lên đánh giặc Nguyện của Trần Quốc Tuấn trong "*Hịch tướng sĩ*" vào trước năm 1285, .. là minh chứng cho tinh thần bất khuất của cả dân tộc. Những tác phẩm thơ văn ấy là bằng chứng lịch sử cho một đất nước có truyền thông yêu nước, quyết tâm bảo vệ đến cùng nền độc lập dân tộc.

*** Bình luận- mở rộng**

+ Lòng yêu nước, tinh thần bất khuất, không chịu sống nô lệ là lẽ sống cao đẹp, thể hiện khát vọng của một dân tộc luôn yêu chuộng hòa bình, ý thức tự lực, tự cường, thể hiện khát vọng vươn lên, ...

+ Phê phán những kẻ luôn hèn nhát, vị kỉ, đặt lợi ích của bản thân lên trên lợi ích của quốc gia dân tộc. Đó là lực lượng thù địch, đang lăm le phá hoại nền độc lập dân tộc. Đó là tổ chức phản động, lợi dụng chính sách tôn giáo để bôi nhọ, chống phá Đảng và nhà nước rất cần lên án

c. Kết bài: Khái quát lại các ý đã nêu và rút ra bài học cho thế hệ trẻ.

- Khẳng định lòng yêu nước, tinh thần bất khuất, không chịu làm nô lệ là kết tinh truyền thống dân tộc, cần thiết cho mọi thời đại, mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ.

- Bài học cho thế hệ trẻ: Mỗi bạn trẻ cần xây dựng cho mình một thái độ sống tích cực, lạc quan khi đối mặt với những khó khăn, thử thách trên con đường trưởng thành. Biết sống và học tập là để cống hiến cho Tổ quốc, sẵn sàng lên đường khi tổ quốc cần!

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập nói nghe vào vở; tự luyện tập theo nhóm ở nhà.

- Chuẩn bị các nội dung của bài 8 để làm bài kiểm tra tổng hợp.

Tiết 130,131,132,133,134:

LUYỆN NÓI VÀ NGHE:

NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ HOẶC TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nghe và tóm tắt được nội dung người khác giới thiệu.

- Biết cách ghi lại các ý chính theo hệ thống một cách phù hợp.

2. Về năng lực

**** Năng lực chung***

- Năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ngôn ngữ, tự học, hợp tác, năng lực tìm kiếm và xử lí thông tin.

**** Năng lực đặc thù***

- Tóm tắt được nội dung người khác giới thiệu về một nhân vật lịch sử, một tiểu thuyết đã học hay đã đọc.

3. ***Về phẩm chất:***
- *Nhân ái:* biết đề cao, trân trọng, tự hào trước lịch sử dân tộc với lớp lớp cha anh tài giỏi.

- *Chăm học, chăm làm:* có ý thức vận dụng bài học rút ra từ văn bản vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước khi hiểu được giá trị văn hóa được gợi lên từ bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1 : MỞ ĐẦU (3 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV chiếu một đoạn video thuyết minh về Trần Hưng Đạo

? Tập trung xem video và ghi lại những thông tin em Nghe được?

https://www.youtube.com/watch?v=ZG7pJf4xzk4

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong thực tế cuộc sống, để nắm bắt và cập nhật được những thông tin hàng ngày đã và đang diễn ra, hay muốn tìm hiểu về một nhân vật lịch sử nào đó, chúng ta thường tìm hiểu bằng cách nghe người khác nói/ kể lại. Và làm thế nào để ta ghi nhớ được những thông tin đó thì một trong những kĩ năng cần thiết là Nghe. Vậy để nghe và tóm tắt lại những thông tin từ người khác truyền tới một cách chính xác nhất ta cần chú ý điều gì, trình tự Nghe ra sao, chúng ta cùng đi tì hiểu bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2 : ÔN TẬP KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Nghe và tóm tắt được nội dung người khác giới thiệu.

- Biết cách ghi lại các ý chính theo hệ thống một cách phù hợp.

b. Nội dung: Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*GV yêu cầu HS trao đổi về kĩ năng thuyết trình về một vấn đề nội dung hay nghệ thuật của tác phẩm văn học

*HS suy nghĩ, trả lời.

*GV nhận xét, chốt kiến thức.

I. ĐỊNH HƯỚNG

I. QUAN SÁT MẪU VÀ TÌM HIỂU CÁCH THỨC THỰC HIỆN *NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ HOẶC TÁC PHẨM VĂN HỌC*

1. Ôn tập yêu cầu kiểu bài

- Tóm tắt được nội dung chính của bài thuyết trình.

- Ghi lại các ý chính theo hệ thống: ý lớn (đó là vấn đề gì? Nội dung lớn gồm các ý nào?), ý nhỏ (triển khai ý lớn), các bằng chứng, ví dụ minh họa,...

- Trình bày lại được các nội dung tóm tắt theo từng mức độ.

2. Ôn tập Quy trình nói – nghe của kiểu bài

a. Chuẩn bị

- Tìm hiểu trước đề tài của bài thuyết trình, liệt kê những gì em đã biết, đang quan tâm và muốn tìm hiểu thêm về đề tài của bài thuyết trình.

- Xác định mục đích nghe

- Chuẩn bị giấy, bút để ghi chép và đánh dấu hoặc gạch chân những thông tin quan trọng trong khi nghe.

b. Nói và nghe

- Tập trung lắng nghe nội dung và chú ý vào ý chính của bài nói (vấn đề trọng tâm mà người nói sẽ trình bày).

- Theo dõi các lập luận, bằng chứng (ví dụ, số liệu, hình ảnh, sơ đồ, …) mà người nói sử dụng để làm rõ các ý chính của bài thuyết trình.

- Kết hợp lắng nghe và ghi chép bằng:

- Cụm từ, từ khóa
- Sử dụng các kí hiệu, gạch đầu dòng để làm nổi bật các ý
- Thể hiện các ý chính dưới dạng sơ đồ

- Chú ý điệu bộ, cử chỉ, tốc độ nhanh/chậm, cao độ của giọng người nói và những nội dung được lặp đi lặp lại, nhấn mạnh để xác định ý chính của bài thuyết trình. Lưu ý những từ ngữ có tính chất chuyển ý, dẫn dắt như: *thứ nhất là, thứ hai là, ngoài ra, bên cạnh đó, thêm nữa, tóm lại, ...*

c. Kiểm tra và chỉnh sửa

- Đọc lại phần ghi tóm tắt và chỉnh sửa các sai sót (nếu có).

- Xác định với người nói về nội dung em vừa tóm tắt.

- Trao đổi với người nói ý kiến em chưa hiểu rõ hoặc có quan điểm khác.

- Trao đổi phần tóm tắt với những người nghe khác để chỉnh sửa cho chính xác.

3. Bảng kiểm tham khảo (phụ lục)

4. Lưu ý đối với kiểu bài Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học

- Nghe kĩ nội dung giới thiệu về đối tượng mà người nói đã trình bày.

- Ghi lại các ý chính theo hệ thống (ý lớn, ý nhỏ, các ví dụ minh họa tiêu biểu)

- Trình bày tóm tắt các ý chính theo từng mức độ.

Hoạt động 3: THỰC HÀNH

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói, tóm tắt.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><td colspan="2">NỘI DUNG 1: CHUẨN BỊ BÀI NÓI

- Thời gian: 15 phút

- Mục tiêu:

+ Năng lực đặc thù: 100% HS thực hiện được các thao tác chuẩn bị bài nói (xác định đề tài, không gian, thời gian, mục đích nói, người nghe, tìm ý và lập ý)
+ Năng lực chung:

● 100% HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.

● 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

+ Phẩm chất: 100% HS biết yêu nước, tự hào về truyền thống dân tộc, noi gương những anh hùng dân tộc sau khi trình bày bài nói.

- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Phương pháp dạy học theo nhóm; kĩ thuật động não, khăn phủ bàn

- Sản phẩm dự kiến: Phiếu học tập số 2</td></tr>
<tr><td>CHUẨN BỊ BÀI NÓI

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV đưa ra yêu cầu:

Nhiệm vụ 1: VÒNG NỘI BỘ (35’)
- Lớp chia thành 4 – 6 nhóm (hoặc số lượng nhóm tùy thuộc vào số lượng HS trong lớp, khoảng 6 HS/ nhóm là phù hợp)</td><td>Nội dung 2. THỰC HÀNH NGHE NÓI

1.Người nói: được người nghe đánh giá kĩ năng nói

2. Người nghe: thực hiện Phiếu ghi chép và tóm tắt bài nói của người nói.</td></tr>
</table>

- Tham gia thảo luận về chủ đề: Nghe và tóm tắt nội dung giới thiệu nhân vật Trần Bình Trọng với câu nói: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc" theo quy trình: + Chuẩn bị trước khi thảo luận: 10 phút ● Với vai trò người nói trong cuộc thảo luận: tìm hiểu kĩ về đề tài thảo luận; chuẩn bị nội dung trình bày trong cuộc thảo luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng) **(PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2.1)** ● Với vai trò người nghe trong cuộc thảo luận (tìm hiểu kĩ về đề tài thảo luận; những gì em đã biết, những gì em muốn biết thêm về nhân vật này; chuẩn bị bút, giấy để ghi chép) **(PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2.2)** + Thực hành thảo luận: 15 phút ● Với vai trò người nói: trình bày ý kiến cá nhân về chủ đề thảo luận; trình bày những nội dung chính đã trao đổi thảo luận và thống nhất, những vấn đề chưa thống nhất cần tìm hiểu thêm ● Với vai trò người nghe: Nghe, nắm bắt nội dung chính Ghi chép ngắn gọn nội dung thảo luận, những ý kiến cá nhân, những vấn đề cần trao đổi thêm + Trình bày lại nội dung đã trao đổi, thảo luận: 10 phút ● 2 thành viên bốc thăm ngẫu nhiên trong nhóm sẽ trình bày lại nội dung đã trao đổi, thảo luận trong nhóm ● Các thành viên khác nhận xét, góp ý về nội dung trình bày của bạn **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm **Bước 3: Báo cáo kết quả** - Đại diện 2 nhóm HS báo cáo kết quả **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**	

- Nhóm HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, góp ý dựa trên kết quả thảo luận của HS và giải đáp thắc mắc của HS nếu có	

TRÌNH BÀY BÀI NÓI & ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM

- Thời gian: 55 phút

- Mục tiêu:

+ Năng lực đặc thù: 50% HS trình bày được bài nói trên lớp đạt yêu cầu
+ Năng lực chung:

● 100% HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.

● 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

+ Phẩm chất: 100% HS biết sống nhân ái, trách nhiệm thông qua các cuốn sách lựa chọn giới thiệu.

- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: dạy học theo nhóm, đàm thoại – phát vấn

- Sản phẩm dự kiến: bài nói của HS các nhóm và phần nhận xét, đánh giá dựa trên bảng kiểm của các nhóm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa ra yêu cầu: **Nhiệm vụ 2: VÒNG CÔNG BỐ (30')** ● Thành viên đại diện của mỗi nhóm sẽ lên trình bày lại những nội dung chính đã trao đổi, thảo luận trong nhóm của mình ● Ưu tiên thành viên chưa trình bày lại nội dung chính ở vòng nội bộ, để HS khác có cơ hội rèn luyện kĩ năng trình bày ● Các thành viên khác lắng nghe sau đó nhận xét kĩ năng nghe và trình bày lại nội dung thảo luận của bạn dựa trên bảng kiểm ● Thời gian trình bày: tối đa 4 phút / lượt trình bày **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm **Bước 3: Báo cáo kết quả** - HS trình bày bài nói theo nhóm **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - HS khác nhận xét, bổ sung phần trình bày bài nói của các nhóm dựa trên bảng kiểm	**III. TRÌNH BÀY BÀI NÓI** **IV. ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM** - Đánh giá dựa trên bảng kiểm - Rút kinh nghiệm

- GV nhận xét, bổ sung, kết luận những ưu điểm và những tồn tại cần điều chỉnh trong kĩ năng nói nghe của HS; nhắc lại cách thức thực hiện và đánh giá kĩ năng ngeh và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học.	
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG - Thời gian: 5 phút - Mục tiêu: + Năng lực đặc thù + Năng lực chung + Phẩm chất - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Phát vấn – đàm thoại - Sản phẩm dự kiến: bài nói của HS luyện ở nhà	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giao bài luyện tập ở nhà: - Mỗi HS thực hiện nhiệm vụ nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học – quay video gửi lại cho GV - Yêu cầu: + HS vận dụng kĩ năng nói và nghe để trình bày bài và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học, không đọc, khuyến khích sử dụng đạo cụ, hình ảnh minh họa, trang phục… + Video quay rõ tối thiểu là chân dung học sinh, quay ngang điện thoại + Âm thanh rõ, không lẫn tạp âm + Độ dài video không quá 10 phút + Hạn nộp: 1 tuần **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân **Bước 3: Báo cáo kết quả** - HS nộp video cho GV đúng hạn	**V. VẬN DỤNG** HS thực hành ở nhà: Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học

Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận - GV tổ chức chia sẻ trực tuyến cho HS trong lớp về sản phẩm của các nhóm, bình chọn online những bài nói ấn tượng; chia sẻ trên lớp trong giờ chuyên đề / tăng cường - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận về kĩ năng nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học	

E. RÚT KINH NGHIỆM

1. Tự đánh giá, rút kinh nghiệm

2. Hình thức thu thập đánh giá của HS về bài dạy

F. PHỤ LỤC

- Tư liệu sử dụng

- Mẫu phiếu học tập

TRÒ CHƠI PHẦN KHỞI ĐỘNG

HỒ SƠ NHÂN VẬT BÍ ẨN

STT	Tranh	Dữ kiện 1	Dữ kiện 2	Đáp án
1	Kim Đồng	Là người đội trưởng đầu tiên của tổ chức Đội Nhi đồng cứu quốc.	Cảm hứng Tố Hữu sáng tác bài thơ *Lượm*	Kim Đồng
2	Võ Thị Sáu	Hình ảnh cây Lê-ki-ma	Côn Đảo	Võ Thị Sáu
3	Nguyễn Viết Xuân	Ngũ Kiên – Vĩnh Tường – Vĩnh Phúc	Khẩu lệnh: "Nhằm thẳng quân thù, bắn!"	Nguyễn Viết Xuân
4	Trần Quốc Toản	Họ Trần – chống Nguyên - Mông	Bóp nát quả cam	Trần Quốc Toản

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:

TÌM HIỂU CÁCH THỨC THỰC HIỆN KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE

NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ HOẶC TÁC

PHẨM VĂN HỌC Yêu cầu: Xem video và trả lời các câu hỏi để nhận ra cách thức thực hiện kiểu bài nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học.	
Xác định không gian, thời gian và đối tượng nghe được người nói thực hiện trong video.	
Dự đoán mục đích của người nói khi giới nhân vật là gì?	
Nhận xét về giọng giới thiệu trong video.	
Theo em, để giới thiệu về nhân vật Đinh Bộ Lĩnh, người kể trong video đã phải làm những công việc nào?	
Em có thể nêu thêm một câu hỏi khác (nếu có)	

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG:

NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ HOẶC TÁC PHẨM VĂN HỌC

Tiêu chí		**Tốt**	**Đạt**	**KĐ**
Chuẩn bị trước khi nghe	Liệt kê những gì đã biết và muốn tìm hiểu thêm về đề tài của bài thuyết trình.			
	Xác định mục đích nghe.			
	Xác định đề tài của bài thuyết trình.			
Nghe ý chính và ghi tóm tắt	Xác định được đầy đủ các ý chính của bài thuyết trình.			
	Trình bày tóm tắt các ý chính dưới dạng từ khóa, sơ đồ, kí hiệu.			
	Trình bày các ý chính một cách rõ ràng, mạch lạc.			
	Hỏi lại những thông tin chưa hiểu rõ trong khi nghe.			

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG NÓI			
Mức độ Tiêu chí	**Chưa đạt**	**Đạt**	**Tốt**
1. Nội dung tóm tắt căn cứ vào ý kiến người phát biểu.	Nội dung rời rạc, không đúng với ý kiến người nói.	Nội dung tương đối phù hợp với ý kiến người nói.	Nội dung phù hợp với ý kiến người nói, bám sát sự trình bình của người nói.
2. Tóm lược được các ý chính.	Không tóm lược được ý chính	Có vài ý chính, không lan man.	Đầy đủ ý chính.
3. Phong thái trình bày tự tin	TRình bày ấp úng, rụt rè, thiếu tự tin	Trình bày trôi chảy.	Phong thái tự tin, trình bày trôi chảy, to, dõng dạc..
4. Có sự quan sát người trình bày.	Không chú ý.	Về cơ bản có sự quan sát.	Quan sát tốt người trình bày.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: CHUẨN BỊ NÓI Yêu cầu: Thảo luận nhóm trong vòng 10 phút để hoàn thành phần trống trong bảng.			
Các bước		**Yêu cầu**	**Lưu ý**
Chuẩn bị trước khi nói	Xác định đề tài	- Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học. - Nhóm em chọn nhân vật lịch sử / tác phẩm văn học nào? ……..	Trả lời những câu hỏi gợi ý để định hướng được nội dung bài nói, tăng hiệu quả giao tiếp
	Xác định không gian, thời gian	Giới thiệu ở đâu? …… Thời gian giới thiệu bao lâu?	

		……	
	Xác định người nghe	Giới thiệu cho ai nghe? ……	
	Xác định mục đích nói	Giới thiệu để làm gì? ……	
	Tìm ý, lập dàn ý	*Ý tưởng:* …… …… …… …… …… …… …… *Lập dàn ý:* Mở đầu: …… …… …… …… Nội dung: …… …… …… …… …… …… …… ……	Ý tưởng sử dụng thêm hình ảnh minh họa / trang phục… phối hợp để lời giới thiệu hấp dẫn, sinh động hơn: …… …… …… …… ……..... ..... …… …… …… …… ……..... ..... …… …… …… …… ……..... ..... …… …… …… …… ……..... ..... ……

		…… …… …… …… …… …… Kết thúc: …… …… …… ……	…… …… …… ….....
Luyện tập và trình bày bài nói	Có thể đứng trước gương trình bày hoặc giới thiệu cho bạn nghe		Chú ý cách kết hợp giọng điệu, cử chỉ, nét mặt,… khi trình bày
Trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi nói	Sử dụng bảng kiểm để tự nhận xét và nhận xét cho bạn		Chú ý tính khách quan, khoa học, tránh chủ quan, cực đoan khi nhận xét

PHIẾU NHẬT KÝ GHI CHÉP

PHIẾU NHẬT KÝ GHI CHÉP **NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ HOẶC TÁC PHẨM VĂN HỌC**	
Chuẩn bị trước khi nghe:	
Thông tin của bài sẽ	**- Đề tài, chủ đề**

nghe:	**- Thời lượng** **- Yêu cầu đối với người nghe**
Thông tin tìm hiểu trước khi nghe (thông tin chính về vấn đề, dự kiến câu hỏi hoặc thông tin còn băn khoăn cần trao đổi)	
Ghi chép trong quá trình nghe	
● **Nội dung chính của bài nói:** ● **Cách thức thể hiện**	
Phản hồi bài nghe	
Câu hỏi, ý kiến muốn trao đổi	**Nội dung** **Quan điểm của người nói** **Cách thức thực hiện**

PHIẾU GỢI Ý BÀI NÓI SAU KHI

NGHE NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH CỦA NGƯỜI KHÁC VỀ MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ HOẶC TÁC PHẨM VĂN HỌC

PHIẾU GỢI Ý BÀI NÓI SAU KHI **NGHE NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH CỦA NGƯỜI KHÁC VỀ MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ HOẶC TÁC PHẨM VĂN HỌC**		
Chuẩn bị trước khi tóm tắt bài nói (Bước *Tìm ý và Lập dàn ý*)		
Các phần	**Gợi ý**	Thực hiện

		yêu cầu
Mở đầu: Chào hỏi	- Giới thiệu bản thân và nội dung sẽ trình bày	
Nội dung chính	- Tìm 1 câu thể hiện khái quát những suy nghĩ của mình về nội dung bài nói	
	- Nêu nội dung chính đã tóm tắt được sau khi nghe bài trình bày	
	- Đặt ra vấn đề còn băn khoăn / chưa hiểu rõ cần trao đổi với người nói hoặc đặt câu hỏi cho người nói khi có quan điểm khác	
Kết thúc: Lời chào kết thúc	- Cảm ơn, hẹn gặp lại	